

SA DI LUẬT GIẢI

QUYỂN II

(THIÊN OAI NGHI TĂNG CHÚ)

SA DI LUẬT NGHI

YẾU LƯỢC, TẶNG CHÚ

QUYỂN HẠ

Bồ Tát Giới, đệ tử, Vân Thê tự. Sa môn : Châu Hoàng tập, Bồ đề tâm, Tỷ kheo Đánh Hồ sơn, Sa môn : Hoàng Tấn Chú.

Hạ Thiên Oai Nghi môn

Oai nghi giả, vị hữu oai khả úy, hữu nghi khả kính :

Do trì tịnh giới nhi phạm hạnh Cụ túc, đường đường tăng tướng, chúng đức oai nghiêm, cố linh nhưn khả úy.

Động tịnh hiệp tác, ngưng ngưng khả quan, nghi đoan biểu chánh, cố linh nhưn khả kính, tư thành xuất gia chi đạo phẩm, nhưn thiên chi sự phạm.

Sở vị :

Tịnh hạnh thành ư đạo nghi.

Thanh bạch viên ư giới phẩm.

Khí cao Tinh Hốn, oai túc phong vân, nội hoài sư tử chi đức, ngoại hiện tượng vương chi oai. Nhưn thiên tán thừa, Long thần khâm phục.

Cố HOA NGHIÊM kinh vân : "Cụ túc thọ trì, oai nghi giáo pháp, năng linh Tam bửu bất đoạn thị dã".

BỘ SA DI LUẬT NGHI

YẾU LƯỢC, TẶNG CHÚ

QUYỂN HẠ

*Đệ tử Thọ giới Bồ Tát, chùa Vân Thế
bực Sa Môn tên Châu Hoàng biên
chánh văn. Tỷ kheo phát tâm Bồ đề,
non Đánh Hồ, bực Sa Môn tên Hoàng
Tán chú giải*

Thiên sau nói về cửa Oai nghi.

Oai nghi là gì ? - Có oai khá sợ, có nghi khá kính.
Thế nào có oai khá sợ ?

- Bởi giữ tịnh giới, hạnh tốt đầy đủ, rõ rõ tăng tướng
các đức oai nghiêm, nên khiến người khá sợ. Thế nào có
nghi khá kính ?

- Đi đứng nhằm phép, vọi vọi dễ xem, hình ngay bóng
thẳng, nên khiến người khá kính, như thế mới thật là
đạo phẩm kẻ xuất gia, vị sư phạm cõi trời, cõi người vậy.

Nên có câu :

"Tịnh hạnh thành, nhờ đạo nghi.

Trong sạch tròn, nhờ giới phẩm".

Khí thanh cao như sao sáng trời, oai nghiêm tịnh
dương gió tan mây, trong tâm chứa đức sư tử, ngoài thân
hiện oai tượng vương. Vị như thiên khen ngợi, chúng
Quý Thần kính vâng.

Cho nên trong Kinh HOA NGHIÊM nói : "Giữ gìn
trọn đủ, phép dạy oai nghi, hay khiến ngôi Tam Bảo
chẳng đoạn, phải vậy".

Kim thử hạ thiên, cộng hữu nhị thập tứ chương đồng xuất oai nghi nhất môn, thị Sa di chi xa triệt, xuất thế chi do hộ dã.

Phật chế Sa di, niên mãn nhị thập, dục thọ Cụ túc giới thời, nhược vấn bất năng cụ đối Sa di, sự giả, bất ưng dĩ "Cụ túc" giới. Đương vân : "Khanh tác Sa di, nãi bất tri Sa di sở thi hành, Sa môn sự đại nan tác, khanh thã khứ thực học, đương tất văn tri, nãi ưng thọ cụ túc giới". Kim thọ khanh Cụ túc giới, nhưn vị Phật pháp dị hành Sa môn dị tác, cố đương tiên vấn.

Sa di dục thọ cụ giới, sự vấn thập giới, chư oai nghi sự, bất năng cụ đối đáp giả, bất ưng dĩ thọ cụ giới dã. "Khanh" thị quới xưng, du quân hô thần dã.

Bất tri Sa di sở thi hành giả ? Vị bất am Sa di luật nghi, sở ưng thi vi hành sự dã.

Sa môn sự đại nan tác giả ? Vị Tỳ kheo nhị bá ngũ thập giới, thậm nan hành trì dã. Thực học giả, vị đương tinh tập thập giới, tinh chư oai nghi dã.

"Đương tất văn tri" giả. Văn vị bác vấn tiên tri ; Tri, vị tự gia liễu đạt.

Nhưn vị Phật Pháp dị hành, Sa môn dị tác giả, do bất tri Phật đạo chí diệu, cố ngôn dị hành, bất thức tội phước vận hành, pháp luật giao hồ, cố ngôn dị tác ; phạm vị sự giả, cố đương dĩ thử tiên vấn.

Dĩ hạ điều tắc, ư Sa di oai nghi, chư kinh, cập Cổ THANH QUI, kim Sa di thành, phạm trung, tiết xuất. Hựu "Tuyên Luật sư". "Hành Hộ

Nay Thiên sau, cộng có 24 bài, đồng ra một cửa oai nghi. Đây là dấu xe của Thầy Sa di, ngõ noi trang xuất thế vậy.

Phật dạy thầy Sa di, tuổi đủ 20, khi muốn thọ giới Cụ túc, nếu ba Thầy. 1.- Hòa Thượng. 2.- Yết Ma. 3.- Giáo Thọ hỏi phạm sự Sa di, không thể trả lời cho đủ thời không cho thọ giới "Cụ túc". Phải dạy rằng : Người làm Sa di, song những việc ra làm của Sa di, chính người không biết, huống bậc Sa môn, là việc lớn khó làm. Người phải trở về học cho thuộc, thầy đều nghe biết mới được thọ giới "Cụ túc" (của Tỳ kheo). Bấy nay ba Thầy trao cho người giới Cụ túc ; té ra người nói Phật Pháp dễ làm, bậc Sa môn chẳng khó, vì thế nên ta phải hỏi người trước.

Sa di khi muốn thọ giới Cụ túc, ba Thầy hỏi 10 giới luật, và 24 oai nghi, đối đáp không thể đủ, thời không truyền cho giới Cụ túc. Thật vậy : "Khanh nên trở về, học cho thuộc". Tiếng kêu "Khanh" là tiếng kêu quý trọng như nhà vua kêu các bậc trung thần là "khanh" vậy.

- Vì sao Sa di không biết chỗ ra làm ? - Làm Sa di mà không thuộc Luật nghi của Sa di, chỗ ra làm các việc bốn phận vậy.

- Vì sao Sa môn là việc lớn khó làm ? - 250 Đại giới của Tỳ kheo thật là khó giữ và khó làm. Phải trở về học cho thuộc, là học những gì ? - Phải ròng chuyên học tập 10 giới luật và 24 oai nghi vậy.

Câu nói : Thầy đều nghe biết, thế nào là nghe biết ? - Nghe : mình rộng hỏi bậc Tiên tri. Biết : Tâm mình tỏ biết.

Thế nào người nói Phật pháp dễ làm, Sa môn chẳng khó ? Bởi không biết cái chỗ nhiệm mầu của đạo Phật, cho nên nói dễ làm. Không biết tội phước xoay vần, Pháp luật đối đời, cho nên nói chẳng khó.

Ai là kẻ làm Thầy, nên phải do đây mà hỏi trước.

Những phép tắc sau đây, đều ở trong bộ Sa di Oai Nghi, cùng các kinh và bộ CỔ THANH QUI. Nay

Luật Nghi" tuy giới tân học Tỳ kheo hữu khả thông dụng giả, diệc tiết xuất Lương dĩ mật pháp nhưn tình, đa chư giải đãi, văn phiên tắc yểm do thị san phiên thủ yếu, nhưng phân loại, dĩ tiện độc, học, gian hữu vị bị, tòng nghĩa bổ nhập nhưt nhị.

Dĩ hạ điều tắc giả vi hạ, nhị thập tứ oai nghi pháp tắc dã. Sa di oai nghi chư kinh giả, thị Sa di oai nghi, tinh "thập giới pháp", "sự sư pháp". "Nghi Tắc kinh" đẳng."Cổ Thanh Qui" giả, vị "Bá Trượng Thanh Qui", cập "Cổ đức" sở soạn "Châm Qui" đẳng.

Sa di thành phạm, thị "Tiểu Nham Nguyệt Tâm" thiên sư, ư Thập giới pháp đẳng, soạn xuất.

"Hành Hộ Luật Nghi", vị Đường Đạo Tuyên Luật sư sở soạn. Nhiên diệc vị tương kỳ đích hà dã ? Kỳ trung hữu nhất nhị, bất hiệp luật văn, cố dã.

Tiết xuất giả, vị ư thượng "Kinh Luật", "Thanh Qui" trung, tiết lược xuất kỳ yếu nghĩa, cố thử tiết chi nhất tự, chánh yếu lược chi tông trí dã.

San phiên thủ yếu giả ; phiên, đa dã, vị do thời đương mật pháp, cố tình đa giải đãi, nhưn tình giải đãi cố văn phiên tắc yểm tâm sanh, do thị, san khứ phiên văn, nhi thủ yếu cú, phục phân vi nhị thập tứ loại nghi pháp, dĩ tiện sơ tấn tập học.

"Bổ nhập" giả, xuất Đại sư thủ bút, vị ư oai nghi hành sự trung, hữu vị bị giả, tức tùy kỳ nghĩa loại, nhi bổ túc chi.

bộ Sa di yếu lược đây rút trong Bộ "Sa di Thành phạm" lại bộ "Hành hộ Luật Nghi" của Ngài Tuyên Luật sư soạn. Tuy để dạy các hàng Tỳ kheo mới học song có chỗ nào thông dùng thì Ngài Vân Thê cũng dón rút ra đây, để cho các ông Sa di học. Bởi vì Ngài thương đời mặt pháp tình người hay sanh tâm biếng nhác, nghe nhiều thì chán, nên Ngài bớt chỗ nhiều dùng gọn ít, và phân ra từng bài, cho dễ người học và đọc. Trong đây có chỗ nào chưa đủ, theo nghĩa bổ thêm một đôi câu.

Những phép tắc sau đây là gì ? - 24 oai nghi phép tắc kể sau đây. Thế nào gọi là luật Sa di, Oai nghi và các Kinh ? - Tức là bộ Sa di, Oai nghi với bộ "Thập Giới Pháp" bộ "Sự Sư Pháp" và bộ "Nghi Tắc Kinh", v.v... Bộ "Cổ Thanh Qui" là gì ? Tức là bộ "Bá Trượng Thanh Qui" và bài "Châm Qui" của bực "Cổ Đức" soạn.

Ai soạn bộ "Sa di Thành Phạm" ? Ngài "Tiểu Nham Nguyệt Tâm" Thiên sư, theo trong bộ "Thập Giới Pháp" và các bộ soạn ra. Ai soạn bộ "Hành Hộ Luật Nghi" ? Đời Đường Ngài Tuyên Luật Sư soạn, song cũng chưa rõ chỗ chắc chắn. Vì sao ?

- Bởi trong đó có một hai chỗ không hợp với văn luật cổ vậy. Hai chữ "tiết xuất" (*rút ra*) ? Thế nào là tiết xuất ?

Ở trong các Kinh, các Luật và bộ "Thanh Qui" rút ra những nghĩa cần yếu cho nên gọi là "Tiết xuất". Vì chữ "Tiết" chính nghĩa là rút gọn cũng là tôn chỉ của bộ yếu lược này.

Vì sao bớt chỗ nhiều dùng chỗ rút gọn ? Bởi đời bây giờ nhằm đời mặt pháp, phần nhiều người tâm giải đái lười biếng. Bởi tâm giải đái biếng lười, cho nên nghe nhiều, thời hay sanh tâm chán nản, vì thế nên bớt bỏ văn nhiều mà dùng câu tóm gọn. Và phân làm 24 bài Oai nghi phép tắc, cho dễ kẻ mới tu học tập.

Hai chữ "Bổ nhập" (*thêm vào*) chính Ngài Vân Thê tự viết ra. Vậy trong 24 bài oai nghi, hành sự đây có bài nào còn thiếu, tùy nghĩa của bài đó mà thêm vô cho đủ vậy.

KỶ hữu nhạo quảng lãm giả, tự đương kiểm duyệt toàn thơ.

"Sa di thập giới pháp" trung, oai nghi hữu thất thập nhị chưởng, dục nhạo quảng tri sự nghĩa, tự đương kiểm duyệt bỉ văn, tinh Sa di chư luật nghi đặng.

"KÍNH ĐẠI SA MÔN", ĐỀ NHẤT.

Bất đắc hoán đại Sa môn tự.

Phạm ngữ, "Sa môn", thử vân : "Cân lao" vị kỳ tu đạo, hữu da công lao cố. Đại Sa môn, tức thọ cụ giới nhơn. Tự, thị danh tự. Hoán, thị hô hoán, vị bất đắc khinh xưng, bỉ nhị tự danh ; đương vân : mỗ giáp Đại Đức, hoặc vân mỗ giáp Trưởng Lão.

Bất đắc đạo thính. "Đại Sa môn" thuyết giới.

Vị "Tỳ kheo" Bồ tát tụng giới thời, cập giảng thuyết "Tỳ ni" thời, bất đắc tư vãng thiết thính, tự hoạch trọng tội, hậu vĩnh bất đắc thọ "đại giới", thâm nghi thận chi ! Hoặc kiến đại Sa môn nhị tam nhơn, đồng thất tế ngữ, bất đắc triếp nhập. Nhược hữu cấp vụ, đương đờn chỉ tác thính, nhiên hậu nhập ; trừ "Tỳ kheo", dư nhơn tế ngữ, diệc như thị, dĩ tiết tha thị phi, tự chiêu họa cứu, cập loạn chánh niệm, cố dã.

Bất đắc chuyển hành, thuyết "Đại Sa môn" quá.

Hoặc "Tỳ kheo", hữu sở ngộ thất, bất đắc bối hậu, thuyết kỳ trường đoản, diệc bất đắc bình xứ mạ đại Sa môn, cập tại tiền hí tiểu, hiệu kỳ ngôn ngữ hình tướng hành bộ đặng.

Ngoài ra những Vị nào muốn xem rộng thì gắng xem trọn bộ mới đủ.

Trong bộ "Sa di Thập Giới Pháp" có 72 bài oai nghi, những vị nào muốn xem rộng biết sự nghĩa thì tự gắng xem xét văn kia cùng các luật nghi của Sa di v.v...

BÀI THỨ NHẤT "KÍNH BỰC ĐẠI SA MÔN"

Không dặng kêu tên và Pháp danh bực Đại Sa Môn.

Tiếng Phạn gọi "Sa Môn" - Tiếng Hán gọi "Cần lao". Nghĩa là Ông tu hành có công lao nhiều lắm.

Bực "Đại Sa Môn" là gì ? - Tức người thọ giới "Cụ túc". Hai chữ "pháp danh" không nên kêu một cách khinh để và đột ngột. Phải có như thế này : "Vị Đại Đức... hoặc nói bực trưởng lão...".

Chẳng dặng lên nghe bực "Đại Sa Môn" nói Đại giới.

Thầy "Tỳ kheo" khi bố tát, tụng giới và lúc giảng nói luật "Tỳ Ni", ông Sa di không phép đến rình nghe thời mắc tội nặng ; sau quyết không dặng thọ "Đại giới", rất phải cẩn thận. Hoặc thấy bực Đại Sa Môn hai, ba Ngài, đồng ở trong nhà nói nhỏ chẳng dặng lướt vào. Bằng mình có việc gấp, phải dàn chỉ có tiếng, vậy sau mới vào. Trừ bực "Tỳ kheo", các người nói nhỏ cũng phải như vậy. Vì sao ? - Bởi sợ tiết lậu việc thị phi của người, mà chuốc lấy sự tội lỗi và tán loạn chánh niệm của mình nữa.

Chẳng dặng đi chuyên nói lỗi bực "Đại Sa Môn".

Hoặc thầy "Tỳ kheo" có chỗ làm lỗi, chẳng dặng sau lưng nói kia tốt xấu. Cũng chẳng dặng đến chỗ khuất, mắng lên bực Đại Sa Môn, hay là cười giỡn trước mặt, nhái tiếng nói, bắt chước hình tướng và bộ đi.

ĐẠI LUẬT vân : "Xuất gia chi nhơn, sở hữu ngôn thuyết, giai vi lợi ích, bất ưng tư phần, đạo thuyết ư tha".

Luận vân : "Nhược hưởng bạch y, thuyết Tỳ kheo tội ác, tắc tiền nhơn, ư Phật Pháp trung, vô tín kính tâm, ninh phá tháp hoại tượng, bất hướng nhơn, thuyết Tỳ kheo quá ác, nhược thuyết quá tội, tắc hoại pháp thân.

Bất đắc tọa kiến Đại Sa môn quá bất khởi, trừ đọa kinh thời, bệnh thời, thế phát thời, phạn thời, tác chúng sự thời.

Nhược kiến Tỳ kheo hành quá, tức đương khởi lập, duy trừ thượng ngũ sự, bất khởi vô phạm. Nhược lộ tương phùng, tức đương hạ đạo chánh lập, đái khứ phương hành ; phạm hữu giáo ích, đương xoa thủ lập, thỉnh tất tác lễ tạ chi. Nhược bị sát trách, bất đắc trưng mục thị ; đương nhuyển ngữ hối tội, dẫn đoản hướng kỳ.

TRANG NGHIÊM BỬU VƯƠNG kinh vân : "Nhược khinh mạn chúng tăng giả, thị nhơn, đương đọa bần tiện gia sanh, tùy sở sanh xứ, căn tướng bất cụ, bối ủ tóa lậu, xả thị thân dĩ, nhi phục sanh xứ đa bệnh tiêu sấu, thủ túc loan tịch, nhi hữu nung huyết, dinh lưu kỳ thân, linh lạc thân nhục, kinh bá thiên vạn tuế, thọ tư khổ báo".

HÀNH HỘ vân : "Ngũ hạ dĩ thượng, tức Xà Lê vị, thập hạ dĩ thượng, tức Hòa Thượng vị, tuy Tỳ kheo sự, Sa di đương dự tri chi".

Hạ, tức "Hạ lạc", vị thọ cụ giới, tăng kinh nhĩ sở "hạ lạc" giả. "Hòa Thượng" giả, Hồ ngôn giả.

Thử vân "Lực sanh", vị do sư chi lực, sanh ngã giới thân giả. Nhược cứ phạm ngữ, tắc vân : "Ô Ba

Trong ĐẠI LUẬT dạy : "Phàm người xuất gia, chỗ có nói năng đều phải nói lời có lợi ích, chẳng nên riêng giận, và bàn luận việc người".

Trong Luận nói : "Bằng đến nhà thế gian, nói tội lỗi của Tỳ kheo thời người thế gian kia, đối trong Phật pháp, đã không tâm kính lại còn gây tội úy báng thêm gốc khổ cho họ. Thà phá tháp, đốt tượng, chớ không nên đến người thế gian nói tội lỗi của Thầy Tỳ kheo. Nếu ta nói tội lỗi té ra ta làm hư mất pháp thân của ta vậy.

Chẳng dặng ngời thấy bực Đại Sa Môn đi qua chẳng đứng dậy. Trừ có năm điều không đứng dậy không lỗi như là : 1.- Khi đọc kinh. 2.- Khi bệnh. 3.- Khi cạo tóc. 4.- Khi ăn cơm. 5.- Khi làm việc chúng.

Thấy thầy Tỳ kheo đi qua, mau phải đứng dậy, duy trừ năm việc nói trên không đứng dậy không phạm luật. Lúc đi đường tình cờ gặp thì phải đứng vững bên đường, đợi Ngài đi qua, mình mới đi. Ngài có dạy những điều lợi ích, phải vòng tay đứng nghe rồi lễ tạ ơn. Nếu mình có lỗi, bị quở trách, không nên trợn mắt mà ngó. Phải dụi lời xin tội, đem lỗi về mình.

Kinh TRANG NGHIÊM BẢO VƯƠNG nói : "Nếu khinh dễ chúng tăng, người ấy sẽ đọa sanh trong nhà bần tiện. Tùy chỗ đâu thai, hình tướng sút mẻ, lưng còm, lùn thấp. Khi bỏ thân này rồi, sanh về chỗ nào, nhiều bệnh ốm gầy, tay chân co rút mủ máu chảy đầy cùng thân, thân thịt rời rã, tới trăm nghìn muôn năm chịu cái khổ báo ấy".

Bộ HÀNH HỘ nói : "Năm Hạ sắp lên, tức vị Xà Lê, mười Hạ sắp lên tức vị Hòa thượng. Tuy việc của Tỳ kheo nhưng Sa di cũng dự biết đó".

Hạ là gì ? Tức là "Hạ Lạp", bắt đầu thọ giới Cụ Túc, từng trải qua mấy "Hạ Lạp" vậy.

Hòa thượng là gì ? Tiếng nước Hồ gọi là "Hòa thượng" cũng như nước Trung Hoa gọi là "Lục Sanh".

Đà Da", thử ngôn "Thân giáo sư", vị đệ tử thân tòng thọ giáo giả. Kim thử, tuy phi thân tòng thọ giới, cập dĩ thọ giáo. Dĩ kỳ "lạp cao" đức trọng, cố đồng sư vị giả. "A Xà Lê", hoặc vân : "A Già Lợi Da", thử vân : "Quý Phạm Sư", vị kỳ năng giáo đệ tử pháp thức giả thử hữu ngũ chủng, nhất dĩ thọ thập giới, nhị dĩ thọ đại giới, tam dĩ giáo thọ, tứ dĩ y chỉ, ngũ dĩ thọ kinh.

"SỰ SƯ" ĐỀ NHỊ

Đương tảo khởi.

Phật Pháp trung, nhất dạ phân tam thời, vị sơ trung, hậu ; sơ, hậu nhị thời sự sư, hoặc lễ tụng tọa thiên, trung dạ phương ngoạ tức ; nhược quá trung dạ, tức đương tiên khởi, tự quán thấu dĩ, nhiên hậu, cụ đương chi tháo thủy đẳng, hầu sư sở tu.

Dục nhập hộ đương tiên tam đờn chỉ.

Nhược nhập sư phòng, tu tại môn ngoại, tiên đờn chỉ tam thỉnh, linh sư giác dĩ, phương nhập.

Nhược hữu quá, "Hòa thượng", "A Xà Lê", Giáo giới chi, bất đắc hườn nghịch ngữ.

Nhược tự hữu quá thất thời, nhị sư giáo giới ha trách, đương đề đầu thọ giáo, bất đắc nghịch sư ngôn ngữ, khứ hậu vưu đương tư niệm, y giác hành chi.

Thế nào là Lực Sanh ? Nhờ sức Thầy dạy dỗ, sanh giới thân huệ mạng cho ta. Bằng nói cho đủ theo tiếng Phạm ngữ thì gọi rằng : "Ô Ba Đà Da" tức như tiếng Tàu nói "Thân Giáo Sư".

Sao gọi là Thân Giáo Sư ? Đệ tử gần gũi bên Thầy lãnh lời giáo huấn. Nay đây tuy không phải gần thọ giới và lãnh lời giáo huấn nhưng mà do Ngài lập cao đức trọng cho nên đồng bực Thầy mình vậy. *(Mà đã đồng bực Thầy mình thì mình đủ phép cung kính chớ không nên khinh lờn).*

A Xà Lê là gì ? A Xà Lê hoặc tiếng phạn nói "A Già Li Da" tiếng Hán kêu là "Quý Phạn Sư".

Quý Phạn Sư là gì ? Ông Thầy dạy phép tắc cho các hàng đệ tử vậy. "A Xà lê" đây có 5 nghĩa : 1.- Truyền cho mình 10 giới. 2.- Truyền Đại giới cho mình. 3.- Dạy bảo cho mình. 4.- Cho mình y chỉ. 5.- Dạy kinh cho mình.

BÀI THỨ HAI : "PHÉP THỜ THẦY"

Phải dậy sớm.

Trong Phật pháp một đêm phân làm ba thời : 1.- Thời đầu. 2.- Thời giữa. 3.- Thời sau. Thời đầu và thời sau, hai thời đó hầu Thầy hoặc lễ Phật, tụng kinh ngồi thiền. Thời giữa đêm ta mới nằm nghỉ. Nếu qua khỏi thời giữa thì phải dậy trước, rửa tay, súc miệng xong, vậy sau trao đủ hành dương nước rửa, v.v... hầu Thầy cần dùng.

Muốn vào cửa, trước phải khảy móng tay ba lần.

Bằng muốn vào liêu Thầy, phải ở ngoài cửa trước khảy móng tay ba tiếng, cho Thầy hay rồi mới vào.

Bằng có lỗi, Thầy "Hòa Thượng", Thầy "A Xà Lê", dạy răn đó, chẳng dặng nói trả lại.

Bằng khi mình lỡ có lỗi, hai Thầy răn dạy quả trách, phải cúi đầu vâng dạy. Chẳng dặng trái lời Thầy. Lui rồi, cần nên nhớ nghĩ, y lời Thầy dạy làm theo.

THÀNH PHẠM vân : "Sa Di ư sư, thường hoài kính úy, tùy thuận sư ý, thường hoài tầm quý, niệm báo tứ ân, bàng tư tam hữu".

Thị "Hòa Thượng", "A Xà Lê", đương như thị Phật.

"Thị", vị "chiêm thị", dĩ sư năng hoàng phạm tam giới, đại Phật tuyên dương, sanh ngã giới thân, dưỡng ngã huệ mạng, cố ứng kính trọng, thị chi như Phật.

THÀNH PHẠM vân : "Nhược đệ tử chúng đa đương các tận kỳ chức, chí ư phụng nhật trà, nhưt phát, nhất kỷ giả".

Nhược sử xuất bất tịnh khí, bất đắc thóa, bất đắc nộ nhưế.

"Nộ", tức "nhưế" giả, hựu hận, viết "nộ", phân, viết "nhưế". Bất tịnh khí giả ; vị đại tiêu tiện khí, thóa bình đẳng. Bất đắc thóa giả ; vị bất đắc khởi yểm ố tâm, nhi thóa đàm diên. Đương niệm thử : "Tứ đại khổ thân, thánh phạm tự tha, cu sở bất miễn giả".

Nhược lễ bái, sư tọa thiền, bất ứng tác lễ ; sư kinh hành, bất ứng tác lễ ; sư thực, sư thuyết kinh, sư sơ xỉ, sư tháo dục, sư mạnh tức, đẳng, cu bất ứng tác lễ ; sư bế hộ, bất ứng hộ ngoại tác lễ ; dục nhập hộ tác lễ, ứng đôn chỉ tam biến, sư bất ứng ứng khứ.

Sớ xỉ, tức dịch thích nha xỉ giả ; như thượng, giai nhi lễ bái thời, cố bất ứng tác lễ giả. "Đẳng" giả,

Thiên THÀNH PHẠM nói : "Sa di ở với Thầy thường có tâm kính sợ, thuận theo ý Thầy, thường biết xấu hổ lo đèn bốn ơn (1), khắp giúp ba cõi (2)".

Coi Thầy "Hòa Thượng" và Thầy "A Xà Lê" cũng như coi Phật vậy.

"Coi" nghĩa là "xem ngó". Bởi 2 Thầy nói trên, là người làm khuôn mẫu dạy chúng sanh trong 3 cõi, thế Phật điển nói Chánh Pháp, sanh giới thân cho ta, nuôi huệ mạng cho ta, nên ta phải kính trọng coi cũng như Phật.

Thiên THÀNH PHẠM nói : "Bằng đệ tử đông nhiều, mỗi người phải lãnh mỗi chức việc cho đến dựng một bình trà, chùi một bộ lư, hay lau một cái bàn v.v...".

Hoặc Thầy sai đồ đồ bất tịnh, chẳng đặng khạc nhổ, chẳng đặng giận hờn.

"Giận" tức là "Hờn". Hờn ngầm nói là chữ "Nộ". Giận lộ tướng thô kêu là chữ "Nhuế".

Thế nào là đồ bất tịnh ? - Đồ đại tiện, đồ tiểu tiện, ống nhổ v.v...

Thế nào không đặng khạc nhổ ? - Không nên sanh tâm nhờn gớm mà khạc đờm, nhổ nước miếng. Phải nghĩ rằng : "Thân tứ đại này là một kho chứa các đồ dơ bẩn, dù Thánh, phàm, ta và người khác không ai khỏi cả".

Hoặc lễ bái, Thầy ngồi thiền, chẳng nên làm lễ, Thầy đi kinh hành chẳng nên làm lễ. Thầy ăn cơm, Thầy nói kinh, Thầy xỉa răng, Thầy tắm rửa và Thầy ngủ, nghỉ v.v... đều không nên làm lễ. Thầy đóng cửa không nên làm lễ ngoài cửa. Muốn vào cửa làm lễ, phải khảy móng tay ba lần, Thầy chẳng đáp nên lui.

Xỉa răng là xoi xỉa răng nướu vậy. Các việc như trên, chẳng phải thời lễ bái cho nên không phép làm lễ vậy. Chữ

(1) Ôn nước nhà, ơn Thầy Tổ, ơn cha mẹ và ơn Thích Chủ.

(2) Cõi Dục giới, cõi Sắc giới và cõi Vô sắc giới.

hoặc sư thế phát, tẩy túc, tước dương chi ; hoặc địa hữu bất khiết, hoặc sư hữu sự bất hà, hoặc hữu tân khách đặng...

Tri sư ẩm thực, giai dương lương thủ bồng, thực tất liễm khí dương từ từ.

Lương thủ bồng, thị tôn kính chi mạo ; từ từ, thị cẩn thận chi nghi, liễm thị thâu liễm giả.

Luật vân : "Phàm tấn ẩm thực, dương thích hàn ôn".

THÀNH PHẠM vân : "Vị sư tác thực vô luận thô tế, cu yếu tinh khiết, tất dương thích sư tánh". Phàm phụng trà thang, bất đắc chỉ sáp nhập trần nội, dương lương thủ, huật tứ chỉ, dĩ lục chỉ trì trần phúc, bình cử thọ sư ; trà ngật, như tiên nhiếp trần". HÀNH HỘ vân : "Phàm tấn dược trà diêm, cập nhất thiết thực vật, lượng dương khiết tận, trực thời thọ chi, bất đắc đa thọ, linh hữu tàn túc, thâm tu thận chi !".

Thị sư, bất đắc đối diện lập, bất đắc cao xứ lập, bất đắc thái viễn lập, dương linh sư tiểu ngữ đắc văn, bất phí tôn lực.

Đối diện, cao xứ, giai thất kính nghi, thái viễn, tắc tiểu ngữ bất văn, trí sư trùng ngôn, cố phí tôn lực. Luật vân : "Bất đắc ly sư thất bộ". THÀNH PHẠM vân : "Bất đắc lập sư ảnh trung, bất đắc chuyển thân dê đầu tiểu ngữ khinh tiểu", dương thân tâm túc kính, nhất diện lập, bất đắc thù thủ lập. HÀNH HỘ vân : "Tại Sư tiền, bất đắc trao dưỡng, trao đầu, loát diện, bất đắc đối sư, trước miệt tẩy túc" đặng.

"Đẳng" còn các việc nữa như là : Thầy cạo tóc, rửa chân, nhả nhanh dương (*chà răng*) hoặc đất không sạch, hoặc Thầy có việc không rảnh, hoặc có khách, đều không nên lễ.

Dem đồ ăn uống cho Thầy đều phải bưng hai tay. Ăn xong, dọn đồ phải sẽ sẽ.

Bưng hai tay là dạng tôn kính. Sẽ sẽ là phép cẩn thận. Dọn đồ là dọn dẹp đồ Thầy ăn xong.

Trong Luật nói : "Phàmưng đồ ăn uống cho Thầy, phải vừa ý Thầy nguội hay nóng".

Bộ THÀNH PHẠM nói : "Nấu đồ ăn cho Thầy không luận ngon hay dở đều phải sạch sẽ và vừa ý Thầy". Phàmưng nước trà, chẳng đặng nhúng ngón tay vô trong chén, phải hai tay, co bốn ngón dùng sáu ngón, bợ hông chén, bằng thẳng dựng lên cho Thầy. Thầy dùng xong, như phép trước mà rước lấy cái chén".

Bộ HÀNH HỘ nói : "Phàmưng thuốc, hoặc nước trà, hoặc muối cùng các vật thực khác, liệu vừa ăn hết, sau cứ theo đó mà trao chớ nên trao nhiều, làm cho dư thừa, rất phải cẩn thận".

Hầu Thầy chẳng đặng đứng trước mặt, chẳng đặng đứng chỗ cao, chẳng đặng đứng xa lắm, để Thầy nói nhỏ nghe đặng khỏi hao sức Thầy.

Đứng trước mặt cùng chỗ cao, đều thất oai nghi cung kính. Xa lắm thì Thầy nói nhỏ không nghe ; làm cho Thầy phải nói lớn, mà đã nói lớn thì hao sức Thầy.

Trong ĐẠI LUẬT nói : "Chẳng đặng cách Thầy 7 bước".

Thiên THÀNH PHẠM nói : "Chẳng đặng đứng trong bóng Thầy, chẳng đặng day mình, cúi đầu nói nhỏ, giỡn cười". Phải thân tâm nghiêm kính. Đứng bên Thầy chẳng đặng đứng xụi tay ⁽¹⁾.

Bộ HÀNH HỘ nói : "Ở trước Thầy chẳng đặng cào ngứa, gãi đầu, chà mặt. Chẳng đặng mang giày, rửa chân, trước Thầy".

(1) Phải đứng vòng tay hoặc cung chủ.

Nhược thính vấn Phật pháp nhưn duyên đương chỉnh y lễ bái, hiệp chưởng hồ qui. Sư hữu ngữ, trưng tâm đế thính, tư duy thâm nhập.

Nhưn duyên, thị kinh luật trung, sở thuyết nhưn duyên chi sự, hoặc "cổ đức" cơ duyên đẳng. Vọng niệm bất khởi, cố viết "Trưng tâm". Đế thính, thị "Văn huệ". Tư duy, thị "Tư huệ". Thâm nhập, thị "Tu huệ". Nhiên thính hữu tam phẩm, dĩ thần thính vi thượng, dĩ tâm thính vi trung, dĩ nhĩ thính vi hạ. Nhược sư độc tọa thời, thích hành thời, nhan sắc duyệt thời, tức ứng vấn ; tu lập tại nhật diện, thơ dung bình khí, chí thành thận vấn, tự tự minh lãng, hư tâm thính thọ.

Nhược vấn gia thường sự, bất tu bái qui, dẫn đoan lập sự trắc, cứ thiết thân bạch.

Gia thường sự, tức tăng gia nhất dụng tâm thường sự. Cứ nhất giả, án kỳ sự, nhi trực thân khải bạch giả. Nhược cứ ĐẠI LUẬT, diệc tu nhật bái, hồ quỳ thính bạch, thả như dục thực thời, bạch giả, tự sự nhưt lễ, hồ quỳ bạch vân : "Hòa Thượng tôn niệm, ngã kim thính bạch : tẩy thủ, tẩy khí, dục vi thực sự, bất thãm nghi tán hà thực, chư dư bách sự" loại thử ứng tri, như hữu đa sự, nhất thời tinh bạch, diệc đắc.

Sư nhưc thân tâm quyện, giáo khứ ưng khứ, bất đắc tâm tình bất hỉ, hiện ư nhan sắc.

Phàm vấn kinh vấn thoại, đương hầu sự ý bất ứng tự thủ kỳ tiện ; nhưc sư thâm tâm bì quyện, bất hà ứng đáp, giáo linh thả khứ, tức đương tùy thuận sư giáo khứ, bất đắc tâm tình bất duyệt, tự chiêu tội cứu.

Bằng thưa hỏi câu chuyện Phật pháp, phải sửa y lễ bái, quì gối chấp tay. Thầy có dạy, chăm lòng nghe kỹ, nhớ in sâu vào óc.

Câu chuyện Phật pháp là gì ? - Tức những chuyện Phật nói, đã ghi trong Kinh, trong Luật, hoặc câu chuyện của bậc "Cổ Đức". Vì vọng niệm chẳng khởi nên gọi là "chăm lòng" ; vì lắng nghe gọi là "Văn Huệ" ; vì nghĩ nhớ gọi là "Tư Huệ" ; vì in sâu vào óc gọi là "Tu Huệ". Song nghe có ba bậc : 1.- Lắng thần mà nghe gọi là bậc Thượng. 2.- Lắng tâm mà nghe gọi là bậc Trung. 3.- Lắng tai mà nghe gọi là bậc Hạ. Bằng Thầy khi ngồi một mình, khi đi đạo, khi nhan sắc vui, thì nên hỏi. Phải đứng ở một bên, đều hòa, chăm rãi, chí thành thưa hỏi, mỗi chữ rõ ràng và hết lòng nghe nhớ.

Bằng hỏi việc thường trong chùa, chẳng buộc lạy quì, chỉ đứng vững bên Thầy, cứ thật, trình thưa.

Việc thường trong chùa là gì ? - Tức là việc tầm thường hằng ngày trong chúng tăng. - Sao lại gọi là cứ thật thưa ? - Xét theo sự mà tỏ bày thưa bạch vậy. Bằng cứ trong ĐẠI LUẬT cũng phải lạy một lạy rồi quì gối thưa hỏi. Và khi muốn nấu đồ ăn muốn thưa, tới trước Thầy, lạy một lạy rồi quì gối thưa như vậy : "Xin Hòa Thượng xét tưởng, con nay xin thưa : "Con rửa tay, rửa đồ muốn làm đồ ăn, không biết nên dâng món ăn gì ? Xin Hòa Thượng dạy". Các việc bạch khác cũng giống như đây, nên biết. Bằng có nhiều việc thưa luôn một lần cũng được.

Bằng thầy thân tâm mỗi mệ, dạy lui, phải lui chẳng nên tâm tình chẳng vui hiện bày sắc mặt.

Phàm hỏi kinh, hỏi chuyện, phải chịu theo ý Thầy, chớ nên dùng theo ý mình. Bằng thâm tâm Thầy mỗi mệ, không rảnh để trả lời câu chuyện, dạy lui, phải thuận lời Thầy dạy mà lui, chẳng nên tâm tình không vui, mà mắc tội lỗi.

NGŨ THẬP TỤNG vân : Thường mộ ư sư đức, bất ưng khuy tiểu quá, tùy thuận hoạch thành tự, cầu quá đương tự tổn. **THIỆN CUNG KÍNH** kinh vân : Phật ngôn : Đệ tử ư sư sở bất đắc thô ngôn, sư sở ha trách bất ưng phản báo, sư bất phát vấn, bất đắc triếp ngôn, phạm hữu sở sử, vật đắc vi mạng. Nhược ư sư sở bất khởi cung kính, thuyết ư sư, tăng, trường đoãn chi giả. Bĩ ngu si nhờn, ưng như pháp trị ; sư thiệt hữu quá, thượng bất đắc thuyết, hướng đương vô giả. Nhược ư sư biên bất cung kính giả, biệt hữu nhất tiểu Địa Ngục, danh vi "chùy phát", đương đọa thị trung, nhất thân tứ đầu. Thân thể cu nhiên, trạng như hỏa tự, xuất đại mãnh diệm, xí nhiên bất tức.

Ư bỉ ngục xứ, phục hữu câu chủy độc trùng, thường táp thiệt căn. Tùng Địa ngục xuất, sanh súc sanh trung, hằng thực thỉ niệu. Xả bỉ thân dĩ, tuy sanh nhờn gian, thường sanh biên địa, bì bất tự nhờn, bất năng cụ túc nhờn chi hình sắc. Thường bị khinh tiện phỉ báng lãng nhục, ly "Phật Thế Tôn", hằng vô trí huệ. Tùng bỉ tử dĩ, hườn đọa Địa ngục, cánh đắc vô lượng vô biên khổ hoạn chi pháp.

Phạm hữu phạm giới đẳng sự, bất đắc phú tàng, tốc nghệ sư ai khát sám hối, sư hứa, tắc tận tình phát lồ, tinh thành hối cải, hườn đắc thanh tịnh.

Bất tự phát lộ, cố viết "phú tàng". "Tinh", vị chuyên tâm thuần nhất. "Thành", vị chí thành vô vọng. "Hối", vị sám hối sở phạm. "Cải", vị cải cách tiên phi cánh bất tái tác, cố viết "hườn đắc thanh tịnh", **HÀNH IIỘ** vân : "Nhược bị ha mạ, đương tu tự trách, nhuyển ngữ sám tạ, niệm tu giới định, dĩ báo sự ân".

Trong Luật NGŨ THẬP TỤNG nói : Làm đệ tử thường mền đức Thầy chớ nên xoi bói lỗi nhỏ. Thuận theo Thầy, được thành công. Tìm lỗi Thầy, mình tổn phước. Kinh THIỆN CUNG KÍNH Phật nói : Đệ tử ở chỗ Thầy chẳng đặng nói lời thô. Có lỗi Thầy quở trách chớ nên nói trả lại. Thầy không mở lời hỏi, chẳng đặng vội nói. Phàm Thầy sai khiến, chớ nên trái mạng. Bằng ở chỗ Thầy không có tâm cung kính và nói tốt xấu của sư Tăng. Người ngu thế đó, phải y pháp trị tội. Thật Thầy có lỗi, còn không nên nói, hướng chi không lỗi. Bằng ở bên Thầy không cung kính, sẽ để dành riêng cho một cái Địa Ngục nhỏ tên "Chùy Phát" (*dùi lụi, roi đánh*). Đọa trong ngục này một thân hóa làm 4 đầu. Thân thể phừng cháy, trạng như đồng lửa, bốc cháy dữ dội, đốt mãi không thôi.

Người tội ở trong ngục, lại có con độc trùng mỏ như cây sắt, thường cắn cuống lưỡi. Hết tội đời Địa Ngục, sanh trong đời súc sanh, thường ăn chất nhơ bẩn. Mãn kiếp súc sanh, dẫu sanh trong loài người, thường sanh vào chỗ biên địa, nước da chẳng giống người, hình sắc đen dúa, và không đủ nhân tướng. Thường bị người khinh dể, chê bai, lấn hiếp ; cách "Phật Thế Tôn" hàng không trí huệ. Từ đây chết đi đọa trở lại trong Địa Ngục, chịu biết bao sự khổ và hoạn nạn.

Phàm có giới phạm các việc chẳng đặng che giấu, mau tới Thầy cầu xin sám hối. Thầy cho thì hết lòng tỏ bày tình thành hối cải, lại đặng thanh tịnh.

Mình không tỏ bày, cho nên nói "che giấu". Chuyên tâm thuần nhất gọi là chữ "Tinh". Chí thành không vọng gọi là chữ "Thành". Sám hối những tội phạm gọi chữ "Hối". Chừa bỏ lỗi trước gọi là chữ "Cải". Và không dám làm nữa, cho nên nói : "Hườn đắc thanh tịnh". Bộ HÀNH HỘ nói : "Nếu bị quở mắng nên phải trách mình, nhẹ lời xin lỗi, lo tu giới, định, đôn đáp ơn Thầy".

THÀNH PHẠM vân : "Phàm hữu ngộ thất quá cữu, sư hoặc thị nộ, chủng chủng ha trách, bất đắc xảo từ sức phi, tài kiến sư nộ, tức đương úy cụ, liêm dung hồ quy sư tiên, tâm hoài quý sĩ thọ trách, hữu quá tắc cãi, vô quá mặc nhiên".

Sư ngữ vị liễu, bất đắc ngữ.

Vị sư hối thị vị tất, bất đắc tự thuật kỹ ngôn, dĩ loạn sư hối, tự thất lợi ích, phục thất tôn kính, diệc bất đắc dĩ lý tranh thắng.

Bất đắc hí tọa sư tòa, cập ngộ sư sàng, trước sư y mạo đẳng.

Vô tôn kính tâm, cố, hữu hí tọa ngộ đẳng.

Vị sư trì đạt thơ tín, bất đắc tư tự sách khán, diệc bất đắc dữ nhơn khán. Đáo bỉ hữu vấn, ưng đáp tắc thiệt đối. Bất ưng đáp tắc thiện từ khước chi, bỉ lưu bất đắc tiện trụ, đương nhật tâm tư sư vọng qui.

Tự khán, tức thất "cung kính" chi nghĩa. Dữ tha khán, tức hữu "phi nghi" chi thất. Hoặc tha nhơn phụ thơ tín diệc bất khả khai sách, dĩ tồn "hậu đạo", vô ngộ ư nhơn, nhơn khai thơ tín, diệc bất khả tư khuy.

Tích "Phú Bật", sứ "Khế Đơn" đắc gia thơ bất phát, nhi phần chi viết : "Đồ loạn nhơn ý nhĩ" ! Gia thơ thượng bất phát, hướng tha thơ hồ ? Nhập nhơn gia, bất khả khám nhơn văn tự bộ tịch đẳng. Ứng đáp giả, vị kỳ lý thuận, ngữ hữu lợi ích, tắc cứ thiệt đối chi. Bất ưng đáp giả, hoặc kỳ lý nặc, sự đương ty hiêm nghi, hữu tổn Phật pháp, tắc dĩ thiện xảo phương tiện ngôn từ khước chi. Tư sư vọng qui giả, như hiếu tử chi niệm từ mẫu, tu du bất vong tất hạ dã.

Bộ **THÀNH PHẠM** nói : "Phàm có sơ lỗ lỗi làm, hoặc Thầy bày sắc giận, đủ cách quở trách, chẳng dặng khéo lời trở trình. Vừa thấy Thầy buồn, thời phải lo sợ, khép nép qui gối, trước Thầy ôm lòng hổ thẹn chịu quở. Có lỗi thời chữa, không lỗi làm thình".

Thầy nói chưa rồi, ta chẳng dặng nói.

Thầy dạy bảo chưa xong, chẳng dặng tự thuật lời của mình, làm loạn lời dạy của Thầy, mình mất lợi ích, và không tâm tôn kính, cũng chẳng nên viện lý tranh hơn.

Chẳng dặng ngồi chơ chỗ Thầy cùng mặc áo mảo của Thầy.

Vì không tâm cung kính nên mới có ngồi giỡn nằm chơ các việc.

Thầy dạy đem thơ tín chớ dặng riêng mình mở coi, cũng chẳng dặng cho người coi. Đến kia có hỏi, đáng trả lời, thời cứ thật trình thưa. Không đáng trả lời, thời khéo lời lui đi. Người cầm không dặng ở lại phải một lòng nhớ, Thầy trông về.

Mình mở coi tức là mất cái nghĩa "cung kính". Cho người xem tức là có lỗi "sái phép". Bằng người gửi thơ tín cho, ta cũng chẳng dặng mở coi vì giữ lòng "hậu đạo" đừng sơ thất với người. Người mở thơ tín ra coi, ta cũng không nên lén dòm. Xưa ông "Phú Bật" đi sứ nước "Khế Đơn" dặng thơ nhà, không mở coi mà đốt. Ông nói rằng : "Rối loạn ý người vậy". Ôi, thơ nhà còn không mở, huống thơ người ư ? Vào nhà người, chớ nên coi sổ bộ và sách vở của người. Thế nào đáng trả lời ? Những chuyện đúng lý, lời có lợi ích thời ta cứ thật trình thưa.

Thế nào không đáng trả lời ? - Hoặc như câu chuyện lý đáng giấu, việc đáng lánh, lời hiềm nghi có hại cho Phật pháp thì ta khéo lời phương tiện mà xin lui.

Thế nào nhớ Thầy trông về ? Đệ tử đối với Thầy, như con thảo nhớ mẹ hiền, giây lát không quên ơn dưới gối.

Kinh vân : "Đương trực vãng, trực hườn, đương thức sư sở ngữ, diệc đương nhưn báo ngữ".

Sư đối tân, hoặc lập thường xứ hoặc ư sư trắc, hoặc ư sư hậu, tất sử nhĩ mục tương tiếp, hầu sư sở tu.

Phi viễn, phi cận, cố đắc nhĩ mục tương tiếp, thân tâm chiếu ứng, cố vô thất sư sở tu.

THÀNH PHẠM vân : "Phàm kiến khách chí đương sanh cung kính, vật khởi yếm mạn, tu diệc trần tiến trà đẳng".

Sư tật bệnh, nhất nhất dụng tâm điều trị , phòng thất bị nhục, được nhĩ chúc tự đẳng.

Phòng thất bị nhục, thị điều kỳ ngoại, được nhĩ chúc tự, thị trị kỳ nội. "Đẳng" giả, vị sở hữu ứng bệnh chi được thực, cập sở nghi chi cụ khí đẳng. "Nhĩ" giả, vị phàm khả điều bệnh chi được thực dã.

HÀNH HỘ vân : "Thường niệm Quan Âm Bồ Tát, nguyện sư thuyên đủ".

THÀNH PHẠM vân : "An thiết nghiêm thất, ky phong âm xứ, tu sàng nhục hậu nhuyển, sát sư nhan sắc, xuất nhập phò sách, như pháp điều chữ canh thang được nhĩ, thiếu ta, tức sanh hoan hỉ, thường đương dĩ hiếu tâm hòa dung, phụng sự chi, khách lai chiêm vấn thiện đại sư ngữ, bất ứng quyên tự, đương tức nhiên yển tịnh; bệnh nhược trọng, bất đắc khốc khắp; sư viên tịch, bất đắc vi sư giới chúc, ưng nhất nhất như giáo tuân hành chi".

Kinh THẬP GIỚI nói : "Phải đi ngay về thẳng, phải nhớ lời Thầy dạy và cũng phải nhớ lời người nói, để về thừa lại với Thầy".

Thầy nói chuyện với khách, ta đứng chỗ thường hoặc bên Thầy, hoặc đứng sau Thầy, phải cho tai mắt tiếp nhau, hầu Thầy khi cần dùng.

Không phải xa, không phải đứng gần cho nên dặng tai mắt vừa chừng, thân tâm trực tiếp, cho nên không mất chỗ Thầy sai bảo, khi cần.

Bộ THÀNH PHẠM nói : "Phàm thấy khách đến phải sanh tâm cung kính, đừng sanh tâm biếng lười và khinh để. Phải lau chén, nấu trà và các việc..."

Thầy cổ tật bệnh, mọi việc hết lợng nuôi dưỡng, phòng nhà, mền nệm thuốc thang, cơm cháo các việc điều trị.

Phòng nhà mền nệm là nuôi dưỡng bề ngoài, thuốc thang cơm cháo là điều trị bề trong. Chữ "Đấng" là còn nhiều việc nữa như các món thuốc và đồ ăn hợp bệnh, cùng đồ đạc cần dùng trong khi bệnh.v.v... Các món thuốc, món ăn, có thể trị lành bệnh. Tàu gọi là chữ "Nhĩ".

Bộ HÀNH HỘ nói : "Thường niệm đức Quan Thế Âm Bồ Tát cầu nguyện cho Thầy mau mạnh".

Bộ THÀNH PHẠM nói : "Sắp đặt nhà kín, ky gió và ầm thấp giường nệm cho dày và êm. Coi nhan sắc Thầy, lúc ra lúc vào phải dìu đỡ. Đúng phép : nệm canh, nấu cơm, sắc thuốc, Thầy có hơi bớt thì sanh tâm vui mừng, thường đem tâm hiếu thảo và sắc mặt cho vui kính thờ Thầy. Khách đến thăm viếng, khéo thế lời Thầy nói chứng bệnh và bớt hay không cho khách biết khỏi phải bận rộn Thầy. Cần nên nghiêm tịnh và yên lặng. Bằng Thầy bệnh quá nặng, định tâm niệm Phật và tìm phương cứu chữa, chớ nên khóc lóc, rủi Thầy viên tịch, chớ nên trái lời Thầy dạy trời trước khi, phải mỗi mỗi y dạy vưng làm".

Trì y, thọ lý, tẩy cán, hồng sai đẳng, cụ ư LUẬT trung, tư bất phiền lục.

Trì sư y, đương từ từ, nhất thủ bài thượng, nhứt thủ tróc hạ, chánh lập trước sư tả kiên thượng. Sư trước dĩ, phục thị thượng, hạ văn lý như pháp phủ ? Chiệp thời bất đắc dĩ khẩu hàm, đương thị thượng, hạ, bất sử trước địa, hườn an thường xứ, dĩ tịnh vật phú thượng, bất đắc dĩ dư y vật phú thượng. Thọ lý, đương tiên đầu sấu xoát cấu, bất đắc đại thịnh, thị thứ tử chi, tháo thủ dĩ, phương trì y vật. Phàm tẩy cán, vụ linh tịnh, dụng thủy, diệp bất đắc đại phí. Hồng sai pháp y, đương dải càn táo, hữu cấp sự hành, bất đắc vong khứ, đương phú dư nhơn, sự tất tức nghi phục, dư tẩy bát khí, đẳng, bị tải THẬP GIỚI kinh trung, văn đa cố vân : Bất phiền lục.

PHỤ...

Phàm thị sư, bất mạng tọa, bất cảm tọa, Bất vấn, bất cảm đối, trừ tự hữu sự dục vấn.

Bất đắc thiện tọa, cập thiện tự đối đáp, trừ tự kỹ hữu sự, dục bạch nãi vấn.

Phàm thị lập, bất đắc ý bích kháo trác, nghi đoan thân tề túc trác lập.

Thân thiên trác, viết "Ỗ" : Tà bằng, viết "Kháo" bất đối diện viết "Trác lập".

NGŨ THẬP TỤNG vân : "Hựu bất ưng sư tiên, thân hiện bì lao tướng, quật chỉ tiết tác thịnh, ý trụ, cập tương bích, diệp bất đạp môn hạng".

Cầm y, trao giày, giặt rửa hong phơi các việc đủ như trong ĐẠI LUẬT, đây chẳng chép nhiều.

Cầm y Thầy, phải sế sế, một tay xách trên, một tay đỡ dưới, đứng ngay đắp trên vai trái của Thầy. Thầy đắp rồi, lại coi trên dưới, lớp lang đúng phép hay không ? Lúc xếp y, chẳng nên lấy miệng ngậm, phải coi trên và dưới đừng cho chấm đất, đem để chỗ cũ, lấy đồ sạch tú lên, không được lấy y vật khác tú. Trao giày, trước phải cạo gọt đất dính đập vỡ đừng có lớn tiếng. Coi theo thứ lớp mà trao (*như thầy đi chỗ đó đáng trao guốc hay trao giày vân vân*). Rửa tay xong rồi, mới cầm y cùng các vật. Phàm giặt rửa cần cho sạch, dùng nước chớ nên hao nhiều. Hong phơi y pháp phải chờ cho khô khan, có việc cần đi chớ nên quên bỏ, phải giao lại cho người khác, việc rồi phải trở lại coi. Ngoài ra còn nhiều việc nữa như : rửa bát, giặt đồ vân vân... đủ trong kinh THẬP GIỚI vì văn nhiều cho nên đây không chép.

(Từ đây sắp sau, chỗ nào nói lời phụ, đều là lời thêm của Tổ Vân Khê).

LỜI PHỤ.

Phàm hầu Thầy, Thầy chẳng dạy ngòi, chẳng dám ngòi. Thầy chẳng hỏi chẳng dám thưa trừ mình có việc cần muốn thưa mới hỏi.

Chẳng dặng tự do ngòi và tự do đối đáp với Thầy, trừ mình có việc cần muốn thưa mới hỏi.

Phàm đứng hầu chẳng nên nương vách, dựa ghế, phải vững mình bằng chân, đứng một bên.

Thân dựa mình, Hán gọi là chữ "Ỡ" đứng dẹo ne gọi rằng chữ "Kháo". Không đứng ngay trước mặt gọi chữ "Trắc lập".

Bộ NGŨ THẬP TỤNG nói : "Chẳng nên ở trước Thầy, thân hiện tướng mỗi mệ, co ngón, bẻ lóng kêu lác các, dựa cột, mình tường và không nên đập ngạch cửa, đứng giăng tay".

TRIỆU PHÁP SƯ viết : "Cung kỹ thuận mạng, cấp thị chi giả, viết "Thị giả".

BỒ TÁT TÙNG ĐẦU SUẤT HÁ SANH Kinh vân : "Thị Giả" cụ bát pháp. Nhất : Tín căn kiên cố. Nhị : Kỳ tâm mịch tấn. Tam : Thân vô chubệnh. Tứ : Tinh tấn. Ngũ : Cụ niệm tâm. Lục : Tâm bất kiêu mạn. Thất : Năng thành định ý. Bát : Cụ túc văn trí.

Dục lễ bái, nhược sư chỉ chi, nghi thuận sư mạng, vật bái.

"Lễ" giả, thị thân "kính" chi nghi dã; nhược năng thuận mạng, tức thị "kính" hí.

Phàm sư dữ khách đàm luận, thiệp đạo thoại, hữu ích thân tâm giả, giai đương ký thủ.

"Thiệp Đạo" thoại, tức "Pháp ngữ", chấp lao, phục dịch, trưởng tự phước cơ, văn Pháp ký thủ, nhuận trạch tâm địa, thị sư chi nghĩa, thành tại tư hồ.

THÀNH PHẠM vân : "Hoặc sư tuân, khách đáp, hoặc bỉ vấn sư thù, bất đắc văn dị quái kinh, bất đắc kiến tiểu tùy tiểu, đương thức ngữ ý tông du, thiết tâm nghiên vị, thảng hữu kiến xứ; đương phục trình sư".

Sư hữu sở sử linh, nghi cập thời tác biện, bất đắc vi mạn.

Biện, vị bị "biện", bất thuận viết "vi", bất kính viết "mạn", hựu mạng đãi dã.

Phàm thùy mạnh, bất đắc tiên sư.

Ý thức hôn thực viết "Thùy".

Ngũ tình ám minh, viết "Mạnh", do thử phú tế thân tâm, thiện Pháp bất sanh, trường luân tam giới.

Ngài Triệu Pháp Sư nói : "Mình cung kính và vưng lịnh mới đúng cái nghĩa làm "Thị giả" hầu thầy".

Kinh BỒ TÁT TÙNG ĐẦU SUẤT HÁ SANH nói : "Thị giả" hầu Thầy cần đủ 8 phép : 1. - Tín tâm kiên cố. 2. - Tâm mình tìm học, tấn tu. 3. - Thân không các bệnh. 4. - Tinh tấn. 5. - Đủ tâm thương Thầy. 6. - Tâm không kiêu mạn. 7. - Tâm bình tĩnh và định đoạt. 8. - Có đủ trí nghe".

Muốn kính lạy, bằng Thầy bảo thôi, nên nghe lời Thầy chớ lạy.

"Lạy" là cái phép "cung kính", nhưng nghe lời Thầy dạy tức là "Kính" vậy.

Phàm Thầy cùng khách đàm luận, câu chuyện nhằm đạo, có ích thân tâm, đều phải nhớ lấy.

Câu chuyện "nhằm đạo", tức là lời nói đúng "chánh pháp" chấp lao, phục dịch Thầy, mình thêm nền phước. Nghe pháp nhớ lấy, nhuần thấm tinh thân, nghĩa hầu Thầy thật ở nơi đây vậy.

Thiên THÀNH PHẠM nói : "Hoặc Thầy hỏi khách đáp, hoặc khách hỏi Thầy trả lời, chớ nên nghe lời quái lạ kinh sợ cũng chẳng dặng thấy cười, cười theo phải biết ý tứ câu nói và lời đúng tôn chỉ, để tâm ngắm nghĩ, bằng có chỗ kiến giải hay; phải đến thưa Thầy chứng nhận, hoặc chỉ lại những chỗ sai lầm".

Thầy có sai khiến, phải kịp thời làm xong, chớ nên trái trễ.

Làm xong hoàn toàn gọi là chữ "Biện". Không tuân lịnh Thầy gọi là chữ "Vi". Không có tâm cung kính, gọi là chữ "Mạn". Và chữ Mạn cũng có nghĩa là biếng lười trễ nải v.v...

Phàm ngủ, nghỉ, chớ nên trước Thầy.

Ý thức mê mẩn kêu là chữ "Thù".

Ngủ quan ngất xẩm kêu rằng chữ "Manh". Do ngủ dậy che lấp thân tâm, không sanh pháp lành, chìm mãi trong

cố đương thiếu thù, nghi khởi tại sư tiên, ngộ tại sư hậu, đa thù hữu ngũ quá : Nhất, đa ác mộng. Nhị, chư Thiên bất hỉ. Tam, tâm bất nhập pháp. Tứ, bất tư duy minh tướng. Ngũ, hí xuất bất tịnh.

Phàm nhơn vấn sư "húy", đương vân :
Thượng mỗ tự, hạ mỗ tự.

"Húy", tức nhị tự "Pháp danh" dã; nhược vấn tự hiệu, đương trực vân; mỗ giáp Hòa Thượng, hoặc vân : mỗ giáp Bốn sư. Nhược vấn "A Xà Lê" tự hiệu ứng vân : mỗ giáp "Hủy Phạm Sư"; nhược phi ngũ chương "Xà lê", bất đắc xưng "Sư".

NGŨ THẬP TỤNG vân : "Hựu phục ư sư danh, bất ứng triếp xưng cử, thiết hữu cố vấn giả, đương thị chi nhất tự; nhược vấn sư niên "Lạp", cập dĩ "Châu Huyện" danh, nhất nhưt giai tu đáp.

Phàm đệ tử, đương trạch "minh sư", cửu cửu thân cận, bất đắc ly sư thái tảo; như sư thiết bất minh, đương biệt cầu "Lương đạo".

Nhược sư "Đạo nhãn" thông minh, tắc tận thọ sự chi, thắng hoặc bất minh, nghi biệt tham "Tri thức". "Sa Di" bổn vô ly sư chi pháp, dĩ sư bất minh, cố biệt cầu "lương đạo", dĩ "lương đạo", năng đạo nhơn chí ư chí đạo.

Cố KINH vân : "Tùy thuận thiện sư học, đắc kiến hàng sa Phật, thị dã". Hạnh vô kính "Di Hâu" vi "Đế thích", tôn "ngõa lịch", vi "minh châu".

ba cõi. Cho nên phải ít ngủ, phải thức dậy trước Thầy, ngủ phải ngủ sau Thầy. Ngủ nhiều có năm điều lỗi. Những chi gọi rằng năm điều lỗi ? - 1. - Hay sanh chiêm bao dữ. 2. - Vị chư Thiên không ưa. 3. - Tâm không tỏ đạo. 4. - Không hay mặt trời mọc. 5. - Ưu ra đồ bất tịnh.

Phàm người hỏi tên "Húy" của Thầy, phải nói trên chữ chi, dưới chữ chi.

Hai chữ "Pháp danh" của thầy gọi tên "Húy". Bằng hỏi chữ "Pháp hiệu" của Thầy thời ta cứ nói : "Hòa thượng tôi hiệu...chi đó. Hoặc nói : Bốn sư tôi hiệu... chi đó. Bằng người hỏi "Pháp hiệu" của Thầy "A Xà Lê" ta nên nói : Thầy "SỨ PHẠM" tôi hiệu... chi đó. Bằng không phải năm bực "A Xà Lê" thời chẳng dặng xưng là "Thầy".

Bộ NGŨ THẬP TỤNG nói : Lại như người ta hỏi tên của Thầy mình, chẳng dặng nói liền, bằng người cố hỏi chỉ nói một chữ thôi. Bằng người hỏi niên Lạp Thầy và tên Châu Huyện xứ sở, mỗi mỗi đáp được cả.

Phàm đệ tử phải lựa ông MINH SỬ gần gũi thật lâu, chớ nên lia Thầy sớm lắm. Bằng Thầy thật không hiểu Phật Pháp, phải riêng cầu ông "Lương Đạo".

Bằng Thầy "Đạo Nhân" thông minh, thời trọn đời hầu hạ. Hoặc như không hiểu Phật Pháp, thời phải riêng tìm ông "Tri thức" khác để học. Theo bốn phận ông "Sa Di", vốn không có phép lia Thầy, nhưng vì Thầy không hiểu Phật pháp nên phải riêng tìm ông "Lương Đạo". Bởi ông "Lương Đạo" là người hay dẫn dắt ta đến chỗ chí đạo của đức Phật.

Cho nên trong kinh "THẬP GIỚI" nói : Thuận theo Thầy hay mà học, dặng thấy hằng sa chư Phật phải vậy. Xin chớ lầm kính con "Di Hâu" là vị "Đế Thích" (2), trọng "ngói gạch" cho là ngọc "Minh Châu".

Tôn ngũ lịch, thị bất thức pháp, kính "Di Hâu", thị bất thức nhờn; bất thức pháp, tắc Huệ nhân thất, bất thức nhờn, tắc đọa tà đồ. Cổ vân : "Nhữ sư ký đọa, như diệp tùy đọa, thử chi vị dư".

Thiết ly sư; đương ức sư hồi, bất đắc tủng tình tự dụng, tùy thế tục lưu, hành "bất chánh" sự.

Bất ức sư hồi, cố tủng tình tự dụng, tùy "thế tục" lưu, cố hành "bất chánh" sự.

TRUNG TÂM Kinh vân : Phật ngôn : "Tri sư ân giả, sư tắc thừa sự, bất kiến tắc tư duy sư chi giáo giới, thị dã".

Diệp bất đắc trụ thị tỉnh não xứ.

Tự hóa giao dịch chi sở, danh "Thị". Cổ ư cấp thủy chi xứ vi "Tĩnh". Cổ viết "thị", "Tĩnh", thị trung quyền tạp, cố viết "Não" xứ, tuy phi thị Tĩnh, chư dư não xứ, diệp bất đắc trụ.

Bất đắc trụ "Thần miếu".

Huyết thực tế tự, phi xuất gia giả sở cư, "Phạm Vương" "Đế Thích", du thượng bất kính, huống sự "Tửu nhục chí Thần", đại vi Thánh giáo, phi Phật đệ tử.

Bất đắc trụ dân phòng, bất đắc trụ cận ni tự xứ.

Nam, Nữ hữu biệt, cố bất cận Ni tự xứ. Tăng Tục hữu phạm, cố bất trụ dân phòng. Nhất : khủng tình sanh tiếm nhiễm. Nhị : linh tục cơ báng.

Bất đắc dữ sư các trụ, nhi hành thế pháp trung, nhất thiết ác sự.

Trọng ngôi gạch là dụ người không biết pháp. Kính con "Di Hâu" là dụ kẻ không biết người. Không biết pháp cũng như người có con mắt mà bị đui, kẻ không biết người hay, thời đọa vào đường tà. Cho nên Kinh TỊNH DANH NÓI : "Thầy người đã đọa, người cũng đọa theo là nghĩa đây vậy".

Dầu có lia Thầy, nhưng cũng nhớ lời Thầy dạy, chẳng nên lung tình tự ý theo người thế tục, làm việc "bất chánh".

Không nhớ lời Thầy dạy, cho nên lung tình tự ý. Theo người "thế tục" cho nên làm việc "bất chánh".

TÂM KINH nói : Đức Phật dạy : "Người biết ơn Thầy khi thấy Thầy thời vưng thờ, khi không thấy Thầy thời nhớ tưởng lời dạy của Thầy, phải vậy".

Cũng chẳngặng ở chỗ chợ, giếng rày rà.

Những chỗ chứa hàng đổi chác gọi là "Chợ". Người xưa nói, cái chỗ mức nước kêu là cái "Giếng". Cho nên gọi "Chợ" và "Giếng". Những chuyện "ồn ào" trong chợ, gọi rằng chữ "Náo xứ". Dù không phải chỗ chợ và giếng nhưng tất cả chỗ nào ồn ào rộn rục cũng chẳng nên ở.

Cũng chẳngặng ở chỗ Miếu "Ông Thần".

Miếu cúng tế đồ huyết nhục, chẳng phải chỗ ở của người xuất gia. Vị "Phạm Vương" Trời "Đế Thích" hơi còn không kính, huống chi thờ ông "Thần tửu nhục" rất trái lời của đức Phật dạy, chẳng phải Đệ tử của Ngài.

Chẳngặng ở nhà dân, chẳngặng ở chùa cô Ni.

Kẻ Nam, người Nữ có phân biệt, cho nên chẳng nên ở gần chùa cô Ni. Ông Thầy, người Tục, phải riêng khác, cho nên chẳng ở nhà dân. Có hai điều kiện : 1. - Tiệm nhiễm tình sanh. 2. - Khiến người đời chê bai.

Chẳngặng cùng Thầy đồng ở, mà làm tất cả việc ác trong pháp thế gian.

Vị lợi phản mại, giao kết vãng lai, thị tục hào cường, học tập kỳ nghệ, bài ưu thọ cố, thông sứ tứ phương, chưởng thực cầu lợi, giai viết : "Ác sự".

"TÙY SỰ XUẤT HÀNH" ĐỆ TAM

Bất đắc quá lịch hơn gia

Tùng nhất gia, đáo nhất gia, cố viết "quá lịch", túng quá phụ mẫu, "đàn việt" gia, sự bất thính, diệc bất đắc nhập.

Bất đắc chỉ trụ đạo biên, cộng hơn ngữ.

"Đạo" lộ dã; nhược ngộ thân bằng tri thức, đương thiện từ khước, vô đắc cộng ngữ, nhi thất tùy thị dã.

Bất đắc tả hữu cố thị, đương đề đầu, tùy sự hậu.

Cố thị, tác tán ý thất nghi; đề đầu, nãi tâm đoan biểu chánh.

Đáo "đàn việt" gia, đương trụ nhất diện, sự giáo tọa, ứng tọa.

Trụ nhất diện, vị thị lập sự trắc dã. "Đàn" thị Phạm ngữ, thử vân "Thí" (*vị bỉ năng hành bố thí, tác thiện việc độ bàn cùng khổ hải dã*).

Đáo tha tự viện, sự lễ Phật, hoặc tự lễ, bất đắc thiện tự minh khánh.

"Thiện", thị "tự chuyên" dã. Tự cát hữu chủ, nghi cụ khách nghi, bất đắc triếp tự cử động cố dã.

Nhược sơn hành, đương trì tọa cụ tùy chi.

Vì lợi buôn bán, giao kết tới lui, cậy người Tục giàu mạnh học tập nghề hay, hát xướng đóng tuồng, đi sứ bốn phương trông trật cầu lợi, đều gọi là "việc ác".

BÀI THỨ BA : "THEO THẦY RA ĐI"

Chẳng dặng trải qua nhà người khác.

Từ một nhà này qua một nhà khác gọi là chữ "Quá Lịch" dù qua cha, mẹ, nhà "Đàn việt" Thầy chẳng cho cũng chẳng dặng qua.

Chẳng dặng đứng bên đường cùng người nói chuyện.

Đường đi gọi là chữ "Đạo".

Bằng gặp bà con, người quen biết, phải khéo lời mà lui, chớ nên cùng nói, mà mất cái chỗ theo hầu Thầy.

Chẳng dặng liếc ngó hai bên, phải cúi đầu theo sau Thầy.

Liếc ngó thời loạn ý, mất oai nghi. Cúi đầu thời thân chính, tâm ngay thẳng.

Đến nhà người "Đàn việt" phải đứng một bên Thầy, Thầy dạy ngồi, mới ngồi.

Đứng một bên. Nghĩa là : đứng hầu bên Thầy vậy. Tiếng Phạn nói chữ "Đàn". Cũng như tiếng Hán nói chữ "Thí" (*Nghĩa là : người đàn việt hay làm việc bố thí cúng dường, thời dặng qua khỏi biển khổ trần cùng vậy*).

Đến chùa, am khác, Thầy lễ Phật, hoặc mình lễ, chẳng dặng tự chuyên đánh khánh (đánh chuông).

"Tự chuyên" tiếng Hán gọi là chữ "Thiện"

Tại sao không dặng tự chuyên ? - Bởi mỗi chùa đều có ông chủ. Mình phải đủ oai nghi làm người khách, chẳng dặng tự chuyên cử động, cứ vậy.

Bằng Thầy đi núi, phải đem đồ ngồi theo.

Hoặc "Ni sư đàn", hoặc "Bồ đoàn", hoặc tùy sở tọa vật, nhậm trì chi, dĩ tiện sư tọa dã.

Nhược viễn hành, bất đắc tương ly thái viễn.

Thái cận, tắc túc đạo sư ảnh, hoặc bộ dương trần. Thái viễn, tắc bất văn sư hoán thị, hoặc trí dư thất. Ngũ Thập Tụng vân : "Nhược túc đạo sư ảnh, hoạch tội như phá Tháp".

Nhược độ thủy, đương, trì trượng, từ thí thiên thâm.

Thiên, tắc phò sư độ quá, Thâm, tắc thiên nhưn hà dư.

Trì bình, huề tích đặng, cụ như luật trung văn phiên bất lục.

THẬP GIỚI Kinh trung, trì sư tháo bình, hữu thập ngũ sự; huề tích, hữu thất sự, văn đa cố bất lục.

PHỤ

Nhược ngẫu phân hành, ước ư mỗ xứ hội, bất đắc hậu thời.

"Ngẫu" giả, "thích nhiên" dã. Bất đắc hậu thời giả, đương tiên đáo ước sư xứ hầu, vật tại sư hậu phương chí.

Sư thọ trai, đương thị lập xuất sanh, trai tất, đương thị lập thâm thẩu.

"Xuất sanh" giả, vị thí chư quỷ thần chúng sanh chi thực; tu trước tịnh khí, an cư tịnh xứ. Thẩu, thị đàn việt sở chí chi vật.

THÀNH PHẠM vân : "Hầu sư trai ngật, thâm sư đàn thẩu".

Đồ ngồi tiếng "Phạm ngữ" có nhiều tên. Hoặc nói cái "Ni sư đàn", hoặc nói cái "Bồ đoàn". Theo ta thời tùy vật ngồi, gói đem theo cho dễ Thầy ngồi vậy.

Bằng đi đường xa, chẳng dặng cách Thầy xa lắm.

Gần lắm, thì chân đạp bóng Thầy, hoặc đi bay bụi, xa lắm thời lúc Thầy kêu dạy không nghe; hoặc mắc cái lỗi. Bộ NGŨ THẬP TỤNG nói : "Bằng chân đạp bóng Thầy mắc tội, như phá Tháp".

Bằng lội nước, phải cầm gậy dò thử sâu hay cạn.

Cạn thời diu Thầy lội qua. Bằng sâu thì thuê người khiêng kiệu (*khiêng kiệu hoặc là đưa đò*).

Mang bình, cầm tích còn nhiều việc hầu Thầy, đủ như trong Luật, vẫn nhiều không chếp.

Trong Kinh THẬP GIỚI dạy nếu đem bình tắm cho Thầy có 15 chuyện. Cầm tích có 7 chuyện, vẫn nhiều nên không chếp.

LỜI PHỤ

Hoặc tình cờ chia ra đi, hện chỗ nào nhóm, chẳng dặng tới sau.

"Tình cờ" chia ra đi, Tàu gọi là chữ "Ngẫu".

Thế nào không dặng tới sau ? Phải đến trước chỗ hện với Thầy chực hầu, chờ lệnh thỉnh sau Thầy mới đến.

Thầy chứng trai, phải đứng hầu mà xuất sanh. Trai xong phải đứng hầu cất của cúng.

"Xuất sanh" là gì ? - Thí cơm cho các Quỷ Thần chúng sanh ăn : Phải bỏ trong chén sạch, đem để chỗ sạch. Những của người đàn việt cúng thí . Tiếng Hán gọi là chữ "Thầu".

Thiên THÀNH PHẠM nói : "Hầu Thầy trai xong, cất của người đàn việt cúng cho Thầy".

ĐẠI LUẬT vân : "Thực hậu thí y vật, danh vi "đại thẩu" thị dã. Án "thẩu" tự, bổn tùng "khẩu". Kim tùng "bối", ngoa dã. Phạm ngữ, cụ vân "đạt thẩu noa", thử ngôn :

"Thí", tại pháp, tắc viết "Pháp thí", tại tài, tắc viết "tài thí" tại gia nhơn, ứng hành tài thí, xuất gia nhơn, ứng hành pháp thí.

NHỨT LÂM vân : "Tài pháp nhị thí", nhĩ hành công, phước, huệ lưỡng toàn phương tác Phật".

"NHẬP CHỨNG" ĐỆ TỬ

Bất đắc tranh tọa xứ.

Tu kính nhượng chi

Bất đắc ư tòa thượng, điều tương hô ngữ tiếu.

Như hữu yếu sự, đương đờn chỉ sử giác, khinh ngữ linh tri, bất đắc điều hô, thất nghi động chúng, tiếu tắc thất phi tiếu hĩ.

Chúng trung hữu thất nghi, đương ẩn ác dương thiện.

"Ẩn ác", tắc tự "trưởng đức", dương thiện tắc tăng hải tăng long.

Bất đắc phạt lao hiển kỹ chi công.

Sự công viết "lao", tự xưng kỹ công viết "phạt", vị bất đắc căng khóa tự năng, dĩ hiển kỹ công.

Trong ĐẠI LUẬT nói : "Sau bữa ăn, người thí chủ cúng dường y và các món gọi là chữ "Đạt thẩu" phải vậy. Xét theo văn tự chữ Hán, thời chữ "Thẩu" có bộ khẩu một bên. Nay viết bộ "Bối" là sai lầm. Bằng nói cho đủ theo tiếng Phạn thời gọi "Đạt thẩu Noa", cũng như tiếng Hán nói chữ "Thí".

Thí pháp thời gọi "Pháp thí". Thí tài thời gọi "Tài thí". Người tại gia thực hành Tài thí. Kẻ xuất gia thực hành Pháp thí.

Kinh NHỨT LÂM nói : "Tài Pháp nhị thí, thì thành công; Phước Huệ lưỡng toàn, phương tác Phật". Nghĩa là "Tài, Pháp thí cả hai, mới thành công Phước Huệ lưỡng toàn, mới làm Phật".

BÀI THỨ TƯ : "NHẬP CHÚNG"

Chẳngặng đặng tranh chỗ ngồi.

Phải kính nhường người.

Chẳngặng đặng ngồi chỗ cao xa, kêu nhau nói cười.

Bằng có việc cần, phải dờn chỉ cho hay, lời nhỏ cho biết chẳngặng xa kêu, mất oai nghi và động chúng, cười thời mắc tội chẳng phải nhỏ vậy.

Trong chúng có sơ thất oai nghi, phải giấu dũ, bày lành.

Giấu dũ thời mình thêm đức. Bày lành, thời chúng Tăng càng thịnh.

Chẳngặng đặng khoe sự nhọc, để rõ công lao của mình.

Sự có công gọi rằng sự "Nhọc". Mình nói công của mình gọi rằng "khoe", LUẬT dạy : "Không đặng khoe khoang tài năng để rõ công khó nhọc của mình".

"Lão Tử" viết : "Bất tự phạt, cố hữu công" thị dĩ quân tử bất phạt, thiện dã.

Phàm tại xứ, thù bất tại nhơn tiền, khởi bất tại nhơn hậu.

Nhất tự ly giải đãi, nhi vô động chúng niệm, cố bất tại tiền hậu dã.

Phàm tẩy diện, bất đắc đa sử thủy.

Nhất phòng hậu nhơn, nhị tự tích phước.

Cổ vân : "Nhiệt thủy dụng nhơn thiêu, lãnh thủy dụng nhơn khiêu.

Nhược bất giải tu hành, tóng hữu hà sa phước diệc tiêu".

THANH QUI vân : "Bất đắc tẩy đầu, hữu tứ kiện, tự tha bất lợi, nhất ô bồn, nhị nị cân, tam khô phát, tứ tổn nhĩn".

Sát nha thổ thủy, tu đề đầu dẫn thủy hạ, bất đắc phún thù tiền nhơn.

Do thủy dẫn há, cố bất tiền nhơn.

THANH QUI vân : "Hữu thủ trám nha được giai tả biên, tả thủ trám nha được giai hữu biên, bất khả tái trám, khùng nha tuyên khẩu khí quá nhơn".

Bất đắc cao thính tĩ gi ấu thổ.

Tùng tĩ xuất viết "gi", tùng khẩu xuất, viết "ấu thổ".

Bất đắc ư diện tháp, cập tịnh thất, tịnh địa, tịnh thủy trung gi thóa, đương ư tịch xứ.

Ông "Lão Tử" nói : "Mình không khoe cho nên có công". Bởi vậy người "Quân tử" không khoe tài hay của mình vậy.

Phàm ở đâu, ngủ không nên ngủ trước người, dậy không nên dậy sau người.

Vì không ngủ trước và dậy sau có hai việc : 1. - Mình khỏi giải đãi. 2. - Khỏi động niệm chúng.

Phàm rửa mặt, chớ nên hao nhiều nước.

Có hai việc : 1. - Phòng người sau thiếu nước. 2. - Mình tiết kiệm phước mình. Người xưa có câu : "*Nhiệt thủy dụng nhưn thiêu, lãnh thủy dụng nhưn khiêu; nhược bất giải tu hành, tống hữu hà sa phước diệc tiêu*". Nghĩa là : "Nước nóng, công người nấu, nước lạnh công người gánh; bằng không hiểu việc tu hành, dù có phước hằng sa cũng tiêu".

Bộ THANH QUI nói : "Không đặng gội đầu, có bốn điều kiện không lợi cho mình và người : 1. - Như bồn ; 2. - Như khăn. 3. - Khô tóc. 4. - Lờ con mắt".

Xia răng nhổ nước, phải cúi đầu đem nước xuống, chẳng nên phun nước nhằm người.

Nhờ đem nước xuống, nên khỏi văng nhằm người. Bộ THANH QUI nói : "Tay bên phải chà răng thoa thuốc, qua bên trái. Tay trái chà răng thoa thuốc bên phải. Chẳng nên hai bên chà một lượt, sợ bày răng, hơi hôi trong miệng bay qua người khác".

Chẳng nên hỉ mũi và khạc nhổ lớn tiếng.

Từ trong mũi chảy ra gọi là "Hỉ". Từ trong miệng chảy ra gọi là "Khạc nhổ".

Chẳng đặng ở trong chùa, ở trên điện và Tháp cùng nhà sạch, đất sạch, trong nước sạch hỉ mũi, khạc nhổ; phải hỉ khạc nơi chỗ khuất (trong ống nhổ).

Khẩu xuất viết "thóa", phi đương đạo tịnh sở, viết "tịch xứ".

Thiết trà thang thời, bất đắc chích thủ ấp nhơn.

Khiết trà thang ấp nhơn "phi thời". Chích thủ ấp nhơn "phi lễ".

Bất đắc hương tháp tẩy xỉ, cập hương "Hòa Thượng", "A Xà Lê" đẳng.

Ngôn tháp, tác kiem Thánh tượng hí. Đẳng giá, vị Trưởng lão, Thượng tọa, cập tôn khách đẳng.

Phàm văn chung thỉnh, hiệp chương mặc niệm vân : "Văn chung thỉnh phiền não khinh, trí huệ trưởng, Bồ đề sanh; ly địa ngục xuất hỏa khanh, nguyện thành Phật độ chúng sanh" "Án, già ra đế da tá ha".

Sơ ư văn trung, nhập lưu vong sở, cố đắc "phiền khinh", huệ trưởng, tịch diệt hiện tiên, cố viết "Bồ đề sanh"; siêu việt thế, xuất thế gian, cố viết "ly ngục", xuất khanh; thập phương viên minh, thị viết "thành Phật". Hoạch nhị "thù thắng", cố năng độ sanh. Nhược ngộ thời, văn chung thỉnh, tức khởi mặc niệm, trừ bệnh bất khởi vô phạm. Nhược tự minh chung, ưng tiên niệm : "Nguyện thử chung thỉnh siêu pháp giới" kệ, thứ niệm thử kệ. Hựu phàm kích chung, tu hưỡn đã, tiên âm tương tận, phương thực hậu thỉnh.

Như tích "Chí Công", tá "Vô Đế" "đạo nhân", kiến "Địa Ngục" khổ tướng, vấn viết : "Hà dĩ chỉ chi" ? Chí viết : "Duy văn chung thỉnh, kỳ khổ tạm tức".

Trong miệng ra gọi là "nhổ". Chẳng phải giữa đường và chỗ đất sạch gọi là chỗ "khuất".

Khi uống nước trà (cũng như khi ăn cơm) chẳng nên một tay tiếp người.

Uống nước trà tiếp người là "Phi Thời". Một tay xá người là "Phi lễ".

Chẳng đứng trước Tháp xỉa răng, và trước vị "Hòa Thượng", vị "A xà Lê" v.v...

Chẳng những nơi trước tháp, mà trước tượng Phật nữa. Chẳng những trước tượng Phật, mà còn bao nhiêu như : Vị Trưởng lão, Thượng tọa và các khách quý v.v.. cũng không nên xỉa răng trước đấy.

Phàm nghe tiếng chuông chấp tay thầm tưởng bài kệ rằng : "Nghe tiếng chuông, phiền não nhẹ, Trí huệ lớn, Bồ đề sanh; lìa Địa ngục, khỏi hầm lửa, Cầu thành Phật độ chúng sanh". "Án, già ra để da tá ha" (ba lần).

Trong khi vừa nghe tiếng chuông tỏ đạo quên trần nên "phiền não nhẹ", và Trí huệ thêm lớn, vắng lặng hiện bày cho nên nói "Bồ đề sanh"; siêu vượt khỏi trong đời và ngoài đời cho nên nói "lìa Địa ngục", ra khỏi "hầm lửa"; mười phương tròn sáng cho nên nói "Thành Phật". Đặng hai món "Thù Thắng" ⁽³⁾ cho nên độ chúng sanh đặng. Bằng khi đương nằm nghe tiếng chuông liền chớ dậy, thầm tưởng bài kệ như trên, trừ người bệnh, dậy không nổi, không phạm. Bằng mình đóng chuông, trước phải tưởng bài kệ : "Nguyện thủ Chung thính siêu pháp giới". Kế tưởng bài kệ : "Văn chung thính" này, và mỗi khi đánh chuông, phải đánh chậm rãi, tiếng trước vừa dứt, mới tiếp tiếng sau.

Thuở xưa ngài "Chí Công" giúp "đạo nhân" (*thần thông*) cho Vua "Võ Đế" thấy tướng khổ dưới "Địa Ngục". Đế hỏi Công rằng : "Khổ ấy làm sao được dứt ? Chí Công đáp : "Duy

Toại chiếu thiên hạ tự việן, kích chung thơ từ kỳ thính.

PHÚ PHÁP TẠNG Kinh, diệc linh thính duyên trường cửu. **TẶNG NHẤT A HÀM** kinh vân : "Nhược đả chung thời, nguyện nhất thiết ác đạo chư khổ, tịnh giai đình chỉ". Nhược văn chung thính, kiệm thuyết kệ tán, đắc trừ ngũ bá ức kiếp sanh tử trọng tội.

"Tập dụ" kinh thuyết kệ vân : "Vân chung ngoạ, bất khởi Hộ Pháp Thiện Thần sân, hiện tại duyên quả bạc, lai báo thọ xà thân"; sở tại văn chung thính, ngoạ giả tất tu khởi, hiệp chưởng phát thiện tâm, Hiền Thánh giai hoan hỉ.

Bất đắc đa tiếu, nhược đại tiếu, cập ha khiếm, đương dĩ y tụ yếm khẩu.

Đa tiếu, tắc thất chánh niệm, đại tiếu, tắc phi oai nghi, "Ha khiếm", diệc viết "khiếm khu", thị giải quyệן chỉ mạo.

TỠ NI MẪU kinh vân : Khí hữu nhị chưởng, nhưt thượng, nhị hạ, thượng khí dục xuất thời, mạc đương nhơn, trương khẩu linh xuất, yếu hời diệן hướng vô nhơn xứ. Nhược hạ khí dục xuất thời, bất thính chúng trung xuất, yếu tác phương tiệן xuất ngoạ, chỉ vô nhơn xứ xuất. Nhiên hậu lai nhập, mạc sử chúng cơ hiệן ô tiệן. Nhập "tháp diệן" thời, bất ưng phóng hạ khí, "Hòa Thượng", "Đại Đức", "Thượng Tọa", tiên, diệc bất đắc phóng hạ phong xuất thính. Nhược phúc trung hữu bệןh cấp giả, ưng xuất ngoạ phóng, mạc linh nhơn sanh ô tiệן tâm.

ĐẠI LUẬT vân : Nhược cấp hạ phong lai đương chế, nhược bất khả nhẫn giả, đương há đạo tại hạ

nghe được tiếng chuông, khổ kia tạm dứt". Để liền chiếu chỉ cả trong thiên hạ, các chùa, am, đóng chuông. Tiếng ngân chậm rãi.

Trong kinh PHÚ PHÁP TẠNG cũng dạy tiếng ngân cho thật lâu mới đóng tiếng khác.

Kinh TĂNG NHẤT A HÀM nói : "Bằng khi đóng chuông, nguyện tất cả các khổ trong đường ác, đều được đình dứt". Bằng ai nghe tiếng chuông và khen ngợi bài kệ, trừ đặng 500 ức kiếp tội nặng sanh tử.

Kinh TẬP DỤ nói bài kệ rằng : "Văn chung ngộa bất khởi, Hộ Pháp Thiện Thần sân, hiện tại duyên quả bạc, lai báo thọ xà thân". Nghĩa là : "Nghe tiếng chuông nằm chẳng dậy, vị Hộ Pháp vị Thiện Thần giận; đương đời phước quả ít, mắc báo sau làm thân rắn". Cho nên khi ta nghe tiếng chuông, ai còn nằm cũng phải chờ dậy, chấp tay phát tâm lành, Hiền Thánh đều hoan hỉ.

Chẳng nên cười nhiều, hoặc cười to, cùng ợ ngáp phải lấy tay áo che miệng.

Cười nhiều thời mất chính niệm, cười to thời lỗi oai nghi. Hả miệng hơi ra gọi "ợ ngáp". Ấy là cái dạng mỗi một biếng lười.

Kinh TỶ NI MÃU nói : Có hai thứ hơi : 1.- Hơi trên. 2.- Hơi dưới. Hơi trên khi muốn ra, dừng ngay trước người hả miệng cho ra, phải day mặt đến chỗ không người. Hơi dưới khi muốn ra, chớ cho ra trong chúng, phải tìm phương chước ra ngoài tới chỗ không ai cho ra. Vậy sau mới vào dừng để chúng chê ghét và nhờm gớm. Khi vào "Điện Tháp", chẳng nên cho ra hơi dưới, chẳng những điện tháp mà trước vị "Hòa Thượng", vị "Đại Đức", vị "Thượng Tọa", cũng chẳng nên cho ra hơi dưới có tiếng. Bằng trong ruột có bệnh gấp, phải ra ngoài cho ra, dừng để người sanh tâm nhờm gớm.

Trong ĐẠI LUẬT nói : "Bằng hơi dưới gấp rút; cũng phải ngăn lại. Bằng nín không được, phải trụt bên đường

phong phóng chi. Nhược tại "Thiên" phòng trung, đế giả, bất đắc phóng tứ đại đế, nhược đế lai thời, đương nhân, dĩ thủ yểm tĩ nhị đế, vật linh gi thóa xuất.

Bất đắc cấp hành, bất đắc tương Phật đặng, tư tựu kỷ dụng; nhược nhiên đặng, đương hảo dĩ trạo mật phú, vật linh phi trùng đầu nhập.

Phàm sở động tịnh, tu hộ thân oai nghi, cử bộ tức đương thị địa, vật thương trùng nghi. Tương Phật đặng tư dụng, đương dọa "hắc ám Địa Ngục", sanh sanh thất trí huệ minh, phú đặng như tiên thích.

Cúng Phật hoa, thủ khai viên giả bất đắc tiêu hữu, trừ hủy giả phương cúng tân giả, hủy giả, bất đắc khí địa tiền đạ, nghi trí bình xứ.

Vị tuyển khai phu viên mãn giả, kỳ bán khai, cập tương tàn giả, vật thủ. Tiên hữu, tiền đạ, thị vô tôn kính dã. "Bình xứ" thị vô nhơn hành xứ, diệc phi uest ô xứ.

YẾU DỤNG TỐI Kinh vân : "Tĩ hữu hương giả, do giảm hương khí, vô kỳ phước đức" chánh báo dọa "Ba đầu ma Địa Ngục", thế thế tĩ căn vô hương vị".

NHỰT VÂN Kinh vân : "Hương yên bất tận, phóng địa, đắc diệt khí tội, tận ngũ bá tuế, dọa "phấn thĩ Địa Ngục". Hà dĩ cố ?

Do phóng dật tâm cố, "Hủy giả", "cách túc hoa" dã.

Kinh vân : "Lư bình tịnh tu tịnh thức. Thủ hoa, cập dương chi, đương chú nguyện, "sơn", "trạch".

dưới gió cho ra. Bằng ở trong nhà "Thiên", khi nhảy mũi chẳngặng tự do nhảy mũi lớn tiếng. Bằng khi sắp nhảy mũi, phải nín, lấy tay đè sóng mũi mà nhảy, đừng cho mũi dãi tuông ra.

Chẳngặng đi mau, chẳngặng đem đèn bàn Phật riêng để mình dùng. Bằng thắp đèn, lúc đương cháy, phải lấy lông chụp lại, đừng để trùng bướm ngã vào.

Phàm khi đi đứng, thân phải giữ oai nghi, lúc giữ chân, phải coi dưới đất, chớ hại trùng kiến. Đem đèn bàn Phật riêng dùng sẽ dọa "Địa Ngục Hắc ám", đời đời mất trí huệ sáng suốt, câu chuyện che đèn "đừng để trùng bướm ngã vào" như trước đã giải.

Bông cúng Phật lựa bông nở tròn đủ, tươi đẹp; chẳngặng ngửi trước, bỏ bông héo, phải cúng bông tươi. Bông héo chẳng nên bỏ dưới đất giậm đạp, phải để chỗ vắng.

Lựa bông nở đủ tròn, tươi đẹp là gì ? - Không dùng thứ bông nở phân nửa và gần tàn. Thế nào là ngửi trước và giậm đạp ? - Ấy là không tâm tôn kính vậy. Chỗ "vắng" là gì ? - Là chỗ không ai tới, cũng không phải chỗ như bản gọi là "chỗ vắng".

Kinh YẾU DỤNG TỐI nói : "Mũi ngửi vị hương, do bớt cái mùi thơm của hương, không có phước đức". Chính mắc dọa trong "Địa ngục Ba Đầu Ma" đời đời lỗ mũi không biết mùi hương".

Kinh NHỨT VẤN nói : "Hương chưa cháy hết, bỏ dưới đất giậm đạp mắc cái tội Diệt khí (*quăng bỏ*) cả 500 năm dọa trong "Địa ngục Phất thì" (*nhơ bản*). Vì sao ?

- Bởi tâm buông lung vậy. "Bông héo" tức là "bông cách đêm" vậy.

Kinh THẬP GIỚI nói : "Lư hương, bình bông đều phải lau cho sạch, lúc bẻ bông và cành dương, phải chú nguyện

"thọ" thần, bất đắc bạt kỳ căn chu, đương trực vãng hườn, bất đương mạn đọa ngữ tiếu.

Bất đắc văn hô, bất ứng; phạm hô, cu nghi dĩ niệm Phật ứng chi.

Ứng tự khứ thỉnh, thị đáp từ, hoặc đáp "Nam mô Phật", hoặc đáp "A Di Đà Phật".

ĐẠI LUẬT vân : Đương đáp ngôn nặc.

Phạm thập di vật, tức đương bạch "Tri sự" Tăng.

Hoặc bạch "Tri Sự" nhưn, hoặc bạch "Bổn sự", hoặc trú "Thường Trụ" khổ trung, đái vật chủ lai, ngôn thuyết dữ vật tương đương giả, dữ chi, bất đắc tư nặc.

Tích Lạc Dương Tử, đắc di kim, dữ kỳ thê, thê viết : "Thiếp văn chí sĩ, bất ẩm "đạo tuyên". Liêm giả, bất thọ ta lai chi thực, hưởng thập di tài lợi, di tài lợi, dĩ ô kỳ hạnh hồ ! Dương Tử tâm, toại khí kim ư dã, cầu kỳ tư nặc, thượng bất như nhưt phụ nhưn hí.

PHỤ

Bất đắc dữ niên thiếu "Sa di" kết hữu.

Nhược phi "Đạo An", "Tăng Quang" chi lưu bất khả vi hữu.

Kinh vân : "Phi "hiền" bất "hữu", phi "Thánh", bất tôn ; bất hiếu chi tử, thị tửu chi đồ, chí thú tà

"Sơn Thần", "Thủy Thần" và "Thọ Thần", chẳng đặng nhỏ gốc rễ, phải đi mau về lạ, chẳng đặng trẻ nãi và nói cười".

Chẳng đặng nghe Thầy kêu không đáp, phàm nghe kêu, đều phải đáp câu "Niệm Phật" thế lời.

Lời đáp lại gọi là chữ "Ứng". Hoặc đáp "Mô Phật" Hoặc đáp "A Di Đà Phật".

Trong ĐẠI LUẬT nói : Tiếng đáp cũng như tiếng "ạ".

Phàm lượm của rơi, liền phải thưa Thầy "Tri sự".

Hoặc thưa Thầy "Tri sự", hoặc thưa Thầy "Bổn sự", hoặc để trong kho "Thường Trụ", đợi người chủ vật đến, nói trùng hình tướng của vật ấy, ta cho lại, chẳng đặng lén giấu.

Thuở xưa ông Lạc Dương Tử đi dọc đường lượm được vàng rơi, về nói với vợ rằng : "Hôm nay chàng đi dọc đường xí được một số tiền khá bộn, vẫn biết của hoạch tài bất phú mặc dầu, nhưng tôi với má nó xài chơi ít bữa cho ngỏa nguê, cũng khá ạ " ! Bà Dương Tử nói : "Thiếp đây tuy bổn phận đàn bà quần vận yếm mang, không phải xôi kinh nấu sủ như chàng, nhưng thiếp có nghe : Kẻ chí sĩ chẳng uống nước "Đạo Tuyền" ⁽⁴⁾ người thanh liêm, không thềm ăn cơm mời lời, huống chi chàng cũng là bực Tu mi quán tử học thức như ai, lẽ nào đi lượm của rơi mà nỡ hạnh tốt của mình" ! Bấy giờ ông Dương Tử nghe vợ nói, lấy làm bẽn lẽn, hổ trên sượng sùng vô hạn, liền quăng vàng ngoài đồng nội. Than ôi ! Nếu ta lén giấu, còn chẳng bằng một người đàn bà kia vậy.

LỜI PHỤ

Chẳng đặng kết bạn với thầy "Sa di" tuổi nhỏ.

Chẳng phải những bực như ngài "Đạo An" và ngài "Tăng Quang" chẳng nên kết hạn.

Kinh nói : "Chẳng phải người "hiền", chẳng nên làm "bạn". Chẳng phải bực "Thánh" không tôn thờ, nhưng

tịch, lý hành hung hiểm, bất đắc giao du vãng lai chi nghệ trợt, khuy tổn đạo hạnh".

THÀNH PHẠM vân : "Tư áp ác sư hữu, số tập phóng dật, chủng chủng xúc não Bản sư, sư bất dung sám, đương tái kiên cầu khẩn khát".

Sư cố bất dung, đương tốc thỉnh sư chi thân hữu "Túc đức", chuyển vị thỉnh cầu ai sám hối, vĩnh tuyệt bỉ ố, vô phục tái phạm". Thị cố "Hiền giả", hữu tam úy, ác sư, ác hữu, ác thuật năng chướng chánh đạo, khai đạo tà đồ. Tảo giác tắc thiện, nhược bất tri phản, tắc sanh vô thiếu ích, tử hữu trường ai.

Bất đắc tam y cầu giảm.

Thử thị "Tỳ kheo" tam y. "Ưu bà tắc", thượng sử sức chi linh niệm "phước điền" chi tướng, thị "giải thoát" chi phục; hướng "Sa di" nhi đắc cầu giảm thiểu khuyết ? Diệc bất đắc dĩ "Lạc tử", sung "tam y" số. Nguyên vị linh thức "phước điền" tướng, cập bị tấn cụ thời tu, phi vị sử kỳ phi trước, thảng bàn nan biện, lý diệc vô quá. Kim thời "mạt pháp" "a sư", bất am luật điển, bất tri Như Lai pháp chế, giai linh "Sa Di", phi trước "ngũ điều", "thất điều"; trí sử tại gia nam, nữ, thọ "ngũ giới" giả, lòi đồng phi trước, thâm vi bất pháp, hoạch tội phi khinh, tường như hạ biện.

Bất đắc đa tác y phục, nhược hữu dư đương xả.

Đa tác đa lụy, tủng tứ huyền xu. Cổ vân : "Tấn đạo nghiêm thân, tam thường bất túc, phương danh thiếu dục đạo nhơn. Nhược tự thức vô thường, niệm tha bản pháp, cố hữu dư, tức đương xả chi".

người con bất hiếu, những kẻ thèm rượu, chí thú tà vạy, tánh nết lung lảng, không nên kết bạn tới lui học nghề nơ, kém hư đạo hành tốt của mình".

Thiên THÀNH PHẠM nói : "Gần quen thầy tà, bạn ác, thường tập thói buông lung, đủ cách chọc tức đến Thầy Bốn sư, bằng Thầy không cho sám hối, lại phải bèn lòng cầu khẩn, xin tội".

"Thầy quyết không cho phải mau cầu vị "Túc Đức" và bạn thân của Thầy đến xin giùm, cho ta sám hối, bắt hẳn thói xấu, không dám phạm nữa". Cho nên biết rằng người "Hiền" có ba điều sợ : 1.- Thầy tà, 2.- Bạn ác, 3.- Chước ác; hay ngăn chánh đạo, dẫn đi đường tà. Sớm biết thì hay, bằng không biết xét, thời sống không chút lợi ích, chết có khổ hoài hoài.

Chẳng dạng ba y khiếm thiếu.

Đây là ba y Thầy "Tỳ Kheo", ông "Ưu Bà Tắc" cũng được sắm để kỷ niệm tướng "phước điền", là cái y mặc "Giải thoát", hướng chi "Sa Di" mà hồng khiếm thiếu hay sao ? Cũng chẳng nên lấy cái "Lạc tử" ⁽⁵⁾ thế số "ba y". Nguyên vì cho biết cái tướng "phước điền" và sắm sẵn, chờ khi thọ giới "Cụ Túc" mà dùng, chớ không phải bảo sắm để đắp mặc, nếu nghèo ngặt sắm không nổi, lý cũng không lỗi. Nay nhằm đời "mạt pháp", các bực "Thầy ú ớ", không thuộc pháp luật, không biết phép dạy của đức "Phật", đều cho ông "Sa Di" mặc đắp y "ngũ điều", "thất điều", đến nổi kẻ nam nữ tại gia, thọ năm giới cũng đắp mặc luông tuồng, thiệt là sai phép mắc tội không phải nhẹ, rõ như văn sau sẽ biện bạch.

Chẳng nên sắm nhiều y phục, bằng có dư nên cho.

Sắm nhiều khổ nhiều, buông lung thân huyền. Cho nên nói : "Muốn tấn đạo nghiêm thân ba việc thường (như : *Ấm thực, y phục và thù miên*) bớt bớt, mới kêu là người tu, ít lòng ham muốn. Bằng ta biết tấm thân vô thường, thương người nghèo ngặt, nên có dư ta phải cho".

"Bất đắc biện tinh trí thao phất, ngoạn khí đẳng, trang điểm "giang hồ", thủ tiểu "thức giả".

Bất thức tứ đại bì nang, cố biện tinh trí. Mè hoặc chánh niệm, cố học trang điểm, hiệu tha bất pháp, cố thủ tiểu "thức giả".

Tạm thời du thượng bất khả, hướng kỳ chung niên ngoạn lộng. Sở vị : "Thượng ngoạn tạm thời, bi ưu trường cửu thị dã". Vô hệ lụy giả, viết "giang hồ tán nhơn". Tức tẩu giang hồ quái đáp chi nhơn dã.

Bất đắc trước sắc phục, cập loại tục nhơn y sức, đẳng.

Sức phục, vị hồng, tử, huỳnh, lục, bạch đẳng, nghi trước hoại sắc truy y. Loại tục y sức đẳng giả, hoặc nhan sắc loại tợ, hoặc chế sức loại tợ, như tiểu lãnh trách tộ, vân đầu lý đẳng.

Bất đắc bất tịnh thủ đáp y.

Kính "y" như kính "tháp", cố tu tịnh thủ trì trước. Phàm thủ trì hài miệt hạ y, trảo đầu ma túc, xúc bất tịnh khí, tịnh tu tịnh tẩy, phương chấp dư tịnh vật

Phàm thượng "điện", tu thức phược khổ miệt, bất đắc phóng ý tộ tiện.

Khủng hữu "hạ mao" thoát lạc, cố tu thức phược, nhược tại dư thời cập "tiểu đồng" tử, bất thức vô quá.

Bất đắc nhàn tẩu, bất đắc đa ngôn.

Nhàn tẩu phế tập tụng; đa ngôn, tủng khẩu nghiệp

Bất đắc tọa thị "đại chúng" lao vụ; tử lại thân an.

Chẳng dặng sấm dây lưng tốt đẹp và đồ chơi v.v... trang điểm "giang hồ", làm trò cười cho người "thức giả".

Không biết dây da hôi thúi của thân tứ đại, nên sấm đồ tốt đẹp. Quên mất chánh niệm, cho nên học trang điểm, bắt chước người trái phép cho nên bị người "trí thức" chê cười.

Tạm thời vẫn còn không được, hưởng chi quanh năm chơi ngấm. Nên có câu : "Vui chơi chút lát, buồn lo nhiều đời phải vậy". Thế nào là trang điểm giang hồ ?

- Những người không ràng buộc gọi là người "giang hồ tán nhơn" ⁽⁶⁾, tức là những người quấy, mang, dạo đi xứ này qua xứ khác, mình mông không đình trú một nơi nào vậy.

Chẳng dặng mặc đồ "ngũ sắc" và y phục giống người "thế tục" v.v...

Thế nào là đồ ngũ sắc ? Sắc hồng, sắc tía, sắc vàng, sắc xanh, sắc trắng v.v... Phải mặc áo nhuộm màu xám cho hoại sắc. Giống y phục thế gian là gì ?

- Hoặc giống màu sắc, hoặc kiểu áo giống như nhau : bầu nhỏ, tay chẹt, mũi giày thêu dệt v.v....

Chẳng dặng tay không sạch đắp y.

Kính "Y" như kính "Tháp", cho nên phải tay sạch cầm đắp. Phàm tay cầm giày vớ, cùng quần, gãi đầu, rờ chân, cầm đồ bất tịnh, cũng phải rửa cho kỹ, mới cầm vật sạch khác,

Phàm lên "chánh điện", phải buộc ống quần, chẳng dặng lưng ý tự tiện.

Sợ có "Hạ mao" rụng rớt, nên phải bó buộc, bằng khi ở ngoài và đưa "tiểu đồng" (các em nhỏ) không buộc không lối.

Chẳng dặng đi chơi, chẳng dặng nói nhiều.

Đi chơi phế việc tụng tập, nói nhiều lưng khấu nghiệp.

Chẳng dặng ngồi ngó "Đại chúng" làm việc nhọc mà trốn lánh trộm yên.

"Toạ thị", thị "Vô tầm"; tị lại, tác tổn phước

Kinh vân : Đương tận lực tác chúng Tăng sự.

Bất đắc tư thủ "chiêu đề" trước mộc, hoa quả số thể, nhất thiết ẩm thực, cập nhất thiết khí vật đẳng.

"Phạm ngữ", "chiêu đề", thủ vân : "Tứ phương tăng" "vật; thuộc Thường Trụ, tư thủ tức phạm đạo khiên".

Kinh vân : "Nhược hữu sở dục thủ, đương bạch Tri sự nhưn". "Tăng Chiêu thiên sư", khổ hạnh thiên định đệ nhất, hành "Pháp Hoa tam muội", cảm "Quan Âm Đại Sĩ", vị thuyết pháp, đắc vô ngại biện tài. Hựu kiến "Phổ Hiền Đại Sĩ", thừa bạch tượng, phóng quang chứng minh; tăng dụng "chúng Tăng" diêm nhất toát, tác trai ẩm dĩ dụng vô kỷ, bất dĩ vi ý; hậu hành "Phương Đẳng" sám pháp, hốt kiến tướng khởi, kế tam niên tăng trưởng chí số thập học, nãi cấp mại y, mãi diêm thường chúng, kỳ tướng phương diệt".

Hựu "Thích Đạo Tướng" bạo tử, chí "Minh phủ", kiến nhất bảng đề vân : "Thủ nhưn đạo tăng hạnh thọ, tiết tác sơ tài, tự tăng đạo Quách, thập đắc tàn mộc nhất, khuyết, nhưng kham tác sơ, trị bát thập tiên", đương đọa" hỏa thiêu Địa Ngục". Tướng hườn thuyết chi, quách văn thuyết, tức thời thường hườn. Hựu "Đương Đế nhị niên, tăng Đạo Minh vong", đồng phòng tăng, "Huyền Tự", mộ hành dã gian, hốt kiến tự, vãng đầu chi, ngô Đạo Minh, bất dị bình nhưt, kiến chúng Tăng chúc, giai tác huyết sắc, cử thể hỏa nhiên. Tự cụ vấn chi ? Minh viết : "Thủ thị Địa Ngục, ngô vị thủ tăng sài nhưt thức, chữ nhiễm sắc, vong bất bồi thường, đương nhất niên nhiên tức thọ tội,

"Ngồi ngó", là không biết "hỗ thẹn", trốn lánh thời tởn phước mắc tội.

Kinh THẬP GIỚI nói : "Phải tận lực làm việc chúng Tăng".

Chẳng dạng riêng lấy của "chiêu đê" như : tre cây, hoa quả, rau, cải, tất cả đồ ẩm thực và tất cả đồ đạc v.v...

Tiếng "Phạm Ngũ" gọi chữ "Chiêu Đê", cũng như phương đây gọi "Tứ phương Tăng". Nghĩa là : "của Thường Trụ thuộc về của "Tứ phương Tăng", nếu ta riêng lấy thời phạm tội ăn trộm".

Kinh THẬP GIỚI nói : "Bằng có muốn cần dùng phải thưa Thầy Tri sự". "Ngài Tăng Chiếu Thiên sư" là bậc khổ hạnh thiên định thứ nhất, tu theo Kinh "Pháp Hoa" chứng phép "Tam muội" cảm động đức "Quan Âm Đại sĩ", vì thuyết pháp, dặng bốn pháp vô ngại biện tài. Và thấy đức "Phổ Hiền đại sĩ" cõi con bạch tượng phóng quang chứng minh. Song ngài có dùng một nắm muối của "Chúng Tăng" nấu đồ ăn, vì dùng không bao nhiêu, không có để ý, sau Ngài tu theo pháp sám, kinh "Phương Đẳng", bỗng thấy tướng muối hiện ra, kể ba năm, tăng lên nhiều đến vài mươi giạ. Ngài mới kíp bán y, mua muối thường cho Chúng Tăng, bấy giờ, tướng muối mới dứt".

"Lại đời nhà Tùy, ông Thích Đạo Tướng", khi không chết giắc, xuống dưới "minh phủ", thấy một tấm bảng đề rằng : "Người này ăn trộm cây hạnh của Chúng Tăng, chẻ làm cái lược, ông Thầy trong chùa tên Đạo Quách lược dặng một khúc cây dư cũng tính làm cây xỉ răng, giá đáng 80 đồng tiền", phải đọa trong "Địa ngục hỏa thiêu". Tướng thức dậy, nói cho Quách nghe "Đạo Quách" nghe rồi tức thì bù thường". "Lại đời Tùy, vua Dương Đế niên hiệu thứ hai, ông Thầy tên Đạo Minh chết". Ông Thầy đồng liêu là ông Huyền Tự, buổi chiều đi dạo ngoài đồng, bỗng thấy cảnh chùa bước vào trong gặp ông Đạo Minh không khác chi khi còn sống, thấy Chúng Tăng ăn cháo, trong cháo đều hiện ra sắc huyết, cả mình lửa cháy. Tự sợ hỏi Minh ? Đạo Minh đáp rằng : "Đây là Địa

khiên y kiến tất, hạ tịch tiêu hắc". Nhơn viết : Công hạnh vị ngã, mãi sài bá thúc, bồi huờn "thường trụ" tinh tả "Pháp Hoa" kinh nhất bộ, khả đắc miễn khổ. Tự hứa chi, qui tự y ngôn vi biện, trùng vãng tâm tự, tịch vô sở kiến. "Trí giả" văn chi, thực bất mao thụ.

Bất đắc đàm thuyết "Triều Đình", "Công phủ", chánh sự đắc, thất, cập "bạch y" gia, trường đoản hảo ố.

"Vương thần" chánh sự, thị quốc gia chi "chánh phá"; trường đoản hảo ố, nãi tục gia chi đắc, thất, giao loạn chánh niệm, diệc chiêu họa cứu. Cổ viết : "Bất đắc đàm thuyết".

Kinh vân : "Bất đắc luận thuyết quốc gia chánh sự, bình lượng ưu liệt, xuất quân hành sự, công phạt thắng phụ", thị dã. Tục hí trước bạch phục. Cổ viết : "Bạch y".

Phàm tự xưng, đương cử nhị tự "pháp danh", bất đắc vân "ngã", cập "Tiểu Tăng".

"Tăng" giả, "chúng dã"; thị tứ "Tỳ kheo" dĩ thượng chi xưng, thượng phi nhất "Tỳ kheo" chi danh, huống nhất "Sa Di", nhi đắc vân hồ ?

Ngôn tiểu, tác khinh ư chúng, vân ngã, tác tự tiết ư kỹ; xuất gia thị trần ngoại chi tâm, nãi chi đối vương, hầu, diệc tự xưng danh nhi dĩ. "Sa môn Tăng Chung", kiến "Tê Vô Đế", xưng "Bàn Đạo", "Đế" viết ? "Xưng danh diệc vô hiềm".

ngục bởi ta lấy một bó củi, của Chúng Tăng, nấu nước nhuộm đồ, quên không đèn bù, trọn cả một năm, mắc tội đốt chưng", nói rồi vén áo thầy dưới gối đều nám đen". Đạo Minh yêu cầu "Huyền Tự" rằng : Xin ông vì tôi mua trăm bó củi trả lại của "Trường Trụ" và tả giùm một bộ kinh "Pháp Hoa", nhờ công đức đó, tôi mới được hết khổ. Ông "Huyền Tự" hứa chịu, về chùa y lời làm xong, trở ra tìm chùa khi trước, biến mất không thấy nữa. Ôi ! Người "Tri" nghe đây, ai chẳng đứng lông, ghê lòng.

Chẳng đặng luận nói việc chánh, đắc, thất trong "Triều đình", chốn "công phủ" và việc hơn thua tốt, xấu của nhà thế gian.

Việc chánh Vua tôi, là việc chánh pháp nhà nước; việc hơn thua tốt xấu, là việc đắc, thất của nhà thế gian. Nếu ta luận đến đều loạn tâm chánh niệm, còn mang tội lỗi là khác. Cho nên nói câu : "Bất đắc đàm thuyết" là vậy.

Trong Kinh THẬP GIỚI nói : "Chẳng đặng luận nói, việc chánh trị của nhà nước, bàn luận hay, dở, việc xuất trận, hành binh, đánh dẹp hơn thua" phải vậy. Thế nào gọi Bạch y là người Thế gian ? - Bởi người Thế gian ưa mặc đồ trắng nên gọi là "Bạch Y".

Phàm mình xưng, phải xưng hai chữ "Pháp danh" chẳng đặng xưng "Ta" hay là "Tiểu Tăng".

Chữ "Tăng" là chỉ toàn thể "Chúng Tăng", như bốn Thầy "Tỳ kheo" sắp lên mới được xưng "Tăng". Một Thầy Tỳ kheo còn không đặng xưng Tăng, huống một Sa di mà xưng Tăng thật là trái lẽ.

Sao gọi là "Tiểu Tăng" ? - Chữ "Tăng" không phải nhỏ, mà nói rằng chữ "Tiểu" thời khinh toàn thể chúng Tăng, cho nên nói Tiểu Tăng cũng không phải lẽ. Vì sao không đặng xưng ta ? - Nếu xưng ta, thời té ra mình khinh mình. Vì sao ? - Bởi người xuất gia, là bực ra khỏi trần tục, nhấn đến đối với Vương, Hầu, vẫn tự xưng hai chữ pháp danh mà

Bất đắc nhưn tiểu sự tranh chấp, nhược đại sự nan nhẫn giả, diệc tu tâm bình khí hòa, dĩ lý luận biện; bất khả, tắc từ nhi khứ, động khí phát thô, tức phi "hảo tăng" dã.

Thiệt bị phi pháp vu báng, thượng đương nhẫn nại, dĩ lý thân biện, vật hiện ư nhan sắc; nhược kỳ nhưn, bất khả dĩ lý luận, nãi phương tiện thiện từ nhi khứ. Huống nhưn tiểu sự, nhi tự sân tranh hồ ?

Cố Kinh vân : "Thận vô uẩn tụng, thôi trực ư nhưn, dẫn khúc hướng kỹ, kiến hữu tránh giả, lưỡng thuyết hòa hiệp".

THÀNH QUI vân : "Hữu lý vô lý, tịnh giai xuất viện" hà dã ? Cái tăng đương nhẫn nhục, nhược chấp hữu lý, nhi tranh dã, tức thị "vô minh"; cố đồng tấn chi, tức tránh ư vi manh dã !

ĐẠI LUẬT vân : Bất nhẫn nhục nhưn, hữu ngũ chương quá : nhất, hung ác tăng trưởng; nhị, sự hậu hối hận; tam, đa nhưn bất ái; tứ, ác thịnh lưu bố; ngũ, tử đạo ác đạo.

"TÙY CHÚNG THỰC" ĐỆ NGŨ.

Văn "Kiền chùy" thịnh, tức đương chỉnh y phục.

Phàm mộc thạch đồng thiết, dã nhi hữu thịnh giả, danh viết : "Kiền chùy"; văn thịnh bất dự chỉnh lý, lâm thời tắc hữu sảng sốt chi thất.

Lâm thực chú nguyện, giai đương cung kính.

thôi, "Sa môn" là ông "Tăng Chung" ra mắt vua "Vô Đế nước Tề" xưng hai chữ "Bàn đạo". Vua nói " Xưng hai chữ "Pháp Danh", cũng không ngại gì".

Chẳng đặng nhơn việc nhỏ tranh đua, bằng việc lớn khó nhần cũng phải tâm bình, khí hòa lấy lý luận biện, chẳng đặng, thời từ mà lui, nổi giận thốt lời thô, tức không phải bực "Hảo Tăng" vậy.

Dấu bị những người phi pháp chê bai cũng phải nhẫn nại, lấy lý luận biện và dùng hiện sắc giận, bằng người kia luận lý cũng không đặng, thời khéo lời phượng tiện mà lui. Huống nhơn việc nhỏ mà mình nổi giận tranh đua hay sao ?

Kinh THẬP GIỚI nói : "Dè chớ gây gổ, nhường cái phải cho người, đem việc quấy về mình, thấy người gây gổ, ta nói giải hòa đôi bên".

Bộ THANH QUI nói "Người có lý, người không lý, một mực đuổi ra khỏi chùa". Vì sao ? - Bởi ông "Thầy", bốn phận phải nhẫn nhục, bằng chấp mình có lý, đua tranh tức là "Vô minh" (*ngu ngốc*). Nên đồng đuổi ra một cách. Vậy ai là người có trí, cần dứt việc rầy rà, trước khi chưa móng, mới đúng ? !

Trong ĐẠI LUẬT nói : Người tu không nhẫn nhục có năm điều lỗi : 1.- Hung ác càng thêm. 2.- Sự rời hối hận. 3.- Nhiều người không ưa. 4.- Tiếng dữ khắp đồn. 5.- Chết đạo đường ác.

BÀI THỨ NĂM : "TÙY CHÚNG THỰC"

Nghe tiếng "kiền chùy", liền phải sửa sang y phục

Phàm cây, đá, đồng, sắt đánh mà có tiếng đó gọi là : tiếng "Kiền chùy". Ta nghe tiếng kiền chùy, mà không sửa sang trước; đến giờ, thời có cái lỗi lật đật.

Đến khi ăn, chú nguyện đều phải cung kính.

Thực tiền niệm cúng, cập xướng "Tăng bạt". Thực hậu tụng kệ chú nguyện, giai dương khởi cung kính tâm, bất đắc tán ý mạn đãi, tự tổn kỳ đức.

"Xuất sanh", phạm bất quá thất liệt, miến bất quá nhất thốn, "mạn đầu" bất quá, chỉ giáp hử, đa tắc vi "tham", tiểu tắc vi "Xan", kỳ dư số thể đẩu hủ bất xuất.

Phàm thực, thị mẽ miến sở thành giả, phương khả xuất chi. Nhược số thể, tắc vật loại bất thực, phản thành khí dã. Thất liệt giả, ngôn kỳ cực thiếu, dĩ chú nguyện lực cố năng linh chư quý Thần, biến giai bảo túc. Đa tắc vi tham giả, thị nhất thời chi quyền ngôn, khủng vô thức chi đồ, lang tạ tại địa, linh "Đàn Việt" cơ hiềm. Thiếu tắc bất thành "pháp số", phản thành tiết mạn, cố phi sở nghi.

HÀNH HỘ tuy vân thất liệt, nhi vô "xan tham" chi thuyết.

THANH QUI vân : Phạm bất quá thất liệt, thái thiếu vi "xan", diệc vô "tham" từ, chỉ giáp hử giả.

ÁI ĐẠO Kinh vân : "Xuất sanh bình, như chỉ giáp đại, thị dã".

SỰ SAO vân : "Xuất sanh", hoặc tại đẳng cúng tiền hậu, tùy tình an trí". ÁN TỬ PHẦN LUẬT, Phật linh "Tỳ kheo" thực thời, nhược nhơn, "phi nhơn", ưng thí dữ thực, nãi chí nhất đoàn.

CỰU THÍ DỤ Kinh, cập TẠP SỰ LUẬT : bất đắc thực tận, dương lưu dư, phổ thí quần sanh, vật câu nhất loại.

TRÍ ĐỘ LUẬN : "Linh Sơ thực thời, tiên hiến Tam Bảo hậu thí tứ sanh".

Trước khi ăn, phải tụng bài cúng dường và xướng lời "Tăng Bạt" (7). Ăn rồi phải tụng kệ và chú nguyện đều phải đầy tâm cung kính, chớ nên loạn ý biếng lười thời tổn đức mình.

Cơm "xuất sanh" chẳng quá 7 hột, bún chẳng quá một tấc. Bánh "Mạng đầu" (8) cỡ chừng móng tay, không nên nhiều, không nên ít. Vì sao vậy ? Nhiều thời là "Tham", ít thời là "sén". Ngoài ra các món như là : rau, cải, đậu, mè không nên "xuất sanh".

Phàm đồ ăn, những thứ bột gạo làm ra, mới xuất sanh được, còn như rau cải là những vật "Quý Thần" không ăn, nếu xuất sanh trở thành vật bỏ. Còn xuất sanh 7 hột rất ít, "Quý Thần" làm sao ăn no đủ ? - Bởi nhờ sức chú nguyện, hay khiến các "Quý Thần" khắp đều no đủ. Vì sao nhiều thời là tham ? - Câu ấy, là lời nói tạm thời mà thôi, vì sợ những người không biết, đổ tháo bậy bạ, làm cho người "Đàn việt" chê bai và buồn giận. Còn ít thời chẳng đủ "pháp số", trở thành khinh dễ, và không đúng phép "xuất sanh".

Bộ HÀNH HỘ tuy nói 7 hột, nhưng không có nói lời "xan tham".

Bộ THANH QUI nói : "Cơm chẳng trên 7 hột rất ít gọi là sén", nhưng cũng không nói chữ "Tham". Thế nào chừng bằng móng tay ?

Kinh ÁI ĐẠO nói : "Bánh xuất sanh lớn chừng bằng móng tay, phải vậy".

Bộ SỰ SAO nói : "Bàn xuất sanh, tùy ý mình, sắp đặt để hoặc ở trước hay ở sau bàn cúng các đẳng". Xét trong Luật TỬ PHẦN Phật dạy Thầy "Tỳ kheo", khi ăn cơm phải cúng thí cho người hoặc thần "Phi Nhơn" ăn với, nhấn đến cúng thí một nắm cũng được, tùy chỗ thành tâm.

Kinh CỰU THÍ DỤ và BỘ TẠP SỰ Luật nói : Không nên ăn hết, phải để dư khắp cho các loài, chẳng luận loài nào.

Trong Bộ LUẬN TRÍ ĐỘ dạy : "Khi sắp ăn, trước cúng dường Tam bảo, sau thí đến bốn loài".

"Niết Bàn" kinh. Như "Khoáng đá" quý, thọ "bất sát" giới, bất đắc nhục thực ki tử, Phật sắc : Tùy hữu "Phật pháp" xứ, tất thí kỳ thực; nhược hữu trụ xứ, bất thí thực giả thị ma quyến thuộc, phi Phật đệ tử.

CĂN BỐN LUẬT, "Quý" tử mẫu, tụng Phật thọ giới dĩ, Phật linh "Thiệm Bộ châu", sở hữu "đệ tử" mỗi ư thực thứ, thí chúng sanh thực, ư tăng hàng mật, thiết thực nhất bàn, hô kỳ danh tự, cập ngũ bá tử, giai linh bảo thực, tinh dư hiện tại chúng sanh, giang sơn hà hải, chư "quỷ thần" đẳng, giai tất vật tâm, linh kỳ bảo túc".

Phàm "xuất sanh", an tả chưởng trung, tưởng niệm kệ vân : "Nhữ đẳng quỷ Thần chúng, ngã kim thí nhữ cúng, thử thực biến thập phương, nhất thiết quỷ thần cộng".

Kỳ thực, đương an tịnh bàn tử thượng, như vô bàn tử, phương an chưởng trung, hữu thủ bất trước tịnh vật thượng, đờn chỉ tam biến, niệm kệ dĩ, cánh niệm "biến thực chơn ngôn", "phổ cúng chơn ngôn", các thất biến đại thiện.

Phàm dục thực tác ngũ quán tưởng : Nhất kế công đa thiếu lượng bỉ lai xứ.

Kế công đa thiếu giả, vị dương quán thử thực, như khẩn thực vân trừ, thâu, hoạch, nhu trị, thung ma đào thái, xuy chữ nhi thành, tác phu lưu hạn hiệp tập, thực thiếu hạn đa, công trọng tâm khổ như thị. Nhập khẩu tức thành bất tịnh, túc tích biến vi thử niệu, ố bất dục kiến.

Ngã nhược tham trước, đương đọa "Địa ngục", thôn nhiệt thiết hoàn; xuất vi "súc sanh", thường tha túc trái. Như thị quán dĩ, tâm sanh yểm ly, phương kham thọ thực. Lượng bỉ lai xứ giả. "Thí chủ", vị cầu

Kinh Niết Bàn nói : "Nhơn mẹ con, con quỉ "Khoảng dã" thọ giới bất "sát sanh" không dám ăn thịt đỏi gần chết. Nên Phật dạy tùy chỗ nào có Phật pháp, đều phải thí cho nó ăn, hoặc "Đệ tử Phật", ở chỗ nào mà không thí cho nó ăn ; ấy là bà con với ma, chớ không phải đệ tử của Ngài.

Bộ Căn Bốn Luật nói : "Mẹ con loài " Quỷ, theo Phật thọ giới "Bất sát" rồi Phật dạy : "Trong châu Nam Thiệm Bộ này, chỗ nào có " Đệ tử Phật", mỗi khi bữa ăn thí cho các loài ăn. Vậy ở sau chỗ "Chúng tăng " ngồi ăn, phải lập một bàn "xuất sanh", kê tên "Quỉ mẹ", và 500 Quỉ con, cho ăn no đủ, và chúng sanh hiện tại như : loại ở suối, ở sông, ở núi, ở biển, tất cả "Quỉ Thần" đều đặng đem lòng thương xót và cho ăn no đủ "

Phàn cơm xuất sanh để trong bàn tay bên trái tưởng niệm bài kệ rằng : " Các người chúng quỉ thần ta nay cúng thí cho người, cơm này khắp đủ mười phương, tất cả chúng Quỉ Thần".

Phàn cơm " xuất sanh ", phải để trên bàn cho sạch, bằng không có bàn, mới để trong lòng bàn tay bên trái, rồi tay bên hữu lấy để trên chén sạch, khảy móng tay 3 cái, tưởng bài kệ rồi, lại tưởng chú " biến thực chơn ngôn", và chú " phổ cúng dường chơn ngôn ", mỗi chú bảy biến rất hay.

Phàn tới bữa ăn, phải tưởng năm phép quán. Một là : Kể công nhiều ít, xét chỗ người đem đến.

Thế nào kể công nhiều ít? - Ta phải quán xét cơm này, công khó của người, nào là: cày cấy, làm cỏ, gặt hái, đập sảy, xay giã, vo gúc, xối nấu mới thành, người làm mồ hôi đầm đề, cơm ít mồ hôi nhiều, công nặng khó khổ như thế. Ăn vào miệng rồi, hóa thành đồ bất tịnh, trong cách đem, biến ra đồ nhơ bẩn, ghét chẳng muốn gó.

Bằng ta tham đắm, sẽ đọa "Địa ngục", nuốt hoàn sắt nóng, mãn đời " Địa ngục", làm loài "súc sanh" trả nợ trước cho người. Quán như vậy, sanh tâm nhàm chán, mới nên chịu ăn. So chỗ người kia đem đến là gì ? Người "Thí chủ"

phước cố, giảm tự khẩu phúc, cát thê tử phần, nhi thí tương lai. Nhược vô tu hành, liệt mẽ nan tiêu. Cố vân: "Liệt mẽ trọng như sơn", thị dã.

Nhị : " Thốn kỷ đức hạnh, toàn khuyết ưng cúng.

Tự đương tư duy thốn độ, kỷ chi đức hạnh, như bất trì giới, tọa thiên, tụng kinh, dinh " Tam bảo " sự, tắc đức khuy hạnh khuyết, bất ưng thọ tha cúng thí, thọ tức vi thí sở đọa, đức hạnh tuy toàn, tu du quán pháp, phương tiêu " Tín Thí ". Cố "Thiên Thai" vân : " Bất vấn khát thực, chúng thực, giai tu tác quán". Nhược bất nhập quán, tức nhuận sanh tử, sở vị học đạo thông lý phục thân hườn "Tín Thí", "Trưởng Giả" bát thập nhất, kỳ thọ bất sanh nhi ; niên xỉ ký dĩ cao, viên trung tâm, đất sanh, giáo hữu minh văn, khởi dung bất tín ?

Tam : "Phòng tâm ly quá, tham đẳng vi tông".

Vị thử tâm, cụ túc vô lượng vô minh phiền não chi quá hoạn, nhi "tham", "sân", "si", vi kỳ tông bốn thời đương phòng chi; tông bốn nhược khiến, chư quá đốn ly. Cố ư mỹ thực, bất khởi " tham " tướng ư thô thực, bất khởi "sân nhuế", ư bất thô, bất mỹ thực, bất khởi si tâm. Tác thị quán dĩ nãi khả thọ thực.

DI LẶC SỞ VẤN Kinh luận vân : "Nhất thiết ác pháp, giai tùng tham, sân, si khởi", thị dã.

Tứ : "Chánh sự lương dược, vị liệu hình khô".

Tứ đại thành thân, thường vi cơ khát sở bệnh cầu phi ẩm thực, tắc hình khô sắc tụy, vô do tấn tu đạo nghiệp, thị dĩ ẩm thực, chánh tư thân trị bệnh chi

vì, muốn cầu phước, giảm miệng bụng của mình, bớt phần vợ con, mà đem đến cúng thí. Nếu ta không tu hành, một hạt gạo cũng khó tiêu. Cho nên có câu : "Nhất mễ trọng như sơn" là vậy.

Hai là : "Xét đức hạnh mình đủ hay thiếu mà chịu người cúng dường".

Minh phải nghĩ xét so lường, đức hạnh của mình, như không giữ giới, ngồi thiền, tụng kinh và làm việc "Tam bảo", thời đức kém, hạnh thiếu, không đáng thọ người cúng thí. Vì sao ? - Nếu thọ, thì bị của thí nó làm cho ta phải sa đọa. Đức hạnh tuy đủ, nhưng còn phải tương phép quán mới tiêu của "tín thí". Cho nên Ngài "Thiên Thai" nói : "Không luận của khát thực hay ăn của Chúng Tăng, đều phải tương phép quán", nếu không quán tương thời mắc đường sanh tử. Nên có câu : "Học đạo chẳng thông lý, thân sau đền của tín thí". Ông "Trưởng Già" tuổi 81, cây kia chẳng mọc nấm, tuổi tác đã già, trong vườn nấm chẳng mọc". Kinh có nói rành, đâu dám chẳng tin ?

Ba là : "Ngăn tâm khởi lỗi, tham sân là gốc".

Nghĩa là : Tâm này có đủ không biết bao tội lỗi, nào vô minh, nào phiền não mà cội gốc của nó là : "tham" "sân", "si" thường phải ngăn nó, cội gốc nếu trừ, các tội lỗi liền dứt. Cho nên, đối món ăn ngon, chẳng khởi tưởng "tham", đối món ăn dở, chẳng khởi lòng "sân", đối món ăn vừa vừa không ngon và không dở chẳng khởi lòng "si". Tưởng năm phép quán rồi, mới khá chịu ăn.

Kinh LUẬN DI LẶC SỞ VẤN : "Tất cả các việc ác, đều từ tham, sân, si, mà ra" phải vậy.

Bốn là : "Món ăn là : "Thuốc hay chính thức, chữa được hình gầy".

Tứ đại thành thân, thường mắc cái bệnh đói khát, nếu không ăn uống thời hình gầy sắc héo không do đâu tấn tu đạo nghiệp, cho nên món ăn uống, chính là món thuốc hay

lượng được, tu hành tấn đạo chi cơ quan. Như hữu tham trước, tác phản thành trầm tha hỷ.

A DỤC VƯƠNG Kinh vân : "Ưu Ba Cấp Đa, dĩ nhất khí thanh mắng nhủ mê, hựu dĩ nhất không khí, tịnh trí nhất tham thực "Tỳ kheo" tiên". Ngử ngôn nhữ khả dải lãnh, sảo sảo ẩm chi; nhi "Tỳ kheo" tham thực tâm trọng, tiện xuy sử lãnh, nãi tinh thực chi. "Cấp Đa" viết : "Nhủ mê tuy lãnh, nhữ tâm cố nhiệt, phục tu lãnh chi, đương dĩ bất tịnh quán vi thủy, trừ thử tâm nhiệt. Nhược kiến ẩm thực, như phục được tướng", "Tỳ kheo" thực cảnh, tức tiện thổ xuất, mắng không khí. "Cấp Đa" viết : Nhữ khả cánh thực. "Tỳ kheo" viết : Bất tịnh hà khả phục thực. "Cấp Đa" viết : Nhữ quán nhất thiết pháp, du như di thổ; như vị thuyết pháp, "Tỳ kheo" tinh tấn, tư duy quan sát, đắc "A La Hán" quả.

Ngũ : "Vị thành đạo cố, phương thọ thử thực".

Bất thực, tác hình ly, sắc biến, đạo nghiệp nan tấn kim vị thành tựu đạo nghiệp, cố thọ tư thực, cầu bất vị đạo, tác liệt mẽ nan tiêu.

Cố Cổ Đức vân : "Vị thành đạo nghiệp thí tương lai, đạo nghiệp vị thành tranh tiêu đắc". Phạm vi thọ thực, đương tác thử ngũ quán. Nhược tự tri đạo nghiệp vị thành, tu thâm sanh tâm quý.

Cố Hành Hộ vân : "Sở thực tu sanh tâm quý, thường tác quán pháp" thị dã.

Ma Đức Lạc Già luận vân : "Nhược đắc thực thời, khẩu khẩu tác niệm", đệ nhất đề, mặc niệm vân : "Nguyện đoạn nhất thiết ác"; đệ nhị đề niệm vân : "Nguyện tu nhất thiết thiện"; đệ tam đề niệm vân : "Sở tu thiện căn, hồi hướng chúng sanh phổ cộng thành Phật".

trị bệnh nuôi thân, cơ quan tấn tu đạo hạnh. Bằng ta có tâm tham đắm, thời trở thành cái bệnh nặng (*cổ thực*)

Kinh A DỤC VƯƠNG nói : "Tổ Ưu Ba Cấp Đa lấy một cái bát đựng đầy chất sữa, lại đem một bát không cũng để một bên ông Tỳ kheo tham thực". Tổ bảo : "Ông phải đợi nguội, từ từ uống đó". Nhưng "Tỳ kheo", vì tâm tham thực thúc giục thổi lia, thổi lịa, khiến cho mau nguội, mà bưng uống một lần. "Tổ Cấp Đa" nói : "Sữa kia tuy nguội, nhưng tâm ông còn nóng lại phải nguội đi. Phải dùng phép quán bất tịnh, làm nước rửa, trừ tâm nóng này. Bằng thấy món ăn uống, tưởng như uống thuốc vậy thôi". "Tỳ kheo ăn rồi nghe Tổ nói, liền mưa ra đầy cả một bát không". Tổ Cấp Đa nói : "Người hãy ăn lại đi". Tỳ kheo bạch : "Bát tịnh ăn làm sao được". Tổ nói : "Người phải quán tưởng tất cả các pháp, cũng như hỉ mũi, khạc đàm". Như đó "Tổ" vì thuyết pháp. "Tỳ kheo" tinh tấn nghĩ tưởng quán xét, dạng quả "A la hán".

Năm là : "Vì thành đạo nghiệp, mới thọ cơm này".

Nếu không ăn thời hình gầy sắc ốm, đạo nghiệp khó nên, nay muốn đạo nghiệp được thành nên chịu cơm này. Nếu không vì đạo, thời một hột gạo cũng khó tiêu.

Cho nên bực "Cổ Đức" nói : "Người vì mình thành đạo nghiệp, đem đến cúng thí, đạo nghiệp chưa thành, đầu tiêu dạng ". Phạm khi chịu ăn, phải đủ năm phép quán này. Bằng mình biết đạo nghiệp chưa thành, phải rất sanh tâm xấu hổ.

Trong bộ HÀNH HỘ nói : "Bữa ăn phải sanh tâm xấu hổ thường tưởng phép quán, dầu ngàn vàng cũng tiêu dạng" phải vậy.

Bộ MA ĐỨC LẶC GIÀ LUẬN nói : "Bằng khi được ăn, mỗi miếng thăm tưởng" như : "Miếng thứ nhất thăm tưởng rằng : "Nguyện dứt tất cả việc ác". Miếng thứ hai tưởng rằng : "Nguyện tu tất cả việc lành". Miếng thứ ba tưởng rằng : "Chỗ tu các việc lành, hồi hướng cho tất cả chúng sanh, đều đồng thành Phật".

Vô ha thực hảo ố.

Bất khả ha hiêm thực chi thô mỹ.

Bất đắc dĩ thực tư sở dữ, nhược trích dữ "câu".

Vật thuộc "Tăng già", thực vô thiên đẳng; tư dữ, tức phạm đạo khiên chúng thực vị cảnh dữ cầu tức thành "phi pháp". Thọ thực chánh đương kiên cung tác quán, trích dữ cầu, tức phi oai nghi hi.

Lai ích thực, bất đắc ngôn bất dụng; nhược dĩ bảo, đương dĩ thủ nhượng khước chi.

Ích giả, tấn dã, tăng thêm dã. Ngôn bất dụng, tác thất khiêm tổn, xuất thính, phục động chúng niệm. Nhượng chi tác cung tổn hiệp nghi hi.

Bất đắc trao đầu, sự phong tiết lạc lân bát trung.

Tự thực thượng bất nghi trao đầu, hướng đồng chúng xan; tư hữu tam quá : Nhất, động tha niệm ; nhị, thất oai nghi; tam, nị thủ ô bát, đắc tội.

Bất đắc hàm tự ngữ.

Thiết hữu nhưn vấn, yết dĩ phương ứng, hướng tự ngôn thuyết, khả hò ? !

Bất đắc tiểu đàm tạp thoại.

Tâm tồn ngũ quán, tức vô thử quá dã.

Bất đắc tức thực hữu thính.

Phàm tức thực, tu hiệp thần vấn, bình quả đương tế bách thực chi, diệc bất đắc xuyết canh chúc tác thính.

Như dục khiêu nha, dĩ y tự yếm khẩu.

Chớ chê đồ ăn ngon dở.

Chớ dặng chê, giận đồ ăn ngon và dở.

Chẳng dặng lấy đồ ăn chung cho riêng hoặc quăng cho "chó".

Vật thuộc của "Chúng Tăng", ăn không nên ăn riêng chúng. Riêng cho người, liền phạm tội ăn trộm. "Chúng Tăng" ăn chưa rời, cho chó ăn, thời thành "Phi pháp". Khi ăn cần phải cung kính, tưởng năm phép quán, quăng cho chó tức sái oai nghi vậy.

Đem thêm đồ ăn, chẳng nên nói không dùng, như no rồi, phải lấy tay nhường, xá mà lui.

Đem đồ ăn, là nghĩa đem thêm các món ăn. Nói không dùng là mất phép khiêm nhường. Thốt lời, lại động niệm chúng. Khiêm nhường đó, thời được cung kính và nhằm phép.

Đương ăn chẳng dặng gãi đầu, khiến bay bụi trong bát người gần.

Ăn một mình còn không dặng gãi đầu, huống chi ăn đồng chúng. Gãi đầu có ba điều lỗi : 1 - Động niệm Chúng. 2 - Mất oai nghi. 3 - Nhơ tay và nhơ bát mắc tội.

Chẳng dặng vừa ngậm cơm vừa nói chuyện.

Dẫu có người hỏi cũng phải nuốt miếng cơm cho rời mới đáp, huống chi ta vừa ngậm cơm vừa nói sao dặng ?

Chẳng dặng cười nói bậy bạ.

Tâm giữ năm phép quán, tức không có lỗi đó vậy.

Chẳng dặng nhai cơm có tiếng.

Phàm nhai cơm, phải mím môi lại, bánh trái cũng phải cắt cho nhỏ mà ăn, cũng chẳng dặng húp canh, húp cháo có tiếng "ột ột".

Như muốn xỉa răng, lấy tay áo che miệng lại.

Bất yểm, tắc tự thất "oai nghi", phục linh nhưn yểm ố tâm khởi.

Tự trung, hoặc hữu "trùng nghi", nghi mật yểm tàng chi; mặc linh đơn kiến, sanh nghi tâm.

"Lân đơn", tức "Tỷ tòa" dã; nhược linh bỉ kiến, hoặc nghi ky tâm sanh, trí ư biến thổ, bất năng phục thực dã.

Đương nhất, tọa thực, bất bắc thực ngật, ly tòa cánh tọa thực.

Hữu bệnh vô phạm.

Bất đặc thực ngật, dĩ thủ chỉ quát oản bát thực.

Thị cơ ngạ tương, phi "xuất gia" nghi, diệp bất đặc dĩ thiệt sĩ thực.

Phàm thực, bất đặc thái tốc, bất đặc thái trì.

Tốc, đặc thất nghi. Trì, tắc động chúng. Diệp bất đặc di liệt lang tạ nhi thực. Bất đặc hiệp thực; bất đặc súc tỉ thực, đẵng.

Hành thực vị chí, bất đặc sanh phiền não.

Hành thực, thị ích thực dã. Ngũ quán tồn tâm, thời hoài tầm quý, tắc phiền não bất sanh hĩ. Cổ vân : "Ngai ngai tứ cố khởi tham sân, niệm thực thôn tân khái thẩu tần, lộc chúc xuyên canh bao mãn khẩu, khai đơn triển bát hướng chư lân".

Hoặc hữu sở nhu, mặc nhiên chỉ thọ, bất đặc cao thỉnh đại hoán.

Không che thời mình lỗi "oai nghi" và khiến người sanh tâm nhòm gớm.

Trong cơm hoặc có "sâu bọ", phải kín che giấu đưng để người ngồi gần thấy sanh lòng nghi, ăn không được.

"Ngồi gần" một bên gọi chữ "Lân đơn". Bằng để người ngồi gần một bên thấy, họ sanh tâm nghi ngại, đến nổi ủa nửa không ăn nữa được.

Phải ngồi một chỗ mà ăn, chẳng dặng ăn rồi, khỏi chỗ ngồi, lại ngồi ăn nữa.

Trừ người có bệnh thời không phạm.

Chẳng dặng ăn rồi, lấy ngón tay vét trong chén bát mà ăn.

Ấy là tương đối khát, chẳng phải phép tắc người "xuất gia", cũng chẳng dặng lấy lưỡi liếm mà ăn.

Phàm ăn, chẳng dặng mau lăm, chẳng dặng lâu lăm.

Mau thời lỗi phép tắc. Lâu thời động chúng. Cũng chẳng dặng lượm hột rơi đổ mà ăn. Chẳng dặng ăn phùng má. Chẳng dặng vừa ăn, vừa hít mũi "chụt chịt".

Dem đồ ăn chưa đến, chẳng dặng sanh phiền não.

Dem đồ ăn nghĩa là dem thêm các món ăn nữa vậy. Tâm giữ đủ năm phép quán, thường sanh lòng hổ thẹn thời phiền não chẳng sanh vậy. Nên "Cổ Đức" có câu : "Ngai ngại tứ cố khởi tham sân, niệm thực thôn tân, khái thấu tân, lộc chúc xuyên canh bao mãn khẩu, khai đơn triển bát, hương chư lân". Nghĩa là : "Ngó trông bốn phía, khởi tham sân, nghi ăn, nuốt miếng ho khạt rần. Húp cháo lua canh, đầy tràn miệng. Mở đơn khua bát, tiếng vang rần".

Hoặc có cần dùng, yên lặng chỉ trao, đưng nên cao tiếng nói lớn.

Nhu đồng tu, sách dã, vị dĩ chỉ thọ linh tri, bỉ vị thủ dã.

Bất đắc oản bát tác thính.

Như tiên đệ "cửu giới" trung thích.

Bất đắc thực tất tiên khởi.

Trừ hữu cấp sự, cập bệnh bất năng cứu tọa, vô phạm.

Nhược vi "Tăng" chế, văn "Bạch Chùy", bất đắc cảm cự bất phục.

Bạch chùy, thị "cử tội" chi qui. Cảm cự, thị để xúc "bất thuận chi mạo", như kỳ bất phục, sanh sân vi hòa tức phi "Hảo Tăng".

Cổ nhưn : "Văn thiện ngôn tác bá", "hữu cáo quá tác hỉ", tứ giai "Thánh Hiền" khí tượng, hà bất hiệu chi ?

Phạn trung hữu cốc, khứ bì thực chi.

"Mạng" y thực trụ, "đạo" do thực tồn, cố nghi tích chi, bất khả tiện khí.

"Chi Phùng Thiên Sư", nhất nhất yển tọa, hữu "Thần" qui ư tiên. Sư vấn : Vi thì ? -Viết : "Hộ Giới thần" dã - Sư viết : Ngô lự túc khiên vị diễn, nhữ tri chi hồ ? - Viết : Sư hữu hà tội, duy tiểu quá nhĩ. - Sư viết : Hà dã ? - Viết : "Phàm chiết bát thủy, diệc Thí chủ vật, sư thường triếp khí chi, phi sở nghi dã". Ngôn ngật nhi ẩn. Sư tự thử, tất ẩm chi.

Bất đắc kiến mỹ vị, sanh tham tâm, tứ khẩu thực.

Bất tri thực chi quá hoạn, cố tứ tham vô yểm.

Cần dùng đôi hồi phải lấy ngón tay ra dấu cho biết để người giúp giùm cho ta.

Chẳng đặng khua chén bát nổi tiếng.

Các "oai nghi" như trên, đến trong "giới thứ chín" sau đây có giải rành.

Chẳng đặng ăn rồi dậy trước.

Trừ có việc gấp và có bệnh. ngồi lâu không nổi, dậy trước không phạm.

Bằng có lỗi phép "Chúng Tăng" nghe tiếng "Bạch chùy" chẳng đặng kinh chống chẳng chịu.

Bạch chùy là gì ? Là phép "cử tội". Chống cái là gì ? Là cái dạng "Chống chối không thuận" bằng mình không chịu, sanh sân, trái phép "Lục Hòa" tức không phải bực "Hảo Tăng".

Xưa như Vua Võ "nghe lời lành thời lạy". Thầy Tử Lộ "nghe người chỉ lỗi thì mừng" đó là khí tượng "Thánh Hiền", sao ta không bắt chước ?

Trong cơm có thóc, lột bỏ vỏ mà ăn đó.

"Mạng" nhờ ăn mà sống, "Đạo" do ăn mà còn. Cho nên phải yêu tiếc chớ nên khinh bỏ.

Ngài "Chí Phùng Thiên Sư", một hôm ngồi yên tịnh, có vị "Thần" quì trước mặt. Sư hỏi là ai ? - Thần đáp : Tôi là "Thần hộ giới vậy" - Sư nói : Ta lo tội trước chưa xong, ngươi có biết đó ư ? - Thần nói : Sư có tội chi, duy có lỗi nhỏ thôi. - Sư hỏi : Lỗi gì ? - Thần đáp : "Phàm nước tráng bát, cũng là vật người Thí chủ, Sư thường hất đổ, chẳng phải phép như vậy". Nói rồi ẩn mất. Sư từ đó đều uống hết.

Chẳng đặng thấy món ngon sanh lòng tham, lung miệng mà ăn.

Bởi không biết việc tội lỗi của sự ăn, nên buông lòng tham không chán.

"Như tích nhất Sa Di, tham ái lạc vị, tử tức tác lạc bình trung Trùng".

"Phục nhất Sa Di, tham trước Long cung hương phạn. Tử hậu vi long, dục đoạt Long cung, sát chư long thuộc, vi hại phi tiêu". Thị cố ư thực, bất khả sanh tham tâm dã.

Bất đắc thiên chúng thực.

"Tăng vật" thiên chúng, chuẩn trị thành tội, tự vật thiên chúng, thị vô tầm nhờn.

"LỄ BÁI" ĐỆ LỤC

Lễ bái bất đắc chiếm diện trung ương, thị "Trụ trì" vị.

Túng vô "Trụ Trì", diệp hữu "Giám Tự", phục đương phương hậu lai chi chơn. Trụ Trì giả, hoàng dương chánh pháp nhờn dã.

Hữu nhờn lễ Phật, bất đắc hưởng bỉ nhờn đầu tiên kinh quá.

Kinh cận dã quá dã. Kinh quá, nhất tự thất tôn kinh, nhị loạn tha quán pháp, hoạch tội phi khinh dã.

Phàm hiệp chương, bất đắc thập chỉ sân si, bất đắc trung hư, bất đắc tương chỉ sáp tỉ trung, tu bình hung, cao dê đắc sở.

Sân si, trung hư giai thuộc mạn đọa; sáp tỉ, cao dê, thị nghi bất trúng tiết, hữu thất quan chiêm dã.

Bất đắc phi thời lễ bái, như dục phi thời lễ tu dĩ nhờn tịnh thời.

Phi thời, vị bất hiệp chúng qui, tác vi nghịch tăng chế. Nờn tịnh, tác bất linh chúng động niệm.

"Như xưa, một ông Sa Di, tham ưa vị Tô Lạc. Chết liền làm con Trùng trong bình Tô Lạc".

"Lại có một ông Sa Di, tham đắm hột cơm thơm dưới Long Cung. Chết rồi làm Long Vương, muốn giựt chốn Long cung, giết các loài rồng, mắc hại không phải nhỏ" xem đó thì biết món ăn có hại chừng nào ? Chẳng nên sanh lòng tham vậy ?

Chẳng đặt ăn mịch chúng.

Vật của "Chúng Tăng" ăn mịch chúng định giá thành tội. Vật của mình, ăn mịch chúng, là người không biết trên.

BÀI THỨ SÁU : "PHÉP LỄ BÁI"

Lễ bái, chẳng đặt đứng chính giữa chùa; ấy là để nhường cho vị "Trụ Trì" vậy.

Dầu không vị "Trụ Trì", cũng có ông "Giám, Tự". Lại cũng phòng những người đến sau chiêm lễ mà mình đã choán. "Trụ Trì" là gì ? Là người hoàng dương chánh pháp vậy.

Có người lễ Phật ta chẳng đặt đứng gần và đi ngang qua trước đầu người lạy.

Đứng gần và đi ngang qua có hai điều lỗi : 1.- Mình mất vẻ tôn kính. 2.- Loạn phép quán của người, mắc tội thật không phải nhẹ.

Phàm chấp tay chẳng đặt mười ngón so le, chẳng đặt bọng chính giữa, chẳng đặt nhét ngón tay trong mũi, phải bằng ngực, cao thấp vừa chừng.

So le, bọng chính giữa đều thuộc về lối biếng nhác. Nhét trong mũi và cao thấp ấy là oai nghi không nhằm phép có cái lỗi về sự quán tưởng và chiêm ngưỡng.

Chẳng đặt lễ bái phi thời. Bằng muốn lễ phi thời phải chờ khi người vắng (ngủ nghỉ).

Sao gọi phi thời ? Nghĩa là không nhằm qui luật trong chúng, thời có cái lỗi trái nghịch phép chúng tăng.

Sao gọi là người vắng ? Nghĩa là : Lạy trong khi vắng người thời khỏi phải động niệm trong đại chúng.

Sư lễ Phật, bất đắc dữ sư tịnh lễ, đương tùy sư hậu viễn bái.

Tịnh, thị tử tịnh tề lễ; tùy hậu, vị tại sư chi thân hậu, diệc bất nghi bức cận, cố vân "Viễn bái".

Sư bát nhơn bất đắc dữ Sư đồng bái.

Đồng bái, tắc tôn ti chi nghi thất hí.

Tại sư tiền, bất đắc dữ đồng loại tương lễ, tại sư tiên bất đắc thọ nhơn lễ.

Đồng loại lễ, tắc thất tôn ti chi phần, thọ nhơn lễ, tắc thất tự ti chi nghi.

Kỷ thủ trì kinh tượng, bất đắc vị nhơn tác lễ.

Kinh tượng nãi nhơn thiên sở tôn, khởi nghi trì chi; lễ nhơn.

PHỤ

Phàm lễ bái, tu tinh thành tác quán giáo liệt thất chưởng lễ bất khả bất tri.

Bất tạp dư niệm, viết "Tịnh". Chơn thật trí kinh viết "Thành".

Thất chưởng lễ dã ?

- Nhất ngã mạng lễ.
- Nhị cầu danh lễ.
- Tam thân tâm cung kính lễ.
- Tứ phát trí thanh tịnh lễ.
- Ngũ thông nhập pháp giới lễ.
- Lục chánh quán tu thành lễ .
- Thất thiệt tướng bình đẳng lễ.

Tiên nhị phi lễ. Hậu ngũ, nghĩa hữu thiên thâm, như dư xứ thích, thử bất phiên xuất.

Thầy lạy Phật chẳng đặng cùng Thầy đồng lạy, phải theo sau xa Thầy mà lạy.

Thế nào chẳng đặng cùng Thầy đồng lạy ? Nghĩa là : Sánh ngang hàng với Thầy đồng lạy.

Thế nào lạy sau và xa Thầy ? Nghĩa là : Lạy ở sau thân Thầy và cũng chẳng phải khít gần một bên, cho nên nói rằng "Viễn Bái".

Thầy xá người, không phép đồng Thầy cùng xá.

Đồng xá, thời mất phép tôn ti vậy.

Ở trước Thầy chẳng đặng cùng người đồng bực lạy nhau. Ở trước Thầy chẳng đặng chịu cho người lạy mình.

Đồng bực lạy nhau, thời có lỗi mất phần tôn ti; chịu cho người lạy mình, thời có cái lỗi sai phép thấp mình đối với Thầy.

Tay cầm Kinh tượng, chẳng đặng vì người xá lễ.

Bởi kinh tượng, chính người trời còn tôn kính, đâu phép cầm kinh tượng mà xá người ư ?

LỜI PHỤ

Phàm kính lễ, phải tinh thành quán tưởng. Kinh có dạy bảy phép lạy, chẳng khá chẳng biết.

Không xen niệm khác gọi là chữ "Tinh". Tâm chơn thật rất kính gọi là chữ "Thành".

Bảy phép lạy là gì ?

- 1) Lạy ngã mạn.
- 2) Lạy cầu danh.
- 3) Thân tâm cung kính mà lạy.
- 4) Mở trí thanh tịnh mà lạy.
- 5) Thông nhập pháp giới mà lạy.
- 6) Tưởng chính thật tu mà lạy.
- 7) Thật tướng bình đẳng mà lạy.

Hai phép lạy trước không đúng phép lạy. Năm phép sau mới đúng phép lạy. Nhưng năm phép lạy này nghĩa lý có cao có thấp. Như các chỗ khác rộng giải, văn nhiều đây chẳng chép ra.

"THÍNH PHÁP" ĐỆ THẤT

Phàm ngộ quái thượng đường bài, nghi tảo thượng đường, mặc đãi pháp cổ đại lời.

Nhược bất tảo vãng, lâm thời sáng sớt thất nghi, thân tâm phiền tảo bất kế pháp lý.

Chỉnh lý y phục, bình thị trực tấn.

Y chỉnh tắc nghi túc; bình thị, tắc tâm đoan; trực tấn, tắc biểu chánh dã.

Tọa tất đoan nghiêm.

Thân nghiệp túc dã.

Bất đắc loạn ngữ.

Khẩu nghiệp túc dã.

Bất đắc đại khái thóa.

Nhất tắc động chúng. Nhị tắc ô địa. Tam hoạch tội phi tiểu.

Tường như kinh thuyết. Phàm văn pháp như cơ đắc thực, như khát đắc ẩm, thốn âm vô khí, bất yếm đa văn, phương danh Phật tử.

PHỤ

Phàm thính pháp, tu văn nhi tư, tư nhi tu.

Thử thị, văn, tư, tu, tam huệ, khuyết nhất bất khả. Nhược văn nhi bất tư, như như chướng điền, bất hạ chướng tử. Tư nhi bất tu, như bất quán khái vân trừ chung vô kiết thiệt. Tam huệ đắc tự tắc "Tam Thừa" chi quả, khả hoạch hĩ.

Bất đắc chuyên ký danh ngôn, dĩ tư đàm bính.

Chuyên ký danh ngôn, như như thuyết thực, diệp như sở tha trân bử. Nhược tư đàm bính, căng

BÀI THỨ BẢY : "THÍNH PHÁP"

Phàm gặp bảng treo trên nhà giảng đường, phải sớm lên nhà giảng đường chờ đợi trống pháp đánh reo, mới đến.

Bằg không sớm đến, tới giờ lật đật mất oai nghi, thân tâm hời hợt không nhận dạng lý màu của pháp.

Sửa sang y phục, bằg xem thẳng tới.

Sửa y, thời nghi nghiêm. Bằg xem, thời tâm chính. Thẳng tới, thời hình ngay vậy.

Ngồi phải đoan nghiêm.

Là thân nghiệp nghiêm vậy.

Chẳng dặng nói bậy.

Là khẩu nghiệp nghiêm vậy.

Chẳng dặng ho khạc lớn tiếng.

Có ba việc không dặng tiện : 1 - Động chúng; 2 - Nhơ đất; 3 - Mắc tội không phải nhỏ.

Rõ như trong kinh THẬP GIỚI nói : Phàm nghe pháp tướng như đói được ăn, như khát được uống, tất bóng không bỏ, chẳng nhàm nghe nhiều mới gọi là Phật tử

LỜI PHỤ

Phàm nghe pháp phải nghe mà nhớ, nhớ mà tu.

Ba huệ : Văn, Tư, Tu, đây thiếu một không dặng. Nếu nghe mà không nhớ, như người cày ruộng, không xuống hạt giống. Nhớ mà không tu, như có xuống giống, nhưng không tưới nước và làm cỏ, rốt không kết hạt. Ba huệ dặng thứ lớp thời quả "Tam Thừa" quyết dặng vậy.

Chẳng dặng chuyên nhớ lời hay, để giúp câu văn lý luận.

Chuyên nhớ lời hay, mà không thực hành, thời không ích chi cho đạo. Như người nói ăn mà không ăn, thời bao

khoa tri kiến, bất cầu lý ngộ tăng trưởng mạn tràng, phản thành độc được.

Cố vân : Học giả, vi tứ sự dọa lạc ?

Như PHÁP LUẬT TAM MUỘI Kinh vân :

Nhứt học bất tri thiện quyền phương tiện, khinh mạn sư hữu, vô hữu nhứt tâm, kỳ ý sở chuyển.

Nhị học văn đặc tấn, vô hữu đạo lực dẫn tham danh dự, vọng như kinh thị.

Tam học sở thị sự, bất cần khổ, đương đắc thành tựu, hư sức cống cao.

Tứ háo học đạo, phản trì dị thuật, tử Phật thâm kinh, ngôn đạo đồng đảng, tử chi ác kiến, thậm ư độc được, hữu hại "pháp thân huệ mạng" dã.

Bất đắc vị hội xưng hội, nhập nhĩ xuất khẩu.

"Hội" dã, "lãnh ngộ" dã, vị hội xưng hội, thị tự khi bất thiết. Nhập nhĩ xuất khẩu, tức vô kế ngộ cơ.

Cổ nhưn vân : "Quân Tử chi học, nhập hồ nhĩ, trước hồ tâm, bố hồ tứ chi, hình hồ đồng tịnh .

Tiểu nhưn chi học, nhập hồ nhĩ, xuất hồ khẩu, nhĩ, khẩu chi gian, tứ thốn nhĩ, hạt túc dĩ mỹ thất xích chi xu".

Niên thiếu sa di, giới lực vị cố, nghi cánh học luật, bất đắc tảo phó giảng diên.

Giới lực vị kiên, tắc tâm chí vô định, túc cân vị ổn, tùy phong thương há.

giờ no bụng, cũng như đếm ngọc báu của người, rốt cuộc mình không có một đồng nhỏ. Bằng cậy tài nghề, khoe khoang chỗ trí kiến, không cần tỏ lý, thêm lớn cây cờ ngã mạn, trở thành thuốc độc. Co nên có câu :

"Người học có bốn việc phải đọa lạc".

Thế nào là bốn việc ?

Như kinh PHÁP LUẬT TAM MUỘI nói :

1).- Học không biết quyền hay chức khéo, khinh để Thầy bạn, không có nhất tâm, ý hay đời đời.

2).- Học văn chầy chuốt, không có thực hành, chỉ ham danh dự, trông người kính trọng.

3).- Học chỗ hầu Thầy, không chịu khổ, vừa được khá khá, bươn bả cống cao.

4).- Ưu học sách ngoại đạo, lại đem nghề lạ, sánh với kinh cao của đức Phật, nói ngoại đạo đồng bậc. Những ác kiến như đây, lắm hơn thuốc độc có hại cho "pháp thân huệ mạng" vậy.

Chẳng đặng chưa tỏ ngộ, nói mình tỏ ngộ, vào tai ra miệng.

"Tỏ Ngộ" cũng như "lãnh ngộ", chưa tỏ ngộ mà xưng tỏ ngộ là mình dối trá không thật.

Vào tai ra miệng, tức không chỗ tỏ ngộ.

Người xưa nói : "Việc học người Quân Tử, vào lỗ tai, để trong lòng, bủa khắp đến "tứ chi" bày theo khi động tịnh.

Còn học của kẻ "tiểu nơn" vào lỗ tai, ra lỗ miệng trong khuôn khổ tai miệng chừng bốn tấc thôi, đâu đủ, cho tốt cái thân bảy thước ư" ?!

Ông "Sa Di tuổi nhỏ giữ giới chưa chắc, lại phải học luật, chớ nên sớm tới trường giảng kinh, luận.

Giữ giới chưa chắc, thời tâm chí không định, gót chân chưa vững, theo phong trần tấp dập xuống lên.

Hướng đại tiểu nhị thừa, "tánh tướng" lưỡng tông, hề năng dung hội. Phi xả thử hân bỉ, tắc bác vô "nhơn quả", hổ tương dè độc, trí chiêu "vô gián" trọng khiên. Cố bất khả bất thận dã !

NGŨ KHỔ CHƯƠNG CÚ kinh, Phật ngôn : Phù "thiện tri thức" dục giáo tân học, sảo sảo dĩ tiệm, giáo ngữ ma sự, linh hộ ma nhơn duyên ? Sanh tử tội khổ, ngũ đạo phân minh, linh tín tội phước, sự sự liễu liễu, nãi khả ngữ đạo".

"TẬP HỌC KINH ĐIỂN" ĐỆ BÁT

Nghi tiên học Luật, hậu học tu đa la, bất đắc vi việt.

Học giả ? Giác dã, giác ngộ sở bất tri dã; hựu học du sức dã, khí bất sức, tắc vô dĩ thành mỹ quan; Nhơn bất học, tắc vô dĩ thành "Thánh Đức", cố học, sở dĩ sơ thần đạt tứ, di tình trị tánh "Thánh nhơn" chi thượng vụ. Cố vân : Mộc vô chi, vị chi hối; nhơn bất học, vị chi cố. Tự cố "Thánh Hiên" du vụ ư học, hướng kim phạm phu hữu bất học; nhi thành nhơn tai !?

' "Phạm ngữ : "Tu đa la" thử vân : "Kinh" KINH du "Kính" dã. Thị "Tam Thừa" nhơn du lý, nhi thông chí "Niết Bàn" chi kính lộ dã.

Phù học tất y "Thánh Giáo" bất đắc vi bối việt thứ nhi học, cố tiên LUẬT hậu Kinh như đắc thắng

Hướng chi "Đại" "Tiểu" hai Thừa, "Tánh" và "Tướng" hai tông, làm sao thông hiểu đặng. Chẳng phải bỏ dây ham kia, thời cũng bác rằng không "Nhơn", không "Quả", chê bai lẫn nhau, đến nỗi chước lấy tội nặng "Vô gián". Thật chẳng khó chẳng kiêng dè ư !

Kinh NGŨ KHỔ CHƯƠNG CÚ Phật dạy : Luận như ông "Thiện tri Thức", muốn dạy kẻ mới học, thủng thẳng, dần dần giảng dạy việc ma cho nó biết nhơn duyên ma để giữ gìn. Tội nặng đường sanh tử, năm đường phân rành khiến nó tin tội phước, mọi sự lâu thông, bây giờ mới nói qua đạo Phật.

BÀI THỨ TÁM : "TẬP HỌC KINH ĐIỂN"

Trước phải học Luật, sau học các bộ kinh, chớ nên vượt bực.

Học là gì ?

Học nghĩa là biết, là tỏ biết cái chỗ mình chưa biết vậy. Lại chữ Học cũng có nghĩa trau dồi, như món đồ không trau dồi, thời không lấy chi thành món đồ để coi cho tốt. Người không học, thời không lấy chi thành "Thánh Đức", cho nên việc học, để cho mở tâm thần thông ý tứ, vui lòng sửa tánh, là việc trước nhất của bực "Thánh Nhơn".

Người xưa nói : "Cây không cành gọi là cây cùi. Người không học gọi là người mù"; Từ xưa các "Thánh Hiền" còn chuyên việc học, hướng kẻ phạm phụ, đời bấy giờ, có ai không học mà thành người ư !?

Thế nào là các Bộ Kinh ?

Tiếng "Phạm Ngữ" gọi là "Tu Đa La" cũng như tiếng Hán nói chữ "Kinh".

Chữ "Kinh" là nghĩa "thẳng tắt" là con đường thẳng tắt trải qua bực "Tam Thừa" và đến quả "Niết Bàn" của đức Phật cho nên gọi là "Kinh".

Luận người học phải y lời Phật dạy, chẳng dặng bỏ thứ lớp mà học, cho nên trước học luật, sau học kinh, như thợ mộc có dây mực, quy củ nắm chắc trong tay.

mặc qui củ tại thủ. Tiên "Kinh" hậu "Luật", như khiếm thàng mặc, tắc phương viên thất, độ hĩ.

Phàm học nhất kinh, tu tiên bạch sư; kinh hoàn cánh bạch biệt học mỗ kinh.

Sa Di thức kiến vị quảng, bất tri pháp chi thứ đệ, học chi sở nghi, cố tu tiên bạch, sư hứa nhiên hậu học, đương nhật hữu sở tấn, ôn cố tập tân, tấn nghiệp chi hà, thường thị sư trắc.

ĐẠI LUẬT, Phật linh nhị chương học nghiệp. Nhứt tụng giải. Nhị Thiên Tư.

BÁT NHÃ Kinh vân : 1.- Thiên học, vị chi khai trí. 2.- Giảng học vị chi diễn trí.

Bất đắc khẩu xuy kinh thượng trần.

Nhật khẩu khí xú uest. Nhị thất tôn kính tâm. Ứng dĩ tịnh vật phát chi.

VĂN THÙ VẤN Kinh vân : "Trang nghiêm cúng dường cụ, dĩ khẩu xuy khứ khôỉ giả, dọa "Ưu Bát La" Địa Ngục, bàng báo tác "Phong Thần Vương".

Bất đắc kinh án thượng, bao tàng trà mạt tạp vật.

Dĩ ô trắc khinh kinh, cố dã.

THANH QUI vân : "Tư tàng trà mạt, thủ tiểu bàng quan".

Nhơn duyệt kinh, bất đắc cận bỉ án tiền kinh hành.

1.- Tự thất kính nghi. 2.- Loạn tha tâm niệm
Phàm kinh tịch tổn hoại, nghi tốc tu bổ.

Trước học Kinh sau học Luật như thợ mộc thiếu dây mực, thời kiểu mẫu vuông tròn ắt là sai phép.

Phàm học một bộ kinh, trước phải thưa Thầy, kinh dó rồi lại bạch học kinh chi khác nữa.

Ông Sa Di, kiến thức chưa rộng chẳng biết thứ lớp Phật pháp, học sao là phải, nên phải bạch trước. Thầy cho rồi mới học. Mỗi ngày có chỗ học tới, ôn cũ biết mới. Những ngày nghỉ học, phải hầu bên Thầy.

Trong ĐẠI LUẬT, Phật dạy "Sa Di" có hai phép học. Thế nào là hai phép học ?

1.- "Tụng kinh và hiểu nghĩa". 2.- "Tham thiền và quán tưởng".

Kinh BÁT NHÃ nói : 1.- "Học tham thiền gọi mở trí. 2.- Học kinh gọi là rộng trí".

Chẳng đặng miệng thổi bụi trên kinh.

Có hai lỗi : 1.- "Hơi hôi trong miệng". 2.- "Mất tâm cung kính". Cần phải lấy vật sạch lau đó.

Kinh VĂN THÙ VẤN nói : "Sắm sửa đồ cúng dường mà lấy miệng thổi sạch bụi trên đồ cúng đó, dọa trong "Địa ngục" "Ưu Bát La", mắc báo làm ông "Thần gió" (*Thần ở theo luồng gió*).

Chẳng đặng trên ghé kinh, để gói trà, cùng các vật lật vật.

Do vì như ghé và khinh kinh vậy :

Bộ THANH QUI nói : "Riêng để trà nát và đồ lật vật, chi khỏi kẻ bàng quan chê cười".

Người coi kinh, ta chẳng đặng đứng gần và đi trước ghé kinh người coi.

Có 2 điều lỗi : 1.- "Minh mất vẻ cung kính". 2.- "Rồi loạn tâm niệm người".

Phàm kinh sách rách hư, phải mau bồi sửa.

Tịch thị kinh điển, tổn tức tốc bổ, vô chí hoại lãn. Kinh như phụ mẫu, phụ mẫu hữu bệnh, khả bất tốc trị nhi chí ư nan liệu trì hĩ.

"Sa di" bốn nghiệp vị thành, bất đắc tập học ngoại thơ, "tử sử" trị thế điển chương.

Bốn nghiệp vị thành giả, vị thập luật vị thuận, oai nghi vị cụ, cập "Sa di" sở ứng học chi kinh pháp, như TỬ THẬP NHỊ CHƯƠNG, DI GIÁO, PHÁP HOA, LĂNG NGHIÊM kinh đẳng...

"Tử sử" ? Tử, vị "bá gia chư tử". Sử, vị chư quốc sử tịch.

Phàm hữu nhất đại quân thân, tất hữu nhất đại chi "sử". "Sử" giả ? Sở dĩ ký đương thời pháp, bất pháp, đắc thất chi tích dã. Như "Nghieu Thuấn" chi đức, tất thơ. "Chích", "cược" chi hạnh, tất thơ. Thiên thời "nhơn sự", thiện ác tàng phủ mạc bất, tất lục, dĩ cảnh hậu thế, thủ tín tương lai, cố vị chi TÍN SỬ dã.

"Ngoại thơ" ? Vị "Tứ thơ", "Ngũ Kinh", tư nãi trị quốc, tề gia, tu thân, chi điển thuật; do kỳ giáo chỉ tu thân, cố danh vi "ngoại".

"Tam Thừa" Thánh giáo, giáo tịnh tâm hoặc danh chi vi "nội".

PHỤ HÀNH vân : Nhược học "ngoại thơ" "tiểu thừa" giáo trung, vị phục "ngoại đạo", thập nhị thời, hứa nhất thời, tập "ngoại điển".

Nược "đại thừa trung", sơ tâm "Bồ Tát", nhất hướng bất hứa, thả linh tấn hành, chí lục căn tịnh vị, học ứng bất nan, nhi diệc vị văn dã

Kinh hay là sách khi rách hư, ta mau bồi sửa, đừng để đến nổi rách mèm. Vì sao ? Kinh ví như cha mẹ. Cha mẹ có bệnh, khá chẳng mau trị, mà đợi đến khi khó lành, đã muộn rồi.

Bốn nghiệp "Sa di" chưa rồi, chẳng đặng tập học sách ngoài như : sách "tử sử" và những sách trị đời.

Bốn nghiệp chưa rồi là gì ? Nghĩa là : Mười giới luật chưa nhuần, 24 oai nghi chưa đủ và những kinh pháp đáng học của "Sa di" như là : Kinh TỬ THẬP NHỊ CHƯƠNG, Kinh DI GIÁO, Kinh PHÁP HOA, Kinh LĂNG NGHIÊM vân vân...

Thế nào là sách "tử sử" ? Chữ "tử" là sách "Bá gia chư tử", chữ "sử" là sách "sử các nước".

Phàm có một đời Vua tôi, thời có sách sử một đời. "Sử" là gì ? Sách sử là sách biên những sự tích, đắc thất đúng pháp và không đúng pháp trong đời đó, như : Đức lành của Vua "Nghieu" Vua "Thuấn" có biên và hạnh xấu "Đạo chích", "Trương cượng" cũng biên vô. Cho đến nào "Thời Trời", nào "nhơn sự", thiện, ác, nên, hư, đâu chẳng biên đủ, để răn nhắc đời sau lấy chỗ tin để lại; cho nên gọi là sách TIN SỬ vậy.

Thế nào là sách "Ngoại Thơ" ? Nghĩa là : Sách "Tứ thơ"⁽⁹⁾, sách "Ngũ kinh"⁽¹⁰⁾ là những sách trị nước, an nhà, sửa mình. Do sách đây chỉ dạy theo lối tu thân của người thế tục. Cho nên gọi là sách "ngoài" (*ngoại thơ*).

Thế nào là sách "trong" ? Nghĩa là : Kinh của bậc "Tam Thừa", Phật dạy dứt tâm mê hoặc chứng lý chơn thường nên gọi là sách "trong" (*nội điển*).

Bộ PHỤ HÀNH nói : Bằng muốn học sách "ngoại thơ", theo trong kinh giáo "Tiểu Thừa", vì muốn dẹp bỏ "ngoại đạo" nên mỗi ngày trong 12 giờ cho một giờ học sách "ngoại thơ".

Bằng trong kinh giáo "Đại thừa", bậc sơ tâm "Bồ tát", quyết định không cho học, phải dạy gắng tu, đến chừng chứng đặng lục căn thanh tịnh, học cũng chẳng khó, mà cũng chưa muộn vậy.

"Cổ Đức" vân : "Đa tri đa sự, bất như tức ý, đa lự đa thất, bất như thủ nhất.

Lự đa chí tán, tri đa tâm loạn.

Tâm loạn sanh não, chí tán phương đạo.

Anh hien tài nghệ, thị vi ngu tộ.

Nhất kỷ nhứt năng, nhất hạ cô đẳng.

Nhất năng nhứt kỷ, không trung mân nhuế.

PHỤ

Bất đắc giản "ứng phó đạo tràng" kinh, tập học.

Phàm học tập kinh điển, tu cầu lý hội, hoặc phúng tụng, hoặc thọ trì. Nhược vị "ứng phó", tắc bất ứng học.

"Ứng phó giả" ? Vị bị chấp nao cổ đẳng, tòng sự dĩ ứng tha phó thỉnh, danh vi ứng phó Phật giáo trung bốn vô "ứng phó chi" danh, hà hữu "ứng phó chi" kinh.

Kim ngôn "ứng phó" đạo tràng kinh, thị bị "ứng phó" tăng, vị nhân lễ tụng chi kinh sám, cập "thủy lục" "khoa văn" đẳng.

Nhiên kinh sám, nãi "Như Lai" "Vô thượng Pháp bửu" thọ trì nhất cú nhất kệ, tắc diệt tội sanh phước, vĩnh vi "Bồ đề" chưởng tử.

Nhi tương mậu "thế gian" tài lợi thành vi khả thống !

Hoặc hữu tín tâm "đàn việt", thỉnh tăng dục cầu phước, dĩ lợi tồn vong giả; Phật duy thỉnh "Tỳ kheo" thuyết kệ chú nguyện, nãi chí vị phúng nhất kinh túc dĩ lợi bị, thù vô "ứng phó" chi sự dã.

Bất đắc tập học ngục tạo kinh điển.

Bực "Cổ Đức" nói : "Người mà biết nhiều, việc nhiều, chẳng bằng dứt ý, lo nhiều thất nhiều, chẳng bằng chuyên một.

Lo nhiều lãng trí. Biết nhiều loạn tâm.

Loạn tâm sanh não, chí lãng hại đạo.

Anh hiền tài nghệ, ấy là ngu tệt.

Một nghề một tài, như ngọn đèn dưới mặt nhật,

Một tài một nghề, như mòng muối giữa hư không.

LỜI PHỤ

Chẳngặng lựa kinh "Ứng phó đạo tràng" tập học

Phàm học tập kinh điển, phải cầu tỏ lý, hoặc đọc tụng hoặc thọ trì. Nếu vì việc "ứng phó" thời ta không nên học. "Ứng phó" là gì ? Nghĩa là : Các anh kia, anh thì cầm cái đầu, anh thì xích cái trống vắn... vắn... theo việc, vì chịu người chủ đám đến thỉnh tới cúng, (*kỳ an hay kỳ siêu chi đó*) gọi là "Ứng phó". Xét trong ba tạng kinh điển của Phật vốn không có cái tên "ứng phó" thì đâu có những kinh "ứng phó" ?!

Song mà nay nói kinh "Ứng phó đạo tràng", là nghĩa các ông Thầy "ứng phó" kia, đi theo người thế tục để tụng kinh lễ sám và làm các "khoa vắn" "thủy lục" vắn... vắn...

Song "kinh, sám" chính là ngôi "Pháp bảo vô thượng" của đức "Phật Như Lai", nếu ta thành tâm trì tụng một câu một bài kệ thời người hết tội được phước, hằng làm hột giống "Bồ đề".

Nhưng nay đem đổi những tài lợi trong "thế gian" thật đau đớn !

Hoặc có người đàn việt tín tâm nào, muốn thỉnh ông Thầy cầu phước, cho kẻ còn người mất được lợi ích, thì Phật cũng cho một ông "Tỳ kheo" đến nói bài kệ và chú nguyện, cho đến vì tụng chừng một quyển kinh cũng đủ lợi ích cho người thí chủ, chớ không có những việc "ứng phó" vậy.

Chẳngặng tập học kinh điển ngụ tạo

Như "Kim Cang Soán", "Kim Cang Luận", "Huyết Bồn", "Diệu Sa", "Cứu Khổ", "Phân Châu", "Thọ Sanh", "Bắc Đẩu", "Pháp Hoa (*tam quyển*)" đẳng. Hựu "Mộng Thọ Tâm" kinh "Vô Cấu Tử Chú" "Thái Sơ Ngũ Lục" giai thị ma thuyết.

Bất đắc tập học mạng thơ.

Vị dĩ "Âm dương", "Thất chánh" "Ngũ vận", "Lục giáp", chiếm bỉ thọ yếu cùng thông chi thơ.

Nhiên "Thiên" hữu khả nhượng chi tai hoạn, "nhơn" hữu khả chuyển chi họa phước.

Sở dĩ vi thiện, tắc giáng chi bá tường.

Bất thiện, tắc giáng chi bá ương

Cố vân : Nhất niệm chi thiện, tường phong hòa khí. Nhất niệm chi ác yếu tinh lệ quỷ. Nhất ngôn chi thiện tắc "Huýnh", "Hoặc" tam di.

Khể cổ nghiệm kim, túc vi thành giám. Huống kỳ sự u lý vi, hản năng tận trắc.

Cố "Hán", "Hoàng Đàm" viết "Thiên Đạo", "Tánh Mạng", "Thánh nhơn" sở nan ngôn. Tự "Tử Cống" dĩ hạ, bất đắc nhi văn, hướng hậu thế thiển nho, năng thông chi hồ ?!

Túng năng tử tri, thiết phi "Thích Tử sở nghi hữu hại tự tha, hoại loạn chánh pháp, họa phi tiểu dã.

Tướng thơ.

Vị sát hình quan mạo, dĩ đạt họa phước chi thơ dã.

Như kinh "Kim Cang Soán", kinh "Kim Cang Luận", kinh "Huyết Bồn", kinh "Diệu Sa", kinh "Cứu Khổ", kinh "Phân Châu", kinh "Thọ Sanh", kinh "Bắc Đẩu", kinh "Huỳnh Đình", kinh "Pháp Hoa" (3 quyển) vân... vân... và "Mộng Thọ Tâm" Kinh, kinh "Vô Cấu Tử Chú" và kinh "Thái Sơ Ngũ Lục" vân... vân... đều là lời ma nói chẳng nên học tập.

Chẳng dạng tập học sách coi số.

Nghĩa là : Dùng những sách "Âm dương", sách "Thất chánh", sách "Ngũ vận", sách "Lục giáp", những sách xem coi tuổi tác, giàu nghèo, chết yếu hay sống lâu.

Song nhà Nho nói : "Trời" thì có tai hoạ khá cầu. "Người" thì có hoạ phước khá chuyển.

Sở dĩ làm lành, thời "Trời" xuống cho trăm phước.

Làm chẳng lành, thời "Trời" xuống cho trăm họa. ⁽¹⁾

Nên người xưa nói : Một niệm lành thời khí hòa gió tốt. Một niệm ác thời yêu tinh quỷ dữ. Một lời nói lành, thời sao "Huỳnh" sao "Hoặc" ra xa. Một lời nói ác, thời các sao xấu ấy ráp lại.

Xét xưa nghiệm nay, như thế cũng đủ chắc rồi. Hướng chi những sự kín nhiệm, lý sâu màu, ít ai am hiểu hết dạng.

Cho nên đời nhà "Hán" ông "Hoàng Đàm" nói : "Việc "Đạo Trời" cùng "Tánh Mạng người", bực "Thánh Nhơn" kia còn khó nói". Từ thầy "Tử Cống" sắp xuống, nghe còn không nổi câu chuyện "Thiên Đạo Tánh Mạng", hướng chi kể nhơ thường đời sau đây, làm sao thông hiểu !

Song, tóm lại các việc như trên, dầu cho thông hiểu đi nữa, nhưng thật không phải con nhà họ "Thích" nên làm, có hại mình và kẻ khác, cùng hư loạn chánh pháp mắc họa chẳng phải nhỏ vậy.

Chẳng dạng tập học "sách coi tướng".

Nghĩa là : Những sách xem hình coi tướng để đoán biết sự họa hay phước vậy.

(1) TRỜI là chỉ : Công lý tự nhiên : hay Nhơn nào Quả ấy.

Y Thơ.

Vị trị bệnh phương nhĩ chi thơ, thi tự "Thần Nông" sát thảo mộc hàn ôn chi tách, biện "quân thần tá sử", chi nghĩa, tác dược phương dĩ liệu dân tật.

"Huỳnh Đế" tác "nội kinh", mạng "Du Phụ" "Kỳ Bá", "Lôi Công" sát "Minh Đường", cứu mạch tức.

"Vu Bành", "Đồng Quân" xử phương nhĩ, nhi y đạo tự lập, nguyên phi "Thích Tử".

Sở học do loạn đạo tâm, phương phế chánh vụ, thăng nhất thổ dụng, tác tự tổn tổn tha. Cố "Như Lai" hữu bối thống chi dư báo, "Biển Thước", "Thương Công" hữu bất miễn chi họa hình tủng đắc "Lưu Thủy", "Kỳ Bà" chi diệu thuật, thành phi viên đánh phương bào chi nghi tập dã.

Binh thơ.

Như "Thái Công" chi "lục thao", "Huỳnh Thạch Công" chi "tam lược", cập "Tôn Vô Tử", chi "Thập tam thiên" tư giai chinh phạt trận pháp chi thơ, đại phi "Thích Tử" sở nghi học giả.

Bốc phệ thơ.

"Qui" viết "bốc"

"Thi" viết "Phệ".

Thi thảo nhất sanh bá hành, dụng thử chiếm chi dĩ quyết nghi, cố viết : "Bốc Phệ" Tấn thần "Nhan Hàm", "Quách Phác", thường dụng dĩ chi phệ. Hàm viết : "Niên tại "Thiên", vị tại nhơn, tu kỹ nhi thiên bất dĩ giả, mạng dã.

Chẳng dặng tập học "sách làm thuốc".

Nghĩa là : Những sách phương thuốc trị bệnh, sách này bắt đầu từ ông "Thần Nông", xét cái tánh lạnh, nóng của cỏ cây phân theo cái nghĩa "Quân, Thần, Tá, Sứ", chế phương thuốc để trị lành bệnh dân.

Vua "Huỳnh Đê" làm sách "Nội Kinh" dạy ông "Du Phụ", ông "Kỳ Bá" và ông "Lôi Công" xét bộ "Minh Đường" (*coi hình sắc*) tìm việc "mạch tức" (*coi bộ mạch*).

Ông "Du Bành", ông "Đổng Quân" chế phương thuốc mà đạo thuốc bắt đầu thành lập từ đây, song đó để người đời học làm, chớ không phải "Thích Tử" nên học.

Vì sao ? Bởi sợ loạn tâm đạo, hư hỏng việc chánh, rũi một phen làm dưng, thì tổn mình và hại kẻ khác, sự tội lỗi chẳng biết bao. Bởi vậy cho nên đức "Như Lai" như đời trước, nay còn mắc báo đau lưng. Kia ông "Biển Thước", ông "Thương Công" còn không khỏi mắc cái họa gia đình. Dầu dặng chước hay như ông "Lưu Thủy", ông "Kỳ Bà", nhưng thật không phải kẻ "đầu tròn áo vuông", chớ nên học tập.

Chẳng dặng tập học "Sách binh trận".

Như sách "Lục Thao" ông "Thái Công", sách "Tam Lược", ông "Huỳnh Thạch Công", với 30 bài của ông "Tôn Võ Tử". Những sách đây đều là sách dạy về phép lập trận đánh giặc. Rất chẳng phải "Thích Tử" chớ nên học vậy.

Chẳng dặng tập học sách bói khoa, xủ quẻ.

Lấy vở rùa mà bói, Tàu gọi là chữ "Bốc". Lấy cỏ thi coi quẻ, Tàu gọi là chữ "Phệ". Nghĩa là : Cỏ thi một bụi sanh ra trăm cọng. Dùng thứ cỏ này mà bói nghiệm, để quyết những sự nghi nơi làm, cho nên chung kêu là sách "Bốc Phệ" (*bói khoa xủ quẻ*). Tôi nhà "Tấn" là ông "Nhan Hàm" làm bạn với ông "Quách Phác". "Phác" thường muốn coi quẻ cho Hàm, "Hàm" nói : "Tuổi ở "Trời", lộc ở người, mình tu mà "Trời" không cho, đó là tại mạng mình.

Thủ đạo nhi nhơn, bất tri giá, tánh dã. Tự hữu tánh mạng, vô lao thi qui,

Thế Nho thượng bất vi, nhi "Thích Tử" phản học thiệt khả tu dã".

Thiên văn thơ

Vị ngưỡng quang Thiên tượng, nhựt nguyệt tinh thần, tuệ, "bột", "huỳnh", "hoặc" chi biến. Dĩ chiêm quốc chi phong kiệm, nhơn dân chi tai dị. Kỳ tử tự "Huỳnh Đế", "Hút", "Trọng", "Đường", "Hòa", "Cam", "Thạch", đẳng...

Bỉ nhơn thời vụ, luận kỳ thơ truyện, phi dự "Thích thị" chi lưu.

Cố kinh vân : Bất đắc ngưỡng quan lịch số, thời bộ dinh hư, nhất nguyệt bạc thực, tinh thần biến quái, sơn băng địa động, phong vô hạn lao, tuế thực bất thực, hữu dịch vô dịch.

Nhật bất đắc tri, hữu phạm tư giới phi "Sa di" dã.

Địa Lý thơ.

Phi Minh cửu châu, cửu đạo, cửu sơn, cửu trạch quốc độ chi điển, thị kim kham dư gia, trạch sanh cư tử, táng chi thơ, khởi tự "Quách Phác", tập chi "Thanh ô Tử".

Nhiên họa phước chi định số, do ư tiên nhơn. Tiên nhơn tuy định, tu thiện khả dĩ diệt kỳ dư ương. Tập ác tức tổn kỳ phước hựu, tu thiện khả bổ tiên phi.

Khởi dung tích ác, nhi đồ địa, báo chi "tam đa" nhơn nghĩa bất tu, nhi cầu khô cốt, thọ chi "ngũ phước"

Giữ đạo đức mà người không biết, đó cũng vui nơi tánh mình. Minh sẵn có tánh và mạng; nhọc gì phải bói cùng khoa. Ôi ! Kẻ Thế Nho như ông "Nhan Hàm" còn chẳng thềm làm, hướng "Thích Tử", đã rõ tự tâm, mà trở lại học tập !

Thật khá trên vậy !

Chẳng đặng tập học sách Thiên văn.

Sách Thiên văn là những sách nói về lối ngược xem tượng trời, mặt nhật, mặt nguyệt, sao tinh thần (*sao Bắc đẩu*) sao "Nhuế", sao "Bột", sao "Huýnh", sao "Hoặc" đời đời. Để chiêm coi những sự tai dị của nhơn dân và việc thành suy trong nước. Sách "Thiên văn" đây bắt đầu từ vua "Huỳnh Đế" vua "Xuyên Húc", ông "Chánh Trọng", vua "Đường Nghiêu", ông "Hy Hòa", ông "Cam Công" và ông "Thạch Thân" vân... vân...

Các người kia nhơn thời vụ, luận làm sách để truyền lại đời. Chẳng phải những người "Thích Tử" dự vào.

Cho nên Kinh THẬP GIỚI nói : Chẳng đặng ngược xem lịch số, coi tướng giàu nghèo, nào nhật thực, nguyệt thực, các sao đời đời, núi lở, đất động, gió mưa, nắng lụt, năm được mùa và năm mất mùa, trong năm có tai dịch hay không tai dịch.

Các việc như trên đối với "Thích Tử", quyết không nên học. Nếu có phạm giới đây, không phải Thầy "Sa di" vậy.

Chẳng đặng tập học sách Địa lý.

Sách "Địa lý" đây, chính là những sách lựa chỗ đất sống ở chết chôn của nhà "Địa lý" bấy giờ, chớ không phải thứ sách nói về việc : 'cửu châu, cửu đạo, cửu sơn, cửu trạch, cửa các nước.

Sách "Địa lý" đây bắt đầu từ ông "Quách Phác" học với ông "Thanh ô Tử".

Song những nghiệp số nhất định họa và phước đều bởi nhơn đời trước. Nhơn trước tuy nhất định nhưng làm lành

Tam đại vị sở kiến hữu, "Khổng Lão" diệp vị thường ngôn.

Cố thể vân : Phong thủy như gian bất khả vô, toàn bằng âm chất lưỡng tương phò, phú quới nhược tòng phong thủy đắc, tái sinh "Quách Phác" dã nan đồ.

"Đồ sấm" thơ.

Thị phù sấm chi thơ, vị sấm ký lai nghiệm phù, hiệp vô sai dã.

Hữu vân : "Đồ" thị "hà đồ" ?

Phục Hy "thị thời, long mã phụ đồ xuất hà, toại dĩ kỳ văn, họa vi "Bát quái"

"Sấm" thị phù mạng thơ dã.

Nãi chí "lư hỏa", "huỳnh bạch".

Thị "Đơn táo, Huỳnh bạch" chi thuật.

"Hoài Nam" truyện vân : Hữu TRUNG THIÊN bát quyển ngôn : Thần Tiên "Huỳnh Bạch" chi thuật, cộng nhị thập dư vạn ngôn.

ĐẠO GIA luyện chơn kinh vân : "Đơn Sa" luyện chi nhất phần, nhi thành bạch ngân, nhị phần, nhi thành huỳnh kim.

cũng có thể diệt được cái tội xưa. Làm ác quyết tổn phước lành của mình. Làm lành có thể bù lại cái quấy trước.

Dầu cho người tích ác, mà cầu "địa lý" đặng phước báo "Tam Đa" là : 1) Phước, 2) Thọ, 3) Sanh được nam tử.

Nhơn nghĩa không làm mà cầu xương khô ⁽¹⁾ trao cho năm phước ⁽²⁾.

Ba đời "Hạ", "Thương", "Châu" cũng chưa thấy có, và sách "địa lý" đây, đức "Khổng Tử", cũng chưa từng nói đến. Cho nên người đời có câu : "Cảnh cuộc đời người chẳng phải không, toàn nhờ âm chất giúp mới xong : giàu sang bằng theo "Địa Lý" đặng. "Quách Phác" dầu còn cũng khó trông".

Chẳng đặng tập học sách "đồ sấm".

Sách "Đồ Sấm", là những thứ sách phù hiệp lời sấm. Lời sấm là những lời ghi, để kinh nghiệm đời sau phù hợp không sai vậy. Có chỗ nói : "Đồ" là sách "Hà Đồ". Nghĩa là "thời kỳ của vua "Phục Hy", thấy con long mã đội cái "Hà Đồ", từ dưới sông nhảy lên. Vua liền coi theo hình nét vẽ làm tám quẻ gọi là quẻ "Bát Quái".

Chữ sấm là những sách phù hợp với số mạng vậy.

Nhấn đến chẳng đặng tập học, những phép "Lô Hỏa" và phép "Huỳnh Bạch".

Sách "Lô Hỏa", "Huỳnh Bạch" tức là những thứ sách "Đơn Táo", "Huỳnh Bạch"

Thế nào là "Đơn Táo", "Huỳnh Bạch" ?

Trong truyện "Hoài Nam" nói : "Có Bộ TRUNG THIÊN tám quyển, nói về những phép "Thần Tiên", "Huỳnh Bạch", cộng hơn hai mươi muôn lời".

Kinh ĐẠO GIA luyện chơn nói : "Lấy vị "Đơn Sa" luyện một lần, thì thành chất bạc, luyện hai lần thành chất vàng.

(1) Lấy cốt, đời mà.

(2) 1.- Sống lâu; 2.- Giàu sang; 3.- Mạnh giỏi; 4.- An cư lạc nghiệp; 5.- Tuổi già thượng thọ.

Tích "Hán" đạo sĩ "Lý Thiếu Quân", tấu viết :
 "Thần năng ngưng hống diên, thành bạch ngân, phi
 đơn sa, vi huỳnh kim, kim thành phục chi, bạch
 nhựt thăng "Thiên".

"Vô Đế" tín chi, hậu tất vô nghiệm. "Đường Vô
 Đế" háo "Tiên", Đạo Sĩ "Triệu Qui Chơn", dữ "kim
 đơn" phục chi, được phát tảo muện thất thường toại
 bằng.

Tư đảng, giai hoạch khi quân chi tội.

Kim hữu ngu nhơn, lữ thọ tư hoặc, chí ư vong
 thân phá gia giả, bất thiếu.

Nhiên "Thích Tử" khí ngọc bạch, xuất gia vi đạo;
 khởi khả phản sanh tham trước, học thử lậu thuật.
 Thành vi khả sĩ, tự hoặc, hoặc nhơn, điểm nhục
 pháp môn, hoạch tội phi khinh.

"Thần kỳ", "quí quái", "phù thủy" đảng thơ.

Hữu phước nhi linh, viết "Thần", vô phước nhi
 mị viết "quí". Hữu quí giả, khi dã, khi nhơn dĩ cầu
 âm thực dã.

Thử vị hàng "Thần" hàng "quí", "họa phù" "tốn
 thủy", trị bệnh trị "quí", tà vu huyền thuật, đảng thơ.
 Vọng thuyết kiết hung họa phước, hoặc nhơn thủ
 lợi.

Khởi tự "Trương Đạo Lăng" tự xưng "quí tốt"
 đạo. Tạo "phù thủy" tiêu lục chi thuật, truyền chí
 "Trương Giác", "Giác" dĩ yêu thuật giáo dân chú "phù
 thủy" dĩ liệu tật bệnh, chúng cộng "Thần" nhi kỳ chi,
 hậu bạn vi "Huỳnh Cấn" tặc yên.

Xưa nhà "Hán" kẻ Đạo Sĩ người "Lý Thiệu Quân" tâu vua rằng : "Hạ thần này, có thể ngâm nước chùy làm thành chất bạc, thổi vị đơn sa làm chất vàng. Lúc thành vàng uống vô, ban ngày bay lên "Trời".

Vua "Võ Đế" tin lời, sau rồi không thấy linh nghiệm chi cả. Đời nhà "Đường, vua "Võ Đế" ham mộ phép thần tiên, kẻ đạo sĩ là người "Triệu Qui Chơn" cho uống vị "kim đơn", thuốc vô bất bực bội mất tánh thường rồi băng.

Các Đạo Sĩ nói trên đây đều là bọn mắc tội khi quân cả.

Đời bây giờ, có những người ngu, thường mắc lầm đó, đến nỗi mất mình, tan nhà, ấy chẳng ít.

Song hàng "Thích Tử" là kẻ bỏ lụa là vàng ngọc, đi xuất gia học đạo, đâu nên trở sanh tâm tham đắm, học chước hèn như vậy. Thiệt là hổ lẫm ! Làm mình và làm cho kẻ khác nhờ nhục trong nhà đạo, mắc tội chẳng phải nhẹ.

Chẳng dạng tập học những sách "Thần Kỳ", "Quý Quái", sách "Phù Thủy" vân... vân...

Có phước mà linh (*hiển*) thì gọi là "Thần" không phước mà quái (*gở*) thì gọi là "Quý". Lại chữ "Qui" có nghĩa là "dối gạt" vậy. Nghĩa là : Gạt người để tham cầu đồ âm thực vậy.

Song đây đều thuộc về những sách như : "Sách Trừ Thần", "Ếm Qui", vẽ bùa phun nước trị bệnh, trị Quý và tà du huyền thuật v.v... Quấy nói việc tốt xấu, việc họa, việc phước, dối người lấy của.

Nhưng sách "Phù Thủy" đây khởi ra bắt đầu từ ông "Trương Đạo Lăng" tự xưng cái đạo "Quý tốt". Đạo "Phù Thủy" này, bày những chuyện như là : lập đàn cúng vái và vẽ bùa, phun nước, truyền đến ông "Trương Giác" "Giác" dùng chước yêu này, dạy dân nào đọc chú, nào vẽ bùa, phun nước trị lành tật bệnh. Bây giờ thiên hạ ủa nhau khen hay và ủa nhau tôn kính mấy chú "Thầy bùa". Bọn này sau trở làm giặc nội loạn trong nước kêu là giặc "Huỳnh Càn" (*khăn vàng*).

ĐẠI LUẬT, bất thính tụng ngoại đạo an trạch phù chú, chi tiếc chú, tri nhưn sanh tử kiết hung chú, giải chú âm thanh chú đảnh, diệp bất đắc giáo tha tác.

Bất đắc tập học tuyên quyền đã kê.

Tức kim vô vi giáo, chi KIM CANG quyền, nhất nhưn tuyên chi, chúng nhưn liên nhi họa chi, viết đã kê.

Bất đắc tập học ngoại đạo thơ, trừ trí lực hữu dư, vị đục tri nội ngoại giáo thâm thiền giả. Khả dĩ thiệp lập, nhiên vật sanh tập học tướng.

Lập, diệp tác lập, lập, tiền đã. Nội ngoại giáo như tiền thích.

ĐẠI kinh vân : "Phật cáo chư "Tỳ kheo", xuất gia nhưn, ứng tu huệ học, tầm cứu kinh điển, bất đắc phi độc "ngoại thơ".

Ngã "Niết Bàn" hậu, hữu ngu si phá giới nhưn, xả thập nhị bộ kinh, đọc tụng chúng chúng ngoại đạo điển tịch, văn tụng thủ bút, súc bất tịnh vật, ngôn thị Phật thính.

Như thị chi nhưn, dĩ hảo "chiên đàn", mậu ư "ngõa mộc", dĩ cam lô, diệp ư ác độc.

Cố LUẬN vân : Nhược "Bồ Tát", ư Phật sở thuyết, khí xả bất học phản học ngoại đạo tà luận thế tục kinh điển, thị danh vi phạm.

Nhược thượng thông minh nhưn, năng tốc thọ học, đắc bất động trí, ư nhật nguyệt trung, đương dĩ nhị phần thọ học Phật pháp, nhất phần học ngoại điển.

Trong ĐẠI LUẬT chẳng cho đọc phù chú yếm nhà cửa của "ngoại đạo" và đọc chú trị bệnh trong xương cốt, chú biết việc người sanh tử, kiết, hung, chú biết các thứ tiếng tăm v.v... cũng chẳng nên dạy người học.

Chẳng đặng tập học vở quyển rập kệ.

Tức thời bây giờ có một quyển kinh KIM CANG của đạo "vô vi" (*kinh nhà ngoại đạo*). Một người vở ra xướng đọc rồi mấy người nói tiếp rập theo thì gọi là "Đả Kệ".

Chẳng đặng tập học sách vở "ngoại đạo" trừ những thầy trí lực có dư, vì muốn biết giáo điển nội ngoại, cao thấp thế nào nên mới trải qua cho biết, song cũng đừng sanh tâm tưởng tập học.

Tiếng nói trải qua cũng như nói để học cho biết. Giáo điển nội ngoại như văn trước đã giải.

Kinh NIẾT BÀN nói : Phật kêu các "Tỳ kheo" bảo rằng : "Này "Tỳ kheo", các ông là người xuất gia, cần phải tu học trí huệ, tầm xét kinh luật, chớ nên vở đọc sách ngoài.

Ta sau khi nhập "Niết Bàn" rồi, có những người ngu si phá giới, bỏ mười hai bộ kinh, đọc tụng các thứ sách vở "ngoại đạo" tay viết bài tụng, chứa những vật bất tịnh, nói là Phật cho.

Những người như thế, khác nào kẻ đem hương "Chiên Đàn" tốt, đổi với "ngói gạch" đem vị cam lồ ngon đổi lấy chén thuốc độc.

Cho nên trong "LUẬN" nói : nếu người tu hành, đối với lời Phật dạy bỏ hẳn không học, trở học những luận tà giáo của ngoại đạo, kinh điển thế tục; ấy gọi là phạm giới.

Bằng thầy nào thông minh bậc thượng, học hành mau chóng đặng trí bất động ở ngày tháng nên phân ba phần, hai phần phải học Phật Pháp, một phần học sách ngoài.

Nhược ư thế điển, "ngoại đạo" tà giáo, ái lạc bất xả, bất tác khí tướng, thị danh vi phạm.

PHÁP UYỂN vân : Nhược nhất hương phế nội tâm ngoại tác tiện đắc tội, tưng giải lý hạnh, duy khả tạm tập, vị phục ngoại đạo, hườn tu yểm ly, tấn tu nội nghiệp vụ linh tăng thắng.

Nhược thiên đam trước, tác hoại chánh pháp, khởi thành "Tăng Bửu". Nhược chuyên đọc ngoại điển, ca vịnh cầm kỳ, phúng tụng thi thơ, đồ tiêu nhựt nguyệt. Nội giáo pháp dục, cứu sanh vi cấp, văn áo lý thâm, từ hoa bí bác. Năng giải nhất cú, diễn vô lượng nghĩa, tân cựu kinh luận, quyển trục sổ thiên, tăng bất qui kiểm nhất cú chi nghĩa. Ngoại đạo bất cấp chi sự, nhật dạ cần học

Nhược vị bạch y, tiểu ngã vô tri, bất học thế điển giả, hà như tục nhơn, vấn ngã kinh nghĩa, bất năng đáp da ? Cư nội bất nhàn ư ngoại, vị túc khả tu. Tại nội bất giải ư nội, sỉ nhục di thậm !

Lương do thời tương mặt pháp, nhơn mạng chuyển thúc vô thường giao tý, triều bất mưu tịch, khùng nhứt nhập minh đồ, lụy kiếp nan xuất, tái ngộ "Phật Pháp", tưởng kiến vô do. Tuy "kinh luận" hứa nhất phần học ngoại, vị phục "ngoại đạo", thử vị thượng trí thông duệ giả thuyết. Tiên ám ư nội, kiêm linh tri ngoại. Cơ biện phong mang, xuất ngôn quan điển, nội ngoại bác cứu, kham vi sự tượng.

Đắc như kinh thuyết : Vị phục "ngoại đạo", kim tự lượng thân, xúc sự vô năng, thần thức thường bế, ngu tráng hàng khai, tự cứu vô liêu, hà năng lợi nhơn. Sắc hương bất thông, hà biện thúc mạch, nguyện tự tư thối, tỉnh kỷ vi học, diệp bất đắc dĩ Phật kinh, nhữ tạp tục điển.

Bằng học sách thế tục, lời tà giáo của ngoại đạo, ham mền không rời, chẳng sanh tâm tưởng bỏ, ấy gọi là phạm giới.

Bộ PHÁP UYỂN nói : Nếu cứ một mực, bỏ nội điển tìm học ngoại điển, thời là mắc tội. Dù hiểu lý thực hành nhưng cũng chỉ tạm học mà thôi. Vì để diệt trừ bọn "Ngoại đạo", rồi phải nhảm bỏ, gắng tu nghiệp nội, chuyên cho thêm rộng.

Bằng cứ một lòng mê đắm, thời hư chánh pháp, đâu thành ngôi "Tăng Bảo". Như người chuyên đọc sách ngoài, ca vịnh đờn cầm, đánh cờ, ngâm đọc thi thơ luống qua ngày tháng. Nội giáo là món pháp được cứu sanh là việc cần cấp, văn màu lý nhiệm, lời hay, nghĩa rộng. Tô được một câu, nói nghĩa không cùng tốt ; kinh luận nào tân nạo cựu, pho bộ mấy nghìn, từng không dòm coi nghĩa một câu. Sách "Ngoại đạo" là việc không cần kiếp, chuyên học ngày đêm.

Bằng nói người bạch y cười ta không biết, chẳng học sách đời, sao bằng người thế tục hỏi ta nghĩa trong kinh, ta không thể đáp đặng ư ! Ở trong không biết sách ngoài chưa đủ hổ chi. Ở trong mà không biết việc trong hổ thẹn rất lắm !

Bởi vì đời bây giờ nhằm đời mạt pháp, mạng người ngắn ngủi, "Quý vô thường" rình rập một bên, mai chẳng biết chiều, e khi vào chốn "Minh Phủ", nhiều kiếp khó ra, tưởng không đâu được thấy "Phật Pháp" lần thứ hai nữa. Tuy "Kinh Luận" cho một phần học sách ngoài vì dẹp bọn "Ngoại đạo", đây là những bực thượng trí, ngộ thông mà nói. Vì trước đã thuộc việc trong mới cho biết việc ngoài. Lòng sáng nhậm lệ, nói ra nhằm sách, trong ngoài rộng xét đáng làm "Thầy Thợ".

Như trong Kinh Phật nói : Vì muốn dẹp bọn ngoại đạo nay phải lượng sức mình, gặp việc bất tài, thần thức tới cảm ngu xuẩn hằng mở, cứu mình không rời, làm sao lợi người được. Sắc hương chẳng thông làm sao biện rành bắp lúa, xin tự nghĩ lại, xét mình mà học, cũng chẳng đặng đem kinh Phật lộn lạo, với sách đời.

Như MINH BÁO KÝ vân : "Đường", "Triệu Văn Tín", "Toại Châu" nhơn, "Trình Quán" nguơn niên, bạo tử tam nhật, phục tô vân : Chí "Diêm Vương" sở, vương vân : "Nhữ tu hà công đức ?" - Đáp ngôn : "Nhất sanh dĩ lai, bất tu công đức, duy báo "Dữu Tín", "Văn chương tập lục" - Vương ngôn : "Dữu Tín" thị đại tội nhơn, hiện tại thọ khổ, phả tăng thức phủ ? - Đáp ngôn : "Tuy đọc cửu văn chương, vị thức kỳ nhơn ?".

Wương tức khiển nhơn, dẫn xuất "Dữu Tín", nãi kiến nhất qui đa đầu. Qui khứ thiếu thời, hiện nhất nhơn thân, lai vân : "Ngã tiện thị "Dữu Tín". Vị tại sanh thời, háo tác văn chương, vọng dẫn Phật kinh, dĩ tạp tục thơ, phỉ báng Phật Pháp, vị bất cập "Khổng", "Lão" chi giáo, kim thọ qui thân, khổ chi cực dã.

Bất đắc tập học thi từ.

Chí chi sở phát ư ngôn, viết "Thi" Ngôn chi sở thỏ ư văn, viết "Từ".

Ký vân : "Thơ" "toán" "bốc" thuật, tục diễn văn tụng, cu thị "thế pháp", phi xuất gia nghiệp, cố bất thính học.

Bất đắc trước tâm học tự cầu công, dẫn thơ tả đoan giai túc hĩ.

Giai, tức gia thơ, nãi "Thượng Cốc", "Vương thứ Trọng" sở tác, túc dĩ tuyên văn hiển nghĩa, hà cánh trước tâm cầu công ư "Thảo", "Lệ". Kim thời xuất gia, đa hữu bất tu chánh vụ, nhi trú dạ cầu tự tinh xảo, chung niên khổ tâm, mè bất tri tỉnh.

Túng nhiều học đáo "Chung", "Vương", diệc hà cứu ư sanh tử. Chư Phật bất tán, "Diêm Vương" bất thọ, chung vì phế vật, thành hà đế sự.

Như trong sách MINH BÁO KÝ nói : Đời Đường ông "Triệu Văn Tín", người đất "Toại Châu", trong niên hiệu "Trịnh Quán" năm đầu, chết giấc ba ngày sống lại nói : Xướng chỗ vua "Diêm Vương" hỏi : "Người làm công đức chi" ? - Đáp rằng : "Nhất sanh đến giờ không làm công đức chi, chỉ ưa bộ "Văn chương tập lục" của ông "Dữu Tín" - Vua nói : "Dữu Tín" là người đại tội, hiện nay còn ở đây chịu khổ, người có biết chăng ? - Đáp rằng : "Tuy tôi đọc văn chương hẩn, nhưng chưa biết hẩn là người ra sao" ?

Vua liền sai dẫn "Dữu Tín" ra, thời chỉ thấy một con rùa nhiều đầu. Rùa đi giầy lát, hiện một hình người đến nói : "Tôi thật là "Dữu Tín" đây. Vì khi còn sống, tôi ưa làm văn chương, quấy dẫn kinh Phật xen với sách Tục, chê bai Phật pháp, nói Phật pháp chẳng bằng đạo của họ "Khổng", họ "Lão", nay mắc báo chịu thân rùa, khổ cực rất lắm !

Chẳng đặng tập học làm thi.

Trong chí thích, buông ra lời nói thì gọi là "Thi". Lời nói nêu tả văn tự gọi là chữ "Từ".

Đức "Hoàng Tán" làm lời ký nói : "Nghề "Thi thơ" nghề "Tính toán", nghề "Bói khoa" và bài văn sách tục, đều là pháp "thế gian", chẳng phải việc của người xuất gia, nên không cho học.

Chẳng đặng quyết lòng viết chữ cho hay, miễn viết nét ngay thẳng là đủ.

Viết nét ngay thẳng (*Tàu gọi chữ "Giai"*). Chính ông "Vương Thứ Trọng" ở đất "Thượng Cốc" bày ra, đủ dùng rành văn rõ nghĩa, đâu nên cố tâm câu học cho hay chữ "Thảo" chữ "Lệ". Người xuất gia đời bây giờ, phần đông có người không tu việc chánh, mà ngày đêm cầu viết chữ cho tinh xảo, quanh năm nhọc lòng mê không biết xét.

Dấu cho học đến như ông "Chung Do" ông "Vương Hi Chi" cũng nào cứu được đường sanh tử. Các đức "Phật" chẳng khen, vua "Diêm Vương" chẳng dùng, rốt cuộc là vật bỏ, có thành việc chi đâu.

CẢNH HUẤN vân : Luật chế tạp học, dĩ phương chánh nghiệp, cố học thơ, bất đắc vị hảo. Nhiên cố "Cao Tăng", diệc đa dị học, hoặc tinh "thảo", "lệ", hoặc thiện thiên chương, hoặc y thuật trì danh, hoặc âm dương hiển dự.

Giai vi tinh cùng "nội điển" bàng thiệp dư tông, vô phi chí tại hộ trì, trợ thông "Phật hóa" Kim thời "Thích Tử", danh thiết cu táng, năng thơ tả, tác xưng vi "Thảo", "Thánh", thông tục điển, tác tự hiệu "văn chương", trạch địa, tác danh vi "sơn thủy", bốc thuật tác hô vi "tam mạng", khởi ý xả gia sự Phật, nhi tùy thuận tục lưu chi danh bốn đồ yểm thế siêu thăng, nhi phiên tập sanh tử chi nghiệp, cô danh yêu lợi, phụ thể căng năng, hình trắc phương bào, tâm nhiệm phù tục, tất thân hư độ, lương khả ai tai !

Bất đắc ô thủ chấp trì kinh.

"Nhơn quả" kinh vân : xúc thủ thỉnh kinh, đương đọa xí trung trùng báo.

A NAN THỈNH GIỚI LUẬT LUẬN vân : "Tăng", "Ni", "Bạch y" đẳng, nhơn dọc tụng Kinh, Luật, Luận đẳng, hành ngữ thủ chấp phiên quyền giả, y "Đạo Lợi". Thiên tuế số, thọ "súc sanh" báo, nhị ức, tuế, đọa "chương, lộc" trung, hằng bị triệp tích, khổ thống nan nhẫn. Nhược vô ký hí ngôn, tróc kinh, luật, luận diệc chiêu tiền báo. Nhược an kinh tượng phòng đương thêm tiền giả, y "đạo lợi" thiên tuế số, bát bá tuế, thọ "súc sanh" báo, nhị ức tuế đọa "trư, cầu" trung sanh, nhược đắc nhơn thân, nhất ức tuế hằng thường tác khách, thê tiết bất đắc tự tại.

Đối kinh điển, như đối Phật, bất đắc hí tiếu.

Bộ CẢNH HUẤN nói : Luật cấm học bậy, vì sợ hại nghiệp chánh, nên học viết, chẳng dặng cầu cho hay. Song các vị "cao tăng" đời xưa cũng có ngài học nhiều nghề lạ : Hoặc có ngài ròng chữ "Thảo", chữ "Lệ", hoặc có ngài hay làm bài làm văn, hoặc có ngài nghề học thuốc nổi danh, hoặc có ngài toán âm dương rạng tiếng.

Các ngài nói trên đây đều bậc giỏi thông "nội điển", mới trải qua các nghề, đâu chẳng phải chí quyết giữ gìn "Tam bảo", trợ thông "Phật" hóa hay sao ? Thế mà kẻ "Thích Tử", đời bây giờ danh và thật đều không, vừa viết chữ được đã xưng là ông "Thánh" viết chữ "Thảo". Sách tục biết hơi hơi, thời nói mình ông "văn chương". Lựa chỗ đất tốt tốt, thời gọi ta đây là ông "Sơn Thủy". Bói quẻ hơi lâu lâu, lại hô ta là ông "Tam Mạng". Đâu biết mình là người bỏ nhà theo Phật mà xưng theo cái danh người thế tục. Tâm tính chán đời, vượt ngoài "ba cõi" mà trở học cái nghiệp sanh tử, mua danh cầu lợi, cậy thế khoe tài. Hình tròn áo vuông, tâm nhiễm thói đời, trọn đời luống qua. Rất khá thương, mà cũng đáng tủi !!!

Chẳng dặng tay như cầm nắm quyển kinh.

Kinh NHƠN QUẢ nói : "Tay như cầm kinh thời mắc báo làm con trùng ở trong nhà xí".

Trong LUẬN A NAN THỈNH GIỚI LUẬT nói : "Tăng" "Ni" người "bach y" v.v... như mình đọc tụng Kinh, Luật, Luận, vừa đi vừa nói, tay cầm lật cuốn kinh, y theo số năm cõi trời Đao Lợi, chịu báo làm "súc sinh". Hai ức năm đọa trong loài "chương lộc" (*hươu nai*) thường bị trặc xương sống, đau nhức khó chịu. Nếu không nhớ, nói chơi cầm Kinh, Luật, Luận, cũng mắc báo như trên. Bằng để kinh tượng trong phòng thất, trước thềm, y số năm trời "Đao Lợi", tám trăm năm chịu báo làm "súc sanh". Hai ức năm đọa trong loài "Trư, Cẩu" (*heo, chó*), dù dặng thân người, một ức năm thường làm người khách vất vả chẳng dặng thành thời.

Đối với kinh điển như đối với Phật, chẳng dặng giỡn cười.

Kinh thị Phật ngữ, diệc thị Phật sư, cố đối kinh, như đối Phật. Nhất ngôn nhưt kệ, thiên kiếp nan phùng, tưng bất giải nghĩa, tụng chi diệc chường thiện căn, cố tu đặc gia tôn trọng.

Luật vân : Thận vô ngoại tụng kinh, nhược tài giác bì quyện, giải đái tâm sanh, tức đương thống niệm, nhưn mạng hô hấp, như cứu đầu nhiên, hựu hà hà ư giải đái tai !

Bất đặc án thượng lang tạ quyển diệt.

Diệt, âm diệt Kinh quyển biên thứ thành giá, viết "diệt", "lang tạ", vị sâm si tạp loạn, bất tề chỉnh đả.

Bất đặc cao thỉnh động chúng.

Phàm đọc kinh, yếu tri cú đọc thỉnh pháp. "Hoa" "Phạm" liễu nhiên. Nhược tùy chúng phúng tụng, thỉnh nghi đều hòa, bất đặc tự thị. Nhược tự tập học, thỉnh tu đề tiểu, vật động chúng niệm đả

Bất đặc tá nhưn kinh khán bất hườn, cập bất gia ái trọng, dĩ trí tổn hoại.

Kinh Pháp, thị "Tam Thừa" nhưn chi phụ mẫu, đồng gia ái hộ, vô hữu bỉ thử. Như hữu bất kính, tổn hoại giá, cu đặc mạn pháp chi tội. Tá nhi cố tâm bất hườn giả, tức đặc đạo tội.

Kinh vân : Tá, thủ, dữ tất phân minh, vô vi kỳ ước dĩ thất tín đạo.

"NHẬP TỰ VIỆN" ĐỀ CỬ

Phàm nhập tự môn, bất đặc hành trung ương, tu duyên tả hữu biên hành, duyên tả, tiên tả túc, duyên hữu, tiên hữu túc.

Nhập trung ương, tắc đường độ, vô tôn kính nghi. Như thế "công phủ", "nha môn", "hạ quan", thượng

Kinh là lời của Phật, cũng là thầy của Phật, cho nên đối với kinh cũng như đối với Phật vậy. Một câu kinh, một bài kệ, nghìn kiếp khó gặp, dù học chẳng hiểu nghĩa, nhưng tụng đó cũng gieo căn lành. Cho nên ta phải hết lòng tôn trọng. Luật dạy dè dặt đọc kinh, nếu vừa biết mình mỗi mệ, sanh tâm biếng nhác, liền phải nhớ tưởng mạng người trong hô hấp như cứu lửa cháy đầu, có thì giờ nào rảnh đâu, mà hòng trễ nải biếng lười !

Chẳng nên trên ghé pho quyển lộn lạo.

Quyển kinh sắp thứ lớp thành pho gọi là chữ "Điệt". So lộn lạo không bằng phẳng ấy Trung Quốc gọi là chữ "Lang Tạ".

Chẳng dặng lớn tiếng động chúng.

Phàm đọc kinh, phải biết phép dậu câu tiếng "Hoa" tiếng "Phạm" cho rành rẽ. Nếu theo chúng tụng kinh tiếng phải cho đều hòa, chẳng nên ý mình tiếng ca giọng tốt. Bằng mình học tụng, tiếng phải nhỏ, chớ động tâm niệm đại chúng.

Chẳng dặng mượn kinh người coi không trả, và không có tâm yêu tiếc đến nỗi hư rách.

Kinh Pháp là cha mẹ, bực Tam Thừa đồng sanh tâm kính trọng đừng có bỉ thử (*kinh ta, kinh người*). Bằng không kính trọng để cho hư rách thời mắc cái tội khinh pháp.

Mượn mà cố tâm không trả, thời mắc tội ăn trộm.

Kinh THẬP GIỚI nói : "Hoặc mượn, hoặc lấy, hoặc cho, ắt phải phân minh, chớ trái lời hẹn, mất tín tâm của đạo hữu.

BÀI THỨ CHÍN : "VÀO CHÙA AM"

Phàm vào cửa chùa chẳng dặng đi chính giữa. Phải theo hai bên mà đi. Theo bên trái chân trái bước trước, theo bên mặt chân mặt bước trước.

Đi vào chính giữa, thời thái độ xông pha không oai nghi tôn kính. Như trong đời chốn "công phủ", "nha môn"

bất đắc trung tấn, hướng "Pháp Vương", "bửu điện", nhi khả bất hồi thuận tả hữu hồ ? Đương tùy môn giáp, cử túc, xuất nhập, duyên tả thủ biên, tiên cử tả túc, duyên hữu thủ biên, tiên cử hữu túc.

ĐẠI LUẬT vân : Hành thời, tiên hạ khước ngạn, hậu hạ khước chỉ, bình thị trực tấn, hồi thời, hiệp thân tổng hồi.

TÂY QUỐC TỰ ĐỒ vân : Nhập xuất chi thời, tất chuyển điện hướng Phật. Nhược lễ "Tam Bửu", thường niệm thể duy thị nhất, hà giả. Giác pháp mãn túc danh "Phật", sở giác chi đạo, danh "Pháp". Học Phật đạo giả, danh "Tăng".

Tác tri nhất thiết phạm "Thánh" thể đồng vô nhị giả. Nhược nhập tự thời, đề đầu khán địa, bất đắc cao thị. Kiến địa hữu trùng, vật ngộ thương sát. Đương ca bại tán thán bất thóa tăng địa. Nhược kiến thảo mộc bất tịnh, tức tu trừ khước.

Bất đắc vô cố đẳng "đại điện" du hành.

Điện an thánh tượng, kinh tượng như Phật tại, khởi đắc vô sự du hành.

Bất đắc vô cố đẳng Tháp.

Tháp vô Xá Lợi Phật tượng, thượng bất nghi đẳng nhi hướng hữu hồ ? Nhược vị cúng dường hoa phan đẳng đẳng, đẳng thượng vô phạm.

Cố "Cổ" vân : Vô sự bất tu đẳng Phật điện, đẳng nhàn mạc hướng Tháp trung thành, bất như tảo địa thêm hương thủy, tủng hữu hà sa phước dã khuynh.

Nhập "điện Tháp", đương hữu nhiều, bất đắc tả chuyển.

là bực "hạ quan", còn không dám đi chính giữa, hướng chi ngôi "bửu điện" của vị "Pháp Vương", mà lại chằng quanh theo hai bên ư ? Phải theo cánh cửa bước chân ra vào, quanh bên tay trái, thời chân bên trái bước trước. Quanh bên tay phải, thời chân bên phải bước trước.

Trong ĐẠI LUẬT nói : "Khi đi gót chân xuống trước, ngón chân xuống sau, bằng xem thẳng tới, khi day mình, cả mình đều day.

Bộ TÂY QUỐC TỰ ĐỒ nói : "Trong khi ra vào, đều day mặt ngó Phật. Bằng kính lạy "Tam bảo", thường tưởng "Tam bảo" chỉ đồng một thể. Vì sao ? Vì Bực giác ngộ, tất cả các Pháp gọi "Phật Bảo". Các pháp bị Giác ngộ đó gọi là "Pháp Bảo". Những người học pháp của Phật đó gọi là "Tăng Bảo".

Thời đủ biết tất cả, nào "Phàm", nào "Thánh", đồng thể không hai vậy. Hoặc khi vào chùa, cúi đầu ngó xuống chằng dặng ngó lên. Thấy đất có trùng, chớ làm sát hại. Phải ca ngậm khen ngợi "Tam Bảo", và chằng nên nhỏ nước miếng nơi đất chúng Tăng. Hoặc thấy cỏ rác đồ bất tịnh, mau phải dọn dẹp.

Chằng dặng vô có lên chốn "đại điện" dạo chơi.

Chánh điện để thờ tượng Phật, kính hình Phật như kính Phật còn tại thế, đầu nên vô sự mà lên chánh điện dạo chơi.

Chằng dặng vô có lên tháp,

Tháp tuy không thờ cốt Phật và hình tượng Phật, còn chằng nên lên, hướng chi có linh cốt và hình tượng. Bằng sắm đồ cúng dường như : hoa quả, tràng phan, đèn v.v... đi lên không phạm.

Cho nên lời "Cổ Đức" nói : "Vô sự không nên lên điện Phật, dạo chơi chằng đi đến trong tháp, chằng nhưn việc quét đất, và dâng hương cúng nước, dầu có phước hà sa cũng tiêu.

Vào "điện tháp" phải quanh bên hữu, chằng dặng quanh bên tả.

Hữu nhiều danh "kiết", tả chuyển danh "hung". Phàm nhiều Phật, nhiều Tháp, tự đông nhi nam, tức thành "hữu nhiều" phi dụng tự thủ vi hữu. Phù nhiều dĩ kính mộ Phật vi nghĩa, cố đương dĩ Phật vi hữu dã.

Vân "Cú Ký" vân : Tả hồi thiên tịch, dĩ biểu ác dã. Hữu hồi tiện dĩ, dĩ biểu thiện dã. Phật phát hữu triên, phàm nhưn tả triên, cố đương tùng Phật.

Bất đắc Điện Tháp trung, di thóa.

TẶNG HỘ Kinh vân : Tại Phật Tăng tịnh địa, di thóa ô địa, di thị nhưn duyên, nhập Địa ngục trung, đao ngoạt kỷ tử, hỏa thiêu thọ khổ bất tức, tường như kinh thuyết.

Nhiều Tháp, hoặc tam tráp, thất tráp, nãi chí thập bá tráp, tu tri biến số.

Phàm kính nhiều Tháp tượng, biến số giai, hữu sở biểu, "tam tráp", biểu cúng "Tam Bảo", trừ "tam độc" tịnh "tam nghiệp", diệt tam ác đạo đắc trị "Tam Bảo", "Thất tráp", trừ "thất chi tội", đắc "thất Bồ đề phần"; "Thập tráp" trừ "thập sử", đắc Phật "thập lực"; "Bá tráp, trừ "bá phiền não", đắc "bá pháp môn".

ĐỀ VỊ kinh vân : "Trưởng giả Đề Vị", bạch Phật ngôn : Tán hoa thiêu hương, nhiên đăng lễ bái, thị vi cúng dường ; triên Tháp đắc hà đẳng phước ? Phật ngôn : Triên Tháp hữu ngũ phước đức. Nhất hậu thế đắc đốn chánh hảo sắc. Nhị đắc âm thanh hảo Tam sanh Thiên thượng, tứ đắc sanh "vương hầu" gia. Ngũ đắc "Niết Bàn" đạo.

Hà nhưn duyên, đắc đốn chánh hảo sắc ? Do kiến Phật tượng hoan hỉ cố. Hà duyên đắc thanh âm hảo ? Do triên tháp thuyết kinh kệ cố. Hà duyên đắc sanh "Thiên" Thượng ? Do đương triên Tháp thời, ý bất phạm giới cố. Hà duyên đắc sanh vương Hầu gia ?

Quanh bên hữu gọi là "kiết". Quanh bên tả gọi là "Hung". Phàm đi nhiều Phật, nhiều tháp, từ phía Đông qua phía Nam, thời gọi "hữu nhiều", chẳng phải kể tay mình là phía hữu. Luận cái nghĩa đi nhiều, là nghĩa kính mến Phật. Cho nên phải lấy Phật làm phía hữu vậy.

Trong văn "Cú Ký" nói : "Quanh phía tả trái nghịch. dùng nêu việc ác vậy. Quanh phía hữu thuận và dễ dùng nêu việc lành vậy. Hơn nữa tóc của Phật xoay qua bên hữu, người Phàm xoay qua bên tả. Cho nên phải theo Phật, nhiều bên hữu.

Chẳng dựng hi khắc trong điện và tháp

Kinh TĂNG HỘ nói : Ở chỗ sạch của Phật và chúng Tăng hỉ mũi khắc nhỏ như đất. Do nhờn duyên đó vào trong địa ngục, dao cắt mũi mình, chịu khổ lửa đốt chẳng dứt. Rõ như trong kinh nói.

Đi nhiều Tháp hoặc ba vòng, bảy vòng nhân đến mười vòng, một trăm vòng, phải biết số mấy vòng.

Phàm cung kính nhiều Tháp, và tượng Phật mấy vòng đều có chỗ tiêu biểu cả. Như "ba vòng" tiêu biểu cúng dường "Tam Bảo", trừ "ba độc" sạch "ba nghiệp", dứt ba đường ác, dựng gập "Tam Bảo". "Bảy vòng" trừ "tội thất chi" ⁽¹¹⁾ dựng "bảy phần "Bồ Đề" ⁽¹²⁾. "Mười vòng" trừ "mười sử" ⁽¹³⁾, dựng "mười lực" ⁽¹⁴⁾ của Phật. "Một trăm vòng" trừ "một trăm phiền não", dựng "một trăm pháp môn".

Kinh ĐỀ VỊ nói : Ông Trưởng giả tên "Đề Vị" bạch đức Phật rằng : Rải hoa, đốt hương thắp đèn lễ Phật, ấy là cúng dường đặng phước phải rồi, còn nhiều Tháp đặng phước như thế nào ? Phật nói : Nhiều Tháp có năm phước đức : 1.- Đời sau đặng thân tướng đoan chính, 2.- Đặng tiếng tăm tốt, 3.- Được sanh lên cõi Trời, 4.- Đặng sanh trong nhà "Vương Hầu", 5.- Đặng đạo "Niết Bàn".

Nhơn duyên gì đặng thân tướng đoan chính ? - Bởi vì thấy tượng Phật, tâm hoan hỉ, nên đặng thân tướng đoan chính. - Nhơn duyên gì đặng tiếng tăm tốt ? - Bởi vì nhiều Tháp, nói kinh đọc kệ nên đặng tiếng tăm tốt. Nhơn duyên gì đặng sanh lên cõi "Trời" ? - Bởi vì khi đi nhiều Tháp ý

Do đầu diện lễ Phật túc cố. Hà duyên đắc "Niết Bàn" đạo ? Do hữu dư phước cố.

HOA NGHIÊM kinh thiên Tháp kệ vân : Thi dục thiên Tháp đương nguyện chúng sanh, thi hành phước hựu, cứu sống đạo ý. Nhiếu Tháp tam tráp đương nguyện chúng sanh, đắc nhất hương ý, bất tuyệt tứ hỉ.

Bất đắc dĩ liệt trượng đẳng, ý diện bích.

Hữu khinh mạn tội cố. Tích "nhị thập ngũ tổ", thất kiếp dĩ tiền, đương chứng nhị quả, do dĩ trượng ý diện bích, duyên tư quá mạn, toại thất nhị quả.

BỬU LƯƠNG kinh vân : Hữu nhất Hiền giả, diện thượng hữu "Quốc Vương" văn. Tướng sư kiến dĩ, giá nữ dữ chi, hậu thời hiền giả nhập tự, trượng ý "Già Lam", sanh kiêu mạn cố, thất "Quốc Vương" văn, đọa "đại địa ngục", khả bất thận tai !

"NHẬP THIÊN ĐƯỜNG : TÙY CHÚNG" ĐỆ THẬP

Đơn thượng, bất đắc đầu y bị, tác thỉnh phiến phong, sử lân đơn động niệm.

Thử cụ tam quá : Nhất tự thô tháo. Nhị phiến trần ô nhờn. Tam linh tha động niệm. Hựu phạm nhập đường, luật giáo linh cụ ngũ pháp. Nhất tu từ kính tôn trọng ư nhờn, nhị ưng tự ti khiêm hạ, như thức trần cân, tam tri tọa khởi, phủ ngưỡng đắc thời, tứ đại chúng trung, bất vi tạp ngữ. Ngũ bất khả nhẫn sự, ưng mặc nhiên.

Hạ sàng mặc niệm kệ vân : Tùng triều dần dần trực chí mộ, nhất thiết chúng sanh tự hồi hộ, nhược ư túc hạ tán thân hình, nguyện như tức thời sanh Tịnh Độ.

không phạm giới nên được phước sanh lên cõi "Trời". Nhơn duyên gì đặng sanh trong nhà "Vương Hầu" ? Bởi vì đầu mặt lạy dưới chân Phật, nên được phước sanh trong nhà "Vương Hầu". Nhơn duyên gì đặng đạo "Niết Bàn" ? Bởi vì nhiều Phật, nhiều Tháp có nhiều phước đức, nên được vào "Niết Bàn".

Kinh HOA NGHIÊM bài kệ nhiều Tháp nói : "Vừa muốn nhiều Tháp cầu cho chúng sanh, ra làm phước lành, xét thông ý đạo. Nhiều tháp ba vòng, cầu cho chúng sanh. Đặng ý nhưt quyết, chẳng dứt bốn việc mừng. ⁽¹⁵⁾".

Chẳng đặng lấy nón gậy, các món dựng vách chùa

Vì cái tội khinh dễ vậy. Xưa đức "Tổ thứ 25", bảy kiếp về trước chứng đặng quả thứ hai. Bởi lấy gậy dựng vách chùa. Vì cái tội khinh dễ đó, liền mất quả thứ hai.

Kinh BỬU LƯƠNG nói : Có một ông hiền giả, trên mặt có hiện chữ "Quốc Vương". Thầy tướng thấy rồi, tính gả con gái cho ông, sau khi hiền giả vào chùa, dựng gậy vách "già lam", vì sanh tâm kiêu mạn, mất chữ "Quốc Vương" đọa trong "Địa Ngục" lớn. Chúng ta là người tu hành, khá chẳng dè dặt lắm ư !

BÀI THỨ MƯỜI :

"VÀO NHÀ THIỀN PHẢI TÙY CHÚNG"

Trên đơn chẳng đặng giũ áo mền, nổi tiếng bụi bay, khiến người gần đơn động niệm.

Đây có ba điều lỗi : 1.- Tánh mình thô tháo. 2.- Bụi bay như người. 3.- Khiến người động niệm. Lại nữa phạm vào nhà Thiền, luật dạy phải đủ năm phép : 1.- Tâm phải yêu kính tôn trọng người. 2.- Phải thấp mình khiêm tốn, như khăn lau bụi. 3.- Phải biết, khi ngồi, khi dậy, khi cúi, khi ngược phải thời. 4.- Ở trong chúng chẳng đặng nói bậy. 5.- Những việc không thể nhẫn cũng phải êm lặng.

Khi xuống đơn thăm tướng bài kệ rằng : "Từ sớm giờ dần thẳng đến tối, tất cả chúng sanh lánh giữ mình ; Bằng ở dưới chơn tan thân hình, cầu người bẩy giờ sanh Tịnh độ".

Niệm kệ dĩ, phục ứng niệm chú thất biến. Ân, địa lý, nhất lý, tá ha.

Bất đắc đại ngữ cao thính.

"Sa Môn" xuất ngôn, ngữ tu cung thận, thính yếu nhu hòa, phương xứng "Thích Tử" chi nghi dã.

Khinh thủ yết liêm, tu thùỷ hậu thủ.

Thử ly nhị quá : nhất vô thô tháo, nhị bất hoại vật ; quyển thời tu hướng lý, linh lương đầu tề chỉnh.

Bất đắc đà hài tác thính.

HÀNH HỘ vân : Phàm trước lý kịch, tiên linh khước ngại trước địa vật sử hữu thính.

Bất đắc đại khái thấu tác thính.

Vô đàm hữu thính viết "khái", vô thính hữu đàm viết "thấu".

Bất đắc lân đơn giao đầu tiếp nhĩ, giảng thuyết thế sự.

Phật Pháp thượng bất nghi giao đầu tiếp nhĩ, hưởng kỳ thế sự hồ ?

Hoặc hữu đạo bạn thân tình tương khán, đường trung bất đắc cứu thoại, tương yêu lâm hạ thủy biên, nãi khả khuynh tâm đàm luận.

Tuy hứa khuynh tâm, chỉ nghi đạo thoại, bất khả tứ đàm thế tình.

"Từ Thọ thiên sư", "châm qui" vân : Nhược thị cự thời đạo bạn, viễn địa thân tình, tương dẫn lâm hạ thủy biên, phương khả huynh tâm đàm luận. Chí ư giao quan mải mại, dẫn nặc tạp nhơn, tận phi nạp tử sở vi.

Nhược khán kinh, tu đoan thân trừng tâm mạc ngoạn, bất đắc xuất thính.

Tưởng kệ xong, lại phải niệm chú bảy biến như vậy :
 Ấn địa ly, nhật ly tá ha (7 lần).

Chẳngặng cao tiếng nói lớn.

Phàm làm "Sa môn", buông lời nói, nói phải kính dè, tiếng phải dịu hòa, mới xứng oai nghi trang "Thích Tử" vậy.

Nhẹ tay thả sáo phải đỡ tay sau.

Đây khởi hai lỗi : 1.- Không thô tháo. 2.- Không hư sáo. Khi cuốn phải cuốn vô phía trong và hai đầu cho bằng thẳng.

Chẳngặng kéo giày có tiếng.

Bộ HÀNH HỘ nói : Phàm mang giày guốc để gót xuống đất trước, dừng cho có tiếng.

Chẳngặng ho khạc có tiếng lớn.

Không đàm có tiếng gọi là chữ "khái" không tiếng có đàm gọi là chữ "thấu".

Chẳngặng gàn đơn giùm đầu kê tai luận nói chuyện đời.

Chuyện Phật Pháp còn không nên kê tai giùm đầu hướng chi chuyện đời ư ?

Hoặc có bạn học tình quen thăm nhau. Trong nhà "Thiền" chẳngặng nói lâu, đem nhau dưới rừng bên suối, mới khá hết lòng luận nói.

Tuy cho hết lòng, nhưng chỉ nói việc đạo chớ không đặng lung nói việc thế tình.

Ngài "Từ Thọ Thiền Sư", làm bài "châm qui" nói :
 Hoặc là bạn học khi xưa, bà con xa xứ, dắt nhau dưới rừng bên suối mới khá hết lòng đàm đạo. Chớ ư những việc giao thiệp chợ búa mua bán, và dẫn giấu người quấy, đều không phải con nhà họ Thích nên làm.

Bằng coi kính, phải vững mình, lóng thần, ngắm xét chẳngặng ra tiếng.

"Ngoạn", quán tập dã, thử minh tam nghiệp tức thanh thân đoan tắc niệm chánh, tâm trừng tắc lý sanh hĩ.

Nhị bản minh, tức nghi tảo tấn đường.

Tảo tắc thân tâm kinh an, sự sự điều đình, trì tắc sáng suốt, vọng niệm dị sanh.

Qui vị mặc niệm kệ vân : Chánh thân đoan tọa, đương nguyện chúng sanh, tọa Bồ đề tòa, tâm vô sở trước.

Dà phu thời, phục ứng niệm kệ vân : Kiết Già phu tọa đương nguyện chúng sanh, Bồ đề kiên cố, đắc bất động địa.

PHỤ

Bất đắc xuyên đường trực quá.

Đương duyên tiên hậu hành. "Châm Qui" vân : Xuyên đường trực quá, khởi bất hậu nhan, Tôn điện nhàn hành, khủng chiêu bạc phước.

Thượng đơn hạ đơn, cu đương tế hạnh, vật linh lân đơn động niệm.

Phù vi "Sa môn", "Thích tử", bốn cụ tam thiên oai nghi, bát vạn tế hạnh, phạm sở cử chỉ, tiên tu thận tâm.

Bất đắc đơn thượng tả văn tự, trừ chúng khán "kinh giáo" thời.

"Trừ", vị khai thính dã.

Bất đắc đơn thượng, tương tụ bãi trà, dạ tọa tạp thoại.

Thử hữu tam quá, nhứt tắc động niệm, nhị tắc tán tâm, tam phạm phi thời. Túng hữu phi thời chi dục diệt bất ứng dạ tọa tạp thoại.

Xem xét học tập, Tàu gọi là chữ "ngoạn". Đây nói ba nghiệp, nghiêm sạch, vững mình thời niệm chánh, lóng thàn thời lý sanh vậy.

Nghe đánh bảng hai, mau phải sớm tới nhà giảng đường.

Sớm tới thời thân tâm nhẹ nhàng mọi sự điều hòa, tới trễ thời có lỗi lật đật, vọng niệm dễ sanh.

Lúc về đơn, thăm tướng bài kệ như vậy : Thẳng mình ngồi vững cầu cho chúng sanh. Ngồi tòa Bồ Đề tâm không đắm nhiễm.

Khi kiệt già, lại phải tướng kệ như vậy : Ngồi treo kiệt già cầu cho chúng sanh. Tâm đạo vững bền dặng trí bất động.

LỜI PHỤ

Chẳng dặng đi ngang qua nhà "Thiên".

Phải dọc theo trước sau mà đi. Bộ "Châm qui" nói : Đi dâm ngang qua "nhà thiên", đầu chẳng sượng mặt. Đạo đi trong điện Phật e tổn phước.

Lên đơn, xuống đơn, đều phải tế hạnh, chớ để người gần đơn động niệm.

Luận làm Thầy "Sa Môn", trang "Thích Tử", phải đủ ba nghìn oai nghi, tám muôn tế hạnh. Phạm khi đi đứng, trước phải dè dặt nơi tâm.

Chẳng dặng trên đơn, viết chép "văn tự", trừ khi đại chúng xem "kinh luật".

"Trừ" là nghĩa mở cho vậy.

Chẳng dặng trên đơn xúm nhau, bày tiệc trà, đêm ngồi nói bậy.

Đây có ba việc lỗi : 1) Động chúng ; 2) Rối tâm ; 3) Phạm phi thời. Dầu có thuốc uống phi thời, cũng chẳng nên đêm ngồi nói bậy.

Bất đắc đơn thượng, phùng bố y bị, bất đắc manh ngoạ, cộng lân đơn thuyết thoại động chúng.

Kinh vân : Thực tác vô ngữ, ngoạ tác vô đàm, tinh cần tư nghĩa, ôn cố tri tân, tọa tác "thiền tu", khởi tác phúng tụng, giới hạnh như thử, chơn Phật "đệ tử".

"CHẤP TÁC" ĐỆ THẬP NHẤT

Đương tích chúng tăng vật.

ĐẠI LUẬT vân : Hộ thường trụ tăng vật, như hộ kỹ nhân tình. HÀNH HỘ vân : Hữu tổn phí "thường trụ", "Tam Bảo" đẳng vật, đương bồi thường chi.

Tích "Dương Châu", "Bạch Tháp" Tự. "Sa môn" "Đạo Xưởng", chưởng tri tăng vật, tự tại xâm dụng, hốt hữu "Minh Quan" số nhơn, bạch nhật nhập phòng duệ "xưởng" hạ địa, dục đoạn kỳ cảnh, "xưởng" kinh kiếu khát mạng. Quan lệ thịnh ngôn : hiệp phòng tư tài, tịnh tống hườn tăng, đương phóng nhữ huyệt. "Xưởng" khấu đầu ngôn : "Bất cảm vi mạng". Tức minh chung tập chúng, tận xả y vật, tạo tượng thiết trai. "Minh Quan" tam nhật phục chí, kiến xưởng nhứt bát nhất nạp, bất ngôn nhị khứ : "Xưởng" tự thị miễn lệ tân tu, tốt thành minh hạnh.

Đương tùy "tri sự" giả giáo linh, bất đắc vi lệ.

"Vi", thị quai vi bất thuận, "lệ" thị ngạn lệ bất phục.

Phàm tẩy thể, đương tam dịch thủy.

Dịch, hoán dã, đương tiên trạch khử trùng nghi đẳng nhiên hậu tẩy chi.

Phàm cấp thủy, tiên tịnh thủ. Phàm dụng thủy, đương đế thị hữu trùng vô trùng. Hữu dĩ

Chẳng đặng trên đơn may vá áo quần. Chẳng đặng nằm ngủ, cùng người gần đơn nói chuyện động chúng.

Kinh THẬP GIỚI nói : Ăn thời không nói, nằm thời không luận, tinh cần nhớ nghĩa, ôn cũ biết mới. Ngồi thời "thiên định", dậy thời tụng kinh. Giới hạnh như đây mới thật là "đệ tử" của Phật.

BÀI THỨ 11 : "GIỮ LÀM VIỆC CHÚNG TĂNG"

Phải tiếc của, của chúng Tăng.

Trong ĐẠI LUẬT nói : Giữ vật của "Thường Trụ" của "Chúng Tăng", như giữ tròng con mắt của mình. Thiên HÀNH HỘ nói : "Có tổn hao của "Thường Trụ", "Tam Bảo" các vật, phải đền trả lại.

Xưa đất "Dương Châu" chùa "Bạch Tháp". Sa môn tên "Đạo Xưởng" làm Tri sự giữ vật "Chúng Tăng", tự do lấy bớt. Bỗng có vài ông "Minh Quan" ban ngày vào liêu, kéo "Xưởng" xuống đất muốn cắt cổ ông, "Xưởng" sợ kêu xin tha mạng. "Minh Quan" xẵng tiếng nạt rằng : "Cả của cải trong liêu người, đều đem trả cho Chúng Tăng, sẽ tha người sống". "Xưởng" cúi đầu bạch rằng : "Chẳng dám trái mạng". Liền rung chuông nhóm chúng bán hết y vật, tạo tượng và trai tăng. Ba ngày vị "Minh Quan" trở lại thấy "Xưởng" còn một bình bát, một áo nạp tỏ vẻ bằng lòng chẳng nói mà đi. "Xưởng" từ đây gắng gổ tấn tu, sau thành hạnh tốt.

Phải theo Thầy "Tri sự" dạy bảo, chẳng đặng trái cãi.

Trái cãi không thuận gọi là chữ "Vi". Chống chối không chịu gọi là chữ "Lệ".

Phàm rửa rau, phải thay nước ba lần.

Thay nước là đổ nước dơ ra, lấy nước trong sạch mà dùng. Trước khi rửa rau, phải lật bỏ những thứ sâu bọ rồi mới rửa đó.

Phàm múc nước, trước rửa tay cho sạch. Phàm dùng nước phải chính xem có trùng, không trùng. Như có lấy lụa dày lượt qua mới dùng. Bằng tiết

mật la lự quá, phương dụng. Nhược nghiêm đông, bất đắc tảo lự thủy, tu đái nhật xuất.

Hàng thiên tảo lự, khùng trùng đồng tử. Phàm hà thủy, tỉnh thủy giai tu quan sát, vô trùng phương dụng, dụng hữu nhị chưởng : Nhất ẩm thực, nhị cán trạc, kỳ thủy trùng cực tế, tu để quan sát, bất đắc trụ trung, tẩy thủ diện, cập đại tiểu tiện. Lự la hữu ngũ chưởng : nhứt mật quyển phương la, nhị "âm dương" bình, tam "quân trì" bình, thử nhị, giai dụng quyển man khẩu, tế thằng hệ hạng, trầm phóng thủy trung, đái mấn khiên xuất, tứ chước thủy la, ngũ giác la. Dụng quyển phương nhứt trách nữ, hoặc hệ bình khẩu, hoặc trí oản thượng, lự nhi dụng chi

Phàm thiêu táo, bất đắc nhiên hủ tân.

Hủ hủ chi mộc hữu trùng, cố bất thính nhiên. Kinh vân : Diệc bất đắc nhiên sanh tân thấp tân.

Phàm tác thực, bất đắc đơi trảo giáp cấu.

Phật bất thính lưu chỉ giáp, cực trường thính chí nhứt mạch. Ngược đơi cấu bất tịnh tác thực, đắc xí trung quĩ báo.

THÍ DỤ Kinh vân : "Hữu Sa môn tác ma ba lợi phạm, Tỳ kheo phân lạc tô trước thủ, dĩ thủ thức trụ, trụ tức phá liệt, bất khả bất thận tai" ?!

Phàm khí ố thủy, bất đắc đương đạo. Bất đắc cao thủ dương bát. Đương ly địa tứ ngũ thốn, từ từ khí chi.

Ố thủy, thị tẩy khí cán trạc chi thủy, bất đắc đương nhưn hành đạo xứ khí tã.

Phàm tảo địa, bất đắc nghịch phong tảo, bất đắc tụ khô thổ, an môn phiến hậu.

Vị bất đắc đơi tích phẩn tảo dã.

nghiêm đông, trời lạnh chớ nên lượt nước sớm, phải đợi mặt trời mọc.

Trời lạnh lượt nước sớm, sợ trùng lạnh mà chết. Phàm nước sông, nước giếng, đều phải xem xét không trùng mới dùng. Dùng có hai thứ : 1.- Nước uống ăn. 2.- Nước giặt rửa. Những nước có trùng rất nhỏ, ta phải xem xét kỹ lưỡng, chớ nên nhẹ trong đó rửa tay, rửa mặt và đại tiểu tiện.

Bàn lượt nước có năm thứ : 1.- Lấy lụa dày làm bàn lượt vuông. 2.- Làm bình "Âm Dương". 3.- Làm bình "Quần Trì". Hai bình này, đều lấy lụa bịt miệng, dây nhỏ buộc cổ, thả chìm trong nước đợi đầy kéo ra. 4.- Bàn lượt rút nước. 5.- Bàn lượt có góc. Dùng lụa vuông chừng một gang, hoặc buộc miệng bình, hoặc để trên cái chén lượt mà dùng.

Phàm nhúm bếp, chớ nên chụm củi mục.

Củi mục có trùng mối, nên chẳng cho chụm. Kinh THẬP GIỚI nói : Cũng chẳng cho chụm củi tươi và củi ướt.

Phàm làm đồ ăn, chớ nên để móng tay nhơ.

Phật chẳng cho để móng tay rất dài, cho cỡ chừng hột thóc. Bằng để dính dơ bất tịnh, làm đồ ăn, mắc báo làm "Quỉ" trong nhà xí.

Kinh THÍ DỤ nói : "Có Thầy "Sa môn" nấu cơm "Ma ba Ly" và ông "Tỳ kheo" phân vị "Tô Lạc" dính tay, lấy tay chùi trên cột, cột liền nứt bể, chẳng khá chẳng kiêng dè ư ?

Phàm đổ nước nhơ, chẳng dặng giữa đường. Chẳng dặng cao tay hất đổ. Phải cách đất chừng 4,5 tấc, sẽ sẽ đổ đó.

Nước nhơ là thứ nước rửa đồ đạc và giặt diệm, chẳng dặng ngay giữa đường người đi tạt đổ.

Phàm quét đất, chẳng dặng quét ngược gió, chẳng dặng nhóm bụi đất để sau cánh cửa.

Nghĩa là : Không dặng quét bụi nhóm đống vậy.

Kinh vân : Tảo địa dương linh tịnh, bất đắc hữu tích, hữu tức thời tảo khước.

BÁ DUYÊN kinh vân : Tảo địa đắc ngũ công đức : Nhất tự trừ tâm cấu, nhị trừ tha cấu, tam khử kiêu mạn, tứ điều phục tâm, ngũ tăng trưởng công đức, đắc sanh thiện xứ.

Tẩy nội y, tu thập khử cơ sắt phương tẩy,

Tiểu giả danh "cơ", đại giả danh "sắt", thập tịnh nhi tẩy phương vô thương sanh chi quá.

Hạ ngoạt dụng thủy, bồn liễu tu phúc, nhược ngưỡng tức trùng sanh.

Hạ ngoạt trùng sanh vô thời, ngưỡng tắc hữu dư thủy, cố trùng sanh. Phạm tẩy "tịnh y", bồn, bất đắc dụng tẩy túc, cập tẩy hạ y miệt đẳng. Sái thời can thượng, diệp bất đắc tương xúc bất đắc hàm thủy tổn "pháp y".

Bất đắc nhiệt thang, bát địa thượng.

Thương sanh cố dã, diệp bất đắc dĩ nhiệt thang, nghiêu hỏa diệt.

Nhất thiết mẽ miến sơ quả đẳng, bất đắc khinh khí lang tạ, tu gia ái tích.

Kim sanh bất tích vật, lai thế vô thọ dụng. Huống "thường trụ", "chúng tăng" chi vật, nhi bất thâm gia hộ tích khả hồ ?

"NHẬP DỤC" ĐỆ THẬP NHỊ.

Tiên dĩ thang tẩy diện, tòng thượng chí hạ, từ từ tẩy chi.

Nhược biệt hữu tịnh thủy, tắc bất nghi dĩ dục thang tẩy diện. Dục tất xuất ngoại, đương dụng tháo đậu, hoặc khô thổ, tái tam tịnh tẩy lưỡng thủ, nhiên hậu tẩy diện.

Kinh THẬP GIỚI nói : Quét đất phải cho sạch đừng cho có dấu, nếu có liền phải quét lại.

Kinh BÁ DUYÊN nói " Quét đất thì được năm món công đức : 1.- Trừ tâm nhớ mình. 2.- Trừ nhớ cho người. 3.- Bỏ tánh kiêu mạn. 4.- Trừ dẹp vọng tâm. 5.- Lớn thêm công đức, đặng sanh cõi lành.

Giặt áo trong, phải lượm bỏ rệp rận mới giặt.

Thứ nhỏ gọi là : chữ "Cơ". Thứ lớn gọi là : chữ "Sắc". Lượm hết rệp rận rồi giặt, mới khỏi cái tội sát sanh.

Tháng mùa Hạ, dùng nước, dùng rồi phải úp chậu xuống, nếu để ngửa ắt sanh trùng.

Bởi tháng mùa Hạ, trùng sanh không chừng. Bằng để ngửa, thời còn nước dư trong chậu, nên trùng sanh.

Phàm để chậu giặt "Tịnh y", chẳng nên lấy rửa chân và giặt quần, vợ, các vật. Lúc phơi trên sào, cũng đừng cho đụng nhau, và đừng ngậm nước phun pháp y.

Chẳng đặng nước nóng đổ trên đất.

Vì chết trùng vậy, cũng chẳng đặng lấy nước nóng tưới cho lửa tắt.

Tất cả gạo, bột, rau, trái v.v... chẳng đặng khinh bỏ bậy bạ, phải sanh lòng yêu tiếc.

Đời nay không tiếc của, đời sau không có mà dùng, việc đời còn vậy. Hưởng chi của "thường trụ", "Chúng Tăng" mà hông không rất thêm lòng thương tiếc hay sao ?

BÀI THỨ 12 : "VÀO NHÀ TẮM"

Trước lấy nước nóng rửa mặt, từ trên đến dưới từ từ rửa đó.

Bằng riêng có nước sạch, thời không nên lấy nước tắm rửa mặt. Tắm rồi ra ngoài, phải dùng nước tháo đậu (xà bông) hoặc đất rửa hai tay đôi ba lần cho sạch, vậy sau rửa mặt.

ÔN THẮT Kinh : Tẩy dục năng trừ thất bịnh Nhất tứ đại khinh an, nhị trừ phong khí, tam trừ tê thấp, tứ trừ hàn lãnh, ngũ trừ nhiệt khí, lục trừ cấu uế, thất thân thanh mục minh. Nhiên diệc bất đắc sở tẩy, trừ thời nhơn duyên.

Bất đắc thô tháo, dĩ thang thủy tiện lân nhơn, bất đắc dục đường tiểu di.

Tiểu di, hoặc vân : "Tiểu hành", hoặc vân : "tiểu giải", hoặc vân : "tiểu tịnh", hoặc vân : "tiểu tiện", tịnh địa thượng bất khả di, hướng dục đường trung.

TĂNG HỘ Kinh vân : "Tỳ kheo" tại tịnh địa, đại tiểu tiện lợi, bất trạch xứ sở. Dĩ thị nhơn duyên, nhập "Địa ngục" trung tánh tác nhục xí tịnh; hỏa thiêu thọ khổ bất tức.

TRANG NGHIÊM BỬU VƯƠNG Kinh vân : "Nhược ư thường trụ địa di thóa giả, thị nhơn sanh ư "Ta La Thọ" trung vi châm khẩu trùng, kinh thập nhị niên. Nhược ư thường trụ địa, đại tiểu tiện, lợi giả, thị nhơn ư "Ba La Nại" đại thành đại tiểu tiện lợi lợi trung sanh vi uế ô trùng".

ƯU BÁT KỲ VƯƠNG Kinh vân : "Già lam" pháp giới nội địa, mạn loạn đại tiểu tiện, ngũ bá sanh, đọa "Bạc Ba" Địa ngục, hậu nhị thập kiếp, thường khiến trừu thủ, bảo thủ uế địa, nãi chí huỳnh tuyền.

Bất đắc cộng nhơn ngữ tiểu. **NHƠN THIÊN BỬU GIÁM** vân : Nhất "Sa di" nhập dục hí tiểu, toại cảm" Phát thang địa ngục" chi báo.

Hí tiểu cảm báo thượng nhĩ, kỳ dư tắc khả tri hĩ.

Bất đắc tẩy tịch xứ.

Đại tiểu tiện xứ dã.

Phàm hữu sang tiến, nghi tại hậu dục. Hoặc hữu khả úy sang vưu nghi hồi ty, miễn thích nhơn nhấn.

Kinh ÔN THẤT nói : Tắm rửa trừ dạng 7 thứ bệnh :
 1.- Thân thứ đại nhẹ nhàng. 2.- Trừ chứng phong khí.
 3.- Trừ chứng tê thấp. 4.- Trừ bệnh lạnh rét. 5.- Trừ bệnh
 nhiệt khí. 6.- Trừ nhơ nhớp. 7.- Thân được sạch, mắt được
 tỏ. Song cũng chẳng nên tắm thường, trừ khi có nhơ
 duyên như làm việc bụi đất v.v...

**Chẳng dạng lật đật, khiến nước nóng vắng nhằm
 người gần. Chẳng dạng tiểu di trong nhà tắm.**

"Tiểu di" hoặc có chỗ nói "tiểu hành", hoặc nói "tiểu
 giải", hoặc nói "tiểu tịnh", hoặc nói "tiểu tiện". Song đất
 sạch còn không nên tiểu, hướng chi trong nhà tắm.

Kinh TĂNG HỘ nói : Thầy "Tỳ kheo" ở chỗ sạch (*trong
 đất Già Lam*) đại tiểu tiện lợi, không lựa chỗ nơi. Do nhơ
 duyên ấy, vào trong "Địa ngục" làm con trùng ở trong hầm
 xí, chịu khổ lửa đốt không dứt.

Kinh TRANG NGHIÊM BẢO VƯƠNG nói : Bằng ở chỗ
 đất thường trụ, hỉ mũi khạc nhỏ, người đó sanh trong cây
 "Ta la" làm con trùng mô như cây kim, trải qua 12 năm.
 Bằng ở chỗ đất thường trụ, đại tiểu tiện ấy, người đó sanh
 trong chỗ "đại tiểu tiện" nơi thành lớn "Ba La Nại", làm con
 trùng ở chỗ nhơ nhớp *cầu xí*.

Kinh ƯU BÁT KỲ VƯƠNG nói : Đất trong cảnh "Già
 lam", đại tiểu tiện bảy hạ, năm trăm đời,ọa trong Địa ngục
 "Bạt Ba", sau hai mươi kiếp, thường làm con "bù hung", hai
 cánh tay ôm chỗ nhơ ấy, cho đến trọn đời.

**Chẳng dạng cùng người nói cười : NHƠN THIÊN
 BỬU GIÁM** nói : "Một ông Sa di vào nhà tắm, giỡn
 cười, liền mắc báo "Địa ngục" nước sôi".

Giỡn cười còn mắc báo như thế. Còn các chuyện khác,
 thời khá biết vậy.

Chẳng nên tắm chỗ khuất.

Chỗ khuất đó là chỗ cầu tiêu và cầu tiểu vậy.

**Phàm có ghẻ lác, phải tắm ở sau. Hoặc có ghẻ
 đáng sợ, rất phải quanh lánh, khỏi gay mắt người.**

Khả úy sang ? Tức "ung thư" đẳng ác sang. Tự tu hời ty, thủ thủy biệt dục, vật linh nhơn kiến. Hoặc nhơn dục ngật, tối hậu phương dục. Bất nhiên, tắc tổn phước chiêu tội.

Bất đắc tứ ý cửu tẩy, phương ngại hậu nhơn.

Tứ ý vị tứ tình túng ý.

Kinh vân : Bất đắc tại trung cán y.

PHỤ

Thoát y trước y, an tường tự tại.

Vị bất đắc khinh táo sáng sốt.

Dục tiền tiên tẩy tịnh tu tế hạnh, bất đắc dĩ tẩy tịnh thủy, nhập dục phủ.

Đương vị nhập dục chi tiên, tiên như pháp tẩy tịnh, tẩy thủ tịnh, nhiên hậu nhập dục. Kim thời hữu dĩ thiếu thủy, tại dục đường biên, tẩy tịnh. Phục bất dĩ khô thổ tẩy thủ, tức nhập tẩy dục, dữ bất tẩy vô biệt. Thạm vi uế ô, tự ô ô tha, cảm báo bất khinh.

Thang lãnh nhiệt, y lệ khích bang, bất đắc đại oán.

Y lệ, vị y thường qui dã, kỳ trung dục cụ, bồn khí, tháo dậu đẳng, đương an trí như pháp. Dụng giả, diệt tu như pháp, miễn chiêu hậu vương. Như "Tăng Hộ" sở kiến giả, thị dã.

"NHẬP XÍ" ĐỆ THẬP TAM

Dục đại tiểu tiện tức đương hành, mạc đãi nội bức sáng sốt.

Sáng sốt tức hữu thất nghi chi quá, cố tu cập thời đương hành.

Ghê đáng sợ là gì ? - Tức ghê "ung thư" các thứ ghê dữ. Mình phải quanh lánh, mức nước tắm riêng. Chớ cho người thấy. Hoặc người tắm rồi, rút sau mới tắm. Chẳng thế thời tồn phước, mắc tội.

Chẳng đặng lung ý tắm lâu, mịch lòng người sau.

Lung ý là gì ? - Là nghĩa lung tình buồng ý.

Kinh THẬP GIỚI nói : Chẳng đặng giặt áo ở trong nhà tắm.

LỜI PHỤ

Cởi áo, mặc áo thông thả bình tĩnh.

Là nghĩa không đặng vội vàng hấp tấp.

Khi sắp tắm, trước phải tẩy tịnh cho kỹ lưỡng. Chẳng đặng lấy nước tẩy tịnh, đổ vào trong vò tắm.

Trước khi sắp vào nhà tắm, phải y như pháp tẩy tịnh và rửa tay cho sạch, rồi sau mới vào nhà tắm. Thế mà đời bây giờ, có người dùng chút nước để bên nhà tắm, mà tẩy tịnh. Lại không dùng tro đất rửa tay, liền vào tắm rửa, cùng người chưa rửa không khác. Rất là nhơ bẩn, nhơ mình và nhơ người, mắc báo chẳng phải nhẹ.

Nước lạnh, nước nóng, theo lệ đánh mõ, chẳng đặng kêu to.

Y lệ là gì ? Là y theo phép thường vậy, ở trong nhà tắm, sấm đủ, nào bồn, nào chậu, nào nước tháo đậu v.v... phải sắp đặt đúng phép. Dùng đó cũng phải đúng phép, mới khỏi tội về sau. Những tội lỗi của người tắm không đúng phép, như ông "Tăng Hộ" đã thấy phải vậy.

BÀI THỨ 13 : "VÀO NHÀ XÍ"

Vừa muốn Đại tiểu tiện, phải đi liền dừng để trong thục lật đặt.

Lật đặt thời có cái lỗi sai phép, cho nên hãy vừa mắc thời phải đi liền.

Ư trước can thượng, quái "trực chuyết" tập linh tề chỉnh, dĩ thủ cân, hoặc yêu thao. Hệ chi, nhất tác ký nhận, nhị khủng dọa địa.

"Trực chuyết", tương truyền "tiên bối" kiến tăng hữu "Thiên sam", nhi vô quần, hữu quần, nhi vô "Thiên sam", toại hiệp nhị y, vi "trực chuyết". Đương tập điệp quái trước can thượng, trước nội y nhập.

ĐẠI LUẬT linh trước "phú kiên" y nhập xí.

Tu thoát hoán hài lý, bất khả tịnh hài nhập xí.

Tu thoát hài hoán kịch, nhược hài tăng kinh nhập xí. Tiển "tăng" tịnh địa, cập nhập đường "điện", hoạch báo phi khinh tội nhu kinh tụyết. "Cổ" vân : xoa đoản đặng hỗn, thảo lý du sơn, mạc tiển "pháp đường", hời hộ "kỳ cự".

Chí đương tam đờn chỉ, sử nội nhơn tri, bất đắc bách xúc nội nhơn xử xuất.

Tam đờn chỉ, nội nhơn bất xuất, tự đương đấ chi hoặc quá dư xí.

Dĩ thượng, phục đương tam đờn chỉ, mặc niệm vân : "Đại tiểu tiện thời, đương nguyện chúng sanh, khí tham sân si, quyên trừ tội pháp".

Dĩ thượng đặng thượng xí dã. Kim thử tam đờn chỉ, thị cảnh giác xí trung, đạm bất tịnh quỷ đặng, vô trí xúc ngổ bỉ thử lưỡng tổn.

THÍ DỤ kinh vân : Hữu nhất "Sa môn", bất đờn chỉ tiểu tiện tế trúng xí trung quỷ điện, quỷ đại sân

Ở trên sào tre giắt áo "trực chuyết", xếp cho bằng thẳng, lấy khăn tay, hoặc dây lưng buộc nó. Là nghĩa chi vậy ? 1.- Làm cho nhớ lấy. 2.- Sợ rớt xuống đất.

Áo trực chuyết là gì ? Tức là "áo lờ" vậy. Lời truyền nhau nói. Các vị "Tiền Bối" thấy nhà Sư, hoặc có ông thì có áo "Thiên Sam", mà không "Quần", hoặc ông có "Quần" mà không "Thiên Sam", mới hiệp hai áo đó, làm một áo, gọi là "Trực chuyết". Phải xếp áo "Trực chuyết" lại, giắt lên sào tre, mặc áo trong đi vào.

Trong ĐẠI LUẬT dạy " Mặc áo "Phú kiên" (*trùm vai*) vào nhà xí.

Phải thay đổi giày dép, chẳng nên giày sạch, mang vào nhà xí.

Phải thay đổi guốc, nếu giày thường mang đi vào nhà xí mà dậm chỗ đất sạch của "Chúng Tăng" và vào "Giảng đường", cùng chánh điện, thời mặc báo chẳng phải nhẹ. Tội như trong kinh đã nói. Kẻ "Cổ nhờn" nói : Áo vẫn đi tiêu, dép cỏ dạo núi chớ đi vào chốn "Pháp đường", và chung quanh chỗ các vị "Kỳ Túc".

Khi đến nhà "xí", phải đờn chỉ ba tiếng cho người trong biết, chớ nên hối thúc người trong ra cho mau.

Đờn chỉ ba tiếng, người trong không ra, mình phải đợi đó, hoặc qua nhà xí khác.

Lúc lên ngồi trên nhà "xí" rồi, lại phải đờn chỉ ba tiếng, thăm tướng kệ rằng : "Khi đại tiểu tiện, nguyện cho chúng sanh bỏ tham sân si, sạch hết các tội".

"Đã lên". Tức là lên ngồi trên cầu "xí" rồi vậy. Bấy giờ đờn chỉ ba tiếng, là đánh thức con Quỷ ăn đồ bất tịnh trong nhà "xí" biết, đừng tránh, đừng để xuống dụng, kia đây đều tổn.

Kinh THÍ DỤ nói : Có một thầy "sa môn" tiểu tiện không đờn chỉ, xối nhảm trên mặt con Quỷ trong nhà xí,

dục sát "Sa môn", "Sa môn", trì giới, quỷ bất năng đắc tiện.

Bất đắc đê đầu thị hạ.

Thị hạ, hoặc linh bất tịnh tâm sanh dã. Nhược nhưn hậu chí, tu đờn chỉ linh giác.

Bất đắc trì thảo họa địa.

Bất nhiếp chánh niệm, cố họa địa họa bích.

Bất đắc nổ khí tác thình.

Nhất tự thất nghi. Nhị động tha niệm.

Bất đắc cách bích, cộng nhưn thuyết thoại.

VĂN THỪ kinh vân : Đại tiểu tiện thời, thân khẩu như mộc thạch, bất đắc tác thình.

Bất đắc thóa bích.

Nhất khủng ngộ xúc phi nhưn, nhị linh nhưn tâm sanh yểm ố, diệc bất đắc ô xí lưỡng duyên.

Phùng nhưn bất đắc tác lễ, nghi trác thân tị chi.

Nhất, thân nghi bất cung; nhị, xứ phi lễ sở.

Bất đắc duyên lộ hành, hệ y đới.

Dư thời thoát y hệ đới, diệc bất đắc duyên lộ.

Tiện tất, đương tịnh tháo thủ. Vị tháo bất đắc trì vật.

Kim ngôn tháo thủ, bất ngôn tẩy tịnh giả, lược dã, Tiên tu thủ bình thêm thủy linh mãn, an tẩy tịnh xứ. Như vô lánh tẩy tịnh xứ, khả trì nhập xí. Tiện ngật, tiên dĩ vật thức, hậu dụng thủy tẩy, dĩ tả thủ vô danh chỉ, tiểu chỉ, giai tẩy linh tịnh, quyền kỳ tả thủ, hữu

quí cả giận, muốn giết "Sa môn". Nhưng "Sa môn" kia nhờ giữ giới, nên quí nọ không thể hại được.

Chẳng dặng cúi đầu ngó xuống.

Ngó xuống, hoặc khiến sanh tâm bất tịnh vậy. Như người đến sau, phải đờn chỉ cho người trong biết.

Chẳng dặng cầm cỏ vẽ đất.

Vì chẳng giữ chánh niệm, cho nên vẽ dưới đất và vẽ trong vách.

Chẳng dặng rán hơi ra tiếng :

1.- Là mình mất oai nghi. 2.- Động niệm người bên kia.

Chẳng dặng cách vách cùng người nói chuyện.

Kinh VĂN THÙ nói : Khi đại tiểu tiện, thân, khẩu, yên lặng như cây như đá, chớ nên ra tiếng.

Chẳng dặng nhổ phun trong vách.

Có hai lỗi : 1.- "Sợ dặng nhằm kẻ Phi Nhơn". 2.- "Khiến người vô sau thấy, sanh tâm nhờm gớm". Cũng đừng làm như hai bên nhà "xí".

Gặp người không nên làm lễ, phải nghiêng mình lánh đi.

Có hai lỗi : 1.- Mình thiếu phép cung kính. 2.- Không nhằm chỗ làm lễ.

Chẳng dặng đi dọc đường buộc vải áo.

Khi khác, cởi áo hoặc buộc vải, cũng chẳng dặng đi dọc đường buộc và cởi (*khi khác, không phải khi đi nhà "xí"*).

Đại tiện rồi, phải rửa tay cho sạch. Như chưa sạch, chẳng dặng cầm vật chi.

Nay nói rửa tay mà không nói tẩy tịnh, đó là nói nhón vậy. Trước phải múc nước đổ thêm trong bình cho đầy, để chỗ tẩy tịnh. Như không có chỗ tẩy tịnh riêng, thời phải xách bình vào "nhà xí". Đại tiện xong, trước lấy giấy chùi sau dùng nước rửa. Dùng tay bên trái lấy ngón vô danh và

thủ trừu y, khai hộ đề bình nhi xuất. Chí tẩy thủ xứ, dụng khôi, hoặc thổ, tiên tẩy tả thủ thất độ, thứ iưỡng thủ cu tẩy, thất độ. Lưu thiếu thủy tẩy bình nội ngoại, hườn trí bốn xứ. Qui phòng dĩ tịnh thủy, tái tam thấu khẩu, tiện sự nãi tất. Tường tải ĐẠI LUẬT. Phạm vi sư giả, đương như pháp giáo thọ.

Phật ngôn : "Như thị tẩy tịnh, hữu đại lợi ích, phạm vi xuất gia, qui y ư ngã, dĩ ngã vi sư giả, hàm ưng tẩy tịnh. Nhược bất như pháp tẩy tịnh giả, bất ưng nhiều thập hành đạo, bất hiệp lễ Phật tụng kinh.

Tự bất lễ tha, diệc bất thọ, tha lễ, bất ưng đạm thực, bất tọa tăng sàng, bất đắc nhập chúng; sở trì chú pháp, giai vô hiệu nghiệm. Nhược tác trai cúng thơ kinh tạo tượng, đắc phước quả bạc. Nhữ đẳng giai đương y ngã ngôn giáo, vô đắc tự khi, tác bất tịnh pháp, giải đãi phóng dật, vi hạ phẩm hạnh, đương đọa ác đạo v.v..."

Kim thời túng hữu tẩy giả. Toàn bất y pháp, phản thành ố ô, vi sư bất giáo đệ tử, lưỡng giai chiêu tội, cu đọa "tam đồ". Như Phật sở thuyết, khả bất thận tai ! ?

Tẩy thủ mặc niệm vân : dĩ thủy quán chướng, đương nguyện chúng sanh, đắc thanh tịnh thủ, thọ trì Phật Pháp. Ân chủ ca ra da tá ha.

Thượng kệ niệm nhất biến, hạ chú đương niệm thất biến. Kỳ nhập xá, tẩy tịnh, khứ ố, các các hữu chú, tường như dư xứ.

THANH QUI vân : Ân ĐẠI TẶNG ANH LẠC kinh vân : Phù đẳng hỗn giả, bất niệm thủ chú, giả sử thập "Hằng Hà" thủy, tẩy chí "Kim Cang Tể" diệc bất năng tịnh. "Luật" trung tiểu di, diệc tẩy chí.

ngón áp út, chà rửa cho sạch. Nắm tay bên tả lại, còn tay bên hữu vén áo mở cửa rách bình, đem ra. Đến chỗ rửa tay, dùng nước tro hoặc đất, trước rửa tay bên trái bảy lần, sau hiệp hai tay đều rửa bảy lần. Để chút nước rửa trong ngoài cái bình đem để chỗ cũ. Về liêu lấy nước trong súc miệng đôi ba lần. Bảy giờ việc đại tiện mới xong. Trong ĐẠI LUẬT đã biên đủ. Phàm ai là người làm Thầy, phải y theo phép đây dạy bảo đệ tử.

Phật nói : "Tẩy tịnh như vậy có lợi ích lớn. Phàm là người xuất gia qui y với ta, kính ta làm Thầy đó, đều phải tẩy tịnh. Bằng chẳng y theo phép tẩy tịnh này chẳng cho nhiều Thập, đi kinh hành. Chẳng nên lễ Phật tụng kinh.

Mình chẳng nên lạy người. Cũng chẳng đặng chịu người lạy. Chẳng nên ăn uống của "Thường trụ", chẳng ngồi giường chúng tăng. Chẳng đặng vào trong chúng. Dầu có tri chú tụng kinh cũng không hiệu nghiệm. Dầu trai tăng cúng dường, tả kính, tạo tượng, đặng phước chẳng bao nhiêu. Các ông đều phải y lời Ta dạy, chớ nên khinh dễ, làm việc bất tịnh, biếng nhác, buông lung, làm hạnh thấp hèn, phải đọa trong ba đường ác".

Đời bây giờ, dầu có người tẩy tịnh, toàn không y pháp trở thành như nhớp, làm Thầy không dạy đệ tử, cả hai đều mắc tội đọa trong "ba đường". Như Phật đã dạy, khá chẳng thận trọng lắm ư ? !

Rửa tay thăm tưởng kệ rằng : Dùng nước rửa tay cầu nguyện cho chúng sanh đặng tay trong sạch, vưng giữ pháp Phật. An chủ ca ra da tá ha (7 lần).

Kệ trên niệm một biến, chú dưới niệm bảy biến. Khi vào nhà xí, khi tẩy tịnh, khi khử uế, mỗi việc đều có chú kệ. Rõ như chỗ khác nói.

Bộ THANH QUI nói : Xét trong kinh ĐẠI TẠNG ANH LẠC. Luận người đi tiêu không tưởng chú này, dầu cho nước mười "Sông Hằng" rửa đến chỗ "Kim Cang Tế", cũng không thể sạch đặng.

PHỤ

Nhược tiểu giải, diệp yếu thâm khởi y tu, hựu bất khả trước "thiên sam" tiểu giải.

Bất tịnh, ô thân ô y, thọ lễ lễ tha, giai đắc tội. Tiểu giải thời, tu tại công biên, bất đắc hướng công trung, giải tác thính, cập xú khí huân nhơn. "Thiên sam", thị thần pháp y, lễ kính chi phục, cố bất nghi trước tiểu tiện dã. "Thiên sam" nguyên phi Phật chế nãi thử phương sở tạo.

Tích "Ngụy Đế" thỉnh tăng nhập nội cúng dường, cung nhơn kiến Tăng thiên đản hữu kiên, bất dĩ vi thiện, toại tác "Thiên sam", thí thuyết ư tả biên, "phú kiên" y thượng, nhi phú hữu kiên, nhơn danh vi "Thiên sam". Kiềm ẩn phú kiên, y danh, thông hiệu lưỡng tụ giả, viết "Thiên sam". Như dục tác giả, tu khai hựu phùng, tiệt lãnh phương hiệp nguyên thức.

"THÙY NGỌ" ĐỆ THẬP TỨ

Ngọ tu hữu hiệp, danh "Kiết tường" thùy. Bất đắc ngưỡng phúc ngộ, cập tả hiệp ngộ.

Phàm ngộ tu an chăm, hoặc khúc quăng nhi chăm, bất đắc đầu trước tịch, ngưỡng thị "tu la" ngộ, phúc thị "ngạ quỷ" "ngọ tả" hiệp, thị tham dục. Nhơn ngộ, Sa Môn ưng như "sư tử vương", thuận thân hữu hiệp trước tịch, luy túc hiệp khẩu, đầu chăm hữu thủ, thơ tả thủ thuận thân thượng, bất xả niệm huệ, tư duy khởi tướng. Chí hựu dạ, tức khởi chánh tạo, tư duy kỹ nghiệp, diệp bất đắc hầu thính ngộ.

Trong ĐẠI LUẬT nói : Đi "tiểu di" cũng phải rửa đó.

LỜI PHỤ

Bằng tiểu giải cũng phải xắn tay áo lên, và chẳng nên mặc áo "Thiên Sam" (áo tràng) đi tiểu giải.

Đồ bất tịnh như mình, như y, chùi người lạ, hoặc mình lạ người đều mắc tội. Khi tiểu giải, phải kê bên bìa cái "Lu" (cái Bô). Chẳng đặt nhè ngay chính giữa mà tiểu, nổi tiếng xổn xổn. Hơi thúi bốc lên, chun mũi người.

Áo "Thiên Sam" là gì ? Là áo của người thí chủ cúng, mặc trong khi kính lễ. Cho nên chẳng đặt mặc đi tiểu tiện vậy. Song áo "Thiên Sam" đây, vốn không phải đức Phật chế, chính phương này (Tàu) bày sấm. Xưa nước Ngụy vua "Văn Đế" thỉnh chúng Tăng vào trong cung cúng dường. Kể cung nhưn thấy chúng Tăng mặc áo bày vai bên phải, chẳng lấy làm tốt, bèn chế kiểu áo gọi là áo "Thiên Sam", nối luôn qua vai bên trái, trùm lên áo "phú kiên", mà tú vai bên phải, nhưn đây kêu là áo "Thiên Sam". Nay ẩn cái tên áo "Phú kiên", chung kêu áo hai tay rộng gọi là áo "Thiên Sam" (áo tràng hay áo thông y). Khi muốn may nó phải tháo đường may sau, khoét tràng vuông mới nhằm thức xưa.

BÀI THỨ 14 : "PHÉP NẪM NGỦ"

Nằm phải nằm nghiêng hông bên phải gọi là ngủ "Kiết tường" (điềm tốt). Chẳng đặt nằm sấp, cùng nằm bên hông trái.

Phàm nằm phải gối, hoặc co cánh tay mà gối, chớ nên để đầu dưới chiếu. Nằm ngửa là cách nằm của loại "Tu la". Nằm sấp là lối nằm theo điệu "Ngạ Quỷ". Nằm hông bên trái là lối nằm theo những người "tham dục". Thầy Sa Môn phải nằm như "Sư tử Vương" xuôi thân nghiêng bên phải sát chiếu chông hai chân, ngậm miệng tay bên phải gối đầu, duỗi tay bên trái để xuôi trên mình, tâm tưởng nghĩ nhớ, chớ quên niệm huệ. Đến cuối đêm, liền dậy ngồi ngay, lo nghĩ chánh nghiệp của mình. Cũng chẳng nên nằm ngủ ngáy pho pho.

Vân hà như "sư tử vương" ngộ ? Vị nhất thiết thú trung, đồng hân kiên mãnh, sư tử tối vi đệ nhất.

Xuất gia như, diệp dĩ phát cần tinh tấn, đồng hân kiên mãnh, tối đệ nhất. Do thị như duyên, dĩ "sư tử vương" ngộ pháp, tương tự. Như thị ngộ thời, thân vô trạo loạn, niệm vô vong thất thù bất cực trọng, bất kiến ác mộng, cố danh "kiết tường" dã.

Bất đắc dĩ sư đồng thất, đồng sáp, hoặc đắc đồng thất, bất đắc đồng sáp.

Vị phòng ác như, khủng hữu phạm hạnh nạn, cố thính đồng thất dã.

Diệp bất đắc dĩ đồng sự "Sa di" cộng sáp.

Đồng sự, vị đồng "Sa di" sở thi hành sự, hoặc "đồng sư" học giả.

Như "Tăng Hộ Tỳ kheo", kiến "Địa ngục" nhị "Sa di", manh ngộ tương bảo, mãnh hỏa thiêu thân, khổ bất hưu tức. Phật ngôn : "Ca Diếp" Phật thời, thị nhị "Sa di", cộng nhất bị nhục trung, tương bảo manh ngộ, dĩ thị như duyên, nhập địa ngục trung, hỏa thiêu bị nhục trung, tương bảo thọ khổ, chí kim bất tức.

Phàm quái hài lý tiểu y đẳng, bất đắc quá như đầu diện.

Phàm thị hạ thân y vật, bất đắc cao quái.

PHỤ

Bất đắc thoát lý y ngoạn.

Lý y, thị cận thân trước giả, nhược thượng, nhược hạ, giai danh lý y dã.

Bất đắc thù thượng sàng, tiểu ngữ cao thịnh.

Vì sao nằm như con "Sư Tử Vương" ? - Nghĩa là trong tất cả loài thú, chăm hằm mạnh mẽ, sư tử là thứ nhất

Người xuất gia cũng phải siêng năng tinh tấn, mạnh mẽ chăm hằm bực nhưt. Do nhơn duyên như vậy, cho nên phép nằm cũng như "Sư Tử Vương" không khác. Khi nằm như vậy, thân không day trở, niệm không quên mất, ngủ chẳng ngủ nhiều, thời chẳng thấy chiêm bao dữ, cho nên kêu là ngủ "Kiết Tường" vậy.

Chớ nên cùng Thầy đồng nhà, đồng giường, hoặc đặng đồng nhà, chẳng đặng đồng giường.

Vì sao cho đồng nhà ? Vì phòng người ác, sợ có nạn phạm hạnh, nên cho đồng nhà vậy.

Cũng chớ nên cùng "Sa di" đồng sự chung một giường.

Đồng sự là gì ? - Nghĩa là đồng với ông "sa di" kia ra làm các việc vậy. Hoặc là đồng học một Thầy nên gọi là "đồng sư".

Như ông "Tăng Hộ Tỳ Kheo", thấy trong "địa ngục" có hai ông "Sa di" ôm nhau nằm ngủ, lửa dữ đốt thân, chịu khổ không dứt. Phật nói : Thời kỳ đức Phật "Ca Diếp", hai ông Sa di đó, chung một mền nệm, ôm nhau nằm ngủ. Do nhơn duyên như vậy vào trong địa ngục, lửa đốt mền nệm. Trong đó ôm nhau chịu khổ, đến nay chưa dứt.

Phải máng giày dép cùng áo nhỏ v.v... chớ nên khỏi đầu mặt người.

Phàm là y vật, mặc dưới thân, chớ nên giắt cao.

LỜI PHỤ

Chẳng đặng cởi áo trong mà nằm.

Áo trong là gì ? Tức là áo mặc sát trong mình, hoặc áo lót, hoặc quần đùi, đều gọi là áo trong vậy.

Chẳng đặng ngủ trên giường, cười nói lớn tiếng.

Tiền giới thiên đường trung, ngọa ngữ thoại.
Thử giới phòng trung, thù ngữ thịnh.

Bất đắc "thánh tượng", cập "pháp đường"
tiền, huề nịch khí quá.

"Thánh tượng", thị "Phật" "Bồ Tát" tượng hoặc "La Hán", "Tổ sư" tượng. Nịch, đồng niệu "tiểu tiện" dã.

"VI LƯ" ĐỆ THẬP NGŨ

Bất đắc giao đầu tiếp nhĩ thuyết thoại. Bất
đắc đờn cấu nị hỏa trung.

Giao đầu, thị tạp thoại chi doan, đờn cấu, thị xú
khí huân nhơn. ĐẠI LUẬT vân : Nhược mao phát
trảo giáp, di thóa bì huyết, bính quả độc được, trước
hỏa trung, giai đắc tội.

THANH QUI vân : Bất đắc bát hỏa phi khôi.

Bất đắc hồng bồi hài miệt, bất đắc hương
hỏa thái cửu, khủng phương hậu nhơn, sảo
noãn tiện nghi qui vị.

Hồng bồi, dữ thái cửu, giai phương ngại tha
nhơn,

CHÂM QUI vân : Tịnh phát, vi lư, lễ nghi khiêm
nhượng. Phật ngôn : "Hương hỏa hữu ngũ quá thất".
Nhất linh nhơn vô nhan sắc, nhị linh nhơn vô lực,
tam linh nhơn nhần ám, tứ linh đa nhơn não tập,
ngũ đa thuyết tục sự.

"TẠI PHÒNG TRUNG TRỤ" ĐỆ THẬP LỤC

Cánh tương vấn tấn, tru tri đại tiểu.

Vấn tấn vị phát ngôn tấn vấn, sanh niệu, giới lạp
cập hưng cư an lợi phủ ? Học nghiệp nhật tấn phủ ?
Nhược hữu đắc thất ngôn ngữ, tức khát hoan hỉ, bất

Bài trước dạy ở trong nhà thiền, nằm chẳng đặng nói bậy. Bài này dạy ở liêu phòng ngủ chẳng đặng nói ra tiếng.

Chẳng đặng trước "thánh tượng" và chốn "Pháp Đường" xách đồ như đi qua.

"Thánh Tượng" là gì ? Là tượng "Phật", tượng "Bồ Tát", tượng "La Hán" và tượng "Tổ Sư", Đồ như là gì ? Tức đồ "đại tiện", tiểu tiện" vậy.

BÀI THỨ 15 : "PHÉP QUANH LÒ HƠ LỬA"

Chẳng đặng giao đầu kê tai nói bậy. Chẳng đặng khảy mồ hôi như trong lửa.

Giao đầu là cái mối nói bậy. Khảy mồ hôi như, là hơi hôi bay đến người. Trong ĐẠI LUẬT dạy : Hoặc lông tóc, móng tay, mũi, đàm, da, huyết, bánh trái, thuốc độc bỏ trong lửa đều mắc tội.

Bộ THANH QUI nói : Chớ nên bươi lửa bay tro, (*phải bươi nhẹ nhẹ*).

Chẳng đặng hong phơi giày, vớ ; chẳng đặng hơi lửa lâu lắm, sợ mịch lòng người sau, nên vừa ấm liền phải về chỗ.

Hơi hong lâu lắm, đều sợ mịch lòng người khác.

Bộ CHÂM QUI nói : Khi cạo tóc khi hơi lửa, phép phải kính nhường. Phật dạy : "Hơi lửa có năm việc hại" :
1.- Khiến người khô nhan sắc. 2.- Khiến người mất sức. 3.- Khiến người lờ con mắt. 4.- Xúm đông rầy rạc. 5.- Hay luận việc đời.

BÀI THỨ 16 : "PHÉP Ở CHUNG TRONG LIÊU PHÒNG"

Hỏi thăm với nhau, phải biết kẻ lớn người nhỏ.

Hỏi thăm là gì ? - Nghĩa là phát lời thưa hỏi như : Tuổi đời cùng giới lạp, và việc ăn ở an lợi thế nào, sự tu học mỗi ngày có tấn ích không ? Bằng có sơ lỡ lời nói liền xin hoan

đắc kinh túc hộ tương tán mỹ, bất đắc bối tương hủy thuyết.

Dục trì đăng hỏa nhập, dự cáo phòng nội tri, vân hỏa nhập, dục diệt đăng hỏa, dự vấn đồng phòng nhơn, cánh dụng đăng phủ ?

Nhập thời dự cáo, miễn bỉ sảng sốt, diệt thời dự vấn lự tha tu dụng, diệt bất đắc đính phá tường bích, quái đăng huyền vật. Quả báo như "Tăng Hộ" kinh thuyết, thời thời tu kiểm điểm hỏa chúc, vật linh thất ngộ.

Diệt đăng hỏa, bất đắc khẩu xuy, niệm tụng bất đắc cao thình.

Khẩu xuy, tức thất "nghi", phục linh xú yên huân nhơn, cập thương thực hỏa chi trùng. Diệt bất đắc dĩ thủ phong phiến diệt, đương dụng vật chiếc khử tàn chú, từ ẩn du trung, cao thình tắc động tha tâm niệm cố đã.

Nhược hữu bệnh nhơn, đương từ tâm thí chung khán chi.

Kinh vân : Bát phước điền trung ⁽¹⁶⁾, khán bệnh, vi đệ nhất. "Thiện sanh" kinh Phật thuyết kệ ngôn : Nhơn đương chiêm tậtbệnh, vấn tấn chư nguy ách, thiện ác hữu báo ứng, như chủng quả hoạch thiệt.

"Thế Tôn" tắc vi phụ, "Kinh Pháp" dĩ vi mẫu, đồng học giả huynh đệ, nhơn thị nhi đắc độ.

ĐẠI LUẬT vân : Khán bệnh hữu ngũ công đức. Nhất tri khả thực, bất khả thực, nhị bất ố tiểu tiện lợi thóa thổ, tam hữu từ mẫn tâm, bất vị danh lợi, tứ năng kinh dinh thang dực, chí ta, hoặc chung, ngũ năng vậtbệnh nhơn thuyết pháp, linh sanh hoan hỉ.

hỉ, đừng để cách đêm và lúc nào cũng khen ngợi lẫn nhau. Chớ nên sau lưng, chê nói với nhau.

Muốn bưng đèn lửa vào, trước thưa người trong liêu biết, nói đèn vào. Khi muốn tắt đèn, trước cũng hỏi người đồng liêu, còn dùng đèn nữa không ?

Khi nào thưa trước người khỏi lật đật. Lúc tắt hỏi trước là lo người còn dùng. Cũng chẳng nên đóng đinh lỗ vách, treo đèn máng đồ, quả báo như trong kinh "TẶNG HỘ" nói : "Thường thường phải xem xét đèn lửa, chớ để rủi ro.

Tắt đèn, đừng lấy miệng thổi, niệm tụng chớ nên lớn tiếng.

Miệng thổi tức lỗi "oai nghi", lại khiến hơi hôi bay qua người, và hại loại trùng ăn lửa. Cũng chẳng đáng lấy tay quạt gió để tắt đèn. Nên lấy cập cây bẻ bỏ tim tàn, nhúng trung trong nước cho tắt, niệm tụng lớn tiếng, thời động niệm người đồng liêu, cơ vậy.

Bằng có người bệnh, phải sanh lòng thương, trước sau thăm viếng.

Kinh nói : Trong "Tám món ruộng phước" (16), nuôi bệnh là ruộng phước thứ nhất. Kinh THIỆN SANH Phật nói bài kệ rằng : Người nên nuôi tật bệnh, hỏi thăm những tai nạn. "Thiện ác" có báo ứng, như trồng trái dạng trái.

Đức "Thế Tôn" thời là cha. Kinh Pháp thật là mẹ. Bạn đồng học cũng như anh em. Nhờ đây mà đắc đạo.

Trong ĐẠI LUẬT nói : Nuôi bệnh có năm món công đức, nhưng cần phải hết lòng mới được. Thế nào là năm món công đức. 1) Phải biết món đáng ăn và món không đáng ăn. 2). Chẳng nhờm gồm đồ đại tiện tiểu tiện và đàm dãi. 3) Có lòng lành thương, chẳng vì danh lợi. 4) Hay lo liệu thuốc thang cho đến ngày lành mạnh hoặc giờ phút lâm chung. 5) Hay vì người bệnh mà thuyết pháp khiến người sanh tâm hoan hỉ.

Hữu nhờn thù, bất đắc dã vật tác hương
cập cao thịnh ngữ tiếu.

Hương, đồng hương, vật ứng thịnh dã.

Bất đắc vô cố, nhập tha phòng viện.

Vị vô sự cố, bất đắc khinh nhập tha phòng viện
trung.

"ĐÁO NI TỰ" DỆ THẬP THẤT

Hữu dị tòa phương tọa; vô dị tòa bất đắc tọa.

"Dị tòa", vị phi "ni" thường sở tọa giả, dĩ "nam
nữ" hữu biệt, tòa tất tu phần, cố dã.

Bất đắc vị phi thời chi thuyết.

Vị phi nghi thuyết pháp chi thời, tắc bất ưng vị
thuyết.

Nhược hườn bất đắc thuyết kỳ hảo xú.

Vị : bất đắc luận thuyết, kỳ thị phi hảo ố, "ni" bỉ
hình mạo dã.

Bất đắc "thơ sớ" vãng lai, cập dã tá tài cát
tỷ cán đẳng.

"Thơ", dĩ đạt ý, "sớ"; dĩ trần sự; dã, tức thị tá; tài
cát, thị phùng bổ; tỷ cán, tức tương tỷ y phục
đẳng. Tư giai khủng sanh tiệm nhiễm, cập chiêu cơ
bán, cố bất thính dã.

Bất đắc thủ vị tịnh phát.

Vị bất đắc thân chủ, vị kỳ thế phát.

THÀNH PHẠM vân : "Diệc bất đắc bả thủ giáo
thế thức". Bất đắc nhập trụ, giáo tác mỹ thực. Phi
sư sai sử, túng quá ni tự môn, bất đắc thiện nhập.

Bất đắc bình xú cùng tọa.

Có người ngủ chớ nên khua vật vang động, và lớn tiếng nói cười.

Vang động là những vật có tiếng như đồng, thiếc.v.v...

Chẳngặng không có, xông vào am phòng người khác.

Nghĩa là không việc gì, thì không được phép lướt vào trong am phòng người khác.

BÀI THỨ 17 : "ĐẾN CHÙA CÔ NI"

Có chỗ ngồi riêng mới ngồi; không chỗ ngồi riêng không nên ngồi.

"Chỗ riêng", là nghĩa không phải chỗ của "cô ni" ngồi thường. Vì sao ? Bởi "nam nữ" có thứ tự, nên chỗ ngồi phải phân chia.

Chẳngặng vì thuyết pháp phi thời.

Nghĩa là : Không nhằm thời thuyết pháp, thì không nên vì thuyết.

Hoặc lúc về chùa, chẳngặng nói hình sắc "cô ni" đẹp xấu,

Nghĩa là : Khôngặng luận nói những việc phải quấy, tốt xấu, và hình mạo cô kia vậy.

Chẳngặng "thơ từ" qua lại, và cậy mượn cắt may, cùng giặt nhuộm .v.v...

"Thơ" : Do tỏ ý. "Từ" : Do bày câu chuyện. "Cậy" : tức là cậy mượn. "Cắt may" : tức là chăm vá. "Giặt Nhuộm" : là giặt nhuộm y phục, vân vân....

Các việc đây đều sợ sanh tâm tiệm nhiễm, và mắc phải người chê bai, cho nên Luật cấm không cho vậy.

Chẳngặng tay vì cạo tóc.

Nghĩa là : Khôngặng tay mình, vì "cô ni" cạo tóc.

THIÊN THÀNH PHẠM nói "Cũng chẳngặng cầm đồ dạy thức cạo". Chẳngặng xuống nhà bếp, dạy cách làm đồ ăn ngon. Bằng không phải Thầy sai, dù đi ngang qua trước cửa chùa cô ni, cũng chớ nên ghé.

Chẳngặng chỗ khuất ngồi chung nói chuyện.

Nhứt sanh tiêm nhiễm; nhị linh tha nghi bàng.

PHỤ

Vô nhị nhơn, bất đắc đơn tấn; bất đắc bi thứ tống lễ.

Đơn tấn, tắc linh tha cơ nghi; tống lễ, tức phi "Thích Tử" sở nghi.

Bất đắc chúc thác "ni tăng", nhập hào quới gia hóa duyên; cập cầu niệm kinh sám đẳng.

Câu niệm kinh sám, tự thất thanh cao; thác hóa duyên, chiêu tha cơ hiem.

Bất đắc dĩ "ni tăng", kết bái phụ mẫu, tỷ muội, đạo hữu.

Nhứt vị thế tục hiem nghi.

Nhi trùng kết sanh tử chi lụy; đại phi "Thích Tử", xuất thế nhơn chi sở vi dã.

"CHÍ NHƠN GIA" ĐỆ THẬP BÁT.

Hữu dị tòa đương tọa, bất nghi tạp tọa.

Vị bất đắc dĩ tục, cộng tương tạp tọa, đương tự biệt tòa nhi tọa; diệc bất đắc tôn tọa, cơ tọa, giao kính tọa, điều thân tọa điều túc tọa, sở khởi sở tọa đẳng.

Nhơn vấn kinh đương tri thời, thận vật vị phi thời chi thuyết.

Nhược hí vấn, nhược nạn vấn đẳng, giai bất ưng thuyết.

Đương quan tiền nhơn căn khí, nghi văn hà pháp, ưng thuyết, đa thiếu, bất đắc quá thuyết.

1. - Sợ sanh tâm tiếm nhiễm.
2. - Khiến người ngờ vực và ngạo báng.

LỜI PHỤ

Không hai người, một mình không nên tới; và cũng đừng kia đây sấm lễ đưa qua lại.

Một mình tới, thời bị kẻ khác dư luận.

Lễ đưa, tức chẳng phải kẻ "Thích Tử" nên làm.

Chẳng dặng cậy mượn mấy "cô" đi tới nhà giàu tới xin và thỉnh tụng kinh bá sám, v.v...

Cầu mấy "cô" tụng kinh bá sám, mình mất hạnh thanh cao, cậy đi xin tới bị thế tục chê hiềm.

Chẳng dặng cùng mấy "cô" kết nguyên làm cha mẹ, chị em, đạo bạn.

1. - Bị người đời biếm nhẽ.

2. - Kết thêm khổ đường sanh tử, thật trái hành vi của trang "Thích tử" ra khỏi đời vậy.

BÀI THỨ 18 : "PHÉP ĐẾN NHÀ NGƯỜI"

Có chỗ riêng mới ngồi, đừng có ngồi bậy.

Nghĩa là : Không dặng cùng người thế tục, ngồi chung lang chạ. Mình phải riêng chỗ mà ngồi; và đừng ngồi chồm hổm, ngồi chàng hảng, ngồi tréo giò, lác mình rung chân, đứng dậy, ngồi xuống, ngồi xuống, đứng dậy liền liền.

Người hỏi kinh phải biết thời. Dè chớ vì nói phi thời.

Hoặc có người hỏi chơi, hoặc vấn nạn, v.v... Đều chẳng nên nói.

Phải coi căn khí người đó, đáng nghe pháp bực nào, và đáng nói nhiều hoặc ít, chớ nên nói quá.

NGHI TẮC Kinh vân : Thuyết pháp bất đương cơ, tha văn tâm bất hỉ, mạng chung thọ đại khổ.

ĐẠI KINH vân : Nhược hữu thọ trì đọc tụng, thơ tả tuyên thuyết, phi thời phi quốc, bất thỉnh nhi thuyết khinh tâm khinh tha, tự thán, tùy xứ nhi thuyết, phản diệt "Phật Pháp". Nãi chí linh vô lượng nhưn, tử đạo "Địa Ngục", tắc thị chúng sanh "ác tri thức" dã.

ĐẠI LUẬT vân : Hữu ngũ chương nhưn vấn pháp giai bất ưng vị thuyết : Nhất thí vấn; nhị vô nghi vấn; tam bất vị hối sở phạm, cố vấn; tứ bất thọ ngữ, cố vấn; ngũ cật nạn cố vấn, tịnh bất đắc đáp. Nhược tiên nhưn, thiết hữu hảo tâm, bất cụ tiền ngũ ý, vị dục sanh thiện diệt ác giả, nãi tùy cơ phương tiện, hảo tâm vị thuyết. Nhược tự giải vị minh, nhược ư pháp hữu nghi giả, tắc bất đắc vị thuyết, khùng linh nhưn hữu thổ truyền chi thất, bỉ thử đắc tội.

Bất đắc đa tiểu.

Diệc bất đắc si tiểu, cuồng tiểu, vô duyên tiểu, giai do tán tâm cố, thất tự trân trọng, linh tha nơ hiêm dã.

Chủ nhưn thiết thực, tuy phi pháp hội, diệc vật thất nghi quý.

Phàm vị thọ thực, tu cụ "oai nghi quý tắc", như đồng chúng thực, pháp hội vô biệt.

Cố HÀNH HỘ vân : Nhập tục gia tọa khởi, tu cụ "oai nghi", phát ngôn "từ thiện", bất đắc thô khoán, vật thuyết thế gian sự. Đương thuyết pháp ngữ, tăng kỳ "thiện tâm", thường nhiếp "lục căn", bất đắc phóng dật,

Vô phạm dạ hành.

Dạ tắc vật khứ, tảo tu qui tự.

Kinh NGHI TẮC dạy : Thuyết pháp không nhằm cơ, người nghe không tâm hoan hỷ, khi chết chịu khổ to.

ĐẠI THỪA kinh nói : Hoặc có người thọ trì, đọc tụng, biên tả, diễn nói, chẳng phải thời, chẳng phải chỗ, không ai thỉnh mà nói, tức khinh tâm, khinh người, khen mình, và đưng đầu nói đó, có hại cho "Phật pháp".

Nhấn đến khiến đa số người chết, đọa "Địa Ngục". Như thế là ông "ác tri thức" của chúng sanh vậy.

Trong ĐẠI LUẬT nói : Có năm hạng người hỏi pháp đều chớ nên vì nói : 1. - Hỏi thử; 2. - Không nghi mà hỏi; 3. - Không vì mình dạy bảo chỗ phạm, cố hỏi; 4. - Không phục lời nói của mình cố hỏi; 5. - Cật nạn cố hỏi, đều chẳng nên đáp. Bằng người đó thật tình hảo tâm, hỏi cho biết để làm lành, lánh dữ, không có năm ý như trên. Ta sẽ tùy cơ phương tiện sẵn lòng nói cho nghe. Bằng mình chưa hiểu, hay đối với pháp có chỗ nghi, thì đừng nói, vì sợ cho người có cái hại lầm truyền, cả hai đều mắc tội.

Chẳng đặng cười nhiều.

Cứng chớ nên cười si, cười côn, cười vô duyên, làm cho tán loạn tâm thần mất chỗ trân trọng nơi mình, lại bị người khác chê bai.

Chủ nhơn đãi bữa, tuy không phải nơi pháp hội nhưng đừng sai phép tắc.

Phàm khi thọ thực, phải đủ "phép tắc", "oai nghi", như đồng chúng ăn trong pháp hội không khác.

Bộ HÀNH HỘ nói : Vào nhà thế tục, khi đứng, khi ngồi phải đủ oai nghi, nói lời từ thiện, đừng có thô kịch, và đừng nói chuyện thế gian. Phải nói lời "đạo đức" thêm lớn thiện tâm cho người, thường nhiếp "sáu căn" chớ nên phóng túng.

Không phép đi đêm.

Đêm thời đừng đi, sớm phải về chùa.

Bất đắc không thất nội, hoặc bình xứ, dữ "nữ nhơn", cộng tọa cộng ngữ.

Nhất khùng tiệm nhiễm tinh sanh; nhị linh tha nhơ cơ nghị.

Bất đắc "thơ số" vãng lai đẳng đồng tiền.

Đồng tiền, vị bất đắc dữ ni, dã tá, tài cát, tẩy cán đẳng.

Nhược tục nghệ tinh thân, đương tiên nhập "trung đường" lễ Phật, hoặc gia đường "Thánh Tượng", đoan trang vấn tẩn, thứ phụ mẫu quyền thuộc đẳng, nhất nhất vấn tẩn.

Thử ngôn vấn tẩn, vị hiệp chương đề đầu trường ấp, diệc; đắc nhược gia hữu "Phật tượng", "Quan Âm", "Bồ Tát" tượng ưng lễ; nhược "hương hỏa Thần tượng", chỉ nghi hiệp chương đề đầu, phụ mẫu đẳng, đương tẩn vấn hưng cư.

Bất đắc hướng phụ mẫu, thuyết sư pháp nghiêm, xuất gia nan, tịch liêu đạm bạc, gian tân khổ huật, đẳng sự. Nghi vị thuyết "Phật Pháp", linh sanh tín tăng phước.

Thuyết sư pháp nghiêm, khổ huật đẳng sự, tức linh phụ mẫu ư "Tam Bảo" sở, bất sanh kinh ngưỡng chi tâm, toại trường luân khổ hải. Nhược vị thuyết "Phật Pháp", tắc bỉ tín trọng tâm sanh, phước huệ tăng trưởng, siêu việt "luân hồi", thị tắc độ phụ mẫu, xuất ư sanh tử khổ hải hĩ.

Bất đắc dữ thân tục tiểu nhi đẳng, cửu tọa, cửu lập, tạp thoại hí tiểu; diệc bất đắc vấn tộc trung, thị phi hảo ố.

Dữ tiểu nhi tọa lập tạp tiểu, phi xuất gia nghi; vấn tộc thị phi hảo ố, ô tự tâm địa.

Chẳngặng trong nhà vắng, hoặc chỗ khuất cùng "nữ nhơn" chung ngồi trò chuyện.

1. - Sự tiếm nhiệm tình sanh. 2. - Khiến người khác chê cười.

Chẳngặng thơ từ qua lại, các việc như bài trước.

Bài trước nói : chẳngặng cùng "ni cô", cây mượn, cất may, và giặt nhuộm, v.v...

Bằng về tục thăm cha mẹ, trước phải vào trong nhà lễ Phật. Hoặc tượng Thánh trong nhà vững vàng bái xá. Kế chào cha mẹ bà con, v.v... mỗi mỗi hỏi thăm.

Thăm hỏi đây là nghĩa chấp tay cúi đầu xá sâu cũngặng; hoặc nhà có thờ "tượng Phật", tượng "Quan Âm Bồ Tát" nên lạy, bằng "tượng hương hỏa Thần" chỉ phải chấp tay cúi đầu xá, cha mẹ.v.v..., phải thăm hỏi việc ăn làm, yên ở...

Chẳngặng về nhà cha mẹ nói phép Thầy "nghiêm khắc", xuất gia khó khăn, đạu bạc, quạnh hiu, nghèo ngặt khổ cực các việc. Phải vì cha mẹ nói việc "Phật pháp" cho cha mẹ sanh lòng tin, thêm phước.

Nói phép Thầy nghiêm khắc, khổ cực, các việc, tức xú cha mẹ đối ngôi "Tam Bảo" không sanh tâm kính mến, nên nhiều kiếp chìm đắm trong biển khổ (ấy là con *bất hiếu*). Bằng vì nói "Phật pháp", thời song thân sanh tâm tín trọng, phước huệ tăng thêm, thoát khỏi "luân hồi". Thế mới gọi là người con biết độ cha mẹ ra khỏi biển khổ sanh tử vậy.

Chẳngặng cùng bà con, trẻ em.v.v... đứng lâu ngồi lâu nói bậy cười xòa và không đặng hỏi trong họ ai phải ai quấy, ai tốt và ai xấu...

Cùng trẻ em đứng ngồi cười nói bậy bạ, chẳng phải oai nghi người xuất gia. Hỏi thăm trong họ phải quấy tốt xấu, như tâm dạ mình.

Nhược thiên văn tác túc, dương độc xử nhất sấp; đa đọa thiếu ngoạ, nhất tâm niệm Phật, sự ngật túc hườn, bất đắc lưu liên.

Bất đắc dữ tiểu nhi bặc tì, đồng sàng bị tịch, cố độc xử nhất sấp. Dĩ phòng phạm hạnh nạn, phục linh bị tín kính tâm sanh, cố đa tọa thiếu ngoạ, ly vọng tưởng cảnh, cố nhất tâm niệm Phật. Thường ức sư hối như tử niệm mẫu, cố bất lưu liên.

PHỤ

Bất đắc tả hữu tà thị, bất đắc tạp ngữ. Nhược dữ "nữ nhơn" ngữ, bất đắc đề thính mật ngữ, bất đắc đa ngữ.

Ngôn vô hữu tứ, cố bất đề thính mật ngữ, phát ngôn hiệp tác, cố bất tạp ngữ đa ngữ.

Bất đắc trá hiện "oai nghi" giả trang thiên tướng, cầu bỉ cung kính.

"Sa Môn" tuy cụ "oai nghi", nhi bất trá hiện cầu cung. Tuy cụ "thiên mặc", nhi bất giả trang yêu danh.

Bất đắc vọng thuyết "Phật Pháp", loạn đáp tha vấn, tự mại đa văn, cầu bỉ cung kính.

Vọng thuyết "Phật Pháp", ngôn vô tông tự, cố thất chỉ loạn đáp, dục cầu cung kính, loạn đáp thất chỉ, nhi phản chiêu tha khinh mạn.

Bất đắc tống hạp lễ, hiệu "bạch y" vãng hườn.

Tống vãng thù hườn, nãi "tục gia" sở tác, giao kết thế tình, phi "Thích Tử" sở ưng.

ĐẠI TẬP kinh, Phật ngôn : Nhược hữu tứ phương "thường trụ" tăng vật, hoặc hiện tiền Tăng vật. Đốc

Bằng trời tối, ngủ lại, phải ở riêng một chõng, ngồi nhiều, nằm ít, một lòng niệm Phật, việc rồi liền về, chẳng đặng ở lâu.

Chẳng đặng cùng trẻ em và tôi tớ đồng giường, mền chiếu, nên phải riêng ở một chõng. Do phòng nạn phạm hạnh và làm cho người kia sanh tâm tín kính, nên phải ngồi nhiều nằm ít, vì lia cảnh vọng tưởng, nên một lòng niệm Phật. Vì thường nhớ lời Thầy dạy, như con nhớ bà từ mẫu, nên chẳng đặng ở lâu.

LỜI PHỤ

Chẳng đặng liếc ngó hai bên. Chẳng đặng nói bậy. Bằng nói chuyện "người nữ" chẳng đặng nói thì nói thầm và nói nhiều.

Vì nói không có nói riêng, nên không nói thì nói thầm vì buông lời nói đúng pháp, nên không nói nhiều và bậy.

Chẳng đặng dối hiện "oai nghi", giả mạo tướng thiên cầu người cung kính.

"Sa Môn" tuy đủ "oai nghi", mà không dối hiện cầu người cung kính. Tuy đủ tướng "thiên định", mà không giả mạo để mua danh.

Chẳng đặng quấy nói "Phật pháp", người hỏi đáp bậy, khoe mình đa văn, cầu người cung kính.

Quấy nói "Phật pháp". Nghĩa là : Nói không nhằm, nên sai tôn chỉ, đáp bậy muốn cầu người cung kính, nên đáp bậy sai tôn chỉ, mà lại còn bị người khinh dễ nữa.

Chẳng đặng đưa hộp lễ qua lại bắt chước người "thế tục".

Đưa qua đáp lại, là việc làm của người "thế tục", giao kết tình đời, chẳng phải "Thích tử" nên làm.

ĐẠI TẬP kinh; Phật dạy : Bằng có vật tứ phương "thường trụ Tăng, hoặc vật của hiện tiền Tăng". Người

tín "đàn việt", trọng tâm thí vật, hoặc hoa quả, thọ viên, ẩm thực tư sanh, sàng nhục, ngọa cụ, thang dược, nhất thiết sở tu, tư tự phí dụng, hoặc trì dũ "tri thức", thân lý "bạch y"; thử tội trọng ư "A Tỳ Địa Ngục", sở thọ quả báo. Phục thuyết kệ ngôn : "Nịnh dĩ lợi đao tự cát thân, chi tiết thân phận cơ phu nhục, sở hữu tín tâm xả thí vật, "tục nhờn" thực giả thiệt vị nan. Ninh thôn đại xích nhiệt thiết hoàn, nhi sử khẩu trung quang diêm xuất, sở hữu "chúng tăng" ẩm thực cụ, bất ưng dũ "tục" cập tư dụng, vân vân... diệp bất đắc dĩ "tăng vật", trữ tích phản mại, xuất quý thân tiện, dũ thế tranh lợi, việc bất đắc vân : thử thị ngã vật, biệt chúng nhi thực".

Như tích "Mục Liên", huê "Phước Tăng Tỳ kheo" nhập hải, hành thứ kiến nhất đại "nhục thọ" đa trùng vi tráp kỳ thân, nãi chí chi diệp, vô hữu không xứ, đại kiến chấn động, như "Địa Ngục" thình; "Phước Tăng" vấn "Mục Liên".

"Mục Liên" đáp viết : Thử thọ, thị tích dinh sự "Tỳ kheo" dụng "thường trụ" vật, hoa quả ẩm thực, tống dũ "bạch y". Kiêm thọ thử hoa báo, hậu đọa "Địa Ngục", tráp thọ chư trùng, tức thị đắc vật chi nhờn.

Hựu "Đường", "Tây Kinh", "Thắng Quang" tự Sa Môn "Hiếu Chí", thân nhờn vãng lai, sát dĩ tự quả đạm chi, vị kỷ đắc ấu huyết chi tật, tự vân : Mỗi dục tật tác, kiến xích y "sứ giả", tương vãng "hắc lâm"

"đàn việt" tín tâm, dốc lòng đem vật thí, hoặc hoa, trái vườn cây, đồ ẩm thực nuôi sống, giường, nệm, tọa cụ thuốc thang, hết thảy vật dụng, mình riêng tiêu xài, hoặc lấy cho người quen biết, bà con thế gian, chịu quả báo tội đây nặng hơn tội "Địa ngục A Tỳ". Phật lại nói bài kệ : "Thà lấy dao bén cắt thân mình, lóng đốt thân phận da chứa thịt, chỗ có tín tâm đem vật cúng, lấy cho người tục (*ăn*) thật rất khó. Thà nuốt viên lớn, hoàn sắt nóng, mà khiến trong miệng lửa cháy ra, chỗ có đồ ẩm thực của chúng Tăng không nên cho "tục" với riêng dùng.v.v... Và đừng lấy "vật chúng Tăng" để dành buôn bán, mua rẻ, bán mắc tranh lợi với người đời và cũng đừng nói rằng : Vật này là vật của ta, tự do ăn riêng chúng".

Thuở xưa đức "Mục Kiền Liên", dất ông đệ tử là : ông "Phước Tăng Tỳ kheo" vào biển, trong lúc đi đường thấy một cây thịt to, bao nhiêu trùng bu lại rút "cây thịt" ấy, nhả đến cành lá, đầu đầu cũng đầy vi trùng đeo cắn cá, cây thịt kêu rền rĩ, như tiếng trong "Địa Ngục", "Phước Tăng" hỏi đức "Mục Liên"...

"Mục Liên" đáp : Chính cây này là ông "Tỳ kheo", ngày trước làm "Trụ trì" trong chùa, ý quyền coi sóc của thường trụ, rồi lén lấy vật thường trụ, hoa, trái, đồ ẩm thực, đem cho người "thế gian". Nay mắc quả báo làm cây thịt đây và sau này sẽ đọa trong địa ngục nữa, còn bao nhiêu loài trùng bu lại cắn rúc cây kia, chính những người thế gian tới chùa lãnh của, của ông cho.

(Dịch giả thêm rằng :

"Ông cho làm cây	Người lãnh làm trùng
"Trùng cắn rúc cây	Cây la vang động
"Trùng kia là người	Ăn lấy của chùa
"Cây nọ là ông	Chủ chùa lấy của.

"Thường trụ cho").

Lại đời "Đường" dất "Tây Kinh", chùa "Thắng Quang", "Sa Môn" tên "Hiếu Chí", bà con lui tới, "Chí" thường lấy trái cây của chùa cho ăn, chưa bao lâu mắc chứng bệnh thổ huyết, "Chí" nói : Mỗi một khi tôi phát bệnh, thấy

trung, đại phong suy tán chi tiết, khoảnh chi, hựu dẫn hướng đài, quan thượng nhất nhơn, nghi dung khả úy, lệ thỉnh trách "Chi" viết : "Hà đắc dĩ tự gia, quả tự thân nhơn". Ngôn dĩ nhi thất.

"Chi" cụ, tức kế trị thường "Chúng tăng", ngoạt dư nãi miễn; như thử nhơn quả, lịch nhiên, văn giả, khả bất cụ tai !

Bất đắc quản nhơn gia vụ.

Thử hữu tam quá : Nhất tự sanh cầu tâm, Nhị gia nhơn tăng hiêm. Tam ngoại nhơn cơ báng.

Bất đắc tạp tọa tửu tịch.

Đại phi "xuất gia" sở vi, chư quá do thử nhi sanh.

Bất đắc kiết bái "bạch y" nhơn, tác phụ mẫu tử muội.

Kim thời thử loại, phả diệc đa hĩ; giai do "xuất gia", sơ niệm bất chánh, thị trí điền đảo, nhi bất tự tri.

Cố PHỤ HÀNH vân : "Xả sở thân, khí ân ái, cư "Lan Nhã", tu "tam muội", cánh kiết dị tánh, vi huynh đệ, phụ mẫu, đảo chi thậm dã".

Bất đắc thuyết tăng trung quá thất.

Nhơn phi Thánh Triết, thực năng vô quá. "Ca Diếp" khởi vô "Nghîu", "Thuấn" bệnh chự.

Tự vô "huệ mục", khởi sát tha phi, "tăng" đức như hải, Phật du thân tán, nhược sanh phỉ thuyết, tự chiêu khổ báo.

"KHẮT THỰC" ĐỆ THẬP CỬU

Đương dữ "lão thành" nhơn cụ. Nhược vô nhơn cụ, đương tri sở khả hành xứ.

"người sử" mặc áo đỏ, dẫn tới một cụm rừng đen kịt, gió to thổi tan lóng đốt, giầy lát lại dẫn đến một cái đài, trên đài có một người, dung nghi khá ghê sợ, xẵng tiếng quở rằng : "Sao người lạm phép dám lấy trái cây của nhà chùa, cho bà con ăn". Nói rồi ẩn mất.

"Hiếu Chí" sợ hãi, liền tính giá, thường lại cho "chúng Tăng", hơn một tháng, mới khỏi chứng bệnh ấy; nhưn quả rõ ràng như vậy, người nghe đâu chẳng sợ ư !

Chẳng đặng coi ngó việc nhà người.

Đây có 3 việc lỗi : 1. - Mình sanh "lòng tham", (17) ; 2. - Người trong nhà chê ghét, 3. - Người ngoài hủy báng.

Chẳng đặng chen ngồi trong tiệc rượu.

Rất trái hành vi người xuất gia, các tội lỗi do đây mà sanh.

Chẳng đặng kết nguyên với người Bạch y làm nghĩa cha, mẹ, chị, em.

Đời bây giờ, những hạng này, cũng đã nhiều lắm; đều bởi người "xuất gia", niệm đầu không chính, cho nên làm việc diên đảo mà không tự biết.

Trong bộ PHỤ HÀNH nói : "Người xuất gia bỏ nghĩa song thân dứt tình ân ái, vào chốn "Lan Nhã", tu phép "Tam muội" lại kết nguyên với họ khác làm cha, mẹ, anh, em, thật là diên đảo vậy".

Chẳng đặng nói việc tội lỗi trong "chúng Tăng".

Người chưa phải bực "Thánh Triết", mấy ai khỏi lỗi. Như đức "Ca Diếp", còn có lỗi đứng dậy múa, vua "Nghieu", vua "Thuấn", chưa khỏi những tiếng chê (18).

Ta không "mất huệ", đâu biết xét kia quấy, đức độ "Chúng Tăng" to lớn như biển, Phật còn khen ngợi, nếu ta chỉ trích, tự mắc khổ báo vậy.

BÀI THỨ 19 : "ĐI KHẮT THỰC"

Phải cùng bực "lão thành" đồng đi. Nếu không phải bực "lão thành" đồng đi, thì ta nên biết chỗ nào đáng đi mới nên đi.

Khất thực hữu thập lợi : Nhất huyệt mạng tự thuộc, bất thuộc tha cố. Nhị thí ngã thực giả, linh trụ "Tam Bảo", nhiên hậu đương thực. Tam thường sanh bi tâm. Tứ tùy thuận "Phật giáo". Ngũ dị mắng dị dưỡng. Lục phá kiêu mạn tràng. Thất vô "kiến danh thiện căn". Bát dư thiện "Nhơn kiến" đương hiệu chi. Cửu bất dữ "nam nữ" tương thân. Thập thứ đệ khất, sanh bình đẳng tâm.

Nhược dữ "Lão Nhơn", "kỳ túc" cu, tác quá thất bất sanh, ly ngũ gia, cố viết, sở khả hành xử : Nhất "xướng lệnh gia". Nhị "dâm nữ" gia. Tam "cô tửu gia". Tứ "vương cung". Ngũ "đồ sát gia".

Đáo nhơn môn hộ, nghi thẩm cử thố bất đắc thất "oai nghi".

"Cử thố", du "động tịnh" dã. "Thẩm" vị đế quán tự thân "oai nghi", nhi linh tường tự dã.

Gia vô "nam tử", bất khả nhập môn.

Nhất linh tha nghi báng. Nhị phòng phạm hạnh nạn.

Nhược dục tọa, tiên đương chiêm thị tòa tịch; hữu đao binh, bất nghi tọa; hữu bữu vật bất nghi tọa; hữu "phụ nhơn" y bị trang nghiêm đẳng, bất nghi tọa.

"Chiêm thị" giả, "quan sát" dã. Đao binh, vị binh gia khí tượng; đao, phủ, mâu, sóc, cung tiễn đẳng. Tọa tác tất hữu sở thương, hoặc linh bỉ sanh sân nộ, cố bất nghi tọa. "Bữu vật" cập "phụ nhơn" y đẳng, tọa tác linh nhơn cơ nghi, bỉ hậu hữu thất, tức ư kỳ sanh nghi, cố biệc bất nghi tọa dã.

Đi khất thực có mười điều lợi : 1 - Lợi mình được sống chẳng lợi người khác. 2 - Người cho ta ăn, phải tưởng làm sao ngôi "Tam Bảo" lâu còn, vậy sau mới ăn. 3- Thường sanh lòng thương xót. 4 - Thuận theo lời Phật dạy. 5 - Dễ no và dễ sống. 6 - Bẻ cờ kiêu mạn. 7 - Được căn lành : "vô kiến đánh tướng". 8 - Những người lành thấy, phải bắt chước. 9 - Chẳng cùng "nam nữ gần nhau". 10 - Thứ lớp khất thực, sanh tâm bình đẳng.

Nếu đi với người "Lão Thành" hay bực "Kỳ Túc" thì khỏi sanh tội lỗi, không đi năm nhà này, cho nên nói rằng : chỗ đáng đi : 1 - Nhà hát xướng 2 - Nhà dâm nữ. 3 - Nhà bán rượu. 4 - Cung điện nhà vua. 5 - Nhà hàng thịt.

Đến cửa hàng người, phải thẩm xét, chỗ cử thố (sắp đặt) chớ cho thất "oai nghi".

Chữ "cử thố" cũng như chữ "Động Tĩnh" là nghĩa "đi đứng" vậy, chữ "thẩm xét" là nghĩa chính xem "oai nghi" của mình, coi có đúng đắn và trật tự chăng.

Nhà không "con trai" chẳng dặng vào cửa :

1. - Khiến người nghi chê. 2 - Phòng nạn phạm hạnh.

Hoặc muốn ngồi, trước phải coi chỗ ngồi; có đồ đao binh không nên ngồi; có vật báu không nên ngồi; có "đàn bà" may vá áo chần v.v... không nên ngồi.

"Xem coi" cũng như "xem xét". Đao binh, là nói những khí giới của nhà binh như : Dao, búa, chĩa, giáo, cung tên, v.v... Ngồi thời chắc có hại, hoặc khiến người sanh tâm buồn và giận, cho nên chẳng nên ngồi; "vật báu" và "đàn bà" may vá áo chần v.v... ngồi thời khiến người chê luận và người chủ kia sau này có mất món chi họ đổ thừa nghi cho mình lấy, vì vậy cho nên chẳng nên ngồi.

Dục thuyết "kinh", đương tri sở ứng thuyết thời, bất ứng thuyết thời.

Nhược vô "nam tử lão nhơn" tại bàng, nãi chí hí vấn đẳng, giai thị bất ứng thuyết thời. Nhược hữu "tín tâm", vị phân biệt "Giới, Định, Huệ", linh tăng tín kính, thị ứng thuyết thời.

Bất đắc thuyết dữ ngã thực, linh nhĩ đắc phước.

Tự thốn hà đức hà hạnh ? Trí tha đắc phước, tự tán đắc thực, khả bất tu nhan !

PHỤ

Phàm "khất thực", bất đắc ai cầu khổ sách.

"Ai cầu" tắc tự thất "thanh cao". "Khổ sách", tắc linh tha sanh yểm.

Bất đắc quảng đàm "nhơn quả" vọng bi đa thí.

Hữu hi vọng tâm, tưng linh thiếu thí, diệc bất đắc thọ. Chư Phật thường pháp, vị bỉ thuyết pháp, nhiên hậu thí giả, Phật tức bất thọ, hưởng hữu hy vọng tâm, nhi khả thọ da ?

Đa đắc vật sanh tham trước, thiếu đắc vật sanh ưu não.

Nhất thiết ẩm thực, tưng phần nhường trung lai, cố vật sanh tham trước, vị trị cơ san, thú đắc chi thân tiện tức cố vật sanh ưu não.

Bất đắc chuyên hướng thực tình thí chủ gia cập thực tình am viện, sách thực.

Bất úy nhơn yểm cố sát hướng thực tình. Tự vô tâm sĩ cố mỗi sách tha thực. Phật ngôn : "Súc sanh" thượng úy nhơn khát, hưởng ư nhơn hồ".

Khi muốn nói "Kinh", phải biết thời đáng nói và thời không đáng nói.

Nếu không "con trai" và "ông già" ở bên, hẳn đến những người hỏi chơi v.v... đều là phi thời, không nên nói. Nếu có người tín tâm, vì phân biệt, "Giới, Định, Huệ" khiến họ thêm lòng tin kính, ấy là phải thời nên nói.

Chẳng dặng bảo cho ta ăn, khiến người dặng phước.

Xét mình có đức hạnh gì ? Khiến người ta dặng phước và mình khen mình được ăn, sao chẳng hổ mặt !

LỜI PHỤ

Phàm đi "khất thực", chẳng dặng năn nỉ xin hoài.

"Năn nỉ", thời mình mất hạnh "thanh cao", "xin hoài" thời khiến người ta sanh tâm chán nản.

Chẳng dặng rộng nói "nhơn quả" mong người cúng nhiều.

Có tâm cầu mong, dầu cúng ít, cũng không nên thọ, Phép thường của chư Phật, vì người thuyết pháp, sau được người cúng Phật còn không cho, huống có tâm mong cầu, mà hồng thọ được hay sao ?

Dặng của cúng nhiều, đừng sanh tâm tham đắm, dặng ít chớ có ý lo rầu.

Thử nghĩ hết thấy đồ ăn uống, từ trong phân đất mọc ra, có chi sanh tâm tham đắm, vì lấp ghe đói run, vừa dặng đỡ thân no bụng, có gì đáng để ý lo rầu.

Chẳng dặng chuyên tới tình quen, nhà thí chủ và tình quen, chùa am, xin ăn.

Chẳng sợ người chán, nên năng tới tình quen. Mình không biết xấu, nên cứ tới nơi người. Phật nói : "Loài "súc sinh" còn sợ chúng xin ⁽¹⁹⁾ huống chi loài người".

"NHẬP TỰ LẠC" ĐỀ NHỊ THẬP

Vô thiết duyên, bất đắc nhập.

"Tự", chúng dã. "Lạc" cư dã; vị chúng nhưn sở cộng cư trụ, cố danh "Tự Lạc".

Thiết duyên giả ? Vị "Tam Bửu Thường trụ" Sư trưởng, Phụ mẫu, thiết yếu chi sự, phi vị mộ duyên cập kỷ tư vụ đẳng.

Như vô thiết duyên, bất đắc khinh nhập "tự lạc", dĩ ô tự "lạc căn", hoặc vi nhưn sở phạm.

PHẬT THOẠI Kinh vân : "Tỳ kheo" tại tự, thân khẩu tinh tấn, chư Phật hàm ưu; Tỳ kheo tại sơn, tức sự an ngoạ, chư Phật giai hỉ.

Cổ "Cổ Đức" vân :

"Tăng" trụ thành hoàng "Phật Tổ" ha.

"Tiên Hiên" đô thị ẩn nham a.

"Sơn Tuyền" lưu xuất "nhưn gian" khứ.

"Thanh Thủy" y nhiên thành trước ba".

Bất đắc trì hành.

Trì tức bốn tẩu dã.

Bất đắc diêu tý hành.

Vị thù thủ trạo tý dã.

HÀNH HỘ vân : Bất đắc thù thủ bát hành,

Bất đắc sát sát bàng thị nhưn vật hành.

Vị tả hữu cố thị dã.

HÀNH HỘ vân : Hành thường trực thị, khán địa thất xích, vật đạo thương trùng nghị.

Bất đắc cộng "Sa di tiểu nhi" đàm tiểu hành.

BÀI THỨ 20 : "VÀO TỤ LẠC"

Không có việc chi cần thiết thì đừng vào tốt hơn.

Chữ "Tụ" là đông, chữ "Lạc" là ở; là nói chỗ của đông người chung nhau nương ở, nên kêu là "Tụ Lạc".

Thế nào là việc cần thiết ? Vì việc "Tam Bảo Thường trụ", hoặc việc cần thiết của Sư Trưởng, Cha Mẹ, chớ không phải việc đi xin tởi, và việc riêng của mình v.v...

Như không có việc cần thiết, không đặng xông vào "tụ lạc" làm nhơ lục căn mình, hoặc bị người hiếp đáp.

Kinh PHẬT THOẠI nói : "Tỳ kheo" ở "tụ lạc" đầu thân nghiệp khẩu nghiệp tinh tấn, chư Phật thường lo; "Tỳ kheo" ở núi rảnh việc nằm không, chư Phật đều mừng.

Nên lời thi bực "cổ đức" nói :

"Tăng" ở thị thành "Phật Tổ" la,

"Tiên hiền" quý vị ẩn non mà

Nguồn trong trên núi "nhơn gian" chảy.

"Thanh Thủy" trở thành sông đục ra.

Chẳng đặng đi mau,

Đi mau, tức đi như chạy.

Chẳng đặng đi đánh xàng xa.

Xàng xa : là nghĩa cánh tay xủ xuống (*đưa tới đưa lui vậy*)

Bộ HÀNH HỘ nói : Chẳng đặng xủ hai cánh tay xuống đi kiểu chữ (bát).

Chẳng đặng thường thường, liếc ngó nhơn vật mà đi.

Là nói liếc ngó hai bên mà đi vậy.

Trong bộ HÀNH HỘ nói : Phép đi thường phải ngó tới, ngó dất cách bảy thước, chớ đạp chết loài trùng kiến.

Chẳng đặng cùng "Sa di" và trẻ em vừa nói cười vừa đi.

Nhất tự tán loạn thân tâm; nhị linh kiến giả, bất sanh tín kính.

THANH QUI vân : Bất đắc bả thủ cộng hành, thuyết thế đế thị phi.

Bất đắc dữ "nữ nhơn", tiền hậu hỷ tùy hành; bất đắc dữ "Ni Tăng", tiền hậu hỷ tùy hành.

TĂNG TỤC hữu biệt "Nam Nữ" tư phân, vô linh tha cơ báng, điểm nhục "Pháp môn", lộ trung tương phùng, thiện tự hồi tị.

CHÁNH PHÁP NIỆM XỬ kinh vân : Nhược "Tỳ Kheo" úy ư ác danh, tắc ly chư quá, nãi chí bất cận "Huỳnh Môn", "Nữ nhơn" đồng lộ nhất bộ.

Bất đắc dữ "túy nhơn", "cuồng nhơn", tiền hậu hỷ tùy hành.

Tùy hành tất hữu sở tổn, lộ phùng tức đương viễn tị, hoặc biệt đạo nhi khứ; phạm "xa mã", "cuồng khuyến", "ác thú", đặng, diệc tu viễn tị chi.

Bất đắc hậu, cố thị "nữ nhơn".

TRÍ ĐỘ LUẬN Phật thuyết kệ vân : Ninh dĩ xích đồng, uyển chuyển nhân trung; bất dĩ tán tâm, tà thị nữ sắc.

Bất đắc nhãn giác, bàng khán "nữ nhơn".

KINH vân : Cấm bế "lục tình", mạc đồ mỹ sắc, mục bất chiêm miện, tâm vô niệm dâm, khẩu vô ngôn điệu, tích bất tương tâm, vô đồng thuyền tải, đạo phùng vô đàm; nhược trì dị vật, vô sát thị chi.

Hoặc phùng "Tôn Túc", "thân thức", cu lập hạ bàng, tiên ý vấn tẩn.

1) Minh tán loạn thân tâm; 2) Người thấy không sanh lòng tin kính.

Bộ THANH QUI nói : Chẳngặng nắm tay đồng đi luận nói việc đời phải và quấy.

Chẳngặng cùng người "Nữ", trước sau đáp đối mà đi; chẳngặng cùng với các "Ni Cô", trước sau đáp đối mà đi.

Vì sao ? Bởi vì "Tăng, Tục" có khác, "Nam, Nữ" có phần, đừng để người chê bai, nhục nhã trong cửa đạo, giữa đường gặp nhau, khéo tự quanh lánh.

Kinh CHÁNH PHÁP NIỆM XUỞ nói : "Nếu "Tỳ Kheo" sợ danh ác, thời khởi các tội lỗi, nhẩn đến không gần người "Huỳnh Môn", ⁽²⁰⁾ cùng người "Nữ" chung đi một đường".

Chẳngặng cùng "người say", "người điên", trước sau đi theo gần.

Đi theo ắt có chỗ hại, đi đường gặp nhau, liền phải quanh lánh, hoặc tẻ qua đường khác mà đi; phàm "xe ngựa", "chó dại", "ác thú" vân vân, cũng phải lánh xa.

Chẳngặng đi sau cố ngó "người nữ".

Trong LUẬN TRÍ ĐỘ Phật nói bài kệ rằng : "Thà lấy một miếng đồng nóng đỏ, lăn chà trong con mắt; chớ đừng lung lòng, quấy ngó sắc gái.

Chẳngặng nhướng mắt, liếc ngó "Nữ Nhơn".

Kinh THẬP GIỚI nói : Đóng chặt "sáu tinh", không ngó sắc đẹp, mắt chẳng liếc ngó, tâm chẳng nghĩ dâm, miệng không nói chơi, dấu chân chẳng tìm nhau, và không đồng đi một thuyền, gặp giữa đường cũng không hỏi; bằng kia cầm vật lạ cũng đừng dòm coi.

Hoặc gặp các bực "Tôn Túc", hay "bà con" quen biết, đều phải đứng lại một bên đường, trước tính hỏi thăm.

Nhược lộ phùng "xuất gia", "tại gia" tri thức, giai tu lập đạo hạ bàng, đái bỉ tiên quá, du đương tiên ý đề đầu hiệp chưởng, vấn ngôn : "Hà sở chi thích ?" Bỉ ký đáp dĩ, phục ngôn "hảo hành".

"Hảo hành" giả, ý vị nguyện bỉ, hiện tiên ly ư tật bệnh, thủy, hỏa, binh tặc, độc trùng, vương nạn, đẳng. Đương lai ư "nhơn thiên" trung, vãng hườn dã.

Hoặc phùng hí huyển kỳ quái đẳng, cu bất nghi khán, duy đoan thân chánh đạo nhi hành.

"Nhiếp niệm" tắc thân đoan, bất khán cố "chánh đạo" nhi hành. "Hí", vị xướng lĩnh ca khúc, nãi chi nhất thiết hí lộng chi ký. "Huyển", vị huyển thuật, chủng chủng biến hiện hoặc nhơn. Kỳ quái vị nhất thiết hải nhơn tâm mục giả, thị dã.

Phàm ngộ thủy khanh thủy khuyết bất đắc khiêu việt, hữu lộ đương nhiều hành, vô lộ chúng giai khiêu việt tắc đắc.

Tuy đắc, diệc tự lượng năng, cập hữu nhơn bạn, phương khả khiêu việt.

Phi bệnh duyên cập cấp sự, bất đắc thừa mã, nãi chí hí tâm, tiên sách trì sậu.

"Sậu", âm "Sô". Tẩu mã viết "trì"; tật tốc viết "Sậu".

ĐẠI LUẬT : Thính lão bệnh giả, kị thừa, dẫn bất đắc thừa "mẫu súc", cập "nữ thừa".

PHỤ

Phàm ngộ "quan phủ", bất luận đại tiểu, cu nghi hồi tị.

Hoặc nhập nhơn gia, hoặc đoan lập chiêm hạ, hoặc cung lập đạo bàng, đái quá phương hành.

Bằng đi đường gặp người "xuất gia", kẻ "tại gia" hay người quen biết, đều phải đứng lại một bên dưới đường, đợi kia qua trước, và cũng phải trước tính cúi đầu, chấp tay thưa rằng : "Dạ thưa ngài, bây giờ ngài đi đâu ?" Kia đã đáp rồi, ta lại chúc câu : "Ngài đi hảo hành". Hai chữ "Hảo Hành" là ý cầu nguyện cho kia, hiện đời, lìa các tật bệnh, và khỏi các nạn : Thủy, hỏa, binh tặc, độc trùng, nạn vua v.v... Đời sau được tự tại, qua lại cõi "nơn thiên" (cho đến khi thành Phật).

Hoặc gặp những việc hí huyển kỳ kỳ quái quái, đều chớ nên coi, cứ vững mình "thẳng đường" mà đi.

"Nhiếp niệm" thời vững thân, không coi nên thẳng đường mà đi. Chữ "Hí" là nghĩa xướng hát ca ngâm, cho đến những nghề hí kịch. Chữ "Huyển" là nghĩa nghề Huyển thuật, biến hiện đủ cách gạt người. Chữ "Kỳ kỳ quái quái" là nghĩa : hết thấy những việc gì có thể làm cho mắt người vừa thấy là tâm bắt rùng rợn, ấy vậy.

Hoặc gặp chỗ nước hàm nước lở, chẳng dặng nhảy qua, có đường phải đi quanh, không đường người đều nhảy qua, ta cũng nhảy thời dặng.

Tuy là dặng, nhưng cũng lường sức của mình và có người bạn mới nên nhảy qua.

Không có bệnh và việc gấp, chẳng dặng cõi ngựa, nhấn đến vui lòng roi quất sái tế.

"Sậu" âm "Sô". Ngựa chạy vừa vừa gọi chữ "Trì" chạy quá mau gọi chữ "Sậu".

Trong ĐẠI LUẬT dạy : Cho người già, người có bệnh, cõi ngựa đi xa. Nhưng, đừng cõi "ngựa cái", và đi xe người "con gái".

LỜI PHỤ

Phàm gặp "quan phủ", không luận lớn nhỏ, đều phải quanh lánh.

Hoặc vào nhà người, hoặc đứng vững dưới thềm, hoặc đứng vòng tay bên đường, đợi người qua rồi mới đi.

Ngộ dấu tránh giả, diệc viễn tị, chi bất đắc trụ khán.

Khán tác thất "nghĩ", hoặc chiêu phi họa

ĐẠI LUẬT vân : Nhược khán tượng ngư mã, nãi hí kê dấu, cập nhơn khẩu tranh giả đắc tội.

Bất đắc hồi tự, "khoa trương" sở kiến, thành trung "hoa mỹ" chi sự.

Hoa mỹ, thị hoại nhơn tâm chi kiếp tặc, lưu chuyển sanh tử chi khổ nhơn.

Cổ nhơn mục bất tiếp phi lễ chi sắc, khẩu bất đàm thị tình hạng lý chi ngôn.

"Xuất thế" chi tâm, bất nhiệm "tục trần", hà tức "khoa trương", duy đương "tư niệm khổ, không, vô thường, vô ngã", thị thị "Thích Tử" chi sở nghĩ dã.

"THỊ VẬT" ĐỆ NHỊ THẬP NHẤT

Vô tránh quý tiện.

Tu thuận thời giá, bất khả giảm dữ khuy tổn bị lợi; bất nghĩ quá dữ, lãng phí tín thí thường trụ.

Vô tọa nữ tứ.

Trần hóa chi điểm, vị chi viết "tứ".

Nhược vi nhơn sở phạm, phương tiện tị chi, vật tòng cầu trị.

"Trị" thị "giá trị". Nhược vi tha nhơn xâm phạm tránh mồi, tức nghĩ thiện tự tị khứ.

Dĩ hứa "Giáp" vật, tuy phục cánh tiện, vô xả bị thủ thử, linh chữ hữu hận.

Tiên "Giáp" hậu "Ất".

Gặp người đánh lộn, cũng lánh xa đi, chẳng nên đứng coi.

Coi thời mất "oai nghi" hoặc mang họa lỗi.

Trong ĐẠI LUẬT nói : Bằng coi voi giỡn, trâu báng, ngựa đua, nhần đến gà đá và người cãi lầy, đều mắc tội.

Chẳng dặng về chùa khoe khoang thấy những việc "huê mỹ" trong thành.

"Huê Mỹ" là món giặc cướp làm hư hại tâm người như khổ trôi lăn trong đường sanh tử.

Bực cổ nhân nói : Mất không ngó sắc phi lễ, miệng không nói những chuyện : chợ giềng, xóm làng.

Những người "xuất gia", là người không còn nhiệm việc "trần tục", nào đủ khoe khoang những việc "Huê Mỹ", chỉ phải nghĩ rằng :

"Thân này là khổ, là không là vô thường là vô ngã".

Như vậy mới phải là chỗ nên làm của người "Thích Tử".

BÀI THỨ 21 : "ĐI CHỢ MUA ĐỒ"

Không nên kèo nài, mắc với rẻ.

Phải theo giá đời, chẳng nên xin bớt, kém hao của người; chẳng nên trả giá mắc, lãng phí của tín thí và thường trụ.

Chớ ngồi hàng con gái.

Tiệm bày đồ hàng hóa. Tiếng Hán gọi chữ "Tứ".

Hoặc bị người lấn giành, phải phương tiện lánh đi đừng theo trả giá.

Chữ "Trị" là nghĩa Giá cả. Như bị người khác lấn lướt giành mua, ta phải khéo lời lánh đi.

Đã hứa mua vật của người trước, người sau tuy có rẻ hơn, cũng đừng bỏ kia mua đây, khiến người chủ có giận.

Vật trước là vật của anh (*Giáp*), vật sau là vật của chị (*Át*).

Vị : dĩ tiên hứa mãi bỉ nhờn vật, hậu tuy cánh, hữu tiện giả, vô đắc xả bỉ tiên quý, thủ hậu tiện giả linh tiên vật chủ sân hận, phục phi đạo nhờn chi tâm.

Thận vô bảo nhậm, trí khiên phụ nhờn.

"Tín" ư nhờn giả, viết "bảo nhiệm", "Khiên", vị "tội khiên". "Phụ" vị "phụ trái".

Nhược bảo nhậm bỉ chi khiên phụ, chung thành oán báng. trí sự chiệu ương lụy đã.

**"PHÀM SỞ THI HÀNH, BẮT ĐẮC TỰ DỤNG"
ĐỆ NHỊ THẬP NHỊ**

Phàm xuất nhập vãng lai, đương tiên bạch sư.

ĐẠI LUẬT vân : Duy trừ ngũ sự bất bạch sư, tự ngoại nhất nhất giai tu bạch sư bất bạch đắc tội.

Nhứt tước dương chi, nhị ẩm thủy, tam đại tiện, tứ tiểu tiện, ngũ giới nội, tứ thập cửu tâm nội, lễ Phật, Thập. Sư nãi lượng sự độ thời, dữ kỳ tấn chỉ.

Tác tân Pháp y, đương tiên bạch Sư.

Trước tân Pháp y, đương tiên bạch Sư.

"Pháp y, tức "Mạn y" cập "Niết Bàn tăng" đã. Túng phi pháp y, dẫn thị tân phục, giai đương bạch Sư. Sư đương sát kỳ lai xứ, cập y sắc chế tạo như pháp, bất như pháp, phương dữ trước chi.

Thế đầu đương tiên bạch Sư.

Bạch ngôn : Mỗ nhờn, vị mỗ giáp thế đầu. Sư hứa, nhiên hậu thế.

Tật bệnh phục dược, đương tiên bạch Sư.

Nghĩa là : đã hứa mua vật của anh (*Giáp*) kia trước, sau tuy vật của chị (*Át*) có nới giá hơn; cũng chớ bỏ vật trước mắc, mua vật sau rẻ, làm cho người chủ vật trước có ý buồn giận. Như vậy chẳng phải tâm người tu hành.

Dè chớ bảo lãnh những người mắc nợ nần.

Làm "tin" cho người, gọi là "bảo lãnh", chữ "Khiên" gọi là "tội lỗi" chữ "Phụ" gọi mắc "nợ nần".

Như ta bảo lãnh tội lỗi, nợ nần của người kia, sau thành họ oán trách, đến nỗi ta phải mang lấy khổn hại vậy.

BÀI THỨ 22 :

"PHÀM CHỖ RA LÀM, KHÔNG ĐẶNG TƯ Ý"

Phàm khi ra vào qua lại, trước phải thưa Thầy.

Trong ĐẠI LUẬT nói : Chỉ trừ năm việc không thưa Thầy, ngoài ra mỗi mỗi đều phải thưa Thầy. Nếu không thưa thì mắc tội.

Năm việc là : 1.- Nhân hành dương, 2.- Uống nước, 3.- Khi đại tiện, 4.- Đi tiểu tiện, 5.- Nội ranh giới của chùa trong 49 tâm, lễ Phật hoặc lễ Tháp. Thầy mới lượng sự độ chừng cho mình lui tới, nên khỏi phải thưa Thầy.

Sắm Pháp y mới, trước phải thưa Thầy.

Mặc Pháp y mới, trước phải thưa Thầy.

"Pháp y" tức là "Y mạn điều", và cái "quần" ⁽²¹⁾ (*chăn*) vậy. Dầu không phải pháp y, nhưng hễ mặc đồ mới đều phải thưa Thầy; Thầy hãy xét coi từ đâu mà có, và Pháp y nhuộm màu kiểu, may đúng phép, hay không đúng phép, Thầy mới cho mặc đó.

Cạo đầu trước phải thưa Thầy.

Thưa Thầy như vậy : "Ông chi dó cạo đầu giùm con".
Thầy cho vậy sau mới cạo.

Tật bệnh uống thuốc, trước phải thưa Thầy.

Tài giác hữu bệnh, tức đương bạch Sư linh tri Nhược phục hà được. Sư hứa phương phục.

Tác "Chúng Tăng" sự, đương tiên bạch sư.

Hoặc Sư hữu sở giáo sắc, phục vô thất thị chi quá, cố tu tiên bạch.

Dục hữu tư cụ bút chỉ chi bối, đương tiên bạch Sư.

Chỉ bút, hữu phế thiên tụng chánh vụ, Sư hứa, nhiên hậu cụ chi.

Nhược phúng khởi kinh bối đương tiên bạch Sư.

"Bối", thị "phạm" âm tán tụng dã. Phạm sơ khởi phúng tụng, đương tiên bạch chi.

Nhược nhưn dĩ vật huệ thí, đương tiên bạch Sư dĩ, nhiên hậu thọ. Kỳ vật huệ hậu thí nhưn, đương tiên bạch Sư, Sư thỉnh nhiên dĩ.

Sư hứa nãi thọ. Sư thỉnh phương dĩ, thử miễn cơ nghị hậu hoạn chi phi !

Nhưn tụng kỳ giả tá; đương tiên bạch Sư, Sư thỉnh nhiên hậu dĩ; kỳ dục tụng nhưn tá vật, đương tiên bạch Sư, Sư thỉnh đắc khứ.

Trí kiến vị thâm, khả phủ ninh thức, cố tu tiên bạch, nhược sư thỉnh hứa, nhiên hậu dĩ thủ.

Bạch sư thỉnh, bất thỉnh, giai đương tác lễ, bất thỉnh, bất đắc hữu hận ý.

Phạm sở bạch sự, thỉnh phủ, tùy sư giáo sắc. Nhược tâm sanh bất hỷ, tức tự hoạch khiên quá.

Vừa biết trong mình có bệnh, liền phải thưa Thầy hay, bằng uống thuốc chi Thầy cho mới uống.

Làm việc "Chúng Tăng" trước phải thưa Thầy.

Hoặc Thầy có dạy sai được khỏi lỗi mất hầu Thầy, nên phải thưa trước.

Muốn có riêng sắm món giấy viết chi, trước phải thưa Thầy.

Sắm giấy viết, có phở việc chánh tham thiền, và tụng kinh, nên Thầy cho vậy sau mới sắm đó.

Phàm muốn tụng kinh kệ chi, trước phải thưa Thầy.

Lời tán tụng bằng tiếng "phạm", gọi là chữ "Bối". Phàm khi muốn đọc tụng, trước phải thưa bạch.

Hoặc người đem vật cho mình, trước phải thưa Thầy rồi, vậy sau mới thọ. Hoặc của mình muốn cho người khác, trước phải thưa Thầy, Thầy ừ vậy sau mới cho.

Thầy cho mình mới thọ, Thầy ừ mình mới cho, mới khỏi lo cái lỗi người sau họ chê bai.

Người đến mình cậy mượn vật chi, trước phải thưa Thầy, Thầy ừ, vậy sau mới cho; mình muốn theo người cậy mượn vật chi, trước phải thưa Thầy, Thầy ừ mới đặt đi.

Chỗ trí kiến của mình chưa rộng, việc phải quấy dẫu biết nên trước phải thưa bạch, nếu Thầy ừ cho, vậy sau mới dùng.

Thưa Thầy cho, cùng chẳng cho, đều phải làm lễ; Thầy không cho, cũng chẳng đặt có ý buồn.

Phàm có việc thưa, cho cùng chẳng cho, tùy Thầy dạy bảo. Nếu tâm mình không vui, thời mình mắc tội lỗi.

PHỤ

Nãi chí đại sư, hoặc du phương; hoặc thính giảng; hoặc nhập chúng; hoặc thủ sơn, hoặc hưng duyên sự, giai đương bạch Sư, bất đắc tự dụng.

Phàm sở thi vi hành sự, bất đắc tự dụng kỷ tình, cố viết giai đương bạch Sư.

"Du phương", vị : Tham phỏng "tri thức".

"Thính giảng", vị : Thính giảng "Tam Tạng Thánh Giáo".

"Nhập chúng", vị : Nhập "Đại Tăng Chúng" trung.

"Thủ sơn", vị : Thủ hộ "Sơn Môn" trước mộc đẳng.

"Hưng duyên", vị : Hưng kiến "tự viện" trang tổ đẳng duyên.

Nhiên "du phương", hưng duyên; nguyên phi "Sa di" sở ưng vi, "Sa di" chỉ nghi học tập "thiên tụng" thông lợi, vi chi vị vãn.

"THAM PHƯƠNG" ĐỆ NHỊ THẬP TAM

Viễn hành yếu dã lương bằng.

"Lương bằng" giả "thiện hữu" dã.

LỄ KÝ vãn : "Đòng môn viết "bằng". Đòng chi viết "Hữu".

THUẬN CHÁNH LUẬN vãn : "Thiện hữu" giả, năng vi chúng hành bốn". Cố HOAN DỰ Kinh vãn : "Hiên hữu giả", thị vãn phước chi cơ, hiện thế miễn

LỜI PHỤ

Những đến việc lớn; hoặc đi du phương; hoặc đi nghe kinh; hoặc đi nhập chúng; hoặc đi giữ vườn, hoặc muốn xây dựng việc chùa chiền v.v... đều phải thưa Thầy, chẳng đặng tự ý.

Phàm chỗ ra làm việc chi, chẳng đặng tự làm theo ý mình, nên nói đều phải thưa Thầy.

Đi "du phương" là nghĩa : đi tìm hỏi ông "tri thức".

Đi "nghe kinh" là nghĩa : tới nghe lời Phật dạy trong ba Tạng : Kinh, Luật và Luận.

"Nhập chúng" là nghĩa : vào trong số "Đại chúng Tăng".

"Giữ vườn" là nghĩa : giữ gìn tre cây của nhà chùa v.v... "Xây dựng" việc chi, là nghĩa : muốn tạo lập "chùa, am", in kinh, đắp tượng, các việc...

Song việc đi "du phương", và việc dựng lập Chùa Am, là phận sự người cư sĩ hộ pháp làm; vốn không phải Thầy "Sa di" chỗ nên làm. Thầy "Sa di" mục đích phải học tập việc thiền tụng; chừng nào việc thiền tụng đã lấu thông, làm các việc ấy cũng chưa muộn.

BÀI THỨ 23 : "ĐI THAM HỌC PHƯƠNG XA"

Đi xa phải nương bạn lành.

"Bạn lành", là người "bạn tốt" vậy.

Sách LỄ KÝ nói : "Bạn đồng tu một đạo gọi chữ "Bằng". Bạn đồng một chí hướng gọi chữ "Hữu".

Bộ THUẬN CHÁNH LUẬN nói : "Bạn lành", hay làm các hạnh thanh cao". Cho nên trong kinh HOAN DỰ nói : "Người bạn hiền là nền tảng muôn phước, có thể làm cho ta, hiện đời khỏi lao ngục nhà vua và sau khi chết qua

vương chi lao ngục, tử tắc đồ "tam đồ" chi môn hộ, thăng thiên đắc đạo, giai hiên hữu chi trợ hĩ".

QUI SƠN vân : "Viễn hành yếu dã lương bằng sát sát thanh ư nhĩ mục; sở vị sanh ngã giả "phụ mẫu". Thành ngã giả "bằng hữu".

Dĩ hữu phụ nhơn, phẩm pháo nhơn vật; cố lương bằng hữu hổ tương thiết tha chi công, trác thành pháp khí chi dụng, như độ đại đại hải phàm đà tương tu. Thị dĩ "Như Lai", linh hổ tương kính trọng, như thị "Thế Tôn", tự học tự tu, như nhơn dạ hành vô chúc. Nhược "vô thiện bạn", ninh tự cô du, mạc ạp "ác hữu", tổn kỹ chánh hạnh".

Cố XẢ DUYÊN MINH vân : "Tà Sư ác hữu, úy nhược "lang hổ", thiện đạo lương bằng thân như "phụ mẫu".

THÀNH PHẠM vân : Trạch hữu trực như "Vân Nham", "Đạo Ngô", "Tuyết Phong", "Nham Đầu" đẳng khả vi bá thế nhất ngộ chi hạnh thậm dã. Hoặc kiến thức sảo thắng, chí hạnh đa đồng, diệc khả vi hữu. Thoảng thiếu hữu bất như, tắc bất nhược vô dã.

NHƠN QUẢ Kinh vân : Bằng hữu, hữu tam yếu pháp :

Nhất kiến hữu thất, triếp tương hiểu gián.

Nhị biến hảo sự, thâm sanh tùy hĩ.

Tam tại khổ ách, bất tương khí xả.

Như tư đẳng ngữ, nãi "Phật Tổ" chi cách ngôn, vạn thế chi lương qui, khả bất thâm tín giả tai !

"Cổ nhơn" tâm địa vị thông, bất viễn thiên lý cầu Sư.

khỏi cửa néo "tam đồ", "đắc đạo thăng thiên" cũng nhờ bạn hiền giúp đỡ".

Đức Qui Sơn nói : "Đi xa phải nương bạn lành, thường thường để nơi tai mắt; nên có câu : Sanh ngã giả "phụ mẫu". Thành ngã giả "bằng hữu". Nghĩa là : Sanh thân ta đây là nhờ "cha mẹ". Thành thân ta đây là do "bạn lành".

Bạn lành giúp điều nhơn, thông thạo việc đời; cho nên bạn lành có công lẫn nhau răn nhắc, có sức tạo thành đức hạnh, như qua biển lớn, buồm lái giúp nhau. Cho nên đức "Như Lai" dạy lẫn nhau kính trọng bạn lành; coi như đức "Thế Tôn", học một mình, tu một mình, như người đi đêm không đuốc. Lại nói : "Bằng không có bạn lành, thà riêng đi một mình, đừng gần "bạn ác", tổn hạnh tốt của mình".

Nên trong bộ XẢ DUYÊN MINH KÝ nói : "Thầy tà bạn ác như sợ cọp sói; bạn lành Thầy hay thương như cha mẹ".

Thiên THÀNH PHẠM nói : Chọn bạn được như ông "Vân Nham", ông "Đạo Ngộ", ông "Tuyệt Phong", ông "Nham Đầu" v.v... thật là trăm đời, một phen gặp hạnh phúc vậy. Hoặc người chỗ kiến thức có hơn, chí hạnh nhiều chỗ đồng với mình, cũng nên làm bạn. Thoảng như người thua thiếu, không bằng mình, thời chỉ bằng mình không bạn tốt hơn.

Kinh NHƠN QUẢ nói : Bạn lành có ba việc cần yếu :

- 1.- Thấy mình có lỗi, liền biết can cho nhau.
- 2.- Thấy mình có việc tốt rất sanh tâm tùy hỷ.
- 3.- Lúc mắc nạn khổ, không bỏ rời nhau.

Những lời như đây, chính lời màu của "Phật tổ", phép hay muôn đời, đâu chẳng tin sâu vào óc cho được.

Bực cổ nhơn : Lòng dạ chưa tỏ, chẳng nài đường xa nghìn dặm cầu Thầy.

"Cổ đức" tâm địa vị mình, phỏng tâm "tri thức",
bất dĩ thiên lý vi viên.

THÀNH PHẠM vân : Phù vị pháp cầu sư, bất vô
thâm biệt.

Nhược vị đích kiến thâm thức, thận bất khả
trục như phong thịnh, nhi triếp nghĩ trọng, khinh,
thân, sơ. Nhược cứ thiết nhi ngôn, "Phật Tổ" đường
thất, yếm mặc tư cứu, nhi chư phương Sư pháp, cầu
kỳ phướng phát giả, tiền hỷ !

PHỤ

"Niên ấu" giới thiệu, vị hứa viễn hành, như
hành bất đắc dĩ bất lương chi bối đồng hành.

Bất lương chi bối giả, ác hữu dã.

"Qui Sơn" vân : Áp tập ác giả, trưởng ác tri kiến,
hiếu tịch tạo ác, tức mục giao báo, một hậu trầm
luân.

"Nhất thất như thân vạn kiếp bất phục".

Tu vị tầm sư phỏng đạo, quyết trạch sanh
tử, bất nghi quan sơn, ngoạn thủy, duy đồ du
lịch quảng viễn, khoa thị ư nhưn.

"Vô Thượng Bồ Đề", phi "tri thức" mặc năng khai
đạo, cố tu tầm sư phỏng đạo, sanh tử trường đồ, mè
ngộ do kỹ, cố tự đương quyết trạch.

Quan sơn ngoạn thủy, hà ích thân tâm.

Khoa thị quảng viễn, hề tăng đạo vị.

Chơn vị sanh tử chi nhưn, hựu hà hà ư tư hồ ?

Bực "cổ đức" lòng dạ chưa tỏ, phải tìm hỏi ông "tri thức", không nài đường nghìn dặm là xa.

Thiên THÀNH PHẠM nói : Luận như người vì "Chánh Pháp" cầu Thầy, không ai là không biết xét. Giả sử chỗ kiến thức của ta chưa rộng, ta hãy dè dặt chớ nên nghe theo tiếng người mà liền tính chỗ trọng, chỗ khinh, chỗ thân, chỗ sơ. Bằng cứ thật mà nói, nhà cửa "Phật tử" đóng kín đã lâu. Mà nay nói đi các phương xa tìm Thầy, cầu được bực Thầy đúng pháp, ấy chỉ là phương phát mà thôi (*nghĩa là : hơi hơi giống*) cũng rất ít có vậy ?

LỜI PHỤ

"Tuổi nhỏ giới luật còn thiếu. Thầy chưa cho đi xa, như đi không nên đồng đi với bạn không lành.

Bạn không lành tức là bạn ác.

Ngài "Qui Sơn" nói : Gần quen người ác, thì thêm chỗ tri kiến ác, ngày đêm tạo ác mắc báo trước mặt, chết rồi trầm luân.

"Một phen mất thân người, muôn kiếp khó mà trở lại".

Phải lo tìm Thầy học đạo, quyết dứt đường sanh tử, đừng có xem non ngắm biển, lẫn tính đạo trải chỗ rộng xa, để khoe khoang với người.

Đạo "Vô Thượng Bồ Đề" không có ông "Tri Thức", ai hay chỉ dạy, nên phải tìm Thầy hỏi đạo. Sanh tử đường dài, mê với ngộ do mình, nên mình phải quyết đoán (*chọn bậc Tri Thức*).

Xem non ngắm bể, có ích gì cho thân tâm.

Khoe khoang chỗ xa rộng, nào thêm đạo vị.

Thật là người sanh tử xuất gia, đâu còn rảnh thì giờ mà đối việc ấy ư ?

Sở đạo chi xứ, hiệt phóng hành lý, bất đắc kinh nhập "điện đường". Nhất nhơn khán hành lý, nhứt nhơn tiên tấn, vấn tấn, thủ thường trụ tấn chỉ, phương khả an đốn hành lý nhập nội.

"Hành Lý" hoặc tác "Hành Lý" thông dụng.

Hoặc vân : "Trang Bao", tức hành nang. Nhơn viễn hành tất hữu chi dã.

Tự chế bất đồng quy củ các dị, lễ vô nhất định, sự tu kiến cơ.

Cố vân : Thủ kỳ thường trụ tấn chỉ, phương khả an đốn nhập nội.

"Y BÁT DANH TƯỚNG" ĐỆ NHỊ THẬP TỨ

"Ngũ điều y" Phạm ngữ "An đà hội" thử vân: "Trung Túc y".

Vị cận thân trụ dã.

"Diệc" vân : "Hạ y".

Vị : tam y trung, thử vi tối hạ trước giả.

"Diệc" vân : "Tạp tác y"

Vị : viện nội, tác chư lao vụ thời trước.

Phàm tự trung chấp lao phục dịch, lộ đồ xuất nhập vắng hườn, đương trước thử y.

Tác pháp trường đoản, tường như ĐẠI LUẬT.

Đáp y kệ vân :

Thiện tai giải thoát phục.

Đi đến chỗ nào, để hành lý ngoài ngõ, chẳng được mang ngay "trong chùa". Một người coi đồ hành lý, một người vô trước hỏi thăm, coi phép nhà chùa lui tới thế nào rồi mình mới được đem đồ hành lý vào trong.

Hai chữ "Hành lý" hoặc viết hai chữ "Hành lý này" cũng được.

Hoặc có chỗ nói hai chữ "Trang Bao" tức là cái túi mang đi đường. Phàm người đi xa, phải có túi để đựng đồ.

Vì sao phải hỏi phép nhà chùa tới lui ?

Bởi phép mỗi chùa không đồng, quy củ đều khác, phép không nhất định, nên mỗi sự phải coi thế thần thích hợp.

Vì vậy cho nên nói : "Phải coi phép nhà chùa lui tới làm sao, rồi mới để đồ "Hành lý" vào trong.

BÀI THỨ 24 : "DANH VÀ TƯỚNG CỦA Y BÁT"

"Y ngũ điều", theo tiếng nói cõi trời "Phạm Thiên" kêu là "An Đà Hội", còn tiếng Hán nói là "Trung Túc y".

Y này là cái y mặc gần trong thân vậy.

Cũng kêu là y bực "Hạ".

Nghĩa là : Trong ba y, đắp y này là bực "hạ".

Cũng gọi là "Tạp Tác y".

Nghĩa là : Mặc y này làm các việc nhọc trong chùa.

Phàm trong chùa làm lụng công việc, đi đường ra vào, qua lại, phải đắp y này.

Phép may y, có dài, có vắn rõ như trong ĐẠI LUẬT.

Khi đắp y, đọc bài kệ như vầy :

Lành thay áo giải thoát.

Vô thượng phước điền y.

Ngã kim đánh đái thọ.

Thế thế bất xả ly.

Án tất đà da, ta bà ha.

Thử kệ thượng nhị cú, xuất danh nghĩa; hạ nhị cú thị phát nguyện, dĩ nhưn chiêu quả cố.

"Án" tự hạ, thị chú mật ngữ, phi danh ngôn, khả năng tận thích. Nhiên tam y danh nghĩa chúng đa, hoặc danh "nhấn nhục" khái.

Vị : năng hàng phục chúng ma cố.

Diệt danh "Liên hoa" phục.

Bất vi dục nê ô nhiễm cố.

Diệt danh "Cứu Long y".

Long đặc nhất lữ, bất vi "kim sí điều" sở thực cố.

Kim danh giải thoát phục, di sanh tử phiền não, do tư giải thoát cố.

Hựu danh "phước điền y", do năng sanh chúng thiện cố.

"Vô Thượng" giả ?

Vị : thử y. cụ như thượng công năng, cánh vô

Y vô thượng phước điền.

Ta nay đầu đội chịu.

Đời đời chẳng bỏ rời.

Án tất đà da, ta bà ha.

Bài kệ bốn câu này, hai câu trên, nói tên y giải thoát, hai câu dưới, là lời phát nguyện, do bởi nhưn lành, được quả báo lành.

Từ chữ "Án" sắp xuống, ấy là lời bí mật của câu chú, không phải lấy danh từ, mà có thể giải nghĩa cho hết được.

Song ba y, tên và nghĩa rất nhiều, hoặc gọi giáp "nhấn nhục". Thế nào gọi là giáp "nhấn nhục" ?

Nghĩa là : Vì mặc y này, có thể hàng phục được các loài ma ngoại đạo vậy.

Cũng gọi là "Y Liên hoa".

Thế nào gọi là "Y Liên hoa" ?

Nghĩa là : Vì mặc y này, khỏi bị bùn ngũ dục như nhấm vậy.

Cũng gọi là "Y Cứu Long".

Nghĩa là : Loài long dặng một sợi chỉ của y này, khỏi bị chim "Đại bàng cánh vàng" bắt ăn.

Nay ta gọi giải thoát vì do nó hay giải thoát, bao nhiêu phiền não sanh tử.

Lại gọi là "Y phước điền" là vì mặc y này, sanh các phước lành vậy.

Sao gọi là y "vô thượng" ?

trước thử y, nhi thành đạo quả đã. Dư nghĩa, thử bất phiên lục.

"Thất điều y". "Phạm" ngữ "Uất đa la Tăng".
Thử vân : "Thượng trước y".

Vị : Ư thường sở phục giả, thử tại kỳ thượng đã
Diệc danh "nhập chúng y".

Vị : Nhập Chúng Tăng trung thời, trước đã.

Phàm lễ Phật, tu sám, tụng kinh, tọa thiền,
phó trai, thính giảng, Bố Tát, Tự tứ, đương
trước thử y.

"Bố tát" thử vân : "Trưởng Tịnh".

"Tự Tứ" ?

Vị : tự thân hữu quá, tứ nhậm "tăng" cử đã.

Đáp y kệ vân :

Thiện tai giải thoát phục.

Vô thượng phước điền y.

Ngã kim đánh đái thọ.

Thế thế thường đắc phi.

Án độ ba, độ ba ta bà ha.

GIỚI ĐÀN kinh vân :

"Ngũ điều y", đoạn tham thân đã.

"Thất điều y", đoạn sân khẩu đã.

"Đại y" đoạn "si tâm" đã,

Nghĩa là : Y này đủ công năng như trên, lại không có y nào hơn y này vậy. Cho nên ba đời các đức "Như Lai", đều mặc y này, mà thành đạo quả. Còn bao nhiêu nghĩa nữa, đây chẳng chép nhiều.

"Y thất điều". Theo tiếng cõi Trời "Phạm Thiên" gọi là "Y Uất Đa La tăng". Tiếng Hán gọi là "Thượng trước y".

Thế nào gọi là "Thượng trước y" ?

Nghĩa là : Những y mặc thường đó, y này là bậc thượng vậy.

Cũng gọi là "y nhập chúng".

Thế nào gọi "y nhập chúng" ?

Nghĩa là : khi vào trong Chúng Tăng đắp mặc vậy.

Phàm lạy Phật, sám hối, tụng kinh, ngồi thiền, đi chúng trai, đi nghe kinh, ngày Bố tát, ngày Tự tứ, phải mặc y này.

Chữ "Bố tát" tiếng Hán gọi là "Trường Tịnh".

Sao gọi là "Trường Tịnh" ?

Nghĩa là : Nuôi lớn căn lành, trừ sạch nghiệp chướng.

Hai chữ "Tự tứ" là gì ?

Nghĩa là chính mình có lỗi, mặc dầu chúng Tăng cử tội vậy.

Khi đắp y đọc bài kệ như vậy :

Lành thay áo giải thoát.

Y ruộng phước không trên.

Tôi nay đâu đội chịu,

Đời đời hằng dặng đắp.

Án độ ba, độ ba ta bà ha (3 lần).

Trong GIỚI ĐÀN KINH có ba nghĩa :

- 1.- Mặc "y ngũ điều", dứt tâm tham của thân nghiệp vậy.
- 2.- Mặc "y thất điều", dứt tâm sân của khẩu nghiệp vậy.
- 3.- Mặc "đại y", dứt tâm si của ý nghiệp vậy.

CỔ HOA NGHIÊM Kinh vân : Trước "ca sa" giả, xả ly "tam độc" dã.

Phật cáo "A Nan" : "Quá khứ chư "Phật" đệ tử : trước như thị y, vị lai chư Phật đệ tử, diệt trước thị y. Như ngã kim nhật, dĩ dao tiệt thành "Sa Môn" y, bất vi "oán tặc" sở kiếp, thử thị "giải thoát" phục, "phước điền" chi y".

Nhược hữu chúng sanh, khởi nhất ác tâm, hướng tam thế chư Phật, "Bích chi", "La Hán", cập trước nhiệm y nhơn, hoạch tội vô lượng.

Sở dĩ giả hà ?

Hoại sắc chi y, thị "Hiền Thánh" tiêu thức. Nhược năng phát tâm, kính nhiệm y nhơn, hoạch phước nan lượng; ngã do tín tâm, kính đái chi chí cố đắc thành Phật.

CAO TĂNG TRUYỆN vân : "Đường "Trình Quán" ngũ niên, "An Dưỡng tự", "Huệ Quang" Pháp Sư đệ tử, kỳ mẫu bản lữ, nội vô tiểu y. Lai nhập tứ phòng, thủ cố "ca sa" tác chi nhi trước; dữ chư lân phụ, đồng tụ ngôn tiểu hốt giác cước nhiệt, tiệm thượng chí yêu, tu du lồi chấn, trịch lân phụ bá bộ chi ngoại, thổ nê lưỡng nhĩ, muộn tuyệt kinh nhật, phương đắc tô tỉnh.

Sở dụng y giả, toại bị chấn tử, hỏa thiêu tiêu quyện, đề thượng bối viết :

"Do dụng Pháp y, bất như pháp dã".

Kỳ tử thân tẩn, hựu tái chấn xuất, nãi lộ hải lâm hạ, phương chung tiêu tán.

Thị tri thọ trì pháp nhục, huệ cập "tam qui" chi long, tín bất hư hĩ.

Cho nên kinh HOA NGHIÊM nói : Người đắp y "ca sa" bỏ lia "ba độc" vậy.

Phật kêu ông "A Nan" bảo rằng : "Này "A Nan" ! Đệ tử các đức Phật đời quá khứ; đắp y như vậy. Đệ tử các đức Phật đời vị lai, cũng đắp y như vậy. Như ta ngày nay, cầm dao cắt rọc, từng miếng hợp lại may thành y cho "Sa Môn", khỏi bị kẻ "oán tặc" nó cướp giật, nên gọi y này, là đồ mặc "giải thoát", cũng gọi là áo "phước điền".

Nếu có chúng sanh nào, khởi một niệm ác, đối với các đức Phật trong ba đời, hàng "Bích Chi", vị "La Hán", với người mặc y nhuộm màu hoại sắc đây mắc tội vô lượng.

Vi sao thế ?

Vi y hoại sắc đây, chính phép nêu của các vị "Hiền Thánh". Bằng ai phát tâm kính người mặc y nhuộm màu hoại sắc, được phước không lường; ta do nhờ tín tâm kính mặc hết lòng nên đặng thành Phật quả.

Trong CAO TẶNG TRUYỆN nói : Đời "Đường" niên hiệu "Trinh Quán" năm thứ 5, chùa "An Dưỡng" đệ tử ông "Huệ Quang Pháp sư", mẹ ông nghèo khó lắm, không có một tấm áo nhỏ mặc trong thân. Hôm nọ đến nhà chùa, vào trong liêu người con, lấy y "ca sa" cũ rách sửa lại làm áo mặc, rồi cùng với các người đàn bà trong xóm, đồng nhóm lại nói cười; thoạt nghe dưới bàn chơn nóng nóng, nóng lên đến lưng quần, giầy lát sét đánh, văng các người đàn bà khỏi ngoài trăm bước, bùn đất nhét đầy hai lỗ tai, ngật ngữ ngật ngưỡng, mấy ngày mới tỉnh trở lại.

Còn bà lấy y sửa lại làm áo mặc kia, cũng bị sét đánh chết, lửa đốt cháy giò, trên lưng có đề tám chữ như vậy :

"Do dụng Pháp y bất như pháp dã"

Nghĩa là : Do dùng pháp y, chẳng nhằm phép vậy.

Người con lượm xác mẹ, liệm trong hòm để đó lại bị sét đánh lần thứ hai, văng nắp quan tài, thân nằm trần dưới rừng, dần dần tiêu rã.

Hựu hữu nhất sơn cư Tăng, tại thâm nham túc, dĩ y chướng tiền, hữu dị "Thần" Lai, hình cực khả úy, thân tý nội thám, dục thủ túc giả, úy xúc "ca sa", ngại bất đắc nhập, toại đắc miễn thoát.

Như thị chúng tướng, nan khả cụ ký.

"Nhị Thập ngũ điều y". Phạm ngữ "Tăng Già Lê". Thủ vân "Hiệp" diệp vân "Trùng".

Vị : Cát tiệp nhi hiệp thành, hựu trùng tác dã.

Diệp vân "tạp toái y".

Vị : Điều số đa, cố dã.

Phạm nhập "vương cung", thăng tòa thuyết pháp, "tụ lạc", "khất thực", đương trước thủ y.

Hựu thủ y, cứu phẩm.

Hạ phẩm hữu tam.

Vị : Cứu diên.

Thập nhất điều.

Thập tam điều.

Nhị trường, nhất đoán.

Trung phẩm hữu tam.

Vị : Thập ngũ điều.

Thập thất điều.

Thập cửu điều.

Tam trường, nhất đoán.

Xem đây thì đủ biết rằng : Người thọ trì pháp y, ơn kip đến loài "long" cũng đến thọ "Tam Qui". Thật là lời không dối, nên tin chắc vậy.

Lại có, một ông Thầy tu trên núi, ngủ trong hang sâu, lấy y dừng trước. Bấy giờ có ông "Thần" dị tướng đến, hình rất ghê sợ, đưa tay mò trong hang, muốn vô bắt ông Thầy ngủ kia; nhưng mà sợ đụng y "ca sa", ngại chẳng dám vào nên Thầy kia khỏi chết.

Như vậy các danh tướng của y phước điền, nhiều lắm khó mà biên cho đủ.

"Y hai mươi lăm điều". Tiếng nói của trời "Phạm thiên" kêu là "Tăng già Lê". Tiếng Hán gọi "Hiệp y" cũng gọi "Trùng y".

Thế nào gọi là "Hiệp y" ?

Nghĩa là : Cát rọc từng miếng, rồi hợp lại may thành cái y.

Thế nào gọi "Trùng y" ?

Nghĩa là : Y này may chồng nhiều lớp vậy.

Cũng kêu là "Y Tạp toái".

Thế nào gọi "Y Tạp toái"

Nghĩa là : Vì số điều của nó nhiều lắm vậy.

Phàm vào "cung vua", thăng tòa thuyết pháp, vào làng khát thực, phải mặc y này.

Lại y này có 9 bực.

Bực hạ có 3 bực nghĩa là :

- a) Y 9 điều.
- b) Y 11 điều.
- c) Y 13 điều.

Hai miếng dài, một miếng vắn.

Bực trung có 3 nghĩa là :

- a) Y 15 điều,
- b) Y 17 điều.
- c) Y 19 điều.

Ba miếng dài, một miếng vắn.

Thượng phẩm hữu tam.

Vị : Nhị thập nhất điều.

Nhị thập tam điều.

Nhị thập ngũ điều.

Tứ trường, nhất đoản.

Đáp y kê vân :

Thiện tai giải thoát phục

Vô thượng phước điền y.

Ngã kim đánh đái thọ,

Quảng độ chư quần mê,

Án, ma ha ca bà ba, tra tất đế, ta bà ha.

Chúng sanh bất ngộ, cố viết "quần mê" chư Phật dĩ ngộ, cố hiệu "Đại Giác".

Thử chi tam quy, nguyên thị "Tỳ kheo" pháp phục, kim dục linh "Sa di", dự tri danh tướng thù thắng, cố phụ ư mặt, phi vi sử kỳ phi trước.

"Sa di", nhược đáp "mạn y", "tạng kinh" trung, tự hữu kê vân :

Đại tai giải thoát phục - Vô tướng phước điền y.

Phi phụng như giới hạnh - Quảng độ như chúng sanh.

"Bá nhất yết ma" vân :

"Câu tịch" chi đồ, mạn điều thị phục, nhi hữu triếp phi "ngũ điều" thâm vi tội lạm. "Thần châu chi địa", cửu phiến tư phong.

Thử thành phi pháp, vật linh phi trước dã.

Thử thị "Đường Tam Tạng, Nghĩa Tịnh pháp sư", thân du "Tây Vực", quan ngũ "Thiên Trước" cảnh, cập chư bộ "Luật văn", tịnh vô "Sa di" phi trước "Tỳ kheo" cát tiệt chi y, đặc thử thù thị, dĩ phát thiên cổ chi mê.

Bực thượng có 3, nghĩa là :

a) Y 21 điều.

b) Y 23 điều.

c) Y 25 điều.

Bốn miếng dài, một miếng vắn.

Đắp y 25 điều đọc bài kệ như vầy :

Lành thay áo giải thoát;

Áo ruộng phước không trên.

Ta nay đâu đội chịu,

Rộng độ các quần mê.

Án, ma ha ca ba, tra tất đế, ta bà ha (ba lần).

"Quần mê" là gì ? Nghĩa là : Chúng sanh chưa tỏ ngộ nên gọi là chúng "quần mê". Các đức Phật đã tỏ ngộ, nên gọi là bực "Đại Giác". Song 3 y đây, vốn là đồ pháp phục của "Tỳ kheo". Nhưng nay muốn cho "Sa di", trước biết danh tướng tốt màu, nên phụ chép nơi sau đây, chớ không phải vì cho "Sa di" đắp mặc.

Bằng ông "Sa di" đắp "y mạn điều", thì trong kinh tạng, cũng có bài kệ như vầy :

Lành thay áo giải thoát - Y vô tướng phước điền.

Mặc giữ theo giới hạnh - Rộng độ các quần sanh.

Bộ BÁCH NHẤT YẾT MA nói :

Ông "Cầu Tịch Sa di" phải đắp "y mạn điều", mà nay lại có ông lại đắp "y ngũ điều", thật là tội lỗi. Trong xứ "Đông Thắng Thần châu" (xứ Tàu) lâu quen thói này.

Đây thật là phi pháp, dừng cho "Sa di" đắp mặc vậy.

Đây là đời nhà "Đường", ngài Tam Tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh, thân hành qua nước "Tây Vực", khắp xem năm cõi "Thiên Trúc", và các bộ "Luật Văn", đều không cho "Sa di" đắp mặc y cất rọc của "Tỳ kheo". Hôm nay để lời dạy này, đặng thức tỉnh, những kẻ mê nhiều đời.

Ký vân : Thử thành phi pháp, kỳ tội thì đương đại thọ.

Vi Sư giả, bất khả bất tri ?

Vi đồ giả, hựu bất khả bất thận dã ?

"Bát", Phạm ngữ "Bát đa la".

Thử vân : "Ứng lượng khí".

Vị : "Thế, Sắc, Lượng" tam giai ứng pháp cố.

"Thế", dụng ngõa, thiết, nhị vật.

"Sắc", dĩ dục yên huân trị.

"Thiết bát" dụng hạnh tử, ma tử, đạo dục, đẳng, huân tác hắc sắc, cấp sắc, hoặc không tước yết sắc.

Lượng tác phân "thượng, trung, hạ".

"Thượng bát", thọ nhất "đấu".

"Hạ bát" thọ "ngũ thăng", nhị nội danh trung bát.

Cụ : Phạm ngữ "Ni Sư Đàn" thử vân "Tọa cụ", diệp vân : "Tùy túc y". Khai cụ kê vân :

Tọa cụ "Ni Sư Đàn".

Trưởng dưỡng tâm miêu tánh.

Triển khai đẳng "Thánh Địa".

Phụng trì "Như Lai" mạng.

Án đàn ba, đàn ba, ta bà ha.

Song đã nói rằng : "Như đây thật là phi pháp, thì tội ấy ai chịu thế cho",

Vậy ai là người làm Thầy, chẳng khá chẳng biết ?

Ai làm đệ tử, cũng chẳng khá chẳng thận trọng ?

"Bát", cái bát đây, tiếng Phạm gọi là "Bát đa la". Tiếng Tàu gọi "ứng lượng khí".

Nghĩa là : cái "Thê", cái "Sắc", cái "Lượng", 3 cái đều đúng như pháp.

Thế nào là "Thê" đúng như pháp ?

Nghĩa là : Dùng hai món : sành và thiếc,

Thế nào là sắc đúng như pháp ?

Nghĩa là : Lấy các thứ thuốc đốt lên khói rồi xông làm hoại sắc.

"Bát bằng thiếc" : thì lấy hột hạnh như hột mè với cám nếp v.v... xông làm màu sắc đen xám, như sắc con chim bồ câu, hoặc sắc giống như sắc cổ con chim khổng tước.

Thế nào "lượng" đúng như pháp ?

Nghĩa là "Lượng có phân thượng, trung và hạ.

"Bát bực thượng" đựng được một "đấu" (10 thăng gọi một đấu).

"Bát bực hạ" đựng được "năm thăng", bát bực trung gọi bát giữa chừng (7 thăng rưỡi) cho nên nói bát đúng lượng.

"Cụ" : Cái cụ tiếng Phạm gọi "Ni Sư Đàn" Tàu gọi "Tọa cụ" cũng gọi "Tùy túc y". Khi trải cụ ra ngồi, đọc bài kệ như vầy :

Cái tọa cụ gọi "Ni Sư Đàn",

Nuôi lớn lòng tánh iết.

Mở mang lên cõi thánh,

Vưng giữ mạng Như Lai.

Án đàn ba, đàn ba ta bà ha. (3 lần)

Vị tương tùy hành, dĩ tiện tọa ngoạn, dụng hộ thân hộ y, hộ Tăng ngoạn cụ, cố chế dã.

GIỚI ĐÀN kinh vân : "Ni Sư Đàn", như tháp chi hữu cơ dã.

Nhược vô "tọa cụ", dĩ tọa như thân, tắc "ngũ phần định, huệ", vô sở tòng sanh.

Ký vân "tọa cụ", "kim thời dụng vi lễ bái, toàn quai bốn chế". Hoặc linh tứ giác thiếp cố, nhi mậu vị chi. Vi "Tứ Thiên Vương", trí sử túc bất cảm đạ thượng, phục hữu dĩ bất tịnh "hài lý" nhi đạ chi.

Quá úy, quá khinh, nhất giai khả tiểu !

Kỳ vi "Sư giả", bất khả bất giáo "đệ tử", ngoa tập ký cửu, nhất triêu nan dĩ cải phục. Nhược ý vị kính hộ tam y; tương dĩ lễ bái, thứ cơ quyền dụng.

Như hoặc bất nhiên, tự tôn kỹ thể, hà thành kính tha, khinh mạn chi tội, thành nan đào hí.

Nhược tương "tọa cụ" tọa thời, ưng niệm kệ vân : Triển khai đà phu tọa, vân vân...

Kim kiến hữu "tại gia nam nữ", thọ "ngũ giới" giả, phi "ngũ y", triển "tọa cụ", công nhiên lễ bái, thâm vi khả thống !

Hà kỳ "pháp môn" ngoa thể, nhất trí ư thử.

Cổ "Từ Vân Sám chủ" Biện Hoặc Thiên vân : "Thử tam pháp y, định thị xuất gia chi phục, phi tại gia giả, sở phi".

Thế nào gọi "Tùy túc y" ?

Nghĩa là : Đi đâu đem theo cho tiện, trong khi ngồi và nằm, là cái đồ để hộ thân, hộ y, với hộ cho ông Tăng nằm, nên Phật chế ra vậy.

GIỚI ĐÀN Kinh nói : Cái "Ni Sư Đàn" như Tháp có nền vậy. Nếu không có "tọa cụ" cho thân ông ngồi, thời năm phần ⁽²²⁾ định, huệ không do đâu sanh vậy.

Song đã nói rằng : "Tọa cụ là đồ để ngồi, vì sao đời bây giờ, người dùng để làm lễ lạy. Thật trái lời dạy của đức Phật".

Hoặc có người thấy Luật dạy : "Phải dùng 4 miếng vải cũ vá lên bốn góc cái "Tọa cụ", làm cho hoại sắc, hoặc làm cho chắc 4 góc.

Thế mà người làm tướng đó là "4 ông Thiên Vương", đến nỗi có người chân chẳng dám đạp lên, rồi cũng có người mang "giày dép" bất tịnh đạp lên đó.

Một người quá sợ, một người quá khinh, cả hai đều đáng cười. Vậy ai là người làm "thầy", chẳng khá chẳng dạy "đệ tử" ?!

Song thói đây làm quen đã lâu, chẳng phải một ngày một bữa, mà có thể cải đổi lại được. Nếu ai có lòng vì kính hộ ba y, đem để mà lạy, khỏi lấm y, họa may dùng đỡ thì được.

Như hoặc chẳng vậy, tự trọng thể mình, đâu thành kính Phật, tội khinh đé đấy, khó mà lánh vậy.

Nếu khi đem "tọa cụ" ra ngồi, phải niệm bài kệ như vậy : "Mở trái "tọa cụ" ngồi třeo kiết già v.v..."

Đời bây giờ, thấy có kẻ "nam" người "nữ" "tại gia", thọ trì năm giới, mà cũng đắp mặc "y ngũ điều", cũng trải "tọa cụ" ra giữa công nhiên mà lễ lạy, rất là đau đớn !

Ai dè trong "pháp môn" có những ả, sai lầm đến nỗi thế này !

Cho nên ngài "Tứ Văn Sám chủ" làm "Thiên Biện Hoặc" nói : "Ba pháp y đây, định cho người xuất gia mặc, chớ chẳng phải kẻ tại gia đắp đặng".

TẶNG KỶ LUẬT vân : Tam y giả, "Thánh Hiền" "Sa môn" tiêu xí, phi tục nhưn sở vi. Tọa A HÂM kinh vân : Tu "tứ vô lượng" giả, tịnh thế tu phát, phục "tam pháp y", nhi "xuất gia" dã.

Cứ tư dĩ tri, định phi "tục" phục. Thế vân : "PHẠM VĨNG kinh, hữu thông tục trước giả". Nhưn kiến bỉ kinh, quảng liệt "vương, thần, đạo, tục", tận đắc thọ giới, ứng giáo thân sở trước "ca sa", đẳng ngôn.

Tiện linh "sĩ nữ", thọ "Bồ Tát giới" giả trước "thất điều chi y".

Nguyên "ca sa", thử phiên vi "nhiễm", hựu phiên di "hoại sắc", kỳ thị thông chế đạo tục thọ giới, tu phục hoại sắc, khùng kỳ nhiễm đồng thời diệt, quai ư pháp chế, nãi vân ứng giáo thân sở trước hoại sắc. Hoặc hữu phong tục, bất khả tận chế, nhi "xuất gia Bồ Tát", tất tu nhiễm hoại.

Cố phục hựu vân : "Tỳ kheo" ứng dữ tục phục hữu dĩ; hà tăng thông "tục", trước "thất điều y" ?

Tâm "Thiên Thai", cập "Tạng Pháp Sư" chương số, cu tác nhiễm hoại nghĩa thích.

Tịnh vô thông tục "tam y" chi thuyết.

Hoặc vân : "Nương tai miễn ách, hứa dữ tiểu phiên", chí như hí nữ tạm quái, "lập nhưn" dã phi.

Hoặc vân : "Đắc tứ thốn, nhi ẩm thực sở sung".

BỘ TĂNG KỲ LUẬT nói : "Ba y đây, là cờ nêu của vị Thánh Hiền và Thầy Sa môn" chớ chẳng phải người thế tục đắp dặng. Kinh TẬP A HÀM nói : "Người tu pháp "Tứ vô lượng tâm" (23) đều cạo râu tóc, mặc "ba pháp y", là người "xuất gia" vậy".

Cứ theo đây thì biết ba y, quyết định không phải người "thế tục" mặc đắp. Người đời nói rằng : "Kinh PHẠM VĨNG, có cho người thế tục đắp mặc". Vì họ thấy trong kinh kia rộng nói : "Vua", "tôi", kẻ đạo người tục đều được thọ giới và Phật dạy họ phải mặc "ca sa" v.v...

Làm tưởng mặc "ca sa" được liền cho kẻ "nam" người "nữ", những người thọ giới "Bồ Tát", cho mặc "y thất điều" !

Nguyên hai chữ "Ca sa", tiếng Hán dịch là "nhuộm", lại dịch là "hoại sắc", đó là trong kinh PHẠM VĨNG Phật chế cho tất cả kẻ đạo, người tục, thọ giới, cần phải mặc áo màu hoại sắc, vì sợ họ nhuộm màu đẹp tốt, giống với người "thế gian", mà trái với pháp Phật dạy, nên bảo rằng : "Thân phải mặc áo màu hoại sắc". Hoặc có phong tục, không phải cấm hết, nhưng người "xuất gia" thọ giới "Bồ tát" quyết phải nhuộm màu hoại sắc.

Cho nên lại nói rằng : "Thầy Tỳ kheo" cùng người Thế tục đắp mặc có khác; đâu có chung cho người thế tục đắp "y thất điều" ư ?

Theo lời chương số của Ngài "Thiên Thai" và ngài "Tam Tạng Nghĩa Tịnh" Pháp sư, đều giải nghĩa hai chữ "Ca sa", là nhuộm màu hoại sắc.

Theo thuyết của các ngài đây, đều không có lý cho người thế tục, đắp mặc "ba y".

Hoặc có người nói : "Trừ tai khỏi nạn, giúp cho miếng rỏ" chỉ như kẻ "hí nữ" tạm mang (24) người "thọ sần" mượn mặc (25).

Hoặc có người nói : "Đặng y 4 tấc, thì đồ ẩm thực no đủ".

Quái nhất phiền, nhi "La Sát" bất đạm; cái hiển "tam y" chi công dụng, nhi hứa "tứ dân" chi thọ trì.

"Xuất gia" nhàn tà chi nhơn, thượng muội trì y chi quý ?

Tại trần phiền tạp chi chúng, ninh tri phụng pháp chi nghi.

NAM SƠN vân : Nhược thọ dụng hữu phương bất sanh tội lệ, tất lãnh nạp quai thức, tự hảm thâm khiên, nhất sanh vô y phú thân, tử tắc tự phụ "Thánh" trách, hà lự vô ác đạo phần. Quan tư chi ngôn, tự tọa thâm quá, nhấn tương phi pháp, ngộ lụy "tại gia".

Hạnh nguyện tứ phương "đạo nhơn", hành "Đại thừa" giả, đọc văn tầm nghĩa mạc thủ kỷ tình, đảm ma khí kim, thù phi "trí giả".

Cách tộ tùng chánh, tư tắc đạt nhơn. Ứng tri "vô thượng Phật thừa", giải vô đạo tục, truyền trì chi quý, thành tại "Luật Nghi".

"Niết Bàn" : "Phò luật đàm thường", chánh tại ư thử.

Luật phạm nhược hoại, pháp dã thù truyền. Khởi sanh vi nhơn, bất hộ nhấn mục, đoạn thường trụ mạng phi "Chiên Đà La", như hà ?

Đeo một miếng, quỉ "La sát" chẳng dám ăn. Luận như thế thì đủ biết rằng : Công dụng của "ba y", quyết định không cho kẻ "tứ dân" ⁽²⁶⁾ thọ trì vậy.

Nay người "xuất gia", chính người rảnh việc tà, lẽ nào còn mê muội phép trì y ?

Những chúng "tại gia" trần thế bộn bề, đâu biết phép phụng trì mà hồng cho đắp mặc.

Ngài "Nam Sơn" nói : "Nếu thọ dụng đúng phương pháp, thì khỏi sanh tội lỗi; còn lãnh nhận sai phép, tự chuốc lấy tội sáu, một đời không áo che thân, chết rồi lại bị "Phật" quở trách, lo gì khỏi phần ác đạo. Nghiệm lời đây, tự mắc tội nặng, nỡ nào đem việc phi pháp, làm hại cho kẻ tại gia".

Vậy tôi (Hoảng Tán) xin người bốn phương "học đạo", những bực tu "Đại thừa", đọc văn tìm nghĩa, chớ chấp theo ý mình, "gánh gai bỏ vàng" ⁽²⁷⁾ thật là "người không trí".

Bằng ai biết cái cách những cái hủ tệ, theo lối chánh chơn đúng như lời Phật dạy, người đó là kẻ "Đạt Nhơn". Vẫn biết đạo Vô thượng của đức "Phật", ai cũng có thể nhận lãnh, không luận kẻ đạo người tục. Nhưng mà phép truyền trì "Phật Tổ", thật ở trong "Luật Nghi".

Cho nên kinh "Niết Bàn" : Phật sắp viên tịch còn nói câu : "Phò Luật đàm thường", chỉ tại ư thử.

Nghĩa là : Đức Phật dạy rằng : "Dù ta nhập Niết bàn, Tỳ kheo các ông phải luôn luôn giữ Bộ Luật" chính nghĩa ở nơi đây vậy.

Phép tắc luật nghi, nếu một phen phá hoại, thì chánh pháp nương tựa vào đâu, mà truyền trì. Cũng như còn sống làm người, đâu không giữ trông con mắt, đứt mạng thường trụ, há chẳng phải bọn "Chiên Đà La" ⁽²⁸⁾ chớ gì ?

Tích "Tịnh Ái Pháp Sư", trị "Châu Vô" hành ngược, tự hận bất năng hộ pháp, xuất gia hà vi, nãi tọa thạch phẩn đao phẩu nhục, dẫn trường quái thọ, dĩ thủ bồng tâm nhi tốt.

Ô hô !!! "Cổ Hiên" hộ pháp, kỳ nhược thị hồ, ngã đẳng ký hiệu vị năng, nghi thủ pháp chế, mạc trí hủy tổn, ương trụ tự tha hí.

**SA DI LUẬT NGHI,
YẾU LƯỢC TẶNG CHÚ
QUYỂN HẠ (CHUNG)**



Xưa ngài Tịnh Ái Pháp sư, bị vua "Châu Vô Đế", làm việc bạo ngược, không cho tu, túi mình không thể giữ đạo, xuất gia làm gì đây, liền lên bàn thạch ngồi, lấy dao mổ bụng, kéo dùm ruột treo trên cây, rồi lấy tay ôm bụng mà chết.

Than ôi !!! "Kẻ Cổ Hiền" giữ đạo còn như thế, chúng ta đã bắt chước chưa dặng, thì nên giữ luật phép, đừng cho kém thiếu, mình, người đều mắc đọa vậy.

BỘ SA DI LUẬT NGHI YẾU LƯỢC TẶNG CHÚ HẾT QUYỂN HẠ



CHÚ THÍCH

QUYỂN HẠ

- (2) **Kính con DI HẦU tướng Trời Đế Thích.**
Trong đời quá khứ, có người u mê nghe người ta nói Trời Đao Lợi, một hôm nọ, anh vào trong núi, Thấy bầy Khí, tướng trời Đế Thích chạy kêu làng xóm vô xem, ai nấy chửi anh như tử. Nay đem tích này dụ người không biết coi người, người phải cho người xấu, người xấu cho là người phải.
- (3) **Nhị Thủ Thắng :** (2 món Thủ thắng). Tức là : Nhơn chánh báo Thủ thắng và quả y báo cũng Thủ thắng (chánh báo là Tâm, y báo là Cảnh).
- (4) **Đạo Tuyền :** Tức là tên con sông "Đạo Tuyền" (suối trộm).
- (5) **Lạc Tử :** Tức là những miếng rẻo nhỏ của ba y bị rách.
- (6) **Giang hồ tán nhơn :** Xua đời Đường, ông Lữ Vọng thi khoa Tấn sĩ (chẳng đâu) về thả chiếc thuyền con, dạo chơi xứ này qua xứ khác, người ta kêu ông là ông "Giang hồ tán nhơn".
- (7) **Xương Tăng Bạt :** Trong bộ Luận Ma Đắc Lạc Đà nói : Khi Chúng Tăng đi ăn. Vị Thượng tọa dạy tất cả bình đẳng, xương Tăng bạt rồi đồng ăn. Tăng bạt IIándịch "Bình Đẳng". Hồi Phật tại thế có bọn Ngoại đạo, để thuốc độc trong đồ ăn, rước Phật và Chúng Tăng. Phật biết, dạy Chúng Tăng mỗi người đọc câu : Thần Chú : "Tam bát la khư đa", thuốc độc tự nhiên tiêu hết.
(Rút trong bộ Tứ Phần Luật).
- (8) **Bánh Mạn Đầu :** Đời Kỷ Nguyên Gia Cát Lượng đánh giặc phía Nam, binh tướng lội qua sông, theo phong tục, chặt đầu Dê, đầu Heo cúng tế hoặc lấy bột nắn hình đầu người mà tế đó, nên nay có tên là bánh "Mạn Đầu" bây giờ không làm bánh đầu Người mà làm bánh kiểu khác như

bánh ú, bánh ít chẳng hạn, nhưng làm bằng bột gạo thì xuất sanh được.

- (9) **Tứ thơ** : (*Bốn sách*) 1.- Sách Đại Học, 2.- Sách Trung Dung, 3.- Sách Luận ngữ, 4.- Sách Mạnh Tử.
- (10) **Ngũ Kinh** : (*Năm kinh*) 1.- Kinh Thi, 2.- Kinh Thư, 3.- Kinh Lễ, 4.- Kinh Dịch, 5.- Kinh Xuân Thu thêm kinh Nhạc là sáu Kinh.
- (11) **Thất Chi tội** : (*7 món tội*) Thân có ba tội : 1.- Sát sanh, 2.- Trộm cắp, 3.- Dâm ô - Miệng có bốn tội : 1.- Nói dối, 2.- Nói thêu dệt, 3.- Nói hai lưỡi, 4.- Nói lời hung dữ.
- (12) **Bảy phần Bồ Đề** : 1.- Trạch Pháp. 2.- Tinh Tấn, 3.- Mừng Đạo, 4.- Trừ Tà, 5.- Bỏ phiền não, 6.- Chánh Định, 7.- Chánh Niệm.
- (13) **Thập Sử** : (*mười món sai khiến ta đi đường tà*) 1.- Tham, 2.- Sân, 3.- Si, 4.- Mạn, 5.- Nghi, 6.- Thân Kiến (*chấp ngã*), 7.- Biên Kiến (*chấp một bên*), 8.- Tà kiến (*chấp bậy*), 9.- Kiến thủ (*chấp chặt*), 10.- Giới thủ (*giữ theo giới Ngoại đạo*).
- (14) **Thập Lực** : (*Mười trí lực của Đức Như Lai*) :
- 1.- *Giác xứ phi xứ trí lực.*
(Có trí lực biết chỗ Đạo lực và không phải Đạo lực).
 - 2.- *Tri tam thế nghiệp báo trí lực.*
(Có trí lực biết tất cả nhơn quả nghiệp báo của chúng sanh trong ba đời).
 - 3.- *Tri chư Thiên giải thoát Tam Muội trí lực.*
(Có trí lực biết các Pháp thiên định giải thoát Chánh Định).
 - 4.- *Tri chư Thiên Định, cập bát giải thoát Tam Tam Muội chi trí lực.*
(Có trí lực biết các pháp thiên định và pháp giải thoát Tam Tam Muội).
 - 5.- *Tri chủng chủng giải trí lực.*
(Có trí lực biết tất cả tâm niệm chúng sanh mỗi mỗi hiện biết).

6.- *Tri chủng chủng giới trí lực.*

(Có trí lực đối thế gian chúng sanh, các cảnh giới không đồng mà như thật khắp biết).

7.- *Tri nhứt thế sở chỉ đạo trí lực.*

(Có trí lực biết chỗ đi đến như giữ ngũ giới, thập thiện đi đến cõi người cõi trời, tri pháp Chánh Đạo đi đến cõi Niết Bàn vân vân...)

8.- *Tri Thiên Nhân vô ngại trí lực.*

(Dùng phép thiên nhân thấy chúng sanh, sanh tử và thiện ác nghiệp duyên không ngăn ngại.)

9.- *Tri túc mệnh vô lậu trí lực.*

(Có trí lực biết mạng trước chúng sanh và biết cõi Niết Bàn thanh tịnh).

10.- *Tri viễn đoạn tập khí trí lực.*

(Có trí lực đối tất cả các tập khí vọng hoặc đoạn hẳn không sanh, biết một cách như thật vậy. (Rút trong bộ Trí Độ Luận).

- (15) **Tứ hỷ** : (4 việc mừng) 1.- Vui mừng vì sự trong sạch, ít sự ưa thèm năm món dục lạc, 2.- Vui mừng về sự tu nhiều hạnh tốt được xa lìa các món vui của đời sanh diệt, 3.- Vui mừng không còn lầm lỗi, được cái vui pháp chánh định, 4.- Vui mừng về sự đổi cái vui Đời thành cái vui Đạo được cái vui chúng quả Bồ Đề.
- (16) **Tám ruộng phước** : 1.- Ruộng chư Phật, 2.- Ruộng Thánh Nhơn, 3.- Ruộng Chúng Tăng, 4.- Ruộng Hòa Thượng, 5.- Ruộng A Xà Lê, 6.- Ruộng Cha, 7.- Ruộng Mẹ, 8.- Ruộng người bệnh. Nếu thành tâm cúng dường tám bực này thời được phước vô lượng. Tám bực này dụ như ruộng tốt, nếu gieo giống xuống ruộng tốt thì tức nhiên được kết quả tốt.
- (17) **Cầu tâm** : (tâm tham) Muốn chủ nhà thương yêu, nên nói "cầu tâm" (tham danh lợi, sua nịnh, bợ đỡ).
- (18) **Nghiêu, Thuấn bệnh chư** : Nghĩa là vua Nghiêu vua Thuấn là bực Thánh mà còn bị những tiếng chê - phê bình.

- (19) **Súc sanh còn sợ người xin** : Xưa có hai ông Tỳ kheo thấy con Rồng thường đến đi nhiều làm rộn, 2 ông nhơn bạch Phật. Phật dạy ngày khác nếu thấy Rồng đến, người hỏi xin hột châu nơi cổ Rồng. Tỳ kheo y thế, khi thấy Rồng đến, xin hột châu kia, từ đây Rồng không dám đến nữa.
- (20) **Huỳnh Môn** : Tức là người không phải nam cũng không phải nữ
- (21) **Niết Bàn Tăng** : Tức là cái "quần" vậy.
- (22) **Ngũ phần pháp thân** : Tức Giới, Định, Huệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến.
- (23) **Tứ Vô Lượng Tâm** : Tức là Từ, Bi, Hỷ, Xả.
- (24) **Dâm Nữ tạm mang y** : Tức cô Hoa Sắc Tỳ kheo, thân trước làm người Dâm Nữ vô chùa của cô Ni, lấy y mặc rồi nói chơi như vậy : "Cha ! Nếu tôi được làm Tỳ kheo, tôi sẽ đắp y này" Quả nhiên, sau đức Phật Thích Ca ra đời được gặp Phật xuất gia làm Tỳ kheo ni, thành A La Hán quả v.v...
- (25) **Người Thợ Săn mượn mặc** : Thuở trước, nước Ba La Nại, trong núi Tiên Thánh có 500 vị Bích Chi Phật ở tu trong đó, có một con Sư Tử tên là Kiên Thệ, thân lông sắc vàng. Thấy một vị Bích Chi Phật vui mừng thân cận, thường đến một bên để nghe Ngài tụng Kinh thuyết Pháp.
- Một bữa nọ có anh Thợ Săn, thấy con Sư Tử lông sắc vàng muốn lột da nó, đem dung vị Quốc Vương, để hưởng bổng lộc, Thợ Săn mưu kế, cũng cạo đầu, cạo râu, mặc áo, đắp y, in hịch như Ông Sa Môn, giấu cung tên trong áo, rình bắn Sư Tử. Sư Tử tưởng là Tỳ kheo thật cúi mình quỳ gối liếm dưới chân :
- Sa Môn giả rút cung bắn, tên thấm thuốc độc, Sư Tử rống hộc, chùng chờ muốn nhảy tới nhai cắn.
- Nhưng mà Sư Tử nghĩ : Trước mình được nghe thuyết pháp, thà chết chứ không dám hại Ông Sa Môn mặc y hoại sắc, là phép nêu của Thánh Hiền.
- Ôi ! Nếu ta giết mạng ông này, tức là đạt tướng nêu của hiền Thánh. Vậy ta nay không nên khởi tâm ác, thà rằng mạng chung để cầu giải nghiệp nhiều kiếp.

Nói rồi hai chân sau chõng lại, hai cẳng trước chấp như Ông Thầy xá Phật nói bài kệ qua đời v.v...

Rõ như trong Kinh Báo Ân có thuật sự tích này.

(16) **Tứ dân** : Tức là kẻ, Sĩ, Nông, Công, Thương.

(17) **Bỏ vàng gánh gai** : Kinh nói : Có hai người Bạn, trong nước bị họa, nhân dân đói khổ bỏ theo nước ngoài. Lúc đi học đường, không có tiền tiêu dụng. Hai người cùng gánh gai đi bán, gánh đi một hồi, thấy tiền bạc. Một người bỏ gai, gánh tiền. Một người không chịu bỏ gai nói : "Công ta gánh từ lâu bỏ uổng". Người gánh gai đồng đi với người gánh tiền. Đi một hồi lâu, gặp một hầm vàng. Người gánh tiền bỏ tiền gánh vàng. Còn người gánh gai cũng vẫn còn gánh gai. Cũng vẫn nói : Gai ta gánh từ hồi nào đến giờ không chịu bỏ. Đây là nói : Người cố chấp lối hủ lậu cũ kỹ, mà không biết cải cách duy tân. Tức là người gánh gai kia vậy.

(18) **Chiên Đà La** : Tức là người hàng thịt.





QUI SƠN CẢNH SÁCH

TỰA

"Cảnh Sách" là gì ?

"Cảnh Sách" là thực tình, hay nói bằng cách khác là răn dạy, như : Cha dạy con, Thầy dạy trò, Anh dạy em v.v...

"Đời" đã thế ! "Đạo" cũng thế.

Bộ CẢNH SÁCH này không ngoài mục đích ấy.

Tổ "Qui Sơn" nhìn thấy đời mặt pháp, đoàn hậu học trẻ nãi và biếng lười. Vì muốn thực tình răn dạy đoàn hậu học trên đây, nên Ngài viết ra bộ CẢNH SÁCH này, mục đích như thế !

Người đọc bộ CẢNH SÁCH này, trước hết xét phần mình có tinh tấn hay không tinh tấn, nhiên hậu tự sửa chữa để thêm được phần xuất sắc.

Dịch giả cũng yêu cầu các bạn đồng học chớ sớm vội buông lời khen chê, chỉ e mang lấy khẩu nghiệp khổ thân !

Chúng ta cũng nên xét qua thế sự. Có người đã mang nghiệp chướng ê chề, mà không lo tu tập ăn năn, thấy kẻ khác có một vài chút khuyết điểm thì bươn bả phỉ báng, chê bai ! Ngạn ngữ có câu : "Việc người thì sáng, việc mình thì quáng".

Bởi các cơ trên đây, dịch giả thành thật khuyên qui bạn đồng học, hãy rán chí tu tập tinh tấn và tinh tấn thêm lên !

Để chi ? - Để trả ơn Bà tâm (lòng từ bi) của Tổ thay lời Đức Phật dạy bảo và khỏi phụ chí xuất gia của mình đã thệ nguyện với đấng Từ Phụ !

Dịch giả cũng tự xin cảnh cáo trước cùng quý bạn đồng học : Bộ CẢNH SÁCH này, nguyên văn Hán tự, chú thích và lời "Ký" của dịch giả không được suôn như nguyện... Cũng có đôi phần làm phiền độc giả, nhưng mong rằng : "Sự hiểu ý quên lời" và câu : "Tạo chúc cầu mình. Đọc thơ cầu lý" mà quý độc giả hỷ xả cho một vài phần... và vẫn biết rằng : "Y kinh giải nghĩa, tam thế Phật oan, ly kinh nhất tự, tức đồng ma thuyết".

Song dịch giả sắp bộ CẢNH SÁCH này "Âm" và "Nghĩa" đối chiếu, tiện cho các bạn vừa đọc chữ "Âm", vừa dò qua bên "Nghĩa" để tự học thêm; vì thấy các em nhỏ ở chùa có phần thờ ơ với sự tu học, vừa học đó quên đó. Sự tiến triển có chút trậm trễ.

Vậy, mùa đông năm nay, dịch giả lưu trú tại học đường Tăng Già Tự, giảng bộ CẢNH SÁCH này và phiên dịch ra Việt ngữ. Cũng nhờ công đức quý vị học sinh, biên tập thành pho !

Cơ hội tốt, nhơn viên đầy đủ nên vừa phiên dịch xong là vừa xuất bản. Nghiễm nhiên vừa kết tập xong, liền xuất bản thì chi cho khỏi những sự sai lầm và khuyết điểm ! Vậy nguyên do xuất bản quyển CẢNH SÁCH này, nó có những căn cứ đã kể.

Sự thật, Dịch giả xin thú thật cùng quý bạn đọc rằng : "Dịch giả chẳng phải cầu danh hay tự đắc :"

Cúi xin mười phương quý Đạo hữu bất xả từ bi gia tâm phủ chính. Rất trân trọng và trân trọng !!!

Mùa đông năm Canh Dần
Phật Lịch : 2.513
PHƯỚC BÌNH

TÁN LƯ HƯƠNG

Lư trầm vừa đốt, pháp giới hương xông,
Bao nhiêu hải hội, Phật cảm thông;
Đâu cũng kết mây hồng, lòng thành con
trông,
Chư Phật hiện trên không.

NAM MÔ HƯƠNG VÂN CÁI BỒ TÁT, MA HA
TÁT.

*

KÊ KHAI KINH

Pháp màu vô thượng rất thắm sâu.
Trăm nghìn muôn kiếp khó tìm cầu.
Con nay nghe thấy chuyên trì niệm,
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm màu.

NAM MÔ BỐN SỨ THÍCH CA MƯU NI PHẬT.

QUY SƠN CẢNH SÁCH

CÚ, THÍCH, KÝ, TỰ

Sanh tử sự đại, tấn tốc vô thường, học Đạo nhưn, đương thời khắc dĩ thử vi niệm. Nhật Nguyệt dị mai, nhược phát vân lai. Sanh giả bất tu, tử tương hề cụ ? Thao thiết lậu tập, thành vi khả sĩ ! Thử QUI SƠN CẢNH SÁCH chi sở dĩ tác dã.

Đánh Hồ, "Tại" Hòa thượng, phu dương diệu đạo, dụ hồi lai học, truân khổn thiết đốc, tương dịch bị chí.

Ngẫu nhất nhất Đại Chúng thỉnh Sư khai thị QUI SƠN CẢNH SÁCH tông thú. Sư dĩ vô ngại huệ biện, duyệt khả chúng tâm nhưn phục thỉnh Sư phân khoa, cú thích, sử Cảnh Sách chi chỉ đồng nhiên. Vô luận Thượng Triết, Trung Lưu, giai khả tuần tu tất nghệ chí đạo.

Sư chi thượng túc "Thạch Tiển Quýnh Công" ký Sư nhất tiền xuyên diễn chi ngôn, Chú vu chương mặt, như cầm thêm hoa, như cao trợ minh. Thị Thơ đại hữu bi vu hậu học; phỉ tế cố dã. Đọc thị Thơ giả, nhi như kiến

**TỔ "QUI SƠN" LÀM VĂN "CẢNH SÁCH"
ĐỨC "HOẰNG TÁN" GIẢI TỪNG CÂU.
NGÀI "KHAI QUÝNH" LÀM LỜI KÝ,
ÔNG "KHOÁN VỆ" VIẾT BÀI TỰA.**

Luận rằng : "Sanh Tử" là việc lớn mau chóng không thường. Người học Đạo, chính trong mỗi giờ mỗi khắc, lấy đây làm mỗi nghĩ. Bởi ngày tháng mau qua, bằng qua rồi khó mong trở lại. Sống đây chẳng lo tu, chết đem món gì theo ? Tham lam thói hèn, thật là đáng hổ. Sở dĩ Ngài "Qui Sơn" làm văn CẢNH SÁCH này là vậy.

Ở non Đảnh Hồ Ngài "Tạì Tham Hòa Thượng" mở bày đạo màu, dạy dỗ kẻ đến học, gắn bó dốc thiết, dìu dắt đủ điều.

Tình cờ một bữa nọ trong Đại Chúng thỉnh thầy (tổ) khai thị tông thú bộ QUI SƠN CẢNH SÁCH. Thầy dùng huệ vô ngại biện giải, ưa thích lòng chúng. Nhưn đây lại thỉnh Thầy phân từng khoa giải từng câu, làm cho tông chỉ văn CẢNH SÁCH này thông suốt. Không luận bậc Thượng kiệt kẻ Trung lưu ai cũng có thể noi theo đây mà tu hành, đều đến chỗ chí Đạo (*thành Phật*).

Đệ tử lớn của Thầy là ông "Thạch Tiển Quýnh Công", nhớ những lời giảng dạy của Thầy ngày trước, chú giải nơi sau bài. Như gắn thêm hoa, như dầu giúp sáng. Sách này rất bổ ích cho kẻ hậu học, chẳng phải cơ nhỏ vậy. Người đọc sách này cũng như thấy Tổ "Qui Sơn" vậy, và cũng như thấy Ngài Tạì Tham Hòa Thượng cùng Tổ Qui

"QUI SƠN", diên nhi như kiến tại Hòa Thượng dữ Qui Sơn. Dị khẩu đồng tâm, năng suy tòng thượng, Phật Tổ kiệt lực vị nhơn chi xứ dữ Đại chúng tương khuyến miễn tư cảnh diên.

Tích "Đại An" Thiền Sư vân : Ngã tại "Qui Sơn" tam thập niên khán thủy hổ ngư kim biến tác lộ địa bạch ngư thường tại diện tiền, chung nhật lộ Quynh Quynh địa, sấn diệc bất khứ, thử chơn khả vị năng tự "Cảnh Sách" giả dã.

Ngô nguyện thiên hạ học đạo nhơn, giai dĩ "Đại An Thiền Sư" năng tự "Cảnh Sách" giả, nhi sách chi.

Thời "Thuận Trị", "Canh Tý" tuế lập ngoạt, "Ngung Sơn" đệ tử "Khoán Vệ", thơ vu "Long Giang" sơn lộc.

"Đại Nam", "Duy Tân", tứ niên tuế "Canh Tuất" chánh ngoạt, Tri chỉ Bí Số "Nguyên Huấn" tân thơ.

QUI SƠN CẢNH SÁCH cú thích ký, thất thập lục chi. Pháp hội "Nguyên Loan", "Nguyên Mỹ" đẳng, phát tâm trùng tử.

"Hà Đông", "Thường Tín", "Phú Xuyên" "Khai Thới", "Cổ Liêu" xã, "Quang Lăng" thôn, "Viên Minh tự" tàng bản.

Sơn, tuy khác miệng mà vẫn đồng một tâm, rồi hay suy lần, lên bực "Phật Tổ" chỗ hết sức vì người; mới cùng Đại Chúng khuyên lơn răn nhắc với nhau vậy.

Xưa ngài "Đại An Thiên Sư" nói : "Ta ở non Qui Sơn" 30 năm chăn con trâu đen ⁽¹⁾ nằm dưới nước, bấy giờ nó trở thành con trâu trắng ⁽²⁾ đứng trên bờ, thường ở trước mặt, cả ngày bày chỗ sờ sờ, đuổi mãi mà nó cũng chẳng chịu đi, thế mới thật đáng gọi là hay tự "Cảnh Sách" lấy mình đó vậy.

Tôi nguyện sao trong thiên hạ, những người học Đạo, ai cũng rán bắt chước Ngài "Đại An Thiên Sư" hay tự "Cảnh Sách" lấy Ngài mà sách tấn phần mình ấy vậy.

Thời kỳ "Thuận Trị" năm Canh Tý, tháng chạp, non "Ngung Sơn" đệ tử tên "Khoán Vệ" viết bài tựa này tại chân núi đất "Long Giang".

Nước "Đại Nam", Triều vua "Duy Tân" năm thứ tư, nhằm năm "Canh Tuất" tháng giêng, bực Tri Chỉ Bí Sở là ông "Nguyên Huấn" mới biên vô đây.

BỘ QUI SƠN CẢNH SÁCH cú, thích, ký cộng giấy 76 tờ.

Tại Pháp hội : Ông "Nguyên Loan", ông "Nguyên Mỹ" và các ông, phát tâm khắc bản lại.

Bản này để tại chùa "Viên Minh", thôn "Quang Lăng", làng "Cổ Liêu", tổng "Khai Thới", huyện "Phú Xuyên", phủ "Thường Tín", tỉnh "Hà Đông".

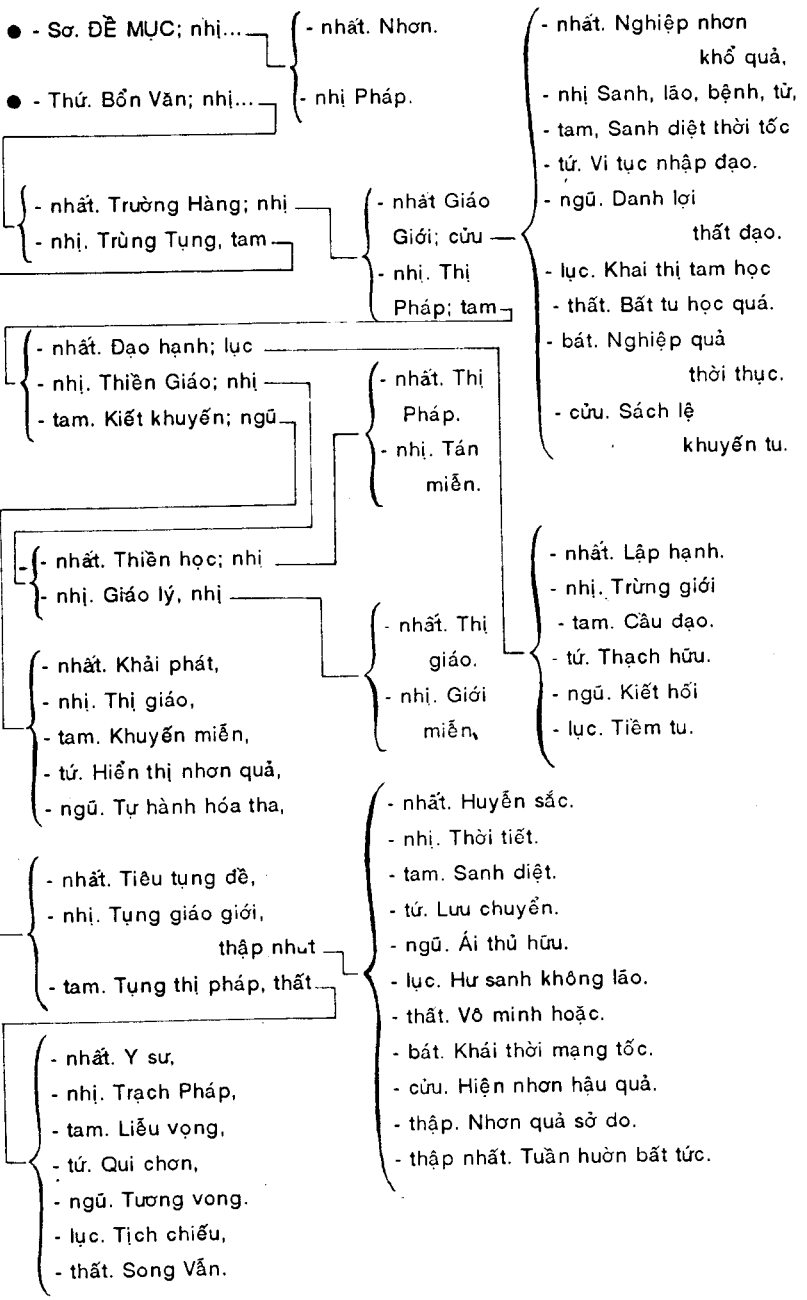
*

(1) Con Trâu đen : (Tâm vô minh, đen tối, tức tâm chúng sanh).

(2) Con Trâu trắng : (Tâm Giác ngộ, sáng suốt, tức tâm Phật).

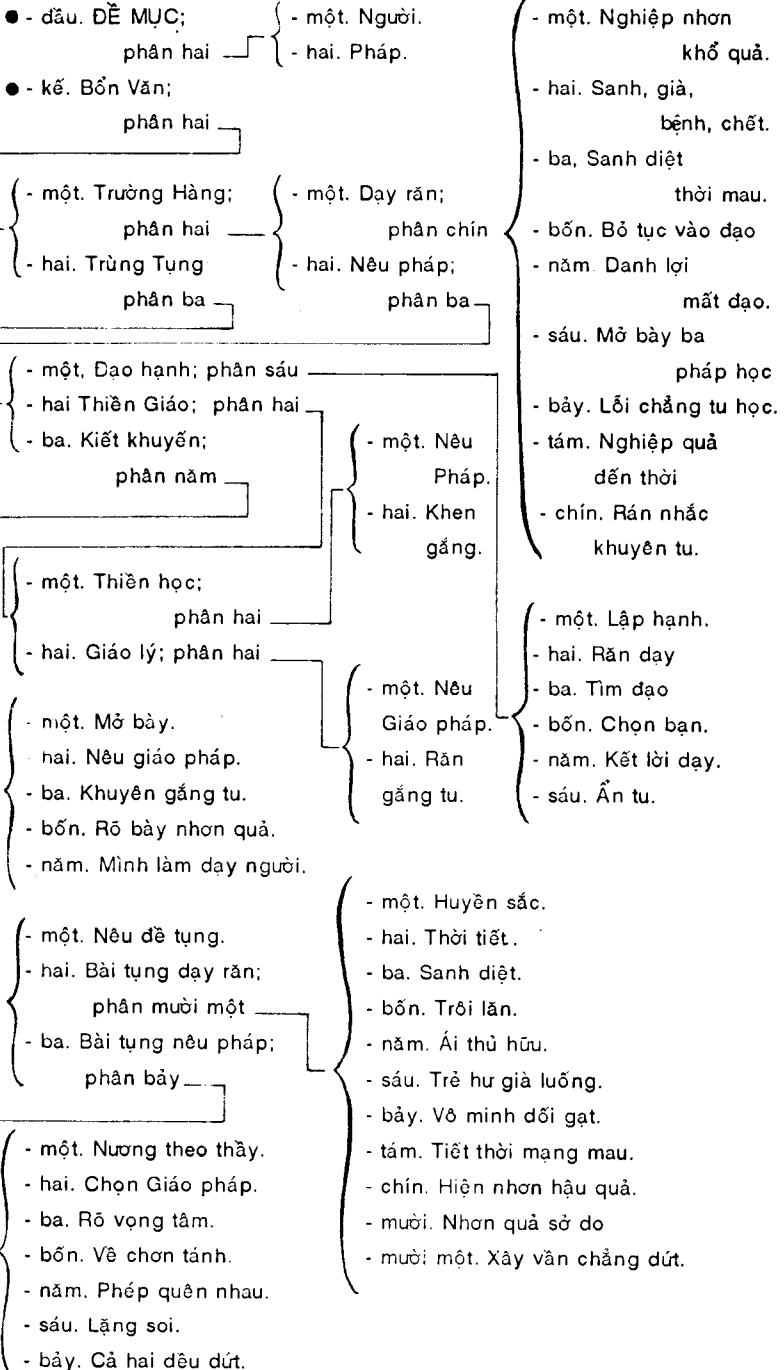
QUI SƠN CẢNH SÁCH, CÚ THÍCH KHOA VẤN

Thích thứ Cảnh Sách, đại khoa phân nhị



QUI SƠN CẢNH SÁCH, CỤ THÍCH KHOA VĂN

Giải văn Cảnh Sách, đại khoa phân làm hai



PHỤ PHÁP HỘI

DUYÊN KHỞI

Uẩn ư Bính Ngũ Hạ, Pháp Hội Tỳ kheo Nguyên Loan, Nguyên Mỹ đẳng, đồng tâm thơ khắc, Phật Tổ Tam Kinh. Toại Sư chú bốn, thiêm gia chương mục âm nghĩa, dĩ bị quan lãm.

Thiết niệm "Qui Sơn cổ Phật" "Hoàng Tán Đại sư" dị khẩu đồng tâm, tuyên dương cảnh sách. Tỉ ấu học dĩ tầm nguyên, dải lão thành nhi xuất thế. Minh tâm kiến tánh, cai "Thiền Giáo Luật" chi tam Tông, đặc chỉ qui căn, tổng "Giới Định Huệ" chi tam học.

Cổ kim dị thế túy trác đồng thời. Thích ca phục kiến ư Đường Triều, Văn Thù tái sanh vu minh đại hĩ.

Cố tái đồng tâm thơ khắc, dĩ quảng kỳ truyền bá tán số từ vĩnh di chư hậu, vân nhĩ.

*

NƠI PHÁP HỘI

PHỤ LỜI DUYÊN KHỞI

Ông "Nguyễn Uẩn" trong mùa Hạ, năm "Bính Ngọ" tại Pháp Hội Tỳ Kheo : "Nguyễn Loan", "Nguyễn Mỹ" và các ông, đồng tâm biên khắc, bộ "Phật Tổ tam kinh". Ngài "Toại Sư" chú giải bốn văn. Còn tôi (Nguyễn Uẩn) thì viết thêm mấy chỗ "Chương Mục âm nghĩa" cho đủ xem.

Tôi trộm nghĩ Tổ "Qui Sơn Cổ Phật" Ngài "Hoàng Tán Đại Sư" khác miệng đồng lòng, tỏ bày răn nhắc. Khiến kẻ nhỏ học biết chỗ tìm nguồn, đến khi lớn khôn mới mong xuất tục. Được minh tâm kiến tánh, gồm thông "Thiền Giáo Luật" ba Tông, đăng ý chỉ về cội căn, tóm thành "Giới Định Huệ" ba phép học.

Xưa nay đời khác, lời lẽ in nhau, thật là Phật "Thích Ca" hiện lại trào nhà "Đường", đức "Văn Thù" tái sanh nhà "Minh" đó vậy.

Cho nên chúng tôi, đồng tâm biên khắc bộ này lại, để rộng lưu truyền; kính khen đôi lời hằng để lại đời sau và đời sau nữa vậy.



QUI SƠN CẢNH SÁCH

QUYỂN THƯỢNG

QUI SƠN CẢNH SÁCH

CÚ THÍCH KÝ

QUYỂN THƯỢNG

*Việt Đông, Đánh Hồ Sơn, Sa môn
Thích Hoàng Tấn Tại Tham chú
Môn nhơn, Tỳ kheo Khai Quýnh ký*

**Tương thích thử văn, Đại khoa phân nhị :
Sơ thích đề mục. Thứ thích bốn văn.**

**SƠ THÍCH ĐỀ MỤC, NHỊ :
NHẤT : NHƠN - NHỊ : PHÁP**

NHẤT : NHƠN

QUI SƠN

**Đề mục tứ tự. Thượng nhị tự, thị năng
thuyên chi Nhơn. Hạ nhị tự thị Sở thuyên chi
Pháp. Nhơn dĩ sơn vi xưng; pháp dĩ cảnh sách
vi mục.**

Nhơn dĩ sơn vi xưng giả.

**Sơn cứ Trường Sa quận Tây Bắc, nhơn Su
cư chi, dĩ tôn nhơn cố nhị xưng sơn dã.**

BỘ QUI SƠN CẢNH SÁCH CÚ THÍCH KÝ

QUYỂN THƯỢNG

Tỉnh Việt Đông, non Đảnh Hồ, Sa môn Thích Hoàng Tấn hiệu Tại Tham chú giải bốn văn. Kẻ môn non, Tỳ kheo Khai Quynh làm lời ký.

Sắp giải văn này, Đại khoa phân 2 : Đầu giải đề mục, kế giải bốn văn.

ĐẦU GIẢI ĐỀ MỤC, PHÂN 2 :

1.) "NHƠN" - 2.) "PHÁP"

1. "NHƠN"

QUI SƠN :

Bốn chữ Đề mục : "QUI SƠN CẢNH SÁCH" hai chữ trên, là Người hay nói : Hai chữ dưới là Pháp bị nói. "Người" ấy hòn núi xưng tên. "Pháp" lấy chữ "Cảnh Sách" làm Đề mục.

Người lấy núi làm tên xưng là sao ?

Bởi núi ở Tây Bắc quận "Trường Sa", non Thầy ở đó, do vì người tôn trọng cho nên kêu luôn cái tên núi vậy.

Sư hứ "Linh Hựu" tục tánh "Triệu" "Phước Châu" "Trường Khê" như đá. Niên thập ngũ xuất gia, nhị thập thọ cụ giới. Tinh cứu đại tiểu thừa "Kinh Luật". Nhị thập tam, du "Giang Tây", tham "Bá Trượng Đại Trí Thiên Sư" Trượng nhưt kiến hứa chi nhập thất, toại cư tham học chi thủ.

Nhưt nhưt thị lập thứ. Trượng linh bát lư thủ hỏa. Sư bát vân vô hỏa. Trượng tự khởi thâm bát đắc thiếu hỏa, cử dĩ thị chi viết : Nhữ đạo vô giá cá thị thậm ma ? Sư nhưn nhi ngộ nhập, lễ tạ trần kỳ sở ngộ. Trượng viết : Thứ nãi tạm thời kỳ lộ nhĩ". Kinh vân : "Dục thức Phật tánh nghĩa, đương quan thời tiết nhưn duyên. Thời tiết ký chí, như mè hốt ngộ, như vong hốt úc, phương tỉnh kỷ vật, bất tùng tha đắc". Cổ Tổ sư vân : Ngộ liễu đồng vị ngộ, vô tâm diệt vô pháp, chỉ thị vô hư vọng, Phạm, Thánh đẳng tâm; bốn lai tâm pháp nguyện tự bị túc. Nhữ kim ký nhĩ, thiện tự hộ trì. Sư hậ sung "Điển Tòa" chi chức.

Thời hữu "Tư Mã Đầu Đà" tự Hồ Nam lai vị Trượng viết : "Khoảnh tại Hồ Nam, tầm đắc nhưt sơn danh "Đại Qui" thị nhưt thiên ngũ bá nhưn "Thiện Tri Thức" sở cư chi xứ".

Trượng viết : "Lão Tăng vắng trụ khả hồ ?"
- Đà viết : "Phi Hòa thượng sở cư".

Trượng viết : "Hà dã" ? - Đà viết : "Hòa Thượng thị cốt nhưn, bỉ thị nhục sơn, thiết cư chi đồ bất mãn thiên". Trượng linh "Thị Giả"

Chớ tên thật của Thầy là "Linh Hựu" họ tục là họ "Triệu" người sanh trưởng quận "Trường Khê" tỉnh "Phước Châu" vậy. Mười lăm tuổi xuất gia, 20 tuổi thọ giới cụ túc. Ròng xét "Kinh Luật" đại thừa tiểu thừa. Hai mươi ba tuổi qua đất "Giang Tây", ra mắt Tổ "Bá Trượng Đại Trí Thiên Sư" Tổ một phen thấy cho Thầy hầu gần, bèn ở tham học, là người đầu tiên trong chúng.

Một bữa tới phiên đứng hầu, Tổ sai bươi lò lấy lửa. Thầy bươi rồi nói rằng không lửa. Tổ tự chờ dậy đến bươi sâu đặng chút lửa, gắp dơ lên bảo rằng : "Ông nói không, chớ cái đây là cái gì ?"

Thầy nhơn đấy mà tỏ ngộ, lễ tạ tự trần chỗ tỏ ngộ. Tổ nói : "Thế thời mới đây đã chia đường tách nẻo (*mê với ngộ*) rồi vậy". Hèn chi trong kinh nói : "Muốn biết nghĩa "Phật tánh" hãy coi thời tiết nhơn duyên. Thời tiết đã đến, như mê thoát ngộ, như quên thoát nhớ, mới biết vật đó là vật của mình, chớ chẳng từ cái khác mà đặng".

Cho nên đức Tổ Sư nói : "Ngộ rồi đồng chưa ngộ, không Tâm cũng không Pháp, chính thật không luống dối, dù Phàm, dù Thánh cũng đồng một Tâm, Tâm Pháp như vậy vốn tự xưa nay khảm đủ. Ông nay được rồi phải khéo tự giữ gìn lấy. Thầy sau được Tổ cử làm chức "Điển Tọa".

Bấy giờ có ông "Tư Mã Đầu Đà", từ đất "Hồ Nam" đến bạch Tổ rằng : "Thưa Ngài, Đệ tử ở trong đất Hồ Nam tìm đặng một hòn núi tên là "Đại Qui", phải cảnh của một nghìn năm trăm ông Thiệt Tri Thức ở tu".

Tổ "Bá Trượng" hỏi : "Láo Tăng này qua ở đó đặng chẳng ?" - Đà bạch : "Chẳng phải ở chỗ của Hòa Thượng".

Trượng hỏi : "Sao vậy ?" - Đà thưa : "Hòa Thượng là người già, núi kia là núi trẻ, dù Hòa Thượng qua ở đó, đồ chúng chẳng đủ nghìn người". Bấy giờ Tổ "Bá Trượng"

hoán "Thủ Tòa" lai, vấn viết : "Thử nhơn hà như" ? - Đà thỉnh khánh khái nhất thỉnh hành số bộ.

Đà viết : "Bất khả dã" - Phục hoán "Điển Tòa" lai vấn ? - Đà nhất kiến nãi viết : "Thử chánh thị "Qui Sơn" chủ dã".

Trượng dạ triệu Sư nhập thất chúc vân : "Ngô hóa duyên tại thử, "Qui Sơn" thắng cảnh, nhữ đương cư chi, tự thực ngô tông, quảng độ hậu học".

Sư toại vãng cư diên, kỳ sơn tiêu tuyệt, bàn mộc cùng cốc, kỷ thiên bá lý, vi Bi, Báo, Hồ, Hủy chi trạch, nhơn tích hản chí. Sư dữ Viên Hầu vi bạn, thập "Tượng", "Lật" sung xan, kinh lục thất tải. Hương dân xảo tri, suất chúng cộng dinh phạm võ. Do thị Đạo truyền Thiên Hạ. Thiên học bức tấu, toại kiến "Qui Ngưỡng" nhất Tông. Phu dương chánh giáo, tứ thập dư tải, đắc ngô giả, bất khả thắng số, nhập thất giả, tứ thập nhất nhơn.

Ư "Đường", "Thái Trung" thất niên, chánh ngoạn cửu nhật, quán thấu phu tọa, di nhiên nhi hóa. Thế thọ bát thập tam. Tăng lập lục thập tứ. Thập ư bốn sơn Nam Phụ, sắc thị "Đại viên Thiên sư" Thập viết : "Thanh tịnh".

Ký viết : "Truyện vân Sư trụ "Qui Sơn" nhật cửu, tự tri tiền thân tăng vi "Việt Châu" thôn tự, tụng PHÁP HOA kinh Tăng. Sư thị tịch tuế, khứ "Như Lai" diệt độ nhất thiên bát bá linh nhị niên hĩ. Tư Mã Đầu Đà, kỳ nhơn nội bí Trục chỉ Tông, ngoại huấn Nhơn luân chi giám, kiêm cùng Địa lý chư phương sáng Tự đa thủ quyết diên. Thủ tòa túc Huê Lâm Hòa thượng dã.

sai "Thị giả" đòi ông "Thủ Tọa" đến hỏi rằng : "Người này ra sao"? - Đà đáp : "Xin tặng hăng một tiếng, đi vài bước coi thử".

Đà nói : "Không được vậy", Tổ lại kêu ông "Điển Tọa" đến hỏi ? - Đà một phen thấy liền nói : "Mô Phật, ông này chính là ông chủ "Qui Sơn" vậy".

Tổ Bá Trượng ban đêm đòi Thầy vào thất dặn rằng : "Ta hóa duyên ở đây, non "Qui Sơn" là thắng cảnh, người phải qua ở đó nối nắm dòng ta, rộng độ kẻ hậu học".

Thầy vâng mệnh qua ở vậy. Núi kia cao vót, cây rậm hang thẳm, mấy nghìn trăm dặm, làm hang cho những Beo, Gấu, Tây, ⁽¹⁾ Cọp ở, dấu chân người ít đến. Thầy cùng làm bạn với loài Vượn Khỉ, lượm trái "Tượng" trái "Lật" đỡ bữa ăn, trái sáu bảy năm. Dân trong làng lần biết rủ nhau chung cất một ngôi chùa. Do đây Đạo truyền trong thiên hạ. Kẻ Thiền học đông nhiều, bèn lập một "Tông Qui Ngưỡng", mở bày chánh giáo hơn bốn mươi năm, người tỏ ngộ không thể kể xiết, bậc Thượng trí bốn mươi một người.

Nhằm đời "Đường" niên hiệu "Thái Trung", năm thứ bảy, tháng giêng ngày mùng chín, Ngài rửa mặt súc miệng, ngồi Kiết Già, vui vậy về Phật. Tuổi đời 83, tuổi Đạo 64. Thập ngài cũng dựng hòn núi này "Qui Sơn" về khu phía Nam. Vua ban hiệu ngài là "Đại Viên Thiền Sư" Thập đề hai chữ "Thanh Tịnh".

Lời Ký nói : *"Trong truyện chép Thầy ở non "Qui Sơn" lâu ngày, tự biết thân trước của Thầy làm ông sư tụng kinh PHÁP HOA ở chùa làng "Việt Châu". Năm Thầy thị tịch cách đức "Phật Như Lai" diệt độ một nghìn tám trăm lẻ hai năm vậy. Ông "Tư Mã Đầu Đà" là người trong tâm chứa cái Tông Trực Chỉ (Phật pháp) ngoài thân hiện các dạng như luân (người Đời) gồm thông sách Địa lý, các phương lập chùa phần nhiều nhờ ông quyết đúng vậy. Ông Thủ Tọa tức ngài "Huê Lâm" Hòa Thượng vậy.*

(1) "Tây" hay "Tê" hay "Hùy" : con Hùy, tức là con Tê giác cái. Sừng nó dùng làm chén uống rượu, ta quen đọc là Tê, trong tự điển đọc là Hùy.

NHỊ : PHÁP**CẢNH SÁCH**

Thử nhị tự, nãi nhất quyền văn chi Tông trí dã. Cảnh vị cảnh chư vị ngộ. Sách vị sách chư hậu tấn. Thời "Qui Sơn" Đại sư nhơn đồ pháp mặc, tình tộ nhất tư. Tăng đồng lậu tục, thao thiết giải đãi, vô hướng thượng chí, toại tác thử cảnh sách dĩ hiểu ngộ miễn tấn diên.

Ký viết : "Án chư Kinh Luận hoặc dĩ đơn "Nhơn" vi danh, hoặc" dĩ đơn "Pháp" vi danh, hoặc dĩ "Nhơn", "Pháp" vi danh. Kim thử CẢNH SÁCH, chánh dĩ Nhơn. Pháp vi danh

QUI SON nhị tự, thị hậu nhơn sở trí, phi Đại sư tự lập. Như thường đồ chú thuật, ư Đề mục hạ, biệt xuất tác giả danh, Kim tự đề trung tiêu xuất, cố dĩ "Nhơn", "Pháp" vi danh dã.

THỨ THÍCH BỐN VĂN NHỊ :**SƠ : TRƯỜNG HÀNG - THỨ : TRÙNG TỤNG****SƠ.- TRƯỜNG HÀNG NHỊ :****NHẤT : GIÁO GIỚI - NHỊ : THỊ PHÁP****NHẤT.- GIÁO GIỚI, CỬU :****Nhất : Nghiệp nhơn khổ quả****Nhị : sanh lão bệnh tử Tam : sanh diệt thời tốc****Tứ : vi tục nhập đạo Ngũ : danh lợi thất đạo****Lục : khả thị tam học Thất : bất tu học quá****Bát : nghiệp quả thời Cửu : sách lệ khuyến tu.****thục.**

2.- "PHÁP"

CẢNH SÁCH

Hai chữ "Cảnh Sách" đây là cái Tông Chỉ của một quyển văn. Chữ "Cảnh" là răn các người chưa ngộ. Chữ "Sách" là nhắc những đoàn hậu tấn. Khi đó ngài "Qui Sơn" Đại Sư, như thấy đời "mạt pháp", tình tệ ngày càng thêm. Ông Thầy đồng một thói què hèn như người "Thế tục" ham hố tham lam biếng nhác, không có chí hướng cao thượng, nên ngài mới làm văn "Cảnh Sách" đây, để nhắc thức gắng tới.

Lời Ký nói : *Xét trong các bộ Kinh Luận hoặc có bộ riêng lấy tên "Người" làm tên (bộ) hoặc có bộ riêng lấy tên Pháp làm tên. Hoặc có bộ lấy luôn cả tên Người và tên Pháp làm tên. Như bộ CẢNH SÁCH này đây, chính lấy tên Người, tên Pháp làm tên.*

Hai chữ "QUI SƠN" là người đời sau đặt để chỗ chẳng phải ngài Đại Sư tự lập. Như theo lối thông thường các nhà chú thuật, Kinh chi, Luận chi nơi dưới "Đề mục" (nhân đề) có riêng nêu tên của "Tác giả". Song nay bộ CẢNH SÁCH này tới trong Đề mục mới nêu ra, cho nên lấy cả tên người và tên Pháp kèm tên của bộ sách này vậy. (Tên Người : "Qui Sơn", tên Pháp : "Cảnh Sách").

KẾ GIẢI BỐN VĂN, PHẦN 2 :

Trước : TRƯỜNG HÀNG - Sau : TRÙNG TỤNG

Trước : TRƯỜNG HÀNG, phân HAI :

1) Dạy răn. - 2) Nêu Pháp.

1.- Dạy răn phân CHÍN :

- 1) Nghiệp như khổ quả
- 2) Sanh, Già, Bệnh, Chết,
- 3) Sanh diệt thời mau,
- 4) Bỏ tục vào Đạo.
- 5) Danh Lợi lỗi Đạo.
- 6) Mở bày pháp Tam Học
- 7) Lỗi không tu học.
- 8) Nghiệp quả thời đến.
- 9) Răn nhắc khuyên tu.

NHẤT : NGHIỆP NHƠN, KHỔ QUẢ

Phù nghiệp hệ thọ thân, vị miễn hình lụy

Thượng cú, minh "Nghiệp quả", hạ cú, minh chúng khổ. Thử thị nghiệp hệ khổ tướng. Nghiệp thuộc quá khứ. "Khổ quả" thuộc hiện tại. Ngôn kỳ "Nhơn trung hữu hệ, cố kỳ "Quả" trung hữu lụy. Lụy phi nhất trí, cố vân : "Chúng khổ".

Chúng khổ giả. Lược ngôn tam khổ, bát khổ. Quảng tác bát vạn tứ thiên trần lao chư khổ. Cái do "Phàm phu" bất liễu tự tâm, khởi hoặc tạo nghiệp. Dĩ nghiệp hệ phược cố, nan miễn "Phân đoạn" sanh tử chi hình lụy.

"Thiên Thai" vân : "Nhất thiết hữu vi "Tâm hạnh" thường vi vô thường hoạn lụy chi sở bức não, cố danh vi "Khổ". TRÍ LUẬN vân vô lượng chúng sanh hữu tam chướng thân khổ : Lão, Bệnh, Tử. Tam chướng tâm khổ : Tham, Sân, Si. Tam chướng hậu thế khổ : Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

PHÁP CÚ kinh vân : Tích hữu tứ Tỳ kheo, luận thế khổ sự. Nhứt ngôn, thâm dục não nhơn. Nhất ngôn, cơ khát bức thể. Nhất ngôn, sân nhuế nhiều loạn. Nhất ngôn, kinh bố khủng cụ cộng cạnh thị phi.

Phật ngôn : "Nhữ đẳng sở luận, bất cứu khổ nghĩa thân vi chư khổ chi bản; chúng hoạn chi nguyên, đương cầu tịch diệt, thử vi tối lạc.

Ký viết : "Phù vạn lụy bốn ư thân hữu. Thân do nghiệp hệ nhi sanh. Nghiệp nhơn phiền não nhi đắc, dĩ phiền não vô minh hoặc cố, tác chúng hạnh nghiệp. Do tư nghiệp

1- "NGHIỆP, NHƠN, KHỔ QUẢ"

Luận nghiệp đời trước buộc chịu thân đời này Song đã có thân đời này, không mấy ai tránh khỏi cái khổ lụy của thân.

Câu trên nói rõ "Nghiệp Quả" câu dưới chỉ rành các khổ. Đây là nghiệp buộc ràng mới có ra các tướng khổ. Nghiệp nhơn thuộc về đời quá khứ. "Quả khổ" thuộc về đời hiện tại. Nghĩa là trong cái "Nhơn" có gây buộc, nên trong cái "Quả" có khổ lụy. Song khổ lụy không phải một cái, cho nên nói : "Các khổ".

"Các khổ" là gì ? - Nói hẹp có ba khổ và tám khổ. Nói rộng thời có tám vạn bốn nghìn trần lao các khổ. Bởi do chúng "Phàm phu" không rõ tự tâm, nên tạo nghiệp làm bậy. Do vì nghiệp ràng buộc khó khởi khổ lụy của thân sống chết "Phân đoạn" (*lúc làm Người rồi lại làm súc từ phần từ đoạn*).

Ngài Thiên Thai nói : "Tất cả "Tâm Hạnh" hữu vi, thường bị những cái vô thường nó ép ngặt; cho nên gọi là "khổ". Luận Trí Độ nói : "Vô lượng chúng sanh có ba món khổ của thân : Già, Bệnh, Chết. Ba món khổ của Tâm : Tham, Sân, Si. Ba món khổ về đời sau : Địa ngục, Ngạ quỷ, và Súc sanh".

Kinh Pháp Cú nói : "Xưa có bốn ông Tỳ Kheo, luận việc khổ của đời. Một ông nói, dâm dục hại người là khổ. Một ông nói, đói khát ép mình là khổ. Một ông nói, giận giối rối loạn là khổ. Một ông nói, kinh bố khiếp là khổ, cùng nhau tranh đua phải với quấy".

Phật nói : "Chỗ luận của các ông, vì không xét cái nghĩa khổ, thân là gốc các khổ, nguồn các hoạn, các ông phải cầu về cõi vắng lặng "Tịnh độ", thế mới là rất vui".

Lời Ký nói rằng : *Luận muôn sự khổ lụy gốc ở nơi thân mà có. Thân do nghiệp buộc ràng mà sanh. Nghiệp nhơn phiền não mà mắc, vì do vô minh phiền não phình phờ, làm*

cố, hệ phục hữu tình bất đắc giải thoát. Cố ư Tam giới, lục đạo trung thọ chủng chủng thân hình chúng khổ chi lụy. Thị tắc nhơn nghiệp thọ thân, thân hườn tạo nghiệp. Hữu thân tất khổ, hữu hình tất lụy".

Lão Tử diệc vân : "Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân, ngô nhược vô thân, hà hoạn chi hữu. Dục đắc vô thân, tu đắc vô tâm, tâm vi nghiệp dụng, nghiệp tùng duyên khởi. Nhược nhất niệm vô sanh, hoạn lụy cu quyên".

Cổ "Triệu" luận vân : "Vạn lụy tư chương, bốn ư vọng tưởng. Vọng tưởng ký khu, tắc vạn lụy đô túc. Ngôn tam khổ giả : Khổ khổ . Hoại khổ . Hành khổ. Vị chúng sanh thọ ư hữu lậu, ngũ ấm phân đoạn chi thân, tánh thường bức bách thị vi khổ, hựu dữ "khổ thọ" tương ung, túc khổ thượng gia khổ cố danh "Khổ khổ".

Nhược lạc tướng hoại thời, khổ tướng tức chi, thị danh "Hoại khổ". Hữu lậu chi pháp tứ tướng thiên lưu, thường bất an ổn. Cố viết "Hành khổ".

Bát khổ giả ? . Vị " Sanh khổ, Lão khổ, Bệnh khổ, Tử khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ ấm thanh khổ. Vị Sanh, Lão, Bệnh, Tử đẳng, chúng khổ tụ tập, cố danh Ngũ ấm thanh khổ dã.

Ngôn "Phân Đoạn" giả ? . Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, sở chấp pháp tướng bất vọng, thọ ư biến dịch sanh tử chi khổ. "Phàm phu" vi ái kiến sở phú bất liễu cảnh giới hư vọng, khởi hoặc tạo nghiệp, thọ ư phân đoạn sanh tử chi khổ.

Ngôn "Phiền não" giả ? . Vị hôn phiền chi pháp, não loạn tâm thần, dữ tâm tác phiền, linh tâm đắc não Lược tắc tam độc thập ác, quảng tắc bá bát phiền não, nãi chí bát vạn tứ thiên chư "Trần Lao" môn. "Trần Lao" môn, túc vạn lụy dã.

các, hạnh nghiệp. Do vì nghiệp ấy ràng buộc chúng hữu tình, không được rảnh rang. Cho nên ở trong ba cõi sáu đường, đầu thai làm thân này thân khác, chịu cái lụy của các khổ. Thế là hơn nơi nghiệp buộc mới chịu thân này; thân lại gây nghiệp đời sau nữa. Có thân ắt có khổ, có hình ắt có lụy".

Ông Lão Tử cũng nói : "Ta có đại hoạn vì ta có thân; bằng ta không thân, hoạn nạn đâu có. Nhưng muốn đừng không thân, cần nhất không tâm vọng; vọng tâm là cái dụng gây tạo nghiệp, nghiệp từ các duyên phát khởi. Nếu một niệm không sanh vọng, thời bao nhiêu hoạn lụy đều dứt".

Nên ngài Triệu Pháp Sư luận rằng : "Muôn lụy có nhiều, gốc tại vọng tưởng. Vọng tưởng đã trừ, muôn lụy đều hết. Nói ba khổ là gì ? 1) Khổ khổ. - 2) Hoại khổ. - 3) Hành khổ. Bởi chúng sanh chịu cái thân phân đoạn, ngũ ấm, hữu lậu, tánh thường ép ngặt, thật là khổ, lại tương ưng với món "Khổ thọ"; tức nói thân này đã khổ, lại thêm cái khổ của hoàn cảnh nữa, cho nên gọi "Khổ khổ".

Bằng khi tướng vui sắp hoại, tướng khổ liền đến ấy gọi "Hoại khổ". Những pháp Hữu lậu, bốn tướng (sanh, trụ, di, diệt) dời đổi, không thường an ổn. Cho nên nói "Hành khổ".

Tám khổ là gì ? - Nghĩa là : Sanh khổ, Già khổ, Bệnh khổ, Chết khổ, khổ thương yêu xa lìa, khổ oán ghét gặp gỡ, khổ cầu chi không toại ý, khổ thân ngũ ấm lầy lừng. Tóm lại Sanh, Già, Bệnh, chết vân vân... Các khổ nhóm hợp : cho nên gọi khổ ngũ ấm lầy lừng vậy.

Nói chữ "Phân đoạn" là gì ? - Hàng Thanh vân, Duyên Giác và Bồ tát, vì chưa quên được cái tướng chấp pháp nên phải chịu cái khổ chết sống thay ngôi đổi bực. Chúng "Phàm phu" bị màng "ái chấp" tử che không rõ cảnh giới giữa này là một cảnh giới hư vọng, nên tạo nghiệp làm bậy mà phải chịu cái khổ sống chết từ phần tử đoạn.

Nói "Phiền não" là gì ? - Tức những việc tối tăm rộn rục, rối loạn tâm thần, nó làm cho tâm phải sanh phiền, nó khiến cho tâm phải bực tức, những cái đó đều gọi là "Phiền não". Nhưng tóm lược thời Ba độc Mười ác, rộng nói thời "108 Phiền não", cho đến "84.000" các cửa trần lao. Các cửa trần lao tức muôn sự khổ lụy vậy.

NHỊ : SANH, LÃO, BỆNH, TỬ

BẮM phụ mẩu chi di thể, giả chúng duyên nhị cộng thành.

Thượng cú, minh sắc bốn. Hạ cú, minh giả hiệp. Thử nhị cú tổng thuộc sanh pháp, tức vạn lụy chi nguyên dã. "BẮM" tức bám thọ. Thể, tức tứ đại sắc thân.

Tùng sơ nhất niệm điên đảo, lăm phụ mẩu xích, bạch nhị uế vi thân, cố viết "Di thể". Giả chúng duyên giả ? - Giả vị giả tá, diệc tạ dã.

Chúng duyên tức "Tứ đại", "Lục Căn" cập "Thập nhị nhưn duyên".

VIÊN GIÁC Kinh vân : Tứ duyên giả hiệp, vọng hữu lục căn. Lục căn, tứ đại trung ngoại hiệp thành.

Ngôn "Tứ đại" giả ? - Tức Địa, Thủy, Hỏa, Phong, kỳ thể các dị trung vô thiệt tánh, diệc vô chủ thể, năng tự hòa hiệp vi thân. Tất tạ túc, nhưn chúng duyên, tam sự nhị thành, nhưn duyên bất cụ, sắc tức bất trụ.

Thập nhị nhưn duyên giả ? - Sở vị thử hữu, cố bỉ hữu, thử sanh cố bỉ sanh. "Tùng "Vô minh" duyên "Hành". "Hành" duyên "Thức". "Thức" duyên "Danh Sắc". "Danh Sắc" duyên "Lục Nhập". "Lục Nhập" duyên "Xúc". "Xúc" duyên "Thọ". "Thọ" duyên "Ái". "Ái" duyên "Thủ". "Thủ" duyên "Hữu". "Hữu" duyên "Sanh". "Sanh" duyên "Lão Tử".

2) - SANH, GIÀ, BỆNH, CHẾT

Chịu vóc thân cha mẹ để lại, mượn các duyên mà chung nên.

Câu trên nói rõ cội gốc của sắc thân. Câu dưới chỉ rành mượn các duyên hiệp thành sắc thân. Song hai câu này cũng thuộc về một chuyện sanh thân, nhưng thân tức là cội gốc muôn điều khổ lụy vậy. Vưng chịu Tà gọi chữ "Bẩm", vóc thân tức là sắc thân tứ đại.

Thế nào là để "sắc thân tứ đại" ? - Từ một niệm đầu điên đảo, chen vào hai chất như tinh huyết cha mẹ làm thân, nên gọi để "vóc thân tứ đại".

Mượn các duyên là gì ? - Mượn là cậy mượn, cũng như nương nhờ vậy. Các duyên tức "Bốn đại", "Sáu căn" và "Mười hai nhưn duyên".

Kinh VIÊN GIÁC nói : "Bốn đại", các duyên giả hiệp quấy có "Sáu căn". "Sáu căn", bốn đại trong ngoài hiệp thành.

"Bốn đại" là gì ? - Tức Địa đại, Thủy đại, Hỏa đại và Phong đại, thể mỗi "đại" mỗi khác, trong không "thật tánh" cũng không "đại" nào làm chủ thể cho "đại" nào, chỉ tự hay hòa hiệp với nhau làm thành thân đó thôi. Vẫn hay hòa hiệp làm thành thân, nhưng ắt phải nhờ các "nhưn duyên" đời trước với "ba việc" mới thành, nếu "nhưn duyên" không đủ, tức sắc thân này cũng chẳng còn.

Nhưng "nhân duyên" ấy có 12 "nhân duyên". Mười hai "nhân duyên" là gì ? - Chỗ gọi rằng đây có cho nên kia có đây sanh cho nên kia sanh. Tức từ "Vô minh" duyên "Hành", "Hành" duyên "Thức", "Thức" duyên "Danh Sắc", "Danh sắc" duyên "Lục nhập" "Lục nhập" duyên "Xúc", "Xúc" duyên "Thọ", "Thọ" duyên "Ái", "Ái" duyên "Thủ", "Thủ" duyên "Hữu", "Hữu" duyên "Sanh", "Sanh" duyên "Lão tử".

Khởi ưu bi khổ não, như thị thuần đại khổ huẩn tích tập nhi sanh. Nhiên thứ "thập nhị pháp", triển chuyển năng cảm "quả", cố danh "Nhơn". Hồ tương do tạ nhi hữu, vị chi "Duyên". Nhơn duyên tương tục tác sanh tử, vãng hườn vô tế. Nhược phá vô minh bất khởi "Thủ Hữu", tác tam giới nhị thập ngũ hữu Sanh Tử giai tức.

Sở vị, thứ vô cố bi vô, thứ diệt cố bi diệt. Tùng "Vô minh" diệt, tác "hành" diệt, nãi chi "lão tử ưu bi khổ não", thuần đại khổ huẩn tích tập giai diệt hĩ.

Ký viết : "Thân giả chúng duyên sở thành. Duyên hiệp tác khởi nhi vi "Sanh". Duyên tán tác diệt nhi vi "Tử".

Thị dĩ pháp tùng duyên cố bất hữu. Duyên khởi cố bất vô. Kỳ tùng duyên hữu cố vô. "Chơn tế thường chủ".

CHỈ QUÁN vân : "Tùng đầu túc chi tiết, nhật nhật đế quán, liễu bất kiến hữu ngã, hà xứ hữu nhơn, cập dữ chúng sanh. "Nghịệp lục" cơ quan, giả vi không tự. Tùng chúng duyên sanh, vô hữu chủ tế dã.

Thập nhị Nhơn duyên giả ? . Diệc danh "duyên khởi" hữu danh "duyên sanh". Vị tiên vô kỳ sự, nhi tùng bi sanh danh chi vi "Nhơn" Tố hữu kỳ phần, nhi tùng bi khởi, danh chi vi "Duyên".

Nhật viết "Vô minh" túc hôn ám chi nghĩa. Vị quá khứ thế phiền não chi hoặc, phú cái "Bổn Tánh", vô sở minh liễu dã.

Khởi ra những chuyện lo buồn khổ não, như vậy toàn một đồng khổ to chứa nhóm mà sanh ra. Song 12 Pháp "nhân duyên" này đắp đổi xây vắn hay cảm sanh ra "Quả" cho nên gọi "Nhân". Đắp đổi nương nhau mà có gọi là "Duyên" - "Nhân duyên" nối chuyền, thì đường "sanh tử" lại qua, qua lại không dứt. Nếu muốn dứt đường "sanh tử" trước phải phá cội gốc "vô minh" không chấp "Thủ Hữu" thì "Ba cõi" "25 loài", sanh tử đều dứt.

Như trên đã nói, đây không, cho nên kia không, đây dứt, cho nên kia dứt. Từ "vô minh" dứt, thời "Hành" dứt, nhấn đến "Già, Chết, Lo buồn, Khổ não", toàn một đồng khổ ta chứa nhóm đều dứt hết vậy.

Lời Ký nói : *Thân này đã mượn các duyên hiệp lại mà thành. Các duyên hiệp lại có ra gọi là "Sanh". Các duyên tan rã thời thân này tiêu diệt nên gọi là "Tử".*

Thế nên do các pháp từ "nhân duyên" giả hợp, nên không phải thật có. Vì "nhân duyên" giả có, nên không thể nói không. Đã từ "nhân duyên" giả hợp mà có, chứ không phải thiệt có, cho nên không có ai làm chủ tế chơn thường vậy.

Trong bộ CHỈ QUÁN Phật dạy : Phải quán sát từ đầu đến chân, lóng đốt, mỗi mỗi xét coi, hoàn toàn không thấy cái gì là cái của ta, cái thân đã không có, làm sao có thân người với cùng chúng sanh. Chẳng qua là cơ quan "nghiệp lực" mượn các duyên giả hợp mà làm thành một khối thân giả dối. Song đã từ các "nhân duyên" giả hợp mà sanh ra, cho nên không có ai làm chủ tế vậy.

Mười hai nhân duyên là gì ? - Cũng kêu "duyên khởi", cũng kêu là "duyên sanh". Bởi trước kia không có việc đó, nhưng từ các nhân duyên giả hợp mà có sanh, nên gọi là "nhân". Sẵn có phần "nhân" ấy, như nhờ các duyên giả hợp kia nên mới có thân này gọi là "duyên".

1.- "Vô minh" tức nghĩa tối tăm. Bởi vọng hoặc phiền não đời quá khứ, che lấp "bản tánh", không được sáng tỏ vậy.

Nhị viết "Hành". "Hành", tức "hành nghiệp". Vị quá khứ thể thân khẩu, tạo tác nhứt thiết thiện, bất thiện nghiệp dã. Thử nhị chi thị quá khứ nhơn.

Tam viết "Thúc". Thúc tức "thúc tâm". Vị do quá khứ hoặc nghiệp tương khiên, trí linh thử thúc đầu thác mẩu thai. Nhất sát na gian nhiễm "Ái" vi chủng, nạp tướng thành thai, tức lăm phụ mẩu "Tinh huyết" nhị đích hiệp thành nhất đích đại như đậu tử. Trụ thai tạng trung, dữ "tam sự" hòa hiệp nhật "Mạng", nhị "Noãn", Tam "Thúc", thị trung hữu "báo phong", "y phong" danh vi "thọ mạng". "Tinh huyết" bất xử bất lãng danh vi "Noãn", thị trung "Tâm ý" danh vi "Thúc". Như thị tam sự, khuyết nhứt tắc hủ bại bất trụ.

Thử thị nhập mẩu thai trung sơ thất nhất vị, danh "Ca La Lạp", trạng như ngưng tô. Tùng thử dĩ hậu, tùy mẩu khí tức thượng, hạ, thất nhứt nhất biến.

CHỈ QUÁN vân : "Nhơn thác thai thời, thần thất thử dĩ tinh huyết hiệp, đái tư tại "tề". Tề năng liên trì, vị tề ký vi chư trường vị chi nguyên, tại thai chi thờ, dĩ mẩu chi tề, chú tử chi tề. Cố mẩu sở thực, tùng tề nhi thập, dĩ tư ư tử, khí tức diệc nhĩ. Tử sơ tại thai, y ư mẩu tức, cố tục danh tử dĩ chi vi tức.

Tứ viết "Danh Sắc". Danh tức thị "Tâm". Vị "Tâm" dẫn hữu danh tự, nhi vô hình chất dã. Sắc tức "Sắc chất". Vị tùng thác thai hậu, chí đệ ngũ cá thất nhất danh "Hình vị". Sanh chư căn hình, tứ chi phân biệt, thị danh vi "Sắc". Dĩ phụ mẩu "tinh huyết" vi "thân căn" chủng. Thúc tại kỳ trung, cố hiệp danh "Danh sắc".

Ngũ viết "Lục Nhập". Vị tùng nhập thai dĩ hậu, chí đệ lục cá thất nhất, danh "Phát, Mao, Trảo, Xì" vị, chí đệ thất cá thất nhất danh cụ căn vị. Vị "Lục Căn" khai trương hữu nhập "Lục Trần" chi dụng, cố danh "Lục nhập".

2.- "Hành". Hành tức "hành nghiệp". Bởi thân khẩu đời quá khứ, gây tạo những nghiệp thiện và bất thiện vậy. Hai cái này là nhân của đời quá khứ.

3.- "Thức". Thức tức "thức tâm". Bởi hoặc nghiệp đời quá khứ lôi cuốn, làm cho cái "thức" này, gá vào thai mẹ. Trong một sát na, nhiễm "Ái" làm hột giống, nhận "tưởng" thành thai. Liền vin vào hai giọt "Tinh Huyết cha mẹ", hiệp thành một giọt lớn như một đậu. Ở trong thai tạng cùng "ba việc" hòa hợp : 1. "Mạng" 2. "Noãn" 3. "Thức". Trong "ba việc" đây có "Báo Phong" (vọng thức) có "y phong" là y báo ở trong thai bào gọi là "thọ mạng". Tinh huyết không hôi không rửa gọi là "noãn" (hơi ấm) trong đó đủ cả tâm ý (tám thức) gọi là "Thức". Như vậy ba việc, thiếu một thì hư nát chẳng còn.

Đây là vào trong thai mẹ cái vị bảy ngày đầu tiên, tên "Ca La Lạp" trạng như chất sữa đặc. Từ đây sắp đến cứ theo hơi thở bà mẹ xuống lên, bảy ngày một phen biến đổi.

Trong bộ CHỈ QUÁN nói : "Khi người gá vào thai mẹ, thần thức mới cùng tinh huyết hợp lại, vương dính nơi rún. Rún hay luôn giữ, đã gọi rún là nguồn của trường vị (Bao tử), khi ở trong thai, do rún mẹ thấm qua rún con. Cho nên mẹ ăn uống, từ rún mà vào để giúp đứa con, hơi thở cũng thế. Đứa con trước, ở trong thai, theo hơi thở bà mẹ; cho nên tục gọi đứa con là hơi thở của bà mẹ".

4.- "Danh Sắc". "Danh" tức là "Tâm". Bởi tâm là một cái chỉ có danh tự kêu gọi mà không có hình chất vậy. "Sắc" tức "Sắc chất". Bởi từ khi gá thai mẹ sắp sau đến bảy ngày thứ năm kêu là "Hình vị". Bởi các căn hình đều sanh, tay chân có đủ nên gọi là "sắc". Lấy tinh huyết cha mẹ làm hột giống "thân căn". "Thức tâm" ở trong đấy nên hợp cả tên gọi của "Tâm" và hình chất của "thân căn" chung kêu là "Danh sắc".

5.- "Lục Nhập". Bởi từ khi vào thai mẹ sắp sau đến bảy ngày thứ sáu gọi là "Phát, Mao, Trảo, Xĩ vị" (vị này có đủ tóc, lông, móng, răng) đến bảy ngày thứ bảy tên "Cụ căn vị". Bởi "6 căn" mở bày, có vào cái dụng "6 trần", nên gọi "Lục nhập".

Lục viết "Xúc". Xúc tức "Xúc đối". Vị từng xuất thai nữ chí tam tứ tuế thời, nhân, nhĩ, tỳ, thiệt, thân, ý chi "lục căn", tuy xúc "Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp" chi "Lục Trần"; nhi vị năng liễu sanh khổ lạc chi tướng, cố danh vi "Xúc".

Thất viết "Thọ". Thọ tức "Lãnh nạp" chi nghĩa vị ngũ lục tuế, chí thập nhị tam tuế thời, "lục căn" xúc đối "lục trần" tức năng nạp thọ tiền cảnh hảo ó đặng sự. Tuy năng liễu biệt, nhiên vị khởi tham ái dâm nhiễm chi tâm dã, thử ngũ chi thị hiện tại quả.

Bát viết "Ái". Ái tức "tham ái". Vị từng thập tứ ngũ tuế chí thập bát cứu tuế thời, tham chủng chủng thắng diệu tư cụ, cập dâm dục đặng cảnh; nhiên du vị năng quảng biến truy cầu, cố danh vi "Ái".

Cửu viết "Thủ". Thủ tức "cầu thủ". Vị từng nhị thập tuế hậu, tham ái chuyển thanh, ư Sắc Thanh, Hương, Vị, Xúc, ngũ trần chi cảnh; tứ phương trì cầu, cố danh vi "Thủ".

Thập viết "Hữu". Hữu tức "hậu hữu". "Nhon quả" chi bất vong dã. Vị nhon cầu thủ chư cảnh, khởi thiện ác nghiệp, tích tập khiên dẫn, đương sanh "Dục giới", "Sắc giới", "Vô Sắc giới", tam hữu chi "quả" dã, (thử tam chi thị hiện tại nhon).

Thập nhất viết "Sanh". Sanh tức "thọ sanh". Vị kim sanh sở tác thiện ác chi nghiệp, lai thế ư tam giới lục đạo trung thọ sanh dã.

Thập nhị viết "Lão tử". Lão tức "căn thực". Tử tức "Căn hoại". Vị lai thế thọ sanh dĩ, chí "ngũ ấm" thân thực danh "Lão", thực dĩ hoại diệt danh "Tử", (Thử nhị chi thị vị lai chi quả).

Tư thập nhị chi thị tam thế "Nhon quả" tuần hườn bất đoạn chi pháp. Dĩ do "quá khứ" thế vô minh hành vi nhon, cảm tư hiện tại "Thức", Danh sắc", "Lục nhập", "Xúc", "Thọ" vi Quả; do tư quả cố khởi "Ái, Thủ, Hữu" vi hiện tại chi Nhon. Do tư nhon cố, chiêu cảm vị lai thế "Sanh, Lão, Tử"

6.- "Xúc". Xúc tức "xúc đối". Bởi từ khi ra khỏi thai đến khi 3, 4 tuổi, "mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý", "6 căn" tuy xúc đối với những món "Sắc, Thanh Hương, Vị, Xúc và Pháp" "6 trần"; mà chưa có thể rõ biết sanh những tướng khổ và vui cho nên gọi là "Xúc".

7.- "Thọ". Thọ tức nghĩa "Lãnh Nạp". Bởi khi 5, 6 tuổi, đến 12, 13 tuổi "sáu căn" xúc đối với "sáu trần" liền hay nạp thọ những tốt và xấu, những cảnh trước mặt. Tuy hay rõ biết, song chưa khởi tâm tham ái đắm nhiễm, (năm món này là quả đời hiện tại).

8.- "Ái". Ái tức "tham ái". Bởi từ 14, 15 tuổi đến khi 18, 19 tuổi, tham đủ thứ đồ đạc tốt đẹp và những cảnh dâm dục v.v... ; song cũng chưa hay rộng khắp tìm cầu, nên gọi là "Ái".

9.- "Thủ". Thủ tức "cầu thủ". Bởi từ 20 tuổi về sau tham ái càng thịnh, đối những nào Sắc, nào Thanh, Hương, Vị, Xúc, năm trần : bốn phương tìm cầu cho nên gọi là "Thủ".

10.- "Hữu". Hữu tức thân "hậu hữu". Vì "nhân quả" không mất vậy. Bởi nhân tìm lấy những cảnh rồi khởi nghiệp thiện và ác chứa nhóm kéo lôi, nên đời sau phải sanh trong cõi "Dục Giới" "Sắc Giới" và cõi "Vô Sắc Giới", "quả" trong ba cõi vậy, (ba món này là nhân hiện tại).

11.- "Sanh". Sanh tức "thọ sanh". Bởi đời nay tạo những nghiệp thiện và ác, qua đời sau ở trong ba cõi, sáu đường đầu thai vậy.

12.- "Lão tử". "Lão" tức các căn "chín mùi". "Tử" tức là các "căn hư hoại". Nghĩa là đời sau thọ thai sanh ra rồi, đến chừng thân "Ngũ ấm" chín mùi gọi là "Lão", chín mùi đã hoại diệt gọi "Tử", (hai món này là quả vị lai).

Tóm lại mười hai món "nhơn duyên" đây là pháp "nhân quả" xoay vần trong ba đời không dứt. Bởi do đời quá khứ "vô minh" duyên "hữu" làm nhân, cảm đến đời hiện tại.

"Thức" "Danh sắc", "Lục Nhập", "Xúc", "Thọ" đây làm "Quả" vì do quả đây, khởi ra "Ái, Thủ, Hữu" làm cái "Nhân" đời hiện tại ; Do vì nhân đây, nên chiêu cảm quả "Sanh Già

chi quả; quả phục tạo "Nhơn", "Nhơn" phục cảm "Quả". Tam thể tương tục, vô hữu gián đoạn, như xa luân chuyển, cố viết "Luân Hồi".

Tuy nãi, "Tứ Đại" phò trì, thường tương vi bội.

Thượng cú, "giả hiệp", Hạ cú, "Quai thuận".

Phù : "Nhơn lãm ngoại "Địa, Thủy, Hỏa. Phong" hiệp tập thành thân, cộng tương phò dục, chấp trì mạng căn trụ thọ nhất kỳ. Nhiên ư kỳ trung, thường tương quai thuận. Nhất "đại" bất đều, bá nhất bệnh sanh. Tứ đại bất đều, tắc tứ bá tứ bệnh, đồng thời cu tác.

Sở ngôn "đại" giả ? Vị thứ tứ pháp, vô xứ bất hữu, biến chư phương vức, cố xưng vi "Đại". Vạn sự vạn hình, giai "tứ đại" thành. Tại ngoại, tác vi "Thổ, Thủy, Sơn, Hà". Tại nội, tác vi tứ chi bá hài, tụ nhi vi "Sanh". Tán nhi vi "Tử".

"Sanh" tác vi nội "Tử" tác vi ngoại. Nội ngoại tuy thù, nhi "Đại" bất dị. Kiên tánh thuộc "Địa", tức "Phát, Mao, Trảo, Xỉ, Bì, Nhục, cân cốt" đẳng. Thử nhược bất giả "Thủy" tác bất hòa hiệp. Thấp tánh thuộc "Thủy", tức thể thóa tinh dịch đại tiểu tiện lợi đẳng. Thử nhược bất giả "Địa", tác tiện lưu tán, Nhiệt tánh thuộc "Hỏa", tức thân trung noãn khí. Nhược bất giả "Phong", tác bất tăng trưởng. Động tánh thuộc "Phong" tức xuất nhập tức, cập thân chi

Chết" đời vị lai "Quả" lại tạo "Nhân", "Nhân" lại cảm "Quả". Ba đời nối nhau, không có xen hở, như bánh xe quay tròn lên xuống, xuống lên, cho nên gọi "Luân Hồi".

Tuy là thân "Tứ Đại" giữ gìn, nó thường trái nghịch với nhau.

Câu trên "Bốn đại giả hiệp". Câu dưới "Bốn đại khi trái khi thuận".

Luận rằng : "Thân người ta ngoài nhờ Đất, Nước, Gió, Lửa" hiệp lại thành thân, cùng nhau giúp đỡ giữ gìn thân mạng sống trong một thời kỳ. Song ở trong đó thường trái và thuận với nhau. Như trong một "đại" không hòa, thì một trăm một bệnh sanh ra. Bốn đại không hòa thời bốn trăm bốn bệnh đồng thời sanh ra.

Chữ "đại" là gì ? - Bởi bốn pháp đây, khắp cùng phương cõi không chỗ nào là không có, cho nên gọi là "Đại". Muôn sự muôn vật đều nhờ "bốn đại" này mà thành lập. Bốn đại này ở ngoại cảnh, thời làm cảnh "Đất, Nước, Non, Sông". Ở trong nội thân, thời làm cảnh bốn chi trăm vóc, bốn đại khi nhóm hiệp thời thân này sống còn, gọi là "Sanh". Khi tan rã thân này hoại diệt gọi là "Tử".

"Sanh" thời làm trong thân. "Tử" thời làm cảnh ngoài. Trong ngoài tuy khác, mà "bốn đại" vẫn một. Tánh cứng thuộc "Địa đại", tức như "Tóc, Lông, Móng, Răng, Da, Thịt, Gân, Xương" v.v... "Địa đại" đây nếu không nhờ "Thủy đại" thời không hòa hiệp. Tánh ướt thuộc "Thủy đại" tức như nước mũi, nước miếng, tinh dịch, nước đại tiểu tiện v.v... "Thủy đại" đây nếu không nhờ "Địa đại" đắp ngăn thời trôi chảy luông tuồng. Tánh nóng thuộc "Hỏa đại", tức như hơi ấm trong mình. "Hỏa đại" đây nếu không nhờ "Phong đại" thời không thể tăng trưởng. Tánh động thuộc "Phong đại" tức như hơi thở ra, hơi thở vào và sự động chuyển của thân.

động chuyển. Nhược vô thử "Phong", tắc thân bất năng động chuyển thi vi. Nhiên thử "tứ đại", "tánh bốn" vô hoạn.

Dĩ chúng "Duyên" hiệp tập, tăng tổn tương khắc bệnh hoạn do thị nhi sanh. Cố "Địa" tăng, tắc linh thân trầm trọng. "Thủy" tích, tắc thuế thóa quai thường. "Hỏa" thịnh, tắc đầu hung trán nhiệt. "Phong" động, tắc khí tức kích xung, tức "Trầm Trọng", "Đàm Ấm", "Huỳnh Nhiệt", "Khí Phát", chi bệnh dã.

Do thử tứ bệnh, tắc hữu tứ bá tứ bệnh sanh khởi. "Phong" bệnh bá nhất, "Huỳnh" bệnh bá nhất, "Đàm Ấm" bệnh bá nhất, "Tổng Tập" bệnh bá nhất, Như thị chư hoạn, vô thời bất sanh, cố viết "Thường tương vi bội".

Ký viết : ĐẠI LUẬN vân : "Tứ Đại" vi thân, thường tương xâm hại. Nhất nhất "Đại" trung, bá nhất bệnh khởi. Lành bệnh hữu nhị bá nhị, "Thủy" "Phong" khởi cố. Nhiệt bệnh hữu nhị bá nhị, "Địa" "Hỏa" khởi cố.

"Hỏa" nhiệt tương, "Địa" kiên tương. Kiên tương cố nan tiêu. Nan tiêu, cố năng khởi nhiệt bệnh. Huyết, Nhục Cân, Cốt, Mạch, Tủy đẳng, thị "Địa" phần. Trừ kỳ nghiệp báo giả nhất thiết pháp giai hòa hiệp nhơn duyên nhi sanh dã.

PHỤ HÀNH vân : "Tứ Đại" bất thuận giả, hành dịch vô thời, cường kiện đởm phụ, đường xúc hàng nhiệt. Ngoại nhiệt trợ "Hỏa", "Hỏa" cường phá "Thủy" thị tăng "Hỏa"

Nếu không có "Phong đại" đây thì thân ta không thể chuyển động làm lụng chi cả. Song "bốn đại" đây, "bản tánh" nó không bệnh.

Bởi do nhiều "duyên" hiệp lại có khi tăng khi giảm khác nhau, nên bệnh hoạn do đây mà sanh ra. Bởi vậy một khi "Địa đại" tăng thêm, thì có ra những chứng làm cho thân ta bắt nặng nề. "Thủy đại" tích tụ thì làm những chứng sổ mũi, nước mũi, nước miếng tuôn chảy trái thường. "Hỏa đại" thịnh hành thì làm cho đầu ngực nóng nẩy. "Phong đại" hoạt động thì làm những chứng như ngộp hơi, ách ứ, tức như chứng bệnh "Trầm Trọng", bệnh "Đàm Ấm", bệnh "Huỳnh Nhiệt", bệnh "Khí Phát".

Do bốn bệnh đây mà lan đến bốn trăm bốn bệnh cũng sanh ra. Như bệnh "Phong đại" có 101 bệnh, bệnh "Huỳnh Nhiệt" có 101 bệnh, bệnh "Đàm Ấm" có 101 bệnh, bệnh "Tổng Tập" có 101 bệnh. Những bệnh đây không giờ phút nào không có, cho nên nói câu : "Thường tương vi bội" (nó thường trái nghịch nhau).

Lời Ký nói : Trong ĐẠI LUẬN rằng : "Bốn Đại" hiệp lại làm thân thường xâm hại với nhau. Trong mỗi một "Đại" có 101 bệnh sanh ra. Bệnh lạnh có 202 bệnh là vì "Thủy đại", "Phong đại" khởi ra vậy. Bệnh nóng 202 bệnh là vì "Địa đại" với "Hỏa đại" khởi ra vậy.

Cái tướng của "Hỏa đại" thì nóng mà tướng của "Địa đại" thì cứng. Bởi tướng cứng cho nên khó tiêu. Khó tiêu cho nên thường sanh ra chứng bệnh nóng. Máu, Thịt, Gân, Xương, Mạch, Tủy vân. vân... là về phần của "Địa đại". Trừ người mắc "nghiệp báo" ngoài ra tất cả pháp đều nhờ "nhân duyên" hòa hiệp mà sanh ra vậy.

Bộ PHỤ HÀNH nói : "Bốn Đại" không thuận thì khi ra làm việc không chừng, mạnh mẽ gánh vác xuống đụng lạnh nóng. Ngoài nóng giúp thêm "Hỏa đại", "Hỏa đại"

bệnh. Ngoại hàn trợ "Thủy". "Thủy" tăng hại "Hỏa" thị vi. "Thủy" bệnh. Ngoại phong động khí, khí suy "Hỏa". "Hỏa" động "Thủy", thị vi "Phong" bệnh. Hoặc "Tam Đại" tăng hại ư "Địa" danh "Đẳng Phần" bệnh. Hoặc thân phần tăng hại tam đại, diệc thị "Đẳng phần" bệnh, thuộc "Địa" bệnh.

Ấm thực bất tiết, diệc năng tác bệnh, như cương, quế, tân vật, tăng "Hỏa". Giá, mật, cam lãnh, tăng "Thủy". Lê tăng "Phong". Cao, nị tăng "Địa". Huỳnh qua, vi nhiệt bệnh, nhi tác nhơn duyên, tức thị hám bất an chi thực nhi sanh bệnh dã. "Cổ" vân : "Bệnh tòng khẩu nhập, họa tòng khẩu xuất", thử chi vị dư.

"Vô Thường Lão, ", bất dữ nhơn kỳ.

Thượng cú, minh tam tướng. Hạ cú, minh vô chủ. Tam tướng bốn không, nguyên vô hữu ngã, hà năng tác chủ, nhậm tình dữ chi kỳ khác. "Trừ kỳ thức tâm đạt bốn giả", năng chi, mục giả bất giác dã.

Vô thường giả ?- Vị bốn vô kim hữu, tạm hữu hườn vô, nãi sát na bất trụ chi vị dã. - Tòng xuất thai lai chí "tráng", chí "lão", chí "bệnh", nãi chí "mạng tận". Ứ kỳ trung gian niệm niệm thiên lưu bất trụ, cố viết "Vô thường", diệc tử chi dị danh.

Lão giả ? - Căn thực suy mạo, hình khô, sắc túy tinh thần hôn mục, phát bạch diện trứ, tương tử

"Hỏa" mạnh phá "Thủy đại". Ấy là tăng thêm cái bệnh "Hỏa đại". Ngoài lạnh giúp "Thủy đại". "Thủy đại" tăng nhiều hại "Hỏa đại", ấy là bệnh của "Thủy đại". Gió ngoài thổi động hơi thở, hơi thở thổi "Hỏa đại". "Hỏa đại" động "Thủy đại" ấy là bệnh của "Phong đại". Hoặc ba đại kia tăng nhiều làm hại "Địa đại" gọi bệnh "Đẳng Phần" (Một "đại" bệnh, mấy "đại" cũng đồng bệnh. Dụ như : Đau một ngón tay cả mình đều đau hết nên gọi là bệnh "Đẳng Phần"). Hoặc thân phần Địa đại tăng thêm làm hại cho ba đại kia, cũng có thể nói "Đẳng Phần" bệnh, thuộc về bệnh của "Địa đại".

Ăn uống không chừng cũng hay làm bệnh như ăn gừng, ăn quế, những vật cay, tăng thêm cho bệnh "Hỏa đại". Ăn mía, ăn mật, đồ ngọt lạnh, tăng thêm cho bệnh "Thủy đại". Ăn trái Lê tăng thêm cho bệnh "Phong đại". Ăn dầu mỡ tăng thêm cho bệnh "Địa đại". Ăn trái bí rợ làm nhân duyên sanh ra bệnh nóng, tức là ăn những món ăn không tốt mà phải sanh bệnh vậy. "Cổ nhơn" nói : "Bệnh từ miệng vào, họa từ miệng ra" là nghĩa đây vậy.

"Vô thường, Già, Bệnh". Nó không hện với người.

Câu trên nói rõ ba tướng (Vô Thường, Già, Bệnh). Câu dưới chỉ rành không chủ. Ba tướng vốn không, nguyên không có ta, ai đâu làm chủ, mặc dầu cho nó kỳ hện. "Trừ những bậc thức tâm đạt bốn mới có thể biết rõ" còn những kẻ mê muội không biết vậy.

Vô thường là gì ? - Bởi trước không nay có, nhưng tạm có rồi lại không, chính nghĩa giây phút không dừng vậy. Vì sao ? - Từ khi ở trong thai mẹ "sanh" ra đến lớn, đến "già" đến "bệnh", cho đến "chết". Ở trong khoảng giữa thời gian mỗi niệm mỗi niệm dời đổi không trụ, cho nên nói : "Vô Thường" "Vô Thường" cũng là cái tên chết mà nói bằng cách khác.

"Già" là gì ? - Bởi các căn mê mết kém suy, hình khô sắc héo, tinh thần lẩn lộn, tóc bạc mặt nhăn cái điềm sắp

bất cứu chi vị dã. 'Bệnh' giả ? - "Tứ đại" bất điều, tứ bá từng sanh, thân lực bì bại, ẩm thực bất an, tinh thần giảm tổn, tọa khởi tu nhưn, cố danh vi bệnh. Nhược dĩ pháp thứ đệ tương nhưn, tắc "Tử" tại hậu. Kim dĩ "Vô thường" nhưt pháp, thể biến nhất thiết, cai ư "Sanh, Lão, Bệnh, Tử" chư pháp cố dã.

Ký viết : Tân bất trụ, niệm niệm bất đình, vị chi "vô thường". Kinh vân : Vô Thường lục đại, tấn tốc quá ư sơn thủy. TRIẾT LUẬN vân : "Vô thường" hữu tam chủng : Nhất niệm niệm hoại diệt "vô thường". Nhị, hòa hiệp ly tán "vô thường". Tam, tất cánh như thị "Vô thường".

TAM : SANH DIỆT THỜI TỐC

Triều tồn tịch vong, sát na dị thể.

Thượng cú, ngôn hiện sanh. Hạ cú ngôn hậu thể. Thử nhị cú, tịnh thích "Vô thường" nghĩa. Hạ cánh dĩ tương lộ đẳng, dụ minh.

Ngôn sát na giả ? - Thời chi cực tốc dã. Vị nhưn lâm chung xả thọ, chi tại tối hậu nhưt sát na khoảnh. Tức chư căn hoại nhất thức thiên ly tế, xả thứ cố thân, biệt thọ dư chất thời dã. Thức vị đệ bát thức. Khứ cư điển hậu, lai tiện phong. Nhất sát na gian, lâm phụ mẫu "tinh huyết", trụ thai tạng trung, vi sanh tử chi căn, khổ quả chi nguyên dã.

Ký viết : Thức hữu bát chủng : Nhất Nhân thức. . Nhị, Nhĩ thức. . Tam, Tỳ thức. . Tứ, Thiết thức. . Ngũ, Thân thức. . Lục, Ý thức. . Thất, Mạt Na thức. . Bát, A Lại Da thức

Thí như : Xuân sương hiểu lộ thức hốt tức vô.

chết không bao lâu nữa vậy. Sao gọi là "Bệnh" ? - "Bốn đại" không hòa, thì bốn trăm thứ bệnh sanh ra, thân lực bại hoại, mệt mỏi ăn uống không ngon, tinh thần giảm tổn, ngồi đứng phải nhờ người dìu đỡ, cho nên gọi là bệnh. Nếu cứ lấy theo thứ lớp mà hơn cho nhau, thời cái "Chết" ở sau hết. Song nay nói một pháp "vô thường", thể của nó cũng có thể trùm khắp tất cả "Sanh, Già, Bệnh, Chết" các pháp cơ vậy.

Lời Ký nói : *"Mới mới không trụ, niệm niệm không dừng là cái nghĩa "Vô thường". Kinh nói : "Vô Thường" sức mạnh, mau hơn nước dốc. Bộ TRIẾT LUẬN nói : "Vô thường" có ba nghĩa : 1) Niệm niệm hoại diệt "vô thường" - 2) Hòa hiệp ly tán "vô thường" - 3) Rốt ráo dường ấy "vô thường".*

3) SANH DIỆT THỜI MAU

Sớm còn tối mất, giây phút qua đời khác.

Câu trên là nói hiện đời. Câu dưới là nói đời sau. Hai câu đây đều giải nghĩa "vô thường". Mấy câu sau đây lại lấy những chuyện như mù sương meo móc vân vân... để dụ cho rõ nghĩa "vô thường".

Giây phút là gì ? - Giờ phút rất mau vậy. Tại sao thế ? Bởi người lâm chung bỏ tuổi thọ chỉ ở trong một giây phút (hơi thở) rất sau. Tức là cái ngày của các căn hoại diệt, lúc thần thức xa lìa, giờ phút bỏ thân cũ này, riêng chịu cái xác khác vậy. Chữ "Thức" là nói thức thứ tám. Khi người chết "thức" này đi sau hết. Lúc đầu thai "thức" này đến trước nhất. Trong một giây phút lộn trong "Tinh Huyết" cha mẹ ở trong thai tàng, làm gốc đường "sanh tử" nguồn quả khổ vậy.

Lời Ký nói : *"Thức" có tám "Thức" : 1.- "Nhãn thức", 2.- Nhĩ thức, 3.- Tỷ thức, 4.- Thiệt thức, 5.- Thân thức, 6.- Ý thức, 7.- Mạt Na thức, 8.- A Lại Da thức.*

Ví như : Sương mùa Xuân, móc ban mai, phút chút liền không.

Thượng cú, thiết thể. Hạ cú, thích tánh. Dĩ sương lộ ngộ nhật tức tiêu. Thể ký bất kiên, tánh diệt phi thường. Thí như giả, thiết hướng chi từ, Thúc hốt giả, tạm hữu nhi vô dã.

Ký viết : Bốn văn nhị cú, thị thích Triêu Tồn Tịch Vong nhị cú, tổng minh thời tốc dã "Thúc" giả tốc tạt giả.

TÔNG CẢNH vân : Tuy niên bá tuế, du nhược sát na. Như đông thệ chi trường ba. Tợ tây thùy chi tàn chiếu. Kích thạch chi tinh hỏa. Sâu kích chi tấn cu. Phong lý chi vi dăng. Thảo đấu chi triêu lộ. Lâm nhai chi hủ thọ. Thước mục chi điển quang. Nhược bất ngộ ư "chánh pháp", tất vĩnh trụ ư "U đồ" hỉ.

Ngạn thọ tinh dăng, khởi năng trường cửu.

Thượng cú, xuất thể. Hạ cú, thích nghĩa Lâm nhai chi thọ, phi trường. Nhị thử xâm hàng, khởi cửu.

ĐẠI TẬP kinh vân : "Tích hữu nhất nhơn, tị nhị túy tượng, duyên dăng nhập tỉnh, hạ hữu tam long thổ hỏa trương trảo. Bĩ tức huyền dăng nhi trụ, thượng hữu hắc bạch nhị thử, nghiết dăng tương đoan. Bàng hữu tứ xà dục thích. Kỳ nhơn ngưỡng vọng, nhị tượng dĩ lâm tỉnh thượng. Ưu não vô thác. Hốt hữu phong quá, di mật ngũ đích nhập khẩu, thị nhơn tấp mật, toàn vong nguy cụ.

Kim dĩ nhị túy tượng, dụ "Sanh Tử". Dăng dụ "mạng căn". Nhập tỉnh, dụ "Vô thường". Nhị thử dụ "Nhật Nguyệt" Tứ xà dụ "Tứ Đại". Tam long dụ "Tam

Câu trên lập "thể". Câu dưới giải "Tánh". Bởi cái thể của sương móc không thường, hề gặp mặt trời là phải tiêu. Cái "thể" đã không bền chắc thì "tánh" của nó cũng không sao thường được. Ví như là gì ? - Lập lời thí dụ. "Phút chút" là chi ? Vừa có đó rồi lại không đó.

Lời Ký nói : Hai câu bốn vắn nói trên, là giải hai câu : "Sớm còn tối mất, giây phút qua đời khác" đều nói rõ cái thời mau chóng vậy. Mau chóng Tàu gọi chữ "Thúc"

Bộ TÔN KÍNH nói : Tuy tuổi thọ trăm năm dường như trong một giây phút. Khác nào như lượng sóng rút về biển đông. Như tia sáng "Mặt Trời" lặn về phía Tây. Như nháng lửa đánh đá. Như ngựa câu chạy qua kẻ hở. Như ngọn đèn giữa gió. Như sương ban mai ở đâu ngọn cỏ. Như cây mục đứng bên bờ lở. Như điển chớp lòm mắt. Bằng nay chúng ta không gặp "Chánh pháp" của đức Như Lai, thì sau này hằng sa chốn "U đồ" biết kiếp nào ra khỏi.

Cây trên bờ, dây miệng giếng, dâu đặng lâu dài.

Câu trên chỉ ra cái "Thể" (Cây và Dây). Câu dưới giải nghĩa của nó : Cây bên bờ chẳng phải lâu. Hai con chuột cắn dây gần đứt.

Kinh ĐẠI TẬP nói : Xưa có một người sợ hai con voi say, nắm dây chuyền xuống giếng, dưới có ba con rồng phun lửa đơ móng. Người kia liền đeo theo cái dây tòn ten ở giữa chừng, trên có hai con chuột đen, trắng cắn dây gần đứt. Bốn bên có bốn con rắn thò đầu le độc muốn mổ. Người kia ngó lên, thì hai con voi nó đã đứng chực trên miệng giếng. Người kia lo rầu về sự không khỏi chết. Bây giờ bỗng có bày ong bay qua nhều năm giọt mật vào miệng, người kia nút mật ấy, rồi quên cả sự sợ sệt, nguy hiểm.

Nay lấy mấy chuyện dây để làm thí dụ như : Hai con voi say là dụ đường "Sanh Tử". Sợi dây dụ "mạng căn". Vào dưới giếng là dụ "Vô Thường". Hai con chuột là dụ

Độc". Ngũ đích mật dụ "Ngũ Dục". Tam độc nãi Tam ác đạo chi nhơn, cố đặng nhứt đoạn, tức hữu đọa lạc chi hoạn hĩ.

Ký viết : "Bốn văn nhị cú, thích bất dữ nhơn kỳ nhứt cú, tư minh niên ngoặt nhứt tốc dã. Thân tợ lâm nhai thọ, nghiệp phong nhứt chí, phi lực năng vãn. Mạng như tinh trung đằng, nhứt nguyệt thời nguy, sở nhơn bất giác. Ngạn thọ thị niên bất trường. Tinh đằng, thị Nhứt Nguyệt chi tốc".

Ngôn tinh đằng giả ? . Thị tinh biên sở sanh chi đằng. Hoặc vãn : thọ căn tinh, vị khuu khu khô tinh dã. "La Thập" pháp sư viết : Tích hữu tội nhơn, bố tội đào tẩu. Vương linh túy tượng trực chi, kỳ nhơn bố cấp tự đầu khô tinh, vãn vãn...

Tam độc giả ? . Tham, Sân, Si dã. Tam ác đạo giả ? Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh dã. Ngũ dục giả ? Sắc, Thính, Hương, Vị, Xúc dã. Hoặc dĩ Tài, Sắc, Danh, Thực, Thùy vi Ngũ dục. Vị chúng sanh mê ư Ngũ dục thiếu lạc, toàn vong sanh tử nguy hiểm chư khổ dã.

Niệm niệm tấn tốc.

Niệm, vị phạm phu sanh diệt tâm chi vọng niệm. Tiên niệm vị diệt, hậu niệm tục sanh, niệm niệm sanh diệt, như đăng thiêu chú. Khởi diệt bất đình. Như thị sanh diệt tấn tốc chi tướng. Phi cụ huệ nhãn giả mạc kiến.

Ký viết : Thử minh niệm tốc cả. Vọng niệm, cố sanh diệt bất đình , "Chơn tâm", tắc thường trụ bất thiên.

"Ngày tháng" thoi đưa. Bốn con rắn dụ "Bốn đại" của thân. Ba con rồng dụ "Ba độc". Năm giọt mật dụ năm món "Dục Lạc". Ba độc là dụ cái nhờn ba đường ác, cho nên nói sợi dây một phen đứt, thời có hại sa đọa vậy.

Lời Ký nói : *"Hai câu bốn vấn giải một câu : Chẳng hẹn cùng người, đây là nói rõ năm, tháng, ngày, giờ mau chóng vậy. Thân không thường tuồng như cây mọc đứng gần bờ lở, một phen gió nghiệp thổi đến, sức nó không thể kéo lại được. Mạng dụ như dây tòn ten giữa giếng, là nói ngày tháng hao mòn, khiến người không biết được. Cây bên bờ nói cái năm chẳng phải lâu, dây trong giếng là nói ngày tháng rất mau".*

Song nói dây giếng là gì ? - Là dây mọc ở bên cái giếng vậy. Có người nói : cây mọc ở bên cái giếng, có lẽ giếng này là cái giếng khô ở trên gò nổng cho nên cây mới mọc được. Ngài "La Thập" pháp sư nói : "Hồi trước có người mắc tội, sợ tội trốn chạy. Vua khiến con voi say đuổi theo, người kia sợ quỳnh, tự nhảy xuống dưới cái giếng khô vân vân..."

Ba độc là gì ? - Tham, Sân, Si vậy. Ba đường ác là gì ? Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc sanh vậy. Năm món dục lạc là chi ? - Sắc, Thanh Hương, Vị và Xúc vậy. Hoặc có chỗ lấy "Tài, Sắc, Danh, Thực và Thùy", là năm món Dục Lạc. Bởi chúng sanh mê chút vui của năm món Dục Lạc, mà quên cả những sự khổ hiểm nguy của đường sanh tử vậy.

Mỗi niệm, mỗi niệm mau chóng.

"Niệm" là gì ? Nói vọng niệm sanh diệt của kẻ phàm phu. Sao gọi là "vọng niệm" ? Nghĩa là : Niệm trước chưa dứt niệm sau nối sanh, mỗi niệm mỗi niệm sanh diệt, sanh diệt như đèn cháy tim. Cháy tắt, cháy tắt không dừng. Như thế là cái tướng sanh diệt chóng mau. Nếu mà không phải những bậc có "huệ nhãn", nào ai thấy được.

Lời Ký nói : *Bài này nói rõ "tâm niệm" chóng mau vậy. Tại sao ? Bởi vọng niệm cho nên sanh diệt sanh diệt không dừng, nếu như được "chân tâm" thời thường trụ không bao giờ dời đổi .*

Nhất sát na gian, chuyển tức tức thị lai sanh.

Phạm ngữ "sát na". Thử ngôn nhất niệm, nãi thời chi cực tốc dã.

TẶNG KỲ vân : "Nhị thập niệm, vi nhất thuận, nhị thập thuận danh nhất "Đờn chỉ". CU XÁ vân : Tráng sĩ nhất "đờn chỉ" khoảnh, hữu lục thập ngũ sát na. Nhiên niệm hữu đại tiểu. Đại niệm giả, nhất niệm trung hữu cửu thập sát na. Nhất sát na trung hữu cửu bá sanh diệt. Thử ngôn, nhất sát na giả, tiểu niệm dã. Tức, tức xuất nhập tức. Thử tức, danh viết "thọ mạng". Dĩ nhất kỳ vi thọ, liên trì viết "mạng". Nhất kỳ liên trì, tức phong bất đoạn, cố xuất nhập tức, danh vi "thọ mạng". Chuyển, tức xuất dĩ bất phục cánh nhập, danh viết "mạng chung". Thử chỉ tại nhất "sá na" gian, tức đệ bát thức xả "tiền ấm" thọ "hậu ấm" thời. Kim bất ngôn "trung ấm" giả, dĩ cử "tiền" "hậu" nhi cai kỳ trung dã. Hựu "trung ấm" trì tốc bất định. Trì tác thất thất chi nhật. Tốc, tất tậ ư "tâm niệm" tiện xả trung nhi thọ hậu hĩ. "Lai sanh" giả, tổng cai "lục đạo". Tùy thiện, ác nghiệp, nhị báo sanh kỳ xứ dã.

Ký viết : Bốn văn nhị cú, tức thích thượng sát na dị thể nhất cú. Thử minh "sát na" tốc dã. Thượng thiện sanh "Thiên". Trung thiện sanh "Nhơn". Hạ thiện sanh "A Tu La". Thượng ác sanh "Địa Ngục". Trung ác sanh "Ngạ Quỷ". Hạ ác sanh "Súc Sanh".

Trong một sát na trở hơi thở tức là đời sau.

Tiếng "Phạm" nói chữ "sát na". Tiếng "Tàu" nói chữ "nhất niệm" là nghĩa giờ phút rất mau vậy.

BỘ TĂNG KỲ nói : Hai mươi niệm, làm một cái nháy mắt, hai mươi lần nháy mắt gọi là một "Đờn chỉ". BỘ CU XÁ nói : "Kẻ tráng sĩ trong một cái "đờn chỉ" có 65 cái "sát na". Song "Tâm niệm" có lớn có nhỏ. Thế nào là niệm lớn ? Trong một niệm có 90 "sát na". Trong một sát na có 900 sanh diệt. Bài này nói một sát na là chỉ nói cái niệm nhỏ thôi. Chữ "Tức" là cái hơi thở ra, hơi thở vào. Lấy hơi thở này làm cái mạng sống cho nên kêu là "thọ mạng". Do cái mạng sống trong một thời kỳ, luôn giữ cũng gọi là "thọ mạng". Một thời kỳ luôn giữ, hơi thở không dứt cho nên lấy hơi thở ra vào kêu là "thọ mạng". Chữ "chuyển" tức là cái hơi thở ra, không thở vô nữa gọi là "mạng chung". Lúc này chỉ ở trong một "sát na" tức là cái lúc mà thức thứ tám nó sắp từ giả thân "tiền ấm" bắt lấy thân "hậu ấm" vậy. Song bài này không nói thân "trung ấm" là do nói "tiền" nói "hậu" đã bao gồm "trung ấm" rồi vậy. Và lại thân "trung ấm" có chậm có mau không nhất định. Chậm thời trong 49 ngày. Mau thời mau hơn "tâm niệm", liền bỏ thân "trung ấm" mà thọ lấy thân "hậu ấm" vậy. Nói chữ "Lai sanh" (*đời sau*) là chung gồm cả trong sáu đường. Chúng sinh trong sáu đường, tùy theo chỗ tạo "nghiệp lành" "nghiệp ác" mà thọ cái "quả báo" phải sanh đường này đường khác, chỗ nọ chỗ kia.

Lời Ký nói : "Hai câu trên bốn văn là giải nghĩa một câu : "Trong sát na đã qua đời khác"; bài này thời nói "sát na" mau chóng vậy. Thế nào là sanh trong đường này đường khác chỗ nọ chỗ kia ? Như người "Thượng thiện" thời sanh lên cõi "Trời". Người bực "Trung thiện" thời sanh lại cõi "Người". Đến như người bực "Hạ thiện" thời sanh qua cõi "A Tu La". Trái lại kẻ "Thượng ác" thời sanh xuống "Địa ngục", kẻ "Trung ác" thời đọa trong "Ngạ Quỷ", cho đến kẻ "Hạ ác" sanh vào loài "Súc sanh".

Ngôn thuận giả mục động giả. Ngôn "trung ấm" giả, Vị nhơn "mạng chung" xuất nhập tức đoạn thời, đệ "bát thức" xả ly "tiền ấm" thân tức hữu "trung ấm" thân, tại "hư không" trung minh vô sở đố. Dĩ hương vi thực, ư hữu duyên xứ, tức kiến phụ mẫu giao hội dục hỏa chi quang, tùy niệm tiện chí, dĩ diên đảo tưởng, nhật sát na khoảnh lâm xích bạch nhị điểm nhi thành "hậu ấm". Kỳ "trung ấm" tức diệt hĩ.

Nhuộc kỳ sanh phương vị định, hoặc phụ mẫu bất hội, thử "trung ấm" thân thất nhật, nhất tử, nãi chí thất thất nhật tất định thác sanh, bất xuất tứ thập cửu nhật. Nhuộc bỉ nghiệp bảo dĩ định, hoặc sanh nhơn Thiên, hoặc đọa "Quì" "Súc". Nhất sát na gian, xả "tiền ấm" thọ "trung ấm", xả "trung ấm" thọ "hậu ấm", tấn du diển quang. Phi phạm sở trắc, duy Phật năng tri.

Hà nãi, yển nhiên không quá

Hà nãi, du hà vi diển phản cật chi từ, diệc thừa thượng chuyển hạ chi ngữ. Dĩ thượng thị tri sanh tử quá hoạn "vô thường" tấn tốc. Hương hạ linh ngộ xả tục nhập Đạo, y pháp cần tu, kỳ xuất "Luân Hồi".

Yển nhiên giả ? An nhiên dã, tổng vị quang âm tấn tốc, nhơn mạng vô thường. Hà vi bảo thực chung nhựt, vô sở dụng tâm, nhi yển nhiên hư độ, bất mưu thượng tấn, dĩ thoát "sanh tử" giả hò ?

TỨ : VI TỤC NHẬP ĐẠO

Phụ mẫu bất cúng cam chỉ lục thân cố dĩ khí ly.

Sao gọi là "nháy mắt" ? Con mắt máy động vậy. Sao gọi là thân "trung ấm" ? Bởi người "mạng chung" mà cái hơi thở ra vào khi nó muốn dứt thì cái "thức thứ tám" bỏ lia cái thân "tiền ấm" ở giữa "hư không" mờ mờ không thấy rõ. Chỉ dùng những hơi hương làm món ăn, đợi chỗ nào có duyên, liền thấy tia sáng lửa đục trong khi cha mẹ đương giao hội, tùy niệm liền đến do cái tưởng điên đảo trong một "sát na" lộn trong hai điểm "tinh huyết" mà làm thân "hậu ấm". Thời thân "trung ấm" kia liền diệt vậy.

Song nếu thân "trung ấm" kia sanh phương nào chưa nhất định, hoặc cha mẹ không giao hội, thân "trung ấm" này bây giờ một lần chết, cho đến 49 ngày, quyết định phải đầu thai chớ không ngoài 49 ngày. Nếu thân "trung ấm" kia là một cái thân "nghiệp báo" đã nhất định hoặc sanh cõi "Trời" cõi "Người", hoặc đọa loài "Quỉ" loài "Súc". Trong một "sát na", bỏ thân "tiền ấm" thọ lấy thân "trung ấm" bỏ thân "trung ấm" thọ lấy thân "hậu ấm" mau hơn "điên" xẹt. Chẳng phải người phạm lương được, chỉ có bực Phật biết thôi.

Sau bèn lặng vậy luống qua.

Sao bèn cũng như nói vì sao, là cái lời hỏi gạn lại, cũng là cái lời nối văn trên, chuyện văn dưới vậy. Như văn trên dạy cho biết tội lỗi đường "sanh tử" và sự "vô thường" chóng mau. Đến văn dưới dạy cho biết tội lỗi thì nên bỏ tục vào "Đạo" để y theo pháp cần tu hầu mong ra khỏi nẻo "Luân Hồi".

Yên vậy là gì ? Là ngồi yên một chỗ, như nói đêm ngày mau chóng mạng người không thường. Vì sao ăn no bụng ngày không hề để tám, mà yên vậy luống qua, không lo tấn tới cho khỏi đường "sanh tử" ấy ư ?

4) TRÁI TỤC VÀO "ĐẠO"

Cha mẹ không cúng mùi ngon món ngọt, sáu nghĩa thân vốn đã bỏ lia.

Thượng cú, khuyết phần bộ. Hạ cú khuyết cảnh lục. Phụ mẫu giả, tử chi "Thiên Địa" dã. THI vân : "Ai ai phụ mẫu, sanh ngã cù lao, dục báo chi ân, hiều "Thiên" vớng cực". Kinh vân : "Nhược hữu cúng dường phụ mẫu, đắc vô lượng phước". Phật ngôn : "Phụ mẫu ư tử, hữu đại tăng ích. Nhủ bộ trưởng dưỡng, tùy thời tương dục, "Tứ Đại" đắc thành. Nhược nhơn hữu kiên phụ phụ, tá kiên phụ mẫu, kinh lịch bá niên, tiện lợi bối thượng, vô hữu oán tâm; tứ sự cúng dường vô pháp, thử tử du bất túc báo phụ mẫu chi ân".

Dục báo ân giả? Đương khuyến phụ mẫu ư "Phật, Pháp, Tăng", "nhơn quả" đẳng pháp. Vị tín giả linh tín, dĩ tín giả linh tăng trưởng. Vô "tịnh giới" giả khuyến thọ trì giới. Hữu xan tham giả khuyến hành "Huệ Thí". Vô Thắng Huệ giả khuyến tu "Thắng Huệ". Linh thiện an trụ, dĩ tự điều phục, nãi danh chơn thiết báo phụ mẫu chi ân.

Lục thân giả ? Phụ, Mẫu, Huynh, Đệ, Thê, Tử dã Hựu viết : Nhất Phụ nhị Tử, tam tòng phụ côn đệ, tứ tòng tử côn đệ, ngũ tòng tử côn đệ, lục tòng côn đệ.

Khí ly giả ? Kinh vân : "Bồ tát" xuất gia, xả ly lục thân, bất ký bất ức, cần tu "đạo hạnh", dĩ tốc thành "Bồ đề" cố.

Ký viết : Cam chi giả ? Mỹ thực dã. Du bất túc báo phụ mẫu ân giả ? Vị tuy sắc dương vô vi, nhi bất năng trí thân thần ư "Thượng giới". Dục lợi thân linh ư đa sanh giả, tất tu khuyến trì trai giới, quảng tu "Phước Huệ",

Câu trên thiếu sự nuôi dưỡng trả lại. Câu dưới thiếu sự kính thuận thâm ân. Cha mẹ là gì ? Là "Trời Đất" của người con vậy. Kinh THI nói : "Thương, thương cha mẹ, sanh ta khó nhọc, muốn trả ân sâu như Trời cao không cùng". Kinh BÁO AN nói : "Nếu có người con cúng dường cho cha mẹ thời dặng phước vô lượng". Phật dạy : "Cha mẹ đối với con có lợi ích lớn lắm. Bú sữa nuôi lớn, tùy thời lo nuôi Tứ Đại thành thân. Bằng có người con vai bên phải cõng cha, vai bên trái cõng mẹ, trải qua trăm năm, "Đại Tiểu" trên lưng, cũng không có cái "tâm" gì oán hận, bốn món cúng dường không thiếu, người con như thế cũng chưa đủ trả được ân sâu cha mẹ".

Vậy muốn trả ơn sâu phải làm thế nào ? - Phải khuyên cha mẹ đối với "Phật Pháp Tăng" tin nhân quả các pháp. Cha mẹ chưa tin làm sao cho cha mẹ tin; Cha mẹ đã tin rồi, làm cho lòng tin thêm lớn lên. Cha mẹ không "tịnh giới" khuyên cho cha mẹ giữ gìn tịnh giới. Cha mẹ có lòng xan tham, khuyên cha mẹ làm việc Bố thí. Cha mẹ không trí huệ, khuyên cha mẹ gắng tu trí huệ. Khiến cha mẹ pháp trụ nơi an lành để tự điều phục thân tâm, chính thế mới thật là trả ơn sâu cha mẹ.

Thế nào là sáu nghĩa thân ? 1.- Cha, 2.- Mẹ, 3.- Anh, 4.- Em, 5.- Vợ, 6.- Con. Có chỗ nói : 1.- Cha, 2.- Con. 3.- Anh em theo phái cha, 4.- Anh em theo ông nội, 5.- Anh em với ông cố, 6.- Là anh em họ.

Thế nào là bỏ lia sáu nghĩa thân ? Trong kinh nói : Ông "Bồ Tát" đi xuất gia, bỏ lia sáu nghĩa thân không ghi không nhớ, cần tu "đạo hạnh" là để mau thành quả "Bồ đề" vậy".

Lời Ký nói : "Đồ ngon ngọt là gì ?" Là món ăn ngon vậy. Còn không đủ trả ơn cha mẹ là sao ? - Nghĩa là tuy nuôi dưỡng xác thân không trái, nhưng mà không thể để linh hồn cha mẹ trên cõi "Thượng Giới". Vậy muốn lợi ích

Nhược xuất gia giả phụ mẫu bần pháp, bất năng tự huợt, "Phật" thính giáo linh tín tâm, thọ bỉ "Tam Qui" "Ngũ giới", nhiên hậu khát thực cúng chi. "Nam Sơn" vân : Chơn xuất gia giả, bố "tứ oán" chi đa khổ, yếm tam giới chi vô thường, từ lục thân chi chí ái, xả ngũ dục chi thâm trước. Năng như thị giả, danh chơn xuất gia, tắc khả thiệu long "Tam Bửu", độ thoát "Tứ sanh", lợi ích thậm thâm, công đức vô lượng hĩ.

Bất năng an quốc trị bang gia nghiệp đốn quyền kế tự.

Thượng cú, khuyết trí quân trạch dân. Hạ cú, khuyết thừa nghiệp kế tự. "Thích Tử" xuất gia, xả sanh dục kế tự, thiệu long "Tam Bửu" chủng tộc, tuy tợ trung hiếu hữu khuyết, nhiên lập thân hành đạo, dĩ báo thâm ân. Thuyết pháp khuyến thiện, dụng võ hoàng hóa, như tư báo đức, thực năng gia diên.

Tích "Tống Văn Đế" vị "Hà Thượng Chi" viết : Nhược xuất thổ giai thuần Thích hóa, tắc "Trẫm" tọa trí thái bình hĩ". Thượng Chi đối viết : "Phù bả gia chi hương, thập nhơn trì "ngũ giới", tắc thập nhơn thuần cần, thiên thất chi ấp bá nhơn tu "Thập Thiện", tắc bá nhơn hòa lục. Nhơn năng hành nhất thiện, tắc khử nhất ác. Khử nhất ác, tắc túc nhất hình. Nhất hình, túc ư gia, vạn hình túc ư quốc. Thử minh chi, sở vị tọa trí "thái bình" giả dã.

linh hồn cha mẹ cho được nhiều đời, cần nhất phải khuyên cha mẹ gắng mà trì trai giữ giới, rộng làm "Phước Huệ". Nếu người xuất gia, cha mẹ nghèo ngặt không thể tự sống, "Phật" bảo phải dạy cha mẹ chừng nào được cái tâm chánh tín rồi, trao cho cha mẹ pháp "Tam Qui", "Ngũ Giới", bấy giờ đi khất thực về nuôi cũng được. Ngài "Nam Sơn" nói : Thật người xuất gia rất sợ các khổ "bốn oán"⁽¹⁾ nhàm vô thường trong ba cõi, từ chỗ chi ái của sáu thân; bỏ cái đắm sâu năm món dục lạc. Kẻ được như thế mới thật là người xuất gia, mới thật là người có thể nổi thạnh "Tam Bảo", độ thoát "Bốn loài", lợi ích rất nhiều, công đức không thể lường được.

Chẳng hay thờ Vua giúp nước, nghiệp nhà đứt bỏ nói thờ.

Câu trên thiếu sự thờ Vua giúp dân. Câu dưới thiếu sự nổi nghiệp phụng thờ Tổ Tiên. Song người xuất gia làm "Thích Tử" bỏ cái ân sanh dục nối thờ của thế gian, mà nổi thạnh dòng giống ngôi "Tam Bảo", tuy tuồng như có thiếu sự trung hiếu, song người xuất gia lập thân hành "đạo" là cốt yếu trả ơn sâu cha mẹ. Thuyết pháp khuyên dân chúng làm lành là mục đích giúp sự giáo hóa thế cho nhà vua; trả ơn như thế, trả đức như thế có chi hơn vậy.

Hồi xưa vua "Văn Đế" đời nhà "Tống" nói với ông "Hà Thượng Chi" rằng : "Nếu mà cõi nước của Trẫm đây toàn đem giáo lý của họ "Thích", giáo hóa dân gian, thời Trẫm đây ngồi mà hưởng cảnh thái bình vậy". Ông "Hà Thượng Chi" tâu rằng : Dạ phải. Vì sao ? Luận như cái làng trăm nhà, mười người giữ giới thời mười người được thuận cảnh, cái ấp nghìn nhà, trăm người tu "Thập Thiện", thời trăm người được hòa thuận. Tại sao thế ? Bởi người hay làm một việc lành thời bỏ được một việc ác. Bỏ một việc ác thời dứt một hình tội dứt nơi một nhà, muôn hình tội dứt cả một nước. Rõ được "Tôn chi" đây mới gọi ngồi, mà an hưởng cảnh "thái bình" vậy.

Ký viết : Thượng văn, minh vi "Tục". Hạ văn, minh nhập "Đạo".

Miến ly hương đảng, thế phát bầm Sư.

Thượng cú, ly "Tục". Hạ cú, nhập "Đạo". Miến giả, viễn dã. Vị viễn ly hương tục, thú hương vô vi tức xả gian thú ư phi gia dã.

Thế phát bầm Sư giả ? Khí tục dung nghi, hoại thế sức hảo. Phỏng đồng "Như Lai, cụ "Phật" đức tướng, bầm mạng ư "Sư", từng "Sư" thọ học. Nãi nhập Đạo" chi huyền quy, xuất thế chi hồng phạm dã.

Ký viết : Thế dĩ tu phát, vi dung nghi sức hảo. "Tỳ Kheo" xuất gia, vi "Tục" mộ "Đạo", khí thế sở hảo, tuyệt diệt ái tình. Kim thời lưu tu trường phát, hiệu viết "Đầu Đà", danh ký bần nhi hành phục quai hĩ.

Phạm ngữ "Đầu Đà", thủ văn "Đấu Tấu". Vị "Đấu Tấu", tam giới "trần lao phiền não". Kỳ hạnh tác hữu thập nhị pháp.

Kim dĩ phi phát hiệu vi "Đầu Đà" giả, ngoa vọng chi thậm dã. Phật ngôn : "Tu phát trào trường, thị "Ác Tỳ Kheo" phá giới chi tướng. Nhược A Lan Nhã độc trụ "Tỳ kheo", vô nhơn thế giả, thỉnh phát cục trường nhất thốn, trào trường như nhất mạch, bất đắc quã.

Xả gia thú phi gia giả. Khí "Thế Tục" chi gia, nhập "vô vi" chi xá dã. "Văn Thù Bồ tát bạch Phật ngôn : Văn hà "Như Lai" thuyết phụ mẫu ân đại, bất khả bất báo. Hựu ngôn : "Sư Tăng" chi ân, bất khả xung lượng, kỳ thì vị tối ? Phật ngôn : "Kỳ tại gia giả, hiếu sự phụ mẫu tại ư tất hạ, mặc dĩ bảo sanh trưởng chi ân, dĩ sanh dục âm thâm

Lời Ký nói : Bài văn trước nói "trái tục". Bài văn sau nói "vào Đạo".

Xa lìa làng xóm, cạo tóc vâng lời Thầy.

Câu trên nói xa lìa "Thế Tục". Câu dưới nói vào "Chánh Đạo". Tiếng ta nói "xa" cũng như tiếng Hán nói chữ "Miến", nghĩa là xa lìa làng tục đi tới chỗ "Vô Vi" tức bỏ nhà thế tục đi đến nhà chùa ở tu vậy.

Cạo tóc vâng lời Thầy là chi ? Cạo bỏ cái hình nghi của thế tục, phế dẹp sự trau tốt của người đời. Bất chước đồng như hình thể đức "Như Lai", đủ đức tướng của "Phật", vâng mệnh lệnh nơi Thầy, theo Thầy thọ học; Chính là cái chước mầu vào "Đạo", phép lớn ra khỏi đời vậy.

Lời Ký nói : "Trong đời người ta để râu để tóc trau giồi cho tốt cái dung nghi. Còn Thầy "Tỳ kheo" đi xuất gia trái "Thế Tục", mến "Đạo Chánh" bỏ cái đẹp của đời và bật dứt tình ái. Đời bây giờ có những chàng để râu tóc cho dài, rồi gọi rằng tôi đây là tu "Đầu Đà", danh đã không trúng, mà cái hành vi lại trái nữa vậy.

Tiếng Phạm ngữ gọi "Đầu Đà" cũng như tiếng Hán nói "Đẩu Tẩu" (cạo bỏ). Nghĩa là cạo bỏ "trần lao phiền não" trong ba cõi. Hạnh "Đầu Đà" thời có 12 hạnh ⁽³⁾.

Đời nay có những người để tóc cho dài tự gọi là "Đầu Đà", đó, thật sai lầm lắm vậy. Phật nói : "Râu tóc và móng tay để dài ấy là cái tướng ông "Ác Tỳ kheo" phá giới. Bằng ông "Tỳ kheo" ở chỗ vắng vẻ một mình không có người cạo giùm, thời "Phật" cho tóc dài nhất, cỡ một tấc thôi, móng tay dài cỡ bằng hạt lúa, không dựng quá.

Thế nào bỏ nhà thế tục đi tới nhà chùa - Bỏ nhà "Thế Tục" vào nhà "Vô Vi" (Phật Pháp) vậy ? Đức "Văn Thù" Bồ tát bạch Phật rằng : "Thưa đức "Thế Tôn" ! Vì sao đức "Thế Tôn" nói ơn cha mẹ rất lớn, không thể không trả". Rồi đức "Thế Tôn" lại nói : "Ơn của "Sư Tăng" cũng rất lớn không thể nghĩ lường, vậy thì cái ơn nào là ơn lớn

cố ngôn đại dã. Nhược tùng "Su" học, khai phát "tri kiến", thứ ân đại dã.

Phù xuất gia giả xả, kỳ phụ mẫu sanh tử chi gia, nhập pháp môn trung, thọ vi diệu pháp, sư chi lục giả. Sanh trưởng "pháp thân", xuất công đức tài, dưỡng "Trí Huệ" mạng, công mạt đại diện. Truy kỳ sở sanh, nãi thứ chi nhĩ.

Hương đẳng giả ? Hương, hướng dã. Vị chúng nhơn chi sở hướng dã. "Đẳng" bằng đẳng dã. Cổ di ngũ bả gia vi đẳng.

CHÂU LỄ vân : "Bá gia chi hội viết "huong". HỚN CHÍ dĩ ngũ gia vi "Lân". Ngũ lân vi "Lý". Tứ lý vi "Tộc". Ngũ tộc vi "Đẳng". Ngũ đẳng vi "Châu". Ngũ châu vi "Hương". Tư đắc dĩ vạn nhị thiên ngũ bá gia nhĩ vi "Hương" dã. Bẩm giả, thọ mạng dã.

Nội cần khắc niệm chi công, ngoại hoằng bất tranh chi đức.

Thượng cú, minh "niệm huệ". Hạ cú, minh hòa kính. Nội thiết "niệm huệ", ngoại xuyên "lục hòa", nãi nhập "Đạo" chi công huân, lập "tức chi" cơ bốn dã.

Triệu Sư vân : "Phi chơn tâm vô dĩ cụ "lục pháp", phi "lục pháp" vô dĩ hòa quần chúng. Như chúng bất hòa, phi kính thuận chi bốn dã.

Ký viết : "Nhất : Giới hòa đồng tu. Nhị : Kiến hòa đồng giải. Tam : Thân hòa đồng trụ. Tứ : Lợi hòa đồng quân. Ngũ : Khẩu hòa vô tránh. Lục : Ý hòa đồng duyệt.

Quýnh thoát trần thế, ký kỳ xuất ly.

nhất ?". Phật dạy : "Người tại gia, thảo thờ cha mẹ, hầu hạ dưới gối cũng không thể nào trả cái ơn sanh trưởng, bởi do cái ơn sâu sanh để nuôi dưỡng cho nên gọi là cái ơn rất lớn. Còn người theo Thầy học đạo, nhờ Thầy khai phát chỗ "tri kiến", ơn kể đây cũng lớn vậy.

Luận như người xuất gia bỏ cái nhà sanh tử của cha mẹ, đi tới ở trong nhà chùa, thọ cái pháp nhiệm màu của Phật, nhờ cái sức của "Thầy" dạy. "Thầy" sanh trưởng "Pháp thân", ra của công đức, nuôi mạng "Trí huệ", công chi lớn hơn vậy. Theo cái chỗ ơn sanh kia lẽ cố nhiên phải sau cái ơn này vậy. Làng xóm phe đảng là gì ? "Làng" là nghĩa "đến". Là nói cái chỗ đông người đến ở, "Tàu" gọi là chữ "Hương". Bậu bạn phe bọn "Tàu" gọi là chữ "Đảng". Đời xưa lấy năm trăm nhà làm một "đảng" (bọn).

Sách CHÂU LỄ nói : "Trong năm trăm nhà gọi là "làng". Sách HÁN CHÍ "Dùng năm trăm nhà làm một "xóm". Năm xóm làm một "ấp". Bốn ấp làm một "Họ". Năm họ làm một "Làng". Nhưng theo văn này thời lấy một vạn hai nghìn năm trăm (12.500) nhà làm một "Làng" vậy.

Chữ "Bẩm" là nghĩa vâng mạng lệnh của Thầy vậy.

Trong siêng công tưởng niệm, ngoài rộng đức chó đua tranh.

Câu trên nói "niệm huệ". Câu dưới nói "kinh hòa" Nghĩa là trong tâm chuyên "niệm huệ" ngoài rộng đức "kinh hòa", chính là công cả vào "đạo", nền gốc lập "Đức" vậy.

Ngài Triệu Pháp Sư nói : "Chẳng phải thật tâm không sao đủ đức "lục hòa", chẳng phải "lục hòa", không do đâu hòa Quần chúng. Như chúng chẳng hòa thời chẳng phải cái gốc kính thuận.

Lời Ký nói : 1.- Giới hòa đồng tu ; 2.- Chỗ thấy hòa đồng giải ; 3.- Thân hòa đồng ở ; 4.- Lợi hòa đồng chia ; 5.- Miếng hòa không cãi lấy ; 6.- Ý hòa đồng vui.

Xa lánh đời trần, trông cầu ra khỏi.

Thượng cú xuất "Thế Tục" gia. Hạ cú, xuất "Tam giới" gia. Dục thoát "Trần Tục", tu phát túc siêu phương, kỳ siêu "Tam giới", đương đoạn "phiên não"; thi phù xuất gia chi bốn thệ dã. Thử nhị cú, tổng kiết thượng văn dĩ khởi hạ từ.

Ký viết : "Thượng cú, kiết phụ mẫu, lục thân, ban quốc, kế tự, hương đảng ngũ cú. Hạ cú, kiết thế phát nội cần, ngoại hoàng, tam cú. Quýnh giả liêu viễn dã. Ký giả, dục dã, vọng dã.

NGŨ : DANH LỢI THẤT ĐẠO

Hà nãi, tài đẳng giới phẩm, tiện ngôn ngã thị Tỳ kheo.

Thượng cú, minh "vô tác" thi triêm. Hạ cú, minh chỉ đức vị bị. Do "danh" "hạnh" vị đáng, phi xứng "Tỳ kheo" chi nghĩa. "Từ thân" "Nhập đạo", "Nội cần" "Ngoại Hoàng", bốn vị kỳ xuất "sinh tử". Hà dĩ tài nhập Tăng số, tức tiện thao thiết danh lợi, phóng dật tứ tình, tạo Hữu lậu nhơn, kiết sanh tử quả, vi bội sơ tâm, thất xuất ly hạnh da?

Tài đẳng giới phẩm phương bǎm "Cụ Túc", "Vô Tác" sơ thành dã. Giới phẩm hữu tứ : Vị Ngũ giới, Thập giới, Cụ Túc giới, Bồ tát giới. Tiên, hậu, cu thông tại gia, xuất gia. Trung nhị, duy cuộc xuất gia. Ngã thị "Tỳ Kheo" giả, "Cụ Túc" giới nhơn dã. Tỳ Kheo thị Phạm ngữ danh hàm tam nghĩa : Nhất : Phá ác. Nhị : Bố Ma. Tam : Khất sĩ. Hàm thử tam nghĩa bất năng phiên dịch cố tồn bốn âm.

Câu trên ra khỏi nhà "Thế Tục". Câu dưới ra khỏi nhà "Tam Giới". Song muốn ra khỏi "Trần Tục", cần phải bước chân cho khỏi chốn trần, trông cầu khỏi "Tam Giới", thời phải đoạn trừ "phiền não", mới hiệp bốn thế người xuất gia vậy. Hai câu này tóm kết bài văn trên để khởi lời văn dưới.

Lời Ký nói : Câu trên kết luôn năm câu : 1) Cha Mẹ ; 2) Sáu nghĩa thân ; 3) Thờ vua giúp nước ; 4) Nối thờ ; 5) Làng xóm. Câu dưới tóm kết ba câu : 1) Cạo tóc ; 2) Trong siêng ; 3) Ngoài rộng. Chữ "Quýnh" là xa cách vậy. Chữ "Ký" là ham muốn và trông cầu vậy.

5) VÌ DANH LỢI LỖI ĐẠO

Sao bèn mới lên đàn thọ giới, liền nói rằng ta đây là Tỳ Kheo.

Câu trên nói rõ vừa thắm giới "Vô tác". Câu dưới nói rõ cái đức lành ngăn ác chưa đủ. Do "Danh" và "Hạnh" chưa đáng, không xứng cái nghĩa "Tỳ Kheo".

Những câu như "Từ thân", "Nhập Đạo". "Nội cần" "Ngoại hoàng" là vốn vì cầu ra khỏi đường "sanh tử". Cơ sao mới vào số Chúng Tăng, liền bèn tham lam danh lợi buông lung tình tử, tạo nhân "Hữu Lộ", kết quả "Sanh Tử", trái hẳn sơ tâm, mất hạnh xuất ly ư ?!

Câu vừa thắm giới phẩm là gì ? Mới đương thọ giới "Cụ Túc", giới "Vô Tác" bắt đầu thành vậy. Song giới phẩm có bốn bậc, thế nào là bốn ? : - 1) "Ngũ Giới" 2) "Thập Giới" 3) "Cụ Túc giới" 4) "Bồ tát giới". Giới trước và giới sau đồng chung cho kẻ "tại gia" và kẻ "xuất gia". Còn hai giới giữa, chỉ thuộc về kẻ "xuất gia" mà thôi. Ta đây là bậc "Tỳ Kheo" tức chỉ cho người thọ giới "Cụ Túc" vậy. "Tỳ Kheo" là tiếng Phạn ngữ. Tên Tỳ kheo gồm có ba nghĩa : 1) "Phá ác" 2) "Bố Ma" 3) "Khất Sĩ". Vì gồm có ba nghĩa thế nên dịch ra không được. Vì không thể dịch ra được, nên chỉ còn để hai chữ nguyên âm "Tỳ Kheo".

Ký viết : "Vô Tác giả, diệp danh "Vô Do" hựu danh "Vô Biểu Sắc" nãi giới thể dã. Tùng tam Yết Ma nhi đắc. Đắc thử thể dĩ, nhậm vận chi ác, nhậm vận hành thiện, bất dụng tải tác, cố danh "Vô Tác".

Ngôn chi giả ? Vj chỉ đoạn chư ác, linh bất cảnh khởi dã. Phá ác giả ? Như sơ đắc giới, dĩ tam Yết Ma phát "Thiện Luật Nghi", phá "Ác Luật Nghi" cố. Nhược thông tụy hành giải, năng phá kiến tư chi ác dã. Bồ Ma giả ? . Ký năng phá ác, nhi "Ma Vương" niệm ngôn, thử nhon phi đản xuất ngã giới vức, hoặc hựu truyền đặng hóa ngã quyền thuộc, không ngã cung điện, cố sanh kinh bố dã.

Khất Sĩ giả ? "Khất" thị "khất cầu" chi danh. "Sĩ" thị "thanh nhã" chi xưng. Vj nội tu "thanh nhã" chi đức, ngoại ly "Tứ Tà" chi thực. Tịnh mạng tỵ cư, phước lợi chúng sanh, phá Kiêu mạn tâm, khiêm hạ tỵ ti, các cầu tư thân, dĩ thành thanh nhã chi đức dã.

Kim nhon đa cầu đa súc, khởi xúng "thanh nhã" chi đức. Ký quai kỳ danh, thượng đắc vi "Tỳ kheo" giả hồ ?

"Đàn việt sở tu, khiết dụng Thường Trụ".

Thượng cú, minh "Tín Thí". Hạ cú, minh "Tăng vật". Nhược vô giới đức, tắc thốn tư đích thủy nan tiêu. Huống Đàn Việt chi tứ cúng, Tăng kỳ chi thọ dụng hồ ?

Đàn Việt giả ? "Đàn", thị "Tây Âm", thử ngôn "Thí". "Việt", nãi thử phương chi ngữ, vị năng hành thí, tắc sanh sanh diệt độ bản cùng khổ hải dã.

Lời Ký nói : "Giới "Vô Tác" cũng có giới tên "Vô Giáo" và cũng có tên giới "Vô Biểu Sắc" chính giới thể thanh tịnh. Do ba lần bạch "Yết Ma" mà đặng giới. Đặng giới thể này rồi mặc dầu bỏ ác, mặc dầu làm lành, không còn tạo tác nữa, nên gọi giới "Vô Tác".

Thế nào ngăn dứt ? Nghĩa là dứt hẳn các việc ác khiến nó đừng sanh ra vậy. Phá ác là chi ? Như khi mới đắc giới do vì ba pháp "Yết Ma" mà phát ra cái giới "Thiện Luật Nghi" phá cái "Ác Luật Nghi" vậy. Nếu bực "Giải" và "Hạnh" đã hoàn toàn, có thể phá được ác "Kiến Hoặc" (thấy bậy) và "Tư Hoặc" (nghĩ bậy) vậy. Thế nào "Bố Ma" ? Đã phá được ác rồi thì "Ma Vương" nó nghĩ rằng : "Người này chẳng những ra khỏi bờ cõi của ta mà còn lại đem ngọn đèn sáng giáo hóa bà con ta; bà con ta theo họ tu hành thành "Phật" hết thì cung điện của ta phải trống trơn và ta đây cũng một mình cô độc nữa. Ma Vương nó nghĩ như vậy, cho nên nó sanh lòng kinh bố là thế.

"Khất Sĩ" là sao ? "Khất" là cái tên "khất cầu". "Sĩ" là tên kêu của nhà "thanh nhã". Bởi người này trong tâm tu đức "Thanh nhã", ngoài thân không ăn món ăn "Tứ tà" ⁽⁴⁾. Đời sống trong sạch làm phước lợi cho chúng sanh, phá cái tâm kiêu mạn, hạ mình khiêm kính, cầu xin nuôi thân để cho thành cái đức thanh nhã vậy.

Thế mà người đời bây giờ nhiều cầu, nhiều chứa dàu xưng là cái đức "thanh nhã". Ôi ! cái danh đã trái, đâu còn đặng làm "Tỳ Kheo" nữa ư ?

Của Đàn Việt tiêu xài, ăn dùng của Thường trụ.

Câu trên nói của "Tín Thí". Câu dưới nói của "Chúng Tăng". Nếu mình không giới đức thời một tác tư, một giọt nước cũng khó tiêu. Huống chi bốn món cúng của người Đàn Việt và thọ dụng của Tăng Kỳ (Thường Trụ) nữa ư ?

"Đàn Việt" là gì ? "Đàn" tiếng nói cõi "Tây Vực" cũng như nước "Trung Hoa" nói chữ "Thí". Chữ "Việt" là tiếng nói nước "Trung Hoa" theo ta cắt nghĩa chữ "Việt" là "Qua khỏi" nghĩa là người đời nay hay làm việc "Bố thí", thì đời đời qua khỏi biển khổ bần cùng vậy.

Thường Trụ, hữu tứ. Nhất : "Thường Trụ, Thường Trụ", vị Tăng tự phòng xá chúng cụ, hoa quả, điền, viên, bộc, súc đẳng. Dĩ thể cuộc đương xứ, bất thông dư giới, đản đặc thọ dụng, bất thông phân mại. Cố trùng ngôn Thường trụ dã.

Nhị : Thập phương Thường Trụ như tự trung cúng, Tăng thường thực. Thể thông thập phương, duy cuộc bốn xứ. Thử nhị danh "Tăng Kỳ" vật.

Tam : "Hiện tiền, Hiện tiền", vị Tăng hiện đặc thí vật, duy thí thử xứ hiện tiền Tăng cố.

Tứ : "Thập phương hiện tiền", như vong Ngú chúng khinh vật. Nhược vị yết ma, vật thông Thập phương Tăng. Nhược dĩ yết ma, vật thuộc Hiện tiền Tăng. Thử nhị danh "Hiện tiền Tăng" vật.

Ký viết : "Sở tu giả, thông thực dụng". Khiết dụng giả ? "Khiết" cuộc ẩm thực, y dược. "Dụng" thông y phục, ngọa cụ, phòng xá, đẳng.

Bất giải thốn tư lai xứ, vị ngôn pháp nhĩ hiệp cúng.

Thượng cú, thất quán. Hạ cú si nghị. Dĩ vô quán huệ, cố bất giải tư pháp. Do si ám, cố biệt sanh ngu kiến, vô tâm, vô quý, mạn đái tham tật, nhơn chi nhi sanh hĩ.

Chữ "*Thường Trụ*" có bốn nghĩa :

1) "*Thường Trụ, Thường Trụ*", tại sao hai lần nói "*Thường Trụ*". Nghĩa là trong chùa chúng Tăng có những món như : Phòng, nhà, hoa, quả, ruộng, vườn, tôi tớ, súc vật. Do những vật đây thuộc về chỗ chùa đây, không cho đem đi chỗ khác và chỉ được thọ dụng, chớ không được chia ra bán. Cho nên nói "*Thường Trụ thường trụ vậy*" (của *Thường Trụ* để cho *Thường Trụ*).

2) "*Thập phương Thường Trụ*", như những vật cúng trong chùa, những vật của Chúng Tăng thường ăn. Thế nó chung cả mười phương Tăng, nhưng chỉ cuộc để một chỗ (*chúng Tăng trong mười phương có về thì được ăn, còn không về thì thôi*). Hai cửa này gọi là cửa "*Tăng Kỳ*" (của chùa).

3) "*Hiện tiền, Hiện tiền*", nghĩa là Chúng Tăng có mặt hiện tiền, đặng của người Thí chủ cúng, chỉ cúng cho những ông Thầy có mặt hiện tiền trong chùa đây, thì các ông Thầy có mặt chỗ đây chung hưởng.

4) "*Thập phương hiện tiền*", như năm chúng xuất gia, khi qua đời chỉ để lại chút ít vật. Nếu trong chúng Tăng, chưa nhóm lại làm phép Yết Ma phân định, thì vật ấy còn thuộc về vật của Thập Phương Tăng. Bằng đã làm phép Yết Ma rồi, thì vật ấy thuộc về mấy ông Thầy có mặt hiện tiền ở trong chùa đó. Hai cửa này kêu là cửa "*Hiện tiền Tăng*".

Lời Ký nói : "*Tiêu dùng*" cũng như cái nghĩa "*ăn dùng*". "*Ăn dùng*" là gì ? "*Ăn*" thuộc về món "*âm thực*" và "*y được*". "*Dùng*" thuộc về món "*Y Phục*" và "*Ngọa Cụ*", Phòng nhà vân vân.

Không biết xét nghĩ chỗ đâu đem đến cứ nói rằng phép ta nên chịu của cúng.

Câu trên mất phép quán. Câu dưới bàn tính bậy. Do không Trí huệ quán xét, nên không biết phép suy nghĩ. Do vì si ám, cho nên riêng sanh chấp bậy, như đó mà sanh ra giải đãi, tham ganh, không biết hổ, không biết thẹn vậy.

Thốn, vị kế độ. Tư, vị trừ lượng dã. Vị ngôn giả tự xuất phi ngữ dã. Pháp nhĩ giả, lý chi đương nhiên giả, Hiệp cúng giả, hữu nhị. Nhất : Vị tha hiệp đương cúng dường ư ngã. Nhị : Vị ngã đương hiệp thọ tha cúng. Lai xứ giả, Kế nhất : bát chi phạn, tác giả công dụng bất thiếu, thí giả cát thê tử chi phần, dĩ chương phước điền. Tự đức bất toàn, khởi hiệp thọ cúng chúng đức tuy bị, du tu "quán" hạnh, phương tiêu tín thí.

Cổ VẤN THÙ VẤN Kinh vân : "Bồ Tát nhược vô tư duy, phạn diệc bất ứng thực dã".

Ký viết : CA DIẾP Kinh vân : "Thời ngũ bá Tỳ kheo ngôn, ngã đẳng bất năng tinh tấn, khùng bất năng tiêu. "Tín Thí" cúng dường, thỉnh khát qui tục. Văn Thù Bồ Tát tán ngôn : "Nhược bất năng tiêu "Tín Thí" chi thực, ninh khả nhất nhật số bả qui tục, bất ưng nhất nhật phá giới thọ nhơn Tín thí". Phật cáo Văn Thù : "Nhược hữu Tu thiên, Giải thoát giả, ngã thỉnh thọ nhơn "Tín thí" "thực". "Từ Ân" Pháp Sư vân : "Bất tâm y, bất điền thực. Chúc nữ, Canh phu, hạn huyết lực. Vị thành "đạo nghiệp" thí tương lai. "Đạo nghiệp" vị thành tranh tiêu đắc !" "Từ Thọ Thám" thiên sư vân : "Nhu kim hữu đẳng Sơ học, bảo thực cao manh, nhậm tánh quá nhật, du hiềm bất xứng ý. Bất tri xuất gia nhơn, như nhất khối ma đao thạch.

Nhất thiết nhơn yếu đao lợi, tiện lai thạch thượng ma, ma lai, ma khứ, biệt nhơn đao lợi, tự gia thạch tiêm tiêu bạc. Hữu đẳng cánh hiềm : "Tha nhơn bất lai ngã thạch thượng ma", hữu thậm tiện nghi xứ. Thử ngữ tối thiết, như thí kim châm, trúng nhơn bệnh xứ. Dã kỳ thạch như "Kim cang", bất phương hiềm tha bất lai ma".

Tính toán là nghĩa "xét". Trù lượng là nghĩa "lo". Cứ nói là nói ra những lời sái quấy vậy. Phép "Phải" là cái lý đúng đắn vậy. Chịu của cúng có hai : 1) Nói người kia lẽ phải cúng dường cho ta. 2) Nói ta lẽ phải chịu của người cúng. "Chỗ đâu đem đến" ? Kể cơm một bát, người làm công dụng chẳng ít, kể thí, bớt phần vợ con để gieo trồng ruộng phước. Nhưng xét lại phần mình hoàn toàn không có đức hạnh lẽ đâu dám thọ của cúng, các đức hạnh dù đủ đi nữa, nhưng cũng phải tu phép "quán" mới tiêu của tín thí.

Cho nên kinh VĂN THÙ VẤN nói : "Ông "Bồ Tát" nếu không để tâm suy nghĩ, cơm cúng không nên ăn vậy".

Lời Ký nói : "Trong kinh CA DIẾP nói : "Khi đó có 500 thầy Tỳ Kheo nói rằng : Chúng tôi không thể tinh tấn, sợ không tiêu được của "Tín Thí" cúng dường, vậy chúng tôi cầu xin về tục. Đức "Văn Thù Bồ Tát" tán thành và nói : "Nếu các Ngài không thể tiêu cơm của "Tín Thí", thì các Ngài một ngày nên về tục vài trăm, chớ không nên nán ở lại một ngày phá giới, mà thọ của người tín thí".

Phật kêu ông "Văn Thù" mà nói : "Này "Văn Thù" ! Trong các hàng "Tỳ Kheo", nếu ông nào có thể tu "Thiền Định", "Giải thoát" được thì ta cho thọ lãnh của người tín thí mà ăn". Ngài "Tỳ Âm Pháp Sư" nói : "Người xuất gia không để tâm mà có áo mặc, không cày ruộng mà có cơm ăn. Kể "chức nữ", người "Nông Phu" ra sức mồ hôi huyết. Vì ta thành "đạo nghiệp" mới đem đến cúng. Nếu "Đạo Nghiệp" ta chưa thành đâu tiêu dựng !" Ngài Tỳ Thọ Thâm thiền sư nói : "Như nay có những bậc sơ học, ăn no ngủ kỹ, lung tánh qua ngày, còn giận không vừa ý. Đâu có biết người xuất gia, khác nào như một khối đá mài dao.

Tất cả người ai cũng muốn cái dao cho bén, dành đem trên đá mà mài, mài qua mài lại, dao người khác bén mà khối đá nhà mình thì tự tiêu mòn. Thế mà có những người trách rằng : "Người kia sao không đem đến trên đá ta mà mài", trách như thế có nhằm lý gì đâu. Lời đây rất thiết như đem mũi kim vàng tim trúng chỗ bệnh người. Dầu như khối đá của ta cứng chắc như ngọc "Kim Cang" đi nữa, cũng không có lý gì trách người kia không đem đến mà mài, mới phải !".

TRÍ ĐỘ LUẬN vân : "Tư duy thử thực, khẩn thực vân trừ, thấu hoạch, nhu trị, thung ma đào thải, xuy chữ nãi thành. Dụng công thâm trọng, kế nhất bát chi phạm, tác phu lưu hạn tập hiệp thành chi. Thực thiếu hạn đa. Thử thực tác chi công trọng tâm khổ như thị, nhập khẩu thực chi tức thành "bất tịnh", cánh vô sở trị. Túc tích chi gian, biến vi thị niệu. Bốn thị mỹ vị, nhơn chi sở thị, biến thành, "bất tịnh", ố bất dục kiến.

Hành giả tự đương, tư duy như thử tộ thực. Ngã nhược tham trước, đương đọa "địa ngục", hám thiêu thiết hườn, tòng "địa ngục" xuất, đương đọa "Súc sanh", ngu, dương, lạc đà, thường kỳ túc trái, hoặc tác trụ cấu, thường hám phần ướ. Như thị quán chi, sanh yếm ly tưởng, phương kham thọ thực.

"Đạo An" Pháp sư vân : "Giảm cắt chi trọng, nhất mễ thất cân. Vô giới thực thí, tử nhập "Thới Sơn", thiêu thiết vi thực, dương đồng quán yết. Như tư chi thống, PHÁP CÚ sở trần. Sở vị "học đạo" bất thông lý, phục thân hườn tín thí. Trường giả, bát thập nhất, kỳ thọ bất sanh nhĩ. Nhược dã nhất niệm hồi quang, hốt dữ "đạo" hiệp, vạn lượng huỳnh kim diệt tiêu đắc.

"Khiết liễu trụ đầu huyền huyền, dẫn thuyết "Nhơn gian" tạp thoại".

Thượng cú, tổng tiêu. Hạ cú, biệt thích. Dĩ huyền huyền vị thám hà ngôn, cố thích viết "Nhơn Gian" tạp thoại. Khiết liễu giả, bảo thực dĩ. Tụ đầu giả, cộng tương tụ thủ dã. "Tạp thoại" giả, "Thế Tục" chi ngôn bất thiệp "Kinh", "Luật" chi ngữ. Do vô khắc niệm, ngoại phát ngôn phi, bất tu "Quán huệ", hề giải thốn tư. Tam nghiệp bất cần, "trạo cử" do sanh.

Trong bộ TRÍ ĐỘ LUẬN nói : Thử nghĩ cơm này là cuộc đất, trồng tía, làm cỏ, cắt gặt, đập phơi, xay giã, vo gúc, xối nấu mới thành. Dùng công rất nặng, kể cơm một bát, kể làm đồ mồ hôi nhóm đống mới thành đó. Cơm ít mồ hôi nhiều. Kể làm có hạt cơm này, công nặng cực khổ như thế, thế mà ăn vô khỏi miệng rồi, liền thành đồ "bất tịnh", lại không giá trị chi cả. Trong khoảng cách đêm đã biến thành đồ như bần. Trước kia là món ăn ngon, người ai cũng thèm thích, thế mà bây giờ nó biến thành đồ "bất tịnh" ghét chẳng muốn ngó.

Vậy thì người tu hành phải tự xét nghĩ món ăn hèn tẻ như thế. Nếu ta tham đắm chi khỏi đọa vào "địa ngục", ăn hoàn sắt nóng, mãn đời "địa ngục" phải đọa trong loài "súc sanh" làm "trâu", làm "dê", "lạc đà", bù thường nợ trước của người "thí chủ" kia, hoặc làm "heo", làm "chó" thường ăn đồ phần dơ. Quán xét như vậy sanh cái tướng chán nhàm mới kham thọ của "tín thí" mà ăn.

Ngài "Đạo An" Pháp Sư nói : Giảm cắt phần nặng, một hạt gạo nặng bảy cân. Nếu ta không "giới đức" mà ăn của "tín thí", thì lúc chết phải đọa ngục "Thái Sơn", ăn hoàn sắt nóng, uống nước đồng sôi. Những chuyện đau đớn như thế trong kinh PHÁP CỤ có chỉ rành. Nên có câu : "Người" học đạo" chẳng thông lý, thân sau bù thường của tín thí. Ông Trưởng Giả 81 tuổi, cây trong vườn Năm hết mọc là nghĩa đây vậy. Nếu ta một niệm sáng suốt xét lại, thoát cùng với "đạo" hiệp nhau, thì muôn lượng vàng ròng cũng tiêu được.

"Ăn rồi dùm đầu nói chuyện xào xào, chỉ nói những chuyện "Thế gian" bậy bạ."

Câu trên tóm nêu, câu dưới riêng giải, Vì sao ? - Bởi nói chuyện xào xào nhưng chưa biết nói chuyện chi, cho nên giải rằng nói những chuyện bậy bạ của "*Thế Gian*". Ăn rồi, là ăn đã no rồi. "*Dùm đầu*" là ba bốn cái đầu chùm nhum lại. "*Nói bậy*" là nói những chuyện "*Thế Tục*", không nhằm cái lời trong "*Kinh*" trong "*Luật*". Bởi trong "tâm" không tưởng niệm, nên ngoài miệng buông những lời sai quấy, không tu phép "quán huệ" đâu biết xét nghĩ. Ba nghiệp chẳng cần tánh "trạo cử" do đây mà sanh ra vậy.

DI GIÁO Kinh vân : "Nhược chủng chủng hí luận kỳ tâm tư loạn, tuy phục xuất gia du vị giải thoát. Thị cố cấp đương xả ly hí luận tán loạn chi tâm, cầu ưu vô vi tịch diệt chi lạc. Dục đắc tịch diệt lạc giả, duy đương thiện nhiếp kỳ tâm, diệt trừ hí luận chi hoạn.

"Trường Lô Trách" thiên sư tự cảnh văn vân : "Nhược nãi, thiết nghị "Triều đình" chánh sự, tư bình "Quận, Huyện, Quan, Liêu" giảng quốc độ chi phong hung, luận phong tục chi mỹ ố, dĩ chí công thương tế vụ, thị tỉnh nhân đàm, biên bỉ binh qua, trung nguyên khẩu tặc. Văn chương, kỹ nghệ, y thực hóa tài, tự thị sở trường, ẩn tha hảo sự, du dương hiển quá, chỉ trích vi hà; ký quai phước nghiệp, vô ích đạo tâm".

Như thử du ngôn, tịnh thương thiết đức, tọa tiêu Tín Thí, ngưỡng quý "Long Thiên" tội tử lạm thương họa chung diệt danh, Hà dã ? - Chúng sanh khổ hỏa, tứ diện cu phần, khởi khả an nhiên, tọa đàm vô nghĩa.

Cổ đức, thượng ngôn tự cảnh, ngã đẳng hà nhơn, hảo bất tự tư?

Ký viết : "Huyền" giả, hoa giả. "Trạo cử" giả, hữu tam chuồng : Nhất : "Thân trạo", vị thân háo du tẩu, chư tạt hí hước tọa bất tạm an. Nhị : "Khẩu trạo", vị háo hí ngâm vịnh, cạnh tranh thị phi; vô ích hí luận, "Thế gian" ngữ ngôn đẳng. Tam : "Tâm trạo" vị tâm tình phóng dật, túng niệm phan duyên, tư duy văn nghệ, "Thế gian" tài kỹ, chư ác giác quán đẳng.

Kinh DI GIÁO Phật dạy : "Nếu các ông Tỳ kheo mỗi món hí luận, chi khỏi tán loạn tâm thần, tuy đã xuất gia mà còn chưa giải thoát. Thế nên các ông cần phải kíp bỏ cái tâm hí luận tán loạn, mà cầu cái vui "vô vi" vắng lặng. Song muốnặng cái vui vắng lặng, thì cần phải khéo giữ nơi "Tâm" và diệt trừ cái bệnh "hí luận".

Ngài "Trường Lô Trách" thiên sư làm bài văn, tự răn mình như vầy : "Nếu ta trộm luận việc chánh "Triều đình", lén bình phẩm "Quận, Huyện, Quan, Liâu", giảng nói việc thanh suy trong nước với luận việc tốt xấu "phong tục", nhấn đến việc nhỏ, làm thợ, kẻ đi buôn và lời rộn ràng nơi chợ giếng, binh trận bên ngoài và giặc giã trong nước. Cùng "văn chương nghề nghiệp" áo cơm của tiền cật mình tài hay, ẩn việc tốt của người ta vạch bày tội lỗi, chỉ trích những tí vết nhỏ; như vậy đã trái việc làm phước lại không ích chi với "tâm" của người tu".

Những lời nói chơi như thế đó đều có hại cho "Đức Thật", ngòi tiêu của tín thí, ngược ngó hổ với "Thiên Long" tội trước tràng bưng, họa sau ngập đầu. Sao vậy ? Bởi lửa khổ của chúng sanh phùng đốt bốn phía đâu nở đành vậy ngòi yên mà luận việc "vô nghĩa".

Ôi bực "Cổ Đức" như ngài "Trường Lô" còn nói cái lời để răn nhắc lấy mình như thế. Huống chi chúng ta là người bực nào mà muốn chẳng tự suy xét bốn phận hay sao ?

Lời Ký nói : *Nói chuyện ồn ào "Tàu" gọi chữ "Huyền". "Trạo cử" có ba nghĩa : 1) Thân "trạo cử" bởi thân ưa chơi nhẩy, làm các việc hí hước và ngòi không tạm yên. 2) "Khẩu trạo", là nghĩa miệng ưa ngâm vịnh đua tranh phải quấy; hí luận việc vô ích và bàn cãi những chuyện "thế gian". 3) "Tâm trạo" là, nghĩa tâm tình phóng túng, buông niệmg vớ, suy nghĩ nghề văn tài nghệ trong "Thế Gian" và vọng tưởng những chuyện sai quấy v.v...*

"Tống" Quang Hiếu, "An" thiền sư, tại định trung kiến nhị Tăng ý lam tương ngữ, sơ hữu "Thiên Thần" ủng vệ khuyh thính, cứu chi tán khứ. Nga nhi ác quỷ thóa mạ, tảo kỳ khước tích. Tuần kỳ cố, nãi nhị Tăng sơ luận Phật Pháp, thứ tự nhàn khoát, mặt đàm tư dưỡng. An tự thị chung thân, vị thường ngôn cập thế sự.

Luật vân : "Hữu nhị "Bí Số" tùy lộ nhi hành thuyết "phi pháp" ngữ, thời hữu bất tín tâm "Dạ Xoa", dục hấp kỳ tinh khí. Phật ngôn : "Bí Số" tại lộ hành, ung tư duy thiện pháp, hữu nhị chưởng sự : Nhất, tác "pháp ngữ", Nhị, như Thánh mặc nhiên. Chí chỉ túc xứ thuyết Thành Già Đà". Kim nhơn chung nhật nhàn đàm tạp thoại, thượng bất miễn thần quỷ ha trách, nhi hướng cầu kỳ ủng hộ, khả đắc hồ tai ?

Nhiên tắc, nhất kỳ sấn lạc, bất tri lạc thị khổ nhơn.

Thượng cú, minh dật lạc. Hạ cú, minh khổ nhơn. Vị kim sanh tứ tình phóng vật ư dục lạc tức thị đương lai chi khổ nhơn. Khổ nhơn tư tập, khổ quả tiện chí. Cố vấn : "Nhơn địa bất chơn, quả chiêu vu khúc, mục tiên giao báo, một hậu trầm luân", tư chi vị dư !

Nhất kỳ giả ? Vị chư chúng sanh thọ thân, tuy vân thọ mạng trường đoản bất đồng, nhiên giai thị nhất kỳ quả báo. Thị tắc nhất sanh trực lạc, thành vi vạn kiếp chi khổ ương hĩ.

Ký viết : "Dục lạc giả ? Ngũ dục lạc dã"

Nặng kiếp tuận "trần", vị thường phản tỉnh.

Đời nhà "Tống" niên hiệu "Quang Hiếu", ngài "Đạo An" thiền sư trong khi nhập định thấy có hai ông Thầy dựa hàng rào nói chuyện, đầu có hai vị "Thiên Thân" hộ vệ lắng nghe, giây lâu thần bỏ đi mất. Bỗng có con ác quỷ đến nhỏ nước miếng mắng và chà đầu chân của hai ông. Hỏi ra biết duyên cớ, chính 2 ông "Thầy" kia ban đầu luận việc "Phật Pháp", kể nói chuyện "Thế Gian" rồi rút sau bàn việc tu dưỡng. Ngài "Đạo An" từ đây cho đến trọn đời nói chưa từng khi nào nói đến những chuyện "thế gian".

Trong LUẬT nhắc sự tích có hai ông "Bí Số", đi dọc đường luận nói những chuyện "phi pháp", khi đó có con quỷ "Dạ Xoa" bắt tín tâm, muốn hấp tinh khí của hai ông kia. Phật dạy : Phạm làm "Bí Số" khi đi đường, phải niệm nghi pháp lành, có hai việc : 1) Nói lời "Đạo Đức". 2) Thâm tưởng "Phật" mà đi. Đến chỗ nghỉ ngơi đọc lời kệ tụng của "Phật". Thế mà người tu đời bây giờ cả ngày cứ đàm luận những chuyện bậy bạ, e còn chưa khỏi quỷ thần quở trách huống nữa là cầu quý ngài ủng hộ mà hồng được sao ? !

Song thời một thuở đưa vui, nào có biết vui đó là "Nhơn" của cái khổ.

Câu trên nói vui lung. Câu dưới nói nhơn khổ. Nghĩa là đời nay lung tình phóng thả theo cái vui "ngũ dục" tức là làm cái "nhơn" khổ cho kiếp tương lai. Nhơn khổ chưa nhóm đời nay, thì sau này quyết chịu quả khổ. Cho nên có câu : "Chỗ tạo nhơn không chánh, thì chỗ kết quả ắt phải vầy vò, mắc báo trước mắt, chết rồi có nạn trầm luân" là nghĩa đây vậy !

Thế nào là một "thời kỳ" ? Nghĩa là tất cả chúng sanh chịu cái báo thân này, tuy nói rằng kẻ sống lâu, người chết yếu không đồng, song rốt cuộc cũng đều là "Quả báo" trong một thời kỳ. Vậy thì khi sống đưa theo sự vui trong một đời, thật là gây cái khổ ương cho muôn kiếp vậy.

Lời Ký nói : "Dục lạc là gì ? Là năm món ưa thềm vậy".

Nhiều kiếp theo "Trần", chưa từng xét lại.

Thượng cú, minh tùy "trần tập". Hạ cú, minh thất "huệ nhân". Do vô thi kiếp lai, nhất hướng thuận tự hoặc tập, tùy trực chư trần vọng cảnh, chí kim xí nhiên hung trung. Vị thường nhất niệm phản chiếu tri phi hà năng khắc tu "Định Huệ", phá bỉ hoặc tập nhi xuất "Trần Lao" da ? !

Ký viết : "Năng", vị năng tích. "Kiếp", thị trường thời, tức vô thi kiếp lai dã. "Trần" giả, trần cấu, thị nhiễm ô nghĩa. Vị chư vọng trần hoặc tập, năng nhiễm ô tự "Tâm" chơn tánh, bất đắc kiến "Đạo" cố dã.

"Thời quang yếm một, tuế ngoạt ta đà".

Thượng cú, thị trú dạ thất. Hạ cú, thị niên ngoạt thất. "Yếm một" giả, nhân diệt dã. "Ta đà" giả, hư quá thời nhật dã. Nhược bất chuyên tu "Định Huệ" phi dẫn mai một quang âm, thiệt nãi đồ táng bá niên hĩ.

Ký viết : "Ngôn thời quang giả, thị trú dạ hồ cử dã. Thời, vị thập nhị chi can. Quang, vị tam quang dã.

"Thọ dụng ân phiền, thí lợi nung hậu".

Thượng cú, tự dụng. Hạ cú, tha hí. Tha vị cầu phước, thí chi vô yếm. Nhi thọ giả, tu sanh tầm quý tri lượng thọ dụng. Ngôn thọ dụng giả, thân tâm nạp nhuận, tứ tình hưởng thí. Ân phiền giả ? Tứ cúng tư da, bá nhứt dinh trưởng. Thí lợi giả ? Tứ sự cúng dường, bá nhất sở tu dã. Ân phiền, nung hậu, danh dị, nhi nghĩa đồng dã.

Câu trên nói, theo cái thói quen "trần tục". Câu dưới nói, thiếu con mắt "trí huệ". Vì sao ? Bởi từ vô thì kiếp lại đây một bề thuận theo tánh lầm quen của mình và rượt mãi theo các cảnh vọng trần, cho đến ngày nay, nhiễm sâu trong bụng. Chưa từng một niệm quày soi biết quấy, đâu hay gắng tu "Định Huệ", phá cái thói quen lầm kia, mà ra khỏi "Trần Lao" ư ? !

Lời Ký nói : *Chữ "năng" là thuở xưa. Chữ "Kiếp" là lâu đời, tức là từ vô thì kiếp lại đây vậy. Chữ "Trần" là bụi nhơ, là cái nghĩa nhiễm nhơ. Tại sao thế ? - Bởi các vọng trần hoặc tập nó làm nhiễm nhơ cái chơn tánh của "tâm" mình không thể thấy được "Đạo" cơ vậy.*

Ngày giờ thoát lạng, năm tháng luống qua.

Câu trên là ngày đêm mất. Câu dưới là năm tháng luống qua. "Thoạt lạng" là gì ? Là bật mất vậy. "Luống qua" là gì ? - Là luống qua ngày giờ vậy. Nếu ta không chuyên tu "Định Huệ", chẳng những chôn lấp ngày đêm, thực là luống mất thời gian trăm năm nữa vậy.

Lời Ký nói : *Nói "thì giờ" là gì ? Là luôn cả ngày và đêm nữa vậy. Giờ thì có 12 giờ. Ngày thì gồm cả ban đêm. Có cái nghĩa sáng. Tức 3 ngôi sáng như Mặt trời, mặt trăng, và ngôi sao vậy.*

Thọ dụng lắm nhiều, của tín thí đầy nhấy.

Câu trên nói, mình thọ dụng. Câu dưới nói người đem đến cúng dường. Là nghĩa người "Thí chủ" kia họ vì muốn cầu ruộng "phước" nên cúng dường không chán. Ta làm người thọ lãnh cần phải sanh lòng hổ thẹn biết lương sức mình tu hành tới đâu mà thọ dụng. Thọ dụng là gì ? Là nghĩa thân tâm nhận chịu, lung tình hưởng của cúng. Chi là lắm nhiều ? Là bốn món cúng dường chan chứa, một trăm món ngấp tràn. Của "thí" là chi ? Tức bốn việc cúng dường, và trăm món vật dụng vậy. "Lắm nhiều", "Đầy nhấy" bốn chữ này cái tên tuy khác nhưng vẫn đồng một nghĩa "nhiều" mà thôi.

Ký viết : "Huệ Hưu" *Pháp sư, tam thập niên, trước nhất lưỡng hải, ngộ nhuyển địa tắc xích túc. Thường hối chúng viết : "Nhữ kim chủng chủng thọ dụng, vị cơ nhi thực, vị hàn nhi y, vị cấu nhi dục, vị thù nhi manh. Đạo nhân vị minh, Tâm lậu vị tận như hà tiêu đặc ? Ân giả, thanh dã. Phiền giả, đa dã. Nung giả bất đạm. Hậu giả, bất bạc dã. Tứ cúng giả : Âm thực, Y phục. Ngọa cụ. Y dược. Bá nhất giả ? "Sa môn" cung thân sở tu chi vật dã.*

"Động kinh niên tãi, bất nghĩ khí ly".

Thượng cú, ngôn "Thời". Hạ cú ngôn "Tâm". Do thọ dụng ân phiền, đam vị bất hưu. Cố trí bất giác kinh lịch niên tãi, tăng vị sanh nhất niệm khí xả yểm ly chi tâm.

Ký viết : *Nghĩ giả, sở vị nghi chi nhi hậu vi, tức sủy đạc dĩ đái dã.*

Phù Dung thiền Sư vân : "Vị Yểm "Trần Lao", cầu thoát "sanh tử". Hưu tâm túc "niệm", đoạn tuyệt "phan duyên" cố danh "xuất gia". Khởi khả đẳng nhàn lợi dưỡng, mai một "Bình sanh", trực tu lưỡng đầu tận khai. Trung gian phóng hạ ? Ngộ thình ngộ sắc, như "thạch" thượng tài hoa. Kiến lợi, kiến danh như nhân trung trước tiết. Hướng tòng "vô thừ" dĩ lai, bất thị bất tăng kinh lịch. Hà tu khổ khổ tham luyến. Như kim bất hiệt cánh đái hà thời ?

"Tích tụ tư đa, bảo trì "huyền chất".

Thượng cú, súc bất kiên vật. Hạ cú, dưỡng mộng huyền thân. Vị tích tụ tứ cúng bất kiên chi tài. Bảo trì "Ngũ Âm" mộng huyền chi chất. Nhất triêu "Vô Thường" đáo lai, tích chi hà dụng. "Tứ Đại" phân tán bảo chi hề tại.

Lời Ký nói : Ngài "Huệ Hưu Pháp Sư" 30 năm đi một đôi giày, gặp chỗ đất mềm thì đi chân không. Ngài thường dạy trong "Đại chúng" rằng : "Các người, các món thực dụng, chưa đói mà ăn, chưa lạnh mà mặc, chưa nơ mà tắm, chưa buồn mà đi ngủ. "Đạo nhân" chưa sáng, tâm "Hữu lậu" chưa hết thế nào tiêu diệt ?". Chữ "Ăn" là nghĩa "Thạnh". Chữ Phiền là nghĩa "Nhiều". Chữ "Nung" là nghĩa "không kém". Chữ "Hậu" là nghĩa "không ít". Bốn món cúng là : 1) Âm thực 2) "Y phục" 3) "Ngọa Cụ" 4) "Y Dược". Trăm một món là gì ? Là những món vật cúng cho thầy "Sa Môn" cần dùng vậy.

Năm này trải qua năm khác, chẳng toan bỏ lìa.

Câu trên nói "Thời gian". Câu dưới nói "Tâm niệm". Bởi thọ dụng ô nhiễm, đắm mê chẳng dứt. Đến nỗi không biết trải qua mấy năm, mà chưa từng sanh một niệm để tâm nhàm chán xả bỏ.

Lời Ký nói : "Nghĩ" là nghĩa nói nghĩ đó rồi sau mới làm, tức so xét cho kịp thời giờ vậy.

Ngài Phù Dung thiền sư nói : "Vi chán cõi đời " Trần Lao" cầu thoát kiếp "Sanh Tử". Nên thôi vọng tâm, dứt "vọng niệm", bật hẳn sự "vướng vin" nên mới gọi là người "Xuất Gia". Đâu nên lếu láo qua ngày mà tính toán việc lợi dưỡng, chôn lấp một đời "Bình Sanh", chính phải hai đầu (Hữu và Vô) buông ra. Chẳng giữa "Trung Đạo" thả xuống, không đắm không nhiễm. Dù gặp tiếng hay, dù gặp sắc đẹp coi như cây hoa trồng trên "tảng đá". Dù thấy lợi dù thấy danh cũng như bụi dính trong con mắt. Hướng chi từ vô tử kiếp lại đây, chẳng phải chẳng từng trải qua cảnh ấy. Cần gì bỏ tham luyến. Như ngày nay không thôi thì đợi thì giờ nào nữa ? !

Chứa nhóm thêm nhiều, giữ gìn "vóc huyễn".

Câu trên nói, chứa vật không bền. Câu dưới nói, nuôi thân mộng ảo. Nghĩa là chứa nhóm bốn của cúng là những của không bền. Giữ gìn thân "Ngũ ấm" là thân mộng ảo. Một mai "Vô Thường" tới nơi, chứa đó có dùng chi. Thân "Tứ Đại" lúc rã rồi giữ đó đâu còn.

Cố "Tịnh Trụ" pháp sư vân : "Sanh bất khả bảo, duy dục định sanh, tử tất định chí, bất tri cố tử". Huống thử nguy mạng hung biến. "Vô Thường" nga khoảnh chi gian, bất giác yểm tử. Nhiên kỳ ác nhơn, ký tích, ác quả nan đào, hình khúc ảnh oa, khởi hư ngôn tai !

Ký viết : "Tài thuộc ngũ gia, cố viết bất kiên. Vị : Thủy phiêu, Hỏa phân, Tặc đạo, Quan đắc chi, Ác tử bại chi".

Vô Tác "Thiền sư vân" : Phước liệt tài cường, tài tất vi ương. Đúc bạc nhậm đại, nhậm tốc thành hại". Cố nhơn chỉ yếu Tâm đạt, bất yếu Thân đạt. Tha hiền mạc yểm, ngã hiền mạc phạt. Nhược như thử, tắc tri kỳ mạng, hiệp kỳ đạo, chung nhất thân nhi tự bảo hĩ.

"Đạo sư hữu sắc, giới húc tỳ kheo" tấn đạo nghiêm thân tam thường bất túc".

Thượng nhị cú, "giới miễn". Hạ nhị cú, thị "Pháp" "Như Lai" vị tam giới chi "Pháp vương". "Tứ chúng" chi đạo "Su". Cùng tận vật tánh, quan cơ thọ "Pháp", ứng bệnh dữ dược. Thị cố lập "Pháp" chế "Giới". Sắc linh chư Đệ tử tu hành, tấn "Đạo" tất tu tinh cần, thiếu dục tri túc.

Dĩ tam sự nhi tự nghiêm thân. Tam sự, vị : Ẩm thực, Y phục, Thùy manh. Tư tam giả, sứ nhơn chi sở tế, chướng đạo chi nhơn duyên, cố linh thường tu bất túc, phương dữ đạo hiệp.

Ký viết : "Đạo Sư" giả. Dẫn đạo chúng sanh, xuất u "Tam giới" chi hỏa trạch dã. TƯ ÍCH kinh vân : "Ưch chúng sanh, sanh "Đại Bi tâm", linh nhập "chánh đạo", bất cầu báo ân

Cho nên Ngài Tịnh Trụ pháp sư nói : "Sống không giữ được, cứ muốn lo sống, chết ắt quyết đến, sao không biết lo chết". Huống chi mạng người hổng hẻo. "Vô Thường" quỉ dữ rình rập một bên, trong giây lát phút xút chết mất. Song cái nhơn ác kia đã chứa, thì cái quả ác khó bề trốn khỏi. Cũng như hình cong thì bóng phải vẹo, lời ấy đâu có láo dối ư ?

Lời Ký nói : "Của thuộc năm nhà, cho nên nói của không bền. Năm nhà là gì ? 1) Bị nước trôi - 2) Lửa cháy - 3) Ân cướp, ăn trộm lấy - 4) Quan trên lấy (tịch thu) - 5) Con dữ phá tán.

Ngài Vô Tác Thiên sư nói : "Phước yếu của mạnh, của ắt làm bại, Đức mỏng gánh to, gánh mau thành hại". Cho nên "Cổ Nhơn" chỉ muốn Tâm thông (sáng suốt, chớ không muốn Thân thông (trang sức thân đẹp). Người khác có tài ba chớ chê, ta có tài ba không khoe. Nếu được như thế, thời là biết mạng mình hiệp với "Chánh Đạo" trọn một đời có thể tự chủ lấy mình được vậy.

Đức "Đạo Sư" có dạy : "Răn khuyên các Tỳ kheo muốn tấn Đạo nghiêm thân, ba việc thường bớt bớt".

Hai câu trên : "Răn khuyên". Hai câu dưới nêu "Pháp". Đức "Như Lai" là vị "Pháp Vương" trong ba cõi, "Thầy" dẫn đường cho "Bốn chúng". Biết cùng tột nghiệp tánh của muôn loài, xem cơ mà trao "Pháp" cũng như "Lương Y" theo bệnh mà đầu thang. Cho nên Đức "Như Lai" lập "Kinh" chế "Luật". Dạy bảo các hàng Đệ tử tu hành, muốn tấn "Đạo nghiêm thân" ắt phải siêng năng và ít sự ham muốn, biết vừa đủ.

Dùng ba việc mà tự sửa lấy mình. Ba việc là : 1) Ẩm thực. 2) Y phục. 3) Thùy miên (ngủ nghỉ). Ba việc này, nó làm cho người u ám, nhơn duyên ngăn đạo, cho nên Phật dạy thường phải bớt bớt mới hiệp với Đạo.

Lời Ký nói : "Đạo Sư" là gì ? Là người dẫn dắt chúng sanh ra khỏi nhà lửa "Ba Cõi" vậy. Kinh TỬ ÍCH nói :

cố danh "Đạo Sư". BẢO ÂN kinh vân : Thị "Niết Bàn" kinh, sử đắc "vô vi" thường lạc, cố danh "đại Đạo Sư".

DI GIÁO kinh, Phật ngôn : "Nhữ đẳng "Tỳ Kheo" nhược dục thoát chư khổ não, đương quán "tri túc". "Tri túc" chi pháp túc thị phú lạc an ổn chi xứ. Tri túc chi nhơn, tuy ngộ địa thượng, du vi an lạc. Bất "Tri túc" giả, tuy xử "Thiên Đường", diệc bất xứng ý. Bất "Tri túc" giả, tuy phú nhi bần. "Tri túc" chi nhơn, tuy bần nhi phú. Bất "Tri túc" giả, thường vi ngũ dục sở khiên. Vi "Tri túc" giả chi sở lân mẫn. Nhữ đẳng "Tỳ kheo", thọ chư ẩm thực, đương như phục dục, ư hảo, ư ố, vật sanh tăng giảm, thú đắc chi thân, dĩ trừ cơ khát. Như phong thế hoa, dẫn thủ kỳ vị, bất tổn sắc hương. Tỳ kheo diệc nhĩ, thọ nhơn cúng dường, thú tự trừ não, vô đắc đa cầu, hoại kỳ Thiện tâm".

Hựu vân : "Nhữ đẳng Tỳ kheo, đương tự ma đầu, dĩ xả súc hảo, trước hoại sắc y, chấp trì úng khí, dĩ khát tự huợt". Hựu vân : "Nhữ đẳng Tỳ kheo ! Trú tắc cần tâm, tu tập thiện pháp, vô linh thất thời. Sơ dạ, hậu dạ, diệc vật hữu phế. Trung dạ tụng kinh, dĩ tự tiêu túc, vô dĩ thùy mạnh nhơn duyên, linh nhất sanh không quả, vô sở đắc dã. Đương niệm "Vô Thường" chi hỏa, thiêu chư Thế gian, tảo cầu tự độ, vật thùy mạnh dã. Húc, vị miễn húc. Nghiêm, vị nghiêm chánh".

"Nhơn đa ư thử, đam vị bất hưu, nhật vãng nguyệt lai tấp nhiên bạch thủ.

"Đức Phật đối với tất cả chúng sanh, sanh cái tâm "Đại Bi". làm sao cho chúng sanh được đi đường "chánh", mà không mong cầu chúng sanh trả ơn, cho nên gọi là "Đạo Sư". Kinh BẢO AN : "Đức Phật chỉ con đường "Niết Bàn", khiến cho chúng sanh đặng cái vui "Vô Vi" thường hoài, cho nên gọi ông "Đại Đạo Sư".

Kinh DI GIÁO, Phật kêu các hàng "Tỳ kheo" mà bảo rằng : "Này các ông Tỳ kheo ! Nếu các ông muốn khỏi những sự khổ não thì các ông cần phải quán xét pháp "Tri Túc". Pháp "Tri Túc" là cái chỗ giàu vui an ổn. Này Tỳ kheo ! Những người có biết "Tri Túc, tuy nằm trên đất cũng là an vui. Còn kẻ không biết "Tri Túc" tuy ở "Thiên Đường" cũng không vừa ý. Người không "Tri Túc" tuy giàu mà nghèo. Người "Tri Túc" tuy nghèo mà giàu. Người không "Tri túc" thường bị năm món "dục lạc" nó kéo lôi. Làm người "Tri Túc" đem lòng thương xót. Này các "Tỳ kheo" ! Các ông muốn thọ những vật ẩm thực của người "Thí chủ" mà ăn đỡ bữa thì nên tưởng cũng như uống thuốc, đối với món ăn ngon và dở, đừng nên đem tâm khen chê, miễn vừa đỡ thân, lấp cái ghe đói khát. Cũng như ong hút hoa chỉ ném cái nhị hoa chớ không tổn sắc và hương của nó. Thầy Tỳ kheo cũng thế, chịu người cúng dường, đỡ mình khỏi đói, chớ nên tham nhiều, làm mất cái thiện tâm của Thí chủ".

Phật lại kêu các Thầy Tỳ kheo mà nói nữa rằng : "Tỳ kheo các ông ! Hãy tự rờ đầu coi thử, các ông đã bỏ những việc trang sức tốt đẹp của đời, mặc áo nhuộm màu hoại sắc, tay cầm bình bát, đi khát thực tự sống qua ngày, để lo làm Đạo". Phật lại bảo rằng : "Này các Tỳ kheo ! Các ông ngày thời chuyên tâm tu tập pháp lành đừng để mất thì giờ. Đầu đêm, sau đêm, cũng đừng có bỏ. Giữa đêm thời tụng kinh để cho tiêu tội, chớ nên vì việc ngủ nghỉ, khiến một đời luống qua, rốt cuộc không có kết quả gì cả. Các ông phải nghĩ, ngọn lửa "Vô Thường" nó đốt cả Thế gian, phải sớm lo tìm phương cứu mình chớ đừng ham sự ngủ nghỉ vậy. Chữ Húc là nghĩa "khuyên gắng" chữ Nghiêm là nghĩa "nghiêm chính".

Nhiều người đối đây đắm mền không thôi. Ngày qua tháng lại, thoát đã bạc đầu.

Thượng nhị cú, "tham lợi". Hạ nhị cú, "vong sanh". Y ! Tham trước thế lợi du vị tức, bất giác bạch phát đôi đầu hĩ, nhật vãng nguyệt lai như triền hỏa, tử phù bất cứu hựu tương chí.

Ký viết : Ư thử giả ? Tam sự dã. Táp giả, du phong táp nhiên nhi chí dã. Như A HÀM kinh vân : "Hữu tứ sự, tiên bất ngữ nhơn. Nhất đầu bạch, nhị lão, tam bệnh, tứ tử. Thị tứ sự bất khả tị, diệc bất khả khước !

"Hậu học vị văn chỉ thú, ưng tu bác vấn tiên tri".

Thượng cú, ngôn tha pháp "ích". Hạ cú, linh tiên tự lợi. Vị hư sanh không lão, vô ngôn dĩ tiếp hậu lai, dục đắc lợi tha, tiên tu tự lợi. Tự lợi, tắc bác vấn "tiên tri", triệt Phật Tổ tâm tánh chi nguyên. Lợi tha, tắc liễu đạt "chơn tông", quảng thị sự lý phương tiện chi môn. Bác vấn, tắc bất trạch tôn ti, bất si hạ tự.

Sở vị, y pháp bất y nhơn. Quảng thị, tắc bất đoãn oan thân, bất phân quới tiện. Sở vị "Tâm từ", "thể chánh", pháp thí "bình đẳng" Thiết hoài "Bỉ Ngã" "Tự", "Tha" lương thất.

PHÁP CÚ Kinh vân : "Học tiên tự chánh, nhiên hậu chánh nhơn, điều thân nhập huệ; tất hườn vi thượng. Thân bất năng lợi, an năng lợi nhơn, Tâm điều, Thể chánh, hà nguyện bất chí. Tuy tụng thiên ngôn, bất hành hà ích, bất như nhất văn, cần tu đắc ích. Tuy tụng thiên ngôn, bất cầu xuất thế. Bất như nhất ngộ,

Hai câu trên là "tham lợi". Hai câu dưới là quên đời sống". Than ôi ! Tham mển của đời vẫn không thôi, ngờ đầu tóc bạc nhóm đầy đầu, ngày qua tháng lại như vòng lửa, tin chết không lâu đã đến rồi.

Lời Ký nói : *"Đối đây là gì ? Là ba việc thường vậy. Thoạt đã bạc đầu. Chữ "Thoạt" cũng như gió kia thoạt nhiên thổi đến bất ngờ. Như trong kinh A HÀM nói có bốn việc bất ngờ không nói người hay trước. Bốn việc là gì ? - 1) "Đầu bạc" - 2) "Già" - 3) "Bệnh" - 4) "Chết". Bốn việc này lánh không được mà có bỏ đi cũng không được !*

Kẻ hậu học chưa nghe lời ý chỉ và tôn thú, thời phải rộng hỏi bực Tiên Tri.

Câu trên là nói kẻ hậu học thiếu chỗ lợi ích. Câu dưới là dạy cho biết, phạm muốn lợi người, trước phải lợi mình đã. Như nói mình ở trong chùa từ bé đến lớn, không học không hành chi cả, thì biết lời chi để mà diu dắt kẻ hậu lai, chi cho khỏi người ta nhạo báng câu "Nhỏ hư già lúống". Cho nên Tổ "Hoằng Tán" dạy : "Muốnặng lợi cho người, trước phải lợi mình đã. Lợi mình, thời rộng hỏi bực "Tiên Tri" cho thấu cái nguồn tâm tánh của Phật và Tổ. Lợi cho người, thời phải thông suốt lý "chơn tông", rộng bày các môn phương tiện Sự và Lý. Rộng hỏi : thời không chọn kẻ lớn người nhỏ, không hổ đến hỏi với bực dưới mình".

Tại sao thế ? - Bởi y Pháp chẳng y Người vậy. Rộng bày thời không lựa kẻ oan người thân, không phân kẻ sang người hèn. Thế mới đáng gọi là bực "Tâm tử", "Thân chính", thí pháp "Bình đẳng". Nếu chúng ta cứ ôm lòng "nhơn ngã" thời "mình" và "người" cả hai đều thất lợi.

Kinh PHÁP CÚ dạy rằng : "Phạm học Đạo trước phải sửa mình, vậy sau mới sửa cho người, điều hòa thân tâm, tỏ vào Trí Huệ, ấy là trước nhất. Nếu mình khôngặng lợi, đâu hay lợi cho người, Tâm hòa, Thân chính, nguyện gì chẳng xong. Tuy đọc nghìn lời, không làm ích chi, chẳng bằng nghe một câu cần tuặng ích. Tuy tụng nghìn lời,

tuyệt ly Tam giới. Tuy tụng thiên ngôn, bất tòn "Bi", Trí, bất như nhất thính, tự tha lương lợi.

Ký viết : "Chi" tức Kinh Luật chi tông chi. "Thú", tắc tông chi sở qui dã. "Tông" giả, tôn dã, sùng dã. "Chì", thị ý chi. Vị Kinh Luật chi sở sùng sở tôn, sở chủ, ý chi; qui thú cứu cánh xứ dã. "Bác" vị quảng tham. Vấn vị thính ích. Tiên tri giả ? Tiên giác dã.

SỰ SAO viết, cố vân : "Bác học vị tế bần" "Tăng" truyện viết : "Phi bác tắc ngữ vô sở cứ". Cố học bất yểm bác, bác tắc thông hí. Tử viết : "Quân tử bác học ư văn, ước chi dĩ Lễ, diệc khả dĩ phát bần hĩ phù". Cấu sanh nhi bần ư học giả nhu phu dã, tử nhi phú ư đạo giả, "quân tử" dã. Thị tri bác học nãi tế thức kiến chi bần dã. Trang Tử viết : Nhon nhi bất học, vị chi thị nhục, học nhi bất hành, vị chi toát nang. "Phát bần" vị bất vi đạo dã.

"Tương vị xuất gia, quới cầu y thực".

Thử nhị cú, kiết thượng, khởi hạ chi văn. "Tương" giả ? Dục dã, nghĩ dã, diệc ước từ dã. Nhiên xã tục xuất gia, bốn dĩ Đạo vi trọng, phi dĩ y thực vi sở quý dã.

Ký viết : "Đạo An" Pháp sư giới chúng vân : "Khanh dĩ xuất gia, khí tục từ quân, tài, sắc, bất cố, dữ thế bất quần, kim ngọc bất quý, duy Đạo vi trân, ước kỹ thủ tiết, cam khổ lạc bần, cận đức tự độ, hựu năng độ nhơn".

"LỤC KHẢI THỊ TAM HỌC"

Phật tiên chế luật, khai sáng phát mông.

chẳng cầu khỏi tục. Chẳng bằng ngộ mật câu, vượt ngoài Tam giới. Tuy tụng nghìn lời không gìn lòng "Bi" và "Trí"; chẳng bằng nghe một câu, mình và người đều lợi ích.

Lời Ký nói : *Chữ "Chỉ" tức là tôn chỉ trong Kinh trong Luật. Chữ "Thú" là chỗ kết về tôn chỉ. Chữ "Tôn" là nghĩa kính trọng vậy. Chữ "Chỉ" là ý chỉ. Nghĩa là ý chỉ đáng tôn đáng trọng đáng chú ý của "Kinh" và "Luật" là chỗ đi về rất ráo vậy. Chữ "Bác" là nghĩa rộng tìm. Chữ "Vấn" là nghĩa hỏi học. Bực Tiên Tri là ai ? - Là những người tỏ ngộ trước ta vậy.*

Trong bộ SỰ SAO dẫn lời Cổ nhơn nói : "Người học rộng để giúp chỗ dốt". Trong truyện Cao Tăng nói "Chẳng phải rộng học thì lời nói không chứng cứ". Cho nên đối với sự học ta không nhằm học rộng, học rộng thời thông vậy. Đức Khổng Tử nói : "Luận người quân tử học rộng vẫn chơng, để gồm về việc Lễ cũng có thể không trái Đạo vậy". Nếu sống mà nghèo nơi sự học vẫn là kẻ ngu phu; chết mà giàu nơi Đạo Đức là người "Quân Tử" vậy. Cho nên biết rằng người rộng học chính giúp sự nghèo về phần "kiến thức" vậy. Ông Trang Tử nói rằng : "Người mà không học người ta nói đó là cục thịt chỉ biết đi và biết chạy; học mà không làm (giáo hóa), khác nào bỏ của báu trong túi rồi cột gút treo lên nóc nhà. Tiếng Ta nói không trái Đạo, cũng như tiếng Hán nói chữ "Phát bần".

Toan nói đi xuất gia, trọng cầu ăn mặc.

Hai câu này kết văn trên khởi mở văn dưới. "Toan" là gì ? Là muốn vậy, tính vậy, cũng là cái lời gạn trở lại vậy. Song chúng ta là người bỏ tục đi xuất gia, cốt lấy Đạo làm trọng, chớ không phải lấy việc ăn mặc làm chỗ quý vậy.

Lời Ký nói : "Ngài Đạo An Pháp Sư răn trong chúng rằng : "Các ông đã xuất gia, bỏ tục, từ Vua, tài sắc không đối, không chung với người đời; vàng ngọc không quý chỉ lấy Đạo làm trọng, sửa mình giữ nề chịu khổ, vui nghèo, gần người có Đứcặng câu độ mình và độ được người khác."

6) MỞ BÀI PHÉP TAM HỌC

Phật trước chế Luật đều dạy kẻ sơ cơ.

Thượng cú, "minh "Ngũ Thiên", "Thất Tu". Hạ cú, minh khai phát sơ cơ. Dĩ luật thị định huệ chi thủ học, vạn thiện chi cơ bốn đả. "Mông", thị "Mông muội" vị tùng. Vị chứng Thánh vị dĩ lai, giai viết mông muội. Huống dư sơ học bạc địa phàm phu hồ ?

Phật tiên chế luật giả ? Cái do chúng sanh phiền não xí thanh. Tam độc cạnh hưng, diên đảo loạn tưởng, thất trí huệ minh, tạo sanh tử nghiệp. Thị cố Như Lai ứng cơ thiết giáo, thủ dĩ "mộc xoa" phòng phi chỉ ác. Thứ dĩ thiên định tức lự vọng duyên. Hậu dĩ trí huệ phá hoặc chứng nhơn.

Cố "Nam Sơn" vân : "Đản thân khẩu sở phát, sự tại "Giới" phòng. Tam độc bột hưng, yếu do tâm sử. Cố tiên hĩ "Giới", tróc, thứ dĩ "Định" phục, hậu dĩ "Huệ" sát, lý thứ nhiên hồ ?

Ký viết : "Phật", tức Bốn Sư Thích Ca Như Lai. Phạm ngữ cụ vân "Phật đà" thử ngôn "tri giả", diệc ngôn "Giác" giả. Vị ư Bồ đề thọ hạ, liễu liễu giác tri, tam thể chúng sanh, phi chúng sanh số "Hữu Thường", "Vô Thường" đẳng nhất thiết chư pháp.

"Tam giác", viên minh, cố xung vi "Phật". Nhất giả, "Tự giác" ngộ tánh chơn thường, liễu hoặc hư vọng. Nhị giả "Giác tha" vận vô duyên từ, độ "hữu tình" giới. Tam giả, "Giác hạnh Viên mãn", cùng nguyên cực để, hạnh mãn quả viên cố. Phạm ngữ "Tỳ ni", thử vân "Luật". "Luật" giả, thuyên dã. Vị thuyên lượng "Khinh", "Trọng", "Khai" "Giá", "Trì" "Phạm" đẳng, Phạm ngữ "Ba La Đề Mộc Xoa", thử vân "Biệt giải thoát", tức giới dã. Vị tam nghiệp thất chi. Các các phòng phi, biệt biệt giải thoát.

Câu trên nói, Giới Luật có "Năm Thiên", "Bảy Tự". Câu dưới nói mở dạy kẻ sơ cơ. Do trong ba phép học Giới, Định, Huệ, nhưng Giới Luật là phép học đầu của Định và Huệ, gốc nền muôn pháp lành vậy. Chữ "Mông" là nghĩa "Tối tăm". Tức những người chưa chứng vào địa vị bực Thánh nhần lại, đều gọi là tối tăm. Hướng chi những hàng sơ học và tất cả phàm phu ngu dốt ư ?

Phật trước lập "Luật" để làm gì ? Bởi do chúng sanh phiền não lấy lừng, ba độc lối lãng, điên đảo loạn tưởng, mất trí huệ sáng gây nghiệp đường sanh tử. Cho nên đức Như Lai coi cơ lập giáo, đầu dùng giới "Ba La Đề Mộc Xoa", ngăn ác dứt quấy. Kế dùng pháp Thiền Định, dứt niệm lự bỏ duyên trần. Sau lấy Trí Huệ phá vọng hoặc chứng "Chơn Như".

Cho nên Ngài "Nam Sơn" nói : Hể thân nghiệp, khẩu nghiệp buông ra, sự cần nhứt phải lấy Giới Luật ngăn cản. Ba độc khởi lên cốt do tâm sai khiến. Vì thế cho nên trước lấy "Giới Luật" bắt, kế lấy "Thiền Định" mà trói, rốt sau lấy "Trí Huệ" mà sát, lẽ phải thứ lớp như vậy mới được.

Lời Kỳ nói : "Phật" là ai ? Tức Đức Bổn Sư Thích Ca Như Lai. Tiếng Phạn ngữ nói cho đủ là "Phật Đà". Tiếng Hán dịch rằng "Tri", cũng dịch là "Giác". Nghĩa là Ngài ngồi dưới gốc cây Bồ đề, tỏ biết lâu lâu ba đời chúng sanh và chẳng phải số chúng sanh pháp "Hữu thường" và pháp "Vô thường" cùng tất cả các pháp.

"Ba giác" tròn sáng cho nên xưng là "Phật". - "Ba Giác" là chi ? 1) "Tự Giác", nghĩa là tỏ ngộ tánh chơn thường hết sự mê lầm dối giả - 2) "Giác tha", nghĩa là Ngài đem lòng từ vô duyên độ cõi Hữu tình - 3) "Giác hạnh viên mãn", nghĩa là biết cùng nguồn tốt đáy, hạnh mãn quả tròn vậy. Tiếng Phạn ngữ Tỳ Ni" cũng như tiếng Tàu nói : "Giới Luật". Chữ "Luật" theo ta cắt nghĩa là "Phân đoán". Là cái nghĩa phân đoán xét soi tội "Nhẹ", tội "Nặng", phép "Khai" phép "Giá" phép "Tri" và phép "Phạm" v.v... Tiếng Phạn ngữ gọi là "Ba La Đề Mộc xoa", cũng như tiếng Tàu nói chữ "Biệt giải thoát". Song dù "Mộc xoa" hay "Biệt giải thoát".

Hựu thọ giới dĩ, tùy đối sát đẳng sự bất tắc, biệt biệt vô
nhơn, tắc biệt biệt vô quả, Cố danh : "Biệt biệt giải thoát"
dã.

"Sáng" giả, sơ dã. Vị lập pháp sáng nghiệp chi chi
dã. "Ngũ Thiên", "Thất Tự", tường cụ Đại Luật. Nãi Tỳ
kheo nhị bá ngũ thập giới pháp. Ni tắc tam bá tứ thập
bát giới pháp. TRÍ LUẬN vân : "Ni thọ giới pháp, lược tắc
ngũ bá, quảng tắc, bát vạn".

"Hủy tắc oai nghi, tịnh như băng tuyết".

Thượng cú, thị "Pháp". Hạ cú thiết "Dụ".
"Hủy tắc" giả ? "Luật" chi hủy phạm pháp tắc
dã. Nhơn năng bảm thọ tư tắc, tức tiện trực
thứ "Vô Thượng Đạo" dã. Oai nghi giả ? Vị hữu
oai khả úy, hữu nghi khả kính. Do Tỳ kheo
phụng trì cấm giới, chúng đức oai nghiêm,
linh nhơn khả úy. Ứ hành trụ tọa ngoạ, nghi
đoan biểu chánh, linh nhơn khả kính. Thị tắc
nội nghiêm ngoạ chánh, nhất trần bất nhiễm.
Cố như băng chi "khiết". "Tuyết" chi bạch dã.

Ký viết : "Bốn văn nhị cú, thị "Giới thể". Hạ chi tứ cú
thị "Giới dụng".

"Chỉ trì tác phạm, thúc liễm sơ tâm".

Thượng cú, minh "Trì", "Phạm". Hạ cú, minh
"công năng". Nhiên "chỉ" tức thị "trì" "Tác" tiện
thị "phạm" - "Chỉ", tắc tâm nghiệp bất trì vọng

cũng không ra ngoài chữ "Luật". Nói "Luật" là để ngăn ngừa ba nghiệp và bảy chi tội, Hễ ngăn được một tội nào, thời giải thoát được một tội ấy. Và sau khi đã thọ giới rồi, đối những cảnh tội như sát sanh, các việc không làm v.v... thời tức là không gây cái nhưn sát sanh v.v... thời tức không mắc cái quả báo thường mạng vân vân... Cho nên nói tu được một điều lành thời giải thoát được một nghiệp tội, tu được nhiều điều lành thì giải thoát được nhiều tội. Có câu : "Mỗi mỗi không tạo nhưn ác, thời mỗi mỗi được quả giải thoát" là vậy.

Chữ "Sáng" là nghĩa ban đầu. Là nói đức Phật Như Lai lập Luật đầu tiên. Luật thì có "Năm thiên" và "Bảy tụ" trong Đại Luật có nói rõ. Chính là 250 giới pháp của Tỳ Kheo và 348 giới pháp của Tỳ Kheo Ni. Trong TRÍ ĐỘ LUẬN nói : "Tỳ Kheo Ni" thọ giới pháp, lược thời năm trăm giới, rộng thời tám vạn.

"Phép tắc" "oai nghi", sạch như "giá tuyệt".

Câu trên nêu "Giới Pháp". Câu dưới lập lời "Thí dụ". "Phép tắc" là gì ? Khuôn rập phép tắc của "Luật" vậy. Người mà hay đứng thọ phép tắc này, thời liền thẳng đến "Đạo Quả Vô Thượng". Vậy "Oai nghi" là gì ? - Bởi có "oai" khá sợ, có "nghi" khá kính. Tại sao có "oai" khá sợ, có "nghi" khá kính ? - Bởi thầy "Tỳ Kheo" đứng giữ cấm giới, các đức oai nghiêm nên khiến người khá sợ. Khi đi, đứng, ngồi nằm, hình ngay dạng chính, nên khiến người khá kính. Thực là trong nghiêm ngoài chính một mây trần không nhiễm. Cho nên nói : "Sạch" như giá, trắng như "Tuyệt" vậy.

Lời Ký nói : "Hai câu trên bốn vãn là nói cái Thể của Giới. Còn bốn câu sau đây là nói Dụng của Giới.

Ngăn, Giữ, Làm, Phạm, thúc liễm sơ tâm.

Câu trên nói, "Giữ" và "Phạm". Câu dưới nói, "công năng" của "Giới". Song "ngăn" tức là "giữ" "Làm" tức là "phạm". "Ngăn" là gì ? "Ngũn" là ngăn ba nghiệp, đừng

cảnh, chư ác bất sanh. "Tri", tác chủ chí kiên
trình, tâm ly tán dật, thị vi "thúc liễm". Nãi
nhập đạo chi thủ ước. Định, Huệ chi sơ môn. Cố
vân "Sơ tâm".

Ký viết : "Chi", tác chư ác bất khởi. "Tri", tác kiết la
vô phạm. Hựu chi, tác tâm vô vọng động, "Tri", tác chấp
nhi bất thất. "Thúc", tác niệm vô tán dật, "Liễm", tác
định thủy trạm nhiên.

PHỤ HÀNH vân : "Hữu ngôn : "Đại Thừa" hà tu chấp
"giới" giả, thử mâu dã. Ngôn bất chấp giả, nãi thị tri nhi
bất chấp. Nhược linh bất tri danh bất chấp, nãi thị chấp
phá, hà danh bất chấp. Chấp tri thượng vô, vọng tri an
tại.

"Vi tế điều chương, cách chư ối tộ".

Thượng cú minh "Giới Tướng". Hạ cú, minh
"Đối trị". Dĩ giới cụ tam thiên "oai nghi", bát vạn
"tế hạnh". Cố viết : "Vi tế điều chương, đối trị
bát vạn tứ thiên chư "Trần Lao". Cố viết : "Cách
chư ối tộ".

Ký viết : "Điều chương" giả ? Túc nhị bá ngũ thập giới
trung chư vi tế điều tướng dã, "Cách" giả, thân trừ dã. "Ổi
tộ" giả ? Túc tam độc, thập sử, chư hoặc tập nhiễm dã. "Chư
hoặc" giả ? Lược ngôn "tam kiết", "thập sử". Quảng ngôn
"bát thập bát sử", nãi chí bát vạn tứ thiên "trần lao", năng
kiết phục chúng sanh, xu sử lưu chuyển "tam giới", bất đắc
giải thoát.

"Tam kiết" giả, nhất thân kiến, nhị giới thủ, tam nghi
kiết, cánh gia tham, sân, si, mạn, biên kiến, tà kiến, kiến

cho nó rong ruổi theo cảnh vọng, thời các nghiệp ác không sanh. "Giữ" là gì ? - "Giữ" là giữ chí mình bền chắc, thời tâm không phóng túng, thế gọi "thúc liễm". Chính mỗi đầu vào Đạo. Cửa trước nhất của "Định" và "Huệ". Cho nên gọi "Sơ tâm".

Lời Ký nói : "Ngăn" thời cái ác không sanh, "Giữ" thời không phạm "Giới Luật". Lại nữa, ngăn thời tâm không vọng động. "Giữ" thì còn hoài không mất. "Thúc" thời niệm không buông lung. "Liễm" thời tâm định trong sáng.

Bộ PHỤ HÀNH nói : Có người nói rằng : Phạm hễ bực "Đại Thừa" thì thôi chớ nhọc gì phải chấp "Giới Luật". Ôi ! Lời đó sai lầm biết mấy. Nói không chấp là như thế này : Chỉnh bực "Đại Thừa" giữ "Giới" mà không chấp mình giữ mới đúng cái nghĩa không chấp. Chớ nếu nói rằng, không giữ "giới" mà gọi rằng không chấp chính đó là chấp cái chuyện phá giới, đâu có đúng với cái nghĩa không chấp nói trên. Cho nên nói : Bực Đại thừa Bồ Tát "Chấp mình giữ giới còn không huống chi quấy giữ đâu có".

"Phép tắc mọn mạp, ngăn các "tội lỗi".

Câu trên nói rõ "Giới Tướng". Câu dưới chỉ rành phép "Đối trị". Do đức Như Lai lập giới có đủ ba ngàn "oai nghi" tám muôn "tế hạnh". Cho nên nói câu : "Phép tắc" "mọn mạp" để đối trị tám vạn bốn ngàn các của "Trần Lao", Cho nên nói câu : "Ngăn các tội lỗi".

Lời ký nói : "Phép tắc" là gì ? Tức những giới tướng mọn mạp trong 250 đại giới của Thầy "Tỳ kheo" vậy. Thế nào là "ngăn" ? "Ngăn" là nghĩa ngăn trừ. "Tội lỗi" là gì ? Tức ba món độc, mười món sai khiến và các hoặc tập nhiễm vậy. Các hoặc là gì ? Lược nói có ba kết, mười món sai khiến. Rộng nói thời có 88 cái sai khiến nhân đến tám vạn bốn nghìn tội lỗi "trần lao", nó hay kết buộc chúng sanh xui khiến chúng sanh trôi lăn trong "ba cõi" khôngặng giải thoát.

"Ba Kết" là gì ? - 1) Chấp ta - 2) Chấp giữ giới theo Ngoại Đạo - 3) Kết chắc theo cái lối ngữ vựng (lại thêm bảy

thủ, "vi thập sử". Thử chi thập sử, lịch "tam giới" "tứ đế" hạ, tăng giảm bất đồng ; cộng thành "bát thập bát sử".

Cái "Dục giới", "khổ đế" hạ, "thập sử" cụ túc. "Tập, Diệt nhị đế" hạ. Các hữu thất sử, vị trừ "thân kiến", biên kiến", giới thủ, tam sử.

"Đạo đế" hạ, hữu bát sử : vị trừ "thân kiến, biên kiến" nhị sử. Tắc "tử đế", hiệp vi "tam thập nhị sử dã".

"Sắc giới", "Vô sắc giới". "Tứ đế" hạ giai như "Dục giới". Chỉ ư mỗi "đế" hạ hựu trừ "sân" sử. Dĩ thượng nhị giới sân, sử bất hành cố, nhất giới hữu "nhị thập bát sử". Nhị giới hiệp "ngũ thập lục sử" tinh tiền "Dục giới" "tam thập nhị sử". Tổng thành "bát thập bát sử" dã.

Bát vạn tứ thiên chư "Trần Lao" giả ? Dĩ : "Tham" "Sân" "Si" hành, cập "Đẳng Phần Hành", các cụ nhị vạn nhất thiên, cộng vi bát vạn tứ thiên dã. Tam thiên oai nghi, bát vạn tế hạnh giả ? Nhị bá ngũ thập giới pháp. Dĩ : "Hành" "Trụ" . "Tọa" . "Ngọa". Tứ oai nghi, các hữu nhị bá ngũ thập hiệp vi nhất thiên.

món nữa). *Bảy món là gì ? - 1) Tham. 2) Sân. 3) Si. 4) Khinh ý. 5) Chấp có chấp không. 6) Chấp bảy không chánh. 7) Chấp chắc, cộng thành mười món sai khiến. Mười món sai khiến này trải trong "Ba cõi" và trong "Bốn diệu đế" thêm bát, không đồng cộng thành "88 cái sai khiến".*

Nay luận "Ba cõi" và "Bốn đế". "Ba Cõi" là gì ? - 1) Cõi "Dục Giới". 2) Cõi "Sắc Giới". 3) Cõi "Vô Sắc Giới" "Bốn Đế" là gì ? - 1) Khổ đế, 2) Tập đế, 3) Diệt đế, 4) Đạo đế. Nay kể "88 món sai khiến" ở trong phạm vi của Ba cõi và Bốn đế nói trên. Nói về Khổ đế, cõi "Dục Giới" thời có đủ hoàn toàn mười món sai khiến. Còn "Tập đế" và "Diệt đế". Mỗi "đế" có 7 cái sai khiến, nghĩa là trừ hết ba cái : Chấp Ta, chấp có, chấp không, chấp theo lối giữ giới của "Ngoại Đạo", ba cái sai khiến.

Về "Đạo Đế" có tám sai khiến, nghĩa là trừ cái sai khiến chấp ta, chấp có, chấp không, hai cái sai khiến. Thời "Bốn đế" hiệp cộng là "32 cái sai khiến".

Nói về "Bốn Đế" trong cõi "Sắc Giới" và "Vô Sắc Giới". Các cái sai khiến cũng như cõi "Dục Giới" nói trên. Song ở trong mỗi "Đế" lại trừ cái sai khiến của cái "Sân". Bởi vì hai cõi trên "Sắc Giới" và "Vô Sắc Giới" không còn có cái "Sân" nữa, thời một cõi chỉ có "28 cái sai khiến" thôi. Hai cõi hiệp cộng là "56 cái sai khiến" cõi "Dục Giới" nữa. Tổng cộng lại thành "88 cái sai khiến" vậy.

Tám vạn bốn ngàn các khổ "Trần Lao" là gì ? - Lấy ba món "Tham", "Sân" "Si" và thêm một món nữa gọi là món "Đẳng Phần Hành", trong 4 món này mỗi một món có đủ hai vạn một nghìn, như bốn lần cộng thành số "tám vạn" bốn nghìn món "Trần Lao" - "Ba nghìn oai nghi", tám muôn tế hạnh là gì ? - "250 giới" của thầy Tỳ Kheo. Lấy bốn món oai nghi : 1) "Đi" - 2) "Đứng" - 3) "Ngồi" - 4) "Nằm". Trong bốn món oai nghi này mỗi một món có "250 oai nghi" hiệp cộng bốn món thành ra cái số "một nghìn oai nghi".

Tuần "Quá", "Hiện" "Vị lai", "Tam Thế" vi tam thiên oai nghi. Dĩ thử tam thiên, phối thân khẩu thất chi, thành nhị vạn nhất thiên. Dĩ thử nhị vạn nhất thiên phục đối trị "tham", "sân", "si" cập "đẳng phần", tứ chủng phiền não, vi bát vạn tứ thiên "tế hạnh". Thị vi đối trị Bát vạn tứ thiên, chư "trần lao" môn dã.

"Tỳ ni pháp tịch, tăng vị thao bồi, liễu nghĩa thượng thừa, khởi năng chân biệt".

Thử thừa thượng khởi hạ tương nhưn chi từ. Thượng nhị cú, "Giới Luật" vị tập. Hạ nhị cú, "Kinh Giáo" phá minh.

Tăng vị thao bồi giả ? Vị, vị tăng ngũ hạ y sư, thập tịch tự thính. Ký giới vi tam tạng, thủ học "Định", "Huệ" sơ môn. Học nghĩ lập đẳng, giáo lý hà minh ? Sơ môn vị tấn đường áo ninh khuy, thị tri "Giới Luật" vị nghiêm, "Huệ" giải mị sanh, nhi "Vô thượng", "Liễu Nghĩa" chi "Tông" an năng biện tích ngộ nhập giả hồ ?

Ngôn "Liễu nghĩa" giả ? Vị chư Đại thừa. Kinh giáo, nãi quyết trạch hiển liễu chi đàm, quảng minh "trung đạo" thiết tướng chi nghĩa, phi chư "Tiểu thừa" kinh điển, cập dư phú tướng mật ý hàm ẩn, chi thuyết dã.

Ký viết : "Trung Quốc" Survân : Thiên Tông pháp giả. Ưng y Phật ngữ, "Nhất Thừa Liễu Nghĩa" kế thủ "Bốn nguyên tâm địa". Chuyển tương truyền thọ, dữ Phật đạo đồng. Bất đắc y ư vọng tình cập bất liễu nghĩa giáo.

Lấy cái số "một nghìn oai nghi" này như cho ba đời, "Quá khứ", "Hiện tại" và "Vị lai" cộng thành "3.000 oai nghi". Lại lấy 3.000 oai nghi đó như cho "bảy chi tội" (3.000×7) : 21.000 làm thành hai vạn một nghìn (Bảy chi tội, tức 3 nghiệp của thân, 4 nghiệp của miệng). Lại đem 21.000 oai nghi đây như cho bốn món "Phiền não" như 1) "Tham" - 2) "Sân" - 3) "Si" - 4) "Đẳng Phần" thành tám vạn bốn ngàn "tế hạnh" ⁽¹⁾. Hôm nay lấy tám vạn bốn ngàn "tế hạnh" đó để đổi trị tám vạn bốn ngàn các cửa tội "Trần Lao" vậy.

Trường Giảng "Tỳ Ni", chưa từng nương ở. Huống "kinh liễu nghĩa Thượng Thừa" đâu hay tỏ biết.

Lời đây là nương văn trên khởi văn dưới như cho nhau. Hai câu trên nói Giới Luật chưa nhưn. Hai câu dưới nói "Kinh Giáo" chẳng tỏ.

Chưa từng nương ở là gì ? Nghĩa là chưa từng năm hạ nương ở với Thầy học Luật, mười trường tới nghe Tỳ ni. Song "Giới" là phép học đầu trong 3 tạng : "Kinh" "Luật" và "Luận", cửa trước nhất của pháp "Định và Huệ". Nhưng học đã vượt bậc thời giáo lý làm sao tỏ thấu ? Cũng như cửa ban đầu chưa tới, nhà kín đâu hay thấy dạng, cho nên biết rằng : "Giới Luật" không giữ thời không sanh "Trí Huệ", thì "Tông chỉ", "Vô thượng Liễu Nghĩa", làm sao phân tĩa tỏ vào ấy ư ?

"Liễu Nghĩa" là gì ? Là những kinh giáo "Đại thừa" chính lời nói quyết đoán lựa chọn rõ ràng thông thấu, rộng nói cái nghĩa thật tướng. "Trung đạo" chớ chẳng phải kinh điển của bậc Tiểu Thừa, và bao nhiêu cái thuyết hàm ẩn, ý kín, tướng khuất kia.

Lời Ký nói : Ngài Trung Quốc Sư nói rằng : Những người tu bên pháp "Thiền Định", phải y theo kinh "Liễu Nghĩa Thượng Thừa" của Phật nói mới khế hiệp bản-nguyên-tâm-địa. Truyền trao lẫn nhau đồng đạo với Phật.

(1) $250 \times 4 = 1.000 \times 3 = 3.000 \times 7 = 21.000 \times 4 = 84.000$.

Hoành tác kiến giải, nghi ngộ hậu học. Cu vô lợi ích. Như "Su tử" thân trung trùng, tự thực "Su Tử" nhục, phi "Thiên ma" "Ngoại đạo", nhi năng phá diệt Phật pháp hĩ.

Tỳ ni pháp tịch giả ? Giảng diễn "Giới Luật" xứ dã, Luật chế Tỳ kheo tủng chúng "Tam minh", "Lục thông", diệc tu "ngũ hạ" y "Su" học "Luật". Nhược "Luật" bất minh, nãi chí chung thân bất ly y chỉ.

TƯ TRÌ vân : "Luật chế Tỳ kheo, ngũ hạ dĩ tiền chuyên tinh "Luật" khế. Nhược đạt "Trì", "Phạm", biện Tỳ kheo sự, nhiên hậu nãi khả học tập "Kinh" "Luận". Kim việt thứ nhi học, hành ký thất tự, nhập Đạo vô do. Đại Thánh ha trách chung phi đồ nhĩ ?

Kim thời tài triêm giới phẩm, tiện nãi thính giáo, Tham thiên. Vị Tãng "Hạnh nghi" nhất vô sở hiểu. Hướng phục khinh lãng "giới kiếm", hủy tử "Tỳ ni", biếm học "Luật" vi Tiểu thừa. Hốt "trì giới" vi chấp "tượng", ư thị hoang mê "Trần tục", tứ tứ hung ngoan. Thả giới tất khả khinh, nhữ hà đặng đàn nhi thọ ? Luật tất khả hủy ! Nhữ hà tước phát niêm y ? Thị tắc khinh "Giới" toàn thị tự khinh, hủy "Luật" huòn thành tự hủy ? Vọng tình dị tập, chí Đạo nan văn, bạt tục siêu quần, vạn trung vô nhất. Thỉnh tường Thánh huấn, năng vô tủng hồ ? Thập tịch tụu thính giả ? Tích Tuyên Luật Su, kỳ Su miễn chi, thập biến vãng thính Tỳ ni Nguyên Tuyên Su phi độn, thượng tụu thập thính. Cái dục cực kỳ tinh diêu, tận kỳ chỉ thú, vi Định, Huệ chi bốn, vô sanh chi yếu dã. Chân biệt giả, phân tích minh liễu nghĩa lý chi vị dã.

Chớ nên y theo vọng tình và những kinh bất liễu nghĩa. Quấy sanh chỗ kiến giải, nghi lâm cho kẻ hậu học. Cả hai đều không lợi ích. Cũng như trùng ở trong thân Sư Tử tự ăn thịt Sư Tử không phải trùng ngoài ăn được. Đệ tử Phật cũng thế, đệ tử Phật phá hư chánh pháp của Phật chớ không phải "Thiên Ma", "Ngoại đạo" nào có thể phá diệt được.

Trường Giảng "Tỳ Ni" là gì ? Chỗ giảng diễn "Giới Luật" vậy. Luật Phật dạy Thầy Tỳ Kheo đâu chứng đặng bậc "Tam minh" pháp "Lục thông", nhưng cũng phải "năm hạ" nương theo "Thầy" mà học "Luật". Bằng tằng "Luật" chưa thông thấu cho trọn đời cũng không lìa thầy nương ở...

Bộ TƯ TRÌ nói : "Luật dạy thầy Tỳ Kheo năm hạ về trước chuyên rông bộ "Luật". Chứng nào thông thạo pháp "Trì" pháp "Phạm" xong việc "Tỳ Kheo" rồi, vậy sau mới học qua "Kinh" và "Luận". Nay vượt bậc mà học, chỗ làm đã sai thứ lớp, không do đâu vào "Đạo". Bậc "Đại Thánh" quả trách, trọn không phải là học trò của Ngài vậy ?

Thế mà người đời bây giờ mới vừa thọ "giới", lại cho nghe "Kinh Giáo" và học pháp "Tham Thiền". "Hạnh nghi" làm ông "Thầy" hoàn toàn không hiểu. Hướng lại khinh dể "Giới Pháp" chê bai tằng "Tỳ Ni", biếm nhẽ người học "Luật", cho là "Tiểu thừa". Khinh người "trì giới" cho là chấp "tướng", do đó mà đắm mê theo "Trần tục", lung lẳng hung dữ. Vả chẳng "giới" ắt khá khinh sao ông tới "Giới Đàn" mà thọ ? "Luật" ắt khá hủy ! Sao ông cạo tóc nhuộm áo ? Vậy thời khinh "giới" té ra khinh mình. Hủy "Luật" bèn thành hủy mình. Ôi ! Vọng tình dễ quên, lý chí Đạo khó nghe, những kẻ khởi tục hơn người trong muôn phần không có một. Xin rõ lời "Phật" dạy dám chẳng theo ư ? Mười trường đến nghe "Luật" là gì ? - Xưa Ngài "Tuyên Luật Sư" ngài tự gắng lấy ngày mười lượt đến nghe Luật Tỳ Ni, chính ngài Tuyên Luật Sư không phải là người căn tánh đần độn, thế mà còn đến nghe tằng Luật tới mười trường. Số là ngài muốn tột cái chỗ nhiệm màu, thông thấu ý chỉ của nó để làm cái nền của "Định" và "Huệ" nẻo màu quả "Vô Sanh" vậy. Sao gọi là tỏ biết ? - Nghĩa là phân chia nghĩa lý rõ ràng vậy.

Khả tích nhất sanh không quá, hậu hồi nan truy.

Thử nhị cú, thị khái thán từ, vị Kinh Luật bất minh, tức thất thân giới tâm Huệ, nhi huyền Đạo vô nhưn kế ngộ, thị vi không quá. Sanh Tử đáo đầu, hồi chi bất cập, cố viết nan truy.

Kỹ viết : "Luật thị Giới học. Kinh, thuộc Định học. Dĩ thị nhị học cánh. Hạ minh Huệ học. Dĩ đạo do Bát nhã diệu Huệ, phương năng kế hội dã.

"Giáo lý vị thường thố hoài, huyền đạo vô nhưn kế ngộ".

Thượng cú, Huệ giải vị cụ. Hạ cú đốn ngộ vô do. Giáo lý giả ? Thuyên lý chi vị Giáo. Giáo chi sở thuyên viết lý. Thuyên lý chi giáo giả ? Tức thập nhị bộ Kinh. Lương do Như Lai y Lý lập ngôn, linh quần sanh tu hành, nhi chứng ư Lý. TỬ GIÁO NGHĨA vân : Thuyết năng thuyên Lý hóa chuyển vật tâm, cố ngôn giáo dã. Hóa chuyển hữu tam nghĩa : Nhất chuyển ác vi thiện. Nhị chuyển mê thành giải. Tam chuyển phàm thành Thánh. Sở ngôn thuyên Lý giả ? Vị thuyên chơn Đế Lý, cập trung Đạo lý dã. Huyền đạo giả ? Tức Phật Tổ Tam ấn, cương nhị ngôn chi viết : U huyền vi diệu tịch diệt vô tướng chi đạo dã. Nhược bất dĩ Như Lai Giáo Lý vi chánh nhưn, tắc Phật Tổ vô thượng diệu Đạo, đốn ngộ vô do ?

Khá tiếc một đời luống qua, sau ăn năn không kịp.

Hai câu này là cái lời thương than, là nói "*Kinh Luật*" không rành thời mất cái "*Giới*" của thân và "*Huệ*" của tâm, thì "*Đạo màu*" không nhưn đâu mà tỏ ngộ, ấy là luống qua. Đường "*Sanh Tử*" đến chừng mà có hối tiếc thì cũng đã muộn lắm rồi. Cho nên nói : "*không kịp*" !

Lời Ký nói : *Luật là món học của Giới. Kinh là món học của Định. Hai món học này đã nói rồi. Bây giờ mới qua môn học của Huệ. Vì Đạo là do Huệ nhiệm màu Bát Nhã mới có thể tỏ ngộ được.*

Giáo lý chưa từng để dạy, Đạo màu không nhờ đâu tỏ ngộ.

Câu trên "*Trí Huệ*" chưa có. Câu dưới không do đâu tỏ ngộ. "*Giáo Lý*" là gì ? - Cái nghĩa luận lý gọi là "*Giáo*", Cái Giáo bị Luận gọi là Lý. "*Giáo*" luận "*Lý*" là chi ? - Tức 12 bộ kinh. Vì do đức "*Như Lai*" y theo "*lý*" mà lập lời để dạy, tất cả chúng sanh nương theo đó tu hành mà chứng được nơi "*lý*". Cho nên trong "*TỬ GIÁO NGHĨA*" nói : Cái "*Lý*" hay "*Luận*", là cốt để giáo hóa và sửa đổi cái tâm mê muội của muôn loài trở về nơi sáng suốt. Cho nên gọi là "*Giáo*" vậy. Chữ "*Giáo*" có nghĩa là "*Giáo hóa*", hay là sửa đổi, song sửa đổi có ba nghĩa : 1) Đối ác làm lành. 2) Đối mê thành ngộ 3) Đối "*Phàm*" thành "*Thánh*". Nói cái Lý bị luận là gì ? - Nghĩa là cái Lý "*Chơn Đế*" và Lý "*Trung Đạo*" vậy. "*Đạo màu*" là chi ? - Tức là "*Tâm ấn*" của Phật và Tổ vậy. Tâm ấn này không thể đem tâm suy nghĩ và lời nói luận bàn được. Song nay nói "*Tâm ấn*" của Phật và Tổ chẳng qua là lời nói cương mà thôi. Như nói rằng : Cái Đạo thâm sâu, màu nhiệm, vắng lặng và vô tướng, đâu chẳng phải là mượn những danh từ để hiểu ngộ Tâm ấn của Phật và Tổ. Nếu không nhờ "*Giáo lý*" đức "*Như Lai*" làm cái "*nhưn chánh*" thời cái "*Đạo màu*" của Phật và Tổ không do đâu mà tỏ ngộ !?

Cố Đạt Mạ Tây Lai, dĩ tứ quyển Lăng Già vi Tâm ấn ; Huỳnh Mai ngũ Tổ, khuyến trì Kim Cang Bát Nhã ; Thiên Thai, chứng nhập Pháp Hoa ; Khuê Phong, đốn ngộ Viên Giác.

Cố TÔNG CẢNH vân : "Tây Thiên chư Tổ. Thử độ lục đại, nãi chí Mã Tổ, Nam Dương, Nga Hồ, Không Sơn thiên sư đẳng, tịnh bác thông Kinh Luận, viên ngộ tự tâm sở hữu thị đồ, giai dẫn thành chứng. Chung bất xuất tự hung ức, vọng hữu chỉ trần. Thị dĩ miêng lịch tế hoa "Chơn Phong" bất trị. Dĩ Thánh ngôn vi định lượng, "tà ngộ" nan di.

Dụng chánh giáo vi chỉ nam, y bằng hữu cứ. Dẫn mạc chấp nghĩa thượng chi văn ; tùy ngữ sanh kiến. Trục tu thám thuyên hạ chi chỉ, khế hội "Bốn Tông". Tắc "vô sư" chi trí hiện tiền, "Thiên chơn" chi đạo bất muội. Cố tri giáo hữu trợ đạo chi lực, sơ tâm an khả tạm vọng. Sở dĩ từng thượng "Tiên Thánh" chư "Tổ", mạc bất nghiêm cùng Tam Tạng "chí lý" ấn khả tự tâm, quan phong hóa vật.

Kim chi học giả bất năng toàn thử. Phán sanh khinh báng, thị hà tâm tai ! Cầu đắc "ngư" vong "thuyên", tắc "Kinh Luật" hà quá ? Như Lai kim khẩu sở thuyết nhất ngôn nhất tự, bá kiếp thiên sanh thượng bất văn kiến, huống đắc thọ trì giải ngộ. Cố tri giáo bất mê nhưn, nhưn tự mê giáo nhĩ !

Cho nên Đức "Đạt Ma" Tổ Sư bên cõi "Tây Thiên" qua "Tàu" đem bốn quyển kinh "Lăng Già" làm "Tâm Ấn". Đức "Ngũ Tổ" ở huyện "Huỳnh Mai" dùng quyển kinh "Kim Cang Bát Nhã" khuyên người trì tụng. Ngài "Thiên Thai" tụng kinh "Pháp Hoa" chứng vào pháp "Tam Muội". Tổ "Khuê Phong" tụng kinh "Viên Giác" mà tỏ ngộ "Chơn Tông".

Cho nên bộ TÔNG CẢNH nói rằng : "28 đời Tổ cõi "Tây Thiên" và 6 đời Tổ cõi này (Trung Hoa) nhân đến tổ "Mã Minh". Tổ "Nam Dương", Tổ "Nga Hồ" và Tổ "Không Sơn thiền sư" vân vân... Các Tổ nói trên đều là bực rộng thông "Kinh Luận" và đã tỏ ngộ Tâm mình, cho nên khi đứng ra dạy các kẻ môn đồ, đều diển dẫn kinh này sách khác. Lời của Tổ họ Phật kia để làm chỗ chứng, chắc có kẻ tương lai tin lòng, chớ không bao giờ tự mình bày đặt chỉ dạy sai lầm. Cho nên trải qua nhiều năm mà "Chân Phong" không hề lạc mất. Lấy lời của Phật làm định chắc, cho nên chúng "Tà Ngụy" khó thể đẩy xô.

Dùng lời chánh giáo làm kim "chỉ nam" nương tựa có căn cứ. Nhưng cũng đừng chấp nghĩa trên văn và theo lời nói mà sanh "tà kiến" (chấp bậy). Cần phải tìm ý chỉ ngoài câu văn và lời nói, họa may mới thấu "Bốn Tông". Thời cái trí "Vô Sư" hiện bày, Đạo "Thiên Chơn" chẳng muội. Cho nên biết rằng : "Kinh có sức trợ "Đạo", kẻ sơ tâm đầu dạng bỏ qua. Thế bực "Tiên Thánh" chư "Tổ" thuở xưa, không có một "Tổ" nào không xét tìm cùng tột cái chỗ "chí lý" của ba tạng" để in chắc nơi tâm mình, rồi tùy cơ giáo hóa tất cả muôn loài.

Những người học Phật đời bây giờ đã không bằng được như các "Tổ" nói trên. Thế mà trở sanh cái tâm khinh dễ thật là cái tâm vì vậy ư ? Song dù "được cá quên nôm", đi nữa, thì "Kinh Luật" có lỗi gì ? Huống chi lời vàng của đức "Như Lai" nói ra một câu một chữ, trăm kiếp nghìn đời còn không nghe không thấy thay ; huống chi dạng thọ trì và tỏ ngộ. Cho nên biết rằng : Kinh giáo chẳng bỏ người, mà người tự bỏ Kinh Giáo đó thôi !

Khuê Phong vân : "Chư Tông" môn hạ giai hữu đạt nhơn, nhiên các an sở tập, thông thiếu cuộc đa. Dĩ thừa bảm vi hộ đủ các tự khai trương, dĩ "Kinh" "Luận" vi can qua hổ tương công kích. Tình tại hàm thử nhi thiên biến.

"Pháp" trực nhơn ngã vi cao đê. Trí sử thị phi phận nỏ, mạc năng biện tích. "Kinh" như thăng mạc, giai định tà chánh, thăng mạc phi xảo, xảo giả tất dĩ thăng mạc vi bằng.

"Kinh" "Luận" phi thiên "Tham Thiên" giả tất dĩ "Kinh", "Luận" vi chuẩn. Đương tri "Kinh" thị Phật ngữ, "Thiên" thị Phật tâm, "Luận" thị Phật hạnh. Như Lai "thân, khẩu, ý", nghiệp bốn bất tương vi. Lương do "Nhơn" dữ "Pháp" sai, "Pháp" dữ "Nhơn" bịnh. Xả nhất chấp nhất, tự vi diên đảo. Nhược thị "chí nhơn" hồi vạn pháp ư kỷ giả, tắc hề thị hề phi, hà tương vi chi hữu tai ?

Ký viết : "Bốn văn nhị cú, ngôn vô "huệ học" tức vô nhơn đốn ngộ. Thị tắc nhơn "Luận" minh "Giáo", nhơn "Giáo" minh "Đạo".

Vấn viết : "Đốn ngộ", nãi "trực chỉ" chi tông bất lập văn tự. Hà dụng "Kinh Giáo" vi "chỉ nam" da ? . Đáp viết : Khởi bất văn hồ ? . "Y Kinh giải nghĩa Tam thế Phật oan. Ly Kinh nhất tự, tức đồng ma thuyết".

Hựu vân : "Kim nhơn khán cổ giáo, vị miễn tâm trung não. Dục miễn tâm trung não, ung tu khán cổ giáo" BỬU TẠNG luận vân : Cổ cảnh chiếu "tinh", kỳ "Tinh" tự hình. Cổ "Giáo" chiếu "tâm", kỳ "Tâm" tự minh. Nhược tri nhất

Tổ "*Khuê Phong*" nói : Đệ tử trong các "Tông" cũng có nhiều người thông giỏi, song mạnh ai nấy học, thông ít chấp nhiều. Lấy chỗ học hiểu chia cắt "môn đình" mỗi người tự "khai trương", lấy "Kinh" và "Luận" làm gươm giáo công kích với nhau, ý tại nơi áo giáp mũi tên mà đời đời.

Pháp theo nhưn ngã mà làm thấp cao. Đến nỗi phải quấy, phân phui, không biết đâu mà phân xử. Kinh như dây mực phân định chỗ ngay chỗ cong, dây mực không phải khéo nhưng người khéo phải lấy dây mực làm chừng.

"*Kinh*" "*Luận*" chẳng phải "*Thiền*", nhưng người "*Tham Thiền*" phải lấy "*Kinh Luận*" làm pháp tắc. Chúng ta cần phải biết "*Kinh*" là "*Lời*" của Phật, "*Thiền*" là "*Tâm*" của Phật, "*Luật*" là "*Hạnh*" của Phật, "*Thân, Khẩu, Ý*", ba nghiệp của đức "*Như Lai*" vốn không trái nhau. Nhưng do vì "*Người*" cùng với "*Pháp*" làm sai, cho nên "*Pháp*" đối với "*Người*" thành ra dở. Bỏ một bên chấp một bên, gọi là chấp ngược ngạo. Bằng như bực "*Chí nhưn*" đem muôn pháp về nơi tâm mình thời có chi là phải có chi quấy, có chi là trái nhau ư ?

Lời Ký hỏi : "*Hai câu trên bốn vấn nói, không có môn Huệ học*" thời không do đâu tổ ngộ. Cho nên biết rằng nhờ "*Luật*" mà rõ "*Kinh*", nhờ "*Kinh*" mà rõ "*Đạo*".

Có người hỏi như thế này : Cái tông "*Đốn Ngộ*" chính là cái Tông "*Trực Chỉ*" không lập văn tự. Vì sao nay còn dùng "*Kinh Giáo*" làm phép "*chỉ nam*" ư ? - Đáp rằng : "Ông chẳng nghe sao ? - *Y kinh giải nghĩa là vu oan cho các Đức Phật ba đời. Còn là "Kinh" một chữ tức đồng lời ma nói*".

Lại có câu : "*Người đời nay coi Kinh xưa chưa khỏi rộn rục trong lòng ; Nhưng muốn trong lòng khỏi rộn rục cần phải coi Kinh xưa*". Trong luận BỬU TẠNG nói : "*Gương xưa chiếu "tinh" (yêu), "Tinh" kia tự hiện hình, "Kinh" xưa chiếu "Tâm", "Tâm" tự sáng suốt*". Bằng biết tất cả Pháp vốn là đức

thiết "Pháp", bốn thị Như Lai tạng trung tánh đức diệu dụng. Hựu hà thị hà phi hà văn tự chi hữu da ?

Thập nhị bộ Kinh giả ? . Như Lai nhất đại thuyết pháp, giáo phân thập nhị, thống nhiếp Tam Tạng : . Nhất "Khế Kinh" . nhị "Trùng Tạng", . tam "Thọ Ký" . tứ "Già Đà" . ngũ "Vô Vấn Tự Thuyết" . lục "Nhơn Duyên" . thất "Thí Dụ" . bát "Bốn Sự" . cửu "Bốn Sanh" . thập "Phương Quảng" . thập nhất "Vị Tăng Hứu" . thập nhị "Luận Nghị".

Nam Dương "Trung Quốc Sư". . Nga Hồ "Đại Nghĩa Thiên Sư". . Tư Không sơn Bốn Tịnh Thiên Sư".

THẤT : BẤT TU HỌC QUÁ

"Cập chí niên cao lập trưởng, khổng phúc cao tâm ; bất khản thân phụ lương bằng, duy tri cứ ngạo".

Thượng nhị cú, minh ngã tướng. Hạ nhị cú, minh mạn tướng. Hựu sơ cú niên lập cao nhi vô đức. Thứ cú tâm cao nhi vô đạo, cố viết, khổng phúc ; bất khản thân phụ, thị tự thị ; duy tri cứ ngạo, thị lăng tha. Thử nhị giai thuộc mạn tướng. Nhiên mạn, hữu lục chủng : Nhất, "Quá Mạn" ; Vị ư tương tự pháp trung chấp kỷ vi thắng - Nhị, "Mạn Quá Mạn" ; Nguyên tha bốn thắng kỷ nhi cương vị thắng tha - Tam, "Ngã Mạn" ; Vị thị kỷ lăng tha dã - Tứ, "Tăng Thượng Mạn" ; Nguyên tự vị đắc đạo vị dĩ đắc đạo - Ngũ, "Hạ Liệt Mạn" ; Vị bốn kỷ vô năng phản tự căn khóa - Lục, "Tà Mạn" ; Vị chấp trước "tà kiến" lăng mạn tha nhơn dã. Kim ư lục mạn trung, thử thuộc "Mạn Quá Mạn" cập "Ngã Mạn" "Hạ Liệt Mạn" dã.

Tánh diệu dụng ở trong "Như Lai tạng". Lại nào có phải, nào quấy và nào có vấn tự nữa ư ?

Mười hai bộ Kinh là gì ? - Đức Như Lai nói Pháp một đời, phân làm 12 bộ, gồm nhiếp trong "Ba tạng" 12 bộ, là : 1) "Khế Kinh" ; 2) "Trùng Tụng" ; 3) "Thọ Ký" ; 4) "Dà Đà" ; 5) "Vô vấn tự thuyết" ; 6) "Nhân Duyên" ; 7) "Thí Dụ" ; 8) "Bốn Sự" ; 9) "Bốn Sanh" ; 10) "Phương Quảng" ; 11) "Vị Tăng Hữu" ; 12) "Luận Nghị".

"Nam Dương" là ngài Trung Quốc Sư ở chùa Nam Dương. "Nga Hồ" là ngài Đại Nghĩa Thiên Sư ở chùa Nga Hồ. "Tư Không Sơn" là ngài Bốn Tịnh Thiên Sư ở chùa non Tư Không.

7) LỖI KHÔNG TU HỌC

Nhấn đến tuổi cao tác lớn, bụng trống lòng cao, không chịu nương gần bạn lành, chỉ biết những lời kiêu ngạo.

Hai câu trên nói cái tướng chấp Ta. Hai câu dưới nói cái tướng kiêu ỷ. Lại câu đầu là nói tuổi tác cao mà không giới đức. Câu sau nói, Tâm cống cao mà không "Đạo Hạnh" cho nên nói "Bụng trống" chẳng chịu nương gần bạn lành, ấy là "ỷ mình" chỉ biết những lời kiêu ngạo, ấy là "khinh người". Hai câu này đều thuộc về cái tướng "kiêu mạn" (kiêu ỷ). Song "kiêu mạn" có sáu thứ : 1) "Quá Mạn". Nghĩa là ở trong câu chuyện mình với người ta bằng nhau mà mình chấp mình hơn người ta. 2) "Mạn Quá Mạn". Nguyên người ta thật hơn mình, mà mình cương nói rằng mình hơn người ta. 3) "Ngã Mạn". Nghĩa là ỷ mình, lấn hiếp người ta. 4) "Tăng Thượng Mạn". Nguyên mình chưa đắc "Đạo" mà mình nói mình đã đắc "Đạo" rồi. 5) "Hạ Liệt Mạn". Vốn mình không có tài năng, mà trở lại tự khoe mình có tài năng. 6) "Tà Mạn" Chấp trước "tà kiến" lấn lướt người ta. Nay trong sáu thứ "Mạn" đây, bài này chỉ thuộc ba thứ : "Mạn Quá Mạn" với "Ngã Mạn" và "Hạ Liệt Mạn" vậy.

Ký viết : "Đồ tự niên cao nhi đức bất mầu, duy tri cử ngạo nhi vô đạo khả tôn. Niên thị "sinh niên". Lạp thị "Giới Lạp". Thân phụ, tức thân cận. Lương bằng, thị Thiện hữu. Cử ngạo vị bất "khiêm tốn", tức mạn tha dã.

"Vị am Pháp Luật, tập liêm toàn vô".

Thượng cú, Giáo Luật thất. Hạ cú, thân tâm thất. Bất khả thân cận minh sư, thiện hữu, hề thức "Giáo Luật" tu trì, vị giải tu trì, an năng thâm nhiếp "Thân Tâm".

Ký viết : "Giáo" phòng "Tam Độc", "Luật" cấm "Thất chi". Vị am giả ? Vi thức dã ? Tập liêm giả ? Thâm nhiếp dã.

"Hoặc đại ngữ cao thính, xuất ngôn vô độ, bất kính thượng trung hạ tòa Bà la môn tụ hội vô thù, oán sát tác thính, thực tất tiên khởi".

Sơ nhị cú, Ngữ nghiệp thất. Thứ nhị cú, Ý nghiệp thất, diệc nghi quĩ thất. Hậu nhị cú thân nghiệp thất, diệc quy củ thất. Dĩ bất tri "Pháp Luật", tam nghiệp vô quy. Cố trí tư thất. Nhược năng tập liêm, tắc vô sự bất biện hĩ.

Bà La Môn giả ? Tây Quốc tục sĩ, tứ tánh chi nhất duy luận niên tôn, bất quý đức trưởng. Cố vô "thượng", "trung", "hạ" tòa chi kính, hoặc tiên chí tiên tôn. Hậu lai, hậu tọa, tụ hội vô quy, hội náo phi nhất. Do vô tập liêm, thị cố dữ bỉ vô thù.

Lời Ký nói : "Uổng mình lớn tuổi mà không có "đức" chỉ biết kiêu ngạo, mà không "Đạo Hạnh" đáng kính. Tuổi thì có 2 thứ tuổi : 1) "Tuổi Đời" - 2) Tuổi Đạo". Gần nương tức là nương gần. "Bậu Bạn" ; tức bạn lành. Kiêu ngạo là nghĩa không "Khiêm nhường", tức khinh khi người ta vậy.

Chưa thuộc Kinh Luật, cũng không thấu nhiếp thân tâm.

Câu trên, không học Kinh Luật. Câu dưới, không thấu nhiếp thân tâm. Không chịu nương gần Thầy hay bạn giỏi, đâu biết "Kinh Luật" giữ tu, không biết Kinh Luật giữ tu, đâu hay thấu nhiếp "Thân Tâm".

Lời Ký nói : "Kinh" ngăn tội "Tam Độc". "Luật" ngăn lỗi "Thất Chi". Chưa thuộc là gì ? - Cũng như chưa biết vậy. Thấu nhiếp là gì ? - Cũng như chữ tập liễm là nghĩa "tóm thâu".

Hoặc to giọng lớn tiếng, buông lời vô phép. Không kính bực "Thượng, Trung, Hạ" tọa. Như kẻ "Bà La Môn" nhóm hợp không khác. Khua bát nổi tiếng, ăn rồi dậy trước.

Hai câu đầu, nói lỗi "Ngữ Nghiệp". Hai câu kế, "Ý nghiệp", và sai "Phép tắc". Hai câu rốt sau cái lỗi của "Thân Nghiệp" cũng sai cách thức nữa. Bởi không biết "Pháp Luật" nên ba nghiệp không nhằm phép. Mới đến nổi sanh tội lỗi như thế. Bằng ta thấu nhiếp được thời việc gì chẳng xong.

"Bà La Môn" là gì ? - Người "thế tục" bên nước "Tây Thiên", một hạng người trong bốn họ. "Bà La Môn", đây chỉ luận tuổi cao chớ không trọng "đức" lớn. Nên không kính bực "Thượng, Trung, Hạ", tọa, cứ như ai đến trước ngồi trước, trước lớn. Ai đến sau ngồi sau, nhóm hợp không có trật tự rộn ràng quá đỗi. Bởi ta không thức liễm "Thân Tâm", cho nên cùng "Bà La Môn" kia không khác.

Ký viết : "Phạm ngữ "Bà La Môn", Thử vân : Tịnh Hạnh", diệc vân "Phạm Chí". Tứ tánh giả ? nhất, "Sát Lợi", vương chủng dã. Nhị, "Bà La Môn", quý tánh dã. Tam, "Tỳ Xá", thương cổ dã. Tứ "Thủ Đà", nông nhơn dã. Vô độ ? Vj, vô pháp độ dã. Tụ hội, tức tụ tập. Hoặc tế tụ tập. Hoặc tiết hội tập. Hoặc luận nghị tập. Vô thù, tức vô biệt dã. Xuất gia dĩ "Giới lạc" cao. Cổ kỳ đức trưởng, bất luận sanh niên vi tôn dã.

"Khứ tựu quai giát, tăng thể toàn vô".

Thượng cú, "Pháp" thất. Hạ cú, "Nghĩ" thất. Vãng lai bất tồn ta ta quĩ tắc, như "Khuê chi" tất phương, cố viết quai giát. Động tịnh bất cụ tiểu tiểu oai nghi. Như "Bà La Môn" tụ hội. Cố viết: "toàn vô".

Ký viết : Quai, bối dã vi dã. Giát, phương dã. Phương giả, "Pháp" dã, "Đạo" dã. Khứtựu quai giát ? . Nãi thố trí quai phương dã. Khuê thể thượng viên hạ phương, tượng Thiên Địa chi quy củ phương viên dã. Khuê thất phương, tức phi Khuê, Tăng quai pháp, tức phi Tăng. Cố viết "toàn vô".

"Khởi tọa tung chư, động tha tâm niệm".

Thượng cú, tụ thất. Hạ cú, thất tha. Tam nghiệp bất cần cố tọa khởi vô hăng. Tháo động phi nhất, thị dĩ linh tha động niệm.

Ký viết : Tung âm Trung ; tung chư giả, Tâm ý thảo động. Tình bất an ổn, cử chỉ phi thường dã. "Tù Thọ" Thiên sư vân, Sử nhơn động niệm, ma chương dĩ sanh, chúng khẩu thước kim, tụ gia hà lạc. Tác "phước" tuy đa, bất như tị tội, ám trung động niệm, tụ muội bất tri, nhật vãng nguyệt lai, diện huỳnh thân sấu.

Lời Ký nói: *Tiếng Phạn gọi "Bà La Môn" tiếng Hán dịch Tịnh Hạnh cũng dịch Phạm Chí (Hạnh trong sạch, Chí lành tốt). Bốn "họ" là gì ? 1/ Họ "Sát Lợi" (dòng vua vậy) ; 2/ "Bà La Môn" (họ sang vậy) ; 3/ "Tỳ Xá" (hạng thương mại vậy) ; 4/ "Thủ Đà" (người làm ruộng vậy) "Vô Phép" là gì ? Không "Pháp Độ" vậy. Chữ "Tụ Hội" tức nghĩa nhóm hợp. H·ặc nhóm hợp trong khi cúng tế. Hoặc nhóm trong khi tiết hội. Hoặc nhóm trong khi luận nghị. "Không khác là gì ? - Cũng như tiếng Tàu nói chữ "Vô Thù" (không khác) người "xuất gia" lấy tuổi "Thọ Giới" làm cao. Cho nên trọng "đức" lớn, chớ không luận tuổi đời làm lớn vậy.*

Tới lui trái phép, thế ông Thầy đều không.

Câu trên, lỗi "Phép Tắc". Câu dưới, sai "Oai nghi". Tới lui không giữ, món món Phép Tắc cũng như "Ngọc Khuê" thiếu kiểu mẫu vuông, tròn, cho nên nói "Trái Phép". Đi đứng không đủ mỗi mỗi "Oai nghi". Như kẻ Bà La Môn nhóm hợp. Cho nên nói "đều không".

Lời Ký nói : *Tiếng Ta "Trái Lỗi", tiếng Hán gọi chữ "Quai". Tiếng Ta nói "Vuông", tiếng Hán gọi chữ "Giác". "Vuông" là gì ? "Phép tắc" vậy, "Đạo hạnh" vậy. Tới lui trái phép là gì ? - Chính sắp đặt sai phép tắc vậy. Thế của "Ngọc Khuê" là sao ? Trên tròn dưới vuông, giống như khuôn rập vuông tròn của Trời Đất vậy. Nay nói "Ngọc Khuê" mất kiểu mẫu vuông tròn tức là không phải "Ngọc Khuê" cũng như nói Ông Thầy sai Phép Tắc tức là chẳng phải ông "Thầy". Cho nên nói "Đều không".*

Đứng ngồi thô tháo, động Tâm niệm người.

Câu trên, mình lỗi. Câu dưới, lỗi với người khác. Vì ba nghiệp không cẩn thận nên khi ngồi khi đứng, không chừng. Nhiều điều thô tháo, cho nên làm người khác động niệm.

Lời Ký nói : *Chữ "Trung" âm Trung. "Trung Chư" tức là Tâm ý thô tháo vọng động. Tánh tình không yên ổn, đi đứng vúc vắc. Ngài Từ Thọ Thiền Sư nói : Khiến người động niệm, ma chướng dễ sanh; nhiều miệng nát vàng, phần mình vui chi. Làm "phước" tuy nhiều, chẳng bằng lánh tội, trong tâm động niệm tự muội đầu hay, ngày qua tháng lại mặt võ mình gầy.*

"Bất tòn ta ta quĩ tắc, tiểu tiểu oai nghi; tương hà thúc liễm hậu côn, tân học vô nhơn phóng hiệu".

Thượng nhị cú, tự thất quy pháp. Hạ nhị cú, bất năng pháp tha. Ký tự bất tòn quĩ pháp, hà năng pháp phạm tha nhơn. Thị cố, "lai học" vô do thủ tắc hĩ.

Ký viết : Tân học ? . Túc sơ học. Hậu côn ? . Thị Hậu hiền, tức hậu học dã. Phóng hiệu ? . Du thủ pháp dã.

THƠ vân : Bất căn tế hạnh, chung lụy đại đức. Thế nho thượng nhiên; hướng xuất gia giả hồ ?

"Tài tương giác sát, tiện ngôn ngô thị sơn tăng".

Thượng cú, tha thành. Hạ cú, tạ mạn. Vị tha hiền chánh, dục dĩ thiện ngôn tương thành nhi tự tiện sanh ngã mạn. Toại xuất thủ vô tâm ngữ dã.

Ký viết : Ngôn ngã thị sơn tăng giả ? . Vị ngã thị trụ sơn chi nhơn, chỉ tri nhất cá thoại đầu, na quân Kinh Luật Oai nghi Tế hạnh chi sự. "Pháp Xương" Thiền survãn : Hữu nhất ban hớn, ký thủ nhất đồ cát đằng, ma thần loát chỉ, Hồ ngôn. Hớn ngữ. Đạo ngã, giải Thiền giải Đạo, Kinh hốt hảo nhơn, tác "Vô gián" nghiệp nhất triều nhân quang lạc địa, nghiệp cảnh hiện tiền, như lạc than bàng giải, thủ mang khước loạn, tủng tiền học đắc huợt kế, tổng dụng bất trước. Nhược văn nhơn cử trước, tha đồ lý sự, sân tâm phần khởi : Tiện đạo Phật pháp khởi hữu dữ ma sự, đại ngộ bất câu tiểu tiết. Tư đẳng, hảo tự tương nguou thí tỷ "chiên đàn" hữu thậm giao thiệp.

Chẳng gìn mảy mảy "phép tắc", mọn mạy "oai nghi", lấy chi thúc liễm đoàn "Hậu Côn", kẻ "Tân Học" nhờ đâu bắt chước.

Hai câu trên, mình không khuôn phép. Hai câu dưới, không thể dạy phép tắc cho người Minh đã không giữ khuôn phép, thế nào làm khuôn phép để dạy người khác. Cho nên những kẻ "Lai học" không nhờ đâu bắt chước vậy.

Lời Ký nói : *Tân học là gì ? - Tức người mới học. Hậu Côn là gì ? - Là trang Hậu hiền, tức người học lớp sau vậy. Bắt chước là gì ? - Tiếng Ta nói Bắt chước cũng như tiếng Hán nói chữ "Phổng hiệu".*

Trong KINH THƠ nói : *Chẳng giữ Hạnh nhỏ, có hại cho cái Đức to. Kẻ thế nho còn vậy. Huống trang xuất gia mà không giữ Hạnh nhỏ hay sao ?*

Vừa có người nhắc thức cho nhau, bèn nói rằng ta đây là "Thầy núi".

Câu trên, người ta làm nên cho mình, câu dưới mình ngã mạn trở lại. Nghĩa là người Hiền chính muốn đem lời phải làm nên cho nhau mà mình trở lại sanh cái tâm ngã mạn. Nên mới buông những lời không biết hổ thẹn như vậy.

Lời Ký nói : *Thầy núi là gì ? - Xưng ta đây là người ở chùa to, chỉ biết một chuyện làm lớn, đâu có dòm tới những việc oai nghi tế hạnh trong Kinh Luật làm chi. Ngài "Pháp Xương" Thiền Sư nói : Có một hạng người, nhớ được đoạn văn chương rồi khua môi múa mỏ, nói quấy nói quá, nói ta biết Thiền biết Đạo khinh để người lành gây nghiệp "Vô Gián", một mai nhắm mắt rồi, cảnh nghiệp hiện ra như cua nọ trúng nước sôi, càng ngoe rưng rớt, từ trước học đặng kế sống tài nghề, đều dùng không đặng. Nếu nghe ai nói trúng tâm bệnh mình thời lòng sân nổi dậy, bèn la to rằng : Trong Phật pháp đâu có cho nói chuyện ấy, người Đại ngộ không chấp việc nhỏ. Ôi ! Những bọn thế đó khác nào đem phần trâu sánh với hương "Chiên đàn" có ăn thua chi đâu.*

"Từ Giác" Thiền sư vân : Hoặc tự thị thiên chơn, bát vô nhơn quả, vọng vị dẫn hướng hung trung lưu xuất, bất y địa vị tu hành . Sở dĩ thô giải Pháp sư, bất thông giáo nhơn. Hư đầu Thiền khách, bất quý hạnh môn, thử Thiền khô chi tội dã. Hoặc tắc hồn thân phá toái, mẫn diện phong ai, tam thiên tế hạnh toàn vô, bát vạn Oai nghi tổng khuyết. Hoặc tắc tri bồi nhơn sự, tập lý môn đồ, thân du thị tỉnh chi gian, tâm nhiễm lữ diêm chi thái. Sở dĩ Sơn dã thường Tăng, vị miễn nông phu chi tiếu. Thành hoàng Thích Tử, phản vi nho sĩ chi tu. Thử lại đọa chi tội dã. Hướng hạ chỉ xuất vô tế hạnh lại đọa chi do.

"Vị văn Phật giáo hành trì, nhất hướng tình tồn thô tháo".

Thượng cú, thất Văn Tu. Hạ cú, thất Giới Định. Pháp Luật vị văn, hà thức hành trì. Giới Định vị tu, cố trí tình đồng viên, mã.

Ký viết : Văn, tức Văn huệ. Hành trì, tức Tu huệ. Văn, tu, tam huệ. Kim cử văn, tu dĩ cai kỳ tư hĩ, tam giai vân huệ giả. Vị do tam pháp, các năng sanh vô lậu thánh huệ. Nhược vô thử huệ, tắc bất năng đoạn hoặc chúng chơn dã.

"Như tư Tri Kiến, cái vị sơ tâm dung đọa, thao thiết nhơn tuần".

Sơ cú, thừa thượng khởi hạ chi từ. Thứ cú, nhập đạo bất cần. Hậu cú, tham lợi táng nhật, Như tư tri kiến giả ? - Như thượng ác tập chi thức kiến dã. Cái vị sơ tâm dung đọa đẳng giả ? - Vị do sơ tâm nhập đạo bất cần, cố viết dung đọa. Vị văn Phật giáo tu trí, toại nãi thao thiết danh lợi. Bất khản thân phụ lương bằng, thị dĩ

Ngài Từ Giác Thiền Sư nói : Có người ỷ mình sẵn tánh thông minh bát rắng không như không quả, quấy nói chuyện gì cũng ở trong bụng ta tuôn ra hết, không cần phải theo thứ lớp tu hành cho mật. Bởi vậy cho nên những ông Pháp Sư lếu lếu (láo láo) chẳng thông ý chỉ của Kinh. Các ông Thầy nghèo nghèo (ngao ngao) chẳng trọng phép tu hành đây đều là mắc cái tội thiên khô (si mê). Hoặc có khi cả mình bầm giập, đầy mặt phong trần, ba nghìn tế hạnh trọn không, tám muôn oai nghi đều thiếu. Hoặc có khi tới giúp việc cho người và dạy biểu đồ chúng, nhưng thân đạo đi trong chợ giềng, tâm nhiễm theo thói xóm làng. Sở dĩ Thầy Quê ở núi (ruộng) chưa khỏi người Nông phu chê cười. Kẻ Thích Tử ở thị thành lại bị văn sĩ nhạo báng. Đây là cái lỗi biếng tu nhác học vậy. Qua văn sau sẽ chỉ ra những cái chỗ nguyên do biếng nhác không giữ oai nghi tế hạnh.

Chưa nghe lời Phật dạy giữ làm, chỉ biết một bề lòng gìn thô tháo.

Câu trên, mất chỗ văn huệ, tu huệ. Câu dưới, mất việc trì giới và thiền định. Pháp Luật chưa nghe, đâu biết chỗ giữ làm. Giới định chưa tu nên tâm tánh dướng như khi, ngựa.

Lời Ký nói : Nghe tức là văn huệ. Giữ làm tức là tu huệ. Nghe, nhớ, tu, ba huệ. Nay nói nghe và tu đã gồm cái nhớ kia vậy. Sao gọi nghe, nhớ, tu ba huệ ? - Bởi do ba pháp, pháp nào cũng có thể, sanh trí huệ vô lậu. Nếu không huệ này, thời không thể đoạn được cái tâm vọng hoặc, chứng bực Chơn như vậy.

"Tri Kiến" như thế, đều bởi tâm ban sơ biếng nhác và ham hố nhân lần.

Câu đầu là nương văn trước khởi văn sau. Câu kế là người vào "Đạo" không siêng năng. Câu rốt sau tham danh lợi qua ngày. "Tri Kiến" như thế là gì ? - Là chỗ "kiến thức" quê mùa như trên vậy. Vì sao Tâm ban sơ biếng nhác ? - Bởi Tâm ban sơ vào "Đạo" không cần học cho nên nói biếng nhác. Chưa nghe lời Phật dạy giữ tu, cho nên mới có ham hố "danh

nhơn tuần quá nhật. Nhiệm duyên tiệm thâm, ác tập tư trưởng, cố tri như tư trí kiến, chánh sở vị đã đầu bất ngộ tác gia giả dã.

Ký viết : Dung âm Nhung lại dã. Thao âm Thao, tham tài dã. Thiết âm Thiết, tham thực dã. **PHÁP GIAM TẬN** kinh vân: Phật ngôn, Pháp dục diệt thời, chư ma Sa môn, hoại loạn ngô Đạo, trước Tục y thường, nhạo hảo ca sa ngũ sắc chi phục. Bất tu Giới Luật, bán ngoạt, bán ngoạt tuy danh tụng Giới, yếm quyện giải đãi, bất dục thính văn, bất nhạo đọc tụng Kinh Luật thiết hữu độc giả, bất thức tực cú.

Vị cương ngôn thị, bất tư minh giả. Cống cao cầu danh, hư vô nhã bộ, dĩ vi vinh quý. Vọng nhơn cúng đường, mạng chung tử hậu, đương đọa "Vô Giá" Địa Ngục. Ngũ nghịch tội trung Ngạ quỷ, súc sanh, mị bất cánh lịch, ư vô biên hằng sa kiếp thọ tội cánh, nãi xuất sanh tại biên quốc vô "Tam Bử" xứ. Như Phật sở ký, bán ngoạt tụng giới bất dục thính văn. Kim thời tụng giới thượng hi, hưởng đắc thính văn. Ô hô ! Thanh vi pháp diệt tướng hĩ !

Tích Tề, Tăng Vân trụ Nghiệp Hạ, Bử Minh Tự, dĩ giảng diễn trú danh, khâm dái chúng lý, ư tứ ngoạt, thập ngũ tụng giới. Thời tăng tập Vân cử tòa thủ nãi bạch chúng viết : Giới bốn phòng phi, nhơn nhơn tụng đắc hà lao số văn, khả linh nhất tăng thụ nghĩa sử hậu sanh khai ngộ. Chúng vô cảm khán, toại phế tụng giới. Chí thất ngoạt, thập ngũ nhật đán, hốt thất Vân sở tại, chúng tứ xuất truy mịch, nãi ư tự ngoại tam lý hữ cố trung trung đắc chi, huyết lưu biến thể. Vấn kỳ cố tắc, vân : Hữu nhất mãnh sĩ thủ chấp đại đao, lệ thỉnh ha viết : Nhĩ hà nhơn, cảm phê Bố Tát, vọng sung thụ nghĩa, túc dĩ đao quái ngã thân, thống độc

lợi". Chẳng chịu gần nường bạn lành, cho nên nhân lần (1) qua ngày. Lòng nhiễm càng sâu, thói ác thêm nhiều, cho nên chỗ tri kiến như vậy, chính chỗ gọi rằng ban đầu chẳng gặp ông thiện tri thức đó vậy.

Lời Ký nói: *Tiếng Ta nói Biếng nhác cũng như tiếng Hán gọi chữ Nhung, tiếng Hán nói chữ Thao, tiếng ta nói Tham của, Tiếng Ta nói tham ăn, tiếng Hán lại nói chữ Thiết. Kinh PHÁP DIỆT TẬN nói : Đức Phật ngài có lời dự ký trước rằng : Trong thời kỳ mà Pháp của Phật lúc nó sắp hết thì có những bọn ma nó vô ở trong chùa giả làm Sa Môn để phá hoại Đạo Chánh của Ta, mặc áo quần theo người Thế Tục, ưa đắp cái y Ca Sa màu năm sắc. Không tu Giới Luật, nửa tháng một kỳ, tuy nói rằng tụng giới, nhưng chán mỗi biếng lười, không muốn đi nghe, không muốn đọc tụng Kinh Luật, dù có đọc đi nữa, nhưng không biết chữ phân câu.*

Nói bậy rằng phải, không hỏi những người thông biết. Tâm cống cao cầu danh, ở không thông thả tưởng là sang trọng. Trông người cúng dường, nên sau khi chết rồi phải đọa trong địa ngục "Vô Giá". Trong năm tội nghịch làm loài Ngạ quỷ, Súc sanh đâu chẳng trải qua, vô biên hằng sa kiếp chịu tội hết rồi mới sanh ra làm người ở chỗ biên quốc (Núi, Rừng, Bờ Biển, Mối rợ) là chỗ không có ngôi "Tam Bảo". Đúng như lời Phật đã dự ký, nửa tháng tụng giới không muốn đến nghe. Đời nay tụng giới còn ít huống dặng đến nghe. Than ôi ! Thiệt là cái điềm chánh pháp muốn diệt vậy !!!

Xưa nước Tề ông Tăng Vân ở chùa Bửu Minh đất Nghiệp Hạ, là bậc diễn giảng trừ danh, làm đầu trong chúng, đương thời chúng Tăng nhóm tụng Giới ngày Rằm Tháng Tư. Ông Tăng Vân đứng trước pháp tòa bạch trong chúng rằng : Giới chính là ngăn chỗ lỗi, ông nào tụng cũng được, cần gì nghe hoài, nên biểu một ông Thầy nêu nghĩa cho lớp sau tỏ ngộ. Trong chúng không ai dám cãi bèn bỏ việc tụng giới. Đến sớm mai ngày rằm tháng bảy bỗng mất ông Tăng Vân, trong chúng tìm kiếm bốn phương, thì ở ngoài chùa cỡ ba dặm thấy ông trong gò mả xưa, máu chảy đầy mình. Chúng hỏi có sao, ông Tăng Vân nói : Có một người mạnh mẽ tay cầm dao lớn,

(1) Nhân lần : cũng như hợn lần; nay lần mai lửa.

nan nhân, phò tiếp hườn tự. Kiệt thành sám hối, kinh u thập niên, chí tâm tận kính, thuyết giới Bồ tát, đọc tụng chúng kinh, dĩ vi thường nghiệp. Lâm chung chi nhật, dĩ hương lai nghinh, hân nhiên nhi thệ. Thời hàm gia kỳ túc thế trung cách, bất truy dĩ luân.

Hựu Đại Giác tự Tăng Phạm, giới đức thanh cao, thường túc tha tự, u thập ngũ nhật, chúng nghị cộng đình Bồ tát, linh tăng thụ nghĩa. Hữu tăng thăng tòa tự viết : Thụ luận pháp tướng thâm hội thánh ý, hà lao Bồ tát nãi tăng thường văn nhĩ. Hốt kiến nhất thần cao trượng dư, hùng tuấn kinh nhơn, vấn thụ nghĩa giả viết : Kim thị hà nhật ?

. Đáp vấn : Bồ tát nhật. Thần túc dĩ thủ sáp chi, duệ u tòa hạ chủy đốn tương tử. Thứ vấn thượng tòa, đáp diệc đồng tiền, sáp hườn tương tử, lãng hại nhị tam thượng tòa dĩ, Thần trạo tý nhi xuất. Thời đạo tục cộng đố, Phạm sư ký kiến, do thị tự lệ nhất sanh, tăng sự tư duyên, vô cảm thuyết dục, nãi chí bệnh trọng bất kham phò dư, du thỉnh tăng tựu phòng, cung kính thuyết giới. Tư thời sùng kính, luận thiên thiên học nhi khinh giới luật giả, thỉnh quan thử tư chi.

"Nhắm nhiễm nhơn gian, toại thành sơ dã", bất giác lung chung lão hủ, xúc sự diện tường.

Thượng nhị cú, thiệp tục thành dã. Hạ nhị cú, không lão vô thức. Hựu sơ cú, giao huân. Thứ cú, tập thành. Tam cú, yếm nhĩ suy chí.

xãng tiếng quả rằng : Ông là người nào, dám bỏ ngày Bồ Tát, quấy bậy nêu nghĩa, rồi liền rút con dao bén chém thân ta, đau nhức khó chịu, trong chúng diu đỡ ông về chùa. Ông hết lòng sám hối, trải qua mười năm, chí tâm thành kính thuyết giới Bồ Tát và đọc tụng các kinh lấy làm nghiệp thường. Đến ngày lâm chung hương lạ đến rước, ông vui vẻ mà về Phật. Người trong khi đó ai cũng khen ông hiện đời biết cải đổi chẳng trễ pháp thường.

Lại chùa Đại Giác có ông Tăng Phạm, giới đức thanh cao, từng ngủ chùa khác, đến ngày rằm trong chúng cùng nhau đề nghị đình việc Bồ Tát, bảo một ông Thầy nêu nghĩa. Bấy giờ có một ông thầy lên pháp tòa nói rằng : Nêu nghĩa luận pháp tướng, để hiểu sâu ý Phật được rồi, không nhọc gì phải Bồ Tát, chính những việc chúng tăng thường nghe hoài. Thoạt thấy một ông Thần cao lớn một trượng, vạm vỡ kinh người, hỏi ông nêu nghĩa kia rằng : "Nay là ngày gì" ?

- Ngày Bồ Tát. Ông Thần liền lấy tay bạt tai, rồi kéo xén xuống pháp tòa đánh loi gần chết. Kế hỏi mấy ông đệ nhị thượng tòa, đệ tam thượng tòa, cũng đáp như ông đệ nhất thượng tòa trước cũng bị bạt tay ông thần bạt tai gần chết, đánh luôn hai ba ông thượng tòa ngất ngơ ngất ngưỡng, rồi thần vẫy cánh trở mình đi ra. Khi đó người tu người đời ai thấy cũng tấm lòng ghê óc. Ông Tăng Phạm đã thấy từ đó ông gắng trọn một đời, không hề ngày Bồ Tát nào, mà ông không Bồ Tát. Dầu ông mắc việc chúng Tăng, hay là việc riêng của mình, nhưng cũng không xin nghỉ, nhẫn đến bệnh nặng đỡ lên xe không nổi, ông cũng rước cho được một ông Thầy đến phòng cung kính cầu Thầy nói giới cho nghe. Đời nay có những người chỉ trọng về Kinh với Luận, hoặc có người chuyên về Pháp Tham Thiền mà khinh Giới Luật đó. Xin xem vấn này mà suy nghĩ lấy.

Lũng thững theo đời, ⁽¹⁾ bèn thành quê kịch, không dè lỏng công già yếu, gặp việc xây mặt vào vách.

Hai câu trên, theo tục thành quê. Hai câu dưới, già lúống không biết chi. Lại câu ban đầu xông ướp theo đời,

(1) Lũng thững, dõn dẽn hay thắm thoát theo nhơn gian cũng đồng một ý.

Tứ cú, vô minh nhật tế. Cái vị bất tu chánh nghiệp, tán mạn tự phóng, nhật thiệp tục duyên, phan duyên trần cảnh, túng tứ lục tình, cố chi tâm hạnh toại thành sơ dã. Nhiệm tập nhật thâm, vô quan chiếu lục hề giác tứ tướng thiên lưu, thúc nhĩ suy lão thời chí, tâm cảnh bất thông, bá vô nhất hiểu, xúc vật thành ủng, như như điện bích. Thử đẳng, giai do bất khả bác vấn tiên tri, cố chí đáo lão toại thành cốt đồng.

Ký viết : Nhắm nhiệm du tán mạn xâm tầm dã. Lung chung, nãi hành bất tiền dã. Hủ, tức suy hủ, sở vị niên ký dĩ lão, vô tam chủng vị, không sanh khổng tử, đường khí nhất kỳ.

Vô tam chủng vị giả ? Thí như cam giá ký bị yếm dĩ, chỉ vô phục vị; tráng niên thanh sắc, ký bị lão yếm, vô tam chủng vị : Nhất giả, bất năng tụng kinh giải nghĩa. Nhị giả, bất năng tọa thiền tu quán. Tam giả, bất năng lao vụ tác phước.

Tứ tướng giả ? . Sanh, trụ, dị, diệt, dã. Cốt đồng giả ? . Mặc đàm vân "La Phù" : "Vĩnh Lão", thủ ẩm thực tạp phan chi danh. Kim tục đa tả dụng chi.

"Hậu học tư tuân vô ngôn tiếp dẫn túng hữu đàm thuyết, bất thiệp diễn chương".

Thượng nhị cú, tha thất nhuận ích. Hạ nhị cú, ngôn bất quan diễn. Ký nhĩ xúc sự diện tường tương hà dĩ tiếp hậu côn, túng hữu nhật ngôn bán cú, bất quan Phật Tổ diễn mô, hà dĩ bất kiến thủy lão hạt tai ?

câu kế tập quen thành tánh. Câu thứ ba thoát vậy già yếu. Câu thứ tư tối dứt ngày thêm. Bởi vì không tu nghiệp chánh thả lỏng chơi bời, hằng theo thói tục vương dính cảnh trần buông lung sáu tình nên đến nỗi Tâm Hạnh thành ra quê kịch. Nhiễm quen lâu ngày, không nghị lực soi xét, đâu biết bốn tướng dời đổi, phút xút ngày già yếu, tâm tánh chẳng thông, trăm việc chẳng hiểu một, thấy chi bít nấy, như người xây mặt trong vách, không thấy chi cả. Những hạng người thế đó, đều bởi không chịu rộng hỏi bực tiên tri, cho nên đến khi già trở thành cốt đồng (vô dụng).

Lời Ký nói : *Chữ Lững thững cũng như thả lỏng lung tung. Lóng cóng là nghĩa đi không tới đâu là đâu. Chữ Hủ là nghĩa già yếu. Chỗ gọi rằng : tuổi đã già rồi, không ba món vị, sống hư chết uổng, luống bỏ một đời vậy.*

Không ba món vị là gì ? - Ví như cây mía, đã bị ép rồi, bã xác không còn ngọt nữa, sắc xanh tuổi trẻ đã bị già hấp, không còn ba món vị : 1) Tụng kinh giải nghĩa không nổi 2) Ngồi Thiền tu quán không nổi. 3) Làm việc nhọc cho có phước không nổi.

Bốn tướng là gì ? - Sanh, Già, Bệnh, Chết. ⁽¹⁾ Cốt đồng là gì ? - Sách Mặc Đàm nói : "Non La Phù ông Vĩnh Lão, dùng các thứ đồ ăn nấu chung lại một chảo, kêu là đồ cốt đồng. Bây giờ người đời phần nhiều bắt chước kêu theo, Nói tóm lại cốt đồng là một thứ không rỗng rặt, như đồ xà bần. Người thế tục những người nào tạp nạp láo nháo mượn đây đặt tên là cốt đồng (có chỗ khác nói : Cổ Đồng : là đồ xưa - cũ kỹ).

Kẻ hậu học thưa hỏi, không lời chi dạy bảo, đâu có luận nói, chẳng nhằm Kinh Luật.

Hai câu trên, người mất chỗ lợi ích. Hai câu dưới, nói chẳng nhằm Kinh Luật. Đã vậy, gặp việc xây mặt vào vách, lấy chi tiếp dẫn kẻ hậu côn, dù có nói một lời, nửa câu chẳng nhằm Kinh Luật Phật Tổ, nào khác câu : "Chẳng thấy hạt già dưới nước ư" ?

(1) Cũng nói : Sanh, Trụ, Di, Dứt.

Ký viết : Như Lai khử thế bất cửu, hữu nhất Tỳ kheo thố tụng PHÁP CÚ kinh kệ vân : Nhược nhơn sanh bá tuế bất kiến thủy lão hạt, bất như sanh nhất nhật, nhi đắc kiến liễu chi. Thời A Nan Tôn giả văn chi thăm nhiên nhi thán viết : "Như Lai chánh pháp diệt hà tốc tại !". Nãi ngữ bỉ Tỳ kheo ngôn : Như Phật sở thuyết : "Nhược nhơn sanh bá tuế bất kiến sanh diệt pháp, bất như sanh nhất nhật nhi đắc kiến liễu chi". Thị Tỳ kheo hồi hướng sư thuyết : Kỳ sư ngôn A Nan lão mạo, ngôn đa thố mậu bất khả tín dã. Nhữ đương hườn như tiền tụng án.

Tích, Chánh pháp thượng tồn, ngoa thế nhược thủ. Hướng kim khử thánh thời diêu, bất thân lương bằng bất cận minh sư, nhi năng xuất ngôn thiệp ư điển chương hồ ?

Hoặc bị khinh ngôn, tiện trách hậu sanh vô lễ, sân tâm phần khởi ngôn ngữ cai nhơn.

Sơ cú, vô đức bị tiếu. Nhị cú, bất tinh kỹ quá. Hạ nhị cú, sân độc thương nhơn. Ngôn ký bất thiệp điển hà quái tha khinh. Kỹ quá bất tinh, phản trách tha phi. Sân hỏa nhất tưng, vô bất liệu nhiên.

Ký viết : "Sân, nộ dã. Phần hận dã. Hựu phần tha vi sân, tạt phần vi nhuế. "Đạo An" Pháp sư vân : Kinh đạo bất thông, giới đức toàn vô, bằng hữu xuy lộng, đồng học khí quyên, như thị xuất gia, đồ táng thiên niên.

BÁT : NGHIỆP QUẢ THỜI THỰC

Nhất triều ngoa tạt tại sàng, chúng khổ quỳnh triển bức bách, hiểu tịch tư thốn, tâm lý hồi hoàng.

Thượng nhị cú, thân khổ. Hạ nhị cú, tâm khổ. Dĩ thực thời chí, tứ đại quai thường nhất đại bất điều, bá mạch cân trụ, phục chăm tư

Lời Ký nói : Đức Như Lai diệt độ chưa bao lâu, có một ông Tỳ Kheo làm tụng bài kệ trong kinh PHÁP CÚ : "Nếu người sống trăm tuổi, chẳng thấy con hạt già dưới nước, chẳng bằng sống một ngày mà đặng thấy rõ đó. Khi ấy ngài A Nan Tôn giả nghe rồi ngui thảm than rằng : "Chánh pháp đức Như Lai sao mà diệt mau lắm vậy ! Rồi nói với ông Tỳ Kheo kia rằng : Thừa Huynh ! Đức Phật ngài nói : "Nếu người sống trăm năm chẳng thấy Pháp Sanh Diệt, chẳng bằng sống một ngày, mà đặng thấy rõ đó". Ông Tỳ Kheo ấy bấy giờ trở về thuật lại với Bốn Sư. Sư nói : "Ồi, ông A Nan già cả, nói hay lắm lộn, không nên tin vậy. Người cứ trở về tụng như trước đi".

Ồi ! Xét như xưa đời chánh pháp hơi còn làm lộn như thế đó. Hướng đời bây giờ cách Phật đã xa, không gần thầy hay bạn giỏi, làm sao nói ra cho nhằm Kinh Luật ấy ư ?

Hoặc bị lời khinh dễ, bèn trách kẻ hậu sanh vô lễ, lòng sân nổi lên, lời nói lướn người.

Câu đầu thiếu đức bị người chê; Câu thứ hai không biết xét lỗi mình. Hai câu sau, lửa sân hại người. Nói đã không trúng Kinh Luật, tránh sao cho khỏi người khinh Lỗi mình không xét, trở trách quấy người. Lửa sân một khi phát ra không món nào chẳng bị nó đốt.

Lời Ký nói : Giận lộ tướng thô, gọi chữ Sân. Giận ngầm trong bụng nói chữ Phẫn. Lại giận người nói chữ Sân. Giận mình gọi chữ Nhuế. Ngài "Đạo An" Pháp sư nói : Kinh Luật chẳng thông, giới đức toàn thiếu, bằng hữu chê cười, bạn đồng học lưỡn bỏ, xuất gia như thế, lưỡn uổng năm trời.

8) NGHIỆP QUẢ THỜI ĐẾN :

Một mai bệnh nằm ở giường, các khổ vắn vít ép ngặt, sớm tối lo toan, trong lòng hời hợt.

Hai câu trên, khổ về thân. Hai câu dưới, khổ về tâm. Quả báo đến thời, bốn đại trái thường, một đại không hòa, trăm mạch gân rút, cấm đầu nơi gối suy nghĩ không điều

thốn, vô thiện khả ký, thúc thủ tuyên môn, hà nghi chi hữu, khởi bất hồi hoàng giả tai ?

Ký viết : Quýnh giả, nhiều hệ dã, triền giả, thúc phục dã. Bức bách giả, xu bức cấp thiết bất an chi vị dã. Hiếu tịch giả, tảo vãn dã. Tư thốn giả, tư duy thốn đạt dã. Hồi hoàng giả, hôn loạn khủng cự dã.

"Tiền lộ mang mang, vị tri hà vãng; tùng tư thí tri hối quá, lâm khát quật tỉnh hề vi".

Thượng nhị cú, bất tri khứ xứ. Hạ nhị cú, truy hối bất cập. Lục đạo hiểm đồ, sanh tử khoán dã. Bất tri lai xứ, yên tri khứ xứ. Nhật tiền bất dự đả điểm lâm thời hối chi hà cập !

Phật ngôn : "Nhơn si, cố hữu sanh tử". Hà đẳng vi si ? - Bốn tùng si trung lai, kim sanh vi nhơn phục si; tâm bất giải bất khai, bất tri tử đương sở thú hương. Thử chánh sở vị : "Vị tri hà vãng" dã.

Ký viết : Bốn văn sơ cú, ngôn tam đồ lục đạo khoan khoán vô tế. Thứ cú, tâm thúc bất tri khứ xứ. Đệ tam cú, lâm chung thí hối tiên khiên. Đệ tứ cú, thiết dụ dĩ minh chi.

BÁCH DỤ kinh vân : Tích, ngoại quốc, hữu nhất bản nhơn thiện năng tác uyên ương minh. Dục thâm liên hoa, tức nhập vương trì tác uyên ương minh. Thời thủ trì nhơn nghi nhi vấn viết : "Trì trung thị thùy" ? Bản nhơn thất khẩu đáp ngôn : "Ngã thị uyên ương" Thủ giả tróc đặc tương nghệ vương sở, chí trung đồ phục cánh tác uyên vương minh. Thủ giả ngôn : "Nhữ tiên bất tác, kim tác hà ích".

Thế gian ngu nhơn diệc phục như thị. Chung thân tác chúng ác nghiệp, bất tập tâm hạnh sử linh điều thiện. Lâm mạng chung thời, phương ngôn : "Ngã kim dục tu thiện".

lành chi đáng ghi, nên phải bó tay chịu chết, có nghi chi nữa, đâu chẳng hồi hộp đó ư ?

Lời Ký nói : *Vấn ắt, bó buộc, hay ép ngặt và gấp rút cũng đồng một nghĩa là không yên ổn. Sớm tối, lo nghĩ xét lường và hồi hộp là nói trong khi hấp hối mê man sáng suốt vậy.*

Đường trước mờ mờ, chưa biết về đâu. Từ đây mới biết ăn năn tội lỗi, đến khi khát nước đào giếng sao kịp.

Hai câu trên, khi đi không biết về đâu. Hai câu dưới, ăn năn lỗi trước, là sự đã muộn lắm rồi. Sáu đường gay go, sanh tử thình thang. Đã không biết từ đâu mà đến, bây giờ chết rồi sẽ đi về đâu. Ngày trước không lo tu phước, đến thì giờ này ăn năn sao kịp !

Phật nói : *"Người mê nên có sanh tử".* Mê là gì ? - Trước từ trong mê mới sanh ra, đời nay làm người, tâm mê ấy hãy còn, không hiểu không tỏ, không biết chết hãy đi về đâu. Chính chỗ gọi câu : *"Vị tri hà vãng"* (chưa biết đi đâu vậy).

Lời Ký nói : *Câu đầu bốn vấn, nói ba đường sáu ngã, thình thoang không bờ mé. Câu kế, nói tâm thức không biết đi đâu. Câu thứ ba, nói đến chết mới ăn năn lỗi trước. Câu thứ tư, lập lời ví dụ cho rõ.*

Kinh BÁCH DỤ nói : *Thuở xưa, nước ngoài, có anh nhà nghèo, có tài giả bộ tiếng kêu chim oan ương. Bởi muốn trộm hoa sen liền vào ao vua cất tiếng kêu cà um cà um như chim oan ương. Khi đó ông Quan giữ ao nghi và hỏi rằng : "Ai trong ao đó !". Anh nghèo lỡ miệng đáp rằng : "Tôi là chim oan ương". Quan giữ ao bắt được, đem nạp cho nhà Vua, trong khi đi giữa đường, anh lại làm tiếng chim oan ương kêu. Quan giữ ao kia nói : "Hồi này chú không làm, bây giờ làm có ích chi".*

Người ngu trong đời cũng lại như thế. Trọn đời tạo nghiệp ác, mà không lo sửa đổi tâm tánh làm những điều lành. Để giờ phút mạng chung, mới nói rằng : *"Tôi nay muốn tu thiện"*.

Thời ngục tốt tương khứ phú Diêm La vương sở, tuy dục tu thiện diệc vô sở cập. Như bỉ ngu nhơn, dục đáo vương sở phương tác uyên ương minh.

"Tự hận, tảo bất dự tu, niên vãng đa chư quá cũ; lâm hành huy hoát, phách bố chương hoàng".

Thượng nhị cú, tự trách. Hạ nhị cú, thất chủ, Nhật tiền tam độc bất trừ, niên vãng tích tội như sơn, lâm chung chi tế, nghiệp cảnh hiện tiền; tóng nhiều cưỡng tác chủ trương, nan miễn phách bố chương hoàng. Chánh thị nhật tiền, túc ngân bất ổn, lâm hành thủ mang khước loạn.

Ký viết : Quá cũ giả, tội khiên dã. Hoát đương tác hoát, nãi thủ phản phúc dã. Diêu thủ viết huy, phản thủ viết hoát. Vị như phản chương tấn tốc chi gian.

Phách bố chương hoàng giả, úy cụ khủng cụ chi thậm dã.

"Hộc xuyên tước phi, thức tâm tùy nghiệp, như nhơn phụ trái, cường giả tiên khiên, tâm tự đa đoan, trọng xứ thiên trụ".

Sơ nhị cú, thân tâm tùy nghiệp. Thứ nhị cú, nghiệp cường khiên tâm. Hậu nhị cú, báo thiên do tâm trọng. Hựu sơ cú, dụ tiên nghiệp quả tạ. Thứ cú, tâm tùy nghiệp vãng. Tam tứ cú, du nghiệp cường báo tiên. Ngũ cú, vọng niệm phi nhứt. Lục cú, báo từng tâm đoạ.

Nhiên thiện ác chi nghiệp, cường nhược do tâm. Quả báo chi xứ, khinh trọng tự phân. Cấu tâm trước trọng, tức trụ tam đồ. Thiện nghiệp khinh cử, diện thăng như thiên. Nhược cứ xuất thế pháp trung, như thiên nguyên thị hữu lậu

Khi đó quỷ Ngục tốt đem đi giao vua Diêm La rồi, bấy giờ muốn tu thiện, cũng nào kịp ư ? Như người ngu kia đem đến chỗ Vua rồi, mới làm tiếng kêu chim oan ương.

Giận mình sớm chẳng lo tu, tuổi già nhiều điều tội lỗi, khi đi chao chát, lo toan sợ sệt.

Hai câu trên, trách mình. Hai câu dưới tâm mình không tự chủ. Bởi ngày trước ba độc chẳng trừ, nên tuổi già chưa tội như núi, khi hấp hối cảnh nghiệp hiện bày trước mặt, dù gắng gượng làm chủ trương khó mà tránh khỏi sự hãi hùng sợ sệt. Chính thực ngày trước gót chân không vững đến chết tay bầu chân đạp.

Lời Ký nói : *Tiếng ta nói tội lỗi cũng như chữ Hán nói Quá cũu. Tiếng Ta nói lật úp bàn tay cũng như chữ Hán nói chữ quát. Tiếng Ta nói đi lắc cánh tay cũng như tiếng Hán nói chữ huy.*

Lật trở bàn tay là gì ? - Là nghĩa trong khi hấp hối vô thường mau chóng như trở bàn tay. Lo toan sợ sệt là gì ? - Lo sợ lập cập rất lắm.

Lưới phủng chim bay, thần thức theo nghiệp, như người mắc nợ, ai mạnh lời trước, tâm tạo nhiều mối, nặng đầu sa về đó.

Hai câu đầu thân tâm theo nghiệp. Hai câu kế, nghiệp mạnh kéo tâm. Hai câu rốt sau, do tâm nào nặng mắc báo sa về đó. Lại câu ban đầu, dụ nghiệp báo trước đã mãn. Câu kế là tâm thức đi theo nghiệp. Câu thứ ba, thứ tư là dụ nghiệp nào mạnh thì trả quả trước. Câu thứ năm là dụ vọng niệm chẳng phải một. Câu thứ sáu đều là quả báo từ tâm mà đọa.

Song nghiệp thiện và ác, mạnh yếu do tâm. Chỗ mắc quả báo, nhẹ, nặng, đều riêng. Như tâm nhiễm ô nhiều, thì đọa trong ba đường. Nghiệp lành nhiều thì sanh lên cõi Nhơn Thiên. Nhưng cứ trong pháp xuất thế mà nói thời cõi Nhơn Thiên cũng còn có quả hữu lậu, cũng còn sa đọa. Tu sao được nhứt tâm bất loạn, thời mới mong thoát khỏi trầm luân. Câu lưới phủng chim bay là gì ? Chim đây là nói thứ

chi quả diệt danh vi dọa. Duy kỳ nhứt tâm bất sanh, phương thoát luân trụ. Học xuyên tước phi giả; tước nãi tiểu diệu dã.

ĐẠI LUẬN vân : Diệu lai nhập bình trung, dĩ học yểm bình khẩu, học xuyên diệu phi khứ, thức thần tùy nghiệp tẩu. Kim dĩ bình, dụ tứ đại; học, dụ mạng căn; diệu, dụ thức thần. Thức thần, tức thức tâm dã. Như kỳ thừa tiền thiện ác nghiệp lai thọ báo, như diệu nhập bình. Vi nghiệp sở hệ, như la học yểm. Quả báo nhược tạ, tức tiện tùy nghiệp, như học xuyên diệu khứ. Khứ tất trụ nghiệp, cố danh "tùy tẩu". Do thức tâm hệ, dĩ nghiệp thăng tại ư sắc bình, nhi vô xứ bất chí. Nghiệp thăng vị đoạn, khứ dĩ phục hườn. Bình phá hệ đoạn, tức khứ bất phản. Vị hiện kim tứ đại nhược hoại, danh vi khứ dĩ. Phục thọ hậu thân, danh vi phục hườn; chí vô học quả, phương danh bình phá; hậu sanh nghiệp tận, danh vi bất phản.

Ngôn thức tâm giả ? Tức đệ bát tâm vương A lại da thức, chấp trì thiện ác chủng tử, vi tổng báo chủ.

Tùy nghiệp giả ? Vị lục thức sở tạo thiện ác chi nghiệp, năng dẫn đệ bát, ư lục đạo trung thọ tổng báo thân.

Nghiệp vi năng dẫn, thức vi sở dẫn, cố vân tùy nghiệp. Tiên khiên giả ? Vị thiện ác nhị nghiệp, hà giả cường trọng tức khiên chí, tiên vãng nhi thọ lai báo dã. Tâm tự đẳng giả ? Vị đệ lục thức, chủng chủng vọng tưởng, phân biệt phi nhất, phân lục trần cảnh, tác chúng ác nghiệp, trụ dọa tam đồ, tâm đa tác dọa trọng, vọng thiếu tác trụ khinh.

chim nhỏ như theo ta nói chim se sẻ, nhỏ, như theo ta nói chim se sẻ, tiếng Hán nói chữ "Tước".

Trong ĐẠI LUẬN nói : "Con chim chun trong cái bình, lấy lụa bịt miệng bình lại, lụa rách chim bay đi, cũng như cái thân ta lúc tan rã, thần thức đi theo nghiệp. Hôm nay lấy cái bình dụ cái thân tứ đại, lụa dụ mạng căn, chim kia dụ thần thức. Thần thức tức tâm thức vậy. Do tâm thức nó nương nghiệp lành nghiệp ác đời trước, mà đến chịu quả báo, như chim nọ chun trong cái bình. Bị nghiệp nó buộc như lụa bịt miệng bình. Quả báo nếu hết rồi, thân phải đi theo nghiệp như lụa rách chim bay đi. Đi thì đi theo nghiệp cho nên nói chữ "Tùy Tẩu". Bởi thức tâm nó buộc bằng dây nghiệp ở trong bình sắc thân mà không chỗ nào không đến. Dây nghiệp chưa đứt, đi rồi phải trở lại. Bình bể dây đứt, thời đi không trở lại. Nghĩa là nay thân tứ đại này khi nó hư hoại, kêu là đi rồi. Nhưng còn chịu thân sau nữa, nên kêu là trở lại. Đến chừng đặng quả vô học, (*quả La Hán*) kêu là bình bể, hết nghiệp đời sau, nên nói là không trở lại.

Nói thức tâm là gì ? Tức thức A lại da tâm vương thứ tám, thức này kèm giữ hột giống thiện và ác, làm ông chủ tổng báo.

Theo nghiệp là gì ? Nghĩa là sáu thức trước gây tạo các nghiệp lành và dữ hay dẫn thức thứ tám đi đầu thai trong sáu đường chịu thân tổng báo. Tổng báo là gì ? Là quả báo chung như quả báo đáng sanh trong loài người thời đồng chịu thân thể như loài người thì gọi là tổng báo. (*Đồng nghiệp một hình thể người nên kêu là tổng báo là quả báo chung; nhưng đồng một loài người mà có người tốt, người xấu, người sống lâu, người chết yếu, thời gọi là thân biệt báo là quả báo riêng*).

Nghiệp là nghiệp hay dẫn, thức là cái bị dẫn, cho nên nói thức theo nghiệp. Kéo đi trước là gì ? Nghĩa là, nghiệp thiện và ác, cái nào nặng hơn, thời nó kéo đi trước, mà đến chịu báo làm thân đời sau vậy. Tâm tạo nhiều mối là sao ? Nghĩa là, thức thứ sáu vọng tưởng đủ thứ, phân biệt chẳng phải một, theo cảnh Lục trần, tạo các nghiệp ác sa đọa

Khuê Phong vân : Tác hữu nghĩa sự, thị tỉnh ngộ tâm. Tác vô nghĩa sự, thị tán loạn tâm. Tán loạn tùy tình chuyển, lâm chung bị nghiệp khiên. Tỉnh ngộ bất do, tình lâm chung năng chuyển nghiệp. Dục nghiệm lâm chung thọ sanh, tự tại bất tự tại, dẫn nghiệm tầm thường hành tâm trần cảnh, tự do bất tự do, nhị lục thời trung, đương tỉnh sát nhĩ.

Thử thị Khuê Phong, nhật thiếp phát hạn tán, chư nhơn giả, hảo tự kiểm nghiệm khán, thiết vật ta quá dã.

Ký viết : A lại da, thử vân tàng thức, vị năng hội tàng thiện ác, thể xuất thế gian chư pháp chủng tử cố. Dĩ do tối sơ bất giác tâm động, thành ư vô minh, huân tập chon như, nhi vì A lại da thức, dĩ chấp trì chủng tử năng linh sanh tử lưu chuyển bất đoạn, cố thử thức diệt danh "chấp trì"; hoặc danh "dị thực" thức. Vị năng dẫn sanh tử thiện bất thiện nghiệp dị thực quả cố. Dị thực giả ? Vị kim sanh tác nghiệp, lai sanh thọ báo, nhơn diệt quả sanh, dị thời nhi thực, cự vân quả bảo thị dã.

TÔNG CẢNH LỤC vấn vân : "Chư căn hoại nhật, thức thiên ly thời, xả thử cố thân, biệt thọ dư chất, khứ lai chi thức, tướng trạng vân hà ?

trong ba đường, tâm vọng nào nhiều hơn thời đọa vào chỗ tội nặng hơn, tâm vọng tưởng ít thời đọa vào chỗ tội nhẹ.

Tổ Khuê Phong nói : Làm việc có nghĩa, là tâm tỉnh ngộ. Làm việc vô nghĩa, là tâm tán loạn. Tán loạn theo tình lời cuốn, giờ phút lâm chung bị nghiệp kéo lôi. Người tỉnh ngộ không bị tình lời cuốn, nên giờ phút lâm chung có thể chuyển nghiệp lại được. Muốn nghiệm biết khi lâm chung đi đâu thai, thành thơi cùng không thành thơi, cứ nghiệm ngay trong tâm chỗ thật hành của ta lúc bình thường đối với cảnh trần dính mắc, hay không dính mắc, trong hai mươi bốn giờ, luôn luôn nghiệm tâm hạnh của mình thì đủ biết.

Đây là Tổ Khuê Phong, cho một thang thuốc thảo mộc hôi vậy, các nhơn giả, tự gắng xem nghiệm coi, chớ đừng vội vã bỏ qua uống lắm.

Lời Ký nói: *A lại Da thức, tiếng Hán dịch thức Hàm Tàng. Nghĩa là, vì hay trùm chứa thiện và ác, hột giống của thế gian và xuất thế gian các pháp vậy. Thế nào là thức A Lại Da... Bởi do lúc ban đầu, không ngờ tâm vọng động, gây những chuyện mê lầm huân tập tánh chơn như biến làm thức A Lại Da do thức làm hột giống làm cho trôi lăn mãi trong đường sanh tử không hề thôi dứt, cho nên thức này cũng có tên thức "Chấp Trì". Hoặc gọi là thức "Dị Thục". Dị thục là gì ? - Nó hay dẫn dắt nghiệp lành, và nghiệp dữ chịu quả báo dị thục trong đường sanh tử. Thế nào là dị thục ? Dị là khác, thục là chín, như trái cam khi trồng bằng hột, mọc lên cây, đâm lá trở bông lần hồi sanh trái, trái qua thời gian khác mới lên thành trái cam, chính cũng như bọn chúng ta đời nay tạo nghiệp nhơn đời sau mắc quả báo. Nhơn diệt quả sanh khác thời mà thành thục, cho nên gọi là quả dị thục. Hồi xưa nói dị thục là nghĩa quả báo phải vậy.*

Bộ TÔNG CẢNH LỤC nói : *Cái ngày các căn của thân này nó hư hoại, giờ phút thần thức rời lìa, bỏ thân cũ này, riêng chịu thân khác, thức khi tới khi đi hình trạng ra thế nào ?*

. **Đáp viết** : Như **HIỂN THỨC** kinh vân : **Thức chi vận chuyển thiên diệt vãng lai, du như phong đại, vô sắc vô hình bất khả hiển hiện, nhi năng phát động vạn vật, thị chúng hình trạng, hoặc điều chấn lâm mộc, tời chết phá liệt, xuất đại âm thanh; hoặc vi lãnh vi nhiệt, xúc chúng sanh thân tác khổ tác lạc, phong vô thủ túc hình dung, diệc vô hắc bạch chư sắc.**

Thức giới diệc nhĩ, vô sắc vô hình, vô quang minh hiển hiện, sở huân nhơn duyên cố, hiển thị chúng chủng công dụng.

ĐỒNG TÁNH kinh vân : **Chúng sanh xả thủ thân dĩ, nghiệp phong lực xuy di thức tương khứ tự sở thọ nghiệp, ninh thọ kỳ quả.**

Học, âm học, thị bạt sa, tức phương mục sa dã.

Vô thường sát quĩ, niệm niệm bất đình; mạng bất khả diên, thời bất khả đãi.

Thượng nhị cú, vô thường tốc. Hạ nhị cú, thời mạng tốc. Dĩ vô thường vi sát quĩ giả ? Vị dĩ vô thường, tuy vô hình chất khả kiến, nhi năng đoạn nhơn mạng căn, cố vân "Sát quĩ".

CHỈ QUÁN vân : **Vô thường dịch quĩ, bất trạch hào hiền, nguy thúy bất kiên, nan khả thị hộ. Vân hà an nhiên, quy vọng bá tuế, tứ phương trì cầu, trừ tích tụ liễm. Tụ liễm vị túc, khạp nhiên trường vãng, sở hữu sản hóa, đồ vi tha hữu, minh minh độc thệ, thùy phỏng thị phi.**

Đáp rằng : Như trong kinh HIỂN THỨC nói : Sự vận chuyển đời đời qua lại của thức cũng như luồng gió lớn, không hình không sắc, không thể chỉ được, nhưng mà nó có thể thổi động muôn vật nêu bày hình tướng, như nó làm cho cây cối lay qua lắc lại và tróc gậy nứt tét, kêu tiếng ù ù, người ta nói gió nhưng nói gió mà không thấy hình tướng chỉ nghe tiếng vo vo nó thổi vào mình hoặc làm cho ta phải lạnh, hoặc nó làm cho ta phải nóng, hoặc nó làm cho ta phải khổ, hoặc nó làm cho ta bất vui thích, khoái, thật gió cũng không tay không chân không hình dạng cũng không đen không trắng các màu.

Cái thức cũng thế, thân thức không hình không sắc, không sáng rạng rõ bày, nhưng vì do nhơn duyên huân tập nên rõ bày các thứ công dụng, như thức tâm ưa muốn đi đâu thời cái thân phải đứng dậy mà đi, thức tâm khi muốn ngủ thời nó làm cho thân phải đi kiếm chỗ nằm ngủ, cho đến thức tâm muốn làm lành, làm ác, thì các thân cũng tùy thuậ n.v.v...

Kinh ĐỒNG TÁNH nói : Chúng sanh khi bỏ thân này rồi, sức gió nghiệp thổi đến, đưa thân thức đi tới cảnh giới nào, để mà chịu nghiệp, để mà chịu quả báo kia, cho nên gọi là dị thực, tức là thức quả báo vậy.

Lựa mỏng làm mặt vuông để bịt miệng bình, theo chữ Hán nói là chữ "Hộc".

Vô Thường Quý dữ, mỗi niệm mỗi niệm chẳng dừng. Mạng chẳng khá lâu, thời chẳng khá đợi.

Hai câu trên nói, Vô thường chóng mau. Hai câu dưới nói. Thời mạng rất mau. Vô thường quý dữ là gì ? Quý vô thường kia, tuy không hình trạng thấy được, thế mà nó làm mạng căn con người phải chết, cho nên nói rằng : "Sát Quý".

Trong bộ CHỈ QUÁN nói : Vô thường Quý dữ, không lựa kẻ sang người hèn, mỏng mảnh không bền, không thể nương cậy nó được. Cớ sao diêm nhiên hy vọng, sống lâu trăm tuổi, rong rui bốn phương tìm cầu, chất chứa tom góp. Tom góp chưa đủ, thoát vậy chết đi, bao nhiêu của cải để lại người

Niệm niệm bất đình giả, thị thiên lưu bất trụ nhi nghĩa.

TRÍ ĐỘ LUẬN vân : Vô thường hữu nhị chủng : Nhất, tương tục pháp hoại vô thường. Nhị, niệm niệm sanh diệt vô thường.

NIẾT BÀN kinh vân : Bồ tát tu ư tử tướng, quán thị thọ mạng, thường vi vô lượng oán thù sở nhiều, niệm niệm tổn giảm, vô hữu tăng trưởng, du sơn bộc thủy, bất đắc đình trụ. Diệc như triều lộ, thế bất cứu đình, như tù thú tử, bộ bộ cận tử.

Mạng bất khả diên giả ? Mạng, vị thọ mạng, nãi tiền nghiệp dị thực định báo. Cố bất khả diên dã. Thời bất khả đãi giả ? Thời, tức thời khắc, ký thị tiền nghiệp định báo, phi nhưn lực khả năng lưu đãi. Sở vị Diêm Vương chú định tam canh tử, định bất lưu nhưn đáo ngũ canh. Định nghiệp nan đào, thử chi vị dư !

Ký viết : Lung chung lão hủ, thị lão khổ. Ngọa bệnh tại sàng thị bệnh khổ. Vô thường sát quĩ, thị tử khổ dã.

CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ kinh vân : Lâm mạng chung thời, đao phong giai động như thiên tiêm đao thích kỳ thân thượng, thập lực phần trung du bất cập nhất. Nhược hữu thiện nghiệp, tắc khổ não thiếu.

"Nhơn Thiên tam hữu, ưng vị miễn chi; như thị thọ thân phi luận kiếp số".

xài đi một mình trong con đường thăm thăm biết lấy ai mà hỏi việc phải quấy. Mỗi niệm không dừng là gì ? Là cái nghĩa đời đời không dừng.

TRÍ ĐỘ LUẬN nói : Vô thường có hai thứ : 1) Những cái nó tiếp tục với nhau, mà nó hoại đi là Vô thường. 2) Mỗi niệm mỗi niệm sanh rồi diệt, diệt rồi sanh là Vô thường.

Kinh NIẾT BÀN nói : Ông Bồ Tát thường tu phép quán về sự chết, thấy mạng sống này, thường bị không biết bao nhiêu là việc oán thù vây quanh, mỗi niệm hao mòn không có trẻ trung trở lại, cũng như nước núi chảy xuống không thể ngừng trụ. Cũng như móc ban mai thế chẳng còn lâu, như tù đem đi chém, mỗi bước mỗi gần đến chỗ chết. Thân này cũng thế, mỗi năm mỗi tháng mỗi ngày mỗi giờ và mỗi phút già lần rồi tới cái chết.

Mạng không thể lâu là gì ? - Mạng là cái mạng sống chính nghiệp mình đời trước quả báo. Dĩ Thực nó đã nhất định. Cho nên nói câu "*mạng bất khả diên*". (là mạng chẳng khá lâu vậy). Thời không thể đợi là gì ? - Chữ "Thời" tức là thời khắc, song cái nghiệp đời trước, quả báo đã nhất định thời không phải sức của người cầm lại được. Cho nên có câu : "*Diêm Vương chú định tam canh tử, định bất lưu nhưn đảo ngũ canh*" nghĩa là : Vua Diêm Vương nhất định canh ba chết, quyết chẳng để người nán lại đến canh năm. "Nghiệp báo nan đảo" là nghĩa đây vậy !

Lời Ký nói : *Già yếu lụn cùm là cái khổ trong khi già. Bệnh nằm ở giường là cái khổ trong khi bệnh. Vô thường Quỷ dữ là cái khổ trong khi chết.*

Kinh CHÁNH PHÁP NIỆM XỬ nói : *Khi mạng sắp lâm chung, gió đao thổi động, như nghìn mũi nhọn đâm trên thân thể, trong mười sáu phần không còn sót phần nào. Nếu ta có tu nghiệp lành thời việc khổ não ít.*

Người, Trời, trong ba cõi chưa ai khỏi đó, thọ Thân như vậy không luận kiếp số.

Thượng nhị cú, nghiệp quả nan đào. Hạ nhị cú, sanh tử vô tế. Ngôn tam hữu, dĩ cai nhưn thiên, dục linh văn nghĩa hổ chương, cố điệp ngôn chi. Tam hữu, tức tam giới chúng sanh. Sở tác hữu lậu thiện ác nghiệp nhưn, trí cảm đương lai hữu lậu thiện ác quả báo, nhưn quả bất vong, cố danh vi "hữu". Nhất : "Dục hữu", vị dục giới nhưn thiên cập tứ ác thú chúng sanh, giai bất ly dục nhiễm, cố danh "dục hữu". Nhị : Sắc hữu, vị sắc giới Tứ thiên thiên, tuy ly dục nhiễm thượng hữu sắc chất, cố danh "sắc hữu". Tam : Vô sắc hữu, vị vô sắc giới Tứ không thiên, tứ đại dĩ không, vô hữu sắc chất, duy dư tứ uẩn, cố danh "vô sắc hữu". Tự đẳng, giai do nhưn tạo hữu lậu, quả hệ hữu vi. Kỳ dĩ vô thường, bất ly tam giới thọ sanh, cố viết, ứng vị miễn chi. Quả phục tạo nhưn, nhưn hườn cảm quả, luân hồi vô tế, cố viết phi luận kiếp số.

Ký viết : Kiếp số giả ? Thế giới hữu thành trụ hoại không tứ thời. Mỗi nhất thời, kinh nhị thập tiểu kiếp, tứ thời cộng kinh bát thập cá tiểu kiếp. Nhất tiểu kiếp, cộng kể nhất thiên lục bá bát thập vạn niên. Bát thập cá tiểu kiếp, danh nhất Đại kiếp thông kể nhất thập tam vạn tứ thiên tứ bá vạn niên. Kim nãi, nhưn trụ nhị thập tiểu kiếp trung, cộng kể tam vạn tam thiên lục bá vạn niên. Tư đương đệ cửu tiểu kiếp, thượng dư thập nhất cá tiểu kiếp, quá dĩ tức hoại kiếp thời chí hĩ. Tứ uẩn, vị : thọ, tưởng, hành, thức dã; kỳ lục dục thiên, tức ác thú, tứ thiên thiên, tứ không thiên, cu như hạ thích.

Hai câu trên, nghiệp quả nan đào. Hai câu dưới, sanh tử không cùng tột. Nói ba cõi, đã gồm cõi nhơn, cõi thiên muốn cho vấn nghĩa rõ ràng, nên nhiều lần nhạo đi nhạo lại. Ba cõi, tức chúng sanh trong ba cõi. Chỗ gây những nghiệp nhơn hữu lậu lành và dữ, nên mắc quả báo lành và dữ đời sau, nhơn nào quả nấy không hề sai mất, cho nên gọi rằng hữu (có).

Ba cõi là gì ? 1/ Cõi Dục Hữu. 2/ Cõi Sắc Hữu. 3/ Cõi Vô Sắc Hữu. Sao gọi là Dục Hữu ? - Bởi người trời trong cõi Dục giới và chúng sanh trong bốn ác thú. (*Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, A tu la*) đều không khỏi cái lòng dục nhiễm cho nên gọi cõi Dục Hữu. Thế nào là Sắc Hữu ? - Bởi cõi Tứ Thiên Thiên trong cõi Sắc Giới, tuy rằng hết lòng Dục Nhiễm, nhưng mà còn có hình sắc nên gọi là cõi Sắc Hữu. Thế nào cõi Vô Sắc Hữu ? Bởi cõi Trời Tứ Không trong cõi Vô Sắc Giới, thân tứ đại đã bỏ, không có hình sắc như hai cõi trên, nhưng còn bốn uẩn, nên gọi cõi Vô Sắc Hữu. Những chúng sanh ở trong ba cõi đây, đều bởi tạo cái nhơn Hữu Lậu, nên buộc phải chịu cái quả Hữu Vi. Chết sống không thường, song đã là Vô thường thì không thế nào tránh khỏi việc thọ sanh trong ba cõi, cho nên nói "ưng vị miễn chi" (*chưa ai tránh khỏi*). Quả lại gây nhơn, nhơn lại cảm quả, luân hồi mãi mãi, cho nên nói "Phi luận kiếp số" (*không luận mấy kiếp mấy đời*).

Lời Ký nói : *Kiếp số là gì ? - Trong thế giới có kiếp Thành, kiếp Trụ, kiếp Hoại, kiếp Không bốn thời kỳ. Mỗi một thời Kỳ có hai mươi tiểu kiếp, cộng bốn thời kỳ có tám mươi tiểu kiếp. Một tiểu kiếp kể một nghìn sáu trăm tám mươi vạn năm. Tám mươi tiểu kiếp, như vậy gọi là một Đại kiếp, kể chung mười ba vạn bốn ngàn bốn trăm vạn năm vậy. Nay người ở trong hai mươi tiểu kiếp của kiếp trụ, cộng kể cả ba vạn nghìn sáu trăm muôn năm. Nay nhằm tiểu kiếp thứ chín, còn mười một tiểu kiếp nữa; khỏi tiếp trụ đây rồi, bước qua thời kỳ kiếp hoại vậy. Bốn uẩn là : Thọ, Tướng, Hành, Thức. Còn cõi Lục Dục Thiên, cõi Tứ Ác Thú, cõi Tứ Thiên Thiên, cõi Tứ Không Thiên có giải quyển sau.*

CỬU : SÁCH LỆ KHUYẾN TU

"Cảm thương thán nha, ai tai thiết tâm, khởi khả giảm ngôn, đệ tương cảnh sách".

Thượng nhị cú, cảm thiết. Hạ nhị cú, khuyến miễn. Qui Sơn nhưn đồ mặt pháp truy lưu, tham lợi phế đạo, luân lạc sanh tử cố thứ cảm thương ta thán, tình thiết bất nhân mặc ngôn, nãi tác thứ cảnh sách đệ tương cảnh ngộ sách phát, nhi khuyến lệ chi.

Ký viết : "Nha", ta quái dã. "Giảm", phong dã, "Đệ", truyền đệ dã.

"Sở hận, đồng sanh tượng quý, khứ Thánh thời điều. Phật pháp sanh sơ, nhưn đa giải đãi".

Thượng nhị cú, khái bất ngộ Thánh thế. Hạ nhị cú, khái phát mặt nhưn ngoan. Tượng quý giả ? Quý, tức mặc dã. Cái do Thích Ca Như Lai giáo pháp trụ thế, nhi phân chánh, tượng, mặt, tam thời dã.

Chánh pháp giả ? Chánh, dư chứng dã. Vị, Như Lai diệt độ hậu, sơ nhất thiên niên gian, nhưn hữu bầm giáo tiện năng tu hành, tức năng chứng quả.

Tượng pháp giả ? Tượng, tợ dã; ngôn hữu giáo hữu hành, tợ chánh Pháp thời dã; Vị Như Lai diệt hậu nhị thiên niên gian, nhưn hữu bầm giáo tiện năng tu hành, nhi đa bất năng chứng quả.

9) NHẮC NHỞ KHUYÊN TU.

**Cảm thương than thở, chua xót cực lòng, đau
nỡ làm thính, thay nhau răn nhắc.**

Hai câu trên, cảm đau. Hai câu dưới, khuyên nhắc. Tổ Qui Sơn như thấy đời mạt pháp các ông Thầy tham lam danh lợi mà bỏ đạo nghiệp, chìm đắm trong đường sanh tử, cho nên ngài đau lòng cảm thương than thở không nỡ nín thính, mới làm văn cảnh sách này, thay nhau nhắc nhở tổ ngộ mà khuyên gắng đó.

Lời Ký nói : *Than trách gọi là chữ "Nha". Bật kín gọi chữ "Giảm". Truyền trao gọi chữ "Đệ".*

**Tủi vì chúng ta đồng sanh đời Tượng rất, cách
Phật đã xa, Phật Pháp lơ là, nhiều người giải đãi.**

Hai câu trên, than mình không gặp Phật ra đời. Hai câu dưới, thương đời mạt pháp lòng người lung lảng. Đời tượng rất là gì ? Rất cũng như sau vậy. Vì sao ? Bởi đức Thích Ca Như Lai, để giáo pháp lại đời, phân ra ba thời kỳ : 1/ Đời chánh pháp. 2/ Đời tượng pháp. 3/ Đời mạt pháp.

Chánh pháp là gì ? - Chữ "*chánh*" cũng như chữ "*chứng*" vậy. Nghĩa là đức Như Lai diệt độ rồi, trong một nghìn năm đầu, có người vâng thọ giáo pháp bèn hay tu hành, liền đặng chứng quả.

Đời Tượng pháp là chi ? Chữ "*Tượng*" cũng như chữ "*Tợ*". Nghĩa là đời Tượng pháp đây cũng có giáo pháp cũng có người tu hành, giống như đời chánh pháp vậy. Nhưng đức Như Lai diệt độ trong hai ngàn năm, có người vâng lãnh giáo pháp cũng hay tu hành mà phần nhiều ít ai chứng quả.

Mạt pháp giả ? Mạt, tức mạt hậu, diệt vi mạt dã, vị Như Lai diệt độ, chánh tượng chi hậu nhất vạn niên gian, giáo pháp thù thế, nhưn tuy bảm giáo, nhi bất năng tu hành chứng quả.

Hoặc vân : Mạt pháp hữu tam vạn niên "Qui Sơn", Đường đại xuất thế. Như Lai, diệt độ thù thiên bát bá niên : cố vân tượng quý. Phục dĩ Như Lai, tương khử tương nhị thiên tải, cố viết : "thời diêu". Thời đại diêu cách, truyền pháp đại nhưn tiệm hi, thị viết "sanh sơ". Ký thất lương đạo, hựu đĩnh mạt kiếp, căn khí hạ liệt, vô hướng thượng chí; cố viết "Giải đãi".

Ký viết : Quý, thứ mạnh trọng chi hậu. Nhược dĩ tượng pháp nhất thiên niên ngôn chi, hậu tam bá niên thuộc "quý". Nhược dĩ, chánh, tượng, mạt tam thời ngôn chi, quý, thị chánh tượng chi hậu thời dã.

Thánh thế giả ? Thị Như Lai tại nhật, hựu chánh pháp thời, diệt danh "Thánh thế".

"Lược thân quảng kiến, dĩ hiệu hậu lai. Nhược bất quyền căng, thành nan luân hoán".

Thượng nhị cú thị, giáo. Hạ nhị cú, giới miễn. Ký hữu sở cảm thương, bất vô ngôn thị dĩ miễn tu trì dã. Lược thân quảng kiến giả ? Lược, du vị quảng; thân vị thân thuật. Quảng kiến, như quảng khuy thiên chi kiến. Thứ thị "Qui Sơn" Đại sư chi khiêm từ dã.

Đời mạt pháp là chi ? Chữ "Mạt" tức nghĩa rốt sau, cũng như ngọn ngành vậy, nghĩa là : đức Như Lai diệt độ rồi sau đời chánh, đời tượng, trong một muôn năm, giáo pháp để lại trong đời, cũng có người vâng lãnh giáo pháp, nhưng mà không có thể tu hành chứng quả.

Hoặc có chỗ nói : Đời mạt pháp tới ba nghìn năm Tổ "Qui Sơn" ra đời nhằm đời nhà Đường. Đức Như Lai diệt độ gần một nghìn tám trăm năm. Cho nên Ngài nói Ngài ra đời nhằm đời Tượng rốt. Nghĩa là : Tổ Qui Sơn cách đức Như Lai gần hai nghìn năm cho nên ngài nói rằng : Xa đời. Thời đời cách xa, bậc Đại Nhơn truyền pháp lần lần rất ít nên Ngài nói rằng : Phật pháp lơ thơ. Đã không ông "lương đạo" lại nhằm đời mạt pháp, căn khí thấp hèn không chí hướng thượng, cho nên nói rằng "Giải đãi".

Lời Ký nói rằng : Rốt sau là chữ "Qui", đầu tiên là chữ "Mạnh", chặng giữa là chữ "Trọng". Bằng lấy một nghìn năm đời tượng pháp mà nói, ba trăm năm sau thuộc về chữ "Qui" - Còn nếu lấy luôn ba thời kỳ của chánh pháp, tượng pháp và mạt pháp mà nói thời chữ "Qui" ở sau chữ "Chánh" và chữ "Tượng" vậy.

Thánh thế là gì ? - Là Đức Như Lai Ngài còn tại thế, lại đời chánh pháp, cũng kêu là "Thánh thế".

Lược bày chỗ thấy hẹp, để khuyên bảo kẻ hậu lai. Nếu qui ngài không lo chữa bỏ, thật là khó kéo trở lại.

Hai câu trên, chỉ dạy. Hai câu dưới, răn gắng. Đã có lòng thương xót đâu chẳng khuyên răn, để gắng tu trì vậy. Lược bày chỗ thấy hẹp là sao ? Chữ Lược là nghĩa chưa rộng, chữ Thân là nghĩa tỏ bày. Chỗ thấy hẹp cũng như cái thấy lấy ống dòm trời. Đây là lời khiêm nhường của Tổ "Qui Sơn Đại sư" cái chỗ thấy đạo của ngài rất hẹp, cũng như người lấy ống dòm trời, không thể thấy toàn thể của trời to lớn.

Dĩ hiếu lậu lai giả ? Dĩ thử hiếu dụ hậu học, trưng quá thiên thiện chi vị dã. Nhược bất quyên căng nhị cú, thị kiết thượng khuyến tu chi ngữ. Vị bất dịch trừ như thượng ác dục tập nhiệm ngạo mạn, phóng dật chi quá, tắc thiệt nan văn hồi hĩ.

Ký viết : "Quyên", âm quyên, dịch trạc dã, "Trừ" miễn dã. "Căng" âm kinh, kiêu căng tự phụ dã; hựu căng khóa tự sức dã. "Hoán", âm hoán, chuyển dã. "Luân hoán", du văn hồi dã.

Giới miễn giả ? Linh đoạn chư ác hạnh, nhi miễn tu chúng thiện dã.

QUI SƠN CẢNH SÁCH
CÚ, THÍCH, KÝ
QUYỂN THƯỢNG (CHUNG).

Toại sư văn : Tích văn, hoại vị "Qui Sơn" Thủ Tòà tác tiền thiên, "Qui Sơn" tục thành chi, dẫn CẢNH SÁCH chi ý, thông đồ vô sảng, bất tất xuyên tạc. Cái chú thích lược kỳ đại cương, đặc ý vong ngôn giả, kỳ nhọn ý hoán nhiên cố bất tại thử.

Kim Uẩn thơ san CẢNH SÁCH cú thích, quyển tuy phân nhị, thứ tắc chuẩn nhất, mật biểu lưỡng dung chi ý dã.

Dạy kẻ hậu lai là sao ? - Nghĩa là Ngài lấy cái chỗ hiểu biết của Ngài dạy kẻ hậu học, bỏ dũ làm lạnh vạy. Hai câu nếu không chừa bỏ sau này thật khó kéo lại đó là lời khuyên tu kết lại văn trên. Ý nói, nếu ta không chừa bỏ những cái lỗi khinh dễ buông lung và tập nhiễm ác đục như trước; thời sau này thật khó kéo lại được.

Lời Ký nói : "*Quyên*" âm *Quyên* giặc rửa vạy. Chữ "*Trừ*" là *nghe* bỏ vạy. Chữ "*căng*" âm *Kinh* là *kiêu căng* ý mình vạy, cũng là *khoe khoang* nưng đỡ mình nữa. Chữ *Hoán* âm *Hoán* là *nghĩa* cải đổi vạy. Chữ "*Luân hoán*" cũng như ta nói kéo trở lại.

Răn gắng là gì ? Bỏ hết các hạnh ác mà gắng tu các pháp lành vạy.

BỘ QUI SƠN CẢNH SÁCH

CÚ, THÍCH, KÝ

HẾT QUYỂN HẠ

Ngài Toại Sư nói : Xưa có người nói. Ông Thủ Tọa Qui Sơn làm thiên trước còn ngài Qui Sơn nổi thành đó, song ý chỉ CẢNH SÁCH thông suốt không sai lạc là được, bất tất gì phải tìm tòi bươi móc. Bởi lời chú giải lược nơi đại ý thôi, không cần giải rộng, nên sự rõ ràng có chiều kém thiếu, miễn đừng ý quên lời và những người tâm trí sáng suốt tự nhiên hiểu rộng vẫn không cố chấp nơi đây.

Nay ông Nguyễn Uẩn biên khắc bộ CẢNH SÁCH cú thích này tuy phân hai quyển, nhưng thứ lớp và phép tắc cũng in như một, thăm bài cái ý dung hòa (Thượng Hạ) cả hai vạy.

QUI SƠN CẢNH SÁCH

QUYỂN HẠ

QUI SƠN CẢNH SÁCH

CÚ - THÍCH - KÝ

QUYỂN HẠ

Việt Đông, Đánh Hồ sơn, Sa môn Thích
Hoàng Tấn tại Tham chú Môn Nhơn, Tỷ
kheo Khai Quýnh ký.

NHỊ, THỊ PHÁP TAM :

Nhất, đạo hành. Nhị : Thiên giáo.

Tam : kiết khuyết.

NHẤT, ĐẠO HÀNH LỤC :

Nhất, Lập hạnh. Nhị, Trừng giới. Tam, Cầu
đạo. Tứ, Trạch hữu. Ngũ, Kết hối. Lục, Tiềm tu.

NHẤT. - LẬP HÀNH.

Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm
hình dị tục; thiệu long thánh chương, chấn
nhiếp ma quân, dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu.

Sơ cú, tiêu tông. Thứ cú, siêu trần. Tam cú
nhập Thánh. Tứ cú, kế Thánh. Ngũ cú, hàng ma.
Lục cú, báo đức. Thất cú, lợi sanh. Dĩ đức bị, cố
năng tòi ác nhi an thiện dã. Phù xuất gia giả ?
Xuất gia, hữu nhị : Nhật, xuất thế tục gia, túc ly
trần tục, viễn tham tri thức. Nhị xuất phiền não
gia, đoạn vọng chứng nhơn, đốn siêu tam hữu.
Phát túc siêu phương giả ? Vị tòng sơ phát tâm,
túc đương lý tiền đại phương, vật trệ thời lưu tiểu
cảnh. Dĩ giai cấp bất tuân nãi viết siêu phương.
Tâm hình dị tục giả ? Ngoại tắc viên danh phương

BỘ QUI SƠN CẢNH SÁCH

CÚ - THÍCH - KÝ

QUYỂN HẠ

*Tỉnh Việt Đông, non Đảnh Hồ Sa môn :
Thích Hoàng Tân hiệu tại Tham chú
giải. kẻ Môn nhưn, Tỳ kheo Khai Quýnh
làm lời ký,*

2, NÊU PHÉP PHÂN LÀM BA :

I) HÀNH ĐẠO

II) THIỀN GIÁO

III) KẾT KHUYÊN

1) HÀNH ĐẠO PHÂN LÀM SÁU :

1) LẬP HẠNH.

2) RĂN GẮNG.

3) CẦU ĐẠO.

4) CHỌN BẠN.

5) KẾT LỜI DẠY.

6) ẮN TU

1.- LẬP HẠNH

Tổ Qui Sơn nói : Vả luận người xuất gia, phải đi đến bực Đại Thừa, tâm hình khác tục, nổi thanh dòng Phật, đánh dẹp ma quân, đèn trả bốn ơn, cứu giúp ba cõi.

Câu ban đầu nêu tôn chỉ người xuất gia. Câu kế vượt khỏi trần tục. Câu thứ ba thẳng vào bực Thánh. Câu thứ tư nổi thanh dòng Phật. Câu thứ năm đánh dẹp ma quân. Câu thứ sáu trả ơn đức Phật. Câu thứ bảy lợi ích chúng sanh. Do đức đầy đủ nên xô dẹp sự ác, mà an lập pháp lành được vậy. Thế nào là người xuất gia ? - Xuất gia có hai nghĩa : 1) Ra khỏi nhà thế tục, bước chân ra khỏi cảnh trần, xa tìm ông Tri Thức. 2) Ra khỏi nhà phiền não dứt vọng chứng chơn, vượt khỏi ba cõi. Thế nào đi tới bực Đại Thừa ? - Là từ khi mới phát tâm thời phải đi đến bực Đại Thừa, dừng đình trệ theo lối Tiểu thừa và thế gian. Vì không theo thêm bực cho

bào, tướng đồng Như Lai. Nội tác bội trần hiệp giác, tâm tề Phật huệ. Thiệu long Thánh chương giả ? Tục Phật huệ mạng, kế chủng Như Lai, tuyên dương chánh giáo, Tam Bửu do thị hưng sùng. Chấn nhiếp ma quân giả ? Đức cao huệ quảng, tắc quần tà kình nhiếp; thuyết pháp hoàng đạo, tắc ma đốm chấn lạc. Dụng báo tứ ân giả ? Lập thân hành đạo, dĩ báo thân ân. Đức dinh đạo đại, tự nhiên phước bị tứ ân. Nhứt, quốc vương ân. Nhị, phụ mẫu ân. Tam, sư hữu ân. Tứ : Đàn việt ân. Bạt tế tam hữu giả ? Nhất thiết chúng sanh, đấm hoang ngũ dục, trầm nịch ái hà, thuyết pháp giáo hóa, linh xuất khổ tân, siêu đẳng bỉ ngạn.

Ký viết : Nhiếp giả, bố dã, phục dã. Đại phương giả ? Đạo Kinh vân : Đại phương vô ngun, kim tá hướng chơn lý vô tế, dĩ sơ xuất gia, tu tiến thiết tế chi đại lý, vật trệ thời tục, cập tiểu thừa chi khê cảnh dã. Quốc vương thị thủy thổ chi ân, dĩ nhất thiết thủy thổ, giai thuộc quốc vương cố. Hựu mông trị hóa chi lực, vô cương nhuộc lãng bức chi ưu, nhi đắc an tu đạo nghiệp, ân khởi tiểu tai ?

Phụ mẫu, thị sanh thành dưỡng dục chi ân, như hiền thiên chi vãng cực, phục thính gia tu đạo, ân mặc đại diên. Sư hữu ân giả ? Sư hữu sanh trưởng giới thân huệ mạng giáo hối chi ân. Hữu, hữu thiện thành giảng mĩnh khai phát chi đức, ư xuất thế chi ân đức, thực khả tỷ tai. Đàn việt hữu cung cấp chi ân, linh đắc thân an biện đạo, ân phi tiểu dã. Hoặ hữu dĩ Phật thế Sư Hữu vi tứ ân. Bồ Tát dĩ Tam Bửu chúng sanh thế Sư Hữu Đàn việt, vi tứ ân.

nên nói Đại thừa (*siêu phương*). Tâm hình khác tục là gì ? - Ngoài thời đầu tròn áo vương tướng đồng đức Như Lai. Trong thời bỏ vọng trần về tánh giác, tâm đồng huệ Phật. Nói thạnh dòng Phật là gì ? - Nói huệ mạng Phật dôi theo đức Như Lai, tỏ bày chánh pháp, ngôi Tam Bảo từ đây hưng thạnh. Thế nào đánh dẹp ma quân ? Đức cao, Huệ rộng thời bọn tà kiếp sợ, thuyết pháp mở Đạo thời bày ma rớt mặt. Thế nào dùng trả bốn ơn ? - Lập thân hành Đạo đặng trả ơn đức cho song thân. Đức đầy Đạo lớn, tự nhiên phước khắp bốn ơn. 1.- Ôn Quốc Vương. 2.- Ôn Cha Mẹ. 3.- Ôn Sư, Hữu. 4.- Ôn Dân Việt. Thế nào cứu giúp ba cõi ? - Bởi tất cả chúng sanh đắm mê năm dục, chìm mãi trong biển ái nên ra phải thuyết pháp giáo hóa khiến ra khỏi bến khổ, mau về cõi Phật.

Lời Ký nói : *Chữ "Kiếp" là nghi sợ vậy, nép vậy, Đại thừa là gì ? - Cũng như Đạo Tiên nói Đại Phương vậy. Thế nào là Đại Phương ? - Mười phương rộng lớn không bờ không góc. Nay mượn để thí dụ, chơn lý nhà Phật không cùng không tận do người mới xuất gia, phải đi tới chỗ đại lý thật tế đó chớ đừng đình trệ theo lối Tiểu thừa và thời tục vậy. Ôn Quốc Vương là gì ? - Ôn Đất Nước, vì tất cả đất nước đều thuộc về vị Quốc Vương. Lại nhờ cái sức cai trị giáo hóa, khỏi lo cái nạn mạnh hiếp yếu, mà đặng yên tu đạo nghiệp, ơn ấy đâu nhỏ ư ?*

Ơn cha mẹ là sao ? - Cha mẹ có cái ơn lớn sanh thành dưỡng dục như trời cao không cùng, lại cho xuất gia học đạo đâu không lớn ư ? Ôn Sư, Hữu là gì ? - Thầy có cái ơn dạy bảo nuôi lớn giới thân huệ mạng cho ta. "Bạn" có cái đức giúp thành giảng nói mở mang cho ta ; cái ơn Đức ra khỏi đời đó ai sánh được ! Thế nào ơn người Dân Việt - Người Dân Việt có cái ơn cung cấp làm cho ta yên thân lo đạo, ơn ấy chẳng phải nhỏ vậy. Có chỗ lấy ơn Phật thế ơn Sư, Hữu đủ số bốn ơn. Còn ông Bồ Tát lấy ơn Tam Bảo, ơn chúng sanh thế ơn Sư Hữu và ơn Dân Việt làm bốn ơn.

NHỊ. - TRỪNG GIỚI.

"Nhược bất như thử, lạm xí tăng luân"

Thượng cú, vi tu. Hạ cú, hỗn pháp. Vị bất như thượng tu lý, hỗn nhập pháp chúng, phi tăng phi tục, tội nhược di thiên. Như lư hỗn nhập ngư trung, bì mao tuy tợ, đầu giát bất đồng, nhi minh thính diệc dị dã.

Ký viết : Lạm, vị phiếm lạm. Xí, vị hỗn tạp dã. Hữu ngũ xích chi thân nhi vô trí huệ, Phật vị chi Sĩ tăng. Hữu tam thốn chi thiết nhi bất năng thuyết pháp, Phật vị chi Á dương tăng. Phi tục phi tăng. Phật vị chi Điều thử tăng, diệc viết Húc cư sĩ. Phật ngôn : Vân hà tặc nơn ? Giả ngã y phục, bi phiến Như Lai, tạo chủng chủng nghiệp, thử chánh sở vị lạm xí, giả dã.

"Ngôn hạnh hoang sơ, hư triêm tín thí".

Thượng cú, giải hạnh thất. Hạ cú, tín thí thất ngôn hạnh bất thuận, thị viết hoang sơ; vô đức dĩ báo thí giả chi ân, cố viết hư triêm.

"Cổ Triết vân : Đạo đức bất tu, y thực tư phí, thử chi vị diên".

Ký viết : Ngôn, thị ngôn thuyết, tức giải dã. Hạnh tức tu lý. Hoang, thị hoang vu. Sơ, vị Sơ tán, diệc lược dã. Kỳ vô hạnh giải chi đức, thí bất hoạch phước, thị viết tín thí thất.

2.- RĂN DẠY

Người xuất gia nếu không lập hạnh như đây tức là Ma Quỷ trà trộn (xen lộn) trong hàng chúng tăng.

Câu trên không tu hành. Câu dưới xen lộn trong Phật pháp. Nghĩa là không tu hành như trên đã nói, mà lộn vào trong pháp chúng chẳng phải ông Thầy mà cũng chẳng phải người Tục, tội to bằng trời. Ví như con lừa vào trong bầy trâu, da lông tuy giống, nhưng đầu sừng không đồng mà tiếng kêu cũng khác vậy.

Lời Ký nói : *Chữ "Lam" là nghĩa trà trộn. Chữ "Xi" là nghĩa lộn lạo vậy. Có thân năm thước, mà không trí huệ, Phật gọi là ông "Si Tăng" (ông thầy cõn cõn ngậy ngậy như mấy anh say rượu). Có lưỡi ba tấc mà thuyết pháp không được Phật nói là ông "Á Dương Tăng" (Ông Thầy như dê cậm), Tục không phải người tục, mà ông Thầy cũng chẳng phải cách ông Thầy, Phật gọi là ông "Điều Thủ Tăng" (Ông Thầy chim chuột) cũng gọi là ông "Húc Cư Sĩ" (chú Cư Sĩ trọc đầu). Phật nói : Thế nào là đũa giặc ? - Mượn y phục của Ta, lên bán chánh pháp đức Như Lai, tạo đủ thứ tội, đây chính là đũa giặc xen lộn trong cửa Thiền vậy.*

Lời nói hạnh làm hoang đàng, luống hao của tín thí.

Câu trên thiếu sự hiểu biết và thực hành. Câu dưới ăn hao của tín thí. Lời nói và hạnh làm không hoàn toàn nên gọi "Hoang đàng". Không đức chi đền ơn người thí chủ nên nói luống hao của tín thí.

Vị Cổ Triết nói rằng : "Đạo Đức không tu ăn mặc cũng uổng, là nghĩa đây vậy".

Lời Ký nói : *Chữ Ngôn là lời nói; tức sự hiểu biết vậy. Chữ Hạnh, là nghĩa tu hành. Chữ Hoang, là nghĩa Hoang lung, Chữ Sơ là nghĩa lơ thơ, cũng là sơ lược vậy. Song đã không có đức tu và học, người thí chủ không được phước, nên gọi là tín thí mất (mất phước).*

"Tích niên hành xứ, thốn bộ bất di; hoảng hốt nhất sanh, tương hà bằng thị".

Thượng nhị cú, cựu tập bất vong. Hạ nhị cú, vô thiện khả ký. Tích niên thị cựu thời. Hành xứ, thị tâm chi sở lý chư hoặc tập nhiễm. Thử hữu nhị chủng. Nhất, thị quá khứ vô thi chi vô minh. Nhị, thị nhật tiền chi huân tập. Thốn bộ bất di giả ? Vị ư chư tập, tăng vị nhất niệm xả quá tự tân. Hoảng hốt nhất sanh đẳng giả ? Vị vô tiềm thần huyền mặc chi chiếu, chung nhật tâm trực trần cảnh, bất giác ngoạt vãng niên lai vô thiện khả bằng, vô công khả thị.

Đại Trí Luật Sư vân : Truy viễn báo ân. Khí Nho tòng Thích, quát ma cựu tập, tẩy địch thế duyên, tiết đoạn chúng lưu, bích lập thiên nhẫn, văn chương bút nghiên, bậ bả phàn trừ, tuyết nguyệt phong hoa, vô lao trào vịnh, tửu sắc tài khí, cánh mặc hồi đầu, thỉnh lợi vinh hoa, khởi tu trước nhân, mặc lưu cường vọng. Chánh Pháp kiều ly, dẫn dục biến hình, hà thường thiệp Đạo. Tuy vân xả tục, tục tập bất trừ. Tận thuyết xuất Trần, trần duyên bất đoạn, tái thân giảng từ, nghĩ tác Xà Lê. Vị nhập Tòng Lâm, vọng vi Trưởng Lão, tị nịch đầu hỏa, khởi giác manh si, khước bộ cầu tiền, thiệt vi diên đảo.

Ký viết : Hoảng hốt, hôn môn dã.

"Huống nãi đường đường tăng tướng, dung mạo khả quan , giai thị túc thị thiện căn cảm tư dị báo.

Thượng nhị cú, thị hiện tại quả. Hạ nhị cú, minh quả do nhơn chí. Huống nãi giả ? Phát ngữ chi từ. Đường đường Tăng tướng giả ? Đường, dung dã, minh dã. Vị cụ Phật dung nghi, siêu trần độc bộ, nhơn thiên sư tượng nguy nguy Tăng Bảo

Chỗ làm năm trước, tắc bước không đời, lếu láo một đời, lầy chi nương cậy.

Hai câu trên thói cũ không chữa. Hai câu dưới, không lành khá ghi. Năm trước là thuở xưa. Chỗ làm là cái tâm đắm nhiễm theo những cái tập nhiễm mê lầm. Tập nhiễm ấy có hai thứ : 1.- Vô minh từ đời quá khứ vô thí. 2.- Là cái huân tập trong đời này. Tắc bước không đời là chi ? - Là nghĩa đối với các việc tập nhiễm mê lầm chưa từng một niệm cải quá tự tân. Thế nào lếu láo một đời ? Là nghĩa không ngắm xét nơi bốn tâm của mình, cả ngày tâm theo cảnh trần, không dè ngày qua tháng lại, không chút lành chi nương cậy không công chi nhờ đặng.

Ông Đại Trí Luật Sư nói : Vói trả ơn xa (*tổ phụ*). Bỏ Nho theo Phật, cạo gọt thói xưa, rửa sạch duyên đời, dứt bật các nghề, dựng cao nghìn trượng; văn chương bút nghiên, đều đem đốt ráo, thú vui của Tuyết nguyệt phong hoa, không cần ngâm nga nữa; việc Tử Sắc Tài Khí, đều chẳng ngó lại, danh lợi vinh hoa không thêm ghé mắt, nhưng mà những bợn mê lầm đời sau đối Chánh pháp lời thô chỉ muốn đổi hình, đâu từng nhằm Đạo. Thân ở trong chùa nhà Tâm theo trần tục. Tuy nói rằng xả Tục nhưng mà thói Tục không chữa. Vấn nói rằng : Ra khỏi Trần nhưng việc duyên trần nào dứt, mới vừa học Đạo tính làm Giáo Thọ, Yết Ma. Chưa vào chốn Tông Lâm đã mong lên bực Thượng tọa Trưởng Lão, khác nào lánh chỗ chết chim nháy vào trong lửa, đâu biết mình mê, đi thụt lùi mà muốn cầu tới trước, thật là điên đảo (ngược ngạo).

Lời Ký nói : *Chữ hoảng hốt là nghĩa mê mang vậy.*

Hướng được rở rở tướng ông "Thầy", hình dạng để xem, đều nhờ đời trước trồng căn lành nay được quả báo tốt thế.

Hai câu trên là nói Quả hiện tại. Hai câu dưới nói Quả do Nhơn mà có. Hướng được là gì ? - Là nói cái lời mở câu chuyện để nói. Thế nào rở rở tướng ông Thầy ? - Rở rở là hình dạng sáng suốt, đủ dung nghi như đức Phật, là một

dã. Dung mạo khả quan giả ? Lục tình thâm nhiếp, ngũ quan vô vọng, oai nghi cụ túc, bất dự thường lưu, kiến giả hân ngưỡng, cố viết khả quan. Giai thị túc thực thiện căn, cảm tư dị báo giả ? Cái do túc thể chủng, thực lương như kim sanh cảm đặc như tư siêu Trần Việt Tục chi kỳ báo; khởi bất dị hồ tai !

Ký viết : Ngũ Quan : Vị, khẩu, tĩ, nhĩ, mục hình dã.

"Tiện nghĩ đoan nhiên cũng thủ, bất qui thốn âm, sự nghiệp bất cần, công quả vô nhưn khắc tự".

Thượng nhị cú, tọa táng quang âm. Hạ nhị cú, nhưn vô quả thất. Tiện nghĩ đoan nhiên cũng thủ đẳng giả ? Cổ nhưn trọng thốn âm nhi khinh xích bích. Nhất nhật bất tác nhất nhật bất thực : Ngã đẳng hà nhưn đoan nhiên cũng thủ, nhi bất tu phước huệ giả hồ ? Sự nghiệp bất cần giả ? Sự nghiệp túc giới định huệ chư thiện hạnh dã. Bất cần, vị vô thắng tấn dã. Hành ký bất cần, công vô năng tự, nhi phước trí chi quả thất kỳ nhưn hĩ.

Ký viết : Vân Phong thiên sư vân : Kim thời hậu sanh, tài nhập chúng lai, thể bất trích nhất hành, sài bất ban nhất thúc, thập chỉ bất triêm thủy, bá sự bất can hoài. Tuy tắc nhất kỳ khoái lạc, tranh nại tam đồ lụy thân. Quang âm khả tích, thời bất đãi nhưn, nhất triêu nhân quang lạc địa, truy điền vô nhất quĩ chi công, thiết vi hữu hãm bá hình chi thống.

Nễ Pháp Sư vân : Đoan cũng vô vi, an nhàn bất dịch, từ hành kim địa, cao tọa hoa đường, thân thượng y nhi khẩu trung thực, khởi dị tiêu hồ. Viên khước đành nhi phương khước bào, vi hà sự dã ? Ca sa hạ thất khước nhưn thân, thiết vi khổ dã. Nê lê lý thọ chư dị báo khả vị khuất diên !

bực Siêu Trần, vị sư tượng cõi Nhơn Thiên vò vọi ngôi Tăng Bảo vậy. Dung mạo dễ xem là chi ? - Bởi sáu tình thu nhiếp, năm quan không vọng, oai nghi toàn vẹn, vượt khỏi hạng thường ai thấy cũng bất vui mừng và kính mến, cho nên nói hình dạng dễ xem. Thế nào là trước trồng căn lành nay cảm báo tốt đây ? - Bởi do đời trước gieo trồng nhưn lành, đời nay cảm được báo tốt siêu trần vượt tục như thế; đâu chẳng quý lắm ư ?

Lời Ký nói : *Năm quan là gì ? - 1/ Mắt. 2/ Tai. 3/ Mũi. 4/ Miệng. 5/ Thân hình.*

Lại toan ngồi sững khoanh tay, chẳng tiếc tác bóng, sự nghiệp chẳng cần, công quả nhờ đâu nên dặng.

Hai câu trên, ngồi hao tác bóng. Hai câu dưới, nhưn không quả mất. Thế nào ngồi sững khoanh tay ? - Người xưa quý trọng tác bóng, mà khinh viên ngọc một thước. Tổ Bá Trượng nói : Một ngày không làm, thời một ngày không ăn. Coi như Tổ còn nói thế, chúng ta là người bực nào ngồi sững khoanh tay mà không lo tu phước huệ ấy ư ? Sự nghiệp chẳng cần là sao ? - Sự nghiệp tức là tu "Giới, Định, Huệ" và các hạnh lành khác nữa. Chẳng cần là nghĩa không tấn tới vậy. Hạnh làm chẳng cần công nhờ đâu nên dặng, mà quả phước trí đã mất cái nhưn kia rồi.

Lời Ký nói : *Ngài Vân Phong thiền sư nói : Kể hậu sanh đời bây giờ mới đến nhập chúng, rau chẳng hái một ngọn, củi chẳng quơ một bó, mười ngón tay chẳng thắm vào nước, trăm việc chẳng để lòng. Tuy vui trong một thời kỳ, đâu có biết ba đường khổ thân Tác bóng đáng tiếc giờ phút chẳng đợi người, một mai nhắm mắt đi rồi, phần trong chùa không có cái công một giỏ, trong ngục Thiết Vi nào khỏi mắc cái khổ trăm hình.*

Ngài Nê Pháp Sư nói : *Thong thả không làm, rảnh rang không việc, húng hình cảnh sang, ngồi cao nhà tốt trên thân mặc áo, trong miệng ăn cơm, để gì tiêu của tín thí ư ? Đâu cạo cho tròn, áo mặc cho vuông mà không tu Phước Huệ, vậy chớ ở trong chùa làm việc chi đó. Một mai cởi áo "Ca Sa" lui mất thân người, thật là khổ vậy. Trong ngục "Nê Lê" chịu đủ cực hình rất là ghê gớm !!*

"Khởi khả nhất sanh khổng quá, ức diệt lai nghiệp vô bi".

Thượng cú, nhưn thất. Hạ cú, quả thất. Bất tu phước huệ thị vi khổng quá. Khởi vi kim sanh khổng quá, vô hữu sở đắc, nhiên diệt tương lai hạnh nghiệp vô sở bổ ích dã.

Ký viết : Tương lai giả, hậu lai dã.

TAM.- CẦU ĐẠO.

"Từ thân quyết chí phi truy, ý dục đẳng siêu hà sở, hiểu tịch tư thốn, khởi khả thiên diên quá thời".

Sơ cú, chương bốn. Thứ cú, trưng vấn. Hậu nhị cú, tư bốn mộ đạo. Từ thân quyết chí phi truy giả ? Phát đồng mãnh tâm, nhi từ song thân, lập quyết định chí, nhi nhập đại đạo dã. Ý dục giả ? Tâm sở hi vọng dã. Đẳng siêu hà sở giả ? Vị siêu hà giai cấp, đẳng hà, Phật Tổ dã. Hiểu tịch tư thốn đẳng giả, Tâm địa vị minh, sanh tử hô hấp, tịnh địa lý tư lương, ninh bất trước mang, nhi khả thiên diên quá thời, hư độ quang âm giả tai ?

Ký viết : Đốn ngộ, tức siêu giai, tịnh vong, tức đẳng Phật.

BỬU LÂM truyện vân : Dương Huyền Chi vấn Đạt Ma vân : Tây Quốc tương thừa xung tổ giả, hà nghĩa ? Ma viết : Minh Phật tâm tông hạnh giải tương ung, danh vi Tổ Sư. Truy, âm chi, thị hắc cảm sắc, tức hoại sắc y. Nãi Sa môn sở trước chi phục, phi ngũ đại sắc dã. Cảm giả, thanh hàm xích dã.

Không những một đời luống qua, chính đời sau cũng không ích.

Câu trên, mất Nhơn lành. Câu dưới mất Quả tốt. Không tu Phước Huệ gọi là luống qua. Không những đời nay luống qua không có dặng chi, song Hạnh Nghiệp đời sau cũng là vô ích nữa.

Lời Ký nói : *Chữ Tương Lai là nghĩa đời sau vậy.*

3.- CẦU ĐẠO

Từ nghĩa song thân quyết chí đi tu, ý muốn sánh lên bậc nào, ngày đêm lo xét, đâu nên dần dà qua buổi.

Câu đầu, nêu cội gốc. Câu kế, hỏi gạn. Hai câu sau lo bốn phận mền Đạo. Từ thân quyết chí đi tu là gì ? - Phát tâm đồng mãnh mà từ tạ song thân, lập cái chí quyết định mà vào Đạo cao thượng vậy. Ý muốn là gì ? - Tâm hy vọng vậy. Sánh lên bậc nào ? - Là nghĩa muốn vượt lên thêm bậc nào, so sánh với vị Phật Tổ nào vậy. Ngày đêm lo nghĩ, mà lo nghĩ những chi ? - Bởi ta học Đạo mà tâm địa chưa tỏ, việc sống chết ở trong hô hấp, ta phải ngồi trong chỗ vắng vẻ nghĩ xét, đâu chẳng gấp lo, nỡ để dần dà qua buổi luống hao ngày đêm hay sao ?

Lời Ký nói : *Kẻ tỏ ngộ tức người đã vượt khỏi thêm bậc. Vọng tình bỏ hết, tức đồng với đức Phật.*

Trong truyện BỬU LÂM nói ; Ông Dương Huyền Chi hỏi đức Đạt Ma rằng : "Bên nước Tây Trúc nối nhau xưng Tổ đó là nghĩa làm sao ? Đức Đạt Ma trả lời : Người rõ được tâm tôn của Phật, chỗ hiểu chỗ làm in như Phật, kêu người đó là vị Tổ Sư. Chữ "Truy" âm "Chuy" là cái màu đen sắc nâu, tức cái áo màu hoại sắc vậy. Chính cái áo của thầy Sa Môn chớ không phải năm sắc chính như màu sắc của Thế Gian mặc. Chữ "Cám" là màu xanh có hàm màu đỏ, cũng kêu là màu hoại sắc vậy.

"Tâm kỳ Phật pháp đồng lương, dụng tác hậu lai qui cảnh, thường dĩ như thử, vị năng thiếu phạm tương ưng".

Thượng nhị cú, lập nguyện thù phạm. Tam cú, chí nguyện hằng tồn. Tứ cú, hạnh giải vị bị. Hựu tam cú, thị tủng. Tứ cú, thị đoạt. Tâm kỳ Phật pháp đồng lương giả ? Phát tâm lập nguyện, hà trì Như Lai chánh pháp. Dụng tác hậu lai qui cảnh giả ? Thù phạm lai học, qui cảnh tức sư phạm nghĩa. Dĩ qui, năng bốc tri khứ lai chi sự. Cảnh năng giám chiếu hiện tiền mỹ ố.

Thường dĩ như thử giả ? Chí nguyện bất vong dã. Vị năng thiếu phạm tương ưng giả. Tuy cụ chí nguyện, nhi hạnh giải vị bị, tất tu hạnh giải tương xứng, nguyện thí bất hư.

Nhược hữu hạnh vô nguyện, kỳ hạnh tức cô. Hữu nguyện vô hạnh, kỳ nguyện tất hư. Hạnh nguyện song toàn, thí viết tương ưng.

Ký viết : Ốc tích trụ viết đồng, phụ đồng viết lương, giai năng hà phụ đường ốc chi vị, kim tá ngôn sư tượng, năng vi pháp môn đồng lương, dĩ Phật pháp nhị bửu, giai tạ tăng hoàng; Cổ viết : Nhon năng hoàng đạo, phi đạo hoàng nhon thị dã.

Tâm muốn làm nên cột rường Phật pháp đặng làm phép tắc đời sau, thường muốn như vậy, nhưng chưa được chút phần in nhau.

Hai câu trên, lập nguyện để làm phép tắc cho kẻ Hậu lai. Câu thứ ba, chí nguyện hằng giữ. Câu thứ tư, chỗ làm chỗ hiểu chưa đủ. Lại câu thứ ba là mở ra. Câu thứ tư là kết lại. Tâm muốn làm nên cột rường Phật pháp là gì ? - Phát tâm lập nguyện gánh vác Chánh Pháp đức Như Lai. Thế nào là phép tắc cho kẻ Hậu Lai ? - Để phép tắc lại cho kẻ học lớp sau. Tiếng nói phép tắc theo chữ Hán thời nói chữ Qui Cảnh; song dù nói phép tắc hay Qui Cảnh cũng đồng một nghĩa : Sư Phạm. Chữ Qui là gì ? - Qui là nghĩa vỏ rùa, hồi xưa lấy vỏ rùa bói xú để biết việc quá khứ, vị lai. Chữ cảnh là nghĩa gì ? Chữ cảnh là nghĩa tấm gương. Người ta lấy gương soi rọi, thấy hình tốt xấu trước mặt. Nay mượn hai vật này mà thí dụ, cái nghĩa Sư Phạm, là ông Thầy làm phép tắc cho kẻ tương lai.

Thế nào gọi thường muốn vậy ? - Nói chí nguyện mình không quên vậy. Chưa hay chút phần in nhau là gì ? - Tuy có chí nguyện như thế, nhưng mà chỗ làm chỗ hiểu chưa xong, cần phải làm và hiểu xứng nhau, thời chí nguyện mới không luống uổng.

Nếu có hạnh làm, mà không chí nguyện thời Hạnh kia phải trợ trợ. Bằng có chí nguyện mà không thực hành, thời Nguyện nọ cũng luống uổng. Nên Hạnh nguyện đi đôi mới kêu là phải lẽ.

Lời Ký nói : *Cây đờ sườn nhà; gọi là cây đống. Cây đội cây đống gọi là cây lương. Song dù đống hay lương cũng đồng một nghĩa chống đỡ nóc nhà làm ngôi đứng vững khỏi sập mà thôi. Nay mượn hai cây này để ví dụ vị Sư tượng, hay làm cột rường trong Phật pháp, chống đỡ Chánh pháp của đức Phật, bởi do Phật và Pháp hai ngôi đều nhờ ngôi Tăng Bảo hoằng hóa cho nên có câu : Người hay mở Đạo chớ chẳng phải Đạo mở người là vậy.*

"Xuất ngôn, tu thiệp ư điển chương, đàm thuyết nãi bàng ư kê cổ, hình nghi đỉnh đặc, ý khí cao nhàn".

Thượng nhị cú, ngôn thuyết hữu bốn; Hạ nhị cú, thân tâm siêu trác, vị ngôn tu hiệp điển. Đàm yếu tông cổ, bất khả ức kiến, như đồng ma thuyết. Nhiên giải bị, tắc ngôn thuyết vô mậu. Hạnh sung, nãi đỉnh đặc cao nhàn. Hựu nội uẩn bát nhã, tâm nhàn nhứt cảnh, danh lợi thịnh sắc mạt năng động kỳ chí, hằng dĩ đạo tự xử, cố viết : Ý khí cao nhàn; ngoại cụ đức tướng, bất dự phạm lưu, siêu quần bạt tụ y, thị vi "hình nghi đỉnh đặc".

Ký viết : Cao tăng "Pháp An", thị kỳ nhon dã. An thân trường bát xích, hữu tam tuyệt : nhứt phong nghi đỉnh đặc, nhị giải nghĩa cùng thâm, tam tinh tấn khiết kỷ.

Cảnh Đức Vân Pháp sư viết : Du tam tạng chi giáo hải, ngoạ lục kinh chư từ lâm, ngôn bất vọng đàm, ngữ hữu điển cú, thử chi vị diên Điển, vị điển tịch, túc chư kinh luật dã. Chương vị chương chú, túc giải, thích kinh luật chi ngữ dã. Bàng, vị cận bàng. Kê, vị kê khảo. Cổ, vị Cổ đức chi ngôn cú dã.

TỨ .- TRẠCH HỮU.

"Viễn hành yếu dã lương bằng sát sát thanh ư nhĩ mục; trụ chỉ tất tu trạch bạn, thời thời văn ư vị văn. Cổ vân : Sanh ngã giả phụ mẫu, thành ngã giả bằng hữu".

Thượng nhị cú, hành tạ hữu ích, Thứ nhị cú, cư tu bạn lợi. Hậu nhị cú, sanh thành chi đức. Vị hành yếu lương bằng, sát dĩ lợi ích chi ngôn thanh ư nhĩ mục. Cư tu thiện bạn, thời dĩ vị sở văn pháp nhi linh văn chi. Nhĩ mục Thanh, tắc kiến địa

Buông lời phải nhằm Kinh Luật, luận nói nên bắt chước bực Thánh Hiền, hình nghi vững vàng, lòng dạ cao rảnh.

Hai câu trên lời nói có căn cội. Hai câu dưới thân tâm cao vọt nghĩa là nói phải nói cho nhằm Kinh Điển. Luận thời luận cho trúng Tôn Chỉ Thánh Hiền, chớ đừng đem lời ước thuyết của ta đồng với lời tà ma ngoại đạo. Song chỗ hiểu đầy đủ thời lời nói không sai lầm. Hạnh làm đúng đắn thời ý chỉ vững vàng cao rảnh. Lại trong đầy đủ trí Bát Nhã, Tâm nhân một cảnh; Danh, Lợi, Thinh, Sắc không thể động chí kia, thường lấy Đạo Đức sửa mình cho nên nói câu : Lòng dạ cao rảnh ngoài đủ đức tướng như Phật vượt khỏi hạng phàm lưu tột chúng hơn người thế gọi là : "*Hình Nghi vững vàng*".

Lời Ký nói : *Bực Cao tăng như ông "Pháp An" là người đúng đắn kia vậy. Ông "An" thân cao tám thước, có ba món tuyệt vời không ai bì kịp : 1/ Phong Nghi vững vàng. 2/ Hiểu sâu nghĩa lý. 3/ Tinh tấn sạch mình. Ông Cảnh Đức Vân Pháp Sư nói : Khắp xem giáo hải ba tạng, đọc suốt rừng văn sáu Kinh. Bằng khi bàn nói không bao giờ nói lạc đề, lời nói nào cũng có điển cứ, là nghĩa đây vậy. Điển là sách vở, tức những Kinh Luật luận vậy. Chữ Chương là nghĩa bài chú, tức những lời giải thích trong Kinh trong Luật và Luận. Chữ Bàn là nghĩa nương gần. Chữ Kê là nghĩa tra xét. Chữ Cổ là câu nói của bực Cổ Đức vậy.*

4.- CHỌN BẠN :

Đi xa cần nương bạn lành, thường thường trông nom tai mắt, ở đâu cũng phải chọn bạn, mỗi giờ nghe được những lời chưa nghe. Cho nên có câu : "Sanh ta nhờ Cha Mẹ, nên ta nhờ bạn lành".

Hai câu trên : Đi xa nhờ người bạn có ích. Hai câu kế, ở đâu cần nương người bạn có lợi. Hai câu sau, nhờ đức Cha Mẹ sanh thân ta, bạn lành làm nên cho ta. Đi xa, cần nương bạn lành, thường dùng lời lợi ích và tai mắt trông nom. Ở đâu cũng nương bạn lành, thường đem những chuyện chưa

chánh; văn vị văn, tắc thắng giải sanh; giải sanh, tắc ngộ nhập vô sanh. Kiến chánh, tắc bất thọ cừ man. Thị cố phụ mẫu hữu sanh thân chi ân, sư hữu hữu thành lập chi đức. Sở dĩ văn tư ngộ nhập, thành trưởng pháp thân, thiệt do sự hữu chi lực dã.

Ký viết : Dã giả, ta dã. Lương bằng giả, thiện hữu dã. Hựu đồng môn viết bằng, đồng chí tương giao viết hữu. Trạch bạn giả ? GIA NGŨ vân : "Quân tử cư tất trạch chúng, du tất trạch phương".

VĂN TRUNG LỄ NHẠC vân : Quân tử tiên trạch nhi hậu giao, cố quả vuu. Tiểu nhơn tiên giao nhi hậu trạch, cố đa oán. Nhược trạch kỳ thiện giả nhi trùng chi, kiến hiền nhi tư tề chi, thị vi thiện trạch ích hữu.

NHƯ XA DUYÊN MINH vân : Tà sư, ác hữu, úy nhược lang hổ, Thiện đạo lương bằng, thân như phụ mẫu, đê tâm tợ địa, giảm khẩu như ngu, tòi tóa ngã nhơn, tiêu đình ý khí.

Vĩnh Gia vân : Bác vấn tiên tri, quyết trạch chi thứ, như lý khinh bằng, tất tu trắc nhĩ mục nhi phụng Huyền âm. Túc tình trần nhi thưởng u trí, vong ngôn yển chỉ, trạch lự xan vi, tịch dị triêu tuân, bất lam tư phát. Như thị tắc, nãi khả tiềm hình sơn cốc, tịch lự tuyệt quần tai !

"Thân phụ thiện giả, như vụ lộ trung hành, tuy bất thấp y, thời thời hữu nhuận".

Thượng cú, thị thân hiền. Hạ tam cú, dụ thiện ích. Thân phụ, du thân cận dã. Thiện giả, nãi thiện tri thức chư lương bằng giả. Vụ lộ, dụ thiện hữu. Hành, dụ thân phụ. Bất thấp y, dụ vị chứng. Hữu nhuận, dụ thiện ích. Vị thân cận

nghe mà nói cho ta nghe. Tai mắt trông nom, thời chỗ thấy được chơn chánh. Nghe lời chưa nghe, thời thêm sanh Trí Huệ. Trí Huệ sanh thời ngộ vào lý Vô Sanh. Chỗ thấy chánh thời khỏi bị người gạt gẫm. Cho nên nói : Cha Mẹ có ơn sanh thân ta, thầy bạn có đức làm nên ta. Sở dĩ nghe nhớ ngộ nhập thêm lớp Pháp thân, thực nhờ ơn lực Thầy Bạn vậy.

Lời Ký nói : *Chữ Giả, là nghĩa nhờ cậy. Chữ Bằng hữu, là bạn lành. Lại bạn đồng đạo gọi chữ Bằng. Bạn đồng chí kết nhau gọi chữ Hữu. Chọn bạn là gì ? - Sách GIA NGŨ nói : "Người Quân tử ở phải lựa người, đi phải lựa phương". Sách VĂN TRUNG LỄ NHẠC nói : Người Quân tử trước lựa mà sau kết, cho nên ít lỗi. Đứa Tiểu Nhơn trước kết mà sau mới lựa, cho nên nhiều oán thù. Biết lựa bạn lành mà theo đó, thấy người Hiền mà lo cho bằng đó thể là khéo lựa bạn lành có ích.*

Như bộ XÁ DUYÊN MINH nói : "Thầy tà, bạn ác, sợ như cọp sói. Thầy hay Bạn lành thương như Cha mẹ, thấp lòng như đất, ngậm miệng như câm, bề đẹp thói hơn ngà, bặt đứt tâm cường ngạnh".

Ngài Vĩnh Gia nói : Rộng hỏi bực Tiên Tri, sau khi lựa quyết chín chắn lóng thần như đi trên giá mỏng, cần phải nghiêng tai ghé mắt mà vâng lãnh lời màu. Đẹp tình trần mà xét lý Đạo, quên lời Tục, nhận ý màu, dứt niệm lự, tỏ nghĩa cao sâu, tối lo sáng hỏi, không sai mảy tóc. Được như vậy mới đáng là dứt trần lụy, lánh đông người, ẩn mình trong góc núi.

Nương gần người bạn lành như đi trong sương móc; tuy không ướt áo, nhưng mỗi giờ có thấm nhuần.

Câu trên là nương gần Bạn lành. Ba câu dưới dụ người Bạn lành có ích. Nương gần cũng như gần gùi. Bạn lành là ông Thiện tri thức và các Bạn lành vậy. Sương móc dụ bạn lành. Đi, dụ nương gần, Không ướt áo dụ mình chưa chứng. Có thấm nhuần, dụ Bạn lành có ích. Thế nào nương gần

thiện giả ? Tuy bất lập chứng vô sanh, nhi triêu văn tịch ích, tức dĩ nhuận trạch tâm điền.

Như BỐN HẠNH kinh, Phật thuyết kệ viết :
 Nhược hữu thủ chấp trầm thủy hương, cập dĩ xạ hương, hoát hương đẳng; tu du chấp trì hương tự nhiễm, thân phụ thiện hữu diệc phục nhiên. Nhược nhơn thân cận thiện tri thức, tùy thuận bỉ đẳng sở nghiệp hạnh; tuy bất hiện chứng thể gian lợi, vị lai đương đắc tận khổ nhơn. Hựu dĩ thiện sư tương trị giả, đắc miễn chứng khổ; dĩ ác sư tương trị giả, tắc tập ác sự, bất ly chúng họa. Thị ngữ hậu thế chi nhơn, bất khả bất thận.

Ký viết : Bằng hữu tương tư, viết lệ trạch, vị bỉ thử giao nhuận, du vô trạch dã. TÔNG CẢNH vân : Tuy hữu thể trí, nhược vô thắng hữu thường mê đạo cố, vị năng tự ngộ, yếu tu lương hữu dã. Thiện tri thức giả ? Văn danh, vi tri, kiến hình vi thức. Thị nhơn ích ngã Bồ đề chi đạo, danh thiện tri thức. Ác sư giả ? Như Hà Bắc không nhơn vô cấm tróc xà, A lê Tra tỳ kheo đẳng, thị dã.

"Áp tập ác giả, trưởng ác tri kiến, hiểu tịch tạo ác, tức mục giao báo, một hậu trầm luân, nhất thất nhơn thân, vạn kiếp bất phục".

Thượng cú, cận ác. Hạ lục cú, minh ác quá thất. Hựu đệ nhị cú, thị ác kiến. Đệ tam cú, thị ác nhơn. Đệ tứ cú, thị hiện báo. Đệ ngũ cú, thị sanh báo. Đệ thất cú, thị hậu báo. Áp tập giả ? Thân cận huân tập dã. Ác giả ? Tức ác tri thức bất thiện chi hựu dã. Trưởng ác tri kiến giả ? Do bị huân cố, tăng trưởng ác giác bất chánh tri kiến.

bạn lành ? Tuy không liền chứng quả Vô Sanh; mai nghe chiêu lợi ích, đủ dùng thấm nhuần tâm thần vậy.

Như trong BỐN HẠNH kinh, Phật nói bài kệ rằng : Vả như có người, tay cầm vị Trầm Thủy Hương và vị Xạ Hương, vị Hoát Hương v.v... Cầm nắm trong giây lát các hương thơm kia tự thấm trong tay, gần nường bạn lành cũng lại như thế. Nếu người nường gần ông Thiện tri thức, thuận theo nét na của ông mà tu hành; hiện đời tuy không liền được sự lợi ích, nhưng đời sau cũng được các nhơn hết khổ. Lại nữa, hễ người nào gặp được Thầy lành dặng khỏi các khổ; còn ai gặp nhầm Thầy ác phải bị huân tập việc ác, không khỏi các họa. Nêu lời đây để dạy bảo những người đời sau chẳng khá chẳng cẩn thận ?!

Lời Ký nói : *Bậu bạn giúp nhau gọi chữ Lệ trạch nghĩa là kia đây giao nhuần cũng như mưa thấm ướt vậy. Bộ TÓN KÍNH nói : Tuy người có thể trí khôn ngoan, nhưng không bạn lành thời thường quên Đạo Chánh, không thể tự ngộ, nên phải nhờ bạn lành vậy. Thế nào Thiện tri thức ? - Nghe tên gọi là Tri, thấy hình gọi là Thức. Người này, giúp cho ta nên đạo Bồ Đề gọi là ông Thiện tri thức. Thế nào là ông Ác tri thức ? - Như kẻ Không Nhơn đất Hà Bắc không giữ giới cấm bắt rắn, tức ông A Lê Tra tỳ kheo vân vân phải vậy. (Không Nhơn : Người chấp không, không nhơn, không quá. Ông A Lê Tra tỳ kheo là người rất thông minh của phái Ngoại đạo. Ngoại đạo sai ông đi xuất gia để phá hoại Phật pháp, cho nên gọi ông là ông "Ác Tỳ kheo")*

Quen gần người ác, thêm chỗ tri kiến ác, sớm tối làm ác, mắc báo trước mặt, chết rồi trầm luân, một phen mất thân người, muôn kiếp không trở lại.

Câu trên gần người ác. Sáu câu dưới nói tội lỗi của sự ác. Lại câu thứ hai là chỗ thấy ác. Câu thứ ba là tạo nhơn ác. Câu thứ tư là quả báo hiện đời. Câu thứ năm quả báo đời sau. Câu thứ bảy là quả báo đời sau và đời sau. Quen gần là gì ? - Lân la huân tập vậy. Người ác là ai ? - Là bạn không lành tức ông Ác tri Thức vậy. Thêm chỗ tri kiến ác là sao ? - Do bị bạn ác huân tập thêm nhiều tư tưởng ác vậy. Chỗ thấy không chơn chánh.

Cố kinh vân : "Vô tri vô thiện thức, ác hữu tổn chánh hạnh tri, thù lạc nhủ trung, thị nhủ chuyển thành độc". Hiểu tịch tạo ác giả ? Kiến ký bất chánh, chung nhật duy tạo bất thiện chi nghiệp. Tức mục giao báo giả ? Nghiệp nhơn dĩ tích, ác quả tư chí; nhơn quả bất vong, cố tức mục tiền giao báo. Một hậu trầm luân giả ? Tử đạo tam đồ dã, như Phật sở thuyết : "Nhược nhơn thân cận ác tri thức, hiện thế bất đắc hảo danh xưng, tất dĩ ác hữu tương thân cận đương lai diệc dọa A tỳ ngục".

Nhất thất nhơn thân giả ? Tùng thử thất khước nhơn đạo dã. Vạn kiếp bất phục giả ? Ác nhơn phi nhất, ác quả nan tận : cố đắc nhơn thân như trảo thượng thổ, dọa lạc tam đồ du đại địa nê. Đắc nhơn thân giả ? Như qui trị huyết, khả bất gian tai !

Ký viết : Hiện báo giả ? Kinh sanh tác thiện tác ác, tức kim sanh hiện thọ kỳ báo. Sanh báo giả ? Kim sanh sở tác thiện ác, lai sanh phương báo. Hậu báo giả, Kim sanh sở tác thiện ác, lai sanh vị báo, ư hậu hậu sanh nãi chí bá kiếp thiên sanh phương báo.

Nghiệp nhơn, tác tam độc, thập ác do thử nhơn cố, tiện cảm đương lai Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh ác quả dã. Địa Ngục nhật trường, thọ mạng nan tận. Tội nhược vị tất, thử giới hoại thời, phục ký tha phương. Địa Ngục tội báo nhược tận, cánh sanh ngạ quỷ, thọ diệc vô cùng. Phục sanh, súc sanh ngu ngu mã cầm thú ngư biếc đẳng hình, thọ thân phi nhất; cố vân, vạn kiếp nan phục.

Trị huyết giả ? KINH, thí nhơn thân nan đắc; như cụ hải nộ hữu nhất tra huyết, tùy phong đông tây : Hải

Cho nên trong kinh nói : "Ta không biết Đạo Đức mà không gần Thiện tri thức, thời bạn ác nó làm hư hạnh tốt của ta, cũng như con nhện nhện sa trong chén sữa ngon, sữa ấy trở thành thuốc độc". Sớm tối làm ác là gì ? - Chỗ thấy đã không chơn chánh, trọn ngày cứ tạo những nghiệp không lành. Thế nào mắc báo trước mặt ? - Bởi nghiệp nhơn đã chứa thời quả ác liền đến, nhơn quả chẳng mất, cho nên nói mắc báo trước mặt. Thế nào chết rồi bị trầm luân ? Nghĩa là chết rồi sa đọa trong ba đường, như lời Phật ngài nói : "Nếu người nương gần ông Ác tri thức, đương thời chẳng dựng danh tiếng tốt, nếu cứ lân la với bạn ác đời sau cũng đọa trong ngục A Tỳ". Một phen mất thân người là sao ? - Là nghĩa từ đây lui mất cái đạo làm người vậy. Thế nào muôn kiếp không trở lại ? - Bởi tạo nhơn ác rất nhiều, nên quả ác khó hết : cho nên dựng thân người rất ít cũng như đất dính đầu móng tay, còn đọa lạc trong ba đường rất nhiều cũng như đất cả quả địa cầu. Thân người khó dựng ? Như rùa mù mong gặp bọng cây đậu chẳng khó ư !

Lời Ký nói : *Quả báo hiện đời là sao ? - Nghĩa là đời nay làm lành làm ác, thời liền chịu quả báo trong đời nay. Quả báo đời sau là sao ? - Nghĩa là đời nay làm lành làm ác, đời sau mới chịu quả báo. Thế nào chịu quả báo đời sau và đời sau nữa ? - Nghĩa là đời nay làm lành làm ác, đời sau chưa trả báo, qua đời sau và đời sau nữa, nhẫn đến trăm kiếp nghìn đời mới chịu quả báo.*

Nghiệp nhơn là gì ? - Tức là cái nhơn Tam độc và Thập ác vậy. Bởi do cái nhơn đây, nên cảm quả ác Địa ngục, Ngạ quỷ và súc sanh đời sau vậy. Địa ngục ngày dài, mạng sống không cùng. Nếu tội chưa hết, ngục này hư rồi giam qua ngục khác. Tội báo Địa ngục nếu hết, lại sanh trong loài Ngạ quỷ sống lâu cũng không cùng. Lại sanh trong loài Súc sanh làm trâu, ngựa, cầm thú, cá trạnh, các hình, thọ thân đủ thứ; cho nên nói, muôn kiếp khó trở lại.

Thế nào rùa mù gặp bọng cây ? Trong KINH ví dụ thân người khó dựng, như trong biển cả có một bọng cây, theo gió

trung hữu nhất manh qui quá nhất bá niên nhất cử đầu, dục xuyên tra huyết, hải ký vô nhai, mộc tùy phong phiêu, qui phục vô mục. Bá niên nhất xuất nhi dục trị chi, khởi khả đắc tai !

Tra, âm trà, thủy trung phù mộc dã.

NGŨ.- KIẾT HỐI

"Trung ngôn nghịch nhĩ, khởi bất minh tâm giả tai."

Thượng cú, thị hối. Hạ cú, khuyến trì. Cổ vân : "Khổ khẩu chánh thị lương dục, nghịch nhĩ tất thị trung ngôn". Đại sư như thử bà tâm kích thiết, thiết thạch nhưn giả hạn lưu; kỳ hữu huyết tánh giả, khả bất đại sanh tâm quý, minh khắc tâm phủ, vi chung thân qui giám tai.

LỤC.- TIỀM TU

"Tiện năng tháo tâm dục đức, hối tích thao danh; uẩn tố tinh thần, huyền hiêu chỉ tuyệt".

Thượng nhị cú, nội trạc ngoại hối. Hạ nhị cú, nội uẩn ngoại tuyệt. Phù dục tịnh tâm bồi đức, tất tu độn tích khô danh; uẩn khiết trùng thần, phi huyền hiêu chỉ tuyệt mạc năng. Tháo tâm, tắc hoặc tập tiện trừ. Dục đức nhi đạo tự cao.

Tinh thần uẩn, tắc lục căn đạm nhiên. Huyền hiêu tuyệt, tắc tịch lự ninh thần. Danh tích hối nhi nhưn thần mạc trắc. Thủy biên lâm hạ, trưởng dưỡng thánh thai, tư chi vị dư !

thổi qua phía Đông, phía Tây, cây ấy cũng theo gió trôi qua phía Đông phía Tây. Trong biển có một con rùa mù, qua một trăm trăm, một phen cất đầu, muốn chun vào bọng cây ấy, nhưng biển kia đã không bờ mé, cây nọ thì trôi theo gió, còn rùa lại không con mắt. Vả lại một trăm năm cất đầu một lần mà muốn cho gặp bọng cây đó, đâu dễ gì gặp ư ?!

Chữ Tra âm trà là nghĩa cây nổi giữa biển vậy.

5.- KẾT LỜI DẠY

Lời ngay trái tai, đâu chẳng ghi lòng ấy ư ?!

Câu trên, nêu lời dạy. Câu dưới biểu phải giữ gìn. Người xưa nói : "Thuốc đắng miệng, chính là thuốc hay, lời trái tai mới thực là lời ngay". Cái tâm thương xót nhắc nhở của Đại Sư như thế, dù người sắt đá cũng đổ mồ hôi; huống chúng ta là người có tánh biết, lẽ nào chẳng rất sanh tâm hổ thẹn, ghi lòng tạc dạ, để làm gương soi trợn đời hay sao ?!

6.- ẨN CHỖ VẮNG LẶNG CHUYÊN LO TU TẬP

Bèn hay rửa lòng nuôi Đức, ẩn tích giấu danh chứa sạch tinh thần, bật dứt chỗ ồn ào và rầy rạt.

Hai câu trên, trong rửa lòng nuôi đức, ngoài thân dấu tích ẩn danh. Hai câu dưới trong tâm chứa trí Bát nhã. Ngoài thân bật dứt sáu trần. Luận rằng : Muốn lóng sạch tâm thần và vun bồi đức hạnh, thời cần phải ẩn tích giấu danh. Còn muốn chứa sạch lóng thân, nếu không lánh chỗ ồn ào thì không thể được. Rửa sạch tâm thần thì cái thói mê làm lẫn hết, chứa dồn đức hạnh thời Đạo quả mới cao.

Tinh thần chứa, thời sáu căn vắng lặng. Ôn ào dứt, thời hết vọng yên tâm. Danh tích giấu, thời tinh thần của người đầy đủ không thể so lường được. Tim ở nơi mé suối và dưới rừng chỗ vắng vẻ, để nuôi lớn tâm Phật của mình, là nghĩa đây vậy !

Ký viết : Thảo dục uẩn tập, thị nội nhơn tự lục. Hối thao chỉ tuyệt, thị ngoại duyên trợ lục. Nhiên chơn như thể tánh bốn tự hư tịnh, nhi vi vô lượng phiền não cấu chi sở nhiễm.

Nhuộc bất giả nội nhơn, ngoại duyên, giao huân chủng chủng đào thải tắc vô do đắc tịnh, phục bốn chơn minh.

Cổ KHỞI TÍN luận vân : Hành giả vị chiết phục phiền não cố, ung viễn ly hội não, thường xử tịch tịnh, tu tập đầu đà đẳng hạnh.

Qui Sơn vân : Nhất niệm đốn ngộ tự lý, du hữu vô thi khoán kiếp tập khí, vị năng đốn tịnh tu giáo cừ tịnh trừ hiện nghiệp lưu thức tức thị tu dã. Bất khả biệt hữu pháp, giáo cừ tu hành thú hướng, từng văn nhập lý. Văn lý thâm diệu, tâm tự viên minh, bất cư hoặc địa, dĩ yếu ngôn chi. Tắc thiết tế lý địa bất thọ nhất trần, vạn hạnh môn trung bất xả nhứt pháp.

Nhuộc dã đơn đao trực nhập, tắc thánh phạm tình tận, thể lộ chơn thường lý sự bất nhị, tức Như Như Phật hĩ.

Uẩn tố tinh thần giả ? Tâm chi tối linh, viết tinh. Linh nhi nan trác, viết thần. Tâm di tịnh, nhi hành di quảng, dữ Thái Hư nhi hiệp kỳ đức, tinh thần uẩn nhi tâm đủ minh, tịch nhi thường chiếu.

Cổ Vĩnh Gia vân : Diệu cố thần thanh, phong tự cao thần thanh lục tịnh, tế nhi nghiên chi, thử chi vị diên. Huyền hiêu chỉ tuyệt giả ? Vi nội uẩn bát nhã, dĩ khiết tinh thần, ngoại tuyệt thanh sắc, dĩ tịnh lục căn, do nạp trung ngôn, tiện năng như thị dã.

Lời Ký nói : Rửa lòng nuôi đức, chứa nhóm tinh thần là cái tự lực bề trong. Dấu tích ẩn danh, bật dứt ồn ào là cái trợ duyên bề ngoài (Trong tâm ngoài cảnh được vắng lặng thì cái thể tánh chơn như tự bày). Song thể tánh chơn như vốn tự trong sạch, nhưng mà bị không biết bao thứ như phiền não nó che lấp tánh ấy đi.

Nếu ngày nay không nhờ nhờ trong, duyên ngoài, giúp đỡ lẫn nhau, nhiều phương pháp tẩy trừ thì không do đâu được trong sạch, trở lại bản tánh chơn như sáng suốt.

Cho nên trong luận KHỞI TÍN nói : Người tu vì muốn dứt hết phiền não, cho nên phải lánh xa chỗ ồn ào, thường ở nơi vắng lặng, để tu tập những hạnh Đầu Đà (Đầu Đà có 12 hạnh quyển trước có giải).

Tổ Qui Sơn nói : Một niệm tỏ ngộ lý tự tâm, nhưng còn có tập khí nhiều đời nhiều kiếp, chưa hay dứt sạch, thì cần phải làm cho nó sạch, hết những thứ nghiệp rong ruổi theo hiện đời đây, tức là tu đó. Chớ không phải có pháp chi khác, để dạy các ông tu hành tới chỗ nào nữa. Nghĩa là từ cái nghe rồi kinh nghiệm tỏ vào chơn lý. Nghe chơn lý cao xa và mầu nhiệm, trong tâm tự nhiên tròn sáng, không còn những chỗ lấm lạc, thể là chứng quả. Nói tóm lại thời cái chỗ lý thật tế (chơn tâm) không dính mắc một mảy trần ; tuy không dính mắc một mảy trần, nhưng mà trong muôn hạnh pháp tu không bỏ một pháp nào cả.

Nếu ai là người thượng căn, thượng trí một đao chặt dứt vọng tâm, thẳng vào địa vị chư Phật, thời dứt hẳn cái tâm phàm thánh, thể bày tánh chơn thường, sự và lý không hai, tức là ông Như Như Phật vậy.

Chứa sạch tinh thần là gì ? - Tâm ta rất sáng suốt gọi là chữ Tinh. Sáng suốt không tội không lường gọi chữ Thần. Tâm càng trong sạch thời hạnh lợi tha càng rộng rãi, mà cái đức to lớn cũng như hư không ; tinh thần chứa, thì tâm càng sáng, tâm sáng thường soi, thường soi sáng mà vẫn vắng lặng, không chút bợn của bụi trần.

Cho nên ngài Vĩnh Gia nói : Người xưa tinh thần trong sạch, thể Đạo tự cao, tinh thần trong sạch thời niệm lực cũng trong sạch, ngấm ngấm xét đó, lời ấy rất đúng vật. Thế nào bật dứt chỗ ồn ào và rày rạt ? - Nghĩa là trong chứa trí Bát Nhã cho tinh thần trong sạch, ngoài bật dứt cảnh sắc thanh

Hối tích du ẩn tích dã. Thao, âm thao tàng dã. Hiêu, âm hiêu, huyền não dã, đạm vị đạm bạc diêm tịnh vô vị dã.

NHỊ, THIỀN GIÁO NHỊ :
 NHẤT . THIỀN HỌC. NHỊ - GIÁO LÝ.
 NHẤT - THIỀN HỌC, NHỊ :
 NHẤT - THỊ PHÁP. NHỊ - TÁN MIỄN

NHẤT : THỊ PHÁP.

Nhược dục tham thiền học đạo, đốn siêu phương tiện chi môn ; tâm khế huyền tân, nghiệm cơ tinh yếu, quyết trạch thâm áo, khái ngộ chơn nguyên.

Sơ nhị cú, phiêu tông. Đệ tam cú, đặc chỉ. Đệ tứ ngũ cú, cùng lý. Đệ lục cú, đạt nguyên. Hựu đệ tam cú, kiến đạo. Đệ tứ ngũ cú, thị tháo lý, tức tầm lưu dã. Đệ lục cú, ngộ bốn, thị đạt nguyên dã.

Tham, vị tham trực chỉ chi thiền. Học, vị học vô thượng chi đạo. Đốn siêu phương tiện chi môn giả ? Dẫn tuyệt quyền thừa, bất lạc giai cấp. Tâm khế huyền tân giả ? Nhất niệm tương ưng, tiện dữ đạo hiệp. Nghiệm cơ, tinh yếu giả ? Nghiệm, hạch dã ; cơ, tâm dã, u vi dã; vị nghiệm hạch tự tâm chí lý chi u vi, cố viết tinh yếu. Quyết trạch thâm áo giả ? Dĩ vô lậu trí huệ, quyết đoán dẫn trạch, khứ kỳ thô siển, trạch thủ u huyền. Khái ngộ chơn nguyên giả ? Cùng nguyên cực để dã.

cho sáu căn hết nhiễm, là nhờ tín tâm nhận lãnh lời ngay thẳng, nên mới được như thế vậy.

Chữ dấu tích cũng như ấn tích. Chữ ấn danh cũng như chữ giấu danh, tức là lánh cái chỗ rầy rạt và ồn ào mà tìm đến chỗ vắng lặng êm lìm vậy.

II) THIỀN GIÁO, PHÂN HAI :

1) THIỀN HỌC 2) GIÁO LÝ

1.- THIỀN HỌC PHÂN LÀM HAI

1) DẠY PHÉP 2) KHEN GẮNG

1.- DẠY PHÉP

Bằng muốn tham thiền học Đạo vượt khỏi pháp môn Phương Tiện (tâm thường) tâm ngộ Đạo màu phải nghiên xét chỗ tinh yếu, quyết chọn lý thâm sau, mới tỏ ngộ được nguồn chơn.

Hai câu đầu, nêu tôn chỉ tham thiền. Câu thứ ba là ngộ dạng tôn chỉ. Câu thứ tư và thứ năm xét cho tột lý. Câu thứ sáu tìm cho thấu nguồn gốc. Lại câu thứ ba là thấy Đạo. Câu thứ tư thứ năm, là ráng sức làm theo, tức là tìm giòng vậy. Câu thứ sáu là ngộ bản tâm, tức là đã đạt thấu chỗ nguồn mạch vậy.

Tham là gì ? - Tham là tham pháp thiền trực chỉ. Học là chi ? - Học là học là cái Đạo vô thượng. Thế nào vượt khỏi các pháp môn phương tiện ? - Bởi dứt hết các pháp quyền thừa không noi theo từng bậc từng cấp cho nên gọi là vượt khỏi các pháp môn phương tiện. Còn thế nào tâm tỏ Đạo màu ? - Nghĩa là một niệm nhằm rồi, liền cùng Đạo hiệp. Tại sao nghiên xét chỗ tinh yếu ? - Chữ Nghiên cũng như nghĩa xét, cũng là kín nhiệm của tâm, tức là xét thấu chỗ chí lý kín nhiệm ở trong tâm mình, cho nên gọi là chữ tinh yếu. Thế nào quyết chọn cái lý thâm sâu ? - Lấy trí huệ sáng suốt không nhiễm ô, mà quyết đoán lựa chọn bỏ chỗ thô cạn, lựa lấy chỗ nhiệm màu. Tỏ ngộ nguồn chơn là gì ? - Cùng nguồn tội đáy vậy.

Ký viết : Phương tiện giả ? Quyền phương nghi tiện, tức quyền thừa chi giáo. Giáo hữu quyền thiệt, quyền tác tiếp sự, thiệt nãi cùng lý, cố vãn cùng nguyên.

Nhuộc lịch tam a tăng kỳ kiếp, quảng tu lục độ, vạn hạnh, nhi chúng Tam hiền, Thập thánh, giai thị quyền thừa.

TƯ ÍCH kinh vãn : Đắc chư pháp chánh tánh giả, bất tùng nhất địa, chí nhất địa. Cố viết : Bất lạc giai cấp. Ngôn nhất niệm tương ưng, tiện dữ đạo hiệp giả, vị nhuộc đắc xung chon, tắc vô hoặc khả đoạn, vô lý khả chúng, vô hạnh khả tu, vô vị khả đắc ; cố viết ; tiện dữ đạo hiệp.

Tâm tuy kế đạo, lực bất tự do, kiến hữu huyền tướng vị trừ, không trần vị thoát, ung dĩ như huyền chi trí, đoạn huyền hoặc, chúng huyền lý, tu huyền hạnh, cầu huyền vị. Cố viết : nghiệm hạch tự tâm chí lý, trạch thủ u huyền, trực tu đoạn chí vô đoạn, chúng chí vô chúng, phương viết cùng nguyên cực đế.

Khuê Phong vãn : Nhiên thiên định nhất hạnh, tối vi thần diệu, năng phát khởi tánh thượng vô lậu trí huệ, nhất thiết diệu dụng, vạn hạnh vạn đức, nãi chí thần thông quang minh, giai tùng định phát. Cố tam thừa nhơn dụng cầu thánh đạo, tất tu tu thiên, ly thủ vô môn, ly thủ vô lộ, chí ư cầu sanh Tịnh độ ; diệc tu thập lục quán thiên, cập niệm Phật tam muội, Bát chu tam muội đẳng dã.

Lời Ký nói : Phương tiện là gì - Phương tiện là tóm lược phương pháp cho dễ và thích hợp với căn cơ từng bậc tức là cái giáo pháp bậc quyền thừa vậy. Song giáo pháp của đức Phật lập ra thời có pháp quyền và pháp thật. Pháp quyền là những phương pháp dạy về sự tướng, Pháp thật là những phương pháp chỉ về cái chỗ tột lý ; cho nên nói chữ : cùng nguyên (cùng nguồn tột đáy) vậy.

Bằng trải qua ba vô số kiếp (tam A tăng kỳ kiếp) rộng tu pháp Lục độ và Vạn hạnh mà chứng bậc Tam hiền, bậc Thập thánh cũng đều là pháp tu quyền thừa (nghĩa là tu từng bậc, từng cấp, từ thấp lần lên cao).

Kinh TỬ ÍCH : Chính nơi tâm mình tỏ ngộ các pháp rồi, thì không cần phải theo thứ lớp từng bậc này lên đến bậc kia. Cho nên nói câu : Không theo từng bậc từng cấp. Thế nào một niệm nhằm rồi cùng Đạo hiệp ư ? - Nghĩa là nếu ta tu hành đúng với chơn lý rồi, thì không còn mê lầm nào để đoạn, không lý nào để chứng, không hạnh nào để tu, không vị nào đểặng ; cho nên nói : liền cùng Đạo hiệp.

Song tâm ta tuy rằng tỏ Đạo nhưng mà sức ta chưa được tự do. Chỗ chấp có cái tướng như huyền chưa trừ, cái trần vốn không nhưng ta chưa được không, thì ta cần phải lấy cái trí như huyền, mà đoạn cái mê lầm như huyền, chứng cái lý như huyền, tu cái hạnh như huyền, cầu cái vị như huyền. Cho nên nói : Nghiên xét cái chí lý tự tâm, lựa lấy chỗ nhiệm mầu của Đạo, thì cần phải đoạn hẳn những sự mê lầm, đoạn đến chỗ không còn đoạn mới chứng được chơn tâm, nhưng chứng đến chỗ không còn chứng thời mới gọi là cùng nguồn tột đáy.

Tổ Khuê Phong nói rằng : Xét một cái hạnh Thiền định đây rất là thần diệu dụng, có thể phát khởi được trí huệ vô lậu trong tánh mình, tất cả nào diệu dụng, nào muôn hạnh, muôn đức nhần đến pháp thần thông rực rỡ cũng từ trong pháp thiền định phát ra. Cho nên người tu bậc tam thừa muốn cầu quả Phật thì ắt phải tu Thiền, nếu ngoài pháp Thiền đây thời không cửa nào đi vào cửa Phật, ngoài pháp Thiền đây không đường nào đi vào con đường Chánh Đẳng Chánh Giác. Chí ư cầu sanh Tịnh độ cũng nhờ tu mười sáu phép thiền quán và phép niệm Phật Tam muội, phép Bát Chu Tam Muội v.v...

Hựu chơn tánh, tức bất cấu bất tịnh, phạm thánh vô sai, Thiền môn, tắc hữu siển hữu thâm, giai cấp thù đẳng. Nhược đái dị kế, hân thượng yếm hạ nhi tu giả, thị Ngoại đạo thiên.

Nhuộc chánh tin nhơn quả, diệc dĩ hân yếm nhi tu giả thị phạm phu thiên.

Ngộ ngã không thiên chơn chi lý nhi tu giả, thị Tiểu thừa thiên.

Ngộ ngã pháp nhị không sở hiển chơn lý nhi tu giả, thị Đại thừa thiên.

Nhuộc đốn ngộ tự tâm, bốn lai thanh tịnh nguyên vô phiền não, vô lậu trí tánh bốn tự cụ túc, thử tâm tức Phật tất cảnh vô dị, y thử nhi tu giả, thị Tối thượng thiên, diệc danh Như Lai Thanh tịnh thiên. Diệc danh Nhất Hạnh Tam Muội, diệc danh Chơn Như Tam Muội.

Thử thị Nhất thiết Tam muội căn bản, nhuộc năng niệm niệm tu tập, tự nhiên tiệm đắc bá thiên Tam Muội.

Đạt Ma môn hạ, triển chuyển tương truyền giả, thị thử thiên dã.

Đạt Ma vị đáo, cố lai cao tăng giai y tiền tứ thiên bát định tu chi, tịnh đắc công dụng.

Thiên Thai, Nam Nhạc, linh Y Tam đế chi lý, tu Tam chỉ Tam quán, giáo nghĩa tuy tối huyền tối diệu, nhiên kỳ thú nhập môn hộ thử đệ, diệc chỉ thị tiền chi chư Thiên hạnh tướng. Hoạch chúng Tam hiền Thập thánh chi giai thể.

Hướng chi chơn tánh của ta là một bản tánh không như, không sạch, không Thánh, không Phạm ; nhưng mà cái pháp môn Tham Thiền có thấp, có cao từng bậc có khác. Nếu người tà kiến chấp trước mê lầm, ưa pháp cao, chê pháp thấp mà tu đó, thì đó tức là pháp Thiền của Ngoại Đạo.

Còn những hạng chánh tín lý như quả, nhưng cũng còn chấp ưa cao nhàm thấp mà tu đó, thì đó tức là pháp thiền của kẻ phàm phu.

Còn những hàng tổ ngộ cái lý ngã không riêng chấp một phía mà tu đó, thì người đó tức là tu pháp thiền của Tiểu thừa.

Còn những bậc đã tỏ ngộ được lý ngã không và pháp không tỏ thấu chơn lý mà tu đó, thì người đó là người tu pháp thiền của bậc Đại thừa.

Cho đến những người một niệm tỏ ngộ tâm mình xưa nay thanh tịnh vốn không phiền não, trí tánh vô lậu vốn tự sẵn đủ, người nhận được cái tâm như thế thì người đó tức là ông Phật rất ráo không khác, ai tu theo pháp thiền đây, gọi là pháp thiền tối thượng, cũng gọi pháp thiền thanh tịnh của Như Lai, cũng gọi Pháp Nhất Hạnh Tam Muội, cũng gọi pháp Chơn Như Tam Muội.

Sao thế - Bởi pháp thiền Tối thượng đây nó là căn bản cho tất cả pháp Tam Muội vậy ; bằng ta có thể mỗi niệm mỗi niệm tu tập tự nhiên dần dần đặng trăm nghìn pháp Tam Muội.

Thế cho nên học trò của tổ Đạt Ma lần hồi truyền nhau, pháp thiền này vậy.

Xét tổ Đạt Ma lúc ở Tây Vực chưa đến cõi Trung Hoa này, xưa nay các bậc Cao Tăng đều y bốn pháp thiền, tám pháp định trước mà tu đó cũng được công dụng (chứng đạo quả) Tám pháp định là gì ? - Trong bốn pháp Thiền, mỗi pháp có đủ Sắc định và Không định, hai định. Vì mỗi pháp thiền có hai định, bốn pháp thiền có tám định. Tuy tám định nhưng cũng nhiếp trong bốn pháp thiền.

Ngài Thiên Thai, ngài Nam Nhạc dạy học trò của quý ngài hãy y theo cái lý Tam Đế mà tu cái pháp Tam Chỉ và pháp Tam Quán, Song nghĩa lý trong kinh Phật dạy tuy rất nhiệm, rất mâu, nhưng người muốn vào trong chỗ ấy cũng

Duy Đạt Ma sở truyền giả, đốn đồng Phật thế. Quýnh dị chư môn, cố tông tập giả nan đắc kỳ chỉ. Đắc tức thành Phật tức chúng Bồ đề.

Thất tắc thành tà tức nhập đồ thán. Diệc tùy nhơn chi căn khí, thiền danh tuy đồng, nhi môn bất nhất, thâm nhập nhất môn, giai chúng đạo quả.

Như thạch cao nhất vật, tánh phân lãnh nhiệt. Nam thạch tánh lãnh. Bắc thạch tánh nhiệt. Kỳ nhiệt bệnh giả, ung phục nam thạch. Kỳ lãnh bệnh giả, ung phục bắc thạch. Dĩ dĩ bệnh vi tối, xuất thế vi yếu, học giả tư chi, tự thủ quyết diên.

Tam chỉ giả ? Nhất, thế chơn chỉ. Vị thế đạt vô minh vọng tướng, tức thiệt tướng chi chơn. Nhị, phương tiện tùy duyên chỉ. Vị tùy duyên lịch cảnh, an tâm bất động. Tam, ly nhị biên phân biệt chỉ. Vị bất phân biệt sanh tử Niết bàn hữu vô chi tướng.

Tam quán giả ? Nhất, không quán ; Nhị, giả quán : Tam, trung quán.

Tam đế giả ? Nhất chơn đế ; nhị, tục đế ; tam, trung đế. Vị quán nhất niệm chi tâm, tức cụ tam đế chi pháp, Nhược quán tâm không, tắc nhứt thiết pháp giai không, tức thị chơn đế. Nhược quán tâm giả, tắc nhứt thiết pháp giai giả, tức thị tục đế. Nhược quán tâm trung, tắc nhứt thiết pháp giai trung, tức thị trung đế.

phải dần dần theo thứ lớp của nẻo mà vào. Cũng chỉ là cái Hành Tướng của các pháp thiền như trước ; cũng chỉ là chứng động từng bậc Tam Hiền và Thập Thánh đó thôi.

Duy có pháp thiền của tổ Đạt Ma ngài truyền đây thật là đồng thể của đức Phật, cao hơn các pháp thiền nói trên. Cho nên những người tu theo pháp thiền này khó mà nhận động tôn chỉ của nó. Song nếu đã nhận động tôn chỉ nó rồi, thì người đó tức thành Phật, mau chứng quả Bồ Đề.

Bằng sai đi thời thành tà ma ngoại đạo, chóng vào Địa ngục mau như tên bắn. Nhưng đó cũng tùy theo căn cơ cao thấp của mỗi người hợp pháp nào thời tu pháp nấy mới tránh khỏi sự hỏng hờ thất bại. Tên của pháp thiền vẫn đồng, nhưng các pháp tuy không phải một, song hễ tỏ vào một pháp thời cũng chứng động đạo quả, đó tùy theo trình độ cao thấp của mỗi người mà pháp thiền thành có cao có thấp.

Vì sao ? Ví như một món thạch cao mà tánh nó cũng phân ra có lạnh và nóng. Như vị thạch cao ở phía Nam thời tánh nó lạnh. Vị thạch cao ở phía Bắc thời tánh nó nóng. Những người có bệnh nóng thì nên uống vị thạch cao ở phía Nam. Những người có bệnh lạnh thì nên uống vị thạch cao ở phía Bắc. Miễn làm sao bệnh cho lành là hay, người tu Thiền định đây cũng thế không luận pháp thiền nào, miễn tu làm sao cầu ra khỏi đời ngũ trược là cốt yếu : vậy người học Phật hãy xét đây mà quyết định cho mình vậy. Ba phép chỉ là gì - 1) Thể chơn chỉ : Nghĩa là mình tỏ thấu cái vô minh vọng tưởng kia ; tức là cái tánh chơn của thật tướng. 2) Phương tiện tùy duyên chỉ : Nghĩa là tùy các duyên trải qua các cảnh, nhưng mà tâm ta vẫn yên tịnh không hề lay động. 3) Ly nhị biên phân biệt chỉ : Nghĩa là không phân biệt cái tướng sanh tử, Niết Bàn, có, không.

Ba phép quán. Ba phép quán là gì ? 1) Quán không. 2) Quán Giả. 3) Quán trung đạo.

Bc phép để thế nào ba phép để ? - 1) Chơn Đế. 2) Tục Đế. 3) Trung Đế. Nghĩa là quán tâm mình trong một niệm có đủ ba phép để. Như quán tâm mình là không, thời tất cả các pháp đều không, đó là phép chơn đế. Như quán tâm mình là giả, thì tất cả pháp đều giả, đó là tục đế. Như quán tâm mình là trung thì tất cả pháp đều trung, đó là trung đế.

Thử chi tam quán, toàn do tánh phát, thiết phi tu thành. Cố u nhất tâm uyển hữu tam dụng, sở vị nhứt tâm tam quán thị dã. Hựu tam nhất vô ngại, túc thị viên dung tam đế quang như biệt thích. Bát định giả, vị tứ thiền trung, các cụ sắc không nhị định dã.

Bác vấn tiên tri, thân cận thiện hữu. Thử tông nam đặc kỳ diệu, thiết tu tử tế dụng tâm, khả trung đốn ngộ chánh nhơn, tiện thị xuất trần giai tiệm.

Sơ nhị cú, tham thính sư hữu. Thứ nhị cú, tông u lý trí. Hậu nhị cú, ngộ bốn hoặc trừ. Vị thử trực chỉ chi tông, nãi tâm địa pháp môn, phi thô tâm siển học giả, năng đặc kỳ diệu. Cố tu tham vấn tri thức, thính ích thiện hữu ; đặc ngộ chơn nguyên, vi tâm địa chi chánh nhơn. Hoặc đào nghiệp giải, trần lao tiệm xuất ; sở vị lý tuy đốn ngộ, sự yếu tiệm trừ thị dã.

Ký viết : Tiên tri thiện . hữu, thị chánh duyên, dục đắc chánh nhơn, tất đắc chánh duyên tương trợ, huyền chi hựu huyền, viết diệu. Phạm thánh lộ tuyệt, viết tông u. Ngôn tư sở bất năng cập, viết lý trí. Vô cùng u chi trí, viết thô tâm. Phi quang tham bác vấn, viết thiểu học.

Vĩnh Gia vân : Ứng đương bác vấn tiên tri, phục ung thành khẩn, chấp chuỡng khuất tất, chính ý đoan dung, hiểu dạ vong bì, thí chung kiên nguỡng, chiết thóa thân khẩu, quyên căn đái mạn, bất cố hình hài, chuyên tinh chí đạo giả ; khả vị trùng thần phương thốn dư.

Thử tắc phá tam giới, nhị thập ngũ hữu.

Nói tóm lại ba phép quán đây toàn ở trong một tánh mình phát ra, chứ không phải tu mà đặng. Cho nên ở trong một tâm, đủ có ba dụng, nghĩa là một tâm mà có ba phép quán phải vậy. Lại ba phép quán cũng về một tâm, một tâm đủ ba phép quán thì dầu một hay ba cũng không ngăn ngại, tức là ba phép để viên dung ; rộng như chỗ khác có giải.

Rộng hỏi bực Tiên Tri, gần nương bạn lành. Bởi tôn chỉ Tham Thiên đây khó chứng đặng chỗ nhiệm màu, nên quyết phải dụng tâm chín chắn mới có thể ở trong đó tỏ ngộ chánh nhơn, tức là thêm bực lần ra khỏi Trần.

Hai câu đầu, tham cầu thầy bạn. Hai câu kế là tôn màu lý nhiệm. Hai câu sau, tỏ ngộ bản tâm, hoặc tập sạch hết, là nói cái tông trực chỉ thiền đây chính là pháp môn trong tâm địa (Đại thừa) chẳng phải hàng thiền học thô tâm mà đặng chỗ nhiệm màu kia. Cho nên nói câu : cần phải cầu hỏi ông tri thức, học thêm với bạn lành cho tỏ nguồn chơn, để làm chánh nhơn trong tâm địa. Hoặc trừ nghiệp hết, lần khỏi trần lao nên có câu : Lý tuy mau tỏ ngộ nhưng sự cũng phải dứt dần dần như vậy.

Lời Ký nói : *Bực tiên tri với bạn lành là trợ duyên chơn chánh, song muốn tỏ ngộ được cái nhơn chơn chánh thời cần phải nhờ cái trợ duyên chơn chánh, mới có thể tỏ ngộ được ; đã nhiệm màu càng thêm nhiệm màu nên gọi chữ diệu. Bặt dứt con đường phàm thánh nên gọi chữ tôn màu. Lời luận bàn ý suy nghĩ không thể kịp đặng nên gọi chữ lý nhiệm. Những trí người thấp thời không thể xét tột cái chỗ nhiệm màu nên gọi chữ thô tâm. Không phải những người rộng tìm khắp hỏi nên gọi kẻ thiền học.*

Ông Vĩnh Gia nói : *Cần phải rộng hỏi bực tiên tri, nếp lòng cầu khẩn, chấp tay qui gối lắng nghe, sửa ý vững mình, ngày đêm quên môi, trước sau kính trọng, thân không lý lắc miêng chẳng múa khua, dứt trừ tiếng nhác để người, không kể đến hình hài chuyên tinh chỗ chỉ đạo ấy ; được như vậy mới đặng gọi là : lóng thần trong gan tấc.*

Tham Thiên được như thế thời phá tan ba cõi và hai mươi lăm loài.

Thượng cú, tổng tiêu. Hạ cú, biệt xuất. Tư minh chúng sanh y chánh nhị báo. Ước y báo, tắc phân tam giới, nhị thập ngũ xứ. Luận chánh báo, tắc cụ tứ, sanh thập nhị loại hữu.

Thử tắc giả ? Cử thượng chương hạ chi từ ; dĩ đốn ngộ xuất trần, cố phá giới hữu, nguyên giới như tâm kiến, tâm ngộ tắc giới phá ; hữu tòng vọng lập, vọng tức tắc hữu không.

Cố LĂNG NGHIÊM kinh vân : Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện. Nhất thiết như quả, thế giới vi trần như tâm thành thế, nhất như phát chơn qui nguyên thập phương thế giới tận thành tiêu vấn.

Cổ Đức vân : Nhược như thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ, tư tắc nhất niệm đốn ngộ tự tâm, nhi tam giới nhị thập ngũ hữu, liễu bất khả đắc, thị vi phá hĩ. Tam giới giả ? Dục sắc, Sắc giới, Vô sắc giới dã. Nhị thập ngũ hữu giả ? Lược ngôn tam hữu, quảng ngôn cụ hữu, nhị thập ngũ hữu, dĩ phá tà khiến chấp, cố phân nhi ngôn chi.

Dục giới, tắc tứ châu tứ ác thú cập lục dục thiên. Sắc giới, tắc tứ thiên cập phạm vương vô tướng ngũ tịnh cư thiên. Vô sắc giới, tắc tứ không thiên, cộng vi nhị thập ngũ hữu dã. Nhiên Phạm vương, vô tướng, cập ngũ tịnh cư, cụ tại tứ thiên thiên trung ; nhi biệt xuất kỳ danh giả, dĩ ngoại đạo kế Phạm vương vi thường, thị sanh vạn vật chi chủ ; kế vô tướng, dĩ vô tâm cố vọng vị Niết Bàn ; kế ngũ tịnh cư, vi chơn giải thoát. Cố Kinh Luận biệt xuất thử tam thiên, vị đối phá ngoại đạo chi tà kế dã.

Câu trên là nêu chung. Câu dưới phân riêng ra. Đây là nói y báo và chánh báo hai quả báo của chúng sanh, nói về y báo thời phân ra là ba cõi, hai mươi lăm loài. Luận về chánh báo thời có bốn giống, mười hai loài ở trong ba cõi.

Như vậy đó là gì ? Là lời nương câu trên bỏ bầy câu dưới nhờ tỏ ngộ chỗ chánh nhưn ra khỏi cõi trần, cho nên dứt ba cõi và hai mươi lăm loài, nguyên ba cõi này nhưn tâm người gây tạo, tâm nếu ngộ rồi thì ba cõi dứt hết ; 25 loài từ vọng tưởng có ra, vọng tưởng nếu dứt thời 25 loài đều không.

Cho nên kinh LĂNG NGHIÊM nói : *"Các pháp mà có ra thiên hình vạn trạng ở giữa này cũng chỉ do một cái tâm giả hiện. Tất cả nào nhưn nào quả, vô số thế giới cũng bởi một tâm mà thành ra các hình tướng. Nếu vọng tâm hết rồi thì bao nhiêu cảnh vật vi trần cũng như không có, nên có câu : Một người trở về nguồn chơn của tâm thì mười phương thế giới hư vọng cũng đều thành tiêu mất.*

Bực Cổ Đức nói : Nếu người nhận được bản tâm thời Đại địa này không còn tác đất, thế là một niệm tỏ ngộ tâm mình thời ba cõi và 25 loài hoàn toàn không có gì hết. Đó là dứt vậy. Ba cõi là gì ? - 1) Dục giới. 2) Sắc giới. 3) Vô sắc giới. Thế nào 25 cõi ? - Lược nói có ba cõi, rộng nói thời có chín cõi, hay 25 cõi. Do phá tà tâm, trừ tánh chấp, cho nên phân ra nhiều cõi nhiều loại mà nói vậy.

Cõi Dục giới thời có bốn châu thiên hạ, bốn ác thú và sáu cõi Dục thiên. Cõi Sắc giới thời có bốn cõi Thiên thiên và cõi Phạm vương, cõi Vô tướng, cõi Ngũ tịnh Cư thiên. Còn cõi Vô sắc giới có bốn cõi Không thiên, cộng là 25 cõi vậy. Song cõi Phạm vương, Vô tướng và Ngũ tịnh cư, đều ở trong cõi Tứ thiên thiên. Nhưng mà nêu riêng cái tên ra để chi vậy ? - Bởi vì ngoại đạo nó chấp ông trời Phạm Vương là thường làm ông chủ sanh muôn loài vạn vật. Chấp cõi trời Vô Tướng, vì nó làm cho không tâm tưởng gì hết, quấy nói đó là Niết Bàn, chấp cõi trời Ngũ Tịnh Cư là chỗ chơn giải thoát của bọn nó. Cho nên trong kinh trong luận nêu ra ba cõi trời này, để đối phó cái tâm tà chấp của bọn ngoại đạo vậy.

Ký viết : Hưu vân ngũ tịnh cư Thiên trung hữu Đại tự tại Thiên vương xứ. Ngoại đạo chi nhơn kế bỉ Thiên vương năng vi tạo hóa chi bốn, qui chi tắc đắc giải thoát. Như Lai vị phả thử kiến, cố biệt tiêu chi.

Tứ châu giả ? Đông thắng thần châu, Nam thiêm bộ châu, Tây ngưu hóa châu, Bắc câu lư châu.

Tứ ác thú giả ? Tu la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Lục dục Thiên giả ? Nhất Tứ vương thiên, Nhị Đạo lợi thiên, Tam Dạ ma thiên, Tứ Đâu suất thiên, Ngũ Hóa lạc thiên. Lục Tha hóa tự tại thiên. Tứ Không thiên giả ? Nhất Không xứ thiên, Nhị Thức xứ thiên, Tam Vô sở hữu xứ thiên. Tứ Phi phi tưởng xứ thiên.

Tứ thiên giả ? Sơ thiên hữu tam thiên : Vị Phạm chúng thiên. Phạm phụ thiên, Phạm vương thiên, Nhị thiên hữu tam thiên : vị Thiếu quang thiên, Vô lượng quang thiên, Quang Âm thiên. Tam thiên hữu tam thiên : Vị Thiếu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên. Tứ thiên hữu cửu thiên : Vị Vô vân thiên, Vô tướng thiên, Phước sanh thiên, Quảng quả thiên, Vô phiền thiên, Vô nhiệt thiên. Thiên kiến thiên, Thiên hiện thiên, Sắc cú cánh thiên.

Hậu ngũ, danh ngũ tịnh cư thiên, nãi tam quả Thanh nhơn sở cư, diệc vân ngũ na hàm thiên, Phạm vương thiên, cư sơ thiên nhị thiên trung gian, Vô tướng, tại đệ tứ thiên trung.

Ngôn cửu hữu giả, tức cú địa, dĩ Dục giới nhơn thiên quả súc địa ngục, tổng vi nhứt địa, Sắc giới tứ thiên vi tứ địa, Vô sắc giới tứ không vi tứ địa, cộng vi cửu dã.

"Nội ngoại chư pháp, tận tri bất thiết ; tòng tâm biến khởi, tất thị giả danh".

Lời Ký nói : Có chỗ nói trong cõi trời Ngũ Tịnh Cư có ông Đại Tự Tại Thiên Vương ở. Những bọn ngoại đạo chấp vị Thiên Vương kia hay làm ông chủ tạo hóa, ai về cõi đó thời được thông thả. Đức Phật Như Lai vì muốn phá cái tà kiến ấy, cho nên ngài mới nêu ba cõi này chỉ rõ các hàng đệ tử tránh khỏi sự lầm lạc của ngoại đạo.

Bốn châu thiên hạ là gì ? - 1) Đông thắng Thần châu. 2) Nam thiệm Bộ châu. 3) Tây ngưu Hóa châu. 4) Bắc cu Lô châu.

Bốn ác thú là gì ? - 1) Tu la. 2) Địa ngục. 3) Ngạ quỷ. 4) Súc sanh. Sáu cõi trời dục là chi ? 1) Trời Tứ Thiên Vương. 2) Trời Đao Lợi. 3) Trời Dạ Ma. 4) Trời Đâu Suất. 5) Trời Hóa Lạc. 6) Trời Tha Hóa Tự Tại. Thế nào là bốn cõi trời Không Thiên ? 1) Trời Không xứ. 2) Trời Thức xứ. 3) Trời Vô sở hữu xứ. 4) Trời Phi phi tướng xứ.

Thế nào là bốn cõi Thiên thiên ? Cõi Sơ thiên có ba tầng trời : a) Trời Phạm chúng. b) Trời Phạm Phụ. c) Trời Phạm Vương. Cõi Nhị thiên có ba tầng trời ; a) Trời Thiếu Quang. b) Trời Vô Lượng Quang. c) Trời Quang Âm. Cõi Tam thiên có ba tầng trời. a) Trời Thiếu Tịnh, b) Trời Vô Lượng Tịnh, c) Trời Biến Tịnh. Cõi Tứ thiên có 9 tầng trời. a) Trời Vô Vân, b) Trời Vô Tướng, c) Trời Phước Sanh, d) Trời Quảng Quả, đ) Trời Vô Phiền, e) Trời Vô Nhiệt, g) Trời Thiện Kiến, h) Trời Thiện Hiện, i) Trời Sắc Cứu Kinh.

Năm cõi trời sau gọi là trời Ngũ tịnh Cư. Chính là bậc Thánh như chứng quả thứ ba ở trong đó cũng gọi cõi trời Ngũ Na Hàm. Cõi trời Phạm vương ở chặng giữa cõi Sơ thiên và Nhị thiên. Cõi trời Vô tướng ở trong cõi Tứ thiên. Nói chín cõi là gì ? Tức là chín bậc, lấy cõi Dục giới gồm cả cõi Người cõi Trời cõi Ngạ quỷ, cõi Súc sanh và cõi Địa ngục chung lại làm một bậc. Cõi Sắc giới và bốn cõi Thiên thiên làm bốn bậc. Cõi Vô sắc giới có bốn cõi Không thiên làm bốn bậc, cộng là chín bậc vậy.

Trong ngoài các pháp đều biết chẳng thật, từ trong Tâm biến ra đều có cái danh giả.

Thượng nhị cú, tổng tướng. Hạ nhị cú, biệt tướng. Nội tắc thân tâm, ngoại tắc khí giới. Hựu nội thị tứ uẩn, ngoại thị sắc uẩn. Tứ uẩn thị tâm, sắc uẩn thị thân. Thân tức tứ đại sở thành, tâm nãi lục trần duyên ảnh. Khí giới, thị chúng sanh sở y chi cảnh, tức Tam thiên Đại thiên thể giới.

Giới số tuy đa, nhi bất xuất tam giới : hữu tình tuy chúng, nhi bất xuất nhị thập ngũ hữu. Như thử thân tâm khí giới, tất tùng vọng niệm nhi hữu. Vọng tâm vô thể, phân biệt thị sanh. Liễu thử tâm cảnh ngươn hư, thị tri bất thiết, tắc ngũ uẩn thân tâm khí giới, đương hạ bất khả đắc hĩ.

Tùng tâm biến khởi, tất thị giả danh dã, vi chư chúng sanh vọng nhận tứ đại vi tự thân tướng, lục trần duyên ảnh vi tự tâm tướng ; tứ đại giả hiệp, vô ngã ngã sở, tất cảnh thị không. Nhi phạm phu mê tự pháp thân cố chấp tứ đại vi tự thân tướng.

Lục trần thị cảnh, thức thể thị tâm. Tâm đối căn trần, tức hữu duyên lự tướng khởi. Lục trần thị sở duyên. Vọng thức thị năng duyên. Lục trần vô thiết, du như ảnh tượng. Tùng thức sở biến, cử thể tức không, cố thử duyên tâm, bốn vô hữu thiết, nãi chí vọng khởi phạm thánh kiến đẳng, cố viết : Tất thị giả danh.

Như thị liễu đạt, tức tri bốn lai tâm tánh không tịnh, cụ tức viên minh. Hoặc bất năng nhiệm, trí vô sở tịnh, hư tịch trưng trạm. Chơn giác linh minh, bốn phi duyên lự. Nhi chúng sanh cứu mê thử tâm, vọng nhận phần duyên lục trần ảnh tượng, sạ khởi sạ diệt hư vọng chi niệm, dĩ vi tự tâm, niệm niệm tùy chi, thị cố luân hồi tam giới nhị thập ngũ hữu dã.

Hai câu trên nói tướng chung. Hai câu dưới nói tướng riêng. Trong thời thân tâm, ngoài thời khí giới (*đất, đá, non, sông*). Trong là bốn uẩn, ngoài là sắc uẩn. Bốn uẩn thuộc tâm, "Sắc uẩn" thuộc thân. Thân là bốn "đại" hiệp thành. Tâm là bóng duyên sáu trần. Khí giới là cảnh chúng sanh nương tựa ; tức thế giới Tam thiên Đại thiên.

Số thế giới tuy nhiều, nhưng không ngoài 3 giới (3 cõi). Loài Hữu tình tuy đông, nhưng không ngoài 25 loài. Thân tâm như thế, khí giới như thế, đều từ vọng niệm mà có ra. Tâm vọng không tự thể, chỉ do ý thức phân biệt mới sanh. Rõ được tâm cảnh này vốn không, mới biết muôn pháp đều không thật. Thời năm uẩn thân tâm và khí giới bảy giới không có gì hết. Nên kinh Lăng Nghiêm nói : *"Tâm sanh thời các pháp mới sanh, Tâm diệt thì các pháp liền diệt"*.

Thế nào các pháp giả danh từ Tâm biến khởi ra đó. - Bởi tất cả chúng sanh nhận lầm thân tứ đại làm thân tướng của mình, duyên theo bóng sáu trần làm tâm tướng của mình. Nhưng bốn "đại" đã là giả hiệp thì thân này không phải là "thân ta", vật này không phải là vật "sở hữu" của "ta", rốt ráo đều là không. Thế mà người phạm quên hẳn pháp thân thanh tịnh của mình, cứ chấp thân tứ đại giả hợp cho là thân tướng của mình.

Lấy sáu trần làm cảnh của mình, song thể của thức là tâm. Tâm đối với sáu căn, sáu trần, thời có tướng duyên lự khởi lên. Sáu trần là trần bị duyên. Vọng Thức là cái thức năng duyên. Song sáu trần không thiệt có, ví như bóng dạng mà thôi. Do thức biến ra, toàn thể tức không, cho nên cái tâm năng duyên đây, vốn không thật có, nhấn đến vọng khởi chấp Phạm chấp Thánh vân vân... cũng đều giả giá, cho nên nói : đều là tên giả.

Rõ thấu như thế, thời biết tâm tánh của mình xưa nay vốn trống trơn trong sạch, hoàn toàn tròn sáng. Các hoặc không thể nhiễm, cái trí không có chi tịnh, trống rỗng vắng lặng im lìm. Tánh chơn giác sáng suốt, vốn không có tâm duyên lự. Thế mà chúng sanh mê mãi tâm này, nhận lầm dính vướng bóng dạng sáu trần : niệm niệm thoát sanh thoát diệt luống dối, nói là tâm của mình, mỗi niệm niệm theo nó, cho nên mới có luân hồi trong ba cõi và chịu làm hai mươi lăm loài vạy.

Ký viết : Bốn lai tâm tánh, ký phí nhiễm tịnh, vân hà nhi vi căn trần thức đẳng sở hoặc ? Lương do chúng sanh, tối sơ bất giác tâm khởi, dữ sanh diệt hiệp thành A lại da thức. Phục do chấp thủ vi ngã pháp cố, chuyển khởi dư thức thành bất chủng thức.

Các do thức thể khởi năng kiến phần, do năng kiến cố tợ ngoại cảnh hiện, chấp thủ thủ hiện vi định thiết cố. Tạo chủng chủng biệt nghiệp cộng nghiệp, cố nội cảm tự thân, ngoại cảm khí giới, nhất thiết chư pháp. Ký do thức khởi, cố tận tri bất thiết.

Phàm, Thánh kiến đẳng giả ? Vị chơn như giới nội, tuyệt sanh Phật chi giả danh. Bình đẳng huệ trung, vô tự tha chi hình tướng, cố dã. Bốn văn tứ cú, bất xuất sắc tâm nhị pháp, nguyên sắc từng tâm tạo, toàn thể thị tâm.

Cố KINH vân : "Tam giới vô biệt pháp, duy thị nhất tâm tác".

TỶ BÀ SA vân : "Tâm năng vi nhất thiết pháp tác danh tự, nhược vô tâm tác vô nhất thiết danh tự. Đương tri, thế xuất thế gian danh tự, tất từng tâm khởi".

"Bất dụng tương tâm tấu bạc, dẫn tình bất phụ vật, vật khởi ngại nhơn".

Thượng cú, giới nghi tâm bốc đạt. Thứ cú, sắc tâm ly cảnh. Hạ cú, cảnh bất phương tâm.

Nguyên chí lý hư huyền, nghi chi dĩ sai. Tâm cảnh bốn không, tương chi tức thố. Tình vong chấp tạ, kỳ cảnh tự tịch ; chí lý hiện tiền, hà vật ngại nhơn ?

Lời Ký nói : *Tâm tánh xưa nay, đã không phải nhiễm phải tịnh, vì sao lại bị sáu căn sáu trần và sáu thức nó che bịt ư ? Bởi vì chúng sanh, ban sơ không ngờ tâm vọng khởi cùng với các pháp sanh diệt thành thức A lai da. Lại do khởi lòng chấp thức đây làm cái vật của mình, rồi lần khởi thêm bảy thức nữa thành tám cái thức.*

Trong tám thức đây mỗi thức khởi ra cái phần năng kiến vì do phần năng kiến ấy, nó chiếu hiện ra cảnh ngoài, rồi chấp lấy cảnh hiện đó là cảnh chắc thật. Nên tạo ra đủ thứ nghiệp riêng và nghiệp chung, cho nên trong cảm hiện ra thân mình, ngoài cảm ra có khí giới, tất cả các pháp. Song đã do vọng thức biến khởi nên đều biết là không thật.

Thế nào là chấp phàm và chấp thánh v.v... đó ư ? Nghĩa là trong cái thể Chơn Như không có cái tên giả là chúng sanh cùng Phật gì cả ? Trong cái huệ bình đẳng không có hình tướng là mình cùng người chi hết. Bốn câu trên bốn vẫn chẳng ngoài hai món Sắc với Tâm, nguyên sắc từ tâm mà tạo ra, toàn thể của nó là Tâm.

Cho nên trong KINH nói : "Ba cõi không chi lạ, chỉ là một Tâm tạo ra".

Trong, LUẬN TỶ BÀ SA nói : Tất cả các pháp có tên này tên khác là do Tâm đặt ra, nếu không có cái Tâm phân biệt đây thời tất cả tên này tên khác cũng không. Vậy thì đủ biết rằng những danh tướng thế gian và xuất thế gian, đều là từ một cái tâm ta mà khởi ra tất cả.

Cho nên chẳng cần đem Tâm so tính, hễ Tâm mình không nhiễm muôn vật, thời muôn vật đâu có thể ngăn ngại người được.

Câu trên dạy đừng đem Tâm so tính. Câu kế biểu Tâm mình đừng nhiễm cảnh. Câu sau cảnh đó không ngăn hại cái Tâm.

Nguyên chỗ chí lý trống rỗng nhiệm màu, hễ mình tính thời đã sai. Tâm cảnh vốn không, nếu ta khởi lên một niệm thời lầm lạc, còn nếu quên hết vọng tình phá tan tà chấp, thời cảnh Lục trần kia tư vắng lặng, chỗ chí lý liền bày trước mặt, có vật nào nữa mà ngăn người được ?

Sở vị dẫn tự vô tâm ư vạn vật, hà phương vạn vật thường vi nhiên.

Tam Tổ vân : Dục thủ nhất thừa vật ố lục trần. Lục trần bất ố, hườn đồng chánh giác. Trí giả vô vi, ngu nhưn tự phược ; pháp vô dị pháp vọng hữu ái trước, tương tâm đưng tâm khởi phi đại thố.

Ký viết : "Ký thị biến khởi giả danh, hà dụng tương chi tấu bặc. Nhiên tình vật tức vọng cảnh. Tâm nguyên nhược chỉ, pháp giới đồng tịch, hà vật ngại nhưn."

"Nhậm tha pháp tánh châu lưu, mặc đoạn mặc tục".

Thượng cú, đặc tánh, Hạ cú, kế lý. Ký bất ngại nhưn, cố nhậm sử châu lưu. Pháp tánh, tức thị vật cảnh. Tâm bất khởi vọng pháp pháp toàn chơn. Tại hữu tình trung, danh viết Phật tánh. Tại vô tình trung, tắc viết Pháp tánh ; Pháp tánh bốn tự Như Như. Thể thường tịch diệt, du nhược hư không, quách châu sa giới, thủ chi tắc mê, xả chi tắc táng.

Nhược đoạn nhược tục, tức đọa đoạn thường; bất thủ bất xả, phương vi diệu kế, cầu năng đắc chư pháp chánh tánh giả, tắc hoành ngọa pháp giới nhậm sử châu lưu, tiêu diệu vô ngại hi.

Ký viết : "Đoạn tức diệt tục tức thường : thường tức hữu, diệt tức không, sanh diệt, đoạn thường, không hữu, danh dị nhi nghĩa đồng. Thủ tức tục, xả tức đoạn, cố đọa nhị biên, xả nhị biên, cố kế trung đạo chi lý dã. Nhược vọng tâm thủ tướng tức tùy cảnh sanh diệt, cố nhược đoạn nhược tục. Chơn tâm vô trước, cố nhậm chi châu lưu, châu lưu, cố vô trụ, vô trụ, cố quách châu sa giới."

Nên ông Bàn Cư Sĩ nói : Hễ mình không để tâm nuôi tiếc muôn vật, thì sợ gì muôn vật nó thường vẩn vít ta.

Đức Tam Tổ cũng nói : Muốn chứng đặng bậc nhất thừa thời đừng đắm nhiễm sáu trần. Sáu trần không nhiễm đắm thời liền đồng với bậc chánh giác. Kẻ trí không làm người ngu tự dính mắc; muôn pháp không có pháp nào khác, tại mình vọng mới có cái tâm mê đắm, đem tâm mà dùng tâm, đâu chẳng làm to ư ?

Lời Ký nói : *Đã là từ Tâm biến ra cái tên giả, cần gì phải đem Tâm ra so tính. Song vọng tình đối với muôn vật tức là cảnh vọng của Tâm, chớ không gì khác. Nguồn tâm nếu dứt, thì bản thể pháp giới đồng vắng lặng, có vật chi nữa mà ngăn ngại mình.*

Mặc dầu pháp tánh khắp bủa, cũng không chấp có cũng không chấp không.

Câu trên chứng đặng pháp tánh. Câu dưới tỏ ngộ lý chơn. Muôn pháp nó đã không ngăn người, cho nên mặc dầu nó bủa khắp. Pháp tánh tức là muôn vật muôn cảnh. Tâm chẳng khởi vọng thời mỗi pháp toàn chơn. Ở trong loài hữu tình thời gọi là Phật tánh. Ở trong loài vô tình gọi là Pháp tánh. Pháp tánh vốn tự Như Như. Thể nó thường vắng lặng cũng như hư không rỗng suốt, khắp cùng hằng sa thế giới, chấp cảnh thời mê, còn bỏ cảnh thời mất (*chơn tánh*).

Hoặc không, hoặc có, thời mắc hai bên không với có, không chấp có, cũng không bỏ không, mới là tỏ ngộ lý màu (*trung đạo*). Nếu chứng đặng chánh tánh của các pháp rồi, thời nằm ngang chốn pháp giới mặc dầu muôn pháp khắp bủa, nhưng Tâm người ấy cũng thành thoi không ngăn ngại.

Lời Ký nói : *Không tức là Diệt. Có tức là Thường. Thường tức là Có. Diệt tức là Không, Sanh và Diệt. Đoạn và Thường. Không và Có danh từ tuy khác mà cái nghĩa vẫn đồng. Chấp là nghĩa có, bỏ là nghĩa không, cho nên mắc hai bên (có với không), bỏ hai bên cho nên mới hiệp lý trung đạo vậy. Nếu đem tâm vọng chấp theo tướng thời tâm vọng ấy, theo cảnh mà sanh mà diệt, cho nên nói hoặc không hoặc có. Còn cái tâm chơn không đắm nhiễm, cho nên mặc dầu các pháp bủa khắp bủa khắp, cho nên nó không đình trụ, không đình trụ cho nên rỗng suốt khắp cùng hằng sa thế giới.*

Thanh Lương Quốc sư vân : "Chí đạo bốn hồ kỳ tâm, tâm pháp bốn hồ vô trụ; vô trụ tâm thể, linh tri bất muội. Tánh tướng tịch nhiên, bao hàm đức dụng, cai nhiếp nội ngoại năng thâm năng quảng, phi hữu phi không, bất sanh bất diệt, vô chung vô thủy. Cầu chi nhi bất đắc, khí chi nhi bất ly. Mê hiện lượng, tắc hoặc khổ phân nhiên. Ngộ nhơn tánh, tắc không minh quách triệc.

Tuy tức tâm tức Phật, duy chúng giả phương tri. Hữu chúng hữu tri, tắc huệ nhật trầm một ư hữu địa. Nhược vô chiếu vô ngộ, tắc hôn vân yếm tế ư không môn".

Nhược nhất niệm bất sanh, tắc tiền hậu tế đoạn. Chiếu thể độc lập, vật ngã giai như, trực tạo tâm nguyên, vô trí vô đắc, bất thủ bất xả, vô đối vô tu.

Nhiên mê ngộ tương y, chơn vọng tương đãi. Nhược cầu chơn khứ vọng, như khí ảnh lao hình. Nhược thể vọng tức chơn, tợ xứ âm ảnh diệt : Nhược vô tâm vọng chiếu, tắc vạn lự đô quyên; nhược nhậm vận tịch tri, tắc chúng hạnh viên khải.

Phóng khoáng nhậm kỳ khứ trụ; tịnh giám kỳ nguyên lưu. Ngữ, mặc, bất thất huyền vi; động, tịnh, vị lý pháp giới. Ngôn chỉ, tắc song vong tri tịch. Luận quán, tắc song chiếu tịch tri. Ngữ chúng, tắc bất khả thị nhơn. Thuyết lý, tắc phi chúng bất liễu.

Thị dĩ ngộ tịch vô tịch, chơn tri vô tri dĩ tri tịch bất nhị chi nhất tâm, kế không hữu song vong chi trung đạo.

"Văn thính kiến sắc, cái thị tâm thường".

Thượng cú, căn trần tương đối. Hạ cú, liễu đạt tâm cảnh. Tình vong chấp tạ, như kính đối tượng, Vô thủ xả tâm, cố viết tâm thường.

Ngài Thanh Lương Quốc sư nói : "Lý chí đạo gốc ở nơi tâm, còn tâm thì gốc ở nơi vô trụ; cái tâm vô trụ sáng suốt không mê muội. Tánh và tướng đều vắng lặng trùm cả muôn đức muôn dụng, gồm nhiếp trong ngoài, sâu quá sâu, rộng quá rộng, chẳng phải có, chẳng phải không, không sanh, không diệt, không sau, không trước. Tìm nó nó không có, bỏ nó nó cũng không mất. Mê chơn thể hiện tượng, thời hoặc nghiệp khổ não lằng xằng. Ngộ đặng chơn tánh thời rỗng sáng thấu suốt.

Tuy rằng tức tâm tức Phật, duy có người chứng mới biết. Nhưng nếu chấp mình có chứng có biết, thời mặt Nhật huệ ngấm chìm trong chỗ chấp có. Bằng mới mặt không tỏ không hiểu, thời lùm mây đen che phủ nơi cửa không môn". (chơn tánh).

Bằng một niệm không sanh, thời đời trước đời sau dứt hẳn. Thể sáng riêng bày, vật với ta đều như như, thẳng đến nguồn tâm, không chấp là trí, không chấp là chứng, không chấp chơn, cũng không bỏ vọng, không nhiễm, không tu.

Song cái mê cái ngộ nương nhau, cái chơn cái vọng đối đãi với nhau, nếu ta tìm cái chơn bỏ cái vọng cũng như bỏ bóng theo hình. Bằng tỏ đặng vọng tức chơn, cũng như người đứng trong tối, thì bóng phải diệt. Bằng tâm trống trơn không đối chiếu nữa, thì muôn lự (cảnh vọng) đều mất, thì mặc dầu cho nó vắng lặng và tỏ biết, các hạnh do đó mà liền mở ra.

Rộng rãi thênh thoang, mặc dầu cho nó đi, mặc dầu cho nó tới, vắng soi tỏ thấu nguồn mạch. Hoặc nói hoặc nín cũng không mất lý nhiệm màu, khi động khi tịnh không lìa tánh pháp giới. Nói ba pháp chỉ, thời hai bên đều dứt, tỏ biết mà vắng lặng. Còn luận về ba phép quán, thời cả hai đều vắng lặng và chiếu soi. Nói chỗ chứng thời không thể chỉ cho người. Nói chí lý, thời người chưa chứng không thể rõ đặng.

Cho nên ngộ biết vắng lặng, thật có biết mà không chấp là biết bởi vì một cái tâm ngộ biết và vắng lặng không phải hai, mới hiệp với lý Trung Đạo (không và có đều mất).

Nghe tiếng thấy sắc chỉ là việc tầm thường.

Câu trên sáu căn, sáu trần đối nhau. Câu dưới tỏ thấu tâm cảnh. Tình không chấp hết, như kiến đối với hình tượng (vẫn vô tình). Không tâm chấp bỏ, nên nói việc tầm thường.

Đấu Suất Duyệt tụng viết : "Đẳng nhân hành xứ, bộ bộ giai như. Tuy cư thanh sắc, ninh trệ hữu vô. Nhất tâm mị dị, vạn pháp phi thù".

Qui Sơn vân : "Nhất thiết thời trung, thị thính tâm thường, cánh vô ủy khúc diệc bất bế mục tắc nhĩ, dân tình bất phụ vật, tức đắc. Tùng thượng chư Thánh, chỉ thiết trực biên quá hoạn. Nhược vô hứa đa ác giác tình kiến tướng tập chi sự, thí như thu thí trùng đình, thanh tịnh vô vi, đạ đình vô ngại, hoán tác đạo nhơn, diệc danh vô sự nhơn dã".

Ký viết : Văn kiến thị căn. Thanh sắc thị trần, trần tức cảnh dã. Giác tri thị tâm. Tri tâm ly niệm, liễu cảnh nguyên không. Nhĩ văn mục đố, bất khởi chơn vọng chi kiến , thị viết, tầm thường.

Bàn Cư Sĩ viết : "Đản tự vô tâm ư vạn vật, hà phương vạn vật thường vi nhiều. Thiết ngu bất phạ sư tử hầu, cáp tợ mộc nhơn khán hoa diếu. Hoa diếu phùng nhơn diệc bất kinh, mộc nhơn thể bốn tự vô tình. Tâm cảnh như như chỉ gia thị, hà lự Bồ đề đạo bất thành".

"Giá biên, na biên, ứng dụng bất khuyết".

Thượng cú, đắc thể. Hạ cú, đắc dụng. Tiền cử kiến văn thính sắc chi căn trần, dĩ cai tận nhưt thể chư pháp, pháp pháp viên dung, sự lý giao triệt. Thông thân ứng vật, thể dụng toàn chương, chiết triền phủ ngưỡng, tủng hoành tự tại, xúc mục giai chơn, ngộ duyên thọ dụng.

Sở vị lâm cơ bất ngại, ứng vật vô câu, thi phi tình tận, phàm thánh giai trừ, thùy đắc

Ngài Đẩu Suất Duyệt Thiên sư làm bài tụng nói :
"Chỗ làm rảnh rang, mỗi bước mỗi bước đều như như. Dù ở trong cảnh Thanh sắc đâu mắc cái chấp Hữu Vô. Hết nhất tâm chẳng khác, thời muôn pháp không lạ".

Tổ Qui Sơn nói : "Trong tất cả thời mắt thấy tai nghe cũng chỉ là việc tầm thường, vẫn không phân biệt và chịu uốn theo nó, cũng chẳng cần nhắm mắt bịt tai, miễn tâm mình không nhiễm muôn vật là được. Từ trước đến đây các vị Thánh, chỉ nói cái hại làm của sự đắm nhiễm. Nếu tâm mình không có những việc vọng tình nghĩ quấy, riêng chấp tư tưởng và tập quán thời ví như nước mùa thu lóng đứng, trong sạch im lìm, lặng lẽ không bợn ngăn, mới gọi là người làm Đạo, cũng kêu là người vô sự vậy".

Lời Ký nói : *Nghe thấy là sáu căn. Thanh và sắc là sáu trần, trần là cảnh vậy. Tổ biết là tâm vậy. Biết tâm này nó không khởi vọng niệm, rõ cảnh này nó vốn là không. Tai nghe mắt thấy chẳng khởi lòng chấp chơn hay vọng, nên gọi là tầm thường.*

Ông Bàn Cư Sĩ nói : *Hết mình không tâm nhiễm muôn vật lo gì muôn vật thường vẫn vít ta. Ví như con trâu bằng sắt không hề sợ tiếng rống con sư tử, như người bằng gỗ xem bức tranh chim vẽ. Chim vẽ gặp người gỗ cũng không sợ, bởi người gỗ bản tánh nó vô tình. Tâm cảnh sừng sừng, là như thế, lo gì đạo Bồ Đề chẳng thành.*

Bên lý bên sự, việc ứng dụng chẳng thiếu.

Câu trên dạng cái thể. Câu dưới dạng cái dụng. Văn trước nói thấy nghe, thanh sắc là sáu căn, sáu trần, đã gồm hết tất cả các pháp, mỗi pháp viên dung sự và lý thông suốt. Cả thân ứng muôn vật, thể và dụng đều bày, khi qua lại tới lui, dọc ngang tự tại, chạm mắt toàn chơn gặp duyên đều thọ dụng được hết.

Nghĩa là gặp cơ nào cũng không ngại cơ nào đối với muôn vật cũng không ngăn ngại một vật nào, dứt hết thị phi,

thùy thất, hà thân hà sơ. Triêm đầu tác dĩ, chỉ thiệt vi hư, phiên thân ma giới, chuyển cước tà đồ, liễu phi nghịch thuận, bất phạm công phu.

Cố Đại Châu vân : Giải đạo giả, hành trụ tọa ngọa, vô phi thị đạo. Ngộ pháp giả, tưng hoành tự đại vô phi thị pháp.

Tứ Tô vân : Dẫn dẫn vô ngại, nhậm ý tưng hoành. Bất tác thiện, bất tác ác, hành, trụ, tọa ngọa, xúc mục ngộ duyên, giai thị Phật chi diệu dụng. Sở vị niệm niệm Thích Ca xuất thế, bộ bộ Di Lặc há sanh. Phân biệt, hiện Văn Thù chi trí. Động dụng. vận Phổ Hiền chi hạnh. Môn môn nhi giai xuất cam lồ. Vị vị nhi tận thị đề hồ. Bất xuất Bồ đề chi lâm, trường xử hoa tạng chi hải. Quảng quảng nhi vô trần bất thấu. Triều triều nhi du nhật đăng huy, khởi lao diệu biện dĩ tuyên dương, hà giả thần thông nhi hiển thị. Tư nãi vô sự đạo nhơn, đại tự tại dụng; phi phạm cảnh giới thức tâm sở tri. Đắc giả, tức như như Phật hĩ.

Ký viết : "Vị chơn như pháp giới tánh, toàn thể nhi khởi nhất thế gian chư pháp; thị tắc chư pháp, toàn thị tánh khởi, khởi vô biệt khởi, toàn thể nhi khởi. Cố toàn thể tức dụng, toàn dụng thị thể. Thể dụng toàn chương, sự lý giao triệt.

Cố đắc nhậm vận, dằng dằng, thể châu dụng biến, thị dĩ thông thân ứng vật. Thượng lai, liễu đạt sự lý thể dụng; hướng hạ, chánh minh dụng đức, dĩ đại dụng vô phương, hóa bị nhất thế; thượng thù tứ ân, hạ tư tam hữu. Cố viết : vắng lai tam giới, vị tha tác tắc".

không chấp thánh, phàm, thì còn cái gì nữa gọi là "đắc", có cái chi nữa gọi là "thất", và cái nào gọi là cái đáng "thân", cái nào là cái đáng "sơ". Đem đầu làm đuôi, chỉ thật làm giả, dờ mình vào cõi ma, trở gót trong đường tà, trọn không nghịch thuận mà không phạm đến việc tham thiền.

Cho nên ông Đại Châu Hòa thượng nói : "Người rõ Đạo đi, đứng, ngồi, nằm, không lúc nào là không phải Đạo. Người tỏ định chánh pháp dọc ngang, thông thả, không lúc nào là không phải "pháp".

Đức Tứ Tổ cũng nói : Người đắc ngộ rồi, thênh thênh thang thang không ngăn ngại, mặc ý dọc ngang. Chẳng làm lành cũng chẳng làm ác, đi, đứng, ngồi, nằm, xúc cảnh ngộ duyên đều là diệu dụng của đức Phật cả. Nên có câu : Người ngộ đặng rồi, trong mỗi niệm, mỗi niệm đức Thích Ca ra đời, trong mỗi bước, mỗi bước Phật Di Lặc giáng sanh. Lúc phân biệt hiện trí Văn Thù. Trong khi động dụng làm hạnh đức Phổ Hiền. Mỗi pháp môn, mỗi pháp môn, cũng đều tuôn ra chất cam lồ. Mỗi vị mỗi vị cũng đều là vị đề hồ. Chẳng ra khỏi đám rừng Bồ đề, thường ở trong biển Hoa tạng. Lâu lâu mà không một mây trần nào chẳng thấu. Bữa bữa ví như mặt nhật khắp sáng ngời, đầu nhọc lời màu đức Như Lai giải nói : Nào nhờ phép thần thông chỉ dắt, đây là cái dụng rất tự tại của ông Đạo như vô sự chẳng phải thức tâm của người Phàm mà rõ biết đâu. Người đặng cảnh giới đây tức là ông Như Như Phật vậy.

Lời Ký nói : *Gọi tánh của Chơn Như pháp giới, toàn thể của nó khởi ra tất cả pháp thế gian và xuất thế gian và xuất thế gian, thế là các pháp kia toàn là pháp ở trong tánh Chơn Như pháp giới khởi ra. Nhưng nó khởi không có chi khác chỉ ở trong toàn thể ấy mà khởi ra. Cho nên toàn cả thể là dụng, mà toàn cả dụng là thể. Thể là dụng đều bày thời sự lý thấu suốt.*

Cho nên mặc dầu phơi phơi, thể tròn dụng khắp thực là cả thân đều ứng hiện muôn vật. Từ trước đến đây rõ thấu sự lý, thể dụng ; từ đây sắp sau chính nói cái đức của dụng, lấy chỗ đại dụng không cùng mà giáo hóa tất cả; trước đến đáp bốn ân, sau cứu giúp chúng sanh trong ba cõi. Cho nên có câu : *Qua lại trong ba cõi vì làm phép tắc cho người.*

NHI. - TÁN MIỄN

Như tư hành chỉ, thiết bất uống phi pháp phục; diệp nãi thù báo tứ ân, bạt tế tam hữu.

Thượng nhị cú, minh tự ích. Hạ nhị cú, minh ích tha. Vị như thượng tu lý, thành vi bất đồ tại truy môn. Kỳ nhi đức hạnh bị sung, tứ ân tự nhiên bị ích. Truyền xướng phu dương, tam giới tận triêm lợi lạc.

Ký viết : "Pháp phục, tức Ca sa Phạm ngữ Ca sa, thử vân, hoại sắc : Vị dĩ thanh, hắc, mộc lan, tam như pháp sắc nhiệm chi. Tam thế Như Lai đồng trước thử y. Cố vân pháp phục, phi chi năng đoạn phiền não, phục danh ly trần phục.

Long đặc nhất lủ tắc miễn kim sí điều thực. Cố danh cứu long y, diệp danh nhấn nhục hải; diệp danh liên hoa phục; diệp danh giải thoát phục; diệp danh phước điền y. Hữu như thị chủng chủng công năng, cố Phật chế chi, thường dữ cận thân, bất đặc ly túc.

SỰ SAO vân : "Luật chế cần hộ tam y như thân bạc bì, Bát như nhân tình, kinh chi như pháp. Thường tu tùy thân, như điều nhị dục, phi tẩu tương tùy, chư bộ luật văn, tinh chế tùy thân. Kim thời dẫn bộ ly túc, bất ung giáo dã".

Ký vân : Kim thời hi hữu hộ túc, hà hướng thường tùy. Đa hữu tất sanh, thân vô pháp phục; thị tắc mặc thế hộ túc, du vi thắng hi. Lương do tự vô tịnh tín, mạn pháp khinh y, hiện tiền Ca sa ly thế, đương lai thiết điệp triền thân. Chơn xuất gia nhi, nguyện tuân Thánh huấn vô tự khinh dã.

Sanh sanh nhược năng bất thối; Phật giai quyết định khả kỳ; vãng lai tam giới chi tâm, xuất một vị tha tác tắc.

2) KHEN GẮNG

Chỗ làm như thế, thật chẳng uống mặc áo pháp; cũng là đền trả bốn ân, cứu giúp ba cõi.

Hai câu trên, nói lợi ích phần mình Hai câu dưới, làm lợi ích cho người khác Nghĩa là tu hành như trên, thật là ở trong chùa không uống. Song đức hạnh đầy đủ, tự nhiên đặng ích bốn ân. Rao truyền chánh pháp, thời ba cõi chúng sanh đều nhờ lợi lạc.

Lời Ký nói : *Áo pháp tức là áo Ca sa. Tiếng Phạn ngữ "Ca sa" Hán dịch "hoại sắc". Nghĩa dùng màu phai, màu nâu, màu đà, ba màu theo phép nhuộm đó. Ba đời các đức Như Lai, đồng đắp y này. Cho nên gọi là áo pháp, mặc áo này có thể dứt tâm phiền não, áo này cũng có tên là áo "Ly trần".*

Con Rồng đặng một sợi chỉ thời khỏi nạn chim cánh vàng ăn. Cho nên gọi là áo Cửu long, cũng gọi là giáp nhần nhục, cũng gọi là áo Liên hoa, cũng gọi là áo Giải thoát, cũng gọi là áo Phước điền. Áo này có nhiều công năng như thế cho nên đức Phật chế ra, thường phải đắp nơi thân, chớ nên cách đêm.

Bộ SỰ SAO nói : *Trong luật dạy kính giữ ba áo (tam y) như da mỏng của thân, bình bát như tròng con mắt, kính như kính pháp. Thường phải đem theo mình, như chim có hai cánh bay chạy theo nhau, trong các bộ Luật văn đều dạy đem theo mình. Thế mà đời bây giờ chỉ giữ y bát chẳng cách đêm, chẳng nhằm pháp dạy vậy.*

Lời Ký nói : *Đời bây giờ ít có người giữ cho khỏi cách đêm, huống chi thường đem theo. Có lắm người cả đời thân không mặc áo pháp, thời đủ biết thời mạt pháp này người giữ khỏi cách đêm cũng là hơn vậy. Vì do mình không tâm tin tưởng để pháp khinh y, đương đời áo Ca sa lìa thể, thời sau giáp sắt vấn thân. Trang quyết chí xuất gia, xin vâng lời Phật dạy, kính giữ ba y, đừng tự khinh vậy.*

Đời đời nếu cứ giữ được hạnh nguyện không lui, như thế, thời ngòi Phật quyết chắc được nên.

Làm khách qua lại trong ba cõi. Ra vào làm phép tắc cho người đời.

Thượng nhị cú, tự hành. Hạ nhị cú, hóa tha. Vị tuy đốn ngộ tự tâm, nhi trần sa phiền não, vô thi tập khí, phi nhất nhật khả đào. Cố tu tháo tâm dục đức, uẩn tố tinh thần, thi bất bị cách ấm chi hôn, nãi năng sanh sanh bất thối. Tập tận đức viên, pháp thân hiển lộ, nhi Phật quả tự chứng.

Bất trụ sanh tử, bất trụ Niết bàn, dĩ bi trí nhi tương phụ dục, vận vô duyên tử, độ hữu tình giới. Tùy loại phân thân nhập triền thù thủ, hòa quang đồng trần châu triền lục thú, dữ chúng sanh tác bất thỉnh chi hữu, vi như thiên tam thừa chi hủy tác giả dã.

Ký viết : Tiền khai ngộ chơn nguyên, thị kế tự tâm chơn như nhơn địa Phật. Thủ trung ngôn Phật giai giả ? Nãi chúng cứu cánh quả vị Phật dã. Dục yếu bất bị cách ấm chi hôn, tu đắc thủ tâm thường bất muội, phương năng vãng lai tự do, xuất một nhậm kỷ.

Hoặc viết : Kỳ chúng Phật giai thị đắc vô sanh, hà hữu xuất một ?

Đáp viết : Chư Phật chúng đắc vô trụ xứ Niết Bàn, phi đồng nhị thừa sở chúng khô thân đoạn trí vô dư Niết bàn. Cố bất trụ sanh tử, cập dữ Niết Bàn lợi lạc hữu tình, cùng vị lai tế.

Nhược trụ Niết Bàn vô độ sanh dụng. Nhược trụ sanh tử, vô đoạn chương dụng, dĩ năng đoạn chương, cập năng độ sanh, cố danh vô trụ.

Tuy cùng vị lai tế, cụ vô lượng lợi sanh, đại dụng, nhi thể vĩnh tịch, cố danh Niết bàn. Hựu giáo hữu quyền thiệt chơn tục lương môn, chơn đế môn trung, tắc thánh phàm hữu vô chi tâm cu dẫn . Tục đế môn trung,

Hai câu trên, mình tu hành. Hai câu dưới, hóa độ người. Nghĩa là tuy tỏ ngộ tâm mình nhưng còn trần sa phiền não, và tập khí từ bao kiếp để gì một ngày trừ sạch đặng. Nên cần phải rửa lòng nuôi đức, chứa sạch tinh thần, mới khỏi bị cái hôn mê cách ấm (*đầu thai trong bụng mẹ*), mới có thể đời đời không lui chí nguyện. Hoặc tập hết, đức hạnh hoàn toàn, thời pháp thân mới tỏ bày, mà đặng chứng quả Phật.

Chẳng trụ sanh tử khổ, chẳng trụ Niết bàn vui, thường dùng lòng Bi trí giúp đỡ cho nhau, đem lòng từ vô duyên, không đợi người thỉnh mà độ cõi hữu tình. Tùy mỗi loại phân nhiều thân, vào cõi trần đưa bàn tay tế độ, phóng hào quang trong trần thế, khắp giáp sáu đường, làm người bạn bất thỉnh cho chúng sanh làm phép tắc cho cõi nơn thiên, bực Tam thừa ấy vậy.

Lời Ký nói : *Bài trước mở dạy nguồn chơn là nhận ông Phật Chơn Như Nơn địa trong tâm mình. Còn trong bài này nói bực Phật là chi ? - Chính ông Phật chứng quả vị rất ráo vậy. Song muốn cho khỏi hôn mê cách ấm, thời cần phải tâm này thường không mê muội, mới đặng tới lui tự do ra vào mặc ý.*

Hoặc có người hỏi : Đã chứng ngôi Phật thời đặng quả Vô sanh, mà đã đặng quả Vô sanh rồi, thời đâu có xuất và nhập ?

- *Đáp rằng : Chư Phật đã chứng quả Niết bàn Vô trụ, chẳng phải đồng như bực Nhị thừa chứng đặng quả Vô dư Niết bàn bất thân dứt trí. Cho nên đức Phật không trụ đường sanh tử mà cũng không trụ quả Niết bàn, lợi lạc cho chúng Hữu tình tột đời vì lai. Vì sao ?*

Nếu Phật ngài trụ Niết bàn không tài năng độ sanh. Còn như Phật trụ trong sanh tử, thời không công dụng dứt nghiệp chướng, vì Phật hay dứt nghiệp chướng lại hay độ chúng sanh. Cho nên kêu là Vô Trụ.

Tuy ngài đủ vô lượng công dụng to lớn lợi ích cho chúng sanh tột đời vì lai, nhưng mà thế ngài vẫn vắng lặng, cho nên kêu là Niết Bàn. Lại trong giáo pháp của Ngài có

tắc thánh phạm duyên sanh chi tâm bất vô; cố hữu cảm tùy ứng, vị tha tác tắc dã.

Ngôn hòa quang đồng trần giả ? Hòa, thị hỗn tạp; quang, thị trí dụng; trần, vị tam giới lục đạo trần ô chi cảnh, nhi Thánh nhơn hèn hòa kỳ gian, dĩ giáo trí quang nhi khai đạo chi.

Châu thiên giả ? Túc vãng lai xuất một dã.

Thử chi nhất học, tối diệu tối huyền, dẫn biện khản tâm, bất tất tương trảm.

Thượng nhị cú, thán đạo. Hạ thị cú, khuyến tấn. Ngôn thử giáo ngoại nhất tông, ly văn tự tướng tuyệt tâm lộ học, bất lạc giai cấp, trực chỉ nhơn tâm, kiến tánh thành Phật. Thị vi đối diệu tối huyền; duy khùng đương nhơn, tín chi bất cập. Nhược dã vô nghi, khản tâm quyết chí hướng tiền, tất vô trảm ngộ giả dã.

NHỊ - GIÁO LY, NHỊ

NHẤT : THỊ GIÁO. - NHỊ : GIỚI MIỄN

NHẤT : THỊ GIÁO.

Nhược hữu trung lưu chi sĩ, vị năng đốn siêu, thử ư giáo pháp lưu tâm, ôn tầm bối điệp.

Thượng nhị cú, minh cơ : hạ nhị cú, minh giáo. Dĩ Như Lai tùy cơ thiết giáo, quán căn thọ pháp, cố hữu tam thừa, thập nhị chi phần, giáo ngoại biệt truyền chi dị.

phân ra pháp quyền và pháp thật, Chơn đế và Tục đế hai môn. Trong môn Chơn đế thời tâm thánh, phàm, có, không đều dứt. Trong môn Tục đế thời tâm thánh phàm, duyên sanh chẳng phải là không, cho nên chúng sanh có cảm thì Phật liền ứng, ứng hiện thân để làm phép tắc cho người vậy.

Thế nào phóng hào quang trong cõi trần u ? Phóng là nghĩa xen lộn; hào quang là chỉ cho trí đức và công dụng; cõi trần nghĩa là những cảnh trần ô trong ba cõi sáu đường mà đức Phật ngài xen lộn ở trong đó, động dùng trí đức hào quang để khai sáng cho chúng nó.

Khấp giáp là gì ? Tức là qua lại, ra vào trong sáu đường tế độ chúng sanh vậy.

Trong một việc học tham thiền đây, rất nhiệm rất màu, hễ ta chuyên lòng gắng chí, thời quyết được kết quả, chớ chẳng gặt đâu.

Hai câu trên, khen Đạo. Hai câu dưới, khuyên gắng tới chỗ chí Đạo. Thiền định nghĩa là một Tông giáo ngoài biệt truyền. đây ngoài tướng văn tự, ngoài ý suy nghĩ, không theo giai cấp, chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật. Thật là một pháp môn rất nhiệm rất màu, chỉ sợ những người tin không thể kịp. Nếu người tin kịp không nghĩ, và quyết lòng gắng chí sấn tới, thời chắc chắn không bao giờ lầm lạc vậy.

2. - GIÁO LÝ PHÂN LÀN HAI :

1/ NÊU PHÁP

2/ RĂN GẮNG

1/ NÊU PHÁP

Như có những người bực trung, chưa dặng vượt khỏi các môn phương tiện, phải để tâm nơi giáo pháp ôn tìm Kinh Luật.

Hai câu trên, nói căn cơ. Hai câu dưới, nói giáo pháp. Bởi đức Như Lai tùy cơ lập giáo, coi căn khí người mà trao pháp, cho nên có chia ra ba thừa và 12 bộ kinh, ngoài 12 bộ kinh ra còn có truyền riêng tông tham thiền khác nữa.

Thăng hoặc vị năng đốn siêu phương tiện chi môn, tất tu lưu tâm thực nghiệm giáo điển. Văn thực, tác lý chương; nhưn chỉ tự kiến nguyệt. Sở vị, tầm lưu đạt nguyên giả hĩ.

Ký viết : Thử bất ngôn hạ sĩ giả ? Vị trung nhưn khả dĩ ngữ thượng. Hạ sĩ văn đạo tác tiểu, cố thử bất lục.

Thả ư giáo pháp lưu tâm giả ? Khủng phi sư tử nhi, bất năng tòng không phiên thân, thả linh duyên khê bàng cảnh.

Miễn hửu táng thân, thất mạn chi hoạn, cố sử ôn tầm, linh tòng lý ngộ nhập dã. Bối Diệp, túc tam tạng kinh điển, Phạm ngữ Bối đa la, thử vân ngạn ảnh.

Kỳ thọ như thử phương tông lư, trực nhi thả cao, diệp trường quang, sắc quang nhuận. Tây quốc thơ tả, giai thủ dụng diên.

"Tinh sơu nghĩa lý, truyền xưng phu dương; tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức".

Sơ cú, tự hành. Thứ nhị cú, hóa tha. Mạt cú báo đức, Dục báo Phật ân, tất tu truyền dương tiếp dẫn.

Cố kệ vân : Dã sử đánh đái kinh trần kiếp, thân vi sàng tòa biến tam thiên, nhược bất truyền pháp độ chúng sanh, tất cảnh vô năng báo ân giả.

Phù dục truyền dương chánh pháp, tu tiên ôn tầm bối diệp, thám hy u huyền, nghiên cứu tánh tướng; cùng tận nghĩa lý, bất trệ thuyên đề. Tông thú viên khai, khai phát sơ cơ sử chi ngộ nhập, phương vi báo Phật ân đức dã.

Tham thiền là một Tông vượt khỏi môn phương tiện, nếu ta chưa được vượt khỏi ắt phải để lòng xét chín kinh luật. Đọc văn cho thuộc thời lý tự bày, cũng như nhờ ngón tay chỉ được thấy mặt nguyệt. Nên tìm giòng lần đến nguồn mạch đó vậy.

Lời Ký nói : *Văn đây không nói người bực hạ là sao ? Nói người bực trung thời cũng có thể nói lên người bực thượng. Còn người bực hạ nghe đạo không nổi cười xà, nên văn đây không chép.*

Thế nào phải để tâm nơi giáo pháp ? - Sợ ta chưa ngoài văn tự được, phải nhờ giáo pháp, không nên buông bỏ. Như không phải con sư tử thì không thể trở mình giữa trống không, cần phải nương theo bờ khe dựa mé.

Khỏi cái nạn táng thân mất mạng; nên phải ôm tìm kinh luật, đừng nhờ kinh lý tỏ ngộ bản tâm vậy. Kinh luật tức kinh điển trong ba tạng, tiếng Phạn ngữ kêu kinh Bối Đa La. Hán dịch cây Ngạn Ảnh.

Cây kia như cây kè côi này, thẳng và cao, lá dài mà rộng màu trơn láng mịn. Bên nước Tây Vực khi nào tả kinh chép luật, đều lấy lá cây này mà viết, nên gọi kinh Bối Đa La hay kinh Bối Diệp cũng thế.

Ròng xét nghĩa lý Kinh Luật, xướng truyền chánh pháp, tiếp dẫn kẻ hậu lai, trả ân Đức Phật.

Câu đầu, minh tu. Hai câu kế, dạy người khác. Câu rốt sau trả ơn đức Phật. Muốn trả ơn Đức Phật ắt phải truyền nói chánh pháp cho kẻ hậu lai.

Nên có bài kệ : Dầu cho đầu đội Phật nhiều kiếp như vi trần, thân làm giường Phật ngồi, khắp ba nghìn thế giới, bằng ta không truyền pháp độ chúng sinh, rất ráo không trả ơn cho Ngài đặng.

Luận rằng : Muốn truyền nói chánh pháp trước phải ôm tìm kinh điển gạn xét lý sâu màu, nghiên cứu tánh và tướng, cùng tột nghĩa lý, chớ trệ nơi văn tự. Chỗ tôn thú đều tỏ mở dạy kẻ sơ cơ, cho đặng ngộ nhập, mới là trả ơn đức cho Phật vậy.

Ký viết : Thượng linh thực cứu kỳ vãn. Thủ linh suy cùng nghĩa lý. Nghĩa giả ? Giáo chi sở hiển. Lý giả ? Nghĩa chi sở qui.

Thuyền đề giả, thuyền vị đắc ngư. Đề vị đắc thố.

Chỉ vị nguyệt tiêu, đắc ý vong ngôn, thi bất trệ u thuyền đề.

Cổ kinh vân : Tu đa la giáo, như tiêu nguyệt chỉ, nhược phục kiến nguyệt, liễu tri sở tiêu, tất cảnh phi nguyệt. Như thị tri giả, phương năng nhơn giáo ngộ tâm, bất mê kinh chỉ, tự lợi lợi tha, bảo Phật ân đức, thành vi quốc chí bảo dã.

"Thời quang diệt bất hư khí, tất tu dĩ thử phò trì; trụ chỉ oai nghi, tiện thị tăng trung pháp khí".

Sơ cú, tán đức. Thứ cú, chúc hà. Hạ nhị cú, hạnh xứng. Cụ như thượng giải hạnh báo đức, thành vi quang âm bất hư táng hĩ. Khử Thánh thời diêu, pháp âm cử tịch.

Nhược bất miễn lực phò trì, pháp diệt tại nhĩ, chung phi báo đức, tất tu kiên chí hà trì chánh pháp.

Tự hành hóa tha, giác hạnh tiệm viên, danh chơn báo ân. Ký nhĩ đức sung hạnh dinh, nội ngoại hiệp triệt, nghiêm nhiên tăng bửu, nhơn thiên sư tượng tức Như Lai sứ, hành Như Lai sự hĩ.

Lời Ký nói : *Bài trước biểu học thuộc văn kia. Bài này dạy ta tìm cho tốt nghĩa lý. Nghĩa là chỗ rõ bày của kinh. Lý là chỗ kết lại của nghĩa ấy.*

Văn tự hay kinh điển, tàu gọi chữ Thuyên đề. Thuyên đề là gì ? Thuyên là cái nôm để bắt cá. Đề là cái rập để bắt con thỏ. Nay ta mượn hai vật này để ví dụ, khi ta chưa tỏ ngộ chơn tâm, cần nhờ văn tự của kinh và luật, sau khi được cá phá nôm, được thỏ bỏ rập, thì văn tự cũng không dùng chi nữa.

Ví như muốn thấy mặt trăng, phải nhờ ngón tay nêu chỉ định ý quên lời, mới là không dính mắt nơi văn tự.

Cho nên trong kinh nói : Ba tạng giáo điển dường như ngón tay chỉ mặt nguyệt, sau khi thấy mặt nguyệt rõ biết chỗ chỉ rớt ráo là không phải mặt nguyệt. Người biết như vậy mới có thể nhờ kinh giáo mà ngộ định bản tâm và khỏi mất tôn chỉ trong kinh, thực hành chủ nghĩa lợi mình (tự lợi) lợi người (lợi tha) trả ân đức cho Phật, thật là một vật báu trong nước vậy.

Thì giờ cũng chớ luống bỏ, ắt phải lấy đây giữ gìn đi, đứng oai nghi, thật là pháp khí trong hàng Tăng Bảo.

Câu đầu, khen đức tu hành của mình. Câu kế, dặn phải giữ gìn chánh pháp. Hai câu sau hạnh xứng với hàng Tăng Bảo. Nghĩa là có đủ hạnh và giải như trên mới trả ơn đức cho Phật thật là không luống bỏ tác bóng vậy. Nay cách Phật xa đời tiếng pháp âm đã vắng lâu.

Nếu ta không gắng sức phò trì, thời chánh pháp đức Phật diệt liền gần đây, rốt cuộc không trả ơn đức gì cả; cho nên quyết phải gắng chí gánh vác chánh pháp.

Mình làm rồi dạy người khác, hạnh tự giác, giác tha, lần lần đầy đủ, mới thực là trả ơn. Đã được đức đầy hạnh đủ, trong ngoài nhằm phép rở ràng ngôi Tăng bảo, làm vị Sư tượng cõi như thiên, tức người "Sứ" đức Như Lai, hay làm công việc đức Như Lai vậy.

Cố Trường Lữ vân : Thượng thượng chi cơ, nhất sanh thủ biện. Trung lưu chi sĩ, trưởng dưỡng Thánh thai.

Chí ư vị ngộ tâm nguyên, thời trung diệt bất hư khí, cận vị mật pháp chi tâm lương, tất chứng Nhị nghiêm chi cực quả.

Ký viết : Như Lai sử giả ? Ban truyền Phật chỉ, cố danh vi sử, sử tức sở sử. Tuyên Phật nhơn quá. danh Như Lai sự. Đức sung hạnh dinh, nội ngoại hiệp triết, thị vi trụ chỉ oai nghi dã.

Nghiêm nhiên Tăng bửu, nhơn thiên sư tượng, thị viết tăng trung pháp khí dã.

HOA NGHIÊM kinh vân : Cự túc thọ trì oa nghi giáo pháp, năng linh Tam bửu bất đoạn. Cái do Phật Pháp nhị bửu, tinh tạ Tăng hoằng; Tăng bửu sở tồn, phi giới bất lập. Cố vân : thuận tắc Tam Bửu trụ trì, vi tắc phúc diệt chánh pháp. Thị tri oai nghi bất khả bất cự trì tại.

"Khởi bất kiến ý tông chi cát, thượng tủng thiên tâm. Phụ thác thắng nhơn phương năng quang ích".

Thượng nhị cú, thiết dụ. Hạ nhị cú, thị pháp. Tông dụ thắng nhơn. Cát, dụ phụ thác. Thiên tâm, dụ quang ích. Thắng nhơn, tức giáo lý. Phụ thác, tức quán trí. Dĩ trí quán lý, ngộ nhập vô sanh. Kiến tề Phật địa, biện huệ vô cùng; phu dương lợi vật, thành chơn pháp khí.

Nên ngài Trường Lô nói : "Những hạng người bực thượng tu phép thiền trực chỉ một đời đặng xong. Còn những chúng bực trung mà tìm xét lý kinh cũng là nuôi lớn tâm Phật mình.

Chỉ như ta gia công tìm xét dù chưa tỏ ngộ nguồn tâm, nhưng trong mỗi giờ phút cũng chớ luống bỏ, gần đây mình làm cầu bến đời mặt pháp và về sau cũng có thể chứng tột quả Nhị nghiêm". (*Y, chánh pháp trang nghiêm*).

Lời Ký nói : *Người sứ đức Như Lai là ai ? Kẻ ban truyền sắc chỉ của đức Phật nên gọi là người sứ, sứ là nghĩa sai khiến. Làm việc đức Như Lai là gì ? Rao bày lý nhân quả của Phật gọi là việc đức Như Lai. Đức đầy hạnh đủ trong ngoài in nhau, ấy gọi là giữ gìn nết hạnh đi đứng có oai nghi vậy.*

Thế nào là pháp khất trong hàng Tăng Bảo ? - Rõ ràng ngôi Tăng Bảo làm vị Sư Tượng cõi Nhơn Thiên nên gọi pháp khất trong hàng Tăng Bảo vậy. Nên trong kinh HOA NGHIÊM có câu : Giữ gìn oai nghi và giáo pháp trọn vẹn, hay khiến ngôi Tam Bảo chẳng dứt phải vậy. Bởi do Phật bảo và Pháp bảo hai ngôi đều nhờ ngôi Tăng bảo mở rộng. Nhưng ngôi Tăng Bảo thường còn, nếu không Giới Luật thời không đứng vững. Cho nên nói câu : Thuận oai nghi thời hằng còn ngôi Tam Bảo, trái oai nghi thời úp mất chánh pháp. Nên biết rằng, việc oai nghi, cần phải giữ gìn cho trọn vẹn vậy.

Tổ Qui Sơn nhắc : Các Ngài ! Há chẳng thấy dây sắn nương cây Tòng vượt cao ngàn tầm. Ta nương gá nhơn tốt mới được lợi ích nhiều.

Hai câu trên, lập lời ví dụ. Hai câu dưới chỉ bày giáo pháp. Cây Tòng dụ nhơn tốt. Dây sắn dụ sự nương gá. Nghìn tầm dụ lợi ích nhiều. Nhơn tốt là gì. Tức nghĩa lý trong kinh luật. Nương gá là chi ? Tức cái trí tìm xét. Nghĩa là lấy trí xét lấy ngộ vào cái vô sanh. Chỗ thấy bằng bực Phật, vô cùng trí huệ biện tài, mở bày chánh pháp, lợi ích người đời, thiết là rường cột trong Phật pháp.

Ký viết : Tông, dụ lý. Cát, dụ trí : Dĩ trí quản lý, đắc kiến pháp thân đệ nhất nghĩa đế, tủng vị thân chúng, nhi pháp nhãn dĩ minh bất thọ thỉnh sắc sở hoặc, phương năng truyền xướng phu dương, lợi tế quần phẩm.

Quảng ích hữu nhị : Nhất tự quảng ích, kiến tề Phật địa. Nhị quảng ích tha, phu dương lợi vật.

Ngôn đệ nhứt nghĩa đế giả ? Tối thượng thậm thâm chi lý, kỳ thể trạm tịch, kỳ tánh hư dung, vô danh vô tướng, tuyệt nghị tuyệt tư, chơn tục bất nhị, không hữu song phi, hiển trung đạo nghĩa.

Cổ viết đệ nhứt nghĩa. Hựu bất đọa chư số lượng; cổ ngôn đệ nhất, như Kinh vân : Tuy nhất diệc bất vi nhất, vi phá chư số cổ.

Khẩn tu trai giới, mặc mạn khuy du. Thế thế sanh sanh, thù diệu hơn quả .

Thượng nhị cú, giới hơn; hạ nhị cú; giới quả. Khẩn, vị khẩn thiết. Tu, vị tu trì. Trai chi vi ngôn; tề dã. Dĩ thực tề nhật trung, phỏng đồng chư Phật, lý tiền trung đạo chi vị dã. Hựu Phật dục chế đoạn lục thú hơn, cố linh đồng tam thế Phật thực.

Như kinh vân : Chư Thiên tảo khởi thực. Chư Phật nhật trung thực. Súc sanh nhật tây thực. Quý thân nhật mộ thực. Tăng tùy Phật học, cố tủng trung thực. Nhiên trung tiền đắc thực giả ? Dĩ biểu tiền phương tiện đắc hữu chứng nghĩa. Trung hậu bất đắc thực giả ? Biểu pháp giới ngoại cánh vô biệt pháp.

Hoặc viết : Trung sĩ hộ giới khả nhĩ; Thượng sĩ ưng bất tại luận ?

Đáp viết : Đại sĩ hộ giới, du cấp ư Thịnh văn. úy tiểu tội, như bố đại khiên, Lịch đại Tổ sư, diệc vị văn hữu phá trai phạm giới chi giả.

Lời Ký nói : *Cây tông du lý. Dây sản du tri. Lấy trí xét lý, đặng thấy nghĩa đế, thứ nhứt trong Pháp thân, dù chưa chứng đặng Pháp thân, nhưng đã có con mắt Trạch pháp rõ ràng khỏi bị tụi sắc thính lời cuốn, mới có thể truyền xướng phu dương, lợi ích người đời.*

Thế nào nhiều lợi ích ? Có hai nghĩa : 1./ Minh được nhiều lợi ích, chỉ trí kiến bằng bực Phật. 2./ Nhiều lợi ích cho kẻ khác, là khắp bày chánh pháp, lợi ích muôn loài.

Đệ nhứt nghĩa đế là gì ? Cái lý tối cao rất thâm, thể nó vắng lặng, tính nó trống rỗng không danh không tướng, lời không thể bàn, ý không thể nghĩ, chơn và tục không hai, có và không đều dứt, rõ bày nghĩa Trung đạo.

Cho nên nói nghĩa đế thứ nhứt. Lại nữa không mắc vào các con số lượng, nên gọi Đệ nhứt như trong kinh nói : Tuy nhứt nhưng cũng chẳng phải nhứt, vì nó đã ngoài các con số (có và không) vậy.

Các ngài ơi ! Hãy gắng tu trai giới chớ khinh dễ mà bỏ qua. Đời đời kiếp kiếp như lành quả tốt.

Hai câu trên, như giữ giới. Hai câu dưới kết quả của sự giữ giới. Khấn là gì ? Gắng thiết. Tu là gì ? Tu trì. Trai là chi ? Nghĩa đúng vậy. Do ăn đúng giờ nhứt trung bắt chước các đức Phật noi theo nghĩa Trung đạo vậy. Lại nữa bởi Phật muốn đoạn như sáu thú, nên dạy phải ăn đồng ba đời các đức Phật.

Như trong kinh Thập Giới nói : Chư Thiên ăn sớm mai, các đức Phật ăn giờ Nhứt Trung (Mặt trời đứng bóng). Mặt trời xế sức sanh ăn. Mặt trời lặn, Quỷ Thần ăn. Ông thầy học theo Phật nên ăn theo Nhứt trung. Song trước Nhứt trung đặng ăn là sao ? Bởi nêu pháp phương tiện trước khi, tu và học cũng có nghĩa chứng. Sau Nhứt trung không ăn là gì ? Bởi nêu ngoài pháp giới của tâm không còn pháp chi khác nữa.

Hoặc có người hỏi : Người bực trung giữ giới cần phải như vậy phải rồi, chớ người bực Thượng bát luận giờ nào ?

Đáp rằng : Bực Đại sĩ giữ giới còn gắt hơn hàng Thinh văn, sợ lỗi nhỏ như sợ tội to. Tổ Sư nhiều đời cũng chưa từng nghe ngài nào phá trai phạm giới.

Như Thanh Lương Quốc sư, nãi Hoa Nghiêm Bồ tát, tự dĩ thập luật nghiêm thân, Vĩnh Gia bất thực sừ đầu hạ thế.

Trung phong bất ly thủy nang, Ca Diếp Tôn giả, thủ truyền tâm ấn, hạnh đầu đà tự chí chung thân. Nhật trung nhất thực, ngộ tiền bất xan, trung hậu bất ẩm quả tương. Chánh vị đoạn trừ tam giới, chi tập nhơn. Bất trước nhị biên chi quá thất, diệc biểu đốn siêu phương tiện, bất do môn hộ nhi chứng nhập giả dã.

Hoặc viết : Giáo trung hữu thừa cấp giới huốn. Giới cấp thừa huốn. Thừa giới cu cấp, thừa giới cu huốn chi ngữ, thử tắc giới tợ khả huốn, thừa nghi khả cấp ?

Đáp viết : Thừa, lý dã. Giới, sự dã. Sự do lý lập, lý nhơn sự sanh. Sự lý viên dung, phương danh Thượng sĩ : như diếu nhị dục, khuyết nhất tức thất vạn lý chi chú; du nhơn lương mục, hủy nhất tắc vô hổ dụng chi chiếu .

Cố kỳ thừa cấp giới huốn, nãi dọa Tu La, quỷ, súc nhi văn pháp. Do thừa giới cu cấp, toại sanh nhơn thiên nhi ngộ đạo, kỳ huốn cấp ưu liệt, tư khả kiến hĩ.

Giới giả ? Phòng phi chỉ ác, diệc trừ tam độc chi vị dã. Khuy du giả ? Khuy, vị khuy khuyết, nãi vi phạm dã. Du, vị du việt, nhi phát học dã.

Thù diệu nhơn quả giả ? Dĩ giới tịnh cố, hiện tắc thân tâm kiểu khiết, đương lai sanh sanh báo dĩ đoạn nghiêm chi thế, nãi chí tam thập nhị tướng, vạn đức trang nghiêm chi xu, mặt bất dĩ giới vi nhơn. Do kỳ nhân thù, cố kỳ quả diệu.

Ngài Thanh Lương Quốc Sư là ông Bồ tát Hoa Nghiêm (Bồ tát Đại thừa) còn lấy mười điều Giới Luật sửa mình. Ngài Vĩnh Gia không ăn rau dưới đầu cuộc (*cuộc đất trồng rau chết trùng kiến*).

Tổ Khuê Phong chẳng lia dây lượt nước. Đức Tôn Giá Ca Diếp, là bực truyền Tâm ấn đầu tiên, tu hạnh Đầu Đà cho đến trọn đời. Giữa ngày ăn một bữa, trước giờ Ngọ không ăn chi hết, sau Nhật trung chẳng uống nước các thứ trái. Các Ngài đây chính là muốn dứt hẳn tập nhưn trong ba cõi. Không dính mắc các lỗi lầm, chấp có chấp không, cũng nêu nghĩa vượt khỏi pháp phương tiện, chẳng cần noi theo cửa nẻo bực Tam thừa, mà chứng vào quả Phật đó vậy.

Hoặc có người hỏi những câu như là : Trong kinh có nói học kinh gấp, giữ giới huân, hoặc nói giữ giới gấp, hoặc kinh huân. Hoặc nói học kinh và giữ giới đều gấp, hoặc nói học kinh giữ giới đều huân, mà văn cảnh sách này tôi xem tưởng như sự giữ giới huân hơn, còn học kinh cần phải cho gấp ?

- *Đáp rằng* : Chẳng phải thế. Vì sao ? Học kinh là lý vậy. Giữ giới là sự vậy. Sự do lý lập, lý nhờ sự mới có. Sự và lý viên dung, mới kêu là bực Thượng sĩ, như chim có hai cánh, thiếu một thời không thể bay nghìem dặm, như người có hai con mắt hư một con thì sự thấy không đủ sức.

Cho nên những người đời nay học kinh gấp, giữ giới huân. Chính sau đọa Tu La, ngã quỷ và súc sanh, mà được nghe pháp. Còn ai học kinh và giữ giới đều gấp được sanh lên cõi người, cõi trời và ngộ đạo. Ôi ! Sự huân gấp hơn thua như thế nào kia, xin xem đoạn văn này cũng đủ thấy rõ rồi vậy.

Giới là gì ? Là nghĩa ngăn ác ngừa quấy, dứt trừ ba độc tham sân và si. Thế nào bỏ qua ? Bỏ là nghĩa trái phạm hay kém thiếu. Qua là nghĩa nhảy vượt, tức không chịu học vậy.

Nhơn lành quả tốt là gì ? Do vì giữ tịnh giới hiện thời thân tâm trong sạch, đời sau, mỗi đời được báo thân đoan chính trang nghiêm, cho đến 32 tướng thân muôn đức rực rỡ cũng đều nhờ giữ giới làm nhân. Do nhân lành nên kết quả tốt.

Nhược bất trì giới, thượng bất đắc nhưn thân, huống đắc công đức chi thể. Hựu giới bất tịnh, thả vô chánh tín ; túng hữu huyền hà chi biện, nhi hạnh giải toàn vi, khởi năng truyền xướng phu dương, báo Phật ân đức !

Kim chi thiên học, mạn Phật tỳ ni, phục vi tổ giới, thượng phi tín nhưn, yên danh thượng sĩ ; hề năng phu dương lợi vật, truyền Phật tâm ấn giả tai. !

Ký viết : Quả tương giả ? Vị dĩ chư quả yếm tương, lự chỉ trùng thanh, đích tịnh ẩm chi. Tam thế Như Lai thực bất quá trung giả ? Dĩ chư Phật tánh hằng xử trung đạo, thị cố Như Lai tự dẫn vương cung, nãi chí Niết Bàn, ư kỳ trung gian, tăng vị hữu phi thời chi thực.

Cố Luận vân : Như Lai tánh ly phi thời thực ; cố Phật ngôn, trung hậu bất thực hữu ngũ phước. Nhất, thiếu dâm, Nhị, thiếu thù. Tam, đắc nhất tâm. Tứ, vô hạ phong. Ngũ, đắc thân an ổn diệc bất tác bệnh. Ngôn mạn giả ? Khi dã, hựu dư mạn đồng, đãi dã, hốt dã, bất kính dã.

KHỞI TÍN vân : Nãi chí tiểu tội, tâm sanh bố úy, tầm quý cải hối, bất đắc khinh ư Như Lai sở chế cấm giới. Đương hộ cơ hiềm, bất linh chúng sanh vọng khởi tội quá. Tư thành tự lợi, lợi tha, hà trì chánh pháp, phu dương lợi vật, báo Phật ân đức giả dã.

NHỊ. - GIỚI MIỄN

"Bất khả dẳng nhàn quá nhật, ngọt ngọt độ thời ; khả tích quang âm, bất cầu thăng tấn".

Thượng nhị cú, giới vô hư độ. Hạ nhị cú khái vô thượng tấn. Nhật ký nhàn quá, thờ, phục hư độ, bất mưu thượng hướng, tọa tán quang âm, thiệt vi khả tích !

Nếu không giữ giới, sợ e còn không được làm thân người, huống dạng thân công đức. Lại nữa người giữ giới không được thanh tịnh, mà lại không tâm chánh tín nữa, dù cho có tài biện luận như nước đổ, nhưng hạnh giải toàn sai, đâu có thể truyền rao khắp bày chánh pháp trả ơn đức Phật.

Những trang thiên học đời bây giờ khinh dễ giới luật, của Phật lại trái với lời dạy của Tổ sư, còn chẳng phải là người tín tâm đâu dạng kêu bực Thượng sĩ, làm sao mở bày chánh pháp, lợi ích muôn đời và truyền tâm ấn của Phật được ư ?

Lời Ký nói : Nước trái là gì ? Là nghĩa lấy các thứ trái tép ra nước, lược xác lông trong, lọc sạch rồi uống. Thế nào ba đời Như Lai không ăn quá Nhật trung ? Bởi tánh chư Phật, luôn noi theo lý Trung đạo, cho nên đức Như Lai từ khi giáng sanh cung Vua, cho đến lúc nhập Niếp Bàn trong thời gian khoảng giữa chưa từng có lúc nào ăn phi thời.

Nên trong Luận nói : Tánh đức Như Lai không ăn phi thời, nên ngài dạy sau Nhật trung, không ăn có năm phước : 1./ Ít dâm. 2./ Ít ngủ. 3./ Động nhất tâm. 4./ Khỏi hạ phong. 5./ Thân yên ổn, cũng chẳng sanh bệnh. Nói khinh dễ là gì ? Khi mạn, biếng nhác, dễ người không cung kính vậy.

Luận KHỞI TÍN nói : Nhấn đến tội nhỏ, sanh lòng sợ sệt hổ thẹn ăn năn cải chữa không dạng khinh giới cấm của đức Như Lai ngài lập. Phải giữ gìn đừng cho người ta chê bai và đừng để chúng sanh quấy khởi việc tội lỗi. Như vậy mới đúng cái nghĩa tự lợi, lợi tha và giữ gìn chánh pháp, khắp bày lợi ích người đời, trả ơn đức Phật đó vậy.

2) RĂN GẮNG

Chẳng nên lếu láo (thong thả) qua ngày, lơ lơ qua buổi, phải tiếc tác bóng (quang âm), sao mà chẳng cầu thăng tấn. !

Hai câu trên, răn mình đừng để luống qua ngày giờ. Hai câu dưới, thương than không chí sấn tới. Ngày đã luống mất giờ lại lướt qua, không lo tiến tới, rảnh ngòi hao phí bóng quang âm, thật là đáng tiếc.

Ký viết : Đại Vô, tích thốn âm : Đào Khản, tích phân âm. Hướng vị sanh tử xuất gia giả, như cúu đầu nhiên, nhi khả hư độ tai ? Ngọt ngọt, thị bất động mạo. nãi du du độ nhật, vô sở dụng tâm, bất cần thăng tấn, như dũ giả diên.

"Đồ tiêu thập phương tín thí, diệc nãi cô phụ tứ ân ; tích lụy chuyển thâm. Tâm trần dị ung, xúc đồ thành trệ, nhơn sở khinh khi".

Sơ nhị cú, vô đức báo ân. Thứ nhị cú, tội thâm chướng trọng. Hậu nhị cú, do chướng thành thất. Nhược vô thăng tấn, bất dẫn vô công dĩ tiêu tín thí, diệc nãi vô đức dĩ báo tứ ân. Công ký bất thi, đức vô từng lập ; tích tội nhứt thâm, hoặc ủng tâm nguyên, vô đại nhơn chi kiến, thất thánh nhơn chi minh. Bội giác hiệp trần, cố nãi xúc đồ thành trệ. Huệ giải ký phong, yên năng khai phát hậu lai, tưng sử niên cao lập trưởng, diệc hà miễn nhơn sở khinh khi.

Ký viết : Chướng, túc phiền não hoặc dã. Dĩ tham sâm si cấu, ủng tế hung trung, khởi năng tâm quang thấu lậu. Ký vô tự lợi, phục khuyết lợi tha, cố vi hậu học chi sở khinh khi!

Hụy thử tâm từng vô thi lai, ở tập chủng tử duyên thâm. Kim phục huân chi, khởi bất bị ủng hồ tai. Xúc, vị ngộ đối. Đồ, vị đạo lộ, túc sự lý dã. Trệ, vị trệ ngại, thị bất thông chi nghĩa. Dĩ tâm trần ủng tắc, cố ngộ sự bất thông, đối lý bất đạt dã.

"Cố vân : Bỉ ký trượng phu ngã diệc nhĩ, bất ưng tự khinh nhi thối quật".

Thượng cú, linh hiệu tiên triết. Hạ cú, khuyến tự miễn tấn. Tiên Thánh, hậu hiền,

Lời Ký nói : Nhà Hạ, vua Đại Võ tiếc tức bóng. Ông Đào Khản tiếc một phân bóng, mấy ông đó là người ở đời mà còn vậy. Huống chi ta là người vì đường sanh tử xuất gia cần tu như cứu lửa cháy đầu, mà hồng luống phỉ ngày giờ hay sao ? Lơ lơ là gì ? Dạng trợ trợ, là thâm thâm qua ngày, không lo gì cả, không cầu thêm tới như đứa hư trong đời vậy.

Luống hao của mười phương tín thí, cũng là cô phụ bốn ân, chứa tội càng sâu. Tâm trần để lấp, gặp việc bị ngăn ngắt, không khỏi người ta khinh dễ.

Hai câu đầu, không giới đức, đên đáp bốn ân. Hai câu kế, tội sâu chướng nặng. Hai câu sau do chướng thành ra mất huệ sáng. Nếu không tu hành thẳng tấn chẳng những không công lao để tiêu của tín thí cũng là không đức chi đặng đên đáp bốn ân nữa. Công đã không làm, đức không từ đâu lập đặng, chứa tội càng ngày càng nhiều, hoặc chướng ngăn lấp nguồn tâm, không đặng chỗ kiến giải như bực Đại nhơn và mất huệ sáng của bực Thánh nhơn. Trái bỏ tánh giác hiệp với sáu trần nên gặp việc gì thành ra ngăn nghệt việc nấy. Phần huệ giải đã bịt, đâu đặng khai phát cho kẻ hậu lai, dù cho tuổi cao tát lớn, cũng nào khỏi người ta khinh khi. ! !

Lời Ký nói : Chướng là gì ? - Thứ phiền não mê lầm vậy. Do bụi nhơ tham sân si chật nứt trong lòng, làm sao phát ra trí huệ thấu suốt cho đặng. Đã không phần tự lợi, mà lại mất phần lợi cho người, cho nên bị kẻ hậu học khinh dễ.

Lại tâm này từ vô thi đến nay, hột giống ác tập nhiễm sâu. Đời nay lại huân tập thêm nữa đâu chẳng để ngăn lấp hay sao. Gặp là nghĩa gặp nhảm. Việc là đường lối, tức sự lý vậy. Ngăn là nghĩa ngăn ngại cũng là nghĩa không thông suốt. Do tâm trần ngăn lấp, nên gặp sự chẳng thông, gặp lý chẳng rõ vậy.

Người xưa nói : Người đã đứng trượng phu. Ta đây cũng thế chẳng nên khinh mình mà lui sụt.

Câu trên, dạy bắt chước bực Tiên Triết. Câu dưới, khuyên mình gắng tới. Các bực Thánh trước, Hiền sau, vị

nhơn nhơn hữu phần. Bỉ ký như thị, ngã hà bất nhiên, khởi khẩu tự khinh, nhi thối quật kỷ chí.

Cố Phật giới La Hầu La vân : Thập phương thế giới chư Bồ Tát, niệm niệm dĩ chứng Thiện thế quả. Bỉ ký trượng phu ngã diệc nhĩ, bất ưng tự khinh nhi thối quật.

Niết Bàn kinh vân : "Nhược nhơn bất tri Phật tánh giả, tắc vô trượng phu tướng giai danh nữ nhơn".

Ký viết : Diệc nhĩ giả ? Diệc nhiên dã. Trượng phu giả ? Trí nhơn dã. Bỉ ký trượng phu, ngã diệc trí nhơn, bất khả cao thôi tại bỉ nhi tự phụ kỷ linh. Nhất thế chúng sanh, bốn lai thành Phật ; thị cố lục phạm, tứ thánh đồng nhất tâm nguyên. Mê tắc vi phạm ngũ tức thành Thánh, nhất niệm tương ưng, tiện đồng chư Phật.

Nhược dã vị năng, đương dĩ thân giới tâm huệ, nội ngoại huân tu, tắc bộ bộ ly phạm ; niệm niệm giai Thánh, nhứt sanh thủ biện, diệc hà nhược tha tai !

Thiện thế giả ? Vị đệ nhất thượng thăng, vĩnh bất phục hườn dã, diệc vân hảo khứ, vị ư chủng chủng chư Tam muội, vô lượng trí huệ trung khứ, thử nãi Như Lai thập hiệu chi nhất dã.

Thành hiền giả ? Tam thừa nhơn vị kiến đạo, dĩ tiền danh hiền. Tu tập phước trí cụ hiền đức cố dã. Kiến đạo dĩ hậu danh Thánh. Thánh giả ! Chánh dã. Dĩ vô lậu trí, chánh hiệp lý cố dã,

"Nhược bất như thử, đồ tại truy môn ; nhằm nhiệm nhất sanh, thù vô sở ích".

Thượng nhị cú, vi giáo. Hạ nhị cú, thất lợi. Nhược bất như thượng tu hành, thiệt nãi uống

nào cũng có phần làm nên Phật cả. Kia đã như thế, ta sao chẳng vậy, đâu nên tự khinh lui sụt chí mình.

Cho nên đức Phật dạy ông La Hầu La rằng : "Các vị Bồ Tát mười phương thế giới, mỗi niệm mỗi niệm đã chứng lên quả Thiện thế. Kia đã đứng trượng phu thời con đây cũng thế, chẳng nên khinh mình mà lui sụt".

Trong kinh Niết Bàn nói : Nếu người không biết mình có tánh Phật thì người đó không phải bậc trượng phu, chỉ gọi là nữ nhơn thôi.

Lời Ký nói : *Cũng thế là gì ? Như nói cũng vậy đó. Trượng phu là gì ? Người trí vậy, kia đã đứng trượng phu, ta đây cũng người trí, chẳng nên cao nhường cho người mà phụ tánh linh mình. Vì sao ? Vì tất cả chúng sanh xưa nay sẵn tánh thành Phật, cho nên sáu cõi Phàm, bốn cõi Thánh cũng đồng một cái tâm. Nhưng mê thời là phàm, ngộ tức thành thánh, hễ một niệm nhầm rồi, liền đồng các đức Phật.*

Bằng chưa được vậy phải dùng giữ giới sửa thân, trí huệ, giải tâm, trong ngoài đều tu, thời mỗi niệm bước xa cõi trần, mỗi niệm gần bậc Thánh, một đời đặng xong, thời đâu nhường cho người ư ?

Quả Thiện thế là gì ? Bởi đi thẳng lên bậc nhất nhất hàng không trở lại vậy, nên gọi Thiện thế (khéo qua) cũng gọi quả: Hảo khứ (khéo đi) nghĩa là đi trong vô lượng trí huệ, đủ hết thấy các pháp Tam Muội. Thiện thế đây là một hiệu trong mười hiệu đức Như Lai vậy.

Thánh Hiền là gì ? Người bậc Tam thừa, chưa thấy Đạo về trước gọi Hiền. Bởi vì trong bậc này tu tập phước trí đầy đủ các hiền đức vậy. Còn học thấy Đạo sắp về sau gọi là bậc Thánh. Thánh là nghĩa chánh vậy. Do vì lấy trí vô lậu chứng hiệp nhằm lý chơn chánh vậy.

Nếu không được như thế, luống ở chốn Tri môn lếu láo một đời, thật không ích chi hết.

Hai câu trên, trái lời dạy của Phật. Hai câu dưới mất lợi cho mình. Nếu chẳng tu hành như trên, thật là uống mặc

phi pháp phục, hỗn lạn nhất sanh, vô công khả ký, vô đức khả lục. Cố viết, thù vô sở ích.

Ký viết : Đờ giả, không dã. Truy môn giả ? Dĩ phục sắc nhi xung pháp môn dã.

TAM.- KIẾT KHUYẾN : NGŨ.

Nhất : khái phát ; Nhị : thị giáo ;

Tam : Khuyến miễn ; Tứ : hiển thị nhưn quả;

Ngũ : Tự hành hóa tha.

NHẤT.- KHẢI PHÁT

Phục vọng, hưng quyết liệt chí chí, khai đặc đạt chí hoài ; cử thố khán tha thượng lưu, mạc thiện tùy ư dung bỉ. Kim sanh tiện tu quyết đoán, tướng liệu bất do biệt nhưn.

Sơ nhị cú, bác đạt ý khí. Thứ nhị cú, tông hiền đồ ngu. Hậu nhị cú, ngộ bất do tha. Phục vọng, nãi khẩn đảo chí từ. Hưng quyết liệt chí giả ? Phát đồng mãnh tâm, bình trượng phu chí khí. Khai đặc đạt hoài giả ? Khôi khoách hưng cảm, lập hướng thượng trí.

Cử thố khán tha thượng lưu giả ? Đông tịnh lý tiến tu tông, thượng đức. Mạc thiện tùy ư dung bỉ giả ? Bất khả tự chuyên, tùy tập dung lưu thời bối.

Cố Phạm Thục Công, tống Viên Ngộ Thiên sư hành khước vân : Quan thủy mạc quan ô trì thủy, ô trì chi thủy ngư biếc ti, dăng sơn mạc dăng đà lý sơn, đà lý chi sơn thảo mộc hi. Quang thủy, tu quan thương minh quang ; dăng sơn, tu dăng Thới sơn thượng. Sở đắc bất thiên, số kiến điệt cao, tư chi vị dã.

áo pháp, lẫn lộn ột đời, không công chi ghi đặng, không đức gì khá chép. Cho nên nói câu : **Thật không ích gì cả.**

Lời Ký nói : *Luống là nghĩa ở không. Tri môn là gì ? Lấy theo sắc áo mặc mà nói pháp môn (chùa)*

III) KẾT KHUYÊN, PHÂN LÀM NĂM

- 1.) MỞ BÀY
- 2.) NÊU GIÁO PHÁP
- 3.) KHUYÊN GẮNG
- 4.) CHI RÕ NHÂN VÀ QUẢ
- 5.) MÌNH LÀM VÀ DẠY NGƯỜI KHÁC LÀM

1.- MỞ BÀY :

Tổ Qui Sơn nói : "Trông mong các Ngài, phát chí cho chăm hằm, mở lòng cho rộng rãi, việc làm phải coi theo người bực thượng lưu, đừng có chuyên theo những đứa quê hèn. Đời nay liên phải quyết đoán, xét tưởng, liệu lượng tại nơi mình chớ chẳng phải do nơi người nào khác".

Hai câu đầu, lòng dạ rộng rãi. Hai câu kế noi theo bực hiền và xa lánh đứa ngu. Hai câu sau, sự tỏ ngộ chẳng phải do ai khác. Trông mong là gì ? Là lời cầu khẩn. Phát chí chăm hằm là gì ? Phát lòng dững mãnh giữ chí khí trượng phu. Thế nào mở lòng rộng rãi ? - Mở rộng lòng dạ, lập chí hướng thượng mà tu hành.

Việc làm phải coi theo người bực thượng lưu là sao ? Khi động khi tịnh ra làm, phải noi theo bực thượng đức thời việc làm mới thành công. Thế nào đừng chuyên theo đứa quê hèn ? Không nên tự ý chuyên lòng tập quen theo kẻ quê người hèn.

Cho nên ông Phạm Thục Công, lúc đưa ông Viên Ngộ Thiên sư đi du phương có chúc câu này : Sư cụ ra đi, có xem nước, thời đừng xem nước ao nhơ, vì sao ? Bởi nước ao nhơ cá trành ốm đèo. Và có lên núi, đừng lên núi là đầ. Vì núi là đầ cỏ cây lưa thưa. Thế nên xem nước, phải xem biển rộng sâu ; lên núi thời phải lên chót núi Thái Sơn. Chỗ đặng không cạn, chỗ thấy mới cao, là nghĩa đây vậy.

Kim sanh tiện tu quyết đoán giả ? Nhất đao lưỡng đoạn, đương hạ quyết liễu. Kim nhược bất liễu, cánh đãi hà thời. Bất do biệt nhơn giả ? Tự tâm huần tự quyết, tự tu huần tự ngộ, phi quan ư biệt nhơn, túng nhiều phụ tử, diệc nan tương đại. Sở vị tá nhơn tử quản, xuất khí bất đắc, thị dã.

Ký viết : Dung bỉ ? Túc dung ngu bỉ lậu chi nhơn dã. Quyết, vị quyết liễu hựu quả quyết vô dự dự chi từ. Đoán, nãi pháp quyết chi vị dã. Đà âm đà, lý âm lý, sơn chi ti tiểu nhi liên tiếp, nhơn sở thường hành giả dã.

NHỊ.- THỊ GIÁO

Túc ý vong duyên, bất dữ chư trần tác đối, tâm không cảnh tịch, chỉ vị cứu trệ bất thông.

Thượng nhị cú, khiến vọng. Hạ nhị cú, nguyên chơn. Tứ ý vong duyên giả ? Ý nãi lục căn chi chủ ; chủ nhược chỉ túc, nhi phân duyên chi tâm tự vong hĩ. Bất dữ chư trần tác đối giả ? Phàm phu bất liễu tự tâm, chúng chúng vọng chấp, tùy sự phân duyên, phân biệt lục trần cảnh giới. Nhược nhất niệm vô sanh, ly chư phân biệt, tắc ý tức duyên vong. Lục trần thù dữ tác đối; thị tắc căn bất duyên trần, nhi trần cảnh tự tịch hĩ.

Tâm không cảnh tịch giả ? Chơn tâm bốn không, trần cảnh nguyên tịch. Lương do mê chơn chấp vọng cố hữu chư cảnh phân nhiên. Tâm nhược vô chấp, tắc chung nhất đối cảnh, nhi cảnh hằng tịch, diệc phi dẫn tuyệt tâm cảnh, đàng trừ vạn vật, nhiên hậu vi tịch. Đản bất mê chơn, kỳ cảnh tự tịch.

Cố kinh vân : "Tận kiến chư pháp nhi vô sở kiến thị dã". Cứu trệ bất thông giả ? Tùng vô thi

Đời nay liền quyết đoán là gì ? Cũng như nghĩa một dao chặt hai đoạn, quyết chắc rõ ràng. Nếu đời nay ta không quyết chắc cho rồi, còn đợi đời nào nữa. Thế nào không do người khác ? Tâm mình tự quyết lấy tâm mình, mình tu thời mình ngộ, chẳng ăn thua chi tới người khác; dù cho cha con, cũng không thể cho nhau được. Nên có câu : "Mượn lỗ mũi người thở không thể sống" là nghĩa đây vậy.

Lời Ký nói : *Quê hèn là gì ? Tức những người quê mùa hèn hạ vậy. Quyết là gì ? Là nghĩa quyết liễu, hay là quả quyết là lời không dự dự. Đoán là chi ? Là nghĩa định quyết, Đà âm đà. Lý âm lý. Loại núi thấp nhỏ, và liền tiếp nhau, người ta thường đi trên đó vậy.*

2.- NÊU GIÁO PHÁP :

Dứt ý vọng duyên, không cùng các trần làm bạn ; tâm không cảnh vắng, nhưng vì lâu trệ chẳng thông.

Hai câu trên, dứt hết vọng niệm. Hai câu dưới, gắm lại chơn, tánh của mình. Dứt ý vọng duyên là gì ? Ý là chủ trong sáu căn nếu bật dứt ông chủ, thì những tâm phan duyên kia tự vọng vậy. Thế nào chẳng cùng các trần làm bạn ? Kẻ phàm phu không rõ được tâm mình, vọng chấp đủ thứ, leo chuyen theo các việc đời, phân biệt cảnh giới sáu trần. Nếu một niệm được vô sanh bỏ các tâm phân biệt, thời ý căn kia nó phải dứt, duyên vọng nọ cũng liền thôi, thì sáu trần còn làm bạn với ai nữa. Thế là sáu căn không duyên sáu trần, thì cảnh trần tự nhiên vắng lặng.

Tâm không cảnh vắng là chi ? Chơn tâm vốn không cảnh trần vẫn vắng. Song bởi người đời quên-chơn chấp vọng, nên mới có những cảnh lăng xăng. Nếu tâm ta không chấp, thời trọn ngày đối cảnh mà cảnh vẫn vắng, cũng chẳng phải bật dứt tâm và cảnh dẹp ráo muôn vật rồi mới là vắng lặng. Nghĩa là hễ mình không mê chơn tánh, thời cảnh kia tự vắng vậy.

Cho nên trong kinh nói : Thấy hết các pháp mà không chấp chỗ mình thấy phải vậy. Thế nào lâu trệ chẳng thông ?

tế bất giải nhất niệm tâm khởi, tắc vạn kiếp tình sanh ; bất đạt bốn không, chấp chi vi hữu. Ung tế chơn tâm, trệ nhi bất thông, trí sử bốn giác viên minh, biến vi năng kiến chi vọng kiến, vô tướng chơn thể, biến vi sở kiến chi vọng cảnh, vọng vi chơn ngại. Cố viết bất thông. Nhược bất phản chiếu, phá bỉ căn trần, tắc vô năng phục kỳ bốn hi.

Ký viết : Khiến vọng giả, vị ly vọng căn cảnh, vọng tâm nguyên vô tự thể, lảm trần thành thể, tùy cảnh hữu vô; cảnh lai tức sanh, cảnh khứ tức diệt. Ký nhơn cảnh nhi khởi tắc toàn cảnh thị tâm. Hựu nhơn tâm chiếu cảnh, tắc toàn tâm thị cảnh. Nhi các vô tự tánh, duy thị duyên sanh. Nhược tâm ly niệm, tắc căn cảnh tịch nhiên.

Nguyên chơn giả ? Vị suy nguyên kỳ thí, duy nhất chơn tâm, tánh tịnh minh thể, quýnh tuyệt căn trần, linh tri tịch chiếu, trạm nhiên vô tế, châu biến pháp giới. Thiết vi bất năng giá kỳ huy, khung thương bất năng phúc kỳ thể, vạn pháp bất năng ẩn kỳ chơn, trần lao bất năng dịch kỳ tánh. Do kỳ tối sơ mê nhất pháp giới, bất giác vọng khởi nhi hữu kỳ niệm. Tùy nhiễm tịnh duyên, tâm cảnh hổ sanh, chương bốn linh minh, chí kim vị tăng phản tỉnh. Cố viết : cứu trệ bất thông.

Tận kiến chư pháp giả ? Tâm cảnh lịch nhiên dã. Nhi vô sở kiến giả ? Chơn tâm vô tri, chơn cảnh vô tướng. Vô tri cố không, vô tướng cố tịch.

Nghĩa là từ vô thí, bỗng dưng một niệm tâm vọng khởi ra, mà muôn kiếp loại hữu tình không rõ thấu tâm cảnh vốn không, chấp cho là thật có. Bởi cái chấp đó nên ngăn che chơn tâm, ngăn ngại chẳng thông, đến nỗi tâm bản giác viên minh biến làm cái vọng kiến hay thấy, chơn thể vô tướng, biến thành vọng cảnh bị thấy, vọng cảnh làm ngăn ngại tánh chơn. Cho nên nói chẳng thông. Nếu ta không xét soi trở lại, đặng dứt vọng căn vọng trần thời không thể nào đem trở lại cái tâm bản giác viên minh kia vậy.

Lời Ký nói : *Trừ vọng là gì ? Là dứt vọng căn, vọng cảnh song vọng tâm vốn không tự thể, chỉ vịn theo vọng trần làm thành tự thể của nó mà thôi, đã theo cảnh vọng trần mà có mà không, thì lẽ cố nhiên cảnh đến, vọng tâm liền sanh, cảnh đi vọng tâm liền dứt. Song vọng tâm đã như cảnh mà khởi, thời toàn cảnh là tâm. Lại như vọng tâm chiếu qua cảnh, thời toàn tâm là cảnh. Nhưng tâm và cảnh cả hai đều không tự tánh, chỉ là như duyên hòa hiệp giả đối sanh ra. Nếu trong tâm ta dứt vọng niệm, thời căn và cảnh tự vắng vậy.*

Gẫm lại chơn tánh là gì ? Nghĩa là xét lại hồi ban đầu, chỉ có một chơn tâm ; tánh nó trong sạch, thể nó sáng suốt, bật dứt căn và trần nhiễm màu rõ biết vắng lặng chiếu soi, vắng lặng không bờ mé khắp cùng pháp giới. Dầu cho núi Thiết vi không thể nào che cái sáng của nó, trời xanh cũng không trùm được cái thể của nó, muôn pháp cũng không ẩn được tánh chơn của nó, trần lao cũng không đổi được tánh của nó. Song ngặt vì lúc tối sơ, mê một tánh pháp giới (chơn tâm) thoát nhiên tâm vọng khởi lên mới có vọng niệm. Rồi tùy theo cái duyên nhiễm và tịnh, vọng tâm, vọng cảnh do đó mà sanh ra, che lấp bản tánh sáng suốt, đến nay chưa từng xét lại. Cho nên nói câu : *Lâu trệ chẳng thông.*

Thấy suốt các pháp là gì ? Tâm và cảnh rõ ràng vậy. Thấy mà không chấp thấy là sao ? Chơn tâm không chấp nó biết, chơn cảnh không chấp có tướng. Chơn tâm không chấp biết cho nên nói chơn tâm vốn không. Chơn cảnh không chấp có tướng, cho nên nói cảnh vắng lặng.

Vô tri giả ? Phi đồng mộc thạch chi vô tri, nãi tâm bất khởi phân biệt, tịch nhi thường chiếu.

Vô tướng giả ? Phi đẳng tận vạn vật chi vô tướng, nãi tức tướng vô tướng, chiếu nhi thường tịch cố dã.

Bạt duyên tâm giả ? Tức vọng tưởng tâm dã. Thử tâm phân biệt hữu tam : Vị tâm, ý, thức nhi sơ tâm đối cảnh, giác tri dị hồ mộc thạch, danh chi vi tâm ; thứ tâm trừ lượng, danh chi vi ý, liễu liễu biệt tri, danh chi vi thức.

Vọng tưởng nhược tức, tam giai đô vong, cảnh giới diệt diệt, duy nhất chơn tâm, hư thông vô ngại, vô sở bất biến, nhi cảnh hữu hà vật chi khả trệ tai.

TAM.- KHUYẾN MIỄN.

Thục lâm tư văn, thời thời kinh sách, cương tác chủ tế, mạc tuận nhưn tình,

Thượng nhị cú, y pháp tự cảnh. Hạ nhị cú, miễn chí thượng xu. Thục lâm đẳng giả ? Vị tu thục độc kỳ văn, uẩn chi hung trung, thời thời tự cảnh thâm tư kỳ nghĩa. Sách lệ tấn tu ; bất khả nhất kinh nhĩ mục, tiện trí chi cao các.

Cương tác chủ tế đẳng giả ? Phám phu vi vô minh sở huân, cứu tập thành tánh, xúc cảnh tức tiện tùy duyên.

Cấu bất tự miễn, lập quyết liệt chi chí, khai đặc đạt chi hoài, bình trí huệ cung, chấp kiên cố tiến ; tạm nhĩ tùy lưu, tắc tất vi quần tà sở dụ, tứ ma sở hại dã.

Cái không biết đây không phải đồng với tánh vô tri của cây và đá, chính chơn tâm không khởi phân biệt, vắng lặng mà thường soi, nên nói không biết.

Song không tướng đây chẳng phải đẹp hết muôn vật mới là không tướng, tức chính là nơi cảnh tướng mà không chấp tướng, chiếu rõ các cảnh mà thường vắng lặng, nên nói là không tướng vậy.

Tâm phân duyên là gì ? Tức vọng tâm vậy, vọng tâm đây phân biệt có ba thứ : 1./ Tâm. 2./ Ý. 3./ Thức. Lúc ban sơ tâm đối với cảnh, có tánh giác tri khác hơn cây đá, gọi đó là tâm (thức A Lại Da vô ký) kế khởi các tâm so lường gọi đó là ý (thức Mặt Na chấp ngã) rành rẽ tỏ biết, gọi đó là thức (ý và năm thức trước).

Nhưng vọng tướng đã dứt rồi thì tâm , ý, thức nói trên cũng đều thôi hết và các cảnh giới kia cũng bật luôn, chỉ còn một cái chơn tâm, rỗng suốt không ngăn ngại, khắp cùng hết ráo, thời còn có vật nào mà ngăn được ư ?

3.- KHUYÊN GẮNG :

Tổ Qui Sơn nói : Xin các ngài ai nấy đọc thuộc văn này, đặng mỗi giờ phút nhắc nhở thân tâm, gắng làm ông chủ tế, chớ nên chiều theo tình đời.

Hai câu trên, y chánh pháp răn nhắc mình. Hai câu dưới gắng chí thẳng tới. Câu đọc thuộc văn này ... là gì ? Nghĩa là cần phải đọc thuộc văn Cảnh sách này để vào trong tâm mỗi giờ phút răn nhắc lấy mình. Xét sâu nghĩa lý trong ấy, gắng gổ tấn tu, chớ nên một phen thoảng qua tai mắt liền cất trên gác cao.

Thế nào gắng làm ông chủ tế... ? Bởi chúng phàm phu bị vô minh huân tận, tập lâu thành tánh, nên gặp cảnh thì liền dính lúu theo cảnh.

Nếu không tự gắng lấy mình, lập chí chăm hằm, mở lòng rộng rãi, cầm cây cung trí huệ lấp mũi tên kiên cố, toan bắn con quỷ vô minh mà lại để cho một phút khởi lòng chịu theo vọng trần, thời thế nào cũng bị quần tà (*lục căn, lục trần*) nó cám dỗ và bốn con ma phá hại vậy.

Ký viết : Tứ ma giả ? Nhất, ngũ ám ma. Nhị, phiền não ma. Tam, tử ma. Tứ, thiên ma.

TỨ.- HIỀN THỊ NHƠN QUẢ.

"Nghiệp quả sở khiên, thành nan đào ty, thính hòa hương thuận, hình trực ảnh đoan ; nhơn quả lịch nhiên, khởi vô ưu cụ".

Thượng nhị cú, nghiệp báo. Thứ nhị cú, thiết du. Đệ ngũ cú, bất muội. Đệ lục cú, miến thận. Nghiệp quả sở khiên đẳng giả ? Nghiệp, tức sở tác bất thiện chi nhơn. Quả do nhơn chí. Nhơn di Quả thực, khiên báo nan đào.

Như PHÁP CÚ kinh vân : Tích hữu Phạm chí huynh đệ tứ nhơn, cu đặc ngũ thông, các tri thất nhật hậu, mạng tất đương chung, cộng tương vị viết : Ngã đẳng thần thông tự tại, khởi bất năng ty thử nạn da?

Kỳ huynh viết : "Ngô nhập đại hải chánh xử kỳ trung, thượng bất xuất thủy, hạ bất chí đế, vô thường sát quĩ yên tri ngã xứ".

Nhị đệ viết : "Ngô phách Tu Di sơn khai, nhập trung hườn hiệp, vô thường sát quĩ yên tri ngã xứ".

Tam đệ viết : "Ngô xử hư không ẩn hình vô tích, vô thường sát quĩ yên tri ngã xứ".

Tứ đệ viết : "Ngô ẩn cư đại thị, chúng nhơn ối não chi trung các bất tương thức, vô thường sát quĩ nhược chí, tùy đặc nhất nhơn hà tất thủ ngã".

Tứ nhơn nghị ngật, các thích sở chí. Thất nhựt kỳ mãn, các từng kỳ xứ, nhi giai mạng chung.

Lời Ký nói : *Bọn ma là gì ? 1./ Ma ngũ âm. 2./ Ma phiền não. 3./ Ma vô thường (chết) 4./ Ma trên trời (ma ba tuần trên trời).*

4.- RÕ BÀY NHƠN QUẢ

Nghiệp quả kéo lôi, thật khó trốn tránh, như tiếng hòa vang thuận, hình ngay bóng thẳng, nhơn quả rõ ràng đâu không lo sợ.

Hai câu trên, là nghiệp báo. Hai câu dưới, lập lời dụ. Câu thứ năm nhơn quả không mất. Câu thứ sáu gắng sức giữ gìn. nghiệp quả lôi cuốn là gì ? Nghiệp tức là mình tạo cái nhơn bất thiện. Quả do nhơn mà có, hễ hết nhơn thời đến quả không thể nào trốn đặng.

Như kinh PHÁP CÚ nói : Xưa có bốn anh em người Phạm Chí tu theo ngoại đạo, đều chứng đặng năm phép thần thông mỗi người biết trước, bảy ngày nữa ắt mạng căn phải chết, đồng cùng nhau bàn luận rằng : Anh em ta tu hành được thần thông tự tại, lẽ nào không lánh đặng cái nạn này hay sao ?

Người anh thứ nhất nói rằng : "Khi quỷ vô thường nó đến, ta nhảy vào trong biển lớn, ở ngay trung tim giữa biển, trên chẳng khỏi nước dưới không tới đáy, vô thường quỷ dữ, đâu biết chỗ ta ở mà đến bắt".

Người em thứ hai nói "Tôi cũng có một kế chừng vô thường nó đến, tôi hãy vạch hòn núi Tu di ra, vào chính giữa rồi hiệp lại, vô thường quỷ dữ đâu biết chỗ tôi ở mà đến bắt".

Người em thứ ba nói : "Tôi cũng có một kế rất hay chừng đó tôi lên ở trên Hư không, ẩn hình không dấu tích, vô thường quỷ dữ, đâu biết chỗ tôi ở mà đến bắt".

Người em thứ tư nói : "Tôi có một kế tuyệt diệu khác hơn ba anh, chừng đó tôi ẩn trong Chợ Lớn, giữa đông người rần rộ, ai cũng chẳng biết là ai, vô thường quỷ dữ dù đến miễn bắt được một người thì thôi, làm gì bắt đến tôi".

Bốn anh em đề nghị như vậy xong rồi, mạnh ai đi tới chỗ nấy. Đúng kỳ bảy ngày mạng căn đã mất. Người ở dưới nước

Phật dĩ đạo nhân quán kiến kỳ tử, chung bất khả ty, nhi thuyết kệ viết : "Phi không, phi hải trung, phi nhập sơn thạch gian, vô hữu địa phương sở, thoát chi bất thọ tử".

Thử chánh sở vị nan đào giả đá. Thịnh hòa hình trực, dụ thiện nhơn. Hương thuận ảnh đoan dụ thiện quả. Nhược kỳ thịnh bạo, tắc kỳ hưởng liệt. Kỳ hình khúc, tất kỳ ảnh oa, lý chi tất nhiên, phi hữu thịnh nhi vô hưởng. Diệc phi hình ảnh nhi hữu tướng quai, thịnh hưởng bất dị, hình ảnh vô sai. Nhơn quả bất vong, cố viết lịch nhiên. Nghiệp báo mị sản, khởi dung bất tín. Giao báo mục tiền, ninh vô ưu cụ tai?

Ký viết : Như Lai thượng thọ mã mạch kim thương. La Hán bất miễn xà thích ngạ vong, hưởng ngã phàm bối khả bất cụ tai ?

Cổ Kinh vân : Giả sử bá thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong. Nhơn duyên hội ngộ thời, quả báo huần tự thọ.

Thượng nhị cú, minh nhơn thời. Hạ nhị cú, minh quả thời. Kinh vân giả ? Dẫn Như Lai ngôn.

Giả sử giả ? Thiết hướng chi từ. Bá thiên kiếp giả ? Cử kỳ đại số dĩ cai vô thi đá. Hựu cử kỳ cận dĩ hướng kỳ viễn, tri kỳ viễn dĩ hiểu kỳ cận dã. Sở tác nghiệp dã ? Vị thân khẩu ý sở tạo bất thiện chi hạnh. Bất vong giả ? Hào ly vô thất. Nhơn duyên hội ngộ thời giả ? Nghiệp quả tương khiên thời chí tức hội ngộ. Quả báo huần tự thọ giả ? Quả dĩ thù nhơn, giao báo vô mậu ; tự tác huần tự thọ, biệt, nhơn thế bất đắc.

nước nổi lên, người trong núi bị ép khô, người trên hư không rớt xuống và người trong chợ cũng bị chết nằm trơ trơ (như khúc gỗ).

Bấy giờ đức Phật dùng đạo nhãn xem thấy sự chết kia rất cuộc không thể lánh đặng, mà nói bài kệ rằng : "*Chẳng phải trên hư không, chẳng phải giữa biển, chẳng phải vào trong núi đá và chợ búa, nghĩa là không có phương sở nào, mà lánh khỏi được không chịu cái chết*".

Vấn này chính chỗ nói cái chết khó trốn lánh là đây vậy. Tiếng hòa hình ngay dụ như lạnh. Vang thuận bóng thẳng, dụ quả lạnh. Như tiếng kia xản thời vang dội chất. Hình nọ vẹo thời bóng cong queo là lý tất nhiên, chẳng phải có tiếng mà không vang và cũng không bao giờ hình bóng mà có sái nhau, nghĩa là tiếng vang không khác hình bóng không sai. Như quả không mất, cho nên nói rõ ràng. Nghiệp báo không làm còn gì nữa mà không tin ! Mắc báo trước mặt, đâu không lo sợ ư ? !

Lời Ký nói : *Đức Như Lai còn mắc báo ăn lúa ngựa gươm vàng đâm chân, vị La Hán không khỏi nạn rắn cắn, chết đói, huống chi chúng ta là người phạm lẽ nào không sợ ư ?*

Cho nên trong kinh nói : "Giả sử trăm kiếp nghìn đời, những nghiệp đã tạo không bao giờ mất. Như duyên khi gặp gỡ, quả báo mình phải chịu.

Hai câu trên, nói lúc tạo như. Hai câu dưới, nói khi chịu quả. Kinh nói là gì ? - Dẫn lời đức Như Lai nói.

Giả sử là gì ? Lời thí tỷ. Trăm kiếp nghìn đời là gì ? Nói số nhiều để gồm luôn vô số lượng về trước vậy. Cũng nói số gần để tỷ số xa; biết chỗ xa để rõ chỗ gần. Chỗ tạo nghiệp là gì ? Nghĩa là thân, khẩu, ý, gây những hạnh nghiệp bất thiện. Thế nào là không mất ? Gây nghiệp gì còn nguyên nghiệp nấy, một hào một ly không sai mất. Như duyên khi gặp gỡ là sao ? Nghĩa là nghiệp quả kéo nhau, thời tiết đến, quyết phải gặp ngay. Thế nào quả báo mình phải chịu ? Quả là những cái đáp lại của như, trả báo không làm, mình làm thời mình phải chịu, người khác thế không được.

Ký viết : Bá thiên, thuộc viễn thời. Sở tác, thuộc viễn nhơn. Hội ngộ, thị cận thời. Tự thọ, thị cận quả. Cử bá thiên dĩ tri vô thi. Cố viết, cử cận hướng viễn. Cử bá thiên dĩ tri hiện tiền. Cố viết, cử cận hướng viễn. Cử bá thiên dĩ, tri hiện tiền. Cố viết, tri viễn hiểu cận.

"Cố tri tam giới hình phạt, quýnh bạn sát nhơn. Nỗ lực cần tu, mặt không quá nhật".

Thượng nhị cú, linh thức khổ cảnh. Hạ nhị cú, linh tri tu đoạn. Vị linh tri khổ cảnh, nhi cần tu xuất ly đạo dã. Dĩ tam giới chúng sanh, sanh bất miễn lão bệnh tử chư khổ. Cố viết, hình phạt.

Chư hoặc kiết sử : triền phục chúng sanh, luân chuyển tam giới, bất đắc xuất ly, thị vi quýnh bạn. Phiền não oán tặc, năng đoạn huệ mạng. Cố viết, sát nhơn.

Nỗ lực cần tu giả ? Vô thượng diệu đạo, phi giải đãi giả năng đắc. Mạc không quá nhật giả ? Bất khả tọa táng quang âm, tu cầu thăng tấn, nhựt hữu kỳ ích.

Ký viết : Khổ cảnh giả ? Túc tam giới lục đạo chúng sanh thọ báo nhi xứ. Nhiên thử quả báo, do tích ác nhơn chi hữu. Dục miễn khổ quả, tu đoạn ác nhơn. Dục đắc Niết Bàn tịch diệt chi lạc, đương tu vô thượng xuất ly chi đạo khổ quả, thị thế gian ác báo. Niết bàn, thị xuất thế gian diệu quả.

Tu đoạn giả ? Vị đoạn ác nhi tu thiện dã. Nhật hữu kỳ ích giả ? Sở vị vi học nhật ích, vi đạo nhật tổn. Tổn chi, tắc đạo nghiệp du cao. Ích chi, tắc học công du viễn. Tổn ích, túc đoạn tu chi dị danh dã.

Lời Ký nói : *Trăm kiếp thuộc về đời xa. Chỗ tạo thuộc về nhơn xa. Gặp gỡ là đời gần. Minh chịu là quả gần. Nói trăm kiếp nghìn đời để cho biết kiếp lâu xa từ vô thủy. Cho nên có câu, nói gần để tả xa. Nói trăm kiếp nghìn đời cũng có thể biết được những việc hiện tiền trước mặt. Cho nên nói câu, hiểu xa biết gần.*

Cho nên biết ba cõi là hình phạt, ràng buộc hại người. Ta phải gắng sức cần tu, chớ luống qua ngày.

Hai câu trên, dạy cho biết cảnh khổ. Hai câu dưới, khiến cho biết làm lành dứt dữ. Nghĩa là khiến cho biết cảnh khổ mà cần tu cái Đạo ra khỏi vậy. Do chúng sanh trong ba cõi có những khổ sanh và bệnh chết. Cho nên nói, hình phạt.

Các sự mê lầm, kết chặt, sai khiến vắn vít chúng sanh, trôi lăn trong ba cõi không ra khỏi được, nên gọi ràng buộc. Phiền não là thằng giặc oán thù nó cướp giựt huệ mạng của ta. Cho nên nói, hại người.

Thế nào ta phải gắng sức cần tu ? Đạo màu cao thượng, không phải những hạng biếng nhác mà có thể gánh vác nổi, nên ta phải rán sức cần tu. Chớ luống qua ngày là sao ? Không nên ngồi không luống mất bóng quang âm, phải cầu sấn tới, mỗi ngày có chỗ thêm lên.

Lời Ký nói : *Cảnh khổ là gì ? Tức trong 3 cõi sáu đường chỗ của chúng sanh chịu quả báo. Song Quả báo đây do chứa nhơn ác mà có. Muốn tránh khỏi quả khổ cần đoạn nhơn ác. Muốn đặng quả vui Niết Bàn vắng lặng, cần tu đạo vô thượng ra khỏi đời. Quả khổ, là quả ác trong đời. Niết Bàn vui, là quả màu ra khỏi đời.*

Thế nào là dứt và làm ? Nghĩa là dứt dữ mà làm lành vậy. Mỗi ngày có chỗ thêm lên là sao ? Nói sự học càng ngày càng tăng thêm chỗ kiến thức, sự tu càng ngày càng bớt chỗ tội lỗi. Bớt chỗ tội lỗi thời đạo nghiệp càng cao. Thêm chỗ kiến thức, thời công học vắn càng rộng. Bớt với thêm cũng như dứt dữ làm lành, tên tuy khác mà nghĩa vẫn đồng.

NGŨ.- TỰ HÀNH HÓA THA

"Thâm tri quá hoạn, phương nãi tương khuyến hành trì. Nguyên bá kiếp thiên sanh, xứ xứ đồng vi pháp lữ".

Thượng nhị cú, tự giác, giác tha. Hạ nhị cú, thế đồng pháp giới. Thâm tri giả ? Tự giác triệt kiến dã. Quá hoạn giả ? Ngũ dục mê hơn, như mật trung tăng độc, phi trí giả mật tri.

Tam giới hỏa trạch, duy trưởng giả nãi thức. Tương khuyến giả, giác tha dã, linh thức độc nhi ngộ hỏa trạch dã. Hành trì giả, y giáo phụng hành dã. Nguyên bá kiếp thiên sanh đẳng giả ? Thử nãi Qui Sơn minh cổ kim, tích trường kiếp, đạt sanh tử bốn không. Niết Bàn như mộng, liễu nhất thiết pháp, giai tức chơn như.

Khí giới, tức pháp giới. Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt. Cố thế viết : "Bá kiếp thiên sanh, đồng vi pháp lữ".

Ký viết : Bá kiếp thiên sanh giả, cử kỳ đại số dã. Di đạt sanh tử bốn không. Niết bàn như mộng, bất y tam giới, thường xử hoa tạng, cộng vi Bồ đề pháp thuộc, tác tha bất thành chi hữu, cố viết : đồng vi pháp lữ.

THỨ.- TRÙNG TỤNG TAM :

Nhất : Tiêu tụng đề. Nhị : Tụng giáo giới

Tam : Tụng thị pháp

NHẤT.- TIÊU TỤNG ĐỀ.

Nãi vi minh viết :

5.- MINH TU VÀ DẠY NGƯỜI KHÁC TU

Tổ Qui Sơn nói : Chính mình đã biết tội lỗi, nên mới khuyên nhau tu trì. Nguyện trăm kiếp nghìn đời sanh chỗ nào tội với quý Ngài đồng làm bạn pháp.

Hai câu trên, tổ Qui Sơn giác ngộ phần Ngài, rồi Ngài giác ngộ cho kẻ khác. Hai câu dưới, nguyện đồng làm bạn lành khắp cùng trong pháp giới. Đã biết là ? Chính Ngài tổ biết và thấy suốt tất cả. Tội lỗi là gì ? Năm món dục lạc nó làm mê mẩn cho người mắc phải lầm lạc, cũng như thuốc độc trộn lộn trong chén mật, chẳng phải bực trí giả thời không biết nổi.

Ba cõi là nhà lửa, duy có đức Phật mới biết. Khuyên nhau, là giác ngộ cho người khác, làm cho người biết năm món dục lạc là thuốc độc và ba cõi là nhà lửa. Tu trì, là y theo lời dạy của đức Phật mà vưng làm vậy. Nguyện trăm kiếp nghìn đời là chi ? Đây là Tổ Qui Sơn Ngài rõ việc xưa nay như mai với chiều, biết việc nhiều kiếp dường như trong một niệm, thấu cội gốc sanh tử vốn không, Niết Bàn như mộng, rõ tất cả pháp đều là Chơn Như.

Khí giới tức pháp giới. Tâm, Phật và chúng sanh cả ba không sai khác. Cho nên Tổ thệ rằng : "*Trăm kiếp nghìn đời đồng làm bạn pháp*".

Lời Ký nói : *Trăm kiếp nghìn đời là nói số nhiều vậy. Bởi vì Tổ đã đạt nguồn sanh tử vốn không. Niết bàn như mộng, không lìa ba cõi thường ở trong cõi Hoa Tạng, cùng nhau làm bạn pháp Bồ Đề, làm người bạn không cần thỉnh cho người, nên nói : đồng làm bạn pháp.*

SAU.- TRÙNG TỤNG Phân ba :

- 1) NÊU TỤNG ĐỀ 2) TỤNG LỜI DẠY RĂN
- 3) TỤNG NÊU PHÁP

1.- NÊU TỤNG ĐỀ :

Nay tôi làm lời minh như vậy : (*Để cho các Ngài để đọc thuộc lòng đặng răn nhắc lấy mình*).

Thử minh, nãi y tiền Trường hàng trung văn, trùng tuyên kỳ nghĩa, kiết chi vi tụng; sử học giả ký thủ, chung thân bất vong dã. Nhiên kỳ trung văn cú thứ đệ, sảo dị Trường hàng, bất tất trực văn xuyên tạc, dẫn dĩ ý hội, tất lý vô bất châu hĩ.

Ký viết : Minh giả, cảnh giới chi từ, sử vị khắc cốt minh tâm, như tuyên thạch bất vọng dã. Kim cử kỳ đại cương, nhiếp kỳ chi yếu, kiết chi vi tụng, tỉ học giả nhi dị trì tụng diên.

NHỊ.- TỤNG GIÁO GIỚI Thập nhất

Nhất : Huyền sắc Nhị : Thời tiết.

Tam : Sanh diệt Tứ : Lưu chuyển.

Ngũ : Ái thủ hữu Lục : Hư sanh không lão

Thất : Vô minh hoặc Bát : Khái thời mạng tốc.

Cửu : Hiện nhơn Thập : Nhơn quả sở do
hậu quả.

Thập nhất : Tuần hườn bất tức.

NHẤT.- HUYỄN SẮC

"Huyễn thân, mộng trạch, không trung vật sắc".

Mộng trạch vật sắc, cu dụ huyễn thân. Nhiên mộng trạch, nhơn mị nhi hữu, vật sắc, do tế nhi sanh. Nghiệp hệ bốn hư, tứ đại vọng hữu, cố danh vi huyễn. Như thế huyễn thật chi nhơn, dĩ thảo mộc cân đẳng, huyễn tác nhơn vật cảm thú, vãng lai động chỉ, sắc tướng uyển nhiên.

Huyễn pháp nhưt thân, nhơn súc liễu bất khả đắc. Thử thân vô thiệt, diệt phục như thị. Không trung ký vô vật sắc, mộng lý khởi hữu hoa đường. Lương do mê chơn chấp vọng, cố

Lời minh này, là y theo trong văn Trường hàng, trước lập bài nghĩa trên, kết lại làm lời tụng, cho người tu học dễ nhớ, dễ đọc trọn đời không quên vậy. Song thứ lớp câu văn trong lời tụng đây hơi khác với văn Trường hàng, chẳng cần theo câu văn bươi móc, hễ miễn cho hiểu ý, thời lý đầy đủ thông suốt và khắp hết.

Lời Ký nói : *Lời minh, là những lời răn nhắc của Tổ ta nên ghi xương tạc dạ, như khắc vào đá không quên vậy. Nay nói chỗ đại cương, tóm chỗ cốt yếu, kết lại làm bài tụng, cho kẻ hậu học dễ bề trì tụng vậy.*

2.- LỜI TỤNG DẠY RĂN, Phân 11 :

- | | |
|--------------------------|--------------------------------|
| 1) HUYẾN SẮC | 2) THỜI TIẾT |
| 3) SANH DIỆT | 4) LƯU CHUYỂN |
| 5) ÁI THỦ HỮU | 6) SỐNG HƯ GIÀ LUỐNG |
| 7) VÔ MINH LÀM LẠC | 8) TIẾT THỜI MẠNG
CHÓNG MAU |
| 9) HIỆN NHƠN HẬU
QUẢ | 10) NHƠN QUẢ SỞ DO
QUẢ |
| 11) TUẦN HOÀN KHÔNG DỨT. | |

1. - HUYẾN SẮC

Thân huyền, nhà mộng và hoa đóm giữa hư không.

Nhà mộng hoa đóm, đều dụ thân huyền này. Song nhà mộng như mình ngũ mê cho nên mới thấy có, còn hoa đóm do mắt nhậm mà sanh ra. Mạng căn vốn không, thân tứ đại giả có, cho nên nói là huyền. Như những người huyền thuật trong đời họ lấy những cỏ cây, khăn v.v... bện làm hình nộm, hình người, hình vật, con này con khác, cũng đi đứng, cũng qua lại, hình sắc rõ ràng như người không khác.

Nhưng một phen họ thâu cái huyền kia lại, thời bao nhiêu hình người hình vật rốt cuộc không có gì hết. Thân này không thật cũng in như thế. Giữa hư không đã không hoa đóm, trong giấc mộng đâu có nhà tốt. Bởi vì mê chơn

trường dạ mị nhi bất giác; vi ái kiến bệnh chi sở ế. Cố kiến không trung hữu chư hoa tướng, cập đệ nhị nguyệt.

Ký viết : Đệ nhị nguyệt giả ? Nguyệt bốn duy nhất, dĩ mục bệnh cố kiến hữu trùng luân, tợ hữu nhị nguyệt. Không, cập bốn nguyệt dụ Pháp thân. Hoa, cập đệ nhị nguyệt, dụ huyền chất.

Chúng sanh duy nhất pháp thân, nguyện vô huyền chất. Do mê sắc tâm, cố nhận ngũ uẩn tứ đại huyền xu vi tợ sở hữu. Như mộng sở kiến, trường dạ luân hồi, nhi bất tỉnh giác,

NHỊ.- THỜI TIẾT.

"Tiền tế vô cùng, hậu tế ninh khắc".

Tiền tế, vị thô thi ; hậu tế, vị vị lai. Tiền ký vô thi, cố viết vô cùng. Hậu diệc vô chung, cố viết ninh khắc. Vị chư chúng sanh, tiền chi sanh tử, thọ thân xả thân, bất năng cùng kỳ biên lượng, hậu chi sanh tử, ninh định kỳ biến tế.

Duy hữu nhất niệm bất sanh, tắc tiền hậu tế đoạn hĩ.

TAM.- SANH DIỆT.

"Xuất thử một bì, thăng trầm bì cực".

Xuất, thị sanh : một, thị diệc : tức sanh thử tử bì dã. Thăng tắc nhơn, thiên, tu la. Trầm tắc Địa ngục, quỉ, súc.

Bì cực giả ? Tâm thần vi nghiệp xu sử, lưu chuyển bất tức, ninh bất lao nguyện bì cực tai?

TỨ.- LƯU CHUYỂN.

Vị miễn tam luân, hà thời hưu tức,

chấp vọng cho nên nhiều kiếp mê man mà không giác tỉnh, mắc bệnh ái kiến nó làm mù mịt. Cho nên mới thấy giữa hư không có r.hững tướng hoa đốm và mặt trăng thứ nhì.

Lời Ký nói : *Mặt trăng thứ nhì là gì ? Mặt trăng vốn có một mà thôi, nhưng vì con mắt có bệnh nên mới thấy có hai vành, tưởng như có hai mặt trăng. Hư không và mặt trăng thật, là dụ Pháp thân. Hoa đốm và mặt trăng thứ nhì là dụ thân như huyễn.*

Chúng sanh chỉ có một pháp thân vốn không thân huyễn. Bởi vì mê muội sắc và tâm, cho nên nhận lầm ngũ uẩn tứ đại thân huyễn này cho là thật có. Khác nào như thấy thân trong giấc mộng, luân hồi nhiều kiếp mà không tỉnh ngộ đặng.

2. - THỜI TIẾT

Đời trước không cùng kiếp sau đâu dứt.

Đời trước là từ vô thủy, về trước. Đời sau là đời vị lai sau này. Trước đã vô thủy, cho nên nói vô cùng. Sau cũng vô chung, cho nên nói đâu dứt. Bởi các chúng sanh, đường sanh tử từ trước đến nay, buông thân này bắt thân nọ không thể cùng tận biên mé kia; nên nói vô thủy, thì đường sanh tử sau này đâu nhất định, hạn lượng và biên tế; nên nói là vô chung.

Duy có bậc : Một niệm không sanh vọng, thời đời trước đời sau đều dứt hết.

3.- SANH DIỆT

Sinh ra chỗ này chết chỗ kia xuống lên mỗi mệ.

Ra là sanh ra, chết là mất đi ; tức cái nghĩa sanh chỗ này chết chỗ kia vậy. Lên là sanh lên cõi Trời, cõi người, cõi Tu la; xuống là xuống Địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

Thế nào là mỗi mệ ? Tâm thần bị nghiệp lôi cuốn, trôi lăn không dứt, đâu chẳng mỗi mệ và nhọc nhằn ư ? !

4.- LƯU CHUYỂN

Đời nay chưa khỏi luân hồi trong ba cõi, biết đời nào thôi dứt.

Tam luân giả ? Tam giới luân hồi dã. Hà thời hư tức giả ? Do nhơn cảm quả, quả phục tạo nhơn xả thân thọ thân.

Như ngư hoại ách : Sanh tử vô tế, hà hữu hưu tức. Duy phá tam giới, nhị thập ngũ hữu giả, năng chi.

NGŨ. - ÁI, THỦ, HỮU.

"Tham luyện thế gian, ẩm duyên, thành chất".

Tham luyện, thị ái, thủ. Ẩm duyên thành chất, thị hữu. Thế gian, vị tình khí thế gian. Ẩm, tức ngũ ẩm. Duyên, tức thập nhị nhân duyên. Dĩ chúng sanh tham ái luyện trước tình, khí, thế gian, cố bảm phụ mẫu di thể. Thủ thân bốn vô. Do giả ẩm, duyên, nhi hữu, cố viết thành chất.

Ký viết : Khí thế gian giả ? Vị thế giới như khí, chúng sanh an trụ kỳ trung, tức thủ tam thiên đại thiện thế giới dã. Tình thế gian giả ? Vị ngũ ấm hóa hiệp nhi thành giả, thị dã.

LĂNG NGHIÊM vân : Do thủ vô thi, chúng sanh thế giới, sanh triền phục cố, ư khí thế gian, bất năng siêu việt thị dã. Triền phục, tức tham luyện dã.

Thế, dĩ cách biệt vi nghĩa, diệt tam thế dã. Gian, thị gián sai, vị chúng chúng sai biệt nhi bất tương mạo loạn dã. Nhiên thủ tình khí thế gian, bốn lai vô hữu, dĩ vọng tưởng cố nhi kiến lập chi.

CỐ TỊNH DANH vân : "Tùng vô trụ bốn, lập nhất thiết pháp".

Thiên Thai thích vân : Nhược mê vô trụ, tắc tam giới lục đạo phân nhiên nhi hữu nhơn lập thế xuất thế gian,

Luân hồi trong ba cõi là quanh đi lộn lại trong cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Đời nào thôi dứt là sao ? Bởi tạo nơn thì nhứt định phải mắc quả, quả lại gây nơn; buồng thân này chịu thân khác.

Sanh tử không cùng, biết chừng nào thôi dứt, dự như nghiệp trâu chưa hết, muốn phá gãy tay ách, người nông phu tra ách khác cày lại. Trừ ra những bực đả ra ngoài ba cõi 25 loài mới có thể dứt được đường sanh tử mà thôi,

5.- ÁI, THỦ, HỮU

Tham mền trong đời, âm duyên thành thân.

Tham mền là nơn ái và thủ. Âm duyên thành thân là hữu. Thế gian là tinh thể gian và khí thể gian. Âm là thân ngũ âm. Duyên là mười hai nơn duyên. Vì chúng sanh tham ưa trứu mền, tình thế gian và khí thể gian, cho nên mới chịu cái thân cha mẹ để lại. Song thân này vốn không thật có. Do năm âm, mười hai nơn duyên giả hợp mà có cho nên nói thành thân.

Lời Ký nói : *Khí thể gian là gì ? Nghĩa là thế giới như món đồ đựng chứa chúng sanh an trụ trong đó, tức cõi tam thiên Đại thiên thế giới đây vậy. Tình thế gian là chi ? Là thân tứ đại và ngũ uẩn hòa hiệp mà thành; thân có tình thức nên có tình thế gian.*

Kinh LĂNG NGHIÊM nói : *Do đây từ vô thủy đến nay, chúng sanh và thế giới vì sanh tâm trứu mền với nhau nên không thể vượt khỏi ngoài khí thể gian ấy vậy. Trứu mền là gì ? Tức tham mền vậy.*

Thế, nghĩa là cách biệt, cũng như nói tam thế (ba đời) vậy. Gian, là sai hở, là nghĩa mỗi món khác nhau, mà không lẫn lộn với nhau. Song tình, khí thể gian đây, xưa nay vốn không có, do vì vọng tưởng mà kiến lập ra.

Nên trong kinh TỊNH DANH nói : *Từ tâm vô trụ, lập ra tất cả pháp.*

Ngài Thiên Thai giải rằng : *Nếu mê cái tâm vô trụ, thời ba cõi sáu đường lằng xằng mà có. Nơn đó gây ra tất*

nhất thiết, chư pháp. Nhược giải vô trụ, tức thị vô thị, vô minh phản bốn hườn nguyên, phát chơn thành thánh.

LĂNG NGHIÊM vân : Nhất nhơn phát chơn qui nguyên, thập phương thế giới tận thành tiêu vẫn. Thử tắc tình, khí thể gian cu pháp, nhi chất bất khả đắc hĩ.

LỤC.- HƯ SANH KHỔNG LÃO.

Tùng sanh chí lão, nhất vô sở đắc.

Thử ngôn sanh, lão nhị chi; Sanh vô sở ích, thị danh hư sanh. Lão vô sở đắc, thị danh khổng lão.

Ký viết : Nhất vô sở đắc giả ? Ư giới định huệ môn, xuất thế chư pháp, vô nhất an tức xứ dã.

THẤT.- VÔ MINH HOẶC

"Căn bốn vô minh, nhơn tư bị hoặc".

Nhất thiết chúng sanh, bốn cụ chơn như thiệt tướng, diệu tịnh minh tâm. Lương do tối sơ nhất niệm, bất như thiệt tri, bất giác tâm động, hốt nhiên niệm khởi, vọng kiến cảnh giới, danh vi vô minh.

Tư tức vô minh tối sơ sanh tướng, vi sanh tử khổ bốn nhiễm pháp chi nhơn. Do thử nhơn cố, huân tập chơn như tâm thể, tăng trưởng nhi thành lục pháp : Nhất, tham, thử dĩ nhiễm trước vi tánh. Nhị, sân, thử dĩ tăng nhuế vi tánh. Tam, mạn, thử dĩ tự thị lăng tha vi tánh. Tứ, vô minh, thử nãi ư chư sự lý, mê ám vi tánh ngũ nghi chi thử nãi ư chư đế lý, dư dự bất quyết vi tánh. Lục, bất chánh kiến, thử nãi ư chư đế lý, diên đảo suy độ vi tánh.

Thử kiến hữu ngũ : Nhất thân. Nhị biên. Tam tà. Tứ kiến thủ. Ngũ giới cấm thủ.

cả các pháp thế gian và xuất thế gian. Bằng ta rõ đặng cái tâm vô trụ, thời vô thủ, vô minh trở gốc về nguồn, mở tánh chơn mà thành vị Phật.

Kinh LĂNG NGHIÊM nói : Một người phát tâm chơn qui nguyên thời mười phương thế giới đều thành tiêu mất. Thế là tình và khí thế gian đều dứt, mà thân này cũng không thể có nữa.

6.- SỐNG HƯ GIÀ LƯỚNG

Từ khi sanh đến lúc già đều không đặng gì hết.

Đây nói hai nghĩa sanh và già như : Sống đây không có ích chi, nên gọi là sống hư. Già cũng không đặng gì hết, nên già lướng.

Lời Ký nói : Đều không đặng chi hết là gì ? Đối trong môn tu học giới, định, huệ và các pháp ra khỏi đời, hoàn toàn không có một chút xíu gì để hộ thân.

7.- VÔ MINH LẦM LẠC

Cội gốc vô minh, như dây bị làm.

Tất cả chúng sanh, sẵn đủ chơn như thật tướng, tâm trong sạch màu sáng. Bởi do lúc tối sơ một niệm, không như thật biết, không dè tâm động, thoát vậy niệm khởi : vọng chấp có cảnh giới, gọi là vô minh.

Đây là tướng sanh tối sơ của vô minh, làm gốc khổ cho đường sanh tử, như nhiệm các pháp. Vì do như đây, huân tập tâm thể chơn như, tăng trưởng mà thành ra sáu pháp : 1) Tham, Tánh mê đắm. 2) Sân, Tánh ghét giận. 3) Mạn, Tánh ý mình hiệp người. 4) Vô minh. Tánh mờ ám đối các sự lý. 5) Nghi. Tánh dự dự không quyết đoán các lý chơn thật. 6) Bất chánh kiến. Tánh so đo điên đảo đối các lý chơn thật.

Tánh này cũng có năm nghĩa : Chấp ta; Chấp hai bên; Tà kiến; Chấp chắc theo lối thành kiến; Giữ giới cấm theo ngoại đạo

Thử chi lục pháp, năng sanh tùy đẳng chư phiền não dĩ năng sanh. Cố viết căn bốn.

Do thử căn cố, mê bốn viên minh, phú tế chơn tâm, ư chư thế, xuất thế gian đẳng pháp, bất năng minh liễu. Cố viết : vô minh.

Nhất thiết chúng sanh, như tư vô minh, mê hoặc chơn tánh, bất năng kiến đạo, duy tạo hữu lậu chi như. Cố viết : bị hoặc.

Nhược năng nhất niệm phản chiếu, tắc thử vô minh nội bị chơn như, sở huân, phát khởi chánh tín tu hành, thành ư Tịnh nghiệp. Do thử tịnh như, phản huân chơn như, liễu minh tự tâm, đốn đồng chư Phật. Sở vị : nhất niệm tịnh tâm thành chánh giác dã.

Ký viết : Do bất liễu chơn như thiệt tướng, vọng niệm hốt hung danh vi vô minh. Ký mê chơn thiệt. Cố xung vi hoặc. Mê hoặc ký thâm, tam nghiệp xí nhiên, cố tạo thiện ác. Do thiện ác nghiệp khiên hướng lục đạo, vọng thọ sanh tử.

Sở dĩ nhất thiết chúng sanh, mê chơn trực vọng, cố ư bất thiên cảnh, thượng không thọ luân hồi : hướng vô thoát pháp trung vọng sanh triền phục.

Như xuân tầm nhi tác kiến, tợ thu nga chi phó đặng; dĩ nhị kiến chi tư, triền vô minh chi kiến; dĩ vô minh tham ái chi sí, phát sanh tử chi hỏa luân.

Tùng sanh chí sanh, niệm niệm tương tục, cố thọ sanh tử luân hồi, vô hữu hưu tức. Cấu năng ly niệm, tắc nhất thiết phiền não sanh tử tất giai tận hĩ.

BÁT. - KHÁI THỜI MẠNG TỐC

Quang âm khả tích, sát na bất trác.

Sáu pháp này đây, hay sanh ra các món tùy phiền não và các món phiền não khác nữa, bởi vì đây thuộc về tâm năng sanh. Cho nên nói : Cội gốc (căn bản).

Vì do cội gốc vô minh đây, nó làm mê mất bản tánh trong sáng che phủ chơn tâm, đối các pháp thế gian và xuất thế gian không thể tỏ biết. Cho nên nói : Vô minh.

Tất cả chúng sanh bởi vô minh che đậy chơn tánh không thể thấy đạo, cứ tạo nghiệp nhơn hữu lậu mà thôi. Cho nên nói : Bị làm

Nếu ta có thể một niệm xét soi quày trở lại, thời vô minh đó trong sẽ nhờ tánh chơn như huân tập, có thể phát khởi lòng chánh tín tu hành thành đặng Tịnh nghiệp.

Rồi do nghiệp nhơn thanh tịnh đây huân trở lại tánh chơn như, tỏ sáng trong tâm mình, liền đồng các vị Phật. Cho nên nói : nhất niệm tịnh tâm, thời thành bực chánh giác vậy.

Lời Ký nói : *Do không rõ chơn như thật tướng thoát sanh vọng niệm gọi là vô minh. Đã che đậy cái tánh chơn thật. Cho nên gọi nó là làm. Che đậy đã nhiều, thời ba nghiệp lừng lẫy, nên mới tạo nghiệp lành và nghiệp dữ. Do nghiệp lành dữ, lôi vào trong sáu đường luống chịu sanh tử.*

Sở dĩ tất cả chúng sanh bỏ chơn theo vọng, nên ở trên cảnh giới bất thiện (chơn như) luống chịu luân hồi; nè trong pháp vô thoát (sanh tử), quấy sanh tâm ràng buộc.

Như tầm mùa xuân kéo tơ làm kén, như bướm mùa thu chợp cánh nhảy vào đèn; lấy hai sợi tơ kiến và ái, quấn thành kén vô minh ; dùng hai cánh vô minh với tham ái, đập bánh xe lửa sanh tử.

Chạy mãi từ đời này đến đời khác, niệm trước vừa mãn, tiếp nối niệm sau, nên chịu luân hồi sanh tử, không hề thôi dứt. Nếu hay dứt vọng niệm thời tất cả phiền não và sanh tử thấy đều dứt hết vậy.

8.- TIẾC THỜI MẠNG CHÓNG MAU

Đáng tiếc tặc bóng Quang âm đường sanh tử trong sát na không thể lường được.

Nhứt sanh khổng quá, thị vi khả tích vô thường hốt chí phi nhơn khả trắc. Sở vị nhứt sát na gian, chuyển tức, tức thị lai sanh, thị dã.

CŨU.- HIỆN NHƠN HẬU QUẢ.

"Kim sanh khổng quá, lai thế sát tắc".

Kim nhược bất thực minh huệ chi nhơn; khởi chiêu dương lai thông đạt chi quả.

Ký viết : Sát tắc, thị ủng tế chi nghĩa, tức bất thông chi vị dã.

THẬP.- NHƠN QUẢ SỞ DO.

"Tùng mê chí mê, giai nhơn lục tặc".

Tùng mê, thị khổng quá; chí mê tức sát tắc, thử diệt tam thế hổ cử dã. Do tích bất ngộ, chí kim hôn mê. Kim nhược bất liễu, mê cánh chuyển thâm.

Thử mê vô hữu biệt pháp, giai nhơn lục tặc Sở trí, tuy viết lục tặc nan phòng, ý vi kỳ chủ. Chủ nhược bị hoạch, ngũ đô vong hĩ.

Ký viết : Bất liễu, tức mê dã. Chuyển thâm, tức lai sanh, dĩ chí hậu sanh dã. Tặc giả, kiếp hại chi nghĩa. Vị thử lục căn, sở thủ lục trần cảnh giới, nhiễm ô chơn tâm, táng thất trí huệ, kiếp công đức tài.

Công đức tài giả, lược hữu thất : Nhứt tín. Nhị giới. Tam văn. Tứ xả. Ngũ huệ. Lục tâm Thất quý. Nãi chi vô lậu căn, lực, thiên định đẳng...

THẬP NHỨT. - TUẦN HUỒN BẤT TỨC

"Lục đạo vãng hườn, tam giới bồ bặc".

Nếu để một đời luống qua, thật là đáng tiếc, mai một vô đường thoát đến chẳng phải sức người lường được. Nên nói trong một sát na, tắc hơi thở rồi thời là đời sau là nghĩa đây vậy.

9. NHƠN HIỆN QUẢ SAU :

Đời nay mình để luống qua thời đời sau cũng phải ngăn lấp (*chơn tánh*).

Bằng đời nay ta không trồng nhơn trí huệ sáng suốt, làm sao kết quả sáng suốt đời sau.

Lời Ký nói : *Ngăn lấp là nghĩa ngăn che, tức là nghĩa chẳng thông vậy.*

10. NHƠN QUẢ SỞ DO

Từ mê đời này đến đời sau cũng còn mê, đều bởi sáu thằng giặc (*lục căn*).

Từ mê là cái mê đã luống qua, đến mê tức mê đời này đời sau lại ngăn lấp, đây cũng là ngăn lấp luôn cả ba đời vậy. Bởi đời trước không tỏ ngộ, đến đời nay phải tối tăm. Nếu đời nay ta không tỏ ngộ, đời sau càng tối tăm hơn nữa.

Song cái tối tăm đây không chi lạ đều bởi sáu thằng giặc nó gây ra. Tuy nói rằng sáu thằng giặc khó ngăn ngừa, nhưng ý căn làm chúa đảng. Nếu chúa đảng bị bắt rồi thời năm thằng giặc kia đều tóm thu được cả.

Lời Ký nói : *Không tỏ biết, tức mê vậy. Càng mê thêm, tức là đời sau cho đến đời sau và đời sau nữa vậy. Giặc nghĩa cướp hại. Bởi lục căn nó thường nhiễm theo cảnh giới lục trần nhiễm như chơn tâm mất tánh trí huệ, cướp của công đức.*

Của công đức đây lược có bảy món là : 1/ Cửa Chánh tín. 2/ Cửa Trì giới. 3/ Cửa Đa văn. 4/ Xả vọng. 5/ Trí huệ. 6/ Tàm. 7/ Quý. Cho đến các cửa vô lậu, ngũ căn, ngũ lực các của Thiên định v.v... (Ngũ căn là : Tin, Tấn, Niệm, Định, Huệ)

11. - TUẦN HUỒN KHÔNG DỨT

Qua lại trong sáu đường, bò lết trong ba cõi.

Nhơn quả triển chuyển tương cảm bất tức. cố viết vãng hườn. Thăng trầm bì cực, cố viết bờ bặc.

Tổng do bị tặc xu sử, lưu chuyển lục đạo, thăng trầm tam giới, vô hữu hữu tức, cố dã.

Ký viết : Bờ bặc, nái bờ thượng bặc hạ, tức thăm trầm chi vị, hựu cấp cự mạo, hội ý khả tri.

TAM : TỤNG THỊ PHÁP : THẤT

Nhất : Y sư Nhị : Trạch pháp

Tam : Liễu vọng Tứ : Qui chơn

Ngũ : Tướng vong Lục : Tịch chiếu

Thất : Song dẫn.

NHẤT.- Y SƯ

Tảo phỏng minh sư, thân cận cao đức.

Minh sư, năng linh pháp nhãn minh chánh. Cao đức, năng sử, giới đức thanh cao. Tảo phỏng, ngôn bất khả ta đà diên thời. Thân cận, vị tu cứu cứu y chỉ.

Ký viết : Minh sư năng linh huệ quang lãn pháp, cố đắc pháp nhãn minh chánh. Cao đức năng sử thi ta kiểu khiết; cố đắc giới đức thanh cao. Thị dĩ cố nhơn, thiên lý tham tầm tri thức, đắc ngộ tác gia thủ nhãn. Tức cao quả bờ đoàn, chiết khước trụ trượng, như Nam Nhạc, Cảnh Sơn đẳng. Nhược vô thiện tri thức sở hộ, tắc vi tà sư hoặc loạn, nội phát tà nhơn, ngoại hành tà nghiệp, hà năng quyết trạch khứ kỳ kinh cước giả hồ.

Vĩnh Minh Thọ Thiền sư vân : Nhược phùng chơn chánh đạo sư, thiết tu cần tâm thân cận. Giả sử tham nhi vị triệt, học nhi vị thành; lịch tại nhĩ căn, vĩnh vi đạo chưởng, thế thế bất lạc ác thú, sanh sanh bất thất nhơn thân.

Tài xuất đầu lai nhứt văn thiên ngộ, ích phi tiểu dã.

Nhơn quả xoay vần cảm nhau không dứt, cho nên nói qua lại. Lên xuống mỗi mệ, cho nên nói bò lết. Tóm lại, bởi bị sáu thăng giặc nó sai khiến, trôi lẩn trong sáu đường, lên xuống trong ba cõi, không có ngày nào thôi dứt cố vậy.

Lời Ký nói : *Bò lết là bò lên, lết xuống, tức nghĩa lên xuống, cũng là cái dạng chống gáp, lấy ý hiểu ngầm thì biết.*

3. TỤNG LỜI NÊU PHÁP Phân bảy :

- | | |
|---------------------|--------------|
| 1.) NUƠNG THEO THẦY | 2) CHỌN PHÁP |
| 3.) RỔ VỌNG | 4) VỀ CHƠN |
| 5.) VONG TƯỚNG | 6) LẶNG SOI |
| 7.) BẬT DỨT CẢ HAI | |

1.- NUƠNG THEO THẦY

Phải sớm hỏi ông minh sư, thân cận bậc cao đức.

Minh sư hay làm cho ta được pháp nhãn sáng suốt và minh chánh. Bực cao đức hay làm cho ta giới đức được thanh cao. Sớm hỏi là không nên dân dả qua buổi. Thân cận, là cần phải nương ở với thầy cho lâu.

Lời Ký nói : *Ông Minh sư hay làm trí huệ ta sáng lạng mở mang, nên dựng pháp nhãn sáng suốt và minh chánh. Bực cao đức hay làm cho ta giữ giới được trong sạch; cho nên mới được giới đức thanh cao. Sở dĩ cổ nhơn nói, ngàn dặm tham tìm ông tri thức, mới được gặp ông Thầy minh chánh, sáng suốt và tài năng. Tức là bực máng cái Bồ đoàn, bẻ bỏ cây trụ trượng, ⁽¹⁾ như ông Nam Nhạc, ông Kinh Sơn v.v... Nếu không có ông Thiện tri thức, ủng hộ, thời bị bọn tà sư phỉnh gạt trong tâm phát ra cái nhơn tà, ngoài thân làm những việc tà, đầu hay quyết lựa mà bỏ những chỗ chông gai kia được.*

Ngài Vĩnh Minh Thọ Thiền sư nói : *Nếu ra gặp dựng ông Đạo sư chơn chánh thời cần phải hết lòng thân cận. Dầu cho tham tìm mà chưa thấu đáo, học hỏi mà chưa thành công; nhưng một phen nghe lọt vào tai cũng hằng làm hột giống Bồ đề, đời đời khỏi đọa ác thú, kiếp kiếp không mất nhơn thân.*

Đời sau vừa sanh ra, nghe một biết tới ngàn, lợi ích chẳng phải nhỏ vậy.

(1) Bồ đoàn : là Nệm ngồi cao sang. Trụ Trượng : là Gậy chống để đi cho vững cách điệu dài các bảy giờ dẹp bỏ, để lo theo hầu thầy học hỏi.

NHỊ. - TRẠCH PHÁP

Quyết Trạch Thân Tâm, khử kỳ kinh cước.

Quyết chi tại tâm. Trạch chi dĩ huệ. Hành giả đương dĩ vô lậu huệ, giản trạch thân tâm, khử kỳ bất thiện, trạch kỳ thiện giả nhi tu chi; như Nga vương chi trạch nhũ dã.

Kinh cước nãi vô minh vọng tưởng, ngũ cái, thập tập, chư bất thiện pháp dã.

Ký viết : Thủy nhũ tương hòa, Nga vương nhập khẩu, tắc thủy nhũ tự phân, nhi ẩm kỳ nhũ, khí kỳ thủy dã. Phàm phu thiện ác nhị pháp tương tham, hôn ư bát thức điền trung.

Hành giả tu hành, tu cụ huệ mục, trạch thủ thiện giả, khí kỳ bất thiện, sử thân tâm kiểu khiết, tắc khử đạo bất viển; tư tức thất giác ý trung chi trạch pháp giác dã.

Ngũ cái dã ? Nhất, tham dục. Nhị, sân nhuế. Tam, thùy manh. Tứ, trạo hối. Ngũ, nghi cái.

Thập tập giả ? Nhất dâm. Nhị tham. Tam mạn, Tứ sân. Ngũ trã. Lục cưỡng. Thất oán, Bát kiến, túc tà kiến dã. Cửu uống, vị bức yếm lương thiện dã. Thập tụng, vị tương luận đắc thất dã.

TAM.- LIỄU VỌNG

Thế tự phù hư, chúng duyên khởi bức.

Thế gian nhưt thiết hữu vi chi pháp, du như mộng huyền du vân; giai từng vọng nhi sanh, liễu vô thật tánh. Chúng duyên, tức thế gian chư pháp, ký tự phù hư, khởi năng bức nhưn. Nhiên thế chư duyên sự pháp, tất từng chơn tánh tùy duyên nhi thành.

2.- CHỌN PHÁP

Quyết đoán lựa chọn tâm mình, bỏ những chỗ chông gai.

Quyết đoán là tại nơi Tâm, Lựa chọn là cần dùng trí huệ. Người tu hành phải lấy huệ vô lậu, lựa chọn tâm của mình, ví như con Nga vương lựa sữa uống vậy

Chông gai là gì ? Tức là vô minh vọng tưởng, năm món che đậy, mười món quen làm các món bất thiện khác nữa.

Lời Ký nói : *Nước với sữa hòa lộn nhau, con Nga vương (ngỗng chúa) ngậm vào miệng, thời nước với sữa tự chia hai, mà uống phân sữa, chừa phân nước lại vậy. Kẻ phàm phu cũng thế, thiện, ác hai món đối đãi nhau, xen lộn vào trong ruộng Bát thức,*

Người tu hành cần phải đủ con mắt trí huệ, lựa lấy điều lành, bỏ những điều không lành, cho tâm mình được trong sạch thời cách đạo không xa vậy. Đây là một món giác trạch pháp trong bảy món giác ý vậy.

Năm món che đậy là chi ? 1/ Tham dục. 2/ Giận dữ. 3/ Ngủ nghĩ. 4/ Lẫn tiếc. 5/ Nghi nan.

Mười món quen làm là gì ? 1/ Dâm. 2/ Tham. 3/ Kiêu mạn. 4/ Sân. 5/ Đối trá. 6/ Lương gạt. 7/ Oán hận. 8/ Chấp tà kiến. 9/ Hiệp đáp, ép bức người lương thiện. 10/ Cãi cọ, tranh luận đắc thát với nhau vậy.

3.- LIẾU VỌNG

Cuộc đời lưỡng đối, các duyên trần đầu ép bức dặng.

Tất cả các pháp hữu vi trong đời, ví như mộng huyền, mây bay, đều từ vọng tâm mà sanh ra, hoàn toàn không có thật tánh. Các duyên tức là các pháp trong đời, mà các pháp trong đời, nó đã là vật lưỡng đối, thời nó đâu có ép bức ràng buộc người dặng. Song những pháp trần duyên thế sự trong đời đều từ nơi chơn tánh tùy duyên mà biến ra đó thôi.

Như thủy tùy khí phương viên, ngộ phong ba sanh; phàm phu do vọng tưởng phong, khích ư bốn nguyên, ba đào đồng phát. Kiến ba vọng nguyên, cố chấp sự mê chơn, nhi vi chủng chủng sự duyên sở bức. Như bất mê chơn, tức bất thọ kỳ mang dã.

Ký viết: Thủy dụ chơn tánh. Khí ba dụ chúng duyên. Sự pháp, tức cảnh dã. Phong dụ vọng tưởng, tri ba toàn thủy, tức liễu vọng qui chơn. Thị viết bất thọ kỳ mang.

TỨ.- QUI CHƠN

"Nghiện cùng pháp lý, dĩ ngộ vi tắc."

Yếu đắc vô nghi điền địa, trực tu hành đạo thủy cùng sơn tận thí phương hưu.

Ký viết : Pháp, nãi tự tâm chi pháp, pháp chi sở hiển viết lý. Nghiện cùng, như trừ cảnh cấu, cấu tận quang sanh. Cố viết dĩ ngộ vi tắc. Nhiên pháp thị quý tri nghĩa, quý sanh vật giải, nhậm tri tự tánh dã.

Nhậm tri tự tánh giả ? Nhất thiết chúng sanh giai hữu bốn giác, diệu minh chơn tánh, tuy lưu chuyển lục đạo, thọ chủng chủng hình, nhi thử giác tánh bất tăng thất diệt.

Sanh giải giả ? Chúng sanh ngộ nhập tri kiến, tuy nhơn tri thức thiện hữu khai thị, nhiên kỳ trí giải từng giác tánh sanh. Như thủy thổ chi nhuận sanh cốc đẳng nha, nhi nha từng chuồng sanh, bất từng thủy thổ sanh, cố dã.

NGŨ.- TƯỚNG VONG

"Tâm cảnh cu quyên, mạc ký mạc ức"

Tâm, tức nhơn. Cảnh tức pháp. Mạc ký mạc ức tức nhơn pháp lưỡng vong hĩ.

Tứ Tổ vân : Nhất thiết bất lưu vô khả ký ức ; hư minh tự chiếu , bất lao tâm lực.

Ví như tánh nước theo đồ đựng vuông tròn, gặp giờ thời sóng nổi lên ; phàm phu cũng thế, do gió vọng tưởng, thổi động trong nguồn tâm nên mới có sóng xao trào sục. Thấy sóng quên nguồn cho nên chấp theo cảnh quên tánh chơn, mà bị các món thế sự duyên trần kia ép ngặt. Bằng không quên tánh chơn, tức không mắc dục trần các duyên nói đối gạt vậy

Lời Ký nói : *Nước, dụ chơn tánh. Đồ và sóng dụ các duyên. Các pháp thế sự tức là cảnh vật vậy. Gió, dụ vọng tưởng, nếu ta biết sóng đó toàn là nước, tức thời hết vọng tưởng trở về tánh chơn. Cho nên nói : Không mắc duyên trần nó đối gạt.*

4.- QUI CHƠN

Xét tột pháp lý, lấy ngộ làm chùng.

Muốnặng đến chỗ vô ngại, thời cần phải đi cho cùng sông tột núi, mới là thôi.

Lời Ký nói : *Pháp, tức là pháp tự tâm. Chỗ rõ ràng của pháp gọi là lý. Xét tột cũng như lau bụi mặt kiếng, bụi hết thì ánh sáng bày ra. Cho nên nói lấy chỗ ngộ làm chùng. Song pháp là nghĩa phép tắc giữ gìn, nó có phép tắc để cho người biết, nó giữ gìn tự tánh của nó vậy. Giữ gìn tự tánh là gì ? Tất cả chúng sanh, đều có chơn tánh bản giác diệu minh, tuy trôi lăn trong sáu đường, đầu thai làm thân này thân nọ, nhưng mà giác tánh ấy không bao giờ diệt mất.*

Để cho người hiểu biết là gì ? Chúng sanh ngộ vào chỗ trí kiến, tuy nhờ ông Thiện tri thức chỉ dạy, song chỗ trí hiểu từ trong tánh bản giác mà sanh ra. Ví như đất nước ướt nhuận, cây lúa lên mọng, nhưng mà mọng kia cũng từ hạt giống mọc lên, chớ không phải từ đất nước mà mọc, cố vậy.

5.- VONG TƯỞNG

Tâm và cảnh đều dứt, chẳng nhớ chẳng tưởng.

Tâm tức người. Cảnh tức pháp. Chẳng nhớ chẳng tưởng, tức người và pháp đều quên (bặt) vậy.

Đức Tứ Tổ nói : Tất cả các pháp không để lòng, không pháp nào đáng nhớ đáng tưởng ; rỗng sáng tự soi, không nhọc tâm và lực.

Bàn Sơn vân : Tâm nguyệt cô viên, quang thôn vạn tượng. Quang phi chiếu cảnh, cảnh diệp phi tồn. Quang cảnh cu vong, phục thị hà vật ?

Thí như trịch kiếm huy không, mặc luận cập chí bất cập, tư nãi không luận vô tích, kiếm nhần vô khuy. Nhược năng như thị, tâm tâm vô tri, toàn tâm tức Phật, toàn Phật tức nhơn. Nhơn Phật vô dị, thị vi đạo hĩ.

Ký viết : Tâm, thị năng. Cảnh, thị sở. Nhược tri năng sở vô thể, đốn ngộ nhơn không pháp không. Hốt liễu vật ngã vô y, thị tìn cảnh tịch tâm không.

Vô tri giả ? Kinh vân : Thánh tâm vô sở tri, vô sở bất tri, tức bốn giác tâm thể dã. Bốn giác chơn tâm, tâm tánh tịch diệt, bốn vô tri giác; cố năng tri năng kiến.

Như cảnh vô tượng. Cố năng giám vật. Tuy viết năng giám, nhiên giám nhi vô giám. Linh tri bốn tịch, cố trung nhựt tri, nhi vị thường tri.

Hữu tri, tức vô minh, Hữu kiến, tức vọng tưởng, trí thể bốn vô vô minh, cập ư vọng tưởng, dĩ vô tri cố, Cố viết: trí hữu cùng ư chi giám nhi vô tri diên.

LỤC.- TỊCH CHIẾU

"Lục căn di nhiên, hành trụ tịch mặc".

Tâm cảnh cu quyên, nhị chương giải thoát. Chiếu thể độc lập, tuyệt tri hội. Vong năng sở, đắc ư nội ứng ư ngoại, thị cố lục căn tự nhược thoát sái sái địa, khởi bất di nhiên. Hành trụ tọa ngọa, động tịnh giai như; cố viết : tịch mặc.

Ông Bàn Sơn nói : Tâm như mặt trăng tròn vành ánh sáng khắp trùm muôn tượng. Ánh sáng ấy chẳng phải chiếu cảnh, cảnh cũng chẳng phải có ánh sáng, ánh sáng và cảnh đều vong, thời đâu có vật gì nữa.

Ví như quăng kiếm chém hư không, chẳng luận tới hay là không tới, như hư không kia không dấu vết, lưới kiếm nọ cũng chẳng mẻ sần. Nếu tâm đặng như thế; mỗi tâm mỗi tâm không chấp cái gì là cái biết, thời toàn tâm là Phật, toàn Phật là Ta, Ta với Phật không khác, như thế mới đúng với lý đạo vậy.

Lời Ký nói : *Tâm là năng. Cảnh là sở. Nếu nhận biết năng và sở không tự thể thời liền tỏ ngộ hai món như không và pháp không (không chấp ta và vật sở hữu của ta). Bấy giờ rõ đặng muôn vật cùng ta không nương tựa mới tin lý tâm không cảnh vắng.*

Thế nào là không biết ? Trong Kinh nói : *Tâm của ông Thánh không biết gì hết, mà không chỗ nào là chỗ không biết của ông, tức là cái tâm thể bản giác vậy. Bản giác chơn tâm, tánh của tâm vẫn vắng lặng vốn không hay biết, cho nên nói nó là tâm hay biết, hay thấy.*

Như mặt kính kia không bóng không hình, cho nên nó mới hay soi rõ muôn hình muôn vật. Tuy nói rằng hay soi rõ, song soi mà không chấp soi : Tánh linh tri ta vốn vắng lặng cho nên trọn ngày biết, nhưng mà chưa từng biết việc gì cả.

Nếu khởi ý chấp có biết tức là vô minh. Có chấp thấy tức vọng tưởng. Bản thể của trí ta xưa nay vẫn không có vô minh và vọng tưởng, vì nó trống trơn không chấp nó có tánh biết vậy. Cho nên nói rằng : Cái trí nó có tánh soi cùng tột chỗ nhiệm mầu mà không chấp biết gì hết.

6.- LẶNG SOI

Sáu căn thông thả, đi đứng vắng lặng.

Tâm và cảnh đều quên, hai chướng rảnh rang. Thể sáng riêng bày, bật chỗ hiểu biết. Vong năng sở, chứng đặng ở trong, ứng hiện ra ngoài; cho nên sáu căn thông thả rảnh rang bày chỗ phơi phơi, đâu chẳng vui vẻ. Đi, đứng, ngồi, nằm động tịnh như như; cho nên nói rằng : "vắng lặng".

Vĩnh Gia vân : Hành diệp thiên, tọa diệp thiên, ngữ mặc động tịnh thể an nhiên, thị dã.

Ký viết : Mục đối thiên sơn, tâm nhân nhất cảnh, thị dĩ lục căn tự nhuộc, ưu du tam giới, thoát sai tứ sanh. Bất vi thình, sắc trần lao sở lụy, kỳ thần tiêu diêu vật ngoại.
Cổ viết : di nhiên.

Vĩnh Gia vân : Diệu ngộ huyền tông, hư tâm minh khế, động tịnh thường cử, ngữ mặc hằng qui, diềm đạm túc ư nội, tiêu tán dương ư ngoại.

HOA NGHIÊM luận vân : Duy tịch duy mặc, tâm đạo Như Lai chi dạng, bất trước bất luyến nhập đạo hiệp pháp chi triệt thị dã. Ngôn tịch chiếu giả ? Tịch thị thể, chiếu thị dụng, đạo chi sở cực, cực ư thử dã.

THẤT.- SONG DẪN

Nhất tâm bất sanh, vạn pháp cu túc.

Bất dữ vạn pháp vi lũ giả, tắc tiền hậu tế đoạn thị viết cu túc.

Ký viết : Vạn pháp giả ? Thị chỉ kỳ tổng số, nhi thiết cai ư nhất thể dã. Kim cử tiền hậu, tắc bao quát thập phương tam thế, nhất thế sự lý nội ngoại chư pháp tận hĩ.

Vạn pháp tuy chủng, bất xuất tâm cảnh. Tâm không cảnh tịch, độc lộ đường, đường nhất từ bất quá; thị viết bất dữ vạn pháp vi lũ. Nhất tâm giả ? Bốn giác diệu minh chơn tâm dã.

KHỞI TÍN luận vân : "Duy thị nhất tâm, cố danh chơn như, Tâm thể ly niệm, cổ viết : bất sanh".

LĂNG GIÀ vân : "Tâm sanh tắc chủng chủng pháp sanh. Tâm diệt tắc chủng chủng pháp diệt. Sở vị, tâm dị tắc thiên sai cạnh khởi. Tâm diệt tắc vạn pháp thản nhiên. Tâm nhiễm, tắc lục đạo tứ sanh. Tâm không, tắc nhất đạo thanh tịnh".

Ngài Vinh Gia nói : Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền, nói, nín động, tịnh, thể thường an nhiên phải vậy.

Lời Ký nói : *Mắt xem nghìn núi, tâm nhìn một cảnh, cho nên sáu căn đứng lặng, thành thời ngoài ba cõi, thoát khỏi bốn loài. Không mắc thanh sắc trần lao vấn vít, tâm thần, tiêu diêu ngoài cảnh; cho nên nói thông thả.*

Ngài Vinh Gia nói : *Tỏ ngộ tôn chỉ nhiệm màu, lòng trống trơn thăm hiệp, khi động, khi tịnh lúc nào cũng đúng phép; khi nói, khi nín nhằm khuôn rập luôn luôn lặng lẽ dứt ở trong, thành thời bày ra ngoài.*

Trong HOA NGHIÊM luận nói : *Thường vắng, thường lặng tâm noi theo tánh các đức Như Lai; không dính, không mắc, là khuôn rập vào đạo đúng phép phải vậy. Lặng soi là chi ? Lặng là thể soi là dụng, đến chỗ tột bực của Đạo, là tột ở nơi đây vậy.*

7.- LẶNG SOI ĐỀU DỨT

Nhất tâm không sanh thời muôn pháp đều dứt.

Chẳng cùng muôn pháp làm bạn thời đời trước đời sau đều dứt, nên nói cả hai đều dứt.

Lời Ký nói : *Muôn pháp là gì ? Chỉ cho một số chung, mà thực ra gồm ráo tất cả pháp vậy (không những một muôn). Nay nói đời trước đời sau, tức nhiên bao trùm mười phương ba đời tất cả sự, lý, trong, ngoài, các pháp hết thấy.*

Muôn pháp tuy nhiều nhưng không ngoài hai pháp là : tâm với cảnh. Tâm không cảnh vắng, riêng bày sở sở, một mây tơ không vướng; thể gọi là không cùng muôn pháp làm bạn. Nhất tâm là gì ? Chơn tâm bản giác nhiệm màu sáng suốt vậy.

Luận KHỞI TÍN nói : *Duy có một cái tâm nên gọi là chơn như. Tâm thể xa lìa vọng niệm nên gọi bất sanh.*

Kinh LẶNG GIÀ nói : *Tâm sanh thời món món pháp sanh : Tâm diệt thời món món pháp diệt. Nên nổi tâm nhích một chút thời ngàn việc khác lại khởi ra, tâm diệt đi thời muôn pháp phẳng lặng. Tâm nhiễm thời nào là Lục đạo, Tứ sanh đủ hết. Tâm không thời một màu thanh tịnh.*

Tóng Cảnh vân : Hà vị nhất tâm. Vị chon vọng, nhiễm tịnh, nhất thiết chư pháp vô nhị chi tánh : cố danh vi nhất. Thử vô nhị xứ chi pháp, thiết bất đồng không, tánh tự thần giải, cố danh vi tâm. Nhất tâm chi thể, lai khứ tịch diệt, bất khả dĩ hữu vô xứ sở cùng kỳ u tịch; bất khả dĩ thức trí thuyên lượng đằm kỳ diệu thể.

Duy chúng nhập giả, chỉ tại tâm tri. Dẫn năng nội quán nhất niệm vô sanh, tắc không hoa tam giới. Như phong quyện yên, huyền ảnh lục trần du thang ốc tuyết, quách nhiên vô tế, duy nhất chon tâm. Thử tâm bốn tự viên minh, nguyên thanh tịnh thể, vô khởi vô sanh. Tự thể bất động, bất vi sanh tử sở nhiễm, bất vi Niết bàn sở tịnh.

Vấn viết : Tâm ký duy nhất, vọng tòng hà sanh ? **Đáp viết :** Cái do tối sơ mê nhất pháp giới. Bất giác vọng khởi nhi hữu kỳ niệm. Như tịnh lao hữu không hoa hiện, thù thực hữu mộng mị sanh; tức thử danh vi vọng tâm.

Thử chi vọng tâm, nguyên vô tự thể, dẫn nhon tiền trần. Tùy cảnh hữu vô, cảnh lai tức sanh cảnh khứ tức diệt; thị tâm, thị cảnh, các vô tự tánh, Duy tòng nhon duyên nhi sanh, như cảnh lý tượng, thủy trung nguyệt; ngu phu nhận thử vi chon.

Nhị Tổ, ư thử tâm bất an, nhi cầu an tâm pháp. Ư nhất ngôn hạ, tiện liễu thử tâm bất sanh; cố vân mịch tâm liễu bất khả đắc.

Túc tri chon tâm, hư linh minh diệu, biến nhất thế xứ, hàm thập phương giới. Ký tâm nhon cảnh khởi; nhược thử vọng tâm bất sanh, tắc trần cảnh đốn diệt; cố vân cu túc.

BỘ TÔNG CẢNH nói : *Thế nào là nhất tâm. Nghĩa là Chơn, Vọng, Nhiễm, Tịnh tất cả các pháp, tánh nó không hai, cho nên kêu là nhất. Song pháp không hai đây, thật chẳng phải đồng với hư không, tánh nó màu nhiệm rõ biết; cho nên gọi là Tâm. Thế của nhất tâm, qua lại mà vắng lặng, không thể lấy chỗ có không, xét tốt xấu tích nhiễm màu của nó, không thể lấy lời nói so lường theo thức trí, bản thể màu nhiệm của nó được.*

Duy có người chứng nhập chỉ ở trong tâm tự biết mà thôi. Song nếu ta có thể xét lại trong tâm một niệm đừng sanh vọng, thời ba cõi như hoa đóm giữa hư không. Như gió cuốn khói, bóng huyễn sáu trần như tuyết gặp nước sôi, rỗng suốt không bờ mé, duy một chơn tâm đầy chãng. Song tâm này xưa nay tròn sáng, thể vẫn thanh tịnh, không khởi, không sanh. Thế của nó không động, không vì sanh tử ô nhiễm, không vì Niết bàn làm tịnh.

Hỏi : *Tâm đã duy nhất như thế thời cái vọng từ đâu mà sanh ra ?*

Đáp : *Bởi do lúc tối sơ quên tánh pháp giới (chưa nhận được chơn tâm). Bất giác vọng khởi ra, mới có vọng niệm. Như con mắt có bệnh thời thấy hoa đóm giữa hư không, như người ngủ mê mới có chiêm bao sanh ra, thời đó gọi là vọng tâm.*

Song cái vọng tâm này vốn không có tự thể, chỉ là nương theo cảnh tiền trần mà có, mà không. Thì cảnh đến vọng tâm sanh ra, cảnh đi tức nhiên vọng tâm liền diệt, thì đủ biết rằng, tâm này cảnh này đều không tự tánh. Chỉ do nhơn duyên mà sanh, như bóng trong gương, như trăng dưới nước; thế mà đũa ngu nhận tâm này là chơn thật.

Đức Nhị Tổ bị tâm này không yên, cho nên đến đức Sơ Tổ cầu pháp yên tâm. Sau khi nghe đức Sơ Tổ nói một lời liền tỏ ngộ tâm này vốn không sanh; cho nên trả lời với Sơ Tổ rằng : Tìm tâm không thể đặng.

Thì ta đủ biết rằng chơn tâm rỗng suốt sáng màu khắp cùng tất cả xứ, trùm mười phương các cõi. Vọng tâm đã nhơn theo cảnh tiền trần mà khởi, thì lẽ cố nhiên, nếu vọng tâm không sanh thời cảnh tiền trần kia liền bật dứt; cho nên nói cả hai đều dứt.

Tiền vân tịch chiếu, du tồn cảnh trí lưỡng lập.

Kim trí cảnh giao triệt nhi lưỡng vong; cố viết song dẫn. Cảnh trí ký dẫn, duy nhất bốn giác chơn tâm, tịch diệt vô tướng, thể đồng chư Phật.

Cố Vĩnh Gia vân : Cảnh trí minh nhất, vạn lụy đô dẫn, diệu chỉ tồn diên.

Vấn viết : Trí dẫn, hà dĩ ứng cơ tiếp vật; cảnh vong, tắc hề năng cảm bỉ lai ứng ?

Đáp viết : Bát Nhã Vô Trí. Luận vân : Trí di muội chiếu đủ minh. Thần di tịnh ứng đủ động, cảnh di tịch ứng đủ cảm.

BIỆT HÀNH SAO vân : Do lý trí minh hiệp, cố đặc nhứt thể chư pháp vô phi pháp thân. Thập phương chúng sanh hữu phát Bồ đề tâm, tâm thức tịnh giả vô bất ứng hiện nhi vị thuyết pháp.

Cố thử chơn như thế tánh, du nhược ma ni tùy sắc sở hiện. Hà vô cảm ứng chi vị tai.

QUI SƠN CẢNH SÁCH

CÚ - THÍCH - KÝ

QUYỂN HẠ - (CHUNG)

*

Bài trước nói vắng lặng chiếu soi, cũng còn có hai : cảnh và trí.

Bài này trí và cảnh thông suốt nhau mà cả hai đều vong. Cho nên nói : Cảnh, Trí đều bật. Song cảnh và trí đã mất, chỉ còn một chơn tâm bản giác vắng lặng không hình không tướng, thể đồng với các vị Phật.

Cho nên ngài Vĩnh Gia nói : Cảnh và trí hiệp nhất, muôn việc khổ lụy đều dứt, còn lại một cái ý chỉ nhiệm mầu.

Hỏi : Cái trí đã dứt thời lấy chi ứng hiện cơ duyên mà tiếp dẫn người đời ; cảnh nếu dứt đi rồi, thời làm sao cảm kia cầu mà đến ứng ?

Đáp rằng : Trí Bát Nhã là Vô Trí. Trong Luận nói : Trí càng muội chừng nào cái chiếu càng sáng chừng ấy, Thân càng lặng chừng nào ứng đến càng mau chừng ấy, Cảnh càng vắng chừng nào thời sự cảm ứng càng thông chừng ấy.

Bộ BIỆT HÀNH SAO nói : Do lý trí hiệp nhau, cho nên dựng tất cả các pháp, không pháp nào không phải là pháp thân. Chúng sanh trong mười phương, hễ có phát tâm Bồ đề mà là người tâm thức được thanh tịnh, không chỗ nào không ứng hiện, mà thuyết pháp cho nghe.

Cho nên thể tánh của tâm chơn như này, cũng như ngọc Ma Ni châu tùy người muốn sắc nào nó cũng hiện theo sắc ấy được cả. Thể tánh của chơn tâm này cũng thế, không bao giờ chúng sanh có cảm mà không có ứng đã rõ vậy.

BỘ QUI SƠN CẢNH SÁCH

CÚ - THÍCH - KÝ

HẾT QUYỂN HẠ

BÀI PHÁT NGUYỆN

Đệ tử... kính lạy đức Phật Thích Ca.

Là ngôi giáo chủ cõi Ta bà.

Đức Phật A Di Đà, là thầy dẫn đường về cõi Cực Lạc.

Mười phương chư Phật

Vô thượng Phật Pháp, cùng Thánh Hiền Tăng.

Đệ tử lâu đời lâu kiếp, nghiệp chướng nặng nề.

Tham giận kiêu căng, si mê lâm lạc.

Ngày nay nhờ Phật, biết sự lỗi lầm, thành tâm sám
hối.

Thề tránh điều dữ, nguyện làm việc lành.

Ngưỡng mong ơn Phật, từ bi gia hộ.

Thân không tật bệnh, tâm không phiền não.

Hằng ngày yên vui tu tập, phép Phật nhiệm màu.

Để mau ra khỏi luân hồi, minh tâm kiến tánh.

Trí huệ sáng suốt, đến khi lâm chung.

Nhờ Phật Di Đà, Quan Âm, Thế Chí.

Cùng mười phương chư Phật, vô lượng Bồ Tát.

Đồng thời phóng đại hào quang.

Tiếp dẫn đệ tử về Thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Phật A Di Đà, để đệ tử hằng ngày hầu Phật nghe Pháp.

Chứng quả vô sanh, làm thân tự tại.

Rồi trở lại cõi này và trong vô lượng thế giới khác.

Đặng cứu độ các bậc Sư trưởng, Cha mẹ, anh em.

Thân bằng quyến thuộc, cùng tất cả chúng sanh,

Đồng thành Phật đạo.

(đánh chuông, lễ 3 lạy).





NAM MÔ HỘ PHÁP TẠNG BỒ TÁT